

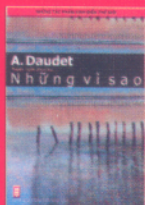
LỖ TẤN

NHỮNG TÁC PHẨM
KINH ĐIỀN THẾ GIỚI

HQ - chính truyện



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Lỗ Tấn

AQ. CHÍNH TRUYỆN



NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

Lỗ Tấn



AQ. CHÍNH TRUYỆN

Người dịch: TRƯƠNG CHÍNH

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Nhật ký người điên^(*)

Hai anh em nhà nọ, nay tạm giấu tên, đều là bạn thân của tôi ngày trước ở trường trung học. Xa cách lâu ngày dần dần vắng tin nhau. Gần đây, tình cờ được tin một trong hai người ốm nặng; nhân về quê chơi, có ghé thăm, nhưng lại chỉ gặp người anh. Ông ta cho biết người ốm chính là người em.

- Cám ơn anh không ngại đường xa đến thăm, nhưng chú nó nay đã lành rồi, hiện đang đến tỉnh X, chờ được bỏ đi làm việc.

Rồi cười phá lên, lấy ra hai tập nhật ký, bảo có thể xem đây biết được bệnh trạng lúc bấy giờ như thế nào; chỗ bạn cũ với nhau, chẳng có gì ngại. Cầm về, đọc qua một lượt, biết anh ta mắc bệnh "bách hại cuồng"⁽¹⁾. Tập

(*)Truyện này đăng ở *Tân thanh niên*, số tháng 5 năm 1918. Trong lịch sử văn học Trung Quốc đó là tác phẩm đầu tiên đả kích chế độ phong kiến một cách sâu sắc.

(1) Một thứ bệnh điên, người bệnh lúc nào cũng thấy người ta bức hại mình.

nhật ký đó viết rất lộn xộn, không có thứ tự, lại lảm
câu hết sức hoang đường. Cũng chẳng ghi ngày
tháng, duy màu mực và nét chữ có khác nhau, biết
không phải viết một mạch. Cũng có những đoạn khá
mạch lạc, xin trích ra đây hiến các nhà y học làm tài
liệu nghiên cứu. Những chữ viết sai cũng cứ để vậy,
không thay đổi. Chỉ có tên người, tuy là người ở chốn
thôn quê, không ai biết, không quan hệ đến đại thể,
nhưng cũng đổi hết. Còn như tên tập nhật ký thì
chính người viết, sau khi khỏi bệnh, đề như vậy, cứ
để nguyên.

Ngày 2 tháng 4

Năm Dân quốc thứ 7.

I

Đêm nay, trăng đẹp quá:

Hơn ba mươi năm nay, không thấy; hôm nay
thấy tinh thần sáng khoái lạ thường. Mới biết hơn ba
mươi năm nay, mình toàn sống trong tăm tối. Nhưng
phải hết sức cẩn thận. Nếu không, tại sao con chó nhà
họ Triệu lại lờm mình như thế?

Mình sợ là phải lắm.

II

Hôm nay không trăng. Biết là không ổn rồi. Lúc
sáng bước chân ra cửa, đã hết sức cẩn thận, thế mà

Ông Triệu lại nhìn mình bằng một con mắt quái gở; hình như sợ mình mà cũng hình như muốn hại mình. Còn có bảy tám người nữa chụm đầu thì thầm với nhau về mình, lại sợ mình thấy. Những người gặp trên đường cũng đều như thế cả. Có một người dữ tợn nhất, há hốc miệng, nhìn mình, cười một cái, làm mình lạnh toát từ đầu đến chân. Cho biết họ đã sắp đặt đầu vào đó cả rồi!

Nhưng mình không sợ, cứ đường mình mình đi. Phía trước, một bầy trẻ cũng đang bàn tán gì về mình, ánh mắt cũng y hệt ánh mắt ông Triệu, mặt cũng tái mét. Nghĩ bụng không hiểu chúng nó có thù gì mình mà cũng lại như thế? Mình không nhịn được, nói to: "Cái gì nào? Nói đi", thì chúng nó bỏ chạy.

Mình nghĩ không rõ mình với ông Triệu, cả với những người gặp trên đường, có thù oán gì. Chỉ hai mươi năm trước đây, mình có giẫm lên cuốn sổ ghi nợ mấy mươi đời của cụ Cố Cữu⁽¹⁾. Cụ ta rất không bằng lòng. Ông Triệu tuy không quen biết gì cụ Cố Cữu, nhưng nhất định có nghe phong thanh, rồi bất bình thay, rủ cả những người gặp trên đường kia oán mình, chống lại mình. Nhưng mấy đứa trẻ kia? Hồi đó, chúng nó chưa đẻ, tại sao bây giờ cũng trợn mắt kỳ dị như thế, hình như sợ mình mà hình như cũng

(1) Cố Cữu: Lâu đời. Cụ Cố Cữu là một tên tượng trưng chỉ những nhân vật bảo thủ. Cuốn sổ ghi nợ nói ở đây ám chỉ lịch sử thống trị trắng kỳ của giai cấp phong kiến. Giẫm lên cuốn sổ ghi nợ ấy tức là có hành vi chống lại chế độ phong kiến.

muốn hại mình? Thật là làm cho mình kinh hãi, làm cho mình vừa ngạc nhiên vừa đau xót.

Hiếu ra rồi! Đó là bố mẹ chúng nó bày vẽ cho!

III

Suốt đêm không sao ngủ được. Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ lẽ.

Bọn họ, trước có kẻ bị ông huyện cùm kẹp, có kẻ bị thân hào vả miệng, có kẻ bị nha lại cướp vợ con, có kẻ cha mẹ bị chủ nợ bức quá phải tự sát, nhưng bấy giờ, họ đâu có đáng sợ và hung ác như hôm qua!

Lạ nhất là người đàn bà hôm qua ngoài phố, vừa đánh con vừa nói: "Đồ ranh con! Tao có ăn được thịt mày một miếng mới hả giận!" Con mắt bà ta lại như nhìn mình chòng chọc. Mình thất kinh hồn vía, không làm sao che giấu được nỗi sợ hãi. Thế rồi cả đám người đứng đấy, mặt tái mét, răng nhọn hoắt, phá lên cười. Lão Năm Trần chạy lại lôi bữa mình về.

Lôi bữa mình về nhà, người trong nhà đều giả vờ không biết mình. Ánh mắt cũng y như những người kia. Mình vừa bước chân vào phòng sách thì họ liền khoá trái cửa, nhốt lại, y như nhốt gà nhốt vịt. Việc này càng khiến cho mình không hiểu họ định làm cái gì.

Mấy hôm trước, người tá điền bên thôn Lang Sói sang báo mất mùa, kể chuyện với ông anh mình rằng bên ấy, có một tên đại ác vừa bị người ta đánh chết.

Có kẻ đến moi tìm moi gan đem về rán mỡ ăn cho được can đảm. Minh nói xen vào mấy câu thì ông anh và người tá điền trở mặt nhìn. Hôm nay, mới biết là ánh mắt họ cũng giống hệt ánh mắt những người gặp ngoài đường kia!

Nghĩ lại mà lạnh từ đầu đến chân.

Họ đã ăn được thịt người thì vị tất lại không ăn được thịt mình!

Rõ ràng câu nói "Ăn thịt mày một miếng..." của người đàn bà nọ, tiếng cười của những người mặt tái mét, răng nhọn hoắt kia, và mẩu chuyện của người tá điền hôm trước đều là những ám hiệu cả. Minh thấy rõ trong lời nói của họ có thuốc độc, trong giọng cười của họ có dao găm. Răng thì nhả ra trắng hếu. Toàn là bọn ăn thịt người!

Theo mình nghĩ, tuy mình không phải là một người ác, nhưng từ ngày mình giẫm lên cuốn sổ ghi nợ của cụ Cố Cữu, thì không còn có thể nói chắc được nữa. Hình như họ giở mặt một cái là có thể đổ riết cho người ta là người ác. Còn nhớ hồi ông anh bày cho mình luận. Mặc dù nhân vật đem ra bàn tốt đến đâu, hễ tìm được cách chê vài câu là ông ta khuyên cho mấy khuyên. Và đối với những nhân vật xấu, hễ lựa lời bào chữa, là ông ta phê ngay bên cạnh "Phiên thiên diệu thúm dữ chúng bất đồng" (Có tài biện luận! Độc đáo!). Như vậy thì mình làm sao đoán biết được tâm địa họ thế nào! Huống hồ khi họ đã muốn ăn thịt mình!

Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ lẽ. Cổ lai, việc ăn thịt người thường lắm, mình cũng còn nhớ, nhưng không được thật rõ. Liền giở lịch sử ra tra cứu thử. Lịch sử không đề niên đại, có điều trang nào cũng có mấy chữ "nhân, nghĩa, đạo đức" viết lung tung tí met. Trần trọc không sao ngủ được, đành cầm đọc thật kỹ, mãi đến khuya mới thấy từ đầu chí cuối, ở giữa các hàng, ba chữ: "Ăn thịt người".

Những chữ đó trên trang sách và những lời nói của người tá điền cũng lại cười khi khi và trợn mắt nhìn mình một cách quái gở.

IV

Sáng nay, ngôi yên tĩnh được một lúc. Lão Năm Trần bung cơm vào. Một đĩa rau, một đĩa cá hấp. Mắt cá trắng dã và cứng đờ, miệng há hốc ra, trông y như bọn ăn thịt người kia. Ăn mấy miếng, thấy nhờn nhờn, không biết thịt cá hay thịt người đây. Thế là mửa nhào ra hết!

Mình nói: "Ông Năm à. Nói giùm với anh tôi rằng ở đây buồn lắm, tôi muốn ra vườn dạo quanh một lúc".

Lão Năm không trả lời, đi thẳng, đứng lại một lát, rồi đến mở cửa.

Mình cứ ngồi im để xem họ xử trí với mình ra làm sao. Biết chắc họ nhất định không chịu buông tha mình đâu. Quả nhiên, ông anh dẫn một lão già nào

vào, bước rất thư thả. Lão ta có cặp mắt rất dữ, sợ mình trông thấy, nên cứ cúi gầm mặt xuống đất, chỉ nhìn trộm mình qua đôi kính trắng. Ông anh nói:

- Hôm nay hình như chú có đỡ hơn thì phải?

Mình nói:

- Vâng.

Ông anh nói:

- Hôm nay mời cụ Hà đến xem mạch cho chú.

Mình nói:

- Được.

Kỳ thực, há mình lại không biết lão già này chỉ là một tay giết người trá hình hay sao? Rõ ràng lấy cớ đến bắt mạch để dò xét béo hay gầy. Với cái công đó lão ta sẽ được chia một phần mà ăn. Mình cũng chẳng sợ. Tuy không hề ăn thịt người, nhưng mình còn can đảm hơn họ nhiều. Cứ đưa tay ra, xem lão ta giở trò gì. Lão ta ngồi xuống nhắm mắt, sờ sờ mó mó một lúc, lại ngồi thừ ra một lúc, rồi giương tròn đôi mắt quỷ sứ, nói:

- Không nên nghĩ vớ vẩn. Tình dưỡng mấy ngày là khỏi.

"Không nên nghĩ vớ vẩn. Tình dưỡng...". Tình dưỡng cho béo, tự nhiên họ sẽ được nhiều thịt mà ăn! Mình thì được cái gì? Làm thế nào "khỏi" được? Bọn họ muốn ăn thịt người, nhưng lại cứ lăm la lăm lét, muốn che giấu đi, không dám đường hoàng ra tay, làm mình chết cười đi được. Không nhin nổi, mình

cười phá lên, thích thú quá. Riêng mình, mình biết tiếng cười của mình là một tiếng cười dửng dưng, nghĩa khí. Lão già và ông anh mặt cú tái đi, bị cái dửng dưng, cái nghĩa khí của mình áp đảo.

Nhưng mình dửng dưng thì họ lại càng muốn ăn thịt mình, hòng chia sẻ chút dửng dưng đó. Lão già ra khỏi cửa, bước được mấy bước, đã ghé tai nói thầm với ông anh:

- Cho ăn ngay⁽¹⁾.

Ông anh gật đầu. Té ra có cả anh nữa hay sao? Điều vừa phát hiện, tuy giống như bất ngờ, nhưng thật ra thì cũng đã biết rồi. Ông anh mình cũng cùng một bọn với những người ăn thịt mình!

Ông anh mình là một kẻ ăn thịt người!

Mình là em một kẻ ăn thịt người!

Chính mình bị ăn thịt nhưng lại vẫn là em một kẻ ăn thịt người!

V

Mấy hôm nay nghĩ lại: giá thử lão già kia không phải là tay giết người trá hình mà quả là thầy thuốc thật thì lão ta cũng vẫn là một kẻ ăn thịt người. Tổ sư các ông là Lý Thời Trân đã viết rõ ràng trong cuốn

⁽¹⁾ Nguyên văn *cần khẩn ngật bải*: ý ông thầy thuốc muốn nói: Cho uống ngay. Chữ *ngật* có nghĩa là ăn cũng có nghĩa là uống (như *ngật trà*, *ngật dược*: uống chè, uống thuốc). Đây là một cách chơi chữ rất tài, không dịch được.

Bản thảo gì gì ấy⁽¹⁾ rằng: thịt người có thể rán ăn được. Lão ta còn có thể nói lão ta không ăn thịt người nữa ư?

Còn như ông anh mình, cũng chẳng phải là ai đổ oan cho đâu! Hồi ông ta giảng sách cho mình, chính miệng ông ta nói có thể "đổi con mà ăn" ("Dịch tử nhi thực")⁽²⁾. Lại một lần, ngẫu nhiên bàn luận đến một người không tốt nào đó, ông ta liền nói không những phải giết đi, lại còn phải "xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm" ("Thực nhục tẩm bì")⁽³⁾. Hồi ấy mình còn nhỏ, nghe nói, tim cứ đập mãi. Hôm trước người tá điền thôn Lang Sói sang nói chuyện ăn gan người, ông ta chẳng lấy làm lạ chút nào cả, cứ gật đầu lia lịa. Đủ rõ tâm địa ông ta vẫn ác như trước. Đã có thể "đổi con mà ăn" thì cái gì mà chẳng đổi được, người nào mà chẳng ăn được. Trước kia mình chỉ nghe ông ta giảng, cũng hồ đồ cho qua đi. Bây giờ mới biết rằng ngay khi ông ta giảng, không những mép ông ta còn

⁽¹⁾ Chỉ cuốn *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân (1518-1593) đời Minh. Đó là bộ sách kinh điển nghiên cứu được tính của Trung Quốc. Gồm 52 quyển.

⁽²⁾, ⁽³⁾ "*Dịch tử nhi thực*", "*Thực nhục tẩm bì*" là chữ trong *Tả truyện*. *Dịch tử nhi thực* nguyên là chỉ cảnh tượng thê thảm khi thành bị vây. "Người nước Sở vây nước Tống, người nước Tống đổi con mà ăn, chặt xương mà nhen lửa". "*Thực nhục tẩm bì*" là lấy trong câu Tấn Chân Xước nói với Tề Trang công: "Nhưng hai người đó cũng như loài cầm thú, tôi sẽ xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm!". Hai người đó chỉ Thực Xước và Quách Tối, người nước Tề bị Châu Xước bắt được.

nhảy mỡ người mà bụng ông ta thì đang tơ tưởng đến chuyện ăn thịt người!

VI

Tối om om. Không biết ngày hay đêm nữa. Con chó nhà họ Triệu lại sủa lên rồi!

Hung ác như sư tử, khiếp nhược như thỏ, giả dối như hồ ly...

VII

Mình biết mưu của họ rồi. Ra mặt giết thì không muốn và cũng không dám, sợ tai vạ, nên họ thông đồng với nhau, bủa lưới bức mình phải tự sát. Cứ nhìn điệu bộ của bọn đàn ông đàn bà ngoài phố hôm nọ và hành vi ông anh mấy hôm nay, có thể rõ được tám chín phần. Tốt nhất là mình cởi thắt lưng ra, cột lên xà nhà, rồi treo cổ cho chết đi. Họ không mang tội giết người mà vẫn được như ý muốn. Tất nhiên họ sẽ sung sướng mà reo cười lên. Bằng không thì mình phải khiếp sợ, buồn rầu mà chết. Dù có gầy đi ít nhiều, họ cũng vui lòng.

Họ chỉ ăn được thịt chết. Nhớ trong sách nào có nói đến một con vật tên là *hyène*⁽¹⁾, mất rất dễ sợ và hình thù rất xấu xí, thường ăn thịt chết, xương to mấy cũng nhai nát ra rồi nuốt tất. Nghĩ mà rùng

⁽¹⁾ Con *hyène* (i-e-noe) thường đi theo sư tử, hổ, và ăn những miếng thịt thừa những con vật kia để lại.

mình! Con *hyène* là bà con với lang sói, lang sói là họ hàng với chó. Hôm trước con chó nhà họ Triệu cứ lờm mình, đủ biết nó cũng đồng mưu với những người kia và đã ăn ý với nhau từ trước. Lão già nọ dù có cúi gầm mặt xuống đất, há có thể lừa nổi mình!

Đáng thương hại nhất là ông anh mình. Ông ta cũng là người, sao ông ta không sợ mà lại mưu với bọn kia ăn thịt mình nhỉ? Hay là vốn đã quen đi như thế từ lâu rồi, không cho là chuyện trái nữa chẳng? Hay là táng tận lương tâm rồi, biết mà cứ làm chẳng?

Mình nguyên rửa những kẻ ăn thịt người, và phải bắt đầu nguyên rửa ông ta trước. Muốn khuyên can những kẻ ăn thịt người, cũng phải bắt đầu khuyên can ông ta trước.

VIII

Thật ra, điều đó nhẽ ra họ phải biết từ lâu rồi!...

Bỗng có một người nào đi vào, trạc trên dưới hai mươi tuổi, nhìn không rõ tướng mạo, mặt tươi cười hơn hở, gật đầu chào mình. Cái cười của anh ta không ra vẻ chân tình. Mình liền hỏi:

- Ăn thịt người, có nên không?

Anh ta vẫn cười mà nói:

- Không phải là năm đói kém thì sao lại ăn thịt người?

Mình hiểu ngay anh ta cũng một phường, thích ăn thịt người. Mình càng can đảm lên, cứ hỏi:

- Có nên không?

- Chuyện đó hỏi làm gì? Ông đến là hay... Nói đùa... Hôm nay trời đẹp lắm.

- Phải, trời đẹp lắm, trăng sáng lắm, nhưng tôi hỏi anh "có nên không?".

Anh ta ngỏ ý không thích mình hỏi như thế, trả lời vu vơ:

- Không...

- Không nên à? Thế sao họ cứ ăn?

- Đâu có chuyện ấy!

- Đâu có chuyện ấy à? Bên thôn Lang Sói, người ta vừa mới ăn đấy! Lại trong sách chép như thế, bằng chữ mực đỏ còn tươi rói.

Mặt anh ta tái xanh. Anh ta tròn mắt, nói:

- Có lẽ có. Xưa nay vẫn thế...

- Xưa nay vẫn thế thì nên à?

- Tôi không muốn nói với ông về chuyện đó nữa. Và ông cũng không nên nói nữa. Ông càng nói càng sai.

Mình nhảy chồm lên, giương to mắt. Anh ta liên biến mất. Mồ hôi ướt đầm cả người. Anh ta còn ít tuổi hơn ông anh mình nhiều, nhưng cũng một phường. Nhất định là bố mẹ anh ta bày vẽ cho anh ta. Sợ anh ta đã bày vẽ cho con anh ta rồi cũng nên! Chả trách ngay cả bọn trẻ con cũng nhìn mình một cách dữ tợn.

IX

Muốn ăn thịt người khác, nhưng lại sợ người khác ăn thịt nên họ giữ miếng nhau, nhìn nhau ngờ vực...

Bỏ được tâm địa ấy đi mà yên trí làm việc, đi đứng ăn ngủ, khoan khoái biết chừng nào! Chỉ cần qua được bước khó khăn đó, vượt qua được cửa ải đó. Nhưng bọn họ, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn, thầy trò, thù địch, và cả những người không hề quen biết nhau nữa đều cùng một bè với nhau, khuyến khích nhau, lôi kéo nhau, dù chết cũng không chịu bước qua bước đó.

X

Sáng sớm, đi tìm ông anh. Ông ta đang đứng ngoài cửa nhìn trời. Mình đi đến sau lưng, đứng ở khung cửa rồi nói rất bình tĩnh, rất hoà nhã.

- Anh à! Có điều này muốn nói với anh.

Ông ta vội vã quay lại, gật đầu:

- Nói gì cứ nói đi.

- Chỉ có điều này thôi, nhưng khó nói quá. Anh này, có lẽ xưa kia, khi con người còn man rợ, họ đã từng ăn thịt người. Nhưng rồi về sau, tâm tư thay đổi, có kẻ không ăn nữa, muốn trở nên tốt, nên họ đã trở thành người, trở thành những người chân chính. Có kẻ vẫn ăn... Cũng như sâu bọ, có thứ biến thành

chim, cá, khỉ, và cuối cùng biến thành người. Có kẻ không muốn trở nên tốt, đến nay vẫn là sâu bọ. Kẻ ăn thịt người so với kẻ không ăn thịt người, xấu hổ biết mấy! Sợ còn xấu hổ hơn sâu bọ so với khỉ nhiều lắm.

Dịch Nha⁽¹⁾ nấu thịt con cho Kiệt, Trụ ăn. Đó là chuyện ngày trước. Ai biết được từ khi Bàn Cổ khai thiên lập địa, người vẫn ăn thịt người, cho đến con Dịch Nha, và từ con Dịch Nha cho đến ông Từ Tích Lâm⁽²⁾ rồi từ ông Từ Tích Lâm cho đến cái anh gì bên thôn Lang Sói. Năm ngoái, trên tỉnh có mấy tên phạm nhân bị chém, còn có người mắc bệnh lao lấy bánh bao chấm máu liếm⁽³⁾.

Họ định ăn thịt em, một mình anh cố nhiên không làm gì được, nhưng hà tất anh phải vào hòa với họ! Kẻ ăn thịt người thì cái gì mà không làm được. Họ đã ăn được thịt em thì cũng có thể ăn thịt anh. Cùng một bọn, họ cũng có thể ăn được thịt nhau. Chỉ cần bước

⁽¹⁾ Dịch Nha người nước Tề, đời Xuân Thu, có tài nấu nướng. Truyền rằng Tề Hoàn công than thở chưa hề được biết mùi vị thịt trẻ con ra sao. Dịch Nha bèn nấu thịt con mình dâng lên Tề Hoàn công.

⁽²⁾ Từ Tích Lâm ám chỉ Từ Tích Lâm, một nhà cách mạng cuối đời Thanh. Năm 1907, ông đâm chết tên Tuân vũ tỉnh An Huy tên là Ân Minh, bị bắt rồi bị hại. Bọn tay chân Ân Minh moi gan nấu ăn. Đây là một chữ viết sai (*Lâm* viết ra *Lâm*) như nói trong lời mở đầu, mà tác giả không sửa chữa, cứ để nguyên.

⁽³⁾ Xem truyện *Thuốc*.

một bước thôi, chỉ cần bỏ ngay cái thói ấy đi thì ai nấy đều được yên ổn, thái bình. Đành rằng xưa nay vẫn thế, nhưng bây giờ chúng ta có thể tốt với nhau hơn. Không được ư? Anh ơi! Em tin rằng anh sẽ nói có thể được. Nhưng hôm nọ, khi người tá điền đến xin giảm tô, anh lại nói là không thể được.

Lúc đầu, ông ta chỉ cười nhạt, nhưng rồi cặp mắt trở nên hung dữ. Đến khi mình nói toạc những ý nghĩ bí mật của họ thì mặt ông ta xanh đi. Một đám đông xúm trước cổng, trong đó có ông Triệu và con chó nhà ông ta. Họ chen chúc nhau thò đầu vào xem. Có kẻ mình không nhìn rõ mặt, hình như họ lấy vải trùm đầu lại, có kẻ mặt vẫn xanh lè, răng vẫn nhọn hoắt, miệng mỉm cười. Mình biết là họ cùng một phường, cùng là những kẻ ăn thịt người cả. Nhưng cũng biết tâm tư họ không giống nhau. Có kẻ thì cho cứ nên ăn, vì xưa nay vẫn thế, có kẻ thì cho không nên ăn, nhưng vẫn cứ muốn ăn, lại sợ người khác nói toạc ra, nên khi nghe mình nói, họ giận lắm, tuy họ vẫn mỉm miệng cười nhạt.

Lúc đó, ông anh mình bỗng trở nên hung dữ quát to:

- Đi đi. Người điên chứ có gì mà xem!

Lúc đó, mình lại hiểu ngay mách khéo của họ. Không những họ không chịu thay đổi, mà họ đã sắp đặt sẵn để vu cho mình là điên! Sau này, ăn thịt mình không những họ sẽ được thái bình vô sự, mà có lẽ có

người còn cảm ơn họ là đằng khác. Người tá điền nói người bị đưa ra ăn thịt là một người ác. Cũng là mảnh khoé ấy. Cũng là giọng lưỡi ấy!

Lão Năm Trần bước vào, mặt cũng hầm hầm. Làm sao bị được miệng mình! Mình cứ nhất định nói cho họ rõ:

- Các người có thể thay đổi được. Hãy thực tâm mà thay đổi đi. Nên biết rằng sau này không ai dung thứ cho kẻ ăn thịt người sống trên thế gian này nữa đâu! Các người không thay đổi thì các người cũng sẽ bị ăn thịt cả. Dù cho con đàn cháu lữ, cũng sẽ bị những người chân chính tiêu diệt, chẳng khác gì người đi săn tiêu diệt lang sói.

- Cũng giống như sâu bọ mà thôi!

Đám người trước cổng bị lão Năm Trần xua đuổi đi hết. Không rõ ông anh mình cũng đi đâu mất. Lão Năm Trần khuyên mình nên vào trong nhà. Trong nhà tối om om. Trên đầu, kèo, xà nhà rung chuyển lên. Rung chuyển một hồi rồi to dần, chát đống trên người mình.

Nặng quá thể, không nhúc nhích được, ý hẩn là sẽ đè mình chết mất thôi! Biết là không phải nặng thật, mình cố giãy giụa, mồ hôi đổ ra như tắm, nhưng vẫn cứ nói:

- Các người thay đổi ngay đi, thành tâm mà thay đổi đi. Các người nên biết rằng tương lai, người ta không dung thứ những kẻ ăn thịt người đâu!...

XI

Không thấy mặt trời nữa. Cửa cũng đóng kín. Ngày ngày hai bữa cơm.

Cầm đưa lại nghĩ đến ông anh. Hiểu ra rồi, tại sao mà đứa em gái mình lại chết. Cũng là vì ông ta cả. Hồi đó, nó mới lên năm, dễ thương quá. Tưởng như là còn trông thấy nó trước mắt. Mẹ khóc mãi. Ông ta khuyên đừng khóc nữa. Chắc là ông ta đã ăn thịt rồi, bây giờ nghe khóc, ông ta cầm lòng không đậu. Nếu như còn cầm lòng không đậu, thì...

Đứa em gái mình bị ông anh ăn thịt, mẹ có biết thế hay không, mình làm sao hiểu được!

Nghĩ có lẽ mẹ cũng biết. Chẳng qua khi khóc, mẹ không nói ra đó thôi. Chắc cũng cho là phải. Còn nhớ hồi lên bốn lên năm, mình đang ngồi hóng mát trước nhà, nghe ông anh nói rằng: Cha mẹ ốm đau, con phải cắt một miếng thịt, nấu chín, dâng cho cha mẹ, mới là có hiếu. Mẹ cũng không cãi lại. Ăn được một miếng thì tất nhiên có thể ăn cả con người. Nhưng bây giờ nhớ lại thì hôm ấy, nghe mẹ khóc, thương tâm quá đi mất! Thật là một chuyện lạ lùng.

XII

Không thể nghĩ được nữa.

Bây giờ mới biết mình đã sống bao nhiêu năm ở một nơi mà người ta ăn thịt lẫn nhau từ bốn nghìn

năm nay. Dứa em gái mình chết đúng vào lúc ông anh lên cai quản trong nhà. Vì tất ông ta đã không đem thịt nó trà trộn với các thức ăn rồi giấu giếm đi, đưa cho mọi người ăn!

Vì tất vô ý mình đã chẳng ăn một vài miếng thịt của dứa em! Và bây giờ đây đến lượt mình...

Mình là một kẻ có truyền thống ăn thịt người trên bốn nghìn năm; lúc đầu không biết nhưng bây giờ biết rồi thì khó lòng mà nhìn mặt những người chân chính.

XIII

Chắc cũng còn những đứa trẻ chưa từng ăn thịt người chứ?

Hãy cứu lấy các em⁽¹⁾!

Tháng 1 năm 1918

⁽¹⁾ Khi đã giác ngộ về giai cấp, không tin vào tiến hoá luận nữa, Lỗ Tấn có viết:

"... Bây giờ nếu lại đăng một bài nghị luận rất mực ôn hoà như "hãy cứu lấy các em" thì, ngay tôi, nghe cũng thấy rỗng tuếch (*Trả lời ông Hữu Hằng*. Tập văn, tập II, tr. 68).

Không Ất Kỷ^(*)

Các quán rượu ở Lỗ Trấn có một cách bố trí khác hẳn nơi khác. Quán nào cũng có một cái quây to, hình thước thợ, ngoảnh ra đường cái; phía trong quây có sẵn nước nóng lúc nào cũng có thể hâm rượu được. Trưa hay chiều, các bác thợ đi làm về, người nào cũng đến bỏ ra năm đồng

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên* tháng 4 năm 1919. Cuối truyện có mấy lời chua của tác giả như sau:

"Truyện ngắn vụng về này, tôi viết xong một ngày mùa đông năm ngoái. Ý định lúc đó là miêu tả một cảnh sống trong xã hội để độc giả xem chơi, chứ chẳng có thâm ý gì. Nhưng từ khi dùng hoạt tự để in thì có người bỗng dùng tiểu thuyết để công kích người này người khác. Nhà văn đó đi vào một con đường đen tối nên có thể làm cho tư tưởng người đọc cũng theo tư tưởng mình mà trở thành hư hỏng. Y đã lấy tiểu thuyết làm một thứ dụng cụ để hắt nước bẩn, người bị bẩn chưa biết là ai. Thật là một điều đáng thương, đáng giận hết sức. Cho nên tôi phải thanh minh ở đây để khỏi phải bị hiểu nhầm, làm hại đến nhân cách người đọc. 16-3-1919".

chính mua một bát rượu, - đó là chuyện hơn hai mươi năm về trước, bây giờ mỗi bát cũng phải đến mười đồng, - rồi đứng tựa vào quầy, uống ngay, vừa uống vừa nghỉ cho đỡ mệt. Nếu chịu bỏ thêm một đồng nữa thì có thể mua được một đĩa măng muối mặn hoặc một đĩa đậu hũ hương làm thức nhắm. Còn bỏ ra đến mười đồng thì có thể mua được một đĩa thịt xào. Nhưng những khách hàng này phần nhiều là bạn áo cộc, không mấy ai chơi sang như vậy. Chỉ có những vị khách áo dài mới đi vào tận phòng trong, gọi rượu, gọi thịt, ngồi uống khê khà.

Từ hồi mười hai tuổi, tôi đã đến làm công cho quán rượu Hàm Hanh ở chỗ cửa ô đi vào trấn. Ông chủ quán bảo là tôi đáng người đàn độn quá, e không hầu nổi các vị khách áo dài, thôi ra đứng ngoài làm việc vặt vạy. Khách áo cộc ở ngoài, tuy dễ dãi hơn nhiều, nhưng cũng lắm ông hay sách hoạch, kỳ kèo đáo để. Thường thường họ đòi được nhìn tận mắt xem trong ấm có nước lã hay không, lại đòi được nhìn tận mắt xem khi tôi đặt ấm vào nước nóng. Có thể mới an tâm. Kiểm soát chặt chẽ như vậy thì làm thế nào mà pha nước vào đây! Cho nên được mấy ngày ông chủ quán lại bảo là tôi không thể đứng bán hàng được. May mà người đưa tôi đến đây là chỗ thân tình với ông ta lắm, nên ông ta không thải ra mà để cho tôi chuyên coi việc hâm rượu, một việc hết sức tẻ nhạt.

Từ đó tôi đứng cả ngày trong quầy, chăm chú làm công việc của mình. Tuy không đến nỗi không làm

tròn phận sự, nhưng tôi thấy buồn và chán ghê. Ông chủ quán thì mặt dữ lắm, khách hàng cũng chẳng ai dễ thương, tôi khó lòng vui lên được. Chỉ khi nào có bác Khổng Ất Kỷ đến thì mới có thể cười được ít tiếng. Cho nên mãi đến nay vẫn còn nhớ bác ta.

Bác Khổng Ất Kỷ là người độc nhất mặc áo dài mà lại đứng trước quầy uống rượu. Bác ta người to cao, mắt xanh lè giữa những nếp răn thường có vài vết sẹo, lại có một bộ râu hoa râm lồm xồm, rối như mớ bông bong. Áo tuy là áo dài, nhưng vừa bản lại vừa rách, hình như hơn mười năm nay chưa hề vá mà cũng chưa hề giặt. Bác ta nói chuyện với ai, mở miệng là *chi hồ giả dã*⁽¹⁾ làm cho người ta chẳng hiểu gì hết. Vì bác ta họ Khổng, nên người ta mới lấy ba chữ Khổng Ất Kỷ trong cái câu cũng khó hiểu: "Thượng đại nhân, Khổng Ất Kỷ"⁽²⁾ in son trên các thiếp đồ mà đặt biệt hiệu cho. Hễ bác ta bước chân đến quán là bao nhiêu khách đều nhìn bác ta mà cười dậy lên hết. Có người hỏi:

⁽¹⁾ *Chi hồ giả dã* là các hư tự trong văn ngôn. Ý là: nói theo chữ nghĩa trong sách tỏ ra có học hơn người. (N.D).

⁽²⁾ Trên các thiếp đồ ngày trước thường có viết câu bằng chữ son như sau: "*Thượng đại nhân, Khổng Ất Kỷ, Hoá tam thiên, thất thập sĩ. Nhĩ tiểu sinh, bát cửu tử. Giai tác nhân, khả tri lễ dã*". Câu này đã có từ lâu, từ đời Minh và có thể từ đời Đường, Tống. Thường đọc ba chữ một. Ý nghĩa không được rõ lắm, nhưng đại khái là kể sự nghiệp của Khổng Tử. Những chữ này lại giản đơn nên dùng để tập đồ. Ở ta ngày trước đi học chữ nho, cũng lấy câu này tập đồ (N.D).

- Ông Khổng Ất Kỷ này? Sao trên mặt lại có một vết thương mới nữa rồi?

Bác ta không trả lời, nói vào trong quây:

- Hâm cho hai bát rượu, và lấy ra đây một đĩa đậu hột hương nhé!

Rồi xĩa ra chín đồng chinh.

Mấy người kia lại cố ý nói to:

- Nhất định lại xoáy cái gì của nhà ai rồi!

Bác ta trừng mắt lên cự:

- Sao khi không các người lại bịa chuyện làm mất danh giá người ta đi thế?

- Danh giá cái gì? Chẳng phải hôm trước chính mất tố trông thấy ông ăn cắp sách nhà ông Hà rồi bị treo ngược lên đánh là gì.

Bác ta đỏ mặt, trán nổi gân xanh, cãi lại:

- Lấy sách không phải là ăn cắp! Có biết chữ mới lấy sách chứ? Thế mà bảo là ăn cắp được à?

Tiếp theo là những câu khó hiểu nào là "Quân tử cố cùng"⁽¹⁾, nào là gì gì "giả hồ", làm cho mọi người cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn nhạo. Nghe người ta bàn tán riêng với nhau thì bác Khổng Ất Kỷ vốn cũng có đi học, nhưng thi mãi không đỗ, lại không biết làm gì ra ăn, do đó càng

⁽¹⁾ *Quân tử cố cùng*, chữ trong sách *Luận ngữ*, nghĩa là người quân tử dù trong lúc cùng khốn cũng giữ trọn tiết, không thay đổi.

ngày càng túng quẫn đến nỗi gần phải đi ăn xin. May được cái viết chữ tốt, nên đi chép sách thuê kiếm cơm. Khổ một nỗi, tính nết không ra gì, thích rượu mà lại nhác làm. Ngồi chép được vài hôm, thế là cả người lẫn sách vỡ, giấy bút, nghiên mực đều biến mất tang. mấy lần như vậy, chẳng ai thuê chép nữa. Không còn cách nào khác, bác ta đôi khi phải giở ngón xoáy. Nhưng ở quán rượu chúng tôi thì bác ta đứng đắn hơn ai hết, lúc nào cũng sòng phẳng. Có khi không có tiền mặt thì tạm ghi vào bảng. Nhưng chưa hết tháng, thế nào cũng trả đủ rồi, và tên bác ta lại được xoá đi.

Bác Khổng Ất Kỷ uống hết nửa bát rượu thì sắc mặt lại đã trắng dã ra y như trước không đỏ nữa. Có người đứng cạnh lại hỏi:

- Ông Khổng Ất Kỷ này! Ông biết chữ thật đấy chứ?

Bác ta nguýt một cái, tỏ ý không thêm cãi lại. Thì họ đã nói tiếp:

- Làm thế nào mà đến một chút tú tài cũng không gỡ được hả?

Tức thì trông bác ta tiểu tụy, bối rối hần, mặt tái mét, miệng lảm bảm cái gì. Lần này thì toàn là những *chi hồ giá dã*, không hiểu chút gì cả. Lúc ấy, mọi người lại cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn hần.

Nhân những dịp đó, tôi cũng có thể cười góp vào, ông chủ quán không mắng. Và lại, mỗi lần thấy

bác Khổng Ất Kỷ, ông ta cũng thường hỏi đùa như thế làm cho ai nấy phải bật cười. Bác Khổng Ất Kỷ biết là mình không thể cùng nói chuyện với những người kia được, bèn quay lại nói chuyện với bọn trẻ con. Có lần bác ta hỏi tôi:

- Đã đi học chưa?

Tôi sẽ gật đầu.

- Đi học rồi à. Để ta khảo xem nào! Chữ *hồi* trong *đậu hồi hương* viết thế nào nào?

Tôi nghĩ bụng: người đáng như ăn mày thế kia mà lại dám khảo mình ư? Tôi quay mặt đi, không buồn trả lời. Chờ một hồi lâu, bác ta nói, giọng khản thiết:

- Không biết à? Để ta bày cho. Nhớ lấy nhé. Những chữ ấy thì phải nhớ mới được. Tương lai làm ông chủ quán, biên sổ sách thì phải dùng đến đấy!

Tôi nghĩ bụng: giữa ông chủ quán với tôi còn cách bậc nhiều lắm, mà ông chủ quán của tôi có bao giờ ghi chữ *đậu hồi hương* vào sổ đâu! Vừa buồn cười, vừa khó chịu, tôi uể oải:

- Ai mượn bác bày. Chẳng phải là *thảo đầu* trên chữ *hồi* là về là gì?

Bác ta ra vẻ rất thích thú, gõ hai móng tay dài xuống mặt quầy, gật đầu nói:

- Giỏi đấy! Giỏi đấy! Chữ *hồi* có bốn cách viết, biết không?

Tôi càng khó chịu, bĩu môi bỏ đi.

Khổng Ất Kỷ

Bác ta vừa nhúng móng tay vào rượu định viết lên mặt quầy, nhưng thấy tôi thờ ơ lại thở dài, tỏ vẻ tiếc cho tôi lắm.

Có mấy lần, bọn trẻ con hàng xóm nghe tiếng cười cũng chạy đến xem, vây lấy bác ta; bác ta lấy đậu cho mỗi đứa một hột. Ăn hết đậu, chúng nó vẫn đứng đấy không đi, mắt nhìn dán vào cái đĩa. Bác ta hoảng lên, xòe cả năm ngón tay úp lấy đĩa, cúi khom xuống, nói:

- Chẳng còn bao nhiêu nữa!

Rồi đứng thẳng dậy, nhìn đĩa đậu, lắc đầu:

- Không nhiều nữa. Nhiều ư? Có nhiều đâu!⁽¹⁾

Thế là bọn trẻ con cười ồ lên, chạy tứ tán.

Bác Khổng Ất Kỷ mua vui cho người ta vậy đó, nhưng không có bác thì cũng thế thôi!

Một hôm, hình như vào khoảng hai ba ngày trước tết Trung thu, ông chủ quán ngồi tính tiền.

Ông ta hạ tấm bảng xuống, bỗng đứng nói:

- Đã lâu không thấy lão Khổng Ất Kỷ đâu nhỉ? Còn nợ mười chín đồng chĩnh kia đấy!

Tôi mới sức nhớ ra là đã lâu lắm bác ta không đến quán thật. Một người khách nói:

- Làm thế nào mà đến được! Bị đánh què chân rồi!

⁽¹⁾ Câu này nguyên văn là: *Đa hồ tai, bất đa dã* chữ trong sách *Luận ngữ*.

Ông chủ quán nói:

- Thế à?

- Vẫn giữ cái thói ăn cắp. Lần này điên hay sao mà lại nhè nhà cụ Cử Đình mà ăn cắp. Cửa nhà ấy mà hòng ăn cắp à?

- Rồi thế nào?

- Rồi thế nào à! Rồi viết tờ thú, xong là lôi ra đánh suốt đêm, què chân mới thôi!

- Rồi thế nào nữa?

- Rồi què chân.

- Què chân rồi thế nào nữa?

- Thế nào, ai biết được. Có lẽ chết rồi cũng nên.

Ông chủ quán không nói nữa, cứ ngồi thong thả tính tiền.

Tết Trung thu qua. Gió thu càng ngày càng lạnh, xem chừng gần sang đông. Tôi suốt ngày đứng cạnh lò cũng phải mặc áo bông. Một buổi chiều, quán rượu vắng khách. Tôi đang ngồi, mắt lim dim, bỗng nghe có tiếng ai gọi:

- Hâm cho một bát rượu nhé!

Tiếng nói nhỏ nhưng nghe quen lắm. Nhìn chẳng thấy một ai cả. Đứng dậy nhòm ra thì là bác Khổng Ất Kỷ đang ngồi trệt dưới quây, ngay chỗ bậc cửa. Mặt bác ta đen sạm, võ vàng, trông không ra hồn người. Bác ta mặc một chiếc áo kép rách, ngồi xếp bằng hai chân, dưới lót một tấm bao lác có hai dây thừng bằng rơm treo ở vai. Bác ta nhìn thấy tôi lại nói:

Khổng Ất Kỷ

- Hâm cho một bát rượu!

Ông chủ quán cũng thò đầu ra nhìn và lên tiếng:

- Khổng Ất Kỷ đây à? Còn nợ mười chín đồng chinh đấy nhé!

Bác ta ngừng mặt lên có vẻ tiêu tụy:

- Món ấy... Lần sau sẽ hay. Bây giờ, có tiền mặt. Rượu ngon đấy nhé!

Ông chủ quán vẫn như mọi lần, nhìn bác ta cười:

- Lại xoáy của ai cái gì rồi?

Nhưng lần này, bác ta không chối hẩn, chỉ nói một câu:

- Thôi đừng đùa.

- Đùa à! Không xoáy thì sao bị đánh què chân thế kia!

Bác ta nói khe khẽ:

- Ngã què... Ngã... Ngã...

Mắt bác ta nhìn ông chủ quán trông có vẻ van xin đừng nói nữa. Lúc đó, có mấy người cũng đến. Họ cùng ông chủ quán cười dậy lên. Tôi hâm rượu, bưng ra đặt trên bệ cửa. Bác ta nấn trong túi áo rách lấy ra bốn đồng chinh bỏ vào tay tôi. Tôi thấy tay bác ta lấm những bùn. Thì ra bác ta đi bằng tay! Một lát sau, uống hết rượu, bác ta thông thả chống tay lết đi giữa tiếng nói tiếng cười của những người xung quanh.

Từ đó về sau, lâu lắm, tôi không hề thấy bác Khổng Ất Kỷ đâu nữa. Cuối năm, ông chủ quán hạ tấm bảng xuống, nói:

- Lão Khổng Ất Kỷ còn nợ mười chín đồng chinh
kia đấy!

Đến tết Đoan Ngọ năm sau, lại nói:

- Lão Khổng Ất Kỷ còn nợ mười chín đồng chinh
kia đấy!

Đến tết Trung thu thì không nghe nói nữa. Và cuối
năm, cũng chẳng thấy bác ta đến.

Cho đến bây giờ tôi chẳng hề gặp lại, có lẽ bác
Khổng Ất Kỷ chết thật rồi chẳng?

Tháng 3 năm 1919

Thuốc^(*)

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thẫm. Ngoài những giống đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa Thuyên bỗng ngồi dậy, đánh

(*) Thuốc đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên*, số tháng 5 năm 1919. Hạ Du, nhân vật trong truyện, ám chỉ nữ sĩ Thu Cận, một nhà cách mạng cuối đời Thanh, bị hại sau Từ Tích Lân, ngay ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang quê tác giả. Chỗ Thu Cận bị hành hình là con đường Hiên Đình Khẩu, nội thành Thiệu Hưng. Cạnh đường có một nhà bia, trên có treo cái biển đề bốn chữ "Cổ hiên đình khẩu". Bốn chữ này, đoạn sau có nhắc tới Thu Cận và Từ Tích Lân đều là người Thiệu Hưng, cùng quê với Lỗ Tấn, cùng lưu học ở Nhật Bản với Lỗ Tấn. Trong bài *Anh Phạm Ái Nông (Nhật cánh hoa tàn* - Tập văn, tập hai - Nhà xuất bản Văn học) có một đoạn nói: "Sau khi du học về nước, anh (Phạm Ái Nông) làm hậu bổ đạo An Huy, phụ trách tuần canh, một địa vị rất thích hợp để mưu sát tên tuần vũ nọ". "Tiếp theo đó, mọi người đều đoán là anh sẽ bị cực hình, họ hàng sẽ bị liên lụy. Không bao lâu, lại có tin chị Thu Cận bị giết ở Thiệu Hưng, ông Từ Tích Lân thì bị moi gan, bọn lính tay chân của Ân Minh xào lên ăn sạch. Ai cũng hết sức giận".

diêm, thắp cái đèn nháy nhựa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

- Bố thằng Thuyên đi đấy à?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

- Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nói tiếp:

- Đưa đây tôi.

Bà Hoa sờ soạng một lúc lâu dưới gối, lấy ra một gói bạc đồng, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, bỏ vào túi áo, tay run run, vuốt hai ba lần phía ngoài túi, rồi thắp cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạch, tiếp theo là một cơn ho. Dội cơn ho dứt, lão mới khẽ nói:

- Thuyên à! Con cứ nằm đấy! Công việc dọn hàng để mẹ con lo cho.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Bên ngoài, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xám xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào hai chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sáng khoái, như bỗng dựng mình trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những

bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường đằng xa, trước mặt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lành lạnh.

- Hừ! Một ông già!

- Thích nhé!...

Lão lại giật mình, trở mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thấy ánh mắt cú vọ ngời lên, như người đói lâu ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gối bạc vẫn cồm cộm ở đấy. Ngược đầu nhìn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kỳ dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kỹ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa.

Một lát, lại thấy mấy người lính đi đi lại lại. Đằng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau; khi họ đi qua trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thắm trên chiếc áo dậu⁽¹⁾ Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt, bao nhiêu người đi qua. Những người tùm năm tùm ba lúc nãy bỗng cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhào tới như nước

⁽¹⁾ Áo lính ngày xưa.

thủy triều. Gần đến ngã ba đường thì bỗng đứng
dừng lại, quay thành một nửa vòng tròn.

Lão Thuyền cũng nhìn về phía đó, những chủ thấy
lưng người mà thôi. Người nào người nấy dướn cổ ra
như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm xách lên. Im
lặng một lát. Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả
đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đến chỗ lão
đứng, chen lão suýt nữa ngã.

- Này! Tiền trao cháo múc, đưa đây!

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt
lão, mắt sắc như hai lưỡi dao chọc thẳng vào lão làm
lão co rúm lại. Hắn xòè về phía lão một bàn tay to
tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuộm máu,
đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt⁽¹⁾.

Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run
đưa cho hắn, nhưng lại không dám cầm chiếc bánh.
Hắn sốt ruột, nói to:

- Sợ cái gì? Sao không cầm lấy

Lão còn trù trừ. Người mặc đồ đen giắt lấy chiếc
đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bọc chiếc
bánh lại nhét vào tay lão, tay kia thì giắt lấy gói bạc,
nấn nấn, rồi quay đi, miệng cầu nhàu.

- Cái lão này!

⁽¹⁾ Ở Trung Quốc, trước kia, có tục mê tín, cho rằng máu
người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường
có người đến mua những chiếc bánh bao mà tên đao phủ đã
tắm máu, đưa về cho người bệnh ăn.

- Chữa cho ai đấy?

Lão Thuyên nghe hình như có người nào hỏi, nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nhà mười đời độc đinh nâng niu con, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sẽ sung sướng biết bao!

Mặt trời đã mọc, chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái bảng mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thép vàng đã nhạt màu: *Cổ... Đình Khẩu*⁽¹⁾.

II

Lão Thuyên về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn tròn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn ở dãy phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kếp dính vào xương sống, hai xương vai gồ lên thành chữ "bát" in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, gương to mắt nói, đôi môi run run:

- Có được không?

- Được rồi!

⁽¹⁾ Tức *Cổ hiên đình khẩu* ở cái nhà bia đường Hiên Đình Khẩu, chỗ Thu Cận bị hành hình. Tác giả cố ý để chống chữ Hiên không viết.

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm một cánh lá sen già, cầm chiếc bánh đấm máu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyền đã ăn xong. Bà Hoa vội nói:

- Thuyền, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này!

Lão Thuyền vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách nát loang lổ máu, dúm vào bếp. Ngọn lửa đỏ sẫm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

- Thơm ghê nhỉ? Hai bác ăn quà sáng gì đấy?

Cậu Năm Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía ngoài gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

- Rang cơm đấy à?

Vẫn không ai trả lời. Lão Thuyền vội vàng chạy ra, pha trà cho cậu.

- Thuyền ơi! Vào đây con!

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đẩu. Thuyền ngồi xuống. Bà ta bưng một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ:

- Ăn đi con! Sẽ khỏi ngay thôi!...

Thuyền cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang

cầm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ lần vỏ cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh bao bằng bột mì trắng. Không bao lâu, chiếc bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào thì cũng đã quên rồi. Trước mặt chỉ còn trở lại chiếc đĩa không, lão Thuyên đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trở mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

- Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay!

Thuyên nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống.

Đợi nghe tiếng thở đều đều, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III

Quán trà đã đông khách. Lão Thuyên cũng bận, tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại, pha trà. Hai mắt lão thâm quầng.

Một người râu hoa râm nói:

- Ông Thuyên à? Một phái không? Hay là ốm đấy?

- Có làm sao đâu!

Người râu hoa râm chữa lời:

- Không sao à? Ừ, nghe tiếng cười thì không ra người ốm!

- Chỉ vì ông ta lặn độn quá! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phè từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy. Dải thắt lưng cũng màu huyền cuốn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang:

- Đã ăn chưa? Đỡ rồi chứ? Ông Thuyên này! May phúc cho nhà ông đấy nhé! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Thuyên một tay xách ấm trà, một tay buông xuống, vẻ cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén và một nhúm trà thêm vào một quả trám. Lão Thuyên liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang:

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hơi hổi, và ăn cũng còn nóng hơi hổi.

Bà Hoa cảm ơn hắn hết lời:

- Thật đấy! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hòng...

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hơi thế kia mà! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi.

Bà Hoa nghe nói đến "lao", sắc mặt hơi đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi;

ngượng nghịu. Nhưng bác Cả Khang không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang, đến nổi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ họa theo.

- Ủ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật. Nhất định khỏi thôi mà! Chẳng trách ông cứ cười cả ngày!

Người râu hoa râu vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói:

- Bác Cả này. Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ? Tội gì thế hở bác?

- Con nhà ai nữa! Con nhà bác Tứ chứ con nhà ai? Thằng quý sứ!

Bác Cả Khang thấy mọi người vánh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thớ thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to:

- Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra cũng lão Nghia, cái lão đề lao, mắt đỏ như cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Thuyên nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xoá, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm.

Thằng Thuyên từ trong nhà đi ra, bước chậm chạp, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ hỏi:

- Thuyên! Con có đỡ tí nào không, con? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à?

- Cam đoan khỏi mà!

Bác Cả Khang liếc nhìn thẳng Thuyên một cái, rồi quay lại, tiếp tục câu chuyện với mọi người.

- Cụ Ba đến là khôn! Giá cụ ta không đem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc! Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm trong tù rồi mà còn dám rủ lão để lao làm giặc!

Một anh chàng trạc hơn hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau, nghe nói tức máu:

- Ái chà chà! Ghê nhỉ!

- Anh có biết không, lão Nghĩa mất cá chép đến lần la dò hẩn thì hẩn bắt chuyện ngay. Hẩn nói: Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta⁽¹⁾. Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được à? Lão Nghĩa mất cá chép cũng biết nhà hẩn chỉ có mẹ già, nhưng không ngờ hẩn lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã tức anh ách rồi, thế mà hẩn lại còn vượt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thú quá:

⁽¹⁾ Những nhà cách tân Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu: "Thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta", nghĩa là nước Trung Quốc là của người Trung Quốc.

- Lão Năm Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hắn ta xài đấy nhỉ.

- Cái thằng khốn nạn! Đánh, có sợ đâu! Lại còn nói: Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại!

Người râu hoa râu nói:

- Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt:

- Ông chưa nghe ra, xem bộ mặt hắn lúc đó, thì hắn muốn nói: đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia!

Mất ai nấy bỗng ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyền đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đầm, trên đầu hơi bốc phùng phùng.

Người râu hoa râu vỗ nhẽ, nói:

- Lão Nghĩa mà đáng thương hại à? Điên! Hắn điên thật rồi!

Anh chàng hai mươi tuổi cũng vỗ nhẽ:

- Điên thật rồi!

Khách trong quán lại nhao nhao lên, nói nói cười cười. Thằng Thuyền cũng thừa dịp ho cố mạng. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói:

- Thuyền à! Cam đoan thế nào mà cũng khỏi. Mà đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Nam gật gù nói:

- Điên thật rồi!

IV

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.

Tiết Thanh minh năm ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời vừa rạng đã thấy bà Hoa bày ra trước nấm mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại đứng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngấp ngừng không dám bước tới nữa, sắc mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nấm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nấm mộ này với nấm mộ thẳng Thuyền nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm: "Chắc cũng là con chết!". Bà kia nhìn vợ vẩn xung quanh một lát, bồng tay chân run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt trợn trừng, ngơ ngác.

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chẳng, cầm lòng không đậu, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói:

- Bà ơi! Thôi mà, thương xót làm chi nữa! Ta về đi thôi!

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi áp úng nói khe khẽ:

- Kia... Bà trông kia kia, cái gì thế này?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nấm mồ trước mặt, cỏ xanh khắp, còn loang lổ từng mẩu đất vàng khè rất khó coi; lại nhìn kỹ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa, hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nấm mộ khum khum.

Cả hai bà, mắt loà từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề⁽¹⁾. Bà Hoa vội

⁽¹⁾ Chính là vòng hoa mà trong bài *Tựa viết lấy*, Lỗ Tấn nói đã thêm vào mộ anh Du. Vòng hoa này chứng tỏ tinh thần lạc quan của tác giả tin tưởng ở cách mạng; mặc dù lúc bấy giờ những người cách mạng bị khủng bố ráo riết, và chính tác giả đang có một tâm trạng hết sức bi đát.

nhìn về phía mộ con mình và những nấm mộ khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa bé tí, trắng trắng, xanh xanh, tuy trời giá lạnh nhưng cũng chưa tàn. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thoả, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia, bước lại gần mộ con, nhìn kỹ một lượt, rồi nói một mình: "Hoa không có gốc, ~~không~~ phải dưới đất mọc lên! Ai đã đến đây? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định không ai đến rồi!... Thế này là thế nào?". Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to.

- Du ơi! Oan con lắm Du ơi! Chắc con không quên được, và con đau lòng lắm, phải không con? Con hiển hiện lên cho mẹ biết, con ơi!

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc:

- Mẹ biết rồi! Du ơi! Trời còn có mắt, chúng nó giết con thì trời sẽ báo hại chúng nó thôi! Du ơi! Con nhắm mắt thế cũng yên phận con. Hồn con còn ở đâu đây thì hãy nghe lời mẹ nói. Con ứng vào con quạ kia, đến đậu vào nấm mộ con cho mẹ xem, con ơi!

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rĩ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần, nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám cỏ khô, ngược mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nước nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà kia:

- Ta về đi thôi!

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chân chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lảo lảo một mình:

- Thế là thế nào nhỉ?

Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cọ... ọ" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xoè đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919

Ngày mai^(*)

- **K**hông nghe động tĩnh gì cả. Chẳng biết thằng bé thế nào rồi?

Cũng mũi đỏ tay cầm chén rượu hoàng tửu, vừa nói vừa trề môi về phía gian nhà bên cạnh. Năm da chàm liền đặt chén rượu của y xuống, ráng sức đâm một cái thật mạnh vào sống lưng. Cũng mũi đỏ, nói ấp a ấp úng:

- Đằng ấy... Lại tương tư đấy à...?

Lỗ Trần vốn là nơi hẹp hòi, còn giữ ít thói tục cổ: chưa hết canh một, người ta đã đóng cửa đi ngủ rồi. Chỉ có hai nhà thức khuya nhất, một là quán rượu Hàm Hanh, mấy tay bạn bè rượu thịt với nhau còn vây lấy cái quầy, đánh chén thú vị lắm; nhà nữa là nhà chị Tư Thiên ở gian bên cạnh. Chị goá chồng năm kia, ở vậy, phải nhờ vào hai bàn tay kéo sợi mà nuôi thân và nuôi đứa con trai lên ba, nên cũng ngủ muộn.

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên ở tờ *Nguyệt san tân trào* tháng 10 năm 1919. Nhưng dưới bài lại để ngày 6 năm 1920 vì báo ra chậm.

Mấy hôm nay, quả không nghe thấy tiếng chị quay sợi thật. Đã nói chỉ có hai nhà thức khuya, nên bên chị Tư động tình gì tự nhiên bọn Củng mũi đỏ biết, mà không động tình gì, bọn Củng mũi đỏ cũng biết.

Củng bị ốm, nhưng vẫn nốc một ngum rượu to tương, vẽ khoan khoái lắm, rồi hát một bài hát tuồng, giọng ô ô.

Lúc đó chị Tư đang ngồi ở mé giường ẩm thằng Báu trong tay, cái xa quay lạng lẽ nằm dưới đất. Ánh đèn mờ mờ chiếu vào mặt đứa bé. Mặt đứa bé đỏ gay, nhưng nước da vẫn thấy xanh xanh. Chị nghĩ thầm trong bụng: "Xăm cũng đã xin rồi, cầu nguyện cũng đã cầu nguyện rồi, thuốc cũng đã cho uống rồi, vẫn không có hiệu quả, thì làm thế nào? Chỉ còn cách đi đến nhà cụ Hồ Tiểu Tiên nhờ cụ bắt mạch cho xem sao". Nhưng bệnh thằng Báu có lẽ nặng về ban đêm. Cứ đến sáng, mặt trời mọc là cơn sốt cũng lui, hơi thở cũng bình thường: thực ra con bệnh nào thường chẳng thế!

Chị Tư là đàn bà quê mùa, không biết rằng chữ "nhưng" là đáng sợ lắm. Bao nhiêu việc xấu nhờ nó mà trở thành tốt; trái lại, bao nhiêu việc tốt cũng vì nó mà không ra gì. Mùa hè đêm ngắn, tiếng hát Củng mũi đỏ chưa dứt bao lâu, thì đằng đông đã rạng. Một lát, ánh sáng trắng như bạc đã rọi qua khe cửa sổ.

Chị Tư Thiên chờ cho trời sáng; người khác thấy chóng, nhưng chị thì thấy sao mà lâu thế! Thời gian

thằng Báu thở ra thở vào được một cái, chị thấy dài hơn một năm. Bây giờ thì trời đã sáng hẳn rồi. Ánh mặt trời át hẳn ánh đèn, trông thấy rõ hai cánh mũi đứa bé cứ phập phồng theo hơi thở.

Chị Tư biết là không hay, khẽ kêu một tiếng: "Chao ôi!" Chị nghĩ bụng: "Làm thế nào bây giờ? Chị còn cách là đến nhờ cụ Hà xem mạch cho nữa thôi?". Chị là người quê mùa, nhưng tính cũng cương quyết. Chị đứng dậy, lấy trong hòm gỗ ra mười ba đồng hào và một trăm tám mươi đồng chính, dành dùm bao nhiêu lâu nay, bỏ cả vào túi áo, khoá cửa lại, ẵm con đi đến nhà cụ Hà.

Còn sớm lắm mà nhà cụ Hà đã có bốn con bệnh đến ngồi chực đấy rồi. Chị Tư lấy ra bốn hào mua một chiếc thẻ. Thẻ thứ năm đến lượt thằng Báu. Cụ Hà đưa hai ngón tay ra bắt mạch, móng tay dài đến bốn tấc. Chị lấy làm lạ lắm, nghĩ bụng: "Thằng Báu chắc không mệnh hệ gì!" Nhưng chị vẫn không khỏi nóng ruột, không đứng được, phải hỏi cho rõ. Chị rụt rè nói:

- Thưa cụ, cháu mắc bệnh gì ạ?
- Nó nghệt ở trung tiêu⁽¹⁾.
- Có hề gì không ạ? Cháu nó...

⁽¹⁾ Theo y học Trung Quốc thời trước thì *trung tiêu* là những quãng giữa dạ dày, *thượng tiêu* là đầu cuống dạ dày, *hạ tiêu* là đầu cuống bong bóng. Cả ba gọi là *tam tiêu*, tức là con đường của cơm và nước.

- Hãy thử uống hai chén xem sao đã.
- Thưa, cháu nó thở khó khăn lắm. Hai cánh mũi cứ phập phồng.
- Đó là vì *hỏa* khắc *kim*⁽²⁾...

Cụ Hà chưa nói dứt câu, đã nhắm mắt lại. Chị Tư cũng không dám hỏi thêm nữa. Lúc đó, một người trạc ba mươi tuổi ngồi đối diện với cụ, đã viết xong đơn thuốc, chỉ tay vào mấy chữ ở góc tờ giấy, nói:

- Cái vị thứ nhất, *Bảo anh hoạt mệnh* hoàn này, phải lại đằng hiệu Tế Thế của nhà cụ Giả mới có đấy!

Chị Tư cầm đơn thuốc trong tay vừa đi vừa nghĩ. Chị là người quê mùa, nhưng cũng biết nhà cụ Hà, hiệu thuốc Tế Thế và nhà chị ở xéo nhau trên một hình tam giác. Từ nhà cụ Hà đi qua hiệu Tế Thế mua thuốc, rồi từ đó về nhà cũng tiện đường. Thế là chị đi thẳng đến hiệu Tế Thế. Người bán thuốc, móng tay cũng dài, thư thả xem đơn, thư thả gói thuốc. Chị Tư ăm con, đứng đợi. Thằng Báu giơ tay lên, nắm lấy đầu tóc rối bù của nó mà bứt lấy bứt để. Chưa bao giờ lại như thế này! Chị Tư sợ ngán người.

Mặt trời mọc từ lâu. Chị ăm con, cầm gói thuốc,

⁽²⁾ Thuyết âm dương có ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tương sinh tương khắc. Tương sinh là mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc. Tương khắc là: mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc. Theo Trung y ngày trước thì ngũ tạng: tâm, phế, can, tì, thận tương ứng với ngũ hành: hỏa, kim, mộc, thổ, thủy. Cho nên mới nói hỏa khắc kim.

càng đi càng thấy nặng. Đứa bé cứ cựa quậy mãi, đường lại càng thấy xa. Không biết làm sao, chị đành ngồi xuống bậc cửa một cái điểm cạnh đường, nghỉ một lát, thấy áo dính vào da lạnh lạnh mới biết là mồ hôi ra ướt đầm. Nhưng hình như thằng Báu đã ngủ thiếp đi rồi. Chị lại đứng dậy đi, bước chậm rãi, vẫn thấy không gắng gượng được nữa. Bỗng nghe tiếng người nào đó nói bên tai:

- Chị Tư, đưa cháu tôi ẵm cho một đoạn nào?

Tiếng ai như tiếng Năm da chàm.

Chị ngược nhìn lên. Đúng là Năm da chàm. Y bước theo chị, mắt còn ngái ngủ.

Lúc bấy giờ, chị Tư tuy đang rất mong mới có vị thiên tướng nào trên trời sai xuống giúp chị một tay, nhưng chị lại không muốn người đó là anh Năm. Nhưng anh Năm hào hiệp lắm, dù thế nào cũng cứ nhất định giúp chị kỳ được. Cho nên chị từ chối một hồi, rốt cuộc phải đưa con cho anh ẵm hộ.

Y luôn tay vào giữa người đứa bé và vú chị, rồi thẳng tay ra, ẵm lấy đứa bé. Chị cảm thấy vú chị nóng bừng, tức thì tai, mặt cũng nóng bừng.

Hai người cùng đi, cách nhau một khoảng chừng hai thước năm. Anh Năm nói gì gì, chị Tư câu đáp, câu không. Đi một chặng, y lại trả đứa bé cho chị, nói hôm qua có người bạn hẹn đi đánh chén, đã đến giờ rồi. Chị Tư ẵm lấy con. May, một quãng nữa thì tới

nhà. Từ đằng xa, chị đã thấy bà Chín Vương nhà trước cửa đang ngồi bên lề đường, nói vọng tới:

- Chị Tư! Cháu thế nào? Có gặp cụ không?

- Gặp thì gặp rồi. Nhưng bà này! Bà là người tuổi tác, từng trải. Hay là bà có kinh nghiệm, nhờ bà xem giúp cho cháu một tý.

- Ờ.

- Thế nào hả bà?

- Ờ...

Bà Chín nhìn kỹ đứa bé một lúc, gật gật đầu, rồi lắc lắc đầu.

Khi thằng Báu uống thuốc thì đã xế trưa. Chị Tư để ý nhìn thần sắc con, hình như cũng có tỉnh táo ra nhiều. Đến chiều, đứa bé, bỗng trợn mắt lên, gọi "mẹ" một tiếng, rồi lại nhắm mắt lại ngủ thiếp đi. Nó ngủ một lát, mồ hôi hột đổ ra lấm tấm trên trán và đầu mũi. Chị đưa tay sờ con, nhẹ nhẹ, thấy nhớt như keo. Chị vội sờ xuống ngực con, cảm lòng không đập, khóc nức lên.

Thằng Báu đang thở bình thường bỗng dừng tắt thở. Chị Tư lúc đầu còn nức nở, sau thì gào lên. Người ta xúm lại. Đứng trong nhà, có bà Chín Vương, Năm da chàm... Đứng ngoài nhà, có lão chủ quán Hàm Hanh, Củng mũi đỏ... Bà Chín bảo đốt một thếp vàng giấy, rồi thay chị Tư lấy hai bộ ghế ngựa và năm bộ quần áo đem đi cầm được hai đồng bạc, biện cơm nước cho những người đến giúp việc.

Vấn đề thứ nhất là quan tài. Chị Tư còn có một đôi hoa tai bạc và một chiếc trâm bạc mạ vàng, giao cả cho lão chủ quán Hàm Hanh, nhờ lão ta đứng ra bảo lãnh, mua một cỗ quan tài, trả được nửa tiền mặt, một nửa chịu, Năm da chàm cũng đứng ra nhận đi mua giúp. Nhưng bà Chín không cho mà chỉ cất y ngày mai khiêng quan tài. Năm da chàm rửa mặt một tiếng: "Khỉ già!" rồi trề môi đứng dậy, tức tối.

Lão chủ quán đi một mình. Chiều trở về nói là quan tài không có sẵn, phải đóng, nửa đêm gần sáng mới xong.

Khi lão chủ quán trở về thì những người giúp việc đã ăn cơm rồi. Lỗ Tấn còn giữ được ít thói tục cổ, nên chưa hết canh một, ai nấy đã về nhà ngủ. Chỉ còn Năm da chàm đang đứng tựa vào quầy quán Hàm Hanh uống rượu. Củng mũi đỏ cũng đứng đấy, hát giọng ô ô.

Lúc đó, chị Tư ngồi ở mép giường, khóc, còn thằng Báu thì nằm trên giường, cái xa quay vẫn lặng lẽ nằm dưới đất.

Một hồi lâu, khóc hết cả nước mắt, chị giương to mắt nhìn xung quanh lấy làm quái lạ; những việc đã xảy ra đều là những việc không thể xảy ra được. Chị nghĩ bụng: "Mình chiêm bao chăng? Những việc xảy ra kia đều là chiêm bao cả. Sáng mai, thức dậy, chắc mình vẫn sẽ nằm trên giường mà thằng Báu vẫn nằm ngủ yên lành cạnh mình. Nó cũng sẽ thức dậy, gọi "mẹ ơi!" rồi thoăn thoắt chạy đi chơi".

Tiếng hát của Củng mũi đỏ dứt từ lâu. Quán Hàm Hanh cũng đã tắt đèn. Chị Tư gương to mắt, vẫn không tin những việc xảy ra là thực. Gà gáy. Đàng đông, trời rạng dần. Ánh sáng ban mai trắng bạc lọt qua khe cửa sổ.

Ánh sáng ban mai lúc đầu màu trắng bạc, dần dần chuyển sang màu đỏ nhạt. Rồi mặt trời rọi thẳng vào nóc nhà. Chị Tư mắt trừng trừng, ngồi thừ ra. Nghe tiếng gõ cửa, chị mới giật mình chạy ra mở. Một người lạ mặt, vác một cái gì đứng đấy, phía sau là bà Chín Vương.

Ồ, họ vác quan tài đến rồi!

Đến chiều, mới đây được nắp quan tài, bởi vì chị Tư khóc một lúc, lại nhìn vào quan tài một lúc, nhất định không chịu cho đây. Chờ mãi sốt ruột, bà Chín tức bực, chạy đến kéo chị ra; lúc đó mới vội vã đây lại được.

Chị Tư lo liệu cho con quả thật là đã hết lòng, không còn thiếu sót tí gì. Hôm qua đốt một thếp vàng giấy, sáng nay lại đốt bốn mươi chín quyển *Đại bi chú*⁽¹⁾, khi nhập liệm đã mặc quần áo mới cho con; những đồ chơi ngày thường con ham thích - một ông phỗng đất, hai chiếc bát gỗ nhỏ, hai ve thủy tinh - chị đều để cạnh gối cho con. Sau đó, bà Chín Vương còn bấm đốt tay tính kỹ, chẳng thấy thiếu gì nữa.

⁽¹⁾ Kinh Phật đốt cho người chết theo tục lệ người Trung Quốc ngày trước (N.D).

Suốt cả ngày hôm đó, Năm da chàm không đến. Lão chủ quán Hàm Hanh thuê giùm chọ chị Tư hai người, mỗi người hai quan một, đưa quan tài ra nghĩa địa. Bà Chín lại giúp chị nấu cơm. Phàm những ai có mớ tay vào việc, hoặc có mở miệng bày vẽ cho chị cái này cái nọ đều ăn cơm tất. Dần dần mặt trời có vẻ sắp lặn. Những người ăn cơm bất giác cũng có vẻ muốn về. Thế rồi họ ra về cả.

Chị Tư thấy đầu choáng váng. Nghỉ một lúc, chị lại thấy bình thường. Nhưng sau đó, chị lại lấy làm quái lạ: việc vừa mới xảy ra, trong đời chị chưa hề gặp, hình như không thể xảy ra được, thế mà quả thật đã xảy ra. Chị càng nghĩ càng sững sốt. Rồi chị lại thấy một việc khác cũng lạ nữa, là gian nhà chị sao bỗng vắng vẻ thế này!

Chị đứng dậy tắt đèn. Gian nhà càng thấy vắng vẻ. Thẩn thờ, chị đi đóng cửa lại, trở vào ngồi ở mép giường. Cái xa quay vẫn lặng lẽ nằm dưới đất. Chị định thần nhìn xung quanh, cảm thấy không sao đứng ngồi cho yên được. Gian nhà không những vắng vẻ quá, mà lại to lớn, trống trải nữa. Chị cảm thấy cái gian nhà to lớn, trống trải đó vây lấy chị, đè lên người chị, làm chị không thở được.

Bây giờ chị mới chắc chắn là thằng Báu của chị đã chết thật rồi. Không muốn ngồi nhìn gian nhà này nữa, chị thổi tắt đèn đi, đi nằm. Chị vừa khóc, vừa nghĩ. Nhớ lại hồi nào, chị ngồi kéo sợi, thằng Báu

ngồi cạnh ăn đậu hủ hương; nó giương cặp mắt bé tí, đen láy nhìn chị một lúc lâu, rồi nói:

- Mẹ ơi! Bố bán bánh rán, con lớn lên cũng bán bánh rán. Bán được thật nhiều tiền, con đưa về cho mẹ cả.

Đối với chị, lúc đó, mỗi tắc sợi kéo ra hình như đều có ý nghĩa, đều có linh hồn. Nhưng bây giờ thì thế nào? Điều đó, chị quả thực không nghĩ ra được như thế nào cả. Tôi đã nói, chị là một người đàn bà quê mùa, chị có nghĩ được ra thế nào đâu! Chị chỉ thấy gian nhà vắng vẻ quá, to lớn quá, trống trải quá.

Nhưng mặc dầu chị Tư quê mùa, chứ chị cũng biết chết rồi thì không thể sống lại được, và chị không thể thấy lại thằng Báu của chị nữa. Chị thở dài lẩm bẩm một mình: "Báu ơi! Hồn con còn vất vưởng đâu đây thì con hiện lên trong chiêm bao cho mẹ được gặp mặt con, con ơi!" Thế rồi, chị nhắm mắt lại, muốn ngủ ngay để được trông thấy mặt thằng Báu của chị. Chị nghe rõ tiếng thở khò khè của mình trong gian nhà vắng vẻ, to lớn, trống trải.

Cuối cùng, chị Tư mơ mơ màng màng trong giấc mộng. Gian nhà vắng lặng. Lúc đó Củng mũi đỏ cũng đã hát xong bài hát của y từ lâu. Y loạng choạng bước ra khỏi quán rượu Hàm Hạnh, lại dướn cổ lên, hát nữa:

- *Của oan gia... ừ ừ... Thương thay! Vò võ một*

minh. Năm da chàm đưa tay nắm vai y. Hai người vừa cười vừa thất thểu bước đi.

Chị Tư đã ngủ từ lâu rồi. Củng và Năm đã đi về rồi. Quán rượu Hàm Hành cũng đã đóng cửa rồi. Cả Lỗ Tấn lúc đó đắm chìm trong vắng lặng. Trong cảnh vắng lặng đó, chỉ còn lại cái đêm trường đang chuyển mình để trở thành ánh sáng của ngày mai. Ngoài ra, có mấy con chó nằm trong bóng tối cũng sủa gâu gâu.

Tháng 6 năm 1920

Mẫu chuyện nhỏ^(*)

Tôi bỏ quê nhà lên Bắc Kinh thăm thoát đã sáu năm rồi. Trong thời gian đó, những việc gọi là "quốc gia đại sự", mắt thấy tai nghe, kể cũng không phải ít, nhưng chẳng để lại một tí dấu vết nào trong lòng tôi cả. Giá bảo tìm xem có ảnh hưởng gì đến tôi không thì phải nói, chỉ làm cho tôi càng thêm gàn dở, mà thành thực hơn thì phải nói, chỉ làm cho tôi càng thêm khinh người.

Nhưng có một việc tầm thường đối với tôi lại có ý nghĩa, khiến tôi phải bỏ tính gàn dở đi, và cho đến nay, vẫn không hề quên.

Ấy là vào mùa đông năm Dân quốc thứ 6⁽¹⁾. Gió bắc thổi mạnh lắm, nhưng vì sinh kế, vừa sáng sớm, tôi đã phải ra đường. Dọc đường, hầu như không gặp ai cả. Vất vả lắm mới thuê được một chiếc xe kéo, bảo kéo đến cửa S. Một lát, gió dịu dần. Mặt đường

(*) Truyện này có lẽ đăng lần đầu tiên trên tờ *Bắc Kinh tuần báo*, tháng 7 năm 1920. Nhưng chưa xác định được.

(1) Năm 1917 (N.D).

không còn một hạt bụi, sạch bóng, trắng xóa. Anh xe chạy càng nhanh. Gần đến cửa S bỗng một người nào vướng phải càng xe, rồi ngã dần dần xuống.

Đó là một người đàn bà, tóc hoa râm, áo quần rách rưới. Bà ta từ bên kia lề đường thành linh chạy qua chiếc xe, anh xe đã tránh rồi, nhưng cái áo bông bà ta không gài khuy, gió thổi lật lên, vướng vào càng xe. May mà anh xe đã bước chậm lại rồi, không thì đã ngã lộn nhào đến vỡ đầu mất!

Bà ta vẫn nằm phục dưới đất, anh xe cũng vừa dừng lại. Tôi đoán bà ta chẳng bị thương tích gì, và cũng không có trông thấy. Tôi trách anh xe đến đa sự, tự chuốc lấy việc lỗi thôi vào mình làm tôi phải đi trễ.

Tôi nói:

- Không việc gì đâu mà! Kéo đi thôi!

Anh xe chẳng để ý lời tôi nói, hoặc giả không nghe thấy chẳng, cứ đặt xe xuống, đi lại điu bà kia dậy, đỡ lấy cánh tay cho bà ta đứng vững, rồi hỏi:

- Có làm sao không?

- Ngã đau lắm.

Tôi nghĩ bụng: "Chính mắt tôi trông thấy bà ngã dần dần xuống kia mà, làm sao lại có thể đau được! Chỉ được cái làm bộ thôi. Thật đáng ghét. Còn anh, cũng đa sự, tự chuốc lấy phiền não vào thân, bây giờ mặc kệ anh, anh xoay xở lấy".

Anh xe nghe bà kia nói như thế, nhưng không

chân chừ tí nào, vẫn đỡ lấy cánh tay bà ta, dìu đi từng bước một về phía trước. Tôi hơi lấy làm ngạc nhiên, vội nhìn về phía trước. Thì ra, phía trước là một cái đồn cảnh sát. Sau trận gió lớn, không thấy ai đứng gác ở ngoài. Chính anh xe đang dìu bà đi tới cổng cái đồn ấy.

Lúc bấy giờ, tôi vụt có một cảm giác rất lạ: cái bóng anh xe, người đẩy cát bụi kia, nhìn từ phía sau, bỗng to dần ra. Anh càng bước tới, cái bóng càng to thêm, phải ngước lên mới nhìn thấy được, và dần dần cơ hồ biến thành một sức nặng đè lên người tôi đến nỗi làm cho cái "thằng tôi nhỏ nhen", che giấu dưới làn áo da, như muốn lòi ra ngoài.

Sức sống của tôi lúc đó chừng như ngừng trệ lại. Tôi cứ ngồi lì trên xe không nhúc nhích, cũng không suy nghĩ, cho đến khi thấy một người cảnh sát từ trong đồn đi ra, mới bước xuống.

Người cảnh sát đến gần nói:

- Ông thuê xe khác mà đi. Anh xe không kéo được cho ông nữa.

Không nghĩ ngợi, tôi lấy một nắm xu trong túi áo ngoài đưa cho người cảnh sát, nói:

- Bác đưa lại cho anh xe hộ tôi!

Gió lặng hẳn. Đường vẫn vắng. Tôi vừa đi vừa nghĩ, nhưng hình như lại sợ không dám nghĩ đến con người tôi. Thôi thì hẵng tạm không nói đến việc xảy ra vừa rồi, nhưng cái nắm xu kia là có ý nghĩa gì?

Thường cho anh ta phải không? Tôi mà còn xứng đáng để thưởng cho một người như anh xe kia ư? Tôi không thể tự trả lời được.

Mẫu chuyện này, đến bây giờ, tôi thường thường vẫn nhớ tới, và do đó, cảm thấy đau khổ vô cùng và cố gắng suy nghĩ về con người tôi. Mấy năm lại đây, bao nhiêu chuyện văn trị võ công⁽¹⁾ tôi đều quên hết, như đã quên những câu "Tử viết thi vân" hồi còn nhỏ. Duy có mẫu chuyện nhỏ này cứ hiện lên trước mắt, có lúc còn rất rõ ràng, khiến tôi hết sức xấu hổ, thúc giục tôi phải tự sửa mình, và cũng làm cho tôi càng thêm can đảm, càng thêm hy vọng.

Tháng 7 năm 1920

⁽¹⁾ Tức những chuyện quốc gia đại sự (N.D).

Chuyện cái đầu tóc^(*)

Sáng chủ nhật. Tôi bóc tờ lịch ngày hôm trước, nhìn đi nhìn lại tờ lịch mới, nói:

- À! Mồng Mười tháng Mười! Té ra hôm nay là ngày Song thập, thế mà ở đây chẳng ghi gì hết!

Ông N., một bậc đàn anh của tôi, vừa đến chỗ tôi trọ ngồi chuyện phiếm, nghe vậy liền hỏi, vẻ không lấy gì làm vui lắm:

- Như thế mà hay đấy! Họ không nhớ thì anh làm gì họ nào? Còn anh nhớ thì đã làm gì được ai?

Ông N. vốn người tính gàn gàn, thường hay tức khí một cách vô duyên, và hay nói những câu chẳng hợp với nhân tình thế cố gì cả. Lúc đó, tôi im lặng, mặc cho ông ta nói một mình, nói chán thì thôi.

Ông ta nói:

- Phục nhất là cái lối Bắc Kinh kỷ niệm ngày Song thập! Buổi sáng, lính cảnh sát vào nhà, bảo: "Treo

^(*) Truyện này đăng lần đầu tiên vào phụ trương *Học đăng* của tờ *Thời sự tân báo*, ngày 10 tháng 10 năm 1920.

cờ!" - "Ừ thì treo!". Thế là các nhà đều có một ông "công dân" uể oải bước ra, treo lên một miếng vải tây đỏ đỏ, xanh xanh, sặc sỡ. Treo cho đến tối thì hạ xuống, đóng cửa lại. Thẳng hoặc, có nhà quên khuấy đi, cứ treo cho đến nửa buổi hôm sau.

Họ quên ngày kỷ niệm, mà ngày kỷ niệm cũng quên họ!

Tôi cũng là một người quên kỷ niệm. Giả sử kỷ niệm thì những việc trước và sau cái ngày Song thập đầu tiên ấy lại hiện lên trong tâm trí, làm cho đứng ngồi không yên.

Trước mắt phảng phất như thấy lại bao nhiêu người quen cũ. Có anh bôn ba gian khổ mười năm trời, bỗng một viên đạn ám muội kết liễu đời họ. Có anh tránh được thì lại chịu khổ hình hàng tháng trong nhà tù. Có anh ôm ấp chí lớn, bỗng mất tâm tích, xác vất dẫu cũng chẳng ai biết nữa.

Khi sống, họ bị xã hội chê cười, nguyên rủa, bức bách, hăm hại. Bây giờ mồ mả họ lại dần dần bị san bằng đi trong quên lãng.

Tôi không lòng nào kỷ niệm được những việc như vậy.

Thôi chi bằng ta nhắc lại một vài chuyện đặc ý nói nghe chơi!

Ông N. bỗng vui lên, đưa tay sờ vào đầu, nói to:

- Tôi đặc ý nhất là sau ngày Song thập đầu tiên, đi ra đường chẳng bị ai chế nhạo, nguyên rủa nữa.

Này, chắc anh cũng biết cái đầu tóc đối với người Trung Quốc chúng ta là bảo bối và cũng là một của oan gia chứ? Xưa nay, bao nhiêu người khổ vì nó một cách không có nghĩa lý gì hết.

Các cụ ta ngày xưa hình như còn coi nhẹ cái đầu tóc. Cứ xem hình pháp thì biết. Thủ cấp tất nhiên là cái quan trọng nhất, cho nên tội nặng thì chém đầu. Thứ đến là bộ phận sinh dục, cho nên "thiến", "đóng nỏ" cũng là những hình phạt đáng sợ. Còn như "cạo trọc đầu" thì nhẹ lắm⁽¹⁾. Nhưng nghĩ lại, không biết bao nhiêu kẻ chỉ vì cắt cái đầu tóc đi mà bị xã hội giày đạp cả một đời.

Khi tuyên truyền cho cách mạng, chúng ta, thường hay nhắc đến "Mười ngày ở Dương Châu", "Ba lần chém ở Gia Định"⁽²⁾, chẳng qua chỉ là một thủ đoạn.

⁽¹⁾ Theo *Kinh thư*, hình pháp Trung Quốc cổ đại chia thành năm loại: 1. Khắc chữ tô mực vào mặt (mặt hình), 2. Xẻo mũi (tiệt tỉ), 3. Chặt chân (phỉ hình), 4. Thiến (dàn ông), đóng nỏ (dàn bà) (cung hình), 5. Tử hình (đại tịch). Cạo trọc đầu không nằm trong ngũ hình. Nhưng cũng có tội cạo trọc đầu. Đời Tuỳ Đường mới bỏ.

⁽²⁾ Sau khi quân nhà Thanh định đô ở Bắc Kinh, nhân dân Dương Châu và Gia Định vẫn tiếp tục chống lại. Quân Thanh bắt người Trung Quốc cạo tóc, để đuôi sam như chúng. Ai không theo chém đầu. Do đó, nhân dân càng phản uất, sự phản kháng càng mãnh liệt. Chúng phá thành Dương Châu, giết 80 vạn người và chém đi chém lại ba lần ở thành Gia Định. Vương Tú Sở có viết cuốn *Dương Châu thập nhật ký*; Chu Tử Tổ có viết cuốn *Gia Định đô thành ký lược*.

Thực ra, lúc đó người Trung Quốc đứng lên phản kháng đâu phải là vì chuyện mất nước, mà chỉ vì chuyện cái đuôi sam đấy thôi. Nhưng rồi những anh bướng thì đều giết sạch, bọn di lão⁽¹⁾ cũng đều chết già. Đến lượt Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh⁽²⁾ lại nổi lên. Bà nội tôi thường kể cho nghe rằng, thuở đó làm anh dân đen thật đến tội. Để tóc thì bị quan quân giết, để đuôi sam thì bị bọn "trường mao"⁽³⁾ giết.

Thật không biết bao nhiêu người Trung Quốc chỉ vì cái đầu tóc vô thưởng vô phạt ấy mà phải chịu khổ, chịu cực thậm chí bị chém giết!

Ông N. nhìn lên xà nhà, như để nhớ lại việc gì, rồi nói tiếp:

- Ai ngờ đến lượt tôi cũng phải khổ vì cái đầu tóc. Hồi du học ở nước ngoài, tôi cắt đuôi sam, không phải vì lẽ gì sâu sắc, huyền bí cả, mà chỉ vì bất tiện quá thôi. Không ngờ có mấy ông bạn không cắt, chỉ đem quấn lên đầu, thấy thế ghét lắm. Viên giám thị cũng giận lắm, dọa đình cấp học bổng, tống cổ về nước.

Chưa được mấy hôm, chính viên giám thị ấy lại bị

⁽¹⁾ Di lão: chỉ những người trung thành với triều vua cũ (N.D).

⁽²⁾ Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc (1851-1864) (N.D).

⁽³⁾ Trường mao chỉ những người khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc. Họ đều để tóc và cắt đuôi sam nên gọi là "trường mao" (tóc dài). Việc đó có nghĩa chống sự nô dịch của nhà Thanh (N.D).

người khác cắt mất đuôi sam, phải bỏ trốn. Một trong những người cắt đuôi sam của ông ta là anh Trâu Dung⁽¹⁾ tác giả cuốn *Cách mạng quân*. Vì thế anh này không thể ở lại học được nữa, phải về Thượng Hải, sau chết ở khám Tây lao. Chắc anh không nhớ nữa nhỉ?

Mấy năm sau, cảnh nhà tôi sa sút. Không kiếm việc gì làm thì chết đói, đành phải trở về nước. Về đến Thượng Hải, liền mua ngay một cái đuôi sam giả, bấy giờ giá những hai đồng, mang về nhà. Bà cụ tôi không nói gì, nhưng những người xung quanh, hễ thấy mặt là xem xét cái đuôi sam, đến khi biết là giả, thì cười gằn lên, buộc cho cái tội phải chết chém. Có người bà con còn định đi cáo giác với quan nữa, nhưng sau, sợ Đảng cách mạng nổi lên hoặc sẽ thành công, nên mới thôi.

Tôi nghĩ bụng: giả dối sao bằng thành thật, có thẳng thắn, thoải mái hơn không, bèn bỏ phăng cái đuôi sam giả đi, cứ diện đồ Tây đi ra giữa phố.

Đi đến đâu, tiếng chế nhạo, nguyên rủa nổi lên đến đó. Có kẻ còn theo sau lưng mà chửi.

⁽¹⁾ Trâu Dung (1855-1903), người Tứ Xuyên, du học Nhật Bản, là một người tuyên truyền cách mạng hàng hái nhất hồi đó. Khi về nước (1903) viết cuốn *Cách mạng quân*, vạch tội ác của chính phủ Thanh, bị quân Thanh kết cấu với cảnh sát Anh ở Tô giới, bắt giam. Năm 1905, chết trong ngục. Theo Chương Thái Viêm thì viên giám thị kia nhân hủ hóa với một người đàn bà, nên bị Trâu Dung và năm người khác nửa đêm len vào nhà cắt mất đuôi sam.

- Người đâu mà chẳng biết lễ nghĩa gì cả? Đồ Tây giả!

Thế là thôi, không mặc đồ Tây nữa, lại mặc áo dài vào. Chúng nó càng chửi tợn.

Đến bước đường cùng đó, tôi tìm chiếc ba-toong cầm ở một tay, đánh văng mạng mấy chuyến, chúng nó dần dần mới thôi, không chửi nữa. Chỉ nơi nào lạ, chưa đánh cho là vẫn cứ chửi...

Việc này làm tôi rất buồn, cho nên đến bây giờ vẫn còn nhớ. Hồi du học, xem báo thấy đăng chuyện bác sĩ Bản Đa⁽¹⁾ đi du lịch Nam Dương và Trung Quốc. Ông ta không biết tiếng Mã Lai và tiếng Trung Quốc. Có người hỏi:

- Không biết tiếng thì đi thế nào được?

Ông ta giơ chiếc ba-toong lên nói:

- Đây. Nói chuyện bằng cái này đây? Hiểu hết!

Tôi đọc xong, giận mấy ngày liền. Không ngờ bây giờ chính mình cũng làm như ông ta mà không biết. Mà những người kia cũng hiểu cả mới chết chứ?

Mấy năm đầu niên hiệu Tuyên Thống⁽²⁾, tôi làm giám thị ở một trường trung học tỉnh nhà. Đồng nghiệp gặp đâu là lánh mặt đó, quan trên cũng hết sức đề phòng. Tôi cả ngày như ngồi trong hầm nước đá, như đứng cạnh pháp trường. Kỳ thực có lý do gì khác đâu, chỉ vì thiếu cái đuôi sam thôi!

⁽¹⁾ Túc bác sĩ lâm học Bản-đa Tịnh-lục, người Nhật.

⁽²⁾ Niên hiệu vua cuối cùng đời Thanh (N.D.).

Có một hôm, mấy anh học sinh bỗng đi vào, nói:

- Thưa thầy, chúng con muốn cắt quách cái đuôi sam đi có nên không ạ!

Tôi nói:

- Không nên.

- Thưa thầy, để đuôi sam hơn hay cắt đi hơn ạ?

- Cắt đi hơn chứ!

- Thế sao thầy vừa bảo không nên cắt?

- Ấy chết! Các anh chưa nên cắt. Hãy chờ xem đã!

Họ không nói gì nữa, bĩu môi, đi ra. Nhưng rồi họ cũng cắt.

Ái chà. Ghê quá. Người ta bàn tán xôn xao lên. Tôi cứ tảng lờ như không hay biết gì hết, cứ để mặc họ đầu trọc lóc vào lớp cùng một lần với bao nhiêu anh khác vẫn còn để đuôi sam.

Nhưng cái bệnh cắt đuôi sam đã thành truyền nhiễm. Ngày hôm sau nữa, bọn sinh viên trường Sư phạm bỗng cũng cắt mất sáu cái. Đến chiều, trường đuổi sáu anh. Sáu anh không được học nữa, về nhà cũng không xong. Cho mãi đến sau cái ngày kỷ niệm Song thập lần đầu tiên hơn một tháng, tội họ mới được xá xóa.

Còn tôi? Cũng thế. Nói đâu xa, mùa đông Dân quốc nguyên niên, tôi lên Bắc Kinh còn bị người ta chửi mấy lần. Về sau những người chửi tôi cũng bị cảnh sát cắt mất đuôi sam, lúc đó tôi mới không bị chửi nữa. Nhưng tôi chưa đi về vùng thôn quê...

Ông N. có vẻ đặc ý lắm. Bỗng ông ta sa sầm nét mặt, nói:

- Bây giờ, các anh là những người theo đuổi lý tưởng, các anh hô hào phụ nữ cắt tóc, các anh lại làm cho bao nhiêu người sẽ phải chịu khổ mà chẳng được cái gì cả.

Không phải là bây giờ đã có bao nhiêu nữ sinh chỉ vì cắt tóc mà thi vào trường thì bị đánh hỏng, hoặc bị đuổi ra khỏi trường hay sao?

Ừ thì làm cách mạng, nhưng vũ khí đâu? Ừ thì vừa đi học vừa đi làm, nhưng công xưởng đâu?

Cứ để tóc, cứ đi làm đâu! Quên hết thế mà hạnh phúc đấy. Nếu nhớ lấy ít câu tự do bình đẳng thì sẽ khổ suốt đời.

Tôi muốn mượn câu nói của Ác-ba-sép⁽¹⁾ hỏi các anh một điều: "Các anh hứa hẹn sẽ đưa đến cho con cháu những người thời bấy giờ một tương lai xán lạn, nhưng các anh đưa đến cho bản thân họ những cái gì nào?

Hừ! Ông trời chưa quất cái roi da của ông vào xương sống Trung Quốc, thì Trung Quốc vĩnh viễn cứ là Trung Quốc như cũ, quyết cũng không chịu tự mình thay đổi một chân tóc. Miệng các anh không có nọc độc thì việc gì các anh lại cứ muốn dán vào trán

⁽¹⁾ Arizbashev (1878-1927), một nhà viết tiểu thuyết người Nga thuộc phái vô chính phủ. Cách mạng tháng Mười thành công, y ra nước ngoài, phản đối chính phủ Xô Viết. Lỗ Tấn có dịch của y một tác phẩm qua bản dịch tiếng Đức.

các anh chữ "rắn độc" to tướng để cho thằng ăn mày cũng chạy lại đánh?

Ông N. càng nói càng quái gở. Nhưng khi thấy tôi có ý không muốn nghe thì ông ta không nói nữa, cầm mũ đứng dậy.

Tôi hỏi:

- Anh về à!

Ông trả lời:

- Phải, trời sắp mưa.

Tôi lặng lẽ đưa ông ta ra đến cửa.

Ông ta đội mũ, nói:

- Thôi, chào anh, khi khác. Đến quấy rầy anh, anh tha lỗi cho nhé! Được cái ngày mai không phải là ngày Song thập, chúng ta có thể quên tuốt.

Tháng 10 năm 1920

Sóng gió^(*)

Mặt trời đã dần dần thu lại những tia nắng vàng rải trên mặt đất ven sông. Dây cây ô-cữu⁽¹⁾ cạnh đấy, lá khô nỏ, phe phẩy như đã bắt đầu thở được; mấy con muỗi vằn chân bay vo ve phía dưới. Khói đưa lên từ bếp những nhà nông dân ngoảnh mặt ra sông cũng đã tản dần. Đàn bà trẻ con lấy nước rưới lên mảnh sân đất trước thềm, bày bàn nhỏ, ghế đầu ra. Đã đến bữa cơm chiều.

Người già và đàn ông thì ngồi trên ghế phe phẩy chiếc quạt lá kê to tướng, nói chuyện gẫu. Trẻ con thì chạy lăng xăng, hoặc dưới dây cây ô-cữu chơi ô với những hòn đá cuội. Đàn bà con gái thì bưng ra những đĩa dưa kho, đen sì, và những nồi cơm màu vàng khè, nóng hổi, nghi ngút hơi. Kẻ văn nhân mặc khách ngồi

(*) *Sóng gió* đăng lần đầu tiên ở tạp chí *Tân thanh niên*, tháng 9 năm 1920.

(1) Một thứ cây thuộc loại *Sapium sebiferum*. Quả có hạt, có chất dầu dùng làm xà phòng, nến (arbre à suif) (N.D).

trên thuyền rượu lướt trên mặt sông, nhìn lên thấy cảnh tượng đó, có thể động nguồn thơ mà khen: "Thật là vô tư lự! Đúng là lạc thú của nhà nông!".

Những lời khen đó của kẻ văn nhân mặc khách không đúng với sự thực, bởi vì họ không nghe được bà cụ Chín Cân nói. Lúc đó, bà cụ Chín Cân đang giận dữ, cầm chiếc quạt lá kè rách nát, đập vào chân ghế, nói:

- Tao nay đã bảy mươi chín tuổi đầu. Sống thế đủ rồi. Tao không muốn nhìn những cửa phá gia ấy. Chết đi mà hơn! Sắp đến bữa cơm, còn ăn vãi đậu rang. Ăn cho khuynh gia bại sản đi ấy à!

Con Sáu Cân, chắt nội bà cụ, cầm nắm đậu trong tay, đang từ phía trước đi lại, thấy thế liền chạy thẳng ra bờ sông, nấp sau dây ô-cửu, thò cái đầu nhỏ có hai trái đào ra, nói to:

- Sống gì mà sống dai thế không biết!

Bà cụ mặc dù tuổi đã cao, nhưng tai còn tỏ chán, tuy thế cũng vẫn không nghe rõ lời con bé nói, bà vẫn lảm bảm một mình:

- Thật là càng ngày càng tệ!

Làng này có một tập quán khá đặc biệt. Trẻ con đẻ ra là đem cân ngay, rồi tùy nặng nhẹ mà đặt tên. Bà cụ Chín Cân từ ngày mừng thọ năm mươi, tính khí dần dần thay đổi, hay bất bình. Bà cụ thường nói, hồi bà cụ còn trẻ, trời đâu có nóng nực như thế này, hạt đậu cũng đậu đến nổi cứng như bây giờ. Nói tóm

lại, thời bây giờ, cái gì cũng chẳng ra làm sao cả. Huống chi, so với ông nội nó, thì con Sáu Căn sút đi những ba cân cơ, và so với bố nó, anh Bảy Căn, cũng sút đi mất một cân! Chúng cứ rành rành ra đó, cãi làm sao được! Cho nên bà cụ lại nói to:

- Thật là càng ngày càng tệ!

Chị Bảy Căn, cháu dâu⁽¹⁾ bà cụ, bưng rá cơm đi đến cạnh bàn, đặt thịch xuống, nói vẻ giận dữ:

- Bà lại cứ nói thế? Con Sáu Căn lúc đẻ ra chẳng phải cân được sáu cân năm lạng là gì? Căn ở nhà ngày trước là loại cân riêng, loại cân mười tám lạng. Chứ dùng đúng loại cân mười sáu xem, con bé cũng phải được già bảy cân đấy! Cháu cho rằng ngày trước ông cố và ông nội còn bé cũng chưa chắc đã đủ tám, chín cân đâu! Có lẽ hồi ấy dùng loại cân mười bốn lạng...

- Càng ngày càng tệ!

Chị Bảy chưa trả lời lại, bỗng thấy chồng từ ngõ hẻm đi ra, liền quay sang gắt với chồng:

- Khốn kiếp! Đi đâu suốt ngày mà bây giờ mới vác mặt về! Chết dúi ở đâu mà cả nhà đợi cơm, cũng mặc kệ!

Anh Bảy, tuy ở nông thôn nhưng vốn có ý hay bay nhảy, đua đòi. Từ đời ông nội anh cho đến đời

(1) Trong nguyên văn, viết là con dâu, nhưng phải nói là cháu dâu mới đúng.

anh, đã ba đời nay, trong nhà không ai cấm đến cái cán cuốc nữa cả. Cũng như ông nội và bố anh, anh đi chèo thuyền thuê cho người ta, mỗi ngày một chuyến, sáng sớm từ Lỗ Trấn lên thành, chiều tối mới lại về, cho nên anh biết lắm tin tức. Thí dụ, nơi nào ông Thiên lời đánh chết Tinh rết, nơi nào cô gái đồng trinh để quý dạ xoa, v.v... Trong làng, quả anh là người nổi tiếng biết đây biết đó. Nhưng mùa hạ, ăn cơm khi chưa phải thắp đèn là một tập quán mà nhà nông ở đây còn giữ được, cho nên về chậm mà bị gắt là đáng lắm.

Anh Bảy, tay cầm cái ống điếu, dọc bằng trúc tương phi dài sáu thước, bịt ngà, tẩu đồng bạch, cứ cúi đầu, bước thong thả đến ngồi xuống chiếc ghế đẩu. Nhân dịp này, con Sáu Càn chạy ra, ngồi cạnh, gọi "bố, bố". Anh không trả lời.

Bà cụ Chín Càn nói:

- Càng ngày càng tệ!

Anh Bảy thong thả ngược đầu lên, thở dài, nói:

- Vua lại lên ngôi!

Chị Bảy, ngẩn người một lúc, bỗng như chợt hiểu, nói:

- Thế thì hay lắm nhỉ! Không phải là hoàng ân đại xá à?

Anh Bảy vẫn thở dài, nói:

- Tôi không có đuôi sam!

- Nhà vua bắt phải để đuôi sam à?

- Vua bắt để đuôi sam.

Chị hơi lo, vội hỏi:

- Sao nhà biết?

- Ở quán Hàm Hanh, ai người ta cũng nói thế mà lý!

Chị Bẩy lúc đó linh tính cho biết hình như có chuyện không hay, bởi vì quán Hàm Hanh vốn là nơi rất nhạy tin. Chị liếc nhìn thấy cái đầu trọc lóc của ông chồng, không nhìn được, thịnh nộ lên, trách chồng, giận chồng. Bỗng chị lại tuyệt vọng. Chị xới một bát cơm đầy mạnh về phía trước mặt chồng, nói:

- Thôi, ăn nhanh đi cho xong bữa! Cứ ngồi rũ ra, mặt như mặt dưa ma ấy, tóc dài ra được à?

Những tia nắng cuối cùng đã tắt hẳn. Mặt nước đã dần dần có hơi mát. Trên sân chỉ nghe tiếng đĩa bát chạm nhau. Ai nấy mồ hôi nhỏ giọt trên sống lưng. Chị Bẩy ăn xong ba bát, vô tình ngừng đầu lên, trái tim lại đập mạnh không sao giữ được: qua dây ô-cửu, chị thấy cụ Bẩy Triệu, vừa lùn, vừa béo, đang từ trên chiếc cầu độc mộc đi sang. Cụ ta lại mặc chiếc áo dài chúc bầu màu bửu lam.

Cụ Bẩy Triệu là chủ quán rượu Mậu Nguyên làng bên, lại là một nhân vật quan trọng và là người duy nhất có học vấn trong vòng ba mươi dặm đất này. Vì là người có học vấn nên trông ra vẻ bậc di lão lắm. Cụ ta có bộ *Tam quốc chí Thánh thán phê*, hơn

mười quyển⁽¹⁾, thường ngồi đọc từng chữ từng chữ một. Chẳng những cụ ta nhớ vanh vách tên cả năm vị hổ tướng⁽²⁾ mà còn biết Hoàng Trung biểu tự là Hán Thăng và Mã Siêu biểu tự là Mạnh Khởi nữa cơ! Sau cách mạng, cụ ta quần đuôi sam lên đầu, trông như một nhà đạo sĩ. Cụ ta thường than thở: "Giá Triệu Tử Long mà còn sống thì thiên hạ chẳng đến loạn lạc như thế này!" Chị Bảy, mắt tinh, nhìn thoáng thấy hôm nay cụ ta không còn có vẻ đạo sĩ nữa mà đầu lại cao nhẵn thín, chỉ để giữa đỉnh một chùm tóc đen nhánh. Chị biết ngay nhất định nhà vua đã lên ngôi rồi, và nhất định phải để đuôi sam, và nhất định anh Bảy nhà chị đến nguy to! Bởi vì, không phải để thường mà cụ ta lại mặc chiếc áo chúc bầu dài vào. Ba năm nay, cụ ta chỉ đưa ra mặc có hai lần, một lần lúc lão Tư Rõ, là người trước kia có chửi nhau với cụ ta, lâm bệnh, một lần lúc cụ Cả Lỗ là người đã đến phá quán rượu cụ ta, chết. Bây giờ là lần thứ ba. Như thế là nhất định cụ ta có việc mừng, mà kẻ thù cụ ta sẽ gặp tai ương rồi!

⁽¹⁾ Đây là bộ *Tam quốc chí diễn nghĩa*. Kim Thánh Thán (1609-1661) là một nhà văn cuối đời nhà Minh đầu Thanh, có phê bình các cuốn *Thủy hử*, *Tây sương ký*... Cuốn *Tam quốc chí diễn nghĩa* của La Quán Trung là do Mao Tôn Cương, đời Thanh cải biên và thêm lời bình, nhưng giả thác là "Kim Thánh Thán ngoại thư".

⁽²⁾ Tức năm nhân vật đời Tam Quốc, trong đó có Hoàng Trung, Mã Siêu (N.D.).

Chị còn nhớ hai năm trước, anh Bảy nhà chị uống rượu say, có mắng cụ ta là "đồ khốn kiếp", nên bây giờ, linh tính cho chị biết sắp xảy ra chuyện gì nguy hiểm cho chồng. Tim chị bỗng đập thình thịch.

Cụ Bảy Triệu đi thẳng tới. Những người đang ngồi ăn đứng dậy, cầm đũa chỉ vào bát, chào:

- Mời cụ xơi cơm ạ!

Cụ ta vừa đi vừa gật đầu, nói:

- Xin cứ tự nhiên.

Và đi đến nhà anh Bảy Căn.

Cả nhà anh Bảy vội vã chào mời. Cụ ta mỉm cười, nói:

- Xin mời!

Mắt nhìn kỹ vào mâm cơm. Cụ ta đứng sau lưng anh Bảy, đối diện chị Bảy, nói:

- Món dưa kho thơm quá nhỉ. À, nghe người ta đồn gì chưa đấy?...

Anh Bảy nói:

- Vua lên ngôi.

Chị Bảy nhìn vào mặt cụ ta, cố cười gượng nói:

- Vua lên ngôi, bao giờ thì hoàng ân đại xá, hử cụ?

- Hoàng ân đại xá à? Đại xá thì thư thả, thế nào rồi cũng đại xá thôi!

Cụ ta bỗng nghiêm sắc mặt lại, nói tiếp:

- Nhưng mà cái đuôi sam của anh Bảy nhà chị đâu? Đuôi sam, quan trọng lắm đấy nhé! Bà con biết

chứ, thời loạn Trường mao⁽¹⁾ ấy mà, để tóc dài thì mất đầu, để đầu thì mất tóc cơ đấy!

Vợ chồng nhà anh Bảy không đi học, nên không thể hiểu cái điển tích bí hiểm này được, nhưng thấy một người có học vấn như cụ Bảy Triệu mà nói thế thì chắc là phải nghiêm trọng lắm, khó lòng chạy chữa. Như nghe tuyên án tử hình, hai vợ chồng tai cứ ù lên, chẳng nói được nửa lời.

Bà cụ Chín Cẩn đang bực mình, nhân cơ hội này, nói với cụ Bảy Triệu:

- Càng ngày càng tệ!... Các ông Trường mao thời bây giờ lại cứ thấy đuôi sam đầu là cắt đấy, trông thầy tu chẳng ra thầy tu, đạo sĩ chẳng ra đạo sĩ. Các ông Trường mao ngày trước có thể đầu chứ? Tôi nay đã bảy mươi chín tuổi, đủ lắm rồi! Các ông Trường mao ngày trước thì đầu bịt cả một miếng lụa điều, bỏ thông thông xuống đến gót, vua thì lụa vàng, cũng bỏ thông thông. Lụa vàng, lụa điều, lụa vàng. Bảy mươi chín tuổi. Đủ lắm rồi!

Chị Bảy đứng dậy, lăm bắm một mình:

- Làm thế nào bây giờ? Nhà này, già trẻ lớn bé đều trông cậy vào một mình anh ấy cả!

Cụ ta lắc đầu nói:

- Đành chịu thôi! Không có đuôi sam, tội gì thì

⁽¹⁾ Tức thời khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc (1851-1864) (xem chú thích ở truyện *Chuyện cái đầu tóc*).

sách đã chép rành rành. Còn tình cảnh nhà mình thế nào, ai mà người ta chú ý.

Chị Bảy nghe nói đã có chép trong sách thì hoàn toàn tuyệt vọng. Hoảng quá, không biết làm thế nào, chị bỗng đâm ra oán chồng. Chị ta giờ đưa, chỉ vào mặt chồng, day nghiêng:

- Khốn kiếp! Mình làm thì mình phải chịu lấy! Hồi loạn, đã bảo đừng chèo thuyền nữa, đừng lên thành nữa. Thế mà cứ nhất định lên thành cho được! Lên thành nên người ta mới cắt đuôi sam đi cho! Trước kia, cái đuôi sam đen nhánh thế kia, mà bây giờ thầy tu chẳng ra thầy tu, đạo sĩ chẳng ra đạo sĩ. Khốn kiếp! Mình làm mình chịu, bây giờ để liên lụy đến cả nhà này! Khốn kiếp!

Người làng thấy cụ Bảy Triệu sang chơi đều ăn vội vàng xong bữa, rồi chạy đến xúm lại quanh bàn nhà anh Bảy. Anh Bảy tự cho mình là người đã đi đây đi đó, ấy mà bị vợ sỉ nhục thậm tệ trước mặt mọi người, lấy làm xấu hổ lắm. Anh ngừng đầu lên, chậm rãi nói:

- Nhà thì chỉ được cái nói sau. Hồi đó...

- Khốn kiếp!

Trong những người đứng xem, có chị Tám Mốt là người tốt bụng. Lúc đầu thấy vui vui, chị ta bế con - đứa con mồ côi bố từ khi còn trong bụng mẹ, nay đã lên hai - đứng cạnh chị Bảy xem. Bây giờ thấy vậy, cầm lòng không đậu, bèn đưa lời khuyên giải:

- Chị Bảy này! Thôi mà. Người ta chứ phải thần thánh gì, ai biết trước được mà liệu! Chẳng phải hồi

đó chính chị cũng nói không có đuôi sam cũng chẳng xấu gì hay sao? Huống nữa là quan huyện cũng có niềm yết gì đâu cơ chứ!

Chưa nghe hết lời, chị Bảy hai tai đỏ ửng lên liền giờ đưa chỉ vào mặt chị Tám Mốt, nói:

- Ôi trời ơi! Chị ăn nói hay chưa! Chị Tám này, tôi cũng là con người, lẽ nào tôi lại thốt ra những lời hồ đồ như thế được! Hôi đó chẳng phải là tôi nằm khóc suốt ba ngày liền, ai cũng biết. Cả con bé này nữa, nó cũng khóc rình lên...

Con Sáu Căn vừa ăn hết bát cơm, cầm chiếc bát không giờ ra đòi xới thêm.

Chị Bảy đang bực mình, lấy đôi đũa khế gõ vào đầu con bé, giữa hai trái đào, quát to:

- Gì mà làm ồn lên thế, cái con đĩ kia!

Choảng một tiếng, chiếc bát không trong tay con bé rơi xuống đất, chẳng may chạm vào một hòn gạch, mẻ một miếng to tướng. Anh Bảy đứng phắt dậy nhặt chiếc bát vỡ, lấy miếng mẻ chấp một lúc, cũng mắng:

- Con mẹ mày!

Rồi tát cho con bé một cái tát quay lơ. Con bé lăn ra khóc. Bà cụ Chín Căn nắm lấy tay cháu lòi đi chỗ khác, miệng lẩm bẩm:

- Càng ngày càng tệ!

Chị Tám Mốt cũng phát cáu, nói to:

- Chị Bảy này! Việc gì mà chị phải giận cá bằm thót thế?

Nãy giờ, cụ Triệu đứng nhìn vẻ bàng quan, cứ cười cười, nhưng khi chị Tám Mốt nói "quan huyện không niêm yết" thì đã hơi giận. Lúc này cụ ta bỏ đi quanh ra chỗ khác nói:

- Giận cá bầm thớt ích gì? Quan quân người ta sắp kéo đến nơi rồi. Chị phải biết người hộ vệ nhà vua lần này là Trương đại suý⁽¹⁾ dòng dõi Trương Dực Đức, người nước Yên đấy! Cái xà mâu tượng tám của ông ta vạn người địch không nổi. Ai mà dám chống cự lại!

Lúc đó cụ Triệu nắm chặt hai bàn tay lại, như nắm thanh xà mâu tượng tượng rồi bước về phía chị Tám Mốt mấy bước, nói:

- Chị có chống cự nổi ông ta không nào?

Chị Tám Mốt đang giận, tay ôm con mà cứ run lẩy bẩy. Bỗng thấy cụ Triệu, mặt mồ hôi ướt đầm, hai con mắt trợn trừng, xông về phía chị ta thì chị ta sợ quá, không dám nói hết câu, bỏ đi mất. Cụ Triệu cũng ra về. Những người đứng đấy vừa trách chị Tám Mốt lắm chuyện, vừa xê ra tránh đường. Có mấy anh trước kia cũng cắt mất đuôi sam, nay vừa

⁽¹⁾ Chỉ Trương Huân. Trương Huân là một tay quân phiệt thời bấy giờ trong bọn Bắc Dương. Y vốn là một quan võ đời Thanh. Sau cách mạng Tân Hợi, y vẫn để đuôi sam tỏ lòng trung thành với nhà Thanh. Quân lính của y phần lớn cũng để đuôi sam. Năm 1917, y từ Tứ Châu lên Bắc Kinh, phò Phổ Nghi (tức Tuyên Thống) lên ngôi vua, nhưng thất bại, y chạy vào trốn ở đại sứ quán Hà Lan.

mới để tóc lại, vội lẩn tránh cụ ta trông thấy. Nhưng cụ ta không để ý tra soát, cứ lách qua đám đông, rẽ về phía dãy cây ô-củu, miệng còn lẩm bẩm:

- Chỉ có chống cự nổi ông ta không nào?

Rồi bước qua chiếc cầu độc mộc, đi thẳng.

Người làng đứng ngơ ngác, suy nghĩ, cảm thấy không thể nào chống cự nổi ông Trương Dục Đức nên ai nấy chần chừ thế nào anh Bảy Căn chuyển này cũng toi mạng. Anh Bảy đã phạm vào phép vua như vậy, thế mà nhớ lại mọi lần khi anh ta nói chuyện về những tin tức trên thành, anh ta cứ ngậm cái ống điếu dài thông, vẻ kiêu ngạo. Thật không phải chút nào cả! Bởi vậy, bây giờ anh ta bị tội, họ cũng thấy khoái chí. Hình như họ còn muốn bàn tán thêm nữa, nhưng không có cái gì nói, lại thôi. Đàn muỗi kêu vo vo, bay chạm phải những thân hình trần truồng rồi bay về tụ tập dưới dãy cây ô-củu. Người làng cũng tản dần về nhà, đóng cửa đi ngủ. Chị Bảy vẫn càu nhàu, dọn bát đĩa, đưa bàn ghế vào rồi cũng đóng cửa đi ngủ.

Anh Bảy cầm chiếc bát vỡ về ngồi ở bậc cửa hút thuốc. Nhưng lo buồn quá quên cả hút. Lửa trong cái chảo đồng bạch đầu ống điếu trúc tương phi bít ngà dài sáu thước tắt dần. Anh cảm thấy tình thế hết sức nguy ngập. Muốn tìm một cách nào, một phương kế nào cứu thân, nhưng đầu óc cứ rối bời không nghĩ được cho mạch lạc. "Đuôi sam! Đuôi sam đâu? Thanh xà mâu trượng tám... Càng ngày càng tệ... Vua lại lên

ngôi... Phải đem cái bát vỡ lên thành gắn lại... Ai có thể chống cự nổi ông ấy... Trong sách có chép rõ... Con mẹ mày... ".

Sáng sớm hôm sau, theo lệ thường, anh Bảy Căn vẫn chèo thuyền từ Lỗ Trấn lên thành. Gần tối lại chèo về, tay cầm ống điều trúc tương phi dài hơn sáu thước và chiếc bát. Ngồi ăn cơm, anh nói với bà cụ Chín Căn rằng cái bát vừa đưa lên thành gắn lại, mẻ một miếng to nên phải dùng đến mười sáu chiếc đinh đồng, một chiếc ba chinh, mất cả thảy bốn mươi tám chinh.

Bà cụ buồn rầu nói:

- Càng ngày càng tệ! Tao sống thế đủ rồi! Một chiếc đinh đồng những ba chinh! Đinh đồng ngày trước có đắt như thế này đâu? Đinh đồng, ngày trước... Tao năm nay bảy mươi chín tuổi rồi!

Từ đó, tuy ngày nào anh Bảy cũng lên thành như thường lệ, nhưng cảnh nhà anh trông ảm đạm lắm. Người làng có ý lánh mặt, không đến nghe tin tức trên thành đưa về nữa. Chị vợ anh cũng luôn luôn làm mặt giận, vẫn mắng anh là "đồ khốn kiếp"!

Hơn mười ngày sau, anh ở thành về, vừa tới nhà thì đã thấy vợ vui vẻ hỏi:

- Ở trên thành, nhà có nghe tin tức gì không thế?
- Chẳng nghe gì cả.
- Vua đã lên ngôi chưa?
- Không nghe họ nói.

- Ở quán Hàm Hanh cũng không nghe ai nói à?

- Cũng chẳng nghe ai nói cả.

- Nhất định vua không lên ngôi đâu? Hôm nay, đi qua quán cụ Triệu, thấy cụ ta lại ngồi xem sách, cái đuôi sam lại quần lên đỉnh đầu, và cũng không mặc áo dài nữa.

-...

- Nhà cho rằng vua không lên ngôi à?

- Chắc không lên nữa.

Bây giờ anh Bảy lại được chị Bảy và người làng kính nể, đối đãi tử tế. Ngày hè, cả nhà anh lại đưa cơm ra trước mảnh sân đất ngồi ăn. Ai thấy anh cũng cười hi hi... chào hỏi. Bà cụ Chín Cân đã làm lễ mừng thọ tám mươi rồi, tuy vẫn còn bất bình, nhưng vẫn cứ khỏe mạnh như trước. Hai trái đào của con Sáu Cân đã thành cái đuôi sam lớn. Nó tuy mới bó chân nhưng vẫn có thể giúp việc cho mẹ nó được. Con bé bưng chiếc bát đóng mười tám cái đinh đồng⁽¹⁾ đi khắp khiêng trên sân đất.

Tháng 10 năm 1920

⁽¹⁾ Mười sáu cái đinh mới phải. Trong một bức thư gửi cho Lý Tế Dã, ngày 23-11-1926, Lỗ Tấn có viết: "Nhà Sáu Cân chỉ có cái bát gắn lại ấy thôi, gắn bằng mười sáu hay mười tám đinh, tôi không nhớ rõ. Dù sao một trong hai con số trên là sai. Xin sửa lại cho thống nhất".

Cố hương^(*)

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay.

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mũi thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa, không nén được, lòng tôi se lại.

A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong ký ức không?

Hình ảnh làng cũ trong ký ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia. Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh, ngôn ngữ nào diễn tả cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đấy. Tôi nghĩ

(*) Truyện *Cố hương* đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên*, tháng 5 năm 1921.

bụng: Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thế lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm hồn mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định là để từ giã lần cuối cùng ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước tết vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân mến, đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn, sinh sống.

Tình mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy con tranh khô phất phơ trước gió. Đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi cho nên cảnh tượng làng càng hiu quạnh. Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoằng, đứa cháu mới lên tám tuổi, cũng chạy theo sau.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoằng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng

phải và bảo hành lý đã thu xếp gọn gàng đầu vào đây cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói:

- Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

- Vâng.

- Có anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong ký ức tôi, bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kỳ dị: Một vùng trắng tròn vàng thắm treo lủng lơ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trông toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức đâm theo một con "tra"⁽¹⁾. Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ, cách đây khoảng chừng ba mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thấy tôi hãy còn,

⁽¹⁾ Theo bức thư của Chương Y Bình gửi cho người dịch tiểu thuyết Lỗ Tấn ra tiếng Nga thì ông đã có hỏi Lỗ Tấn. Lỗ Tấn trả lời, đó là một tên thú ông tùy tiện đặt ra. Cũng là một loại lợn rừng.

cảnh nhà sung túc, tôi đang hoang là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng; lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cây, chỉ giỗ tết, hay vụ thu tô, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ cho. Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hấn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ⁽¹⁾ nên bố hấn đặt tên là Nhuận Thổ. Hấn bắt chim tước thì tài lắm.

Vì vậy ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo: "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy!" Tôi liền chạy ra xem. Hấn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo

⁽¹⁾ Theo lời mê tín về tướng số thì mệnh người có ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Có đủ ngũ hành là số tốt, khuyết một hành là số xấu. Khuyết hành nào thì lấy tên hành ấy mà đặt tên, có thể bổ cứu cho vận mệnh.

vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hần quý hần như thế nào: sợ hần khó nuôi, bố hần đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hần thấy ai là bển lễn, chỉ không bển lễn với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hần mới nói chuyện với tôi. Vì thế chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau.

Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hần bảo lễn tỉnh hần mới được trông thấy những điều hần chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hần bắt chim. Hần nói:

- Không được đâu! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống, dùng một cái que ngắn chống cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào cái nong hết. Thứ nào cũng có: sẻ đồng, chào mào, "bột cô", sẻ xám lưng.

Vì thế, tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói:

- Bấy giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quý", sò "tay phật". Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

- Canh trộm à?

- Không phải. Ở làng em, người ta đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé! Sáng trắng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy! Thế là cầm đinh ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó - và cho đến cả bây giờ nữa, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng cần cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ tợn hơn.

- Nó không cần à?

- Đã có đinh ba rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi luồn qua háng mình, biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này có những chuyện mới lạ như vậy: bên bờ có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi!

- Ở đất cát chúng em, lúc thủy triều dâng lên, có rất nhiều những con "cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời ơi. Nhuận Thổ hẳn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết. Những chuyện đó; bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn thấy một

mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi!

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hắt. Lòng tôi rộn ràng, tôi khóc to lên. Hắt lẫn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hắt cũng lúi hắt đi. Sau đó, hắt có nhờ bố hắt mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hắt ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, ký ức tôi bỗng bừng như bùng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm được ra quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi:

- Thế thì hay quá! Anh ta... ta sao?

- Anh ta ấy à? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. - Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài - ... Máy người kia lại đến. Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay, mang bữa đi. Mẹ phải ra xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoàng đến gần, hỏi vợ vắn: hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

- Chúng ta có đi tàu hỏa không, bác?

- Có, chúng ta đi tàu hỏa.

- Thế có đi thuyền không, bác?

- Có, đi thuyền trước...

Bống có tiếng ai lạ, the the nói to lên:

- Thế này rồi kia à! Râu mọc dài thế này rồi kia.

Tôi giật mình, vội ngừng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưng quẹo nhô ra, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

- Không nhận ra à. Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy!

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào đỡ lời cho:

- Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả.

Rồi ngoảnh về phía tôi nói:

- Con nhớ nhá! Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà! Thím mở hàng bán đậu phụ.

À. Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi đậu phụ". Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưng quẹo không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "com-pa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái "com-pa" kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười kháy tôi như cười kháy một người

Pháp không biết đến Nã Phá Luân⁽¹⁾, một người Mỹ không biết đến Hoa Thịnh Đốn⁽²⁾ vậy! Rồi nói:

- Quên à? Phải rồi, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa!

Tôi hoảng hốt, đứng dậy, nói:

- Đâu có phải thế! Tôi...

- Thế thì tôi nói anh nghe nhé? Anh Tấn này! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì cái thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuân đi thôi, chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

- Có gì đâu mà sang trọng! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

- Ái chà! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng? Hừ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu!

Tôi biết không thể nói làm sao được, đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

- Ôi chào! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có!

⁽¹⁾ Túc Napoléon (1769-1821) vua nước Pháp nổi tiếng một thời.

⁽²⁾ Túc Washington (1732-1799) một trong những người xây dựng nước Cộng hoà Mỹ (N.D).

Mụ "com-pa" tức giận, miệng lẩm bầm quay gót thong thả đi ra, tiện tay giặt luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giặt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lý. Như thế mất ba, bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem, tôi ngạc nhiên vô cùng, vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong ký ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng xạm, lại có thêm những nếp răn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ: ở miền biển, gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lạnh lén, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, lại nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

- À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đây à!...

Thật ra, tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy: nào là chim chào mào, nào là cá nháy, vỏ sò, tra..., nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hờ vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch:

- Bẩm ông!

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

- Thủy Sinh. Con không lay ông đi kia!

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, mà cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

- Thưa, đây là cháu thứ năm đấy ạ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoảng chừng đã nghe thấy tiếng, từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói:

- Lay cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách sáo thế. Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

- Ái chà... Cụ thật là... Như thế còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thủy Sinh lại chào, nhưng thẳng bẻ bên lên, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói:

- Cháu Thủy Sinh đấy à? Cháu thứ năm phải không nhỉ? Toàn là người lạ, chẳng trách rụt rè là phải. Hoàng đầu, dẫn em ra chơi đi!

Hoàng nghe nói liền gọi Thủy Sinh. Thủy Sinh nhẹ nhàng, khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngập ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái túi thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gói giấy ra nói:

- Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu.

- Bẩm, vất vả lắm! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng thuế chợ là đã cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp nhăn khắc sâu trên

mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào, đầy đoạ thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi! Mẹ tôi bàn với tôi:

- Cái gì không cần chờ đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tùy ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ: một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế dựa, một bộ tam sự và một cái cân. Anh lại xin tất cả các đồng tro (ở quê tôi, người ta nấu bằng rơm, rạ, tro dùng bón đất cát), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đêm đến, chúng tôi cũng nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, anh đem Thủy Sinh về.

Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thổ đã đến rồi. Thủy Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kể đến

đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét.

Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh hai bên bờ sông đen sẫm lại, nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoằng ngồi tựa cửa thuyền, cùng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bỗng cháu Hoằng hỏi:

- Bác này! Lúc nào chúng ta lại trở về nhỉ?

- Trở về? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về?

- Nhưng mà thằng Thủy Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi cơ mà!

Hoằng giương to đôi mắt đen nháy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi cũng đều có ý buồn, vì thế mà lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói:

- Cái chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụng" ấy mà! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lý, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đống tro, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bàn tán một hồi rồi nói quyết rằng Nhuận Thổ vùi vào đấy để khi nào xúc tro là mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái "cẩu khí sắt" (một dụng cụ ở quê tôi người ta dùng nuôi gà, làm bằng một tấm ván, trên có chấn

song, trong bụng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mổ, còn chó thì đứng nhìn, chịu chết) rồi chạy biến. Tuy chị ta lùn và chân bé tí tẹo thế mà chạy cũng nhanh đáo để!

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy xung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, sầu muộn. Hình ảnh đứa bé oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não.

Mẹ tôi và cháu Hoảng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng: Tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Chẳng phải là cháu Hoảng đang tưởng nhớ đến Thủy Sinh đó ư? Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả... Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó vì thân thiết với nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đần độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hy vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang hy vọng đây, biết đâu không phải là một thứ tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra? Có khác chẳng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi.

Tôi đang mơ màng, thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển; trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vùng trắng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng: đã gọi là hy vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kỳ thực, trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

Tháng giêng năm 1921

AQ chính truyện

I. TỰA

Tôi có ý viết cho chú AQ một pho chính truyện đã mấy năm trời nay rồi, nhưng một đàng tính viết, một đàng lại ngần ngại⁽¹⁾. Điều đó đủ chứng tỏ rằng tôi chẳng có tư cách một nhà "lập ngôn"⁽²⁾ tí nào. Chả là xưa nay những người

⁽¹⁾ Trong bài "*Vì sao tôi viết AQ chính truyện*" *Hoa cải tiếp theo* (Tập văn I) Lỗ Tấn viết: "Hình ảnh AQ đã ám ảnh tâm hồn trong mấy năm trời, nhưng trước hồi đó, tôi chưa hề nghĩ đến sự đem ra viết thành một bộ tiểu thuyết". Điều này cho ta thấy tác giả thiết tha đến vấn đề cách mạng Trung Quốc, vấn đề cải tạo con người Trung Quốc cũ như thế nào.

⁽²⁾ Hai chữ "lập ngôn" trích ở *Tả truyện*. Các nhà văn ngày trước vẫn dùng hai chữ này chỉ công trạng những người đã nói hoặc đã viết những lời lưu truyền về sau. Các nhà nho Trung Quốc, ngày trước cho rằng: có ba hạng người "bất hủ", một là lập đức, hai là lập công, ba là lập ngôn. Trong câu này, Lỗ Tấn có ý giễu cợt những nhà văn viết văn ngôn, những nhà văn "hàn lâm".

bút bất hủ phải dành để viết về những nhân vật bất hủ. Thế rồi, nhân vật nhờ văn chương mà trường thọ, văn chương cũng nhờ nhân vật mà được lưu truyền. Rút cục, văn chương nhờ nhân vật hay nhân vật nhờ văn chương mà được lưu truyền, cũng khó nói cho mình bạch. Ấy thế mà chúng quy tôi lại vẫn cứ nghĩ đến viết truyện⁽¹⁾ cho AQ. Thì ra tâm trí tôi như có ma quỷ ám ảnh.

Nhưng vừa cầm bút định viết thiên văn chương "tóc hủ" này, tôi đã cảm thấy nhiều điều khó khăn.

Một là cái nhan đề cuốn truyện. Đức thánh nói rằng: "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận" (Tên

⁽¹⁾ *Truyện* là một lối văn trọng thể trong lịch sử văn học Trung Quốc. *Truyện* là chuyên nghệ của các sử quan ngày xưa. Những bài chép ở sử các vương triều đời trước đều gọi là *sử truyện*. Về sau *truyện* chia ra nhiều lối. Tư Mã Thiên, nhà sử đời Tiền Hán, đã chép liệt truyện đầu tiên, tức là *truyện* các danh nhân đời xưa. Về sau, các nhà sử đều bắt chước mà chép theo thể liệt truyện vì *truyện* các danh nhân được liệt vào chính sử cho nên người ta cũng gọi là *chính truyện* (hay là *bản truyện*) nghĩa là *truyện* một nhân vật trong chính sử. Còn có nhiều lối *truyện* khác nữa: *tự truyện* do tự tác giả chép lấy *truyện* mình; *nội truyện* là *truyện* ký chép theo lối tiểu thuyết thần tiên; *ngoại truyện* hay *biệt truyện* là *truyện* của một danh nhân đã chép ở liệt truyện, chính truyện hay bản truyện rồi, nhưng còn có vài *truyện* chưa chép mà người sau gộp nhặt chép lại để bổ khuyết, (*chữ ngoại, chữ biệt* ở đây là đối lập với chữ *chính*, chữ *bản* trong *chính truyện, bản truyện*); *gia truyện* là *truyện* riêng của một nhân vật nào phần nhiều do bà con, bạn bè chép, *tiểu truyện* là *truyện* chép qua loa thân thể một người.

không đúng thì lời nói không xuôi). Ấy là một điều mình phải đặc biệt chú ý. Truyện có nhiều loại: Liệt truyện, tự truyện, nội truyện, ngoại truyện, biệt truyện, gia truyện, tiểu truyện... phiên một nỗi không có một tên nào hợp cả. Gọi là "liệt truyện" ư? Thì đây nào có phải là một nhân vật có tên tuổi bằng vai bằng lứa với những nhân vật tai to mặt lớn trong "chính sử"! Gọi là "liệt truyện" ư? Thì tôi nào có phải là AQ! Nói là "ngoại truyện", thì "nội truyện" ở đâu? Còn nói là "nội truyện", thì AQ quyết không phải là thần tiên. Hay là dùng chữ "biệt truyện" vậy! Khốn nỗi ông Đại tổng thống, ngài chưa hề hạ dụ cho quốc sử quán chép "bản truyện" của AQ bao giờ. Vẫn biết rằng mặc dù trong bộ chính sử nước Anh không hề chép liệt truyện các người đánh bạc, mà nhà đại văn hào Dickens cũng đã viết ra bộ *Liệt truyện những người đánh bạc*⁽¹⁾. Nhưng một nhà văn hào có thể như thế, chứ bọn mình thì quyết không xong. Sau nữa, còn hai chữ "gia truyện". Nhưng tôi không rõ tôi với AQ có phải là bà con không mà con cháu y cũng chưa hề có

⁽¹⁾ Charles Dickens (1812-1870) là một nhà viết tiểu thuyết người Anh. Cuốn *Liệt truyện những người đánh bạc* do Trần Đại Đăng dịch. Thương vụ ấn quán xuất bản. Tên sách chính là *Rodney stone*. Sách do, A. Conan Doyle (1859-1930) sáng tác. Trong bức thư gửi cho Vi Tố Viên ngày 8-8-1926, Lỗ Tấn có viết: *Liệt truyện những người đánh bạc* là tên dịch cuốn *Rodney stone*, cuốn này là của A. Conan Doyle. Trong AQ chính truyện ghi là Dickens, đây là tôi nhớ nhầm.

một bộ "đại truyện"⁽¹⁾ nào cả. Nói tóm lại, truyện này cũng có thể cho là một bộ "bản truyện", nhưng xét ra, văn chương của tôi nôm na mách quẻ lắm, toàn dùng những lời của "anh kéo xe, chị bán tương"⁽²⁾, lẽ nào lại dám lạm dụng như thế? Cực chẳng đã, đành phải mượn hai chữ "chính truyện" trong câu đưa đẩy mà mấy nhà viết tiểu thuyết "không chính quy" vẫn dùng: "Nhân thoại hư đề, ngôn quy chính truyện" (Hãy gác những chuyện rườm rà để kể lại chuyện chính)⁽³⁾ mà đặt cho bộ sách cái tên "chính truyện", mặc dù hai chữ này có thể lẫn lộn với chữ "chính truyện" trong tên bộ sách có tiếng của cổ nhân là bộ *Thư pháp chính truyện*⁽⁴⁾ thì cũng mặc!

Hai là, lệ thường phạm viết truyện, người ta vẫn hay mào đầu bằng mấy chữ. "Ông Mỗ, tự là Mỗ, người xứ nọ, xứ kia...", thế nhưng tôi lại không biết AQ họ gì hết? Có một lần, tưởng như AQ là họ Triệu, nhưng đến ngày hôm sau thì lại không lấy gì làm

⁽¹⁾ *Đại truyện* không phải là một thể văn chép truyện. Chẳng qua Lỗ Tấn dựa vào chữ *tiểu truyện* mà đặt thêm một danh từ mới để chế giễu các nhà văn viết văn ngôn mà thôi.

⁽²⁾ Đây là nói văn bạch thoại. Lỗ Tấn nhắc lại lời của Lâm Thư (tức Lâm Cẩm Nam) trong bức thư gửi cho Thái Nguyên Bồi phản đối văn bạch thoại.

⁽³⁾ Trong các bộ tiểu thuyết Trung Quốc ngày trước, tác giả thường dùng mấy chữ "*Nhân thoại hư đề; ngôn quy chính truyện*" để làm câu đưa đẩy.

⁽⁴⁾ Chữ *truyện* viết giống chữ *truyền*. Sách này dạy về cách viết chữ, do Phùng Võ đời Thanh soạn.

chắc nữa. Ấy là hôm cậu con Cự Cố nhà họ Triệu vừa thi đỗ tú tài. Hôm ấy, tiếng phèng la bèng! bèng! báo tin cho làng nước biết. AQ uống luôn hai bát rượu tằm rồi khoa chân múa tay nói rằng: tin ấy cũng làm cho y rất vẻ vang, bởi vì y vốn là bà con với cụ Triệu; nếu tính theo đúng thế thứ trong gia đình thì y còn đứng ngang hàng với ông nội cụ tú kia đấy! Lúc đó, những người đứng xung quanh nghe cũng có vẻ kính nể y. Nào ngờ, hôm sau bác khản làng đã gọi AQ đến nhà Cự Cố họ Triệu. Vừa thấy AQ, cụ mặt bưng bưng mắng ngay:

- AQ! Mày là một thằng khốn nạn mà mày lại dám nhận là họ hàng với tao kia à!

AQ đứng câm miệng.

Cụ càng nhìn, càng giận, sấn tới mấy bước nữa, nói:

- Mày dám nói láo như thế à? Làm sao tao lại họ hàng với thứ mày được? Mày là người họ Triệu à?

AQ vẫn đứng im thin thít, muốn liệu thế chuẩn nhưng Cự Cố đã nháy tới, tát cho một tát vào mặt.

- Mày là người họ Triệu thế nào được kia chứ? Mày mà họ Triệu vào cái ngữ nào?⁽¹⁾

⁽¹⁾ Đoạn này nói rõ người bản cố nông không phải chỉ bị bóc lột về kinh tế. Mặc dù AQ "vốn là bà con với cụ Triệu", nhưng vì nghèo đói, nên cũng không được nhận là họ Triệu, họ của tên địa chủ giàu có nhất làng Mùì. Người nghèo hèn thì mất cả họ.

AQ không hề biện bác gì về chỗ y chính là họ Triệu hay không cả, chỉ đưa tay sờ vào má bên trái rồi cùng bác khấn đi ra. Ra khỏi cửa, bác khấn còn mắng cho một mẻ nữa, đành phải kính cho bác hai quan tiền rượu⁽¹⁾. Những người biết chuyện đều cho AQ là vớ vẩn, khi không, chuốc lấy trận đòn oan, chứ nào đã chắc gì mình là người họ Triệu; mà dẫu có quả là người họ Triệu đi nữa thì trước mặt Cụ Cố, cũng không nên nói đại như vậy. Thế là từ đấy về sau, không ai nhắc đến chuyện AQ họ là gì nữa. Vì vậy mà tôi không biết được thực tình AQ họ gì cả.

Ba là, tôi cũng không biết chữ tên AQ viết như thế nào⁽²⁾. Lúc y còn sống, người ta gọi y là AQuay, đến khi chết rồi thì chả hề ai nhắc đến tên ấy nữa, còn nói gì đến việc chép vào sử sách! Mà nếu như có việc chép vào sử sách, thì đây là lần đầu tiên đây, cho nên sự khó khăn này tôi vấp trước ai hết. Tôi từng có lúc nghĩ kỹ rằng: AQuay chính là AQuế, hoặc AQuý đây⁽³⁾! Nếu như AQ có cái biệt hiệu là Nguyệt Đình, hoặc giả y đã ăn sinh nhật vào khoảng tháng Tám, thì nhất định AQuế đứt đi rồi. Nhưng y lại chưa hề có biệt hiệu - mà có nữa cũng không ai biết - lại cũng

(1) Điều này nói rõ bọn hào lý trong làng chính là tay sai của bọn địa chủ để áp bức nông dân.

(2) Viết theo chữ Trung Quốc.

(3) Theo tiếng Trung Quốc thì chữ *Quý* và chữ *Quế* đều đọc âm *Quây* cả.

chưa hề gửi thiệp cho ai vào ngày sinh nhật để người ta gửi đến cho những bài thơ chúc tụng, thành ra viết AQuế là vô đoán. Lại nếu như y có một ông anh hoặc một ông em tên là APhú chẳng hạn, thì nhất định y là AQuý; nhưng y chỉ trơ trọi có một mình. Vậy viết AQuý cũng chẳng có bằng chứng gì. Còn những chữ lạ khác cũng âm "quây" thì tìm không ra. Trước đây, tôi cũng có hỏi qua cụ Tú con cụ Triệu; nào ngờ một người uyên bác như cậu ấy mà cũng mù tịt. Cậu ta lại kết luận rằng đó là tại ông Trần Độc Tú đấy! Ông ta ra tờ *Tân thanh niên*⁽¹⁾ rồi đề xướng việc đem chữ Trung Quốc mà viết theo lối chữ Tây, thành ra quốc túy trăm luôn, không biết tra khảo vào đâu nữa. Cuối cùng, tôi đành phải nhờ một người làng lục hộ hồ sơ án AQ xem sao. Ròng rã tám tháng trời, người ta mới trả lời cho tôi rằng: Trong bản án không hề thấy tên nào đọc na ná là AQuay cả, không biết có chắc hay không, hoặc giả người ta không tra khảo gì cả cũng nên, nhưng tôi không còn cách nào khác nữa. Sợ lối "chú âm phù hiệu" chưa được thông dụng, tôi đành dùng lối chữ Tây, theo cách phiên âm của người Anh mà viết thành AQuây, và viết tắt là AQ vậy. Như thế, tôi đã nhầm mắt làm theo bọn *Tân thanh niên*, trong

⁽¹⁾ Trần Độc Tú cực lực chủ trương bỏ hẳn cách viết chữ Hán mà viết theo tự mẫu Latinh. Hồi đó, Lỗ Tấn cũng từng chủ trương như vậy. Đây chỉ là nhân tiện viết mấy câu để châm biếm những khối óc bảo thủ không muốn thay đổi.

lòng cũng hết sức áy náy, nhưng cậu Tú còn bí nữa là tôi đây, biết làm thế nào?

Bốn là quê quán AQ. Nếu như y là người họ Triệu thì theo thói quen hay xưng quận vọng, có thể chiếu theo chỗ chú giải trong cuốn *Quận danh bách gia tính*⁽¹⁾ mà nói rằng: y là người "Thiên Thủy, miền Lũng Tây". Nhưng đáng tiếc, AQ họ gì chưa rõ lắm, thì quê quán y ở đâu cũng chưa có thể định được. Tiếng rằng AQ bình sinh vẫn trú ngụ ở làng Mùi, nhưng y lại cứ luôn luôn đi ngủ trọ đâu đâu ấy. Thành thử không thể nói y là người làng Mùi được. Nếu nói là người làng Mùi thì trái với phép viết sử.

Một điều an ủi cho tôi là A⁽²⁾ thì đúng hết sức, quyết không mắc vào khuyết điểm vợ quàng vợ xiên, có thể đưa ra tuyên bố cùng các nhà thông thái được. Còn như những việc khác, thì kẻ thiên học này không dám xuyên tạc, chỉ mong các đồ đệ của ông Hồ Thích Chi⁽³⁾ là những người "sính lịch sử, sính khảo cứu" sau này có tìm ra manh mối gì khác chăng? Nhưng

⁽¹⁾ *Bách gia tính* là bộ sách võ lòng ngày trước đi học, thường dùng. Các tên họ sắp thành thơ bốn chữ cho dễ đọc. *Quận danh bách gia tính* cũng thuộc loại đó; mỗi hộ có chú thêm tên quận (cũng gọi là quận vọng), chỉ họ ấy nguyên thời trước ở đất nào. Thí dụ: họ Triệu ở Thiên Thủy, Lũng Tây...

⁽²⁾ A là tiếng người Trung Quốc dùng để gọi một người nào, khi không cần gọi họ, nhất những người dưới mình. Thí dụ: AQuây, AHúng.

⁽³⁾ Hồ Thích Chi tức là Hồ Thích, nhà văn phản động, trước kia cũng từng tham gia mặt trận văn hóa thời Ngũ Tứ.

lúc đó, e cuốn *AQ chính truyện* của tôi đã mất tích từ bao giờ rồi.

Trên đây cũng cho đi là một bài tựa⁽¹⁾.

II. LƯỢC THUẬT NHỮNG CHUYỆN ĐẮC THẮNG CỦA AQ

AQ không những tên, họ, quê quán đều mập mờ, cho đến "hành trạng" trước kia ra sao cũng không rõ ràng nốt. Số là người làng Mùì đối với AQ xưa nay thì cần y làm công cho, hoặc chỉ đem y ra làm trò cười mà thôi, chứ không bao giờ có ai chú ý đến "hành trạng" của y cả. Mà chính y tự mình cũng chưa hề bao giờ nói tới chuyện đó hết. Chỉ có những lúc cãi lộn với ai thì họa hoằn y mới trừng mắt ngược lên mà tuyên bố:

- Nhà tao xưa kia có bề có thế bằng mấy mây kia! Thứ mây thấm vào đâu!⁽²⁾

⁽¹⁾ Về bài tựa này, và giọng văn hài hước ở đây, nên xem thêm bài "*Vì sao tôi viết AQ chính truyện*": "Vì muốn thực hiện ý nghĩ *Mục Vui*, cho nên tôi cũng xen tấp nham vào vài ba câu ba lơn mà giờ đây xét lại thì thấy cũng chả cần thiết gì với nội dung truyện cho lắm".

⁽²⁾ AQ không có dũng khí phản kháng, mà lại tìm cách tự lừa dối mình, vin vào dòng họ của mình, cho mình hơn người khác. Đó cũng là khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của AQ. Nói rộng ra, đó cũng là chủ nghĩa quốc túy, chủ nghĩa phục cổ, tự cao tự đại, về dân tộc, về văn minh tinh thần của giai cấp phong kiến thống trị Trung Quốc thời bấy giờ.

AQ không hề có nhà cửa. Y trọ ngay trong đền Thổ Cốc làng Mùì. Y cũng không có nghề nghiệp nhất định, chỉ đi làm thuê làm mướn cho người ta, ai thuê gặt lúa, thì gặt lúa, ai thuê giã gạo thì giã gạo, ai thuê chõng thuyền thì chõng thuyền⁽¹⁾. Ngộ những lúc công việc kéo dài thì y ở lại trong nhà chủ tạm thời hôm đó, xong công việc lại đi. Cho nên, người ta có công việc bận bịu lắm thì còn nhớ đến AQ, nhưng nhớ là nhớ công ăn việc làm, chứ nào phải nhớ gì đến "hành trạng"! Rồi đến lúc công việc rồi thì luôn cả AQ, người ta cũng chẳng nhớ nữa, còn nói gì đến "hành trạng"!

Ấy thế mà có một lần, một ông lão nào đã tặng bók y một câu như sau: "AQ được việc thật!". Lúc đó, AQ đang đánh trần đứng trước lão, người gầy gò và bộ uể oải; người ngoài nghe chả ai hiểu lão kia nói thật hay chế giễu, nhưng AQ rất lấy làm đắc ý.

⁽¹⁾ Về thành phần AQ, trước đây có hai ý kiến: Một ý kiến cho rằng AQ là "dân vô sản lưu manh", một ý kiến cho là "bần cố nông". Xem đoạn này thì rõ ràng ý kiến sau đúng hơn. Nghề của chú ta làm "công vật" cho các nhà địa chủ ở thôn quê. Trong bài *Thơ gửi ban biên tập tuần báo kịch* (tập *Thả giời đình*), Lỗ Tấn có viết: "Theo ý tôi, AQ trạc ba mươi tuổi, hình dáng bình thường, có cái chất phác dân điền nông dân, nhưng cũng có tiếm nhiễm ít nhiều cái xô lá của bọn du thủ du thực ở Thượng Hải, có thể tìm thấy bóng dáng y ở các người kéo xe tay, xe xích lô, tuy thế AQ không có bộ dạng lưu manh, cũng không giống bọn du đảng lang thang ngoài hè phố". Nhận xét này giải thích một số hành trạng mà tác giả kể ở những trang sau.

AQ lại có tính tự cao. Cả bấy nhiêu mặt dân trong làng Mùì, y tuyệt nhiên không đếm xỉa đến ai cả. Cho đến hai cậu đồ trong làng cũng vậy, y vẫn xem thường hết sức. *Phù cậu đồ giả*, ngày sau có thể thành thầy tú *giả* đấy⁽¹⁾. Cụ Cố nhà họ Triệu và cụ Cố nhà họ Tiền là hai người mà trong làng ai ai cũng kính trọng, bởi vì hai cụ gia tư đã giàu có, lại hai cậu con là hai cậu đồ; thế mà chỉ một mình AQ là không ra vẻ sùng bái lắm. Y nghĩ bụng "Con tớ ngày sau lại không làm nên, to bằng năm mười lăm ấy à!"⁽²⁾. Hơn nữa AQ lại có thể lên mặt với cả làng Mùì ở chỗ y đã lên huyện⁽³⁾ mấy bận, mặc dù y có trọng gì lũ phố phường! Thì chẳng hạn, như cái ghế dài ba thước, rộng ba tấc, ở làng Mùì gọi là cái "ghế dài", AQ cũng gọi là "ghế dài", thế mà trên huyện, gọi là "tràng kỷ"! Y nghĩ bụng: "Gọi thế là sai! Là đáng cười!". Ở làng Mùì, rán cá, người ta bao giờ cũng cho thêm một vài lá hành dài bằng ba đốt ngón tay, thế mà trên huyện, họ lại cho nhánh hành thái nhỏ vào, AQ nghĩ bụng: "Thế là sai, là đáng cười!" Nhưng người làng Mùì là những người nhà quê, chưa hề đi đâu cả, lại chẳng đáng cười hơn ai hết

(1) Lỗ Tấn có ý đặt câu văn theo lối cử tử.

(2) Đó là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của chú AQ, y không hơn được người khác, nhưng con cháu y sẽ hơn người khác.

(3) Ở Trung Quốc, huyện rất lớn, cho nên người nông thôn ít có dịp lên huyện.

hay sao? Một đời chúng nó chưa hề biết trên huyện người ta rán cá như thế nào kia mà⁽¹⁾.

AQ là người "trước kia có bề có thể", kiến thức rộng, lại "được việc", kể ra cũng đã có thể gọi là người "hoàn toàn" lắm rồi. Chỉ đáng tiếc là trong người y còn có một tí khuyết điểm. Bực bội nhất là ngay trên đầu có một đám sẹo to tướng chẳng biết từ bao giờ. Mặc dù đám sẹo đó cũng là vật sở hữu của y, nhưng xem trong ý tứ y thì hình như y cũng chẳng cho là quý báu gì, bởi vì y kiêng tuyệt không dùng đến chữ "sẹo" và tất cả những tiếng âm gần giống âm "sẹo". Về sau cứ mở rộng phạm vi dần, tiếng "sáng", tiếng "rạng" cũng kiêng, rồi kiêng "đèn", tiếng "đuốc" cũng kiêng suốt. Chẳng cứ người nào, bất kỳ vô tình hay hữu ý mà phạm phải húy là AQ nổi giận, cái đám sẹo đỏ ửng lên, y nhìn để đánh giá đối thủ, rồi kể ít mồm ít miệng là y chửi, kể sức yếu là y đánh. Nhưng chẳng biết thế quái nào, AQ thường vẫn thua nhiều hơn là được. Do đó y thay đổi dần dần chính sách, về sau chỉ lườm kẻ thù bằng một cặp mắt giận dữ nữa mà thôi⁽²⁾.

Nào ngờ, sau lúc AQ thi hành cái chính sách

⁽¹⁾ Cũng là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần". Người nơi khác không làm như người làng y, là họ sai, và y hơn họ, trái lại AQ hơn người làng y ở chỗ y biết nhiều hiểu rộng. Như thế là lấy mình làm bản vị để nhận xét người khác.

⁽²⁾ "Lườm kẻ thù mạnh hơn mình bằng một cặp mắt giận dữ" nhưng không dám chống cự lại, cũng là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần".

"lườm nguýt" đó thì bọn vô công rồi nghề ở làng Mùì lại càng thích chọc ghẹo y hơn. Hễ thấy mặt AQ đâu là y như chúng nó giả vờ làm bộ ngạc nhiên nói:

- Ở kia! Sáng quang lên rồi kia kia!

AQ lại nổi giận, lại lườm bằng một cặp mắt rất dữ tợn. Nhưng chúng nó vẫn không sợ, cứ nói:

- Ấ té ra có ngọn đèn bảo hiểm⁽²⁾ kia kia.

Không có cách gì đối phó, AQ đành nghĩ ra một câu để trả thù:

- Thứ chúng mày không xứng...

Lúc đó, y lại cảm tưởng rằng cái sẹo trên đầu y không phải là một cái sẹo tầm thường mà là một cái sẹo vinh diệu, danh giá nữa kia. Nhưng như trên kia đã nói, AQ là người kiến thức rộng, y biết ngay rằng nếu y nói nữa nhất định sẽ phạm húy, nên y không nói hết câu.

Thế mà lăm đưa vẫn chưa chịu thôi, cứ ghẹo y, thành ra cuối cùng lại đánh nhau. Thực tế thì AQ thua, người ta nắm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y và giúi đầu vào tường thành thành bốn năm cái liên rồi mới hả dạ bỏ đi. Còn AQ thì đứng ngẩn người ra một lúc, nghĩ bụng:

- Nó đánh mình thì khác gì nó đánh bố nó. Thật thời buổi này hết chỗ nói⁽¹⁾.

⁽²⁾ Thứ đèn thợ mỏ vẫn dùng ở dưới hầm để trông cho rõ mà làm việc.

⁽¹⁾ Đoạn này Lỗ Tấn nói đến một khía cạnh thần diệu của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của chú AQ. Không cần cứ vào đâu cả, AQ tự cho mình là bố người khác: "Nó đánh mình thì khác gì đánh bố nó!"

Rồi cũng hôn hở ra về, về đắc thắng.

Cái điều AQ vừa nghĩ trong bụng, về sau y nói toạc ra. Vì vậy, những kẻ vẫn hay chọc ghẹo y đều biết rõ cái thủ đoạn đắc thắng tưởng tượng của y. Cho nên, từ đó hễ đứa nào tóm lấy đuôi sam vàng hoe của y, nó cũng bảo:

- AQ này! Đây không phải là con đánh bố đâu nhé! Đây là người đánh con vật, nghe chưa? Hãy nói đi nào: người đánh con vật.

AQ hai tay cố giữ lấy cái đuôi sam, ghéech đầu lên nói:

- Đánh con sâu! Được chưa! Tở là sâu! Chưa thả ra à!

Tuy AQ đã nhận là sâu rồi mà nó vẫn chưa chịu thả. Nó còn tóm lấy đầu y giúi luôn năm sáu cái thỉnh thỉnh nữa vào chỗ nào gần đó rồi mới hôn hở bỏ đi, yên trí rằng sau trận này, y có thể xấu hổ mà chết đi được! Nhưng chưa đầy mười giây đồng hồ sau, AQ đã lại hôn hở ra về có vẻ đắc thắng. Y nhận thấy y là người giỏi nhịn nhục bậc nhất, và ngoài việc "nhịn nhục" ra, thì về mọi phương diện, y vẫn là người "bậc nhất". Trạng nguyên cũng chỉ là người "bậc nhất" mà thôi! "Thứ mày kể vào đâu".

Sau lúc đã dùng bấy nhiêu phương pháp thần diệu ra đối phó với kẻ thù, AQ liền khoan khoái đi tới quán rượu, nốc luôn mấy chén, đùa cợt với anh này, cãi lộn với anh kia, lại "đắc thắng" rồi mới hôn hở về đền Thổ Cốc, ngã ra làm một giấc đến sáng.

Giá phỏng trong túi sẵn tiền thì AQ đi đánh bạc. Giữa một đám người xúm nhau ngồi xổm, AQ mặt đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi, chen ngay vào, tiếng nói giòn hơn ai hết.

- Này, cửa *Thanh lang*, bốn quan đây!

- Mở lối!

Bác nhà cái vừa mở vừa xướng, mặt cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi.

- *Thiên môn lối*... Bao nhiêu cửa giác cho về lối! cửa nhân và Xuyên đường để lại lối! Tiền AQ đâu? Đưa đây!

- Cửa *Xuyên đường* một quan này! Quan năm này!

Giữa bấy nhiêu tiếng xướng ngân nga đó, tiền của AQ cứ thế dần dần luồn vào túi một bọn người khác, mặt cũng như mặt y, cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi. Cuối cùng, AQ đành tháo ra ngoài vòng, đứng sau lưng bọn con bạc mà nhìn vào và hồi hộp thay cho kẻ khác, cho đến lúc tan sòng mới ngậm ngùi trở về đền Thổ Cốc, để hôm sau sẽ lại vác cặp mắt sưng húp đi làm thuê.

Kể ra "mất ngựa biết đâu không phải là một điều may cho ông già cửa ải"⁽¹⁾. Đã có lần, AQ bất hạnh

⁽¹⁾ Dịch câu "Tái ông thất mã, an tri phi phúc" trong *Hoài nam tử*, Lỗ Tấn hay dùng điển tích để đùa bỡn với lối văn cổ. *Hoài nam tử* chép chuyện Tái ông như sau:

"Ông cụ già cửa ải mất ngựa. Người ta đến hỏi thăm, ông nói: "Biết đâu mất ngựa không phải là điều may!". Máy

được luôn một canh bạc, nhưng lần ấy cơ hồ lại như là thất bại.

Đêm hôm ấy, làng Mùi rước thần. Theo lệ thường, làng có tổ chức một đám hát. Bên rạp hát, cũng theo lệ thường, có mấy sòng bạc. Đối với AQ, tiếng trống, tiếng phèng la bên rạp như phảng phất ở đâu ngoài mười dặm đường xa dội lại. Chỉ có tiếng xướng của nhà cái là y nghe rành mạch. Y được luôn mấy hội. Tiền đồng thành bạc hào, bạc hào thành bạc đồng, bạc đồng chất dần thành một đồng; AQ đắc ý, mặt mày nở hân lên.

- *Này! Thiên môn hai đồng này!*

AQ không biết rõ ai đánh nhau với ai và vì cớ gì, chỉ thấy tiếng mắng chửi, tiếng đám đá cứ ào ào loạn xạ cả lên, choáng cả đầu óc một hồi khá lâu. Lúc y ngồi dậy được thì lũ con bạc đã biến đâu mất, cả bọn người xung quanh hồi nãy cũng không thấy một ai nữa. AQ cảm thấy có mấy chỗ đau ran lên

tháng sau, con ngựa vừa mất lại dẫn một con ngựa khác rất tốt về. Người ta đến mừng ông. Ông lại nói: "Biết đâu được ngựa không phải là điều rủi". Quả nhiên, vài hôm sau, người con ông cưỡi ngựa, ngã, gãy mất một chân. Người ta lại đến thăm, ông nói: "Biết đâu không phải là một điều may". Thì năm sau, vùng ấy bị giặc đến cướp, người làng ra đánh bị chết gần hết, duy hai bố con ông, vì bố già con què mà sống sót.

Câu chuyện Tái ông, người ta vẫn thường dẫn làm điển tích văn liệu để nói rằng: việc đời may rủi thật khó mà biết trước.

như vừa bị mấy quả đấm, mấy cú đá vào người. Trước mặt y, một bọn đứng nhìn ra vẻ ngạc nhiên. AQ bàng hoàng chạy về đền Thổ Cốc, rồi đến lúc định được thần hồn thì mới sực nhớ ra rằng đồng tiền của mình cũng bay đâu mất rồi. Trong mấy ngày hội, bọn phường bạc đều là người tứ chiếng, biết dò đâu cho ra manh mối?

Rõ ràng một đồng bạc đồng trắng xóa lên đó, mà lại là của mình, thế mà bây giờ biến đâu mất! Cứ cho là "con chó cướp của bố đi" và tự mắng mình là đồ "con sâu", cũng vẫn không khuây được. Lần ấy, AQ mới hơi cảm thấy nỗi đau khổ của một cuộc bại trận thật tình.

Nhưng chẳng mấy chốc AQ đã chuyển bại thành thắng. Y sẽ dang cánh tay phải lên, ráng hết sức đánh vào mặt y luôn hai bạt tai, đau ran. Đánh xong, y hình như đã hả dạ, tựa hồ người đánh là mình mà người bị đánh lại là một "mình" nào khác... Rồi một lát, y có cảm tưởng rằng y vừa mới đánh một đứa nào ấy, mặc dù còn đau nhức cả mặt mũi. Y hả lòng hả dạ ngả lưng xuống giường.

Thế là ngủ thẳng.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Đây là khía cạnh kỳ diệu nhất của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của AQ có nhiều cách chuyển bại thành thắng; tự đề cao mình, xem khinh kẻ thù, lờm nguýt kẻ thù, cho mình là bố người khác, tự đánh mình mà lại có cảm tưởng là mình đánh người khác!

III. LƯỢC THUẬT THÊM VỀ NHỮNG CHUYỆN ĐẮC THẮNG CỦA AQ

Tiếng rằng AQ bao giờ cũng "đắc thắng", nhưng thật ra mãi đến ngày Cụ Cố nhà họ Triệu tát cho mấy tát tai vào mặt thì y mới nổi tiếng hẳn.

Đưa hai quan tiền rượu kỉnh bác khán xong xuôi rồi, AQ uất ức về nhà, ngã lưng xuống giường, nghĩ bụng: "Thời buổi này, hết chỗ nói! Con đánh bố!". Nhưng lại sực nghĩ ra rằng: Cụ Cố nhà họ Triệu, oai vệ biết bao nhiêu mà mình cũng xem như là bậc con mình, cho nên y lại dần dần tỏ vẻ đắc ý. Rồi y đứng dậy, hát bài "*Gái góa thăm mộ*"⁽¹⁾ và đi tới quán rượu. Trong lúc đó, y có cảm tưởng là Cụ Cố nhà họ Triệu vẫn là nhân vật oai vệ hơn ai hết.

Nói nghe có vẻ lạ lùng, nhưng từ hôm AQ bị đánh, thì quả nhiên người làng đối với y xem chừng kiêng nể hơn trước nhiều. Thấy vậy, AQ nghĩ bụng: "Hắn có lẽ bởi vì mình là bực bố Cụ Cố nhà họ Triệu!". Thật ra, nào có phải thế. Theo lệ thường, ở làng Múi, nếu tên Kèo đánh tên Cột, anh Ba đánh anh Năm thì xưa nay chẳng ai để ý đến cả. Nhưng có dính dáng đến một nhân vật "xù" như là Cụ Cố nhà họ Triệu chẳng hạn, thì mới có tiếng đồn. Lúc đã có tiếng đồn thì không những người đánh đã có danh có giá mà luôn cả người bị đánh cũng nhờ đó mà lẫy

⁽¹⁾ Một vở kịch lưu hành ở địa phương Thiệu Hưng (Chiết Giang), quê tác giả.

lùng⁽¹⁾. Còn như nói đến sự phải trái thì nhất định là lỗi về AQ rồi, không cần phải bàn nữa. Tại sao vậy? Thì chả lẽ Cụ Cố nhà họ Triệu lại có thể có lỗi được hay sao?⁽²⁾ Nhưng, nếu AQ có lỗi, thì sao người ta lại có vẻ kiêng nể y hơn trước? Nào ai biết đâu đấy? Kể xuyên tạc thì cho rằng hoặc giả là vì AQ nói y là bà con với Cụ Cố họ Triệu, tuy bị đánh đấy, song người ta vẫn e rằng AQ nói cũng có phần nào đúng, thà kiêng nể y chút đỉnh có lẽ cũng êm hơn. Nếu không phải như thế thì có thể nói là AQ cũng như con bò thái lao tế thánh⁽³⁾, tuy cũng chỉ là một con vật, chẳng khác con dê, con lợn thường, nhưng đã được Đức thánh ngài nhúng dũa vào rồi thì bao nhiêu tiên nho, đồ bác nào dám động vào nữa!

Từ đó AQ đắc ý được mấy năm ròng.

Rồi đến mùa xuân năm nọ, AQ say mê bước đi trên con đường làng, bỗng thấy lão Vương râu xồm đang mình trần truội truội, ngồi bắt rận bên một góc tường dưới bóng mặt trời. Bất giác, AQ cũng nghe

⁽¹⁾ Tác giả cực tả uy thế tinh thần, uy thế chính trị tuyệt đối của giai cấp địa chủ ở nông thôn.

⁽²⁾ Sống trong sự áp bức trường kỳ của giai cấp địa chủ, dân làng Mùì đã trở nên mê muội đến mức chỉ biết phụ họa giai cấp địa chủ. Vô hình chung, Lỗ Tấn đã đặt ra một vấn đề rất lớn là giác ngộ quần chúng nông thôn, phóng tay phát động họ thì mới làm cho cuộc cách mạng ở nông thôn thắng lợi được.

⁽³⁾ Theo tục lệ tế lễ ngày trước thì *thái lao* chỉ bò, lợn, dê (tam sinh) về sau thì *thái lao* chỉ con bò.

ngửa ran cả mình lên. Cái lão Vương râu xồm này, râu vừa xồm lại vừa lấm sọc, trong làng vẫn quen gọi là lão Vương sọc xồm, nhưng AQ bỏ bớt chữ "sọc" đi. Vì AQ khinh lão ra mặt. Cứ trong ý tứ AQ thì sọc chẳng lấy gì làm lạ cả, chỉ bộ râu quái nón kia mới là kỳ quặc, mới là chướng mắt⁽¹⁾. Thế rồi AQ sẽ ngồi xuống cạnh Vương râu xồm. Kể ra, nếu là kẻ khác thì chưa hẳn AQ đã ngồi một cách vô ý vô tứ như vậy. Nhưng lão râu xồm này thì sợ cóc gì mà chẳng ngồi! Nói trắng ra, AQ chịu ngồi như thế này là vẻ vang cho lão ta lắm rồi.

AQ cũng cởi mảnh áo cộc cụt rách ra, và cũng mần mò, tìm tòi một lúc. Chẳng biết vì áo mới giặt hay là vì AQ lơ đãng mà một hồi khá lâu, y chỉ bắt được có ba bốn con thôi! Liếc qua bên cạnh thấy lão râu xồm đã làm luôn một lúc ba, bốn, năm, sáu con, và cứ con này đến con khác, chét vào răng, cúp nghe đánh "bụp" lên từng tiếng một!

AQ lúc đầu còn thất vọng, sau phải cúi lên. Làm sao cái lão Vương râu xồm đáng ghét thế kia mà lại bắt được nhiều rận như vậy, còn mình thì ít ỏi thế này, còn gì là thể thống nữa? Y muốn tìm cho ra một hai chú rận to, thế mà vẫn không được. AQ nét mặt hầm hầm, nhét vào giữa cặp môi dày, ráng hết sức cúp một cái, thế mà tiếng cúp lại chỉ tẹt một tiếng, vẫn không kêu to bằng Vương râu xồm.

⁽¹⁾ AQ chỉ thấy cái xấu của người khác, không thấy cái xấu của mình.

Vết sẹo trên đầu AQ đỏ bừng lên. Y vắt mẹ áo xuống đất, nhổ một bãi nước bọt nói:

- Đồ sâu róm!

- Đồ chó ghẻ, mày mắng ai đấy!

Vương râu xồm vừa trả lời vừa ngược mắt lên, ra vẻ khinh bỉ.

Gần đây, AQ tiếng được người ta kiêng nể và cũng hay lên mặt, nhưng gặp tụi lưu manh trong làng thường cà khịa với y thì y vẫn e sợ. Chỉ có lần này là tinh thần thượng võ của y lại hăng lên ghê lắm! Cái thằng râu quai nón xồm xoàm cả mặt kia mà cũng dám nói lếu nói láo à?

- Thằng nào nghe là chửi thằng ấy!

AQ đứng phắt dậy, hai tay chống nạnh.

- Thằng này lại ngựa xương ống rồi hẳn?

Vương râu xồm vừa nói vừa khoác áo lên mình, cũng đứng dậy.

AQ tưởng nó định chuẩn, thốc ngay vào, cho một quả đấm. Nào ngờ quả đấm chưa bèn tằm thì Vương râu xồm đã tóm lấy AQ giật một cái. AQ loạng choạng ngã sấp xuống. Tức thì Vương râu xồm níu lấy cái đuôi sam, lôi tới bên tường, định chiếu lệ giúi đầu vào tường... AQ ghéch đầu lên nói:

- Người quân tử chỉ đấu khẩu, ai đi đấu sức?⁽¹⁾

⁽¹⁾ Lúc thua, AQ mới nghĩ đến cách cư xử của người quân tử để tự đề cao và khinh rẻ kẻ thù. Đó cũng là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần".

Hình như lão Vương râu xồm này không "quân tử" cho lắm, nên nó không đếm xỉa tới câu nói ấy, cứ giúi đầu AQ vào tường luôn năm cái liền, đoạn ráng sức xô một cái thật mạnh làm cho AQ ngã té ra đằng kia có đến năm sáu thước, bấy giờ mới hả dạ, đắc ý bỏ đi.

Trong ký ức của AQ thật chưa bao giờ có một chuyện nhục nhã như thế. Số là đối với Vương râu xồm quai nón kia, AQ cười nó thì có, chứ chưa bao giờ nó lại dám cười, dám thượng cẳng chân hạ cẳng tay, ai ngờ như thế được! Chẳng lẽ lại đúng như người ta nói: vì đức Hoàng đế sắp bỏ khoa thi, không cần lấy tú tài cử nhân nữa, do đó mà thanh thế họ Triệu nhà mình từ nay kém oai đi. Có thể chúng nó mới dám xem thường khinh mình ra mặt.

AQ đứng ngơ ngác chả hiểu thế nào cả.

Đằng xa có người đi tới. Thì chính là kẻ thù của AQ. Hắn là đứa mà AQ xưa nay vẫn ghét đứt mất đi được. Ấy là thằng con cả Cụ Cố nhà họ Tiền. Trước đây, hắn có lên học trường Tây trên tỉnh, rồi không biết thế nào lại tuốt sang Nhật. Vừa năm sau, hắn về nhà, cặp giò cứ ngay đơ ra⁽¹⁾, cái đuôi sam cũng biến đâu mất. Mẹ hắn khóc bù lu bù loa mấy mươi bận, rồi vợ hắn cũng nhảy xuống giếng định tự tử ba lần liền. Về sau, mẹ mẹ hắn đi đâu cũng nói: "Cái đuôi

⁽¹⁾ Cách nói của người thôn quê chế giễu những người mặc âu phục.

sam kia là bị một bọn côn đồ phục rượu cho say rồi cắt mất đi đấy! Lẽ ra cháu nó có thể làm quan to rồi kia... Nhưng bây giờ thì đành phải chờ cho tóc dài trở lại đã rồi mới nói chuyện ấy?". Nhưng AQ không chịu tin như vậy, cứ gọi cậu cả nhà họ Tiền là "thằng Tây giả", là "Hán gian", hề thấy mặt là chửi thảm trong bụng.

Điều mà AQ ghét cay ghét đắng là cái đuôi sam giả của hắn. Đến cái đuôi sam mà cũng giả nốt thì còn gì là nhân cách? Thế mà con vợ hắn không biết đường nhảy xuống giếng một lần thứ tư nữa cho chết quách đi, thì thứ đàn bà ấy quyết không phải là hạng người chính đính!...(1).

Lão "Tây giả" đi lại gần.

- Thằng trọc! Đồ con lừa!

Xưa nay AQ thấy hắn, vẫn chỉ chửi thảm trong bụng. Nhưng lần này vì "chính khí" mà nổi giận, và vì muốn trả thù, nên trong lúc vô tình y đã thốt thành lời. Ai ngờ "thằng trọc" đã hầm hầm bước tới, tay cầm chặt cái ba-toong sơn vàng mà y vẫn gọi là cây gậy đại tang. Trong giây lát, y biết ngay là có lẽ hắn sẽ đánh, cho nên y triển hết gân, gò cả hai vai lên mà chờ... thì quả nhiên *đốp, đốp!* tựa hồ cái gậy kia đã giáng vào đầu y rồi!

- Tớ nói thằng kia cơ mà!

(1) Đây là tư tưởng phong kiến về người phụ nữ mà AQ chịu ảnh hưởng của giai cấp thống trị.

AQ chỉ đưa bé đứng bên cạnh, phân bua.

Đốp! Đốp! Đốp!

Đây lại là việc nhục nhã thứ hai trong ký ức AQ. Cũng may là ngay sau tiếng *đốp! đốp!* đó thì AQ đã lại tựa hồ cho thế là xong, hẳn đi một chuyện, và y đã cảm thấy trong người nhẹ nhõm. Vả lại "quên" là cái bửu bối gia truyền, rất thần hiệu của AQ trong những trường hợp này. AQ chậm rãi đi tới quán rượu, có vẻ đắc ý.⁽¹⁾

Nhưng trước mặt y, cô tiểu chùa Tĩnh Tu đã ở đầu đường kia đi lại. Ngày thường, cứ mỗi lần gặp cô tiểu này là thế nào AQ cũng chửi một câu, hướng hồ hôm nay, sau khi y vừa bị nhục. AQ sức nhớ điều gì, thế là lại nổi giận. Y nghĩ bụng: Thì ra vì hôm nay ông bước chân ra cửa là gặp ngay lấy mày. Thảo nào xúi quẩy như thế!

AQ bước tới, nhổ một bãi nước bọt đánh toạch một cái.

- Khạc! Phì!

Cô tiểu cứ cúi đầu đi, không ngoảnh lại. AQ sấn tới gần cô ta, bồng giơ tay xoa ngay vào cái đầu vừa mới cạo, cười gằn lên và nói:

- Con trọc! Về nhanh lên, sư cụ chờ kia kìa!

⁽¹⁾ "Chống quên", "dễ quên" những điều tổn thất và những điều nhục nhã mình phải chịu cũng là một khuyết điểm có liên quan mật thiết với "phương pháp thắng lợi tinh thần". Chỉ có như thế thì lúc nào cũng mới thấy được mình hơn người khác.

- Ngứa chân ngứa tay à?

Cô tiểu mặt đỏ bừng, vừa nói vừa rảo bước. Bao nhiêu người trong quán rượu đều cười ồ lên. Thấy trò chơi của mình có người thưởng thức, AQ càng cao hứng tợn:

- Sự cụ sờ được, tớ lại không sờ được à?

Rồi AQ véo một cái vào má cô tiểu. Bao nhiêu người trong quán lại cười ồ lên một thôi nữa. AQ đắc ý. Muốn cho bấy nhiêu "khán giả" được hài lòng, y ráng sức véo luôn một cái nữa thật mạnh vào má cô bé rồi buông tay.⁽¹⁾

Sau khi đã lập được "chiến công" này, AQ đã quên cả Vương râu xồm, quên cả lão "Tây giả" rồi; và hình như bao nhiêu nỗi bất bình, bao nhiêu điều "xúi quẩy" ngày hôm ấy đã rửa được sạch sành sanh. Mà lạ lùng thay, lúc bấy giờ y nghe hình như người y nhẹ hẫng đi, nhẹ hơn lúc bị mấy ba-toong đánh *đốp!* *đốp!* vào đầu nữa. AQ hớn hở tựa hồ như bay bổng lên tít mòi trên mấy tầng mây.

Xa xa đằng kia còn vẳng nghe tiếng cô tiểu chửi lồng trong tiếng khóc: "Cha thằng AQ! Đồ tuyệt tự!".

- Ha! Ha! Ha!

AQ cười đắc ý.

⁽¹⁾ Lỗ Tấn đưa chi tiết này vào đây để đối chiếu với chi tiết trên kia. AQ sợ người ác, nhưng lại bắt nạt người lành. Không đánh được lão "Tây giả" thì y chọc cô tiểu chùa Tỉnh Tu. Đằng nào, AQ cũng phải thắng mới chịu.

- Ha! Ha! Ha! Ha!

Bao nhiêu người trong quán rượu cũng cười, cũng đặc ý gần bằng A Q.

IV. BI KỊCH TÌNH YÊU

Có kẻ nói rằng: nhiều người thường ước ao gặp được đối thủ của mình khoẻ như cọp, dữ như cắt, có thể thắng trận mới thỏa thích. Nhược bằng yếu như cừu, như gà con, thì dù có thắng cũng vô vị. Lại còn có những người, lúc thắng rồi, mắt nhìn thấy kẻ thù của mình hồi trước, bây giờ đũa chết cũng đã chết rồi, đũa hàng cũng đã cúi đầu van xin "cần rơm, cần cỏ" rồi, thì trên đời không ai là địch thủ với họ nữa, không ai chống chọi với họ nữa, không ai là bạn bè, là lứa tác với họ nữa, chỉ một mình vô võ, chẳng ai hơn, tự khắc họ cảm thấy lạnh lùng, cô đơn, hiu quạnh, và cũng cảm thấy nỗi đau đớn của sự thắng trận. Nhưng AQ của chúng ta thật chưa hề cảm thấy có cái trạng thái hiu quạnh nói trên. AQ là một người bao giờ cũng hơn hở tự đắc. Phải chăng đó chính là cái biểu hiện đủ chứng tỏ rằng: văn minh tinh thần của Trung Hoa nhà ta quả là bậc nhất trên hoàn cầu?

Thì các người xem: AQ lòng đang phơi phơi kia kìa!

Tuy nhiên, cuộc thắng trận này có làm cho AQ

cảm thấy trong tâm hồn y khang khác thế nào ấy! Y nhẹ nhàng rảo bước trên con đường làng một lúc lâu rồi hôn hờ đi về đền Thổ Cốc. Lẽ ra, theo lệ thường, AQ đã ngả lưng ra kéo khò khò một giấc rồi; ai ngờ hôm ấy, y lại không tài nào nhắm mắt được. Y cảm thấy đầu ngón tay cái và ngón tay trỏ có cái gì là lạ: nghe nó cứ nhờn nhờn khác mọi hôm! Phải chăng trên gò má cô tiểu hồi nãy có tí dầu, tí mỡ gì đã dính vào đây? Hay là chỉ sờ vào gò má cô tiểu mà bây giờ trơn lì như thế này!...

- "Cha thằng AQ, đồ tuyệt tự!"...

AQ còn như văng vẳng bên tai bấy nhiêu tiếng chửi. Y nghĩ bụng: "Phải rồi, đã là đàn ông thì phải có một người vợ. Tuyệt tự thì rồi ai cúng cơm cho. Phải có một người vợ. *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*⁽¹⁾. Mà làm cái kiếp quý đói như Nhược Ngao⁽²⁾ ngày xưa thì trong đời người còn gì thảm thiết bằng! Kể ra ý nghĩ của AQ thật đúng với kinh truyện thánh hiền thuở trước hết sức. Chỉ tiếc một điều là từ nay trở đi, AQ không tài nào kiếm chế nổi cái "nổi lòng canh cánh" của y nữa!

AQ mơ màng:

"Đàn bà!... Đàn bà!..."

"Sư cụ sờ được!... Chao!... Đàn bà!... Đàn bà!... Đàn bà!..."

AQ vẫn mơ màng...

⁽¹⁾ Chữ trong *Mạnh Tử*, thiên *Lý Lâu*, Mạnh Tử nói: Có ba tội bất hiếu, thứ nhất là tội không có con trai nối dõi.

⁽²⁾ Nhân vật tuyệt tự trong *Tả truyện*.

Chả ai biết tới hôm ấy, AQ mãi đến mấy giờ mới ngáy; nhưng đại khái là sau lúc nhận thấy hai đầu ngón tay nhờn ướt như vậy thì y cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng, phơi phới hẳn lên.

"Đàn bà!" AQ vẫn cứ mơ màng.

Chỉ chừng ấy, chúng ta cũng đã biết cái giống đàn bà nó nguy hiểm là dường nào rồi!

Đàn ông nước Trung Hoa nhà mình phần đông vốn có thể thành ông thánh ông hiền cả. Chỉ tai hại vì một lũ đàn bà mà thành ra hỏng hết!... Nhà Thương xưa kia vì một con Đắc Kỷ mà mất nước nhé!... Rồi đến nhà Chu cũng vì một con Bao Tự mà tan nát cơ đồ nhé!... Đến như nhà Tần... tuy sử sách không hề chép phân minh, nhưng chúng ta cũng cứ cho là bởi vì đàn bà đi! Vị tất đã sai. Lại còn Đổng Trác nữa, thì rõ ràng là bị con Điêu Thuyền hãm hại đứt đi rồi...⁽¹⁾

AQ vốn là người hiền lành trung hậu. Chúng ta

⁽¹⁾ Đây cũng là quan niệm về phụ nữ của giai cấp phong kiến. Trong bài *A Kim* (tập *Thả gươm đình*, Tập văn III), Lỗ Tấn viết "Tôi không tin những chuyện như Chiêu Quân xuất tái thì có thể làm cho nhà Hán yên, Mộc Lan tòng quân thì có thể bảo vệ được nhà Tùy, cũng không tin Đát Kỷ làm nhà Ân mất, Tây Thi làm nước Ngô chìm đắm, Dương Phi làm nhà Đường loạn lạc. Tôi cho rằng trong xã hội nam quyền thì phụ nữ quyết không thể có một sức mạnh lớn lao như vậy được; nước mất hay còn, người đàn ông phải gánh lấy trách nhiệm. Nhưng trước nay các nhà văn nam giới đại để đều đem tội bại vong đổ lên đầu nữ giới, đó thật là những anh đàn ông tồi, không đáng giá một đồng xu" .

không biết rõ y có từng được một vị tôn sư nào dạy lễ nghĩa cho hay không, nhưng đối với cái đạo "nam nữ hữu biệt" thì y xưa nay vẫn giữ nghiêm lắm. Một mặt khác, đối với dị đoan, tà thuyết, như đối với cô tiểu và chú Tây giả chẳng hạn, thì thật y có cái "chính khí" không hề dung thứ bao giờ! Học thuyết của y có thể tóm tắt như sau: phạm là tiểu thì nhất định có tư tình với sư cụ, và phạm là đàn bà con gái mà đi ra đường thì nhất định đi ve trai; người đàn ông đang trò chuyện cùng người đàn bà đằng kia thì tất là có tăng tịu gì rồi chứ chẳng không!⁽¹⁾ Để trừng trị lũ chúng nó, AQ vẫn luôn luôn lườm chúng nó bằng một cặp mắt dữ tợn, hoặc cố ý nói to lên mấy câu "thọc gan" cho chúng nó "chết cả ruột đi được"; còn nếu ở chỗ hẻo lánh thì y lên ra đằng sau ném cho một hòn sỏi vào lưng!

Thế mà ai ngờ sắp đến tuổi "nhi lập"⁽²⁾ rồi, AQ lại bị một cô tiểu ám hiệu làm cho tâm hồn cứ phơi phơi

⁽¹⁾ AQ không được học chữ nghĩa của thánh hiền, nhưng sống trong chế độ phong kiến, y chịu ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp thống trị. Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăngghen viết rằng: Những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại, nói một cách khác, giai cấp nào đang là lực lượng vật chất chiếm địa vị thống trị trong xã hội; thì cũng là lực lượng tinh thần chiếm địa vị thống trị.

⁽²⁾ Chữ trong *Luận ngữ*, thiên *Vi chính*, Khổng Tử tự thuật: "Năm 15 tuổi ta đã biết chăm đọc (đạo lý), 30 tuổi thì lập chí đã vững vàng (*tam thập nhi lập*). Trên đây Lỗ Tấn muốn nói lúc bấy giờ AQ đã ba mươi.

lên. Xét theo lẽ giáo thì tâm hồn phơi phơi lên vì một người đàn bà thật là điều không nên có, cho nên đàn bà quả là đáng ghét! Giá như hôm ấy, cặp má cô tiểu không có chất gì nhờn nhờn thì AQ đâu đến nỗi như người bị bùa mê? Hay là giá cặp má cô ta có một lần vãi che hắt đi thì có lẽ AQ cũng không phải mê mẩn rồi! Năm sáu năm về trước, trong một rạp hát chật ních người, có một lần AQ đã véo vào đùi một mỹ nữ, nhưng vì còn có manh quần, nên không đến nỗi mê mẩn như hôm nay. Đằng này con tiểu kia lại không biết che đậy đi như thế cho; điều đó đủ thấy dị đoan thật là khả ố!

AQ vẫn cứ mơ màng: "Đàn bà!"

Đối với bọn con gái mà y cho là "nhất định chỉ đi ve trai", AQ đã nhiều lần để ý đến chúng nó xem sao. Nhưng chúng nó tuyệt nhiên chưa hề cười với y bao giờ cả. Và trong lúc trò chuyện với đàn bà, y đã cố ý chờ đợi..., thế mà chúng nó cũng tuyệt nhiên không nói đến chuyện tăng tịu nọ kia!... A! Đó cũng là một điều làm cho đàn bà đáng ghét thật, chúng nó chỉ toàn là đạo đức giả cả.

Hôm đó, AQ ở nhà Cụ Cố họ Triệu, già gạo một ngày trời. Ăn cơm tối xong, y ngồi hút thuốc dưới nhà bếp. Nếu làm công ở nhà khác thì ăn cơm tối xong là y đi về. Nhưng ở nhà Cụ Cố, cơm tối lại ăn sớm hơn các nhà khác. Ngày thường ở nhà này ăn cơm xong là đi ngủ ngay, lẽ không được đồ đèn. Chỉ có hai trường hợp đặc biệt: một là ngày cậu Tú còn

chưa thành đạt thì tối lại, cậu có thể đổ đèn lên để sôi kinh nấu sử; hai là lúc nào AQ đến làm công thì cũng được phép đổ đèn lên mà già gạo đêm. Vì cái ngoại lệ này nên hôm ấy trước lúc đi già gạo, AQ còn ngồi hút thuốc.

Vú Ngò, người ở gái duy nhất trong nhà Cụ Cố họ Triệu, rửa bát đĩa xong cũng trèo mả ngồi trên chiếc ghế dài mà nói mấy câu chuyện xì xằng với AQ.

- Cụ bà ấy mà, hai hôm nay không ăn một hột cơm nào đâu nhé! Chả là cụ ông muốn mua nàng hầu.

AQ nghĩ bụng: "Đàn bà!... Con vú Ngò, con mẹ gái góa này nó cũng...".

- Mà mợ Tú cũng đến tháng tám này thì ở cữ đấy nhé!..

AQ vẫn mơ màng:

"Đàn bà!..."

Buông cái tẩu thuốc xong, AQ đứng dậy. Vú Ngò còn nói lái nhai:

- Mụ Tú nhà ta...

Bỗng AQ xông tới quỳ sụp xuống trước mặt mụ:

- Chúng ta cùng nhau... Chúng ta... Nào!

Im phăng phắc trong chốc lát.

"Ồi giờ ơi là giờ ơi!" Mụ vú ngẩn đi một lúc, bỗng run cầm cập, chạy ra ngoài la to, mấy tiếng kêu sau cùng của mụ nghe hình như xen lẫn trong tiếng khóc.

AQ quỳ trước bức tường cũng ngẩn ngơ một lúc,

rồi hai tay vợ quàng lấy cái ghế không. Y thấp thỏm trong bụng, vội vàng nhặt cái tẩu thuốc, giắt vào thắt lưng, định đi giã gạo thì "đốp" một tiếng, rồi nghe như tuồng đòn cứ đánh một thoi vào đầu. Y vội quay lại, đã thấy cậu Tú đứng trước mặt, tay cầm một cái đòn tre tướng.

- Đồ làm giặc! Thằng này, mày...

Cái đòn tre cứ nhằm đầu AQ mà bổ xuống. AQ đưa hai bàn tay lên ôm đầu, thành ra đòn tre cứ đánh vào mấy đốt ngón tay đau nhói. AQ chạy thẳng ra khỏi nhà bếp, đòn tre vẫn bổ vào lưng một thoi khá lâu. "Oảng pa tàn"⁽¹⁾. Cậu Tú dùng tiếng quan thoại⁽²⁾ chửi theo.

AQ chạy vào nhà giã gạo, đứng một mình, còn thấy ngón tay tê đi, và còn nhớ ba chữ: "Oảng pa tàn"!... "Oảng pa tàn"!... Câu chửi bằng tiếng quan thoại này ở làng Mùi xưa nay chưa hề ai dùng, chỉ có những người tai mất hay lui tới cửa quan mới dùng đến, cũng vì thế mà nghe có vẻ đáng sợ hơn tất cả những tiếng chửi khác, và do đó đã để lại trong đầu óc AQ một ấn tượng rất sâu sắc. Vả lại lúc đó, AQ cũng đã quên bằng cái ý nghĩ về "đàn bà" lâu nay vẫn ám ảnh tâm hồn y. Nhưng sau trận đòn, trận chửi đó, AQ cho câu chuyện như thế cũng gọi là yên đi, và cảm thấy chẳng có gì đáng lo nghĩ nữa. Y lại cứ đi giã

⁽¹⁾ Tiếng chửi, có nghĩa là đồ đốn mạt!

⁽²⁾ Tiếng quan thoại, tức tiếng phổ thông.

gạo như thường. Giã được một chốc, y thấy bức, nghỉ tay, sẽ cởi áo ra.

Đang cởi áo thì nghe ngoài kia có tiếng xôn xao. Sinh bình AQ vẫn thích xem những đám ồn ào. Tức thì y lần theo tiếng ồn ào chạy ra xem, cứ thế lần mò vào tận nhà Cự Cố. Giời nhá nhem nhưng y cũng nhận thấy trong đám người tấp nập, xôn xao đó, có cả bà Cự Cố đã hai ngày trời không có hột cơm nào trong bụng, cả thím Bảy Trâu nhà bên cạnh, cả hai bác Triệu Bạch Nhẫn, Triệu Tư Thần, hai người bà con chính tông với nhà Cự Cố.

Mợ Tú dặt tay vú Ngò ra khỏi buồng nhà dưới, miệng nói:

- Nào, vú cứ ra ngoài này, chuyện gì mà lần vào trong buồng, định...

Thím Bảy Trâu đứng cạnh cũng nói gom:

- Thì ai chả biết vú là người chính đình? Không thể như thế mà lại định làm liều!⁽¹⁾

Vú Ngò chỉ nức nở khóc, miệng lẩm bẩm, chẳng ai nghe rõ cái gì cả.

AQ nghĩ: "Hừ vui quá! Con mẹ gái góa định giờ cái trò gì thế này?". Rồi chạy đến bên bác Triệu Tư Thần, có ý dò xem câu chuyện đầu đuôi thế nào.

⁽¹⁾ Vú Ngò định thất cổ tự tử, cũng là chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến. Lễ giáo phong kiến bắt buộc người đàn bà phải ở vậy thờ chồng, sau khi chồng chết. Bị AQ ghẹo, vú muốn chết đi để tỏ mình giữ tiết tháo.

Bống Cự Cố Triệu vùn vụt chạy tới, tay cầm cái đòn tre to tướng. Thấy đòn tre đó, AQ sức nghĩ ra rằng: câu chuyện này với trận đòn hồi nãy nhất định có dính dáng với nhau. Quay mình lại y định chạy về gian nhà giã gạo. Bất đồ chiếc đòn tre đã chắn ngang đường về. Thế là y lại quay trở lại, đâm đầu chạy thẳng, cố nhiên là lúi ra phía cửa sau. Không mấy chốc, y đã về đến đền Thổ Cốc.

Ngồi một hồi, AQ nghe tuồng như da thịt có vẻ rờn rợn và cảm thấy rét. Số là tuy đã xuân sang nhưng thời tiết ban đêm vẫn còn chưa lấy gì làm ấm, ở trần vẫn còn khó chịu. Sức nghĩ lại cái manh áo cộc còn nằm ở nhà họ Triệu, AQ muốn đi lấy về, nhưng lại sợ cái đòn tre của cậu Tú. Giữa lúc ấy bác khán làng đã từ ngoài cửa bước vào.

- AQ! Con mẹ mày! Cả đến người ở nhà cụ Triệu mà mày cũng trêu ghẹo được, thật là mày làm giặc! Mày báo hại ta cả đêm hôm qua không nhắm mắt được tí nào! Con mẹ mày!

Rồi mắng cho một tràng như thế, vùn vùn... AQ cố nhiên không hề cãi lại nửa lời. Cuối cùng, vì là ban đêm, nên món tiền đưa bác khán uống rượu cũng phải gấp đôi lên, những bốn quan. AQ không có một đồng tiền nào trong túi đành phải đem cái mũ lông cừu gán cho bác khán. Y lại còn phải ký một tờ cam đoan, thừa nhận năm khoản sau:

1- Sáng hôm sau, phải đem một cặp nến đỏ, thứ

nặng một cân, và một bao nhang đến nhà Cụ Cố tạ tội.

2- Phải chịu hết tiền phí tổn biện lễ trừ "tà thất cổ" cho nhà họ Triệu.

3- Từ nay trở đi, không được bén mảng đến nhà họ Triệu nữa.

4- Nếu sau này vú Ngò có việc gì bất trắc thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5 - Không được trở lại nhà Cụ Cố đòi tiền công gĩa gạo và xin lại cái áo còn bỏ lại hôm trước.

Cố nhiên AQ phải nhận tất. Khốn một nỗi, y không còn một đồng xu nhỏ. Cũng còn may là đang mùa xuân nên cái mền bông cũng không cần cho lắm. Y bèn đem cầm lấy hai chục quan tiền để thi hành bấy nhiêu khoản trong tờ điều ước. Sau lúc mình trần trụi trụi phủ phục trước Cụ Cố, AQ ra về, vẫn còn thừa lại một ít tiền, nhưng y cũng không nghĩ đến việc chuộc lại cái mũ lông cừu. Y đem uống rượu hết. Còn bên nhà Cụ Cố cũng không thấy nói gì đến việc cúng bái trừ tà gì cả. Bấy nhiêu hương đèn đều cất đi để khi nào Cụ Cố bà lên chùa lễ Phật sẽ dùng. Còn tấm áo rách thì nửa to cất đi để đến tháng tám này mợ Tú ở cử dùng làm tã lau nước tiểu cho em bé, và nửa nhỏ, nát quá, thì dùng đóng vào gót dép của vú Ngò.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bọn địa chủ bóc lột, đến tấm áo rách cũng không từ!

V. VẤN ĐỀ SINH KẾ

Lễ bái từ tạ ở nhà họ Triệu xong xuôi, AQ về đến đền Thổ Cốc thì mặt trời đã lặn. Y dần dần cảm thấy hình như trên đời có gì lạ. Nghĩ đi nghĩ lại, y nhận ra rằng: nguyên nhân chỉ vì y ở trần. Sức nhớ còn một mảnh áo cộc kếp, y liền lấy khoác vào, rồi ngả lưng xuống cho đến lúc tỉnh giấc, mở mắt ra thì ánh sáng mặt trời chói lọi trên mái tường phía Tây bên kia. Y ngồi dậy, lẩm bẩm:

- Mẹ kiếp!

Thế rồi, cũng như mọi hôm, sau khi ngủ dậy, AQ bước ra, đi rong trên con đường làng. Bây giờ, y không nghe da thịt buốt như lúc ở trần nữa, nhưng dần dần y lại cảm thấy trên đời có cái gì là lạ thật. Tưởng như tất cả bọn đàn bà con gái làng Mùi từ hôm nay trở đi bỗng dưng đua nhau mà hổ người. Cứ thấy mặt AQ đâu là chúng nó xô nhau trốn biệt vào tận trong cửa. Thậm chí thím Bảy Trâu đã ngót năm chục tuổi đầu rồi cũng vậy, thím ta cũng học theo người khác vội vàng lẩn tránh đi. Không những thế, thím ta hồi hỏ gọi đứa con gái của thím non mười tuổi đầu vào nót! AQ lấy làm lạ lùng hết sức. Y tự hỏi: "Quái! Sao cả lũ chúng nó độ này lại đua nhau học điệu bộ các cô tiểu thư như thế là thế nào nhỉ? Mấy con đi này rõ khéo!..."

Rồi đến những ngày sau, AQ càng thấy nhiều sự lạ lùng khác nữa. Một là lão chủ quán rượu nhất định

không bán chịu cho y nữa. Hai là lão từ ở đền Thổ Cốc cũng nói lảm nhảm như muốn ngỏ ý thúc giục y dọn đi chỗ khác. Ba là không nhớ rõ bao nhiêu ngày trời rồi nhưng đã khá lâu không hề có người nào gọi y đi làm nữa! Cửa hàng rượu không bán chịu thì nhìn đi cũng xong, lão từ muốn đuổi thì lần nữa còn có thể được, chỉ có điều không ai gọi đi làm thì chết đói. Đến thế này thì thật là "mẹ kiếp"!

AQ không tài nào chịu nổi tình cảnh ấy nữa. Y đành phải liêu tiếu đến mấy nhà chủ xưa nay vẫn thuê y làm vật để dò xem tình hình, chỉ trừ nhà Cụ Cố họ Triệu ra là không dám tới. Nhưng tình hình đã đổi khác. Đến đâu là y như trong nhà đã thấy một lão đàn ông mặt mũi hết sức khả ố bước ra xua tay đuổi như đuổi ăn mày:

- Không có! Không có! Đi đi!...(1)

AQ cũng ngạc nhiên. Y nghĩ bụng: những nhà này xưa nay vẫn cần mình làm thuê, thế mà bây giờ bỗng dưng không một ai có việc gì nữa cả. Nhất định là có điều gì oái oăm đây chứ chẳng không. Để ý dò la mới vỡ ra rằng: bọn họ có công việc gì là toàn đi

(1) Một khi bọn địa chủ mà đã cấm cửa, không cho AQ bèn mảng đến nhà nữa thì mọi người trong làng đều tẩy chay. AQ đã bị dồn đến bước phải đi ăn trộm, nguyên nhân là như vậy, chứ y vốn là người lương thiện, muốn đem sức lao động của mình ra đổi lấy miếng cơm nuôi thân.

gọi thằng cu Don⁽¹⁾. Cái thằng cu D⁽²⁾ là một thằng nhãi con, gầy gò ốm yếu. Theo con mắt AQ thì nó còn thua cả lão Vương râu xồm nữa kia!... Thế mà ai ngờ chính cái thằng nhãi con này lại đã hốt ngang bát cơm của y! Bởi vậy, lần này y tức điên lên hơn lần nào hết. Trong lúc hầm hầm rảo bước, y bỗng vô tình giơ cánh tay lên, miệng hát:

- Ngã thủ chấp (iii) cương (i) tiên tương (iii) nữ đả⁽³⁾

Mấy hôm sau, tình cờ AQ bỗng gặp thằng cu D. trước bức tường xé qua nhà Cụ Cố họ Tiên. Tục ngữ có câu: "Kẻ thù gặp mặt nhau thì mắt trông thấy rõ mười mươi". AQ bước tới, cu D. cũng dừng chân đứng lại⁽⁴⁾.

AQ mắng và lườm cu D. bằng một cặp mắt rất dữ tợn rồi nhổ một bãi nước bọt:

- Đồ súc sinh!

- Tớ là giống sâu bọ, thỏa dạ chưa?

Câu trả lời nhún nhường của cu D. trái lại làm cho AQ càng điên tiết. Nhưng trong tay AQ lúc bấy

(1) Chữ Don nguyên văn viết theo tiếng Anh. Đọc như chữ Đôn tiếng ta. Tác giả có nói: "Cu D. chính là cu Đồng".

(2) Viết tắt theo nguyên văn.

(3) Một câu hát tàu mã trong các tuồng cổ Trung Quốc. Dịch nghĩa: Tay cầm con roi sắt (tổ) sắp đánh mày, AQ vẫn là khách quen các rạp tuồng.

(4) Cu D. cũng như AQ đều là cố nông, đều bị bọn địa chủ áp bức, bóc lột như nhau, nhưng AQ đã làm tuồng cu D. là kẻ thù của y, tranh giành mất công việc của y, chứ không thấy kẻ thù của y chính là bọn địa chủ.

giờ không sẵn một cây "roi sắt" nên y đành phải vỗ tới, dang cánh tay ra cố níu lấy cái đuôi sam của cu D. Cu D. một tay giữ chặt đuôi sam của mình, còn tay kia cố gò lấy đuôi sam của AQ... AQ cũng lật đật đưa cánh tay còn rảnh kia ra giữ thật chặt lấy đuôi sam của y. So với AQ độ trước thì sức vóc cu D. thăm vào đầu. Nhưng gần đây, phải nhịn đói, y cũng gầy gò, ốm yếu không khác gì cu D... Bởi vậy, lực lượng hai bên địch thủ thật là tương đương. Bốn cánh tay giằng co lấy hai cái đầu, hai lưng cũng đều gò cong hẳn lại, in bóng lên bức tường vôi trắng xóa nhà họ Tiên thành một đường vòng cung y như một cái cầu vồng màu chàm, lâu có đến nửa giờ đồng hồ là ít.

Những người đứng xem hình như muốn hòa giải, nói:

- Hảo lớ! Hảo lớ!

Một người khác cũng gào to lên:

- Hảo! Hảo!⁽¹⁾

Không rõ họ có ý hòa giải hay là khen, hay là xúi giục. Nhưng cả hai chú đều không nghe thấy gì cả. Hễ AQ tiến lên ba bước thì cu D. lùi lại ba bước, rồi cả hai dừng lại. Mà cu D. bước tới ba bước thì AQ lại lùi ba bước, rồi cả hai lại dừng lại. Có độ ngót nửa giờ, hoặc giả hai mươi phút cũng nên - Ở làng Mui không có đồng hồ nên khó nói cho đích xác - đầu hai chú đều

⁽¹⁾ *Hảo* trong tiếng Trung Quốc có nghĩa là *thôi, thôi (Hảo lớ)* cũng có nghĩa là *hay! hay! (Hảo)*.

bốc hơi lên, mồ hôi trán chảy đầm đìa... Bỗng thấy AQ bỏ tay ra. Ngay lúc ấy, cu D. cũng bỏ tay ra nốt. Cả hai chú cùng một lúc đứng thẳng dậy, cùng một lúc lùi ra xa, rồi cả hai lẫn vào đám người đứng xem.

AQ còn ngoảnh đầu lại:

- Nhớ lấy nhé! Con mẹ mày!

Cu D. cũng ngoảnh đầu lại, chửi với:

- Con mẹ mày, nhớ đấy nhé!

Trận "long hổ đấu" này kết cục đại khái có thể nói là "bất phân thắng phụ". Không biết khán giả có được hài lòng lắm không, bởi vì không nghe ai bàn tán gì. Nhưng vẫn không một ai gọi AQ đi làm thuê cả.

Một hôm, trời ấm, gió thổi hiu hiu có khí vị tiết hè. Thế mà AQ vẫn rợn rợn rét. Tuy vậy, rét cũng còn có thể chịu được. Khổ nhất là cái bụng đói. Mền bông, mũ lông cừu, áo, đều không còn cái nào nữa. Cả cái áo chên bông cũng bán rồi. Bây giờ còn một cái quần, chả nhẽ cũng cởi bán nốt đi hay sao? Còn như cái manh áo kếp rách kia thì đem biếu người ta đóng gót dép họa có kẻ lấy, chứ đem bán thì một đồng xu cũng chả đắt! Đã nhiều phen, AQ những ước ao bắt được chuỗi tiền con nhà ai đánh rơi giữa đường, nhưng chưa hề thấy chuỗi nào cả. Cũng lại nhiều phen, cố nhìn kỹ cả bốn góc nhà y ở, may có thấy gì chẳng, nhưng bốn góc nhà vẫn trống không, có gì đâu! AQ bèn quyết chí đi kiếm ăn vậy.

Trên con đường làng, AQ lang thang đi kiếm ăn.

Y nhìn thấy những quán rượu, những hàng quà, hàng bánh xưa nay vẫn quen. Nhưng y đều lảng đi qua, không những không dừng chân lại mà cũng không có ý thèm thuồng gì cả. Điều AQ ước ao bây giờ không phải những thứ đó. Y ước ao những gì, chính y cũng không rõ.

Làng Mùi vốn là một làng bé nhỏ, đi chả mấy chốc là cùng làng. Trước làng có nhiều ruộng sâu, trông toàn một màu xanh mượt của mạ non. Giữa đồng, một vài chấm đen đen, tròn tròn có vẻ sinh động: ấy là mấy chú nông phu đang cặm cụi làm việc. Nhưng AQ bụng đau nghĩ đến việc thưởng thức cái cảnh vui vẻ đó của đồng quê. Y cứ cúi đầu rảo bước. Y cảm thấy cảnh đó không đáng gì với việc y đi kiếm ăn cả. Một lát sau, y đến chùa Tĩnh Tu.

Xung quanh chùa cũng có một cánh đồng sâu. Mấy bức tường quét vôi trắng nổi hẳn lên giữa cánh đồng xanh thẳm. Đám đất mé sau nhà chùa, gần bức tường đất thấp, là một vườn rau. AQ do dự một lúc, nhìn quanh nhìn quẩn một lúc, không thấy một ai qua lại. Y trèo lên tường, níu lấy cành hà thủ ô. Đất sét đầu tường lác đác rã xuống. Chân y cũng run lập cập. Cuối cùng, y vớ được một cành dâu, phốc ngay vào trong vườn. Trong chùa, góc này rất là sầm uất. Chỉ hiềm một điều ở đây không có rượu, không có bánh bao, không có một thứ gì "nhai được" tất cả. Gần bức tường phía Tây, có một lùm tre, dưới lùm tre có nhiều búp măng, khốn nỗi bấy nhiêu măng lại toàn là măng chưa nấu. Còn mấy luống rau thì thứ đã

kết hạt, thứ đương đâm bông, thứ thì già cỗi. Cay đắng như một câu đố hổng thi, AQ chậm chậm đi lần ra mé trước. Nét mặt y bỗng hớn hở hẳn lên. Y vừa trông thấy mấy vòng củ cải. Y ngồi xổm ngay xuống, rút mấy gốc. Thoạt tiên, một cái đầu tròn tròn lù lù ra từ trong cửa nách. Cái đầu ấy vừa lù ra lại thụt vào ngay: rõ ràng là cô tiểu hóm nọ. Xưa nay, lũ tiểu này, AQ xem bằng rác. Nhưng ở đời cũng phải tùy thời thế, cho nên AQ lật đặt nhỏ bốn gốc củ, ngắt lá vứt đi rồi nhét cả vào thân áo. Giữa lúc đó, thì sư bà vừa ở trong chùa đi ra.

- *Nam mô a di đà Phật... ậ.... ậ!* AQ này, sao lại nhảy vào vườn mà ăn cắp củ của nhà chùa làm vậy! Ái chà! *Nam mô a di đà Phật!* Tội chết! Ái chà chà...!.... *Nam mô a di đà Phật!*

AQ chân bước, mắt nhìn quanh nói:

- Ai nhảy vào vườn nhỏ trộm củ nhà bà? Bao giờ nào?⁽¹⁾

Sư bà chỉ vào thân áo:

- Bao giờ nữa? Đấy kia!

- Đây là củ của nhà bà đấy à? Bà gọi lên xem nó có thừa không?...⁽²⁾

AQ nói chưa xong đã bỏ chạy... Số là một con chó

⁽¹⁾ Lý sự của AQ đến buồn cười.

⁽²⁾ Chẳng qua là đôi quá phải làm càn, và lúc quẩn thì phải lý sự cùn, AQ đâu có muốn như thế! Chế độ xã hội, thế lực phong kiến đã buộc AQ phải nhảy vào vườn chùa Tỉnh Tu ăn trộm củ cải và do đó mới có màn bi hài kịch này.

đen to tướng ở đầu chạy thốc ra đuổi. Con Mực này vẫn nằm đằng trước cửa, chẳng biết vì lẽ gì lại tót mãi ra tận sau này. Con chó vừa đuổi vừa cắn, và sắp đớp một miếng vào ngang đuôi AQ. May sao, từ thân áo một củ cải té ra. Mực ta giật mình một cái, đứng dừng hẳn lại. Trong lúc ấy, AQ đã trèo lên cây dâu, nhảy phóc qua tường, rồi cả người lẫn củ cải cùng lăn nhào ra mái ngoài. Trong vườn, dưới gốc cây dâu, chỉ còn con Mực đứng cắn ăng ăng và sư bà đứng niệm Phật.

AQ những áy náy lo rằng cô tiểu sẽ lại thả con Mực ra đuổi theo. Lật đặt, y nhặt mấy củ cải rồi cầm đầu chạy. Dọc đường, y còn nhặt thêm mấy hòn đá phòng bị. Nhưng không thấy nó ra, y vứt đá, vừa chạy, vừa gặm củ cải, vừa nghĩ bụng: "Vùng này ngó bộ làm ăn chẳng xong! Ta đi lên huyện vậy!".

Gặm hết ba củ cải, AQ nhất quyết sẽ lên huyện.

VI. LÊN VOI XUỐNG CHÓ

Mãi đến Trung thu năm ấy, làng Mùì mới lại thấy bóng AQ... Cả làng ngạc nhiên bảo nhau: AQ đã về! Bây giờ người ta mới có kẻ tự hỏi: Lâu nay nó đi đâu nhỉ? Xưa kia, mỗi lần lên huyện về AQ vẫn hơn hở chuyện trò với mọi người. Nhưng lần này không thế. Vì vậy không ai chú ý đến. Dễ thường AQ cũng có vẻ thỏ thẻ một vài câu với lão từ đền Thổ Cốc, nhưng lệ thường ở làng Mùì, chỉ có những lúc nào

Cụ Cố họ Triệu, Cụ Cố họ Tiền, hoặc thầy Tú Triệu lên huyện kia thì người ta mới coi là việc quan trọng. Còn ngoài ra, cả lão Tây giả kia có đi về cũng chẳng ai quan tâm nữa là AQ! Vì vậy nên lão từ cũng không đồn đại gì về việc AQ đi cả, thành thử trong làng không ai biết mới manh gì.

Lần này AQ ở huyện về khác hẳn mấy lần trước. Trông y có vẻ là lạ. Trời đã nhá nhem tối. Y vào quán rượu, cặp mắt ngái ngủ. Y tới trước quầy, nắm trong lưng ra một tay đầy tiền đồng và bạc hào, xia ra và nói:

- Tiền mặt đây này, rượu đâu đưa ra đây!

Y mặc chiếc áo kếp mới, lưng đeo một cái ruột tượng nặng trĩu làm cho cái thắt lưng sà hẳn xuống đằng trước thành một đường vòng cung. Ở làng Mùi, vẫn có cái thói hể thấy ai hơi có máu mặt thì người ta vẫn nghĩ: đối với hạng người này thì kính trọng họ một chút còn hơn là tỏ vẻ khinh bỉ⁽¹⁾. Bây giờ, dù biết rằng vẫn là AQ đấy, nhưng không phải như thằng AQ với tấm áo rách đạo trước nữa. Cổ nhân có câu: "Sĩ biệt tam nhật, tiện đương quất mục tương đãi"⁽²⁾. Vì vậy mà cả làng Mùi, từ anh hầu sáng, ông chủ

⁽¹⁾ Đó là kinh nghiệm của những người sống dưới sự áp bức của bọn có tiền.

⁽²⁾ Một câu danh ngôn của Lã Mông đời Tam quốc nói với bạn. Ý nghĩa: Ba ngày không gặp mặt một kẻ sĩ thì khi gặp lại, nên biết trọng đãi hơn mọi hôm, vì họ có thể tiến bộ khác trước nhiều rồi.

quán, khách uống rượu cho đến kẻ qua đường, đối với AQ, ai nấy đều tỏ ra vừa ngỡ vực vừa kính trọng. Bác chủ quán gạt đầu luôn mấy cái rồi lại trò chuyện vội vã:

- Kìa AQ! Đã về đấy à?
- Vừa về xong.
- Phát tài chứ?... Thế lâu nay...
- Ở trên huyện mà!

Tin đó sáng hôm sau đã lan ra khắp làng. Cả làng ai cũng ước ao biết rõ lai lịch cái túi tiền và cái áo mới của AQ. Bởi vậy, ngoài quán rượu, trong tiệm trà cho đến dưới hiên đình, người ta chỉ trầm trồ dò la từng ấy chuyện. Kết quả là AQ lại được người ta trọng vọng thêm.

Theo lời AQ thì lâu nay y làm công ở nhà Cự Cử trên huyện. Chỉ một chút đó cũng đã làm cho người nghe lấy làm kiêng nể rồi. Cự Cử vốn họ Bạch, nhưng vì cả vùng chỉ có một cụ là đậu cử nhân, nên trong lúc xưng hô, cũng không cần phải dùng chữ "Bạch" mào đầu⁽¹⁾ lên trên hai chữ "cử nhân" nữa. Chỉ gọi Cự Cử là ai cũng hiểu rồi. Lối xưng hô này chẳng phải riêng gì là cho làng Mù. Chung quanh vùng này có trăm dặm đường đất, ai cũng gọi như vậy. Đến nỗi có nhiều người yên trí rằng cụ là họ Cử tên Nhân! Làm công ở nhà Cự Cử là một điều đáng trọng rồi, thế mà

⁽¹⁾ Theo cách gọi của người Trung Quốc thì nói *Bạch cử nhân*, chữ chỉ họ để trên danh từ chỉ chức tước.

AQ còn nói: y không thích làm ở đó nữa vì cái Cụ Cử này thật ra cũng "mẹ kiếp chúng nó" lắm! Máy người được nghe câu chuyện này vừa tiếc rẻ vừa khoái chí. Khoái chí ở chỗ AQ không thềm làm việc với Cụ Cử, mà tiếc rẻ là sao lại không làm!

Vẫn theo lời AQ thì lần này y trở về làng một phần nữa cũng là vì y ghét bọn người trên huyện. Thì ví dụ chúng nó cứ gọi cái ghế dài kia là *tràng ky*, lại như lúc rán cá, chúng nó cứ gia vị bằng nhánh hành. Nhất là cái thói xấu y vừa khám phá ra, tức là cái kiểu bọn đàn bà con gái lúc chúng nó đi đứng cứ ưỡn ẹo trông đến khó coi. Tuy vậy AQ cũng nhận rằng: trên huyện cũng có nhiều điều đáng phục. Tức như ở làng Mũi, đánh bài thì chỉ biết chơi thứ bài ba mươi hai con, và chỉ có một mình lão Tây giả là biết chơi mạt chược⁽¹⁾. Mà trên huyện thì đứa oắt con mới nẩy mũi ra cũng chơi mạt chược thạo rồi! Cứ để chú Tây giả ở làng đánh thử với một thằng ranh con trên ấy thì lập tức thấy rằng chả khác gì "quỷ sứ vào điện Diêm vương"! Câu chuyện này những kẻ được nghe ai cũng đều lấy làm xấu hổ.

- Này, các bác đã thấy chặt đầu người hay chưa nhĩ? Úi chào! Vui lắm! Giết tụi cách mạng ấy mà! Úi chao chao, vui, vui quá cơ!

AQ vừa nói vừa lắc lư cái đầu, nước bọt cứ bắn vào mặt bác Triệu Tư Thần đứng trước y. Câu

⁽¹⁾ Một trò đánh bạc.

chuyện chặt đầu này, ai nghe cũng phải rùng mình rợn gáy. Nhưng AQ lại nhìn quanh quần một hồi, bỗng dang cánh tay phải ra, nhằm vào cái cổ cò hương của lão Vương Râu đang đứng nghe chăm chú bổ vào gáy:

- Sà..ật!

Lão Vương Râu hết hồn vía thụt ngay cả đầu lẫn cổ xuống, nhanh như chớp nhoáng, như đá toé lửa, trong lúc đó thì người nghe đứng xung quanh vừa sợ hãi, vừa thích thú. Sau đó, có mấy ngày trời, lão Vương Râu vẫn còn choáng váng cả đầu óc, nhất định không dám lại gần AQ nữa; những người khác cũng vậy.

Trước con mắt dân làng Mùi lúc bấy giờ, địa vị AQ dù chưa có thể nói rằng oai hơn Cự Cố Triệu, nhưng nói xấp xỉ thì cũng chẳng sai bao nhiêu.

Chẳng bao lâu, danh tiếng AQ đã lừng lẫy đến trong chốn khuê phòng làng Mùi. Thực ra, trong làng Mùi chỉ có hai nhà có thể gọi là có khuê phòng: ấy là nhà họ Triệu và nhà họ Tiền. Ngoài ra chín phần mười nhà nào là có khuê phòng cả; nhưng buông đàn bà con gái nào mà chẳng gọi là khuê phòng? Cho nên danh tiếng AQ đồn đại khắp khuê phòng cũng cho là một sự lạ đi! Các bà hễ gặp nhau là trầm trồ những chuyện như là: thím Bảy Trầu vừa mua lại của AQ được một chiếc quần lụa màu xanh lam, cũ một tí, nhưng "chỉ có chín hào bạc thôi!", hoặc là bà mẹ bác Triệu Bạch Nhân - một tin khác nói chính là bà

mẹ bác Triệu Tư Thần cơ, chứ không phải là bà mẹ bác Triệu Bạch Nhãn, chưa rõ tin nào đúng hơn, chờ kiểm tra lại đã - cũng mua được một cái áo trẻ con bằng vải sa tây điều còn khá mới, mà chỉ có ba quan tiền, cứ chín mươi hai đồng ăn một quan! Thế rồi các bà người nào cũng cứ mong gặp AQ, người thiếu quần lụa thì mong hỏi quần lụa, người thiếu áo sa tây thì lăm le mua áo sa tây. Thấy AQ không những họ không trốn tránh nữa mà thậm chí lại có nhiều lúc AQ đi đã khá xa rồi, họ còn chạy theo, gọi đứng lại để hỏi: "Chú AQ này, còn cái quần lụa nào nữa không! Hết cả rồi à?... Thế, áo vải tây điều cũng được. Còn đấy chứ?...".

Câu truyện dần dà từ chốn khuê phòng vào đến chốn khuê các. Số là trong lúc đặc ý, thím Bẩy Trâu đã đem chiếc quần lụa lên trình Cụ Cố bà họ Triệu xem qua. Cụ Cố bà lại nói lại với Cụ Cố ông và cứ khen lấy khen để. Ngay tối hôm ấy, ngồi trước mâm cơm, Cụ Cố ông đưa chuyện đó ra thảo luận cùng cậu Tú, rồi cho rằng: cái thằng AQ này nhất định là có những sự tình khả nghi, chúng ta cửa ngõ cũng nên cẩn thận một tí... Nhưng chả biết nó còn có gì mua được nữa hay không? Có lẽ cũng còn có thứ tốt đấy. Phần thì hiện nay Cụ Cố bà còn cần một cái áo gi-lê thứ tốt nhưng phải cho rẻ.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Một mặt thì sợ, nhưng một mặt hám của rẻ. Đó là tâm lý bọn địa chủ.

Cuộc hội nghị gia tộc họ Triệu quyết định sẽ nhờ thím Bảy Trâu lập tức đi tìm AQ cho được. Do đó, mới có ngoại lệ thứ ba này nữa: tối hôm ấy được phép chong đèn chờ AQ đến.

Đĩa dầu vơi mãi, vơi mãi... AQ vẫn chưa đến. Cả nhà họ Triệu đều đã sốt ruột, ngáp lên ngáp xuống. Kẻ thì trách AQ hững hờ, người thì oán thím Bảy chậm chạp.

Cụ Cố bà những ngại rằng câu chuyện dạo mùa xuân độ nọ có lẽ làm cho AQ sợ phạm vào một điều khoản trọng yếu tờ cam đoan mà không dám đến chẳng... Nhưng Cụ Cố ông bảo: không ngại gì, vì chính "ta" truyền gọi nó kia mà! Thì ra Cụ Cố ông là người cao kiến có khác! Quả nhiên, một lát sau, AQ cùng thím Bảy Trâu đã ở ngoài cửa bước vào. Thím Bảy thở hồng hộc, chân bước miệng nói:

- Chú ấy cứ chối đây đây một không có, hai không có. Con thì con nói: Không biết! Chú ấy cứ đến mà bám với hai cụ. Chú ấy còn nói... Con thì con nói...

Dưới thêm, AQ toét miệng ra giống như cười, nhưng vẫn không phải là cười rồi nói to:

- Cụ ạ!

Cụ Cố vừa nói vừa bước tới gần AQ đưa mắt nhìn y từ đầu tới chân:

- AQ này, nghe nói độ này mày đi ra phát tài lắm phải không? Thế thì tốt, tốt lắm. Này! À mà nghe nói

mày còn một ít đồ cũ.. Còn bao nhiêu cứ đưa đây xem xem... Này! Không có ý gì đâu. Chả là tao cần dùng...

- Con vừa bảo thím Bấy đây! Hết cả rồi.

- Hết rồi kia à? Giọng cụ nghe như thất thanh: - Sao đã hết chóng làm vậy?

- Chả là gặp chỗ quen biết... Vả lại có bao nhiêu đâu ạ! Anh em họ giết hết.

- Chắc cũng còn một ít chứ?

- Giờ chỉ còn một bức nghi môn thôi ạ!

Cụ Cố bà lật đật nói:

- Thế thì đưa đến cho xem vậy!

Cụ Cố ông có vẻ lãnh đạm:

- Vậy thì sáng mai! Cứ đưa đến đây nhé. Này AQ này, từ rày, bất cứ đồ lễ gì, hễ có là đưa đến đây ta xem trước nhé...⁽¹⁾

Cậu Tú nói:

- Đây không bao giờ trả rẻ đâu mà! Nghe chưa?

Mợ Tú vội liếc nhìn nét mặt AQ xem nó có chú ý gì đến lời cậu Tú hay không.

Cụ Cố bà nói:

- Ta cần mua một cái áo gi-lê.

AQ miệng vâng vâng dạ dạ, nhưng lại uể oải lùi ra về.

⁽¹⁾ Biết là của phi nghĩa, nhưng địa chủ này chỉ nhìn thấy lợi và muốn giành lấy phần hơn về mình.

Cũng chẳng ai biết y có nhớ cho hay không, thành ra Cụ Cố ông cũng vừa thất vọng, vừa bức mình, vừa lo ngại, đến nỗi quên không ngáp dài nữa. Cậu Tú cũng bất bình với thái độ của AQ, nói:

- Cái thằng Oảng pa tàn này, phải coi chừng! Hay là gọi ngay lão khán đến bảo phải đuổi ngay đi, không cho ở trong làng nữa là hơn hết!

Nhưng Cụ Cố ông cho rằng không nên làm thế, sợ nó lại thù oán lời thôi. Và lại xưa nay những đứa làm nghề ấy chả bao giờ chúng nó làm thói "gà què ăn quần cối xay", vậy nên làng ta chẳng ngại gì sự đó. Còn nhà mình thì ban đêm ngủ cho tỉnh tỉnh một tí là được rồi. Nghe bấy nhiêu lời Nghiêm Đường⁽¹⁾ dậy, cậu Tú rất tán thành, vì vậy cậu cũng lập tức thủ tiêu đề nghị đem AQ "trục xuất cảnh ngoại"⁽²⁾. Một mặt khác cậu ân cần dẫn dò thám Bầy Trâu nhất thiết không để cho câu chuyện hôm nay tiết lộ ra ngoài.

Nhưng ngày hôm sau, lúc thám Bầy đem chiếc quần đi nhuộm đen thì thám lại đem cả những chỗ khả nghi về AQ rêu rao với mọi người. May mà thám không nhắc nhở gì đến chuyện cậu Tú có ý "trục xuất" AQ. Nhưng thế cũng đã là một điều bất lợi cho AQ rồi! Trước hết, bác khán tìm ngay vào nhà y lấy quách bức nghi môn. Y cố biện bạch rằng, cái bức

⁽¹⁾ Nghiêm Đường: bố

⁽²⁾ Trục xuất cảnh ngoại: đuổi ra khỏi địa phương.

nghi môn đó, Cụ Cố bảo phải đem lên trình cụ xem đã, nhưng bác khán vẫn nhất định chiếm lấy. Bác lại nhân dịp này vôi thêm một ít "tiền rượu" hàng tháng nữa. Một thiệt thòi khác cho AQ là từ hôm ấy về sau, lòng kính nể và sợ sệt của dân làng Mùì đối với y cũng giảm bớt nhiều. Tuy chưa dám khinh ra mặt đâu, nhưng xem có ý đã không muốn lại gần y nữa. Không muốn gần y không phải vì sợ đánh "sặt" một cái vào gáy như trước, mà là người ta chỉ "kính nhi viễn chi"⁽¹⁾ nữa thôi.

Một bọn vô công rồi nghề lại cố đi dò xét về AQ cho ra manh mối. Thì AQ cũng chả giấu giếm ai cả! Y cứ ngạo nghễ nói toạc tất cả những điều y đã làm. Do đó, người ta mới biết y chẳng qua chỉ là một vai phụ không có gan trèo tường mà cũng không có gan chui ngạch. Y chỉ đứng ở mé ngoài chuyển đồ ra thôi. Và có một đêm, y vừa bê được một cái gói, còn lải trùm đang chui đầu vào một lần nữa thì trong nhà hô hoán lên, thế là y chuồn thẳng, và ngay đêm ấy, lập tức bỏ huyện về tuột làng Mùì. Rồi từ đấy trở đi, y cũng giải nghệ luôn nốt. Đoạn tiểu sử này càng làm tai hại cho danh giá AQ. Số là xưa nay dân làng Mùì còn giữ cái thái độ "kính nhi viễn chi" với AQ chỉ là vì lo y thù hằn. Ai ngờ chẳng qua y chỉ là một thằng ăn trộm mà lại không có gan đi ăn trộm nữa thì quả thật không có gì đáng sợ!

⁽¹⁾ *Luận ngữ*, thiên *Ung dã*, Khổng Tử nói với Phan Tri: "Đối với quỷ thần nên kính cẩn, nhưng nên ra xa".

VII. CÁCH MẠNG

Tối hôm mười bốn rạng ngày rằm tháng chín niên hiệu Tuyên Thống năm thứ ba⁽¹⁾, tức là hôm AQ bán cái ruột tượng cho chú Triệu Bạch Nhân, vào hồi canh ba, lúc bốn giờ, một chiếc thuyền ván, mũi đen, khá to ghé vào bến trước nhà cụ Triệu giữa lúc đêm khuya trời tối mờ mờ, dân làng đang ngủ say, không ai hay biết gì hết. Và chưa mờ sáng thì chiếc thuyền đã rời khỏi bến, chỉ có mấy người trông thấy mà thôi. Sau lúc đã dò la, thăm thì thăm thụt cùng nhau khá lâu, người ta mới biết rằng: chính là thuyền nhà Cụ Cử.

Thuyền nhà Cụ Cử đưa đến làng Mùi một nỗi lo âu hết sức lớn. Chưa đúng Ngọ, cả làng đã nhốn nháo hẳn lên. Chiếc thuyền này về đây để làm gì thì nhà Cụ Triệu hết sức giữ bí mật. Nhưng trong các quán rượu và các hàng nước, đầu đầu người ta cũng đồn đại lên rằng: bọn Cách mạng sắp vào huyện nên Cụ Cử chạy về làng lánh nạn. Chỉ có thím Bẩy là bảo không phải. Thím ấy nói: Chỉ có mấy hòm quần áo cũ trên Cụ Cử gửi xuống nhờ giữ hộ, nhưng Cụ Triệu không nhận và giả lại ngay. Chả là cậu Tú Triệu và Cụ Cử xưa nay không tương đắc gì, cho nên trong lúc hoạn nạn, hai nhà nhất định không có thể san sẻ nỗi lo buồn cùng nhau. Vả lại thím Bẩy ở ngay cạnh nhà

⁽¹⁾ Tức tháng 11 năm 1911, hai mươi lăm ngày sau cuộc khởi nghĩa Võ Xương.

Cụ Triệu, thấy tận mắt, nghe tận tai, cho nên chắc hẳn là không sai.

Mặc dù như thế, tiếng đồn vẫn lan rộng ra. Người ta bảo nhau: hình như Cụ Cử không về, nhưng cụ có viết một bức thư rất dài để làm thân với Cụ Cố. Cụ Cố làng ta cũng đã nghĩ lại, và cụ cho rằng: cũng chẳng có hại gì nên đã cho gửi cái hòm lại. Cái hòm ấy hiện giờ nhét dưới gầm giường cụ bà nằm. Còn như tin tức về bọn cách mạng thì có kẻ nói chính tối hôm qua chúng nó đã vào huyện rồi, chú nào chú ấy, áo giáp bạch, mũ bạch, ăn bận trắng toát một loạt để tang cho vua Sùng Chính.⁽¹⁾

Xưa kia, AQ đã mấy lần nghe người ta nói đến cách mạng. Năm nay, y lại thấy chém bọn cách mạng độ vừa rồi. Nhưng trong óc y đã có sẵn một ý kiến chẳng biết nguồn gốc từ đâu cho rằng: làm cách mạng tức là làm giặc, làm giặc tức là báo hại y. Vì vậy nên xưa nay y vẫn ghét cay ghét đắng bọn cách mạng. Ngờ đâu chính bọn đó làm cho Cụ Cử danh giá khắp vùng như thế kia mà cũng phải sợ, thì y

⁽¹⁾ Sùng Chính tức Sùng Trinh, ông vua cuối cùng nhà Minh bị tử nạn. Trong ý nghĩ dân làng Mùì, cuộc Cách mạng 1911 chỉ là một cuộc chính biến, vương triều này đánh đổ vương triều kia để lên trị vì mà thôi. Họ cho rằng những người làm Cách mạng ủng hộ nhà Minh lật đổ nhà Thanh nên mới để tang cho vua Sùng Chính. Đủ thấy cuộc Cách mạng Tân Hợi không được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nông thôn. Ý kiến của AQ về cách mạng nói ở đoạn dưới càng chứng tỏ điều đó.

cũng đã hơi lấy làm "lác mắt". Huống nữa là y lại thấy lũ đàn ông đàn bà khốn nạn ở làng Mũi cuống quýt lên như vậy thì y càng khoái chí. Y nghĩ bụng: Cách mạng cũng hay! Cách mẹ cái mạng lũ chúng nó đi! Ghét quá đi mất! Giận quá đi mất...! Tớ, tớ sẽ đi đầu hàng cách mạng.⁽¹⁾

Gần đây, AQ túng thiếu thành thử y cũng có ý bất bình. Phần thì trưa hôm ấy, bụng đói, uống hai bát rượu, cho nên y càng choáng váng say. Y vừa nghĩ ngợi vừa rảo bước, tâm hồn lại nhẹ nhàng hơn hở lên. Rồi chả biết thế quái nào mà bỗng y đã tưởng tượng ngay rằng y là người cách mạng, và bọn dân làng Mũi đã thành "tù binh" của y cả rồi! Trong lúc đắc ý, bất giác y hét to lên mấy tiếng:

- Làm giặc nào! Làm giặc nào!

Dân làng Mũi bấy giờ đều nhìn AQ bằng cặp mắt sợ hãi vô cùng. Điều đáng thương hại đó xưa nay y chưa từng thấy. Thành ra y thấy thích chí vô hạn chẳng khác gì nằng thảng sáu mà được uống nước đá vậy. Y càng hơn hở rảo bước và nói to:

- Hay lắm! Tớ muốn gì sẽ được đấy! Tớ ưa ai là người ấy được nhờ!

Cắc, cắc, tùng, tùng! Ăn năn đã quá muộn! Chỉ vì

⁽¹⁾ Đầu hàng cách mạng nghĩa là tham gia cách mạng. Ý AQ cho rằng những người làm cách mạng cũng chỉ là những kẻ làm giặc mà thôi, cho nên mới nói như vậy. Đó cũng là tư tưởng của giai cấp thống trị mà AQ chịu ảnh hưởng.

quá chén mà Trịnh Hiền đệ bị giết oan... A... Tùng, tùng, tùng, cắc... Cắc cắc, tùng tùng... Thủ cấp (iii) cương (ii) tiên (i-a) tương nỉ đá.

Trước nhà Cụ Cố họ Triệu, hai bố con và hai người bà con chính tông của cụ đang đứng xúm ở cổng bàn về cách mạng. AQ không trông thấy, cứ ngang nhiên rảo bước và vẫn hát:

- *Tùng! Tùng...*

- *Này bác Q. ơi!*

Cụ Cố gọi khe khẽ và có vẻ sợ sệt.

Xưa nay, đã bao giờ AQ nghĩ người ta lại có thể kết liền chữ "bác" với tên mình để gọi. Vậy nên y cho rằng người ta còn nói chuyện gì đâu đâu ấy, chứ chẳng liên quan gì đến mình. Y cứ hát:

- *Cắc... cắc... cắc... Tùng... tùng... tùng...*

- *Bác Q. này!*

- *Ấn nấn đà quá muộn, à...!*

Cậu Tú đành phải gọi thẳng:

- *AQ à!*

Lúc đó, AQ mới dừng chân, ghéch đầu lại hỏi:

- *Cái gì thế?*

- *Bác Q. này... Độ này...*

Cụ Cố bỗng không biết nói gì nữa - *Độ này!... Phát tài chứ?*

- *Vâng ạ! Phát tài hẳn chứ lý! Muốn gì là được nấy!*

- À, à bác Q. này! Bọn mình là bạn nghèo với nhau cả, thì chắc chẳng lẽ gì...

Triệu Bạch Nhãn rụt rè nói, cố ý dò xem ý tứ nhà cách mạng như thế nào.

- Bạn nghèo à? Anh lại không phong lưu bằng mấy tôi ấy à?

Vừa nói xong, AQ đã bước đi.

Mấy người nhà họ Triệu nghe mà phát khiếp, đứng lạng đi một hồi. Chiều hôm ấy, hai bố con nhà họ Triệu bàn bạc cùng nhau, cho mãi đến lúc đỏ đèn mới thôi. Còn chú Triệu Bạch Nhãn vừa về đến nhà là cởi ngay cái ruột tượng, bảo chị vợ giấu kín vào dưới đáy hòm.

AQ hớn hở nhẹ bước trên con đường làng một hồi khá lâu. Về đến đền Thổ Cốc thì y đã tỉnh rượu hẳn. Chiều hôm ấy, lão từ chối với y cũng tỏ ý nhã nhặn khác thường, mời y uống chén nước trà. Y nài lão thết luôn hai khẩu bánh nữa. Ăn xong, y còn lấy một đoạn nển bốn lạng thấp dỏ và cả cái cốc nển mang về buồng nhỏ của y, đỏ đèn lên, một mình nằm nghỉ. Giờ này, bao nhiêu ý nghĩ tốt đẹp, bao nhiêu niềm vui mà y không tài nào tả nên lời, đang nhảy múa trong đầu óc y giống như ngọn đèn đêm nguyên đán vậy!

"Làm giặc! Cũng vui đấy chứ! Một bọn làm cách mạng tuyền là mũ bạch, áo giáo bạch, ai nấy tay cầm

dao bần, roi sắt, lưu đạn, súng trường, nạng ba chìa, câu liềm chạy cả đến đền Thổ Cốc gọi: "AQ! Chúng ta cùng đi đi!" Thế là cùng nhau đi...

Lúc đó, tụi dân làng Mùi khốn nạn trông mới buồn cười! Chúng nó sẽ quỳ rần rạt xuống van xin: "AQ tha chết cho tôi đi!" Nhưng ai mà nghe chúng nó! Thằng cu D. đáng tội chết trước⁽¹⁾. Rồi Cụ Cố họ Triệu, cả lão Tú nữa, cả thằng Tây giả nữa... Có nên tha thằng nào không nhỉ? Kể ra lão Vương Râu thì tha ra cũng chẳng hề gì, nhưng bắt tất!

"Đồ đạc, thì cứ vào thẳng nhà Cụ Cố phá ngay cái rương ra xem... Tiền đồng... Vàng bạc... Áo sa... Mà trước hết phải khuân ngay cái giường Hồng Kông của mợ Tú về đền Thổ Cốc cái đã... Ngoài ra, còn bộ bàn ghế nhà họ Tiền cũng chuyển về nốt. Hay là ta dùng ngay bộ của nhà họ Triệu vậy? Lẽ cố nhiên mình bắt tất phải bỏ tay ra khuân vác. Bảo thằng cu D. khiêng đi, mau lên! Chậm là tát vào mặt..."

"Lão Triệu Tư Thần có con em, nhưng xấu quá! Còn con gái thím Bẩy Trâu, vài năm nữa hẵng nói chuyện... Vợ lão Tây giả... Con này đã chung chạ với một thằng đàn ông không có đuôi sam... Chao! Tởm... Thử đàn bà ấy chả ra trò! Mụ Tú Triệu phải một cái là trên mi mắt có một cái sẹo! Mà... con mụ

⁽¹⁾ AQ vẫn không biết cu D. cũng là người cùng bị áp bức, bóc lột như mình.

vú Ngò lâu nay đi đâu nhỉ? Bực một nỗi là cái bàn chân chị ta to quá!"⁽¹⁾

Giữa lúc đầu óc còn rối beng với bấy nhiêu ý nghĩ thì AQ đã ngáy khò khò. Cây nệm bốn lạng vừa cháy mất độ dăm phân, ngọn lửa lập loè chiếu vào chiếc miệng hoác rộng của y.

"Ha! Ha!" AQ bỗng giật mình dậy, kêu to một tiếng rồi nghech đầu lên, hoảng hốt nhìn quanh nhìn quất. Nhìn thấy đoạn nệm bốn lạng vẫn còn, y lại ngã người ra ngủ.

Ngày hôm sau, AQ thức dậy rất muộn. Y chạy ra nhìn trên con đường làng thì đầu vào đầy, chả có gì thay đổi. Mà cái bụng của y nghe vẫn đói! Y ngẫm nghĩ hồi lâu chả nghĩ ra cái gì cả. Nhưng bỗng hình như y đã có một quyết định gì, rồi cũng chả

⁽¹⁾ Về đời Mãn Thanh, đàn bà, nhất là bọn quý phái, đều bó chân cho nhỏ, AQ không bằng lòng đôi bàn chân của vú Ngò không bó và cho là thô.

Qua đoạn này, Lỗ Tấn đã nói lên tính chất của các cuộc khởi nghĩa nông dân dưới thời phong kiến. Trong lịch sử dân tộc Trung Quốc đã xảy ra nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân, nhưng kết cục vẫn không thay đổi được chế độ xã hội. Chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì cuộc cách mạng xã hội mới được triệt để và mới đem lại kết quả mong muốn, bằng không thì chỉ đi theo con đường luẩn quẩn. Tuy nhiên, việc phân chia tài sản của địa chủ, mà AQ mơ ước thì sau này, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc nông dân đã thực hiện được cuộc cải cách ruộng đất.

biết là vô tình hay hữu ý, y lại nhẹ bước lần đến chùa Tĩnh Tu.

Sau bức tường có trở hai cánh cửa sơn đen, cảnh chùa vẫn vắng lặng như mùa xuân độ nọ. AQ ngẫm nghĩ một chốc, rồi bước tới gõ cửa. Một con chó sủa từ trong chùa sủa ra. AQ vội vàng nhặt lấy mảnh gạch vỡ, bước tới gõ mạnh vào cánh cửa. Gõ mãi đến lúc cánh cửa đầy những vết gạch đỏ mới nghe có tiếng ra mở.

AQ vội nắm chặt lấy mảnh gạch trong tay, đứng theo thế mã bộ⁽¹⁾ sẵn sàng cầm cự với con Mực. Nhưng cửa chùa chỉ hé ra một tí, con Mực cũng chẳng thấy xông ra. Nhìn vào, chỉ thấy sư bà hóm nọ.

- Bác lại tới đây làm gì nữa kia?

Sư bà hỏi, giọng hốt hơ hốt hải.

- Cách mạng rồi! Bà biết không?

AQ trả lời vu vơ.

- Cách mạng, cách mạng! Đã cách một lần rồi! Các bác còn muốn "cách" chúng tôi đến như thế nào nữa kia!

Hai con mắt sư bà đỏ bừng hẩn lên.

- Thế nào?

AQ rất lấy làm ngạc nhiên, hỏi.

- Bác không biết hay sao? Chúng nó đã đến đây "cách" hết rồi! Nhà bác không biết đó thôi.

⁽¹⁾ Thế mã bộ: thế chân trước sau như ngựa đi.

AQ càng lấy làm ngạc nhiên:

- Ai kia?

- Lão Tú với lão Tây giả ấy mà!...

Thật là một điều bất ngờ cho AQ, làm cho y hết sức ngạc nhiên. Sư bà thấy y mất hẳn nhuệ khí, tức thì đóng cửa lại. AQ lại đẩy cửa nhưng không tài nào xô cho ra được nữa. Y gọi một thời nữa, chả một ai trả lời.

Đó là chuyện xảy ra buổi sáng. Cậu Tú bắt tin rất nhạy vừa biết được rằng bọn cách mạng đã vào huyện đêm hôm trước, cậu liền đem đuôi sam quần vòng quanh trên đầu, vừa sáng thì tức tốc qua nhà họ Tiền thăm lão Tây giả, là người xưa nay cậu chả ưa tí nào, nhưng ngày nay trong vận hội mới, trong thời kỳ "cùng nhau mưu cuộc duy tân" này, hai ông trò chuyện bỗng dưng thành ra thân mật, rất tâm đầu ý hợp như hai đồng chí. Hai ông hẹn hò cùng nhau đi làm cách mạng. Hai nhà cách mạng bàn bạc hồi lâu mới sực nhớ ra rằng: trong chùa Tĩnh Tu còn có một cái bài vị thờ vua với mấy chữ: "Hoàng đế vạn tuế, vạn vạn tuế..." phải "cách" ngay mới được. Thế là hai ông cùng tới chùa Tĩnh Tu làm một cuộc cách mạng. Sư bà ra cản trở, nói mấy câu. Hai ông cho là sư bà ủng hộ chính phủ Mãn Thanh, nhè vào đầu bà ta bổ ba-toong xuống. Cô tiểu thì mãi lúc hai ông đi đã xa mới hoàn hồn. Kiểm điểm đồ nhà chùa lại, thì thấy cái bài vị cố nhiên bị đập nát ra giữa chùa mà cái lư

hương Tuyên Đức⁽¹⁾ xưa nay vẫn để thờ trước tượng đức Quan Âm đã biến đâu mất rồi!⁽²⁾

Câu chuyện trên đây, mãi về sau AQ mới biết. Y lấy làm hối hận vì ngủ quá giấc mà lỡ dịp, nhưng cũng giận tui chúng nó không tới gọi y đi cùng. Y nghĩ lại: "Lẽ nào chúng nó chưa biết là mình đã đầu hàng cách mạng rồi hay sao?".

VIII. KHÔNG CHO LÀM CÁCH MẠNG

Tình hình làng Mùi dần dần êm đềm trở lại. Theo những tin đồn gần đây, người ta biết rằng: tiếng là bọn cách mạng đã vào huyện nhưng cũng chẳng có gì thay đổi khác trước. Quan huyện vẫn là quan huyện cũ, chẳng qua bây giờ gọi là quan gì gì ấy, mà Cụ Cử cũng làm quan gì gì ấy!... Những chức tước mới, ở làng Mùi chả ai hiểu gì hết. Còn ông lãnh binh thì cũng vẫn là ông lãnh binh ngày trước. Duy có một điều đáng sợ là trong đó có mấy người cách mạng không tốt xen vào làm rối loạn cả lên. Ngay ngày hôm sau, chúng nó đã đi cắt đuôi sam của người ta

⁽¹⁾ Minh Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức (1426-1435) cho đúc những cái lu hương đồng nhỏ, dưới đáy có khắc dòng chữ "Đại Minh Tuyên Đức niên chế".

⁽²⁾ Đoạn này tuy ngắn nhưng nói rõ được tính cơ hội của bọn địa chủ trong cuộc cách mạng. Xem thêm *Chương VIII: Không cho làm cách mạng*.

rồi. Nghe đâu bác Bảy Cân làm nghề chèo thuyền trên làng trên đã bị chúng cạo trọc, thành thử trông không thành hình người nữa! Tuy nhiên, việc đó cũng chưa đáng sợ, bởi vì dân làng Mùi chẳng mấy khi lên huyện, mà đâu có việc lên huyện thì họ cũng không lên nữa, khỏi nguy hiểm. Chính AQ lâu nay vẫn có ý định lên huyện thăm người quen, sau lúc được tin này, cũng thôi.

Nhưng ở làng Mùi thì không thể nói không có chút gì thay đổi. Máy hôm sau, dần dần có người đem đuôi sam quán vòng quanh lên đỉnh đầu ngày một thêm nhiều. Như trên kia đã nói, người đầu tiên thi hành việc này cố nhiên là cậu Tú Triệu. Kế theo là hai chú Triệu Bạch Nhân và Triệu Tư Thần. Sau đến AQ. Giá về mùa hè mà đem đuôi sam quán ngược lên đỉnh đầu hoặc kết lại thành búi tóc đằng sau thì cũng không có gì là lạ. Nhưng bây giờ, mới đầu thu, cho nên cái chính sách "thu hành hạ lệnh" (đem lệ mùa hè ứng dụng vào mùa thu) của mấy "nhà quán đuôi sam" cũng phải kể là một cao kiến, và như thế, đối với làng Mùi, không thể nói đó không phải là một cuộc cải cách.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Lỗ Tấn cũng là người hăng hái tham gia cuộc Cách mạng Tân Hợi, nhưng liền sau đó, ông nhận thấy cuộc Cách mạng Tân Hợi không thay đổi được xã hội Trung Quốc như ông mong muốn. Cuộc Cách mạng Tân Hợi không gây được một cuộc biến động như thế cho nên thất bại. Trong Tập văn của mình, nhiều lần Lỗ Tấn phát biểu ý kiến về cuộc Cách mạng này. Chẳng hạn trong bài *Bổng nhiên nghĩ tới (Hoa cải,*

Bác Triệu Tư Thần, gầy trông thông lỏng, bỗng ở đầu đường kia chạy tới. Những người trông thấy đều la to lên:

- Ô! Ông cách mạng đã tới kia kìa!

AQ nghe, tỏ ra rất phục. Y đã biết chuyện cậu Tú quần đùi sam lên, nhưng y không hề nghĩ rằng những người như y cũng có thể quần đùi sam lên được như thế. Bây giờ thấy Triệu Tư Thần làm như vậy, y mới nghĩ đến việc bắt chước và quyết chí thi hành. Y lấy một chiếc đũa, đem đuôi sam dốc ngược lên đỉnh cầu, ngẩn ngại hồi lâu.. rồi mới mạnh dạn bước chân ra đi.

AQ đi qua trên con đường làng, người ta nhìn thấy, nhưng cũng chẳng ai nói gì. Lúc đầu AQ buồn bực, sau y phát cáu. Gần đây, y bỗng trở thành gắt tính. Kỳ thực, không phải đời sống hàng ngày của y lâu nay có khó khăn gì hơn ngày chưa đi "làm giặc". Người ta đối với y cũng lễ độ. Lão chủ quán cũng không đòi tiền mặt ngay nữa. Nhưng y vẫn thấy bực bội trong lòng. Đã "cách cái mạng" đi rồi, thì không

Tạp văn D... "Tôi cảm thấy hình như đã lâu rồi không còn có cái gọi là Trung Hoa Dân quốc nữa.

Tôi cảm thấy trước cách mạng, tôi là nô lệ, sau cách mạng không bao lâu thì bị bọn nô lệ lừa bịp, biến thành nô lệ của chúng nó.

Tôi cảm thấy có nhiều quốc dân của Dân quốc mà lại là kẻ thù của Dân quốc.

Tôi cảm thấy cái gì cũng phải bắt đầu làm lại".

thể chỉ có như thế này. Nhất là có lần gặp thằng cu D. y lại càng tức lộn ruột.

Thì cả thằng cu D. nó cũng đem đuôi sam quán ngược lên! Hơn nữa, nó cũng nghiêm nhiên dùng một đoạn đũa giống như y. AQ không thể nghĩ rằng thằng cu D. cũng làm như y được. Y quyết không cho phép thằng cu D. lằng loàn như vậy. Thằng cu D. là cái thá gì! Y đã định tóm ngay lấy thằng oắt con, bẻ cho gãy nát chiếc đũa tre trên đầu nó đi, xả ngay cái đuôi sam xuống, rồi tát vào mặt nó mấy tát tai để trị nó cái tội không biết thân phận mà dám táo gan làm cách mạng. Nhưng cuối cùng, AQ cũng tha cho nó đi, chỉ lườm nó bằng một cặp mắt dữ tợn, rồi nhỏ một bãi nước bọt đánh "toách" lên một tiếng mà thôi!

Trong mấy ngày ấy, chỉ có lão Tây giả là người hay lên huyện, cậu Tú Triệu tuy vẫn có ý nhân câu chuyện gửi hòm hòm trước đi bái yết Cụ Cử một phen, nhưng chỉ vì dọc đường còn có cái nguy "chặt đuôi sam", nên cậu đành rón lại. Cậu viết một bức thư theo thể cách "lọng vàng"⁽¹⁾ gửi ngay lão Tây giả mang lên huyện và giới thiệu cho cậu được vào đảng "Tchứú" (Tự do)⁽²⁾. Lên huyện về, lão Tây giả đòi ngay bốn đồng bạc và đưa cho cậu Tú một cái huy

⁽¹⁾ Nghĩa là lời văn trịnh trọng.

⁽²⁾ Tiếng quan thoại, chữ (đảng tự do) cũng đọc na ná giống thị du đảng (đảng dầu hạt thị). Vì vậy mà dân làng Mùi vẫn tưởng rằng đảng tự do cũng là một bọn buôn dầu hạt thị. Theo Lỗ Tấn thì hai danh từ kia nên cứ dịch theo âm.

hiệu bằng bạc, hình quả đào để đeo vào áo dài. Làng Mùi trông thấy càng lấy làm kính phục. Họ bảo nhau: Đây là huy hiệu đảng "Tsuđiu" (thị du) đấy. Deo huy hiệu ấy vào thì được ngang hàng với Hàn lâm. Từ hôm ấy, Cụ Triệu lại oai vệ hơn cả lúc cậu con trai vừa đỗ tú tài nữa kia! Cho nên bây giờ cụ thật là "mục hạ vô nhân", gặp AQ cụ cũng chẳng thèm để ý nữa.⁽¹⁾

AQ đang bất bình nhiều nỗi và thường cảm thấy hiu quạnh... Nghe câu chuyện huy hiệu bằng bạc này, y mới vỡ lẽ ra vì sao y lại hiu quạnh như thế. Thì ra, làm cách mạng mà chỉ tuyên bố rằng mình "đầu hàng" chưa đủ, quần đùi sam lên cũng chưa đủ. Trước hết vẫn phải làm quen với bọn cách mạng đã. Sinh bình AQ chỉ biết có hai người trong bọn đó. Một người ở huyện thì độ nọ đã bị chém đầu đánh sập rồi! Bây giờ chỉ còn lão Tây giả nữa thôi. Ngoài việc thương lượng với lão Tây giả ra, AQ không còn có con đường nào khác nữa.

Cổng nhà họ Tiên vừa mở thì AQ đã rón rén bước vào. Vừa vào thì y đã hết hồn hết vía, vì y thấy lão Tây giả đứng giữa sân, mình bận bộ áo đen, tuồng như là âu phục, trước ngực cũng có tấm huy hiệu bằng bạc, hình quả đào, tay cầm cái ba-toong mà độ nọ y đã được biết mùi. Cái đuôi sam của lão

⁽¹⁾ So sánh với thái độ của Cụ Cố họ Triệu ở chương VII lúc cụ tưởng AQ làm "cách mạng".

đã dài được non một thước xõa xuống vai như cù Lưu Hải Tiên⁽¹⁾. Trước mặt lão, Triệu Bạch Nhân và ba người vô công rồi nghề khác đứng nghiêm, kính cẩn nghe lão nói.

AQ khe khẽ đi tới, nép sau lưng Triệu Bạch Nhân trong bụng muốn chào một tiếng, nhưng chẳng biết xưng hô như thế nào cho tiện. Gọi là "Tây giả" thì quyết không được rồi, gọi là "Tây" cũng không xuôi, mà gọi là ông "cách mạng" thì chẳng gọi. Hay gọi là "ông Tây" vậy?

Nhưng "ông Tây" vẫn không nhìn thấy y, vì ông ta còn đang trợn mắt lên giảng giải rất hăng:

- Chẳng là tôi thì tôi nóng tính. Cho nên vừa gặp nhau là tôi nói ngay: Anh Hồng!⁽²⁾ Ta làm ngay đi thôi! Nhưng anh Hồng lại nói: "No"⁽³⁾. "No" là tiếng Ăng-lê, các bác chẳng hiểu đâu. Nếu không thì thành công rồi! Tuy vậy, xem đó ta cũng đủ biết anh Hồng làm việc rất cẩn thận như thế nào!... Anh ấy mấy lần có mời tôi lên Hồ Bắc cho được. Tôi không chịu đi. Đi thì ai muốn đến làm việc trong huyện nhỏ bé này cho!

- Ủa!... Này... Này!

⁽¹⁾ Chỉ Lưu Hải Thiêm, người thời đại Ngũ đại, tương truyền tu đạo ở Chung Nam Sơn, thành tiên. Có ảnh của ông lưu truyền trong dân gian, tóc dài để xõa.

⁽²⁾ Chỉ Lê Nguyên Hồng, một nhân vật thời cách mạng Tân Hợi.

⁽³⁾ No: tiếng Anh nghĩa là *không*.

AQ đánh bạo thốt ra được mấy tiếng lúc lão Tây giả vừa ngừng lại. Nhưng không hiểu vì sao y lại không gọi là "ông Tây". Bốn người đang đứng nghe, đều giật mình ngoảnh lại nhìn. "Ông Tây" cũng vừa trông thấy AQ.

- Cái gì?

- Tôi...

- Ra ngay!

- Tôi định đầu hàng.

"Ông Tây" giờ cái gậy "đại tang" lên:

- Cút lập tức!

Cả Triệu Bạch Nhãn và mấy lão kia cũng mắng om sòm:

- Ông bảo mày cút đi, mày không nghe hay sao?

AQ đem hai bàn tay lên che đầu rồi không kịp suy nghĩ chuồn thẳng. May mà "ông Tây" không đuổi theo. AQ chạy rất nhanh khoảng độ năm sáu mươi bước, mới đi chậm chậm lại. Lúc bấy giờ lòng AQ bỗng lại âu sầu. Muốn làm cách mạng nhưng "ông Tây giả" không cho làm. Y không còn cách nào khác nữa. Từ nay còn mong gì người mũ bạch, áo giáp bạch đến gọi! Bao nhiêu hoài bão, bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu chí hướng và tiền đồ, thế là đi đời nhà ma! Ấy là chưa kể y sẽ chịu bao nhiêu nỗi nhục nhã khi bọn hiếu sự sẽ đem chuyện này đồn đại lên để cho tụi Vương Râu, cu D. có dịp cười cợt!

Tuồng như xưa nay AQ chưa hề bao giờ chán

chường như hôm nay. Cho đến cả cái đuôi sam quần vòng quanh trên đầu, hôm nay y cũng cho là vô vị, đáng khinh bỉ hết sức! Y muốn đem mà buông xuống cho bỏ ghét, nhưng rồi cũng thôi, không buông xuống. Y đi rong mãi đến khuya, uống chịu hai bát rượu. Thế rồi tinh thần lại phấn khởi lên, và y lại mơ tưởng đến những chiếc mũ bạch, áo giáp bạch...

Một hôm, AQ theo như lệ thường đi rong mãi đến khuya, lúc các quán rượu sắp đóng cửa, mới trở về đền Thổ Cốc.

Đừng! Đừng!

Bỗng có mấy tiếng âm rất lạ tai, giống tiếng pháo mà không ra tiếng pháo! Vốn tính thích ồn ào và thích xem nhảm, AQ mò ra xem. Đằng trước mặt như có tiếng chân người bước tới. Y lắng tai nghe. Bỗng có người từ đằng kia chạy lại. Chợt trông thấy, AQ cũng theo bóng người ấy chạy nốt. Người ấy chạy quanh, y cũng quanh theo. Người ấy đứng dừng lại, y cũng đứng dừng lại. Nhìn lại phía sau chẳng có gì. Té ra bóng người chạy đó là cu D. Y phát bản:

- Cái gì thế?

- Hừ... nhà cụ Tri... Triệu mất cướp!

Cu D. vừa trả lời vừa thở hồng hộc.

Quả tim AQ cũng thoi thóp, dồn ngược. Nói xong cu D. lại chạy. AQ cũng chạy theo, và còn đứng dừng lại mấy lần nữa. Dù sao thì AQ cũng đã làm qua nghề ấy, cho nên y gan dạ lắm. Y nép vào một

góc đường, nghe ngóng, tựa hồ như có tiếng kêu gào, và nhìn kỹ thì tựa hồ như có vô số người đội mũ bạch, mặc áo giáp bạch, tập nập khiêng những rương hòm, đồ đạc, chuyển từ nhà chuyển ra. Cái giường Hồng Kông của mợ Tú hình như cũng chuyển ra đấy rồi! Nhưng không thấy rõ cho lắm. AQ còn muốn lại gần, nhưng chân vẫn không nhúc nhích.

Đêm ấy không có trăng. Trong bóng tối dày đặc, cảnh làng Mũi vẫn lặng lẽ như những ngày thịnh trị đời Hy Hoàng. AQ đứng nhìn, nhìn đến phát chán mà vẫn thấy chúng nó ra ra vào vào, khiêng hoài, khiêng mãi. Hết khiêng rương lại khiêng đồ vật, hết khiêng đồ vật lại khiêng cái giường Hồng Kông của mợ Tú... Chúng nó khiêng đến nỗi làm cho AQ không tin cả con mắt y nữa. Nhưng y không định lại gần, y trở về đền Thổ Cốc.

Đền Thổ Cốc cũng tối đen như mực. Y khép chặt cửa ngoài, đi lò mò vào nhà, ngả người xuống giường một hồi rất lâu. Lúc đó tâm thần y mới ổn định và y mới bắt đầu suy nghĩ về y. Rõ ràng bọn đội mũ bạch, áo giáp bạch đến rồi, thế mà chúng nó không thèm gọi mình một tiếng! Chúng nó khiêng bấy nhiêu đồ tốt thế mà cũng chả có phần mình. Thôi! Đấy lại chỉ tại cái thằng Tây giả khả ố kia, nó không cho mình "làm giặc"! Nếu không lẽ nào lần này lại không có phần mình? AQ càng nghĩ càng tức điên ruột lên. Y khẽ gật đầu nói một cách độc địa:

- Không cho tớ làm giặc à! Chỉ có một mình mày

làm giặc thôi à! Mẹ cái thằng Tây giả này! Được! Mày làm giặc!... Làm giặc là tội chết chém. Tớ sẽ viết ngay một lá đơn phát giác để người ta bắt cổ mày, đem về huyện chặt đầu, tru di cả nhà cho mà xem... S...sật! S... sật!

IX. ĐẠI ĐOÀN VIÊN

Sau lúc nhà họ Triệu mất cướp thì phần đông dân làng Mùi vừa thích chí vừa sợ hãi. AQ cũng vậy, y vừa thích chí vừa sợ hãi.

Nhưng bốn hôm sau, giữa lúc đêm khuya, y bỗng bị bắt lên huyện. Giời tối đen. Một toán lính, một đội tuần đinh, một đội cảnh sát, năm tên mật thám, lẳng lặng đi về làng Mùi, thừa lúc đêm tối mò mò, vây kín lấy đền Thổ Cốc, lắp ngay mấy khẩu súng liên thanh chĩa mũi vào trong đền, nhưng AQ không hề xông ra. Một hồi khá lâu, trong đền vẫn im phăng phắc, tuyệt không động tĩnh gì cả. Viên lãnh binh sốt ruột, phải treo hai vạn quan tiền thưởng, mới có hai chú tuần đinh mạo hiểm trèo tường vào. Thế rồi trong ngoài hưởng ứng cùng nhau, toán quân thốc vào một loạt, tóm ngay được AQ. Mãi đến lúc bị lôi ra ngoài cửa, đứng bên khẩu súng liên thanh, AQ mới tỉnh giấc... Về huyện, trời vừa đúng trưa. Người ta dắt y tới một nha môn đã nát, rồi rẽ quanh năm sáu góc đường nữa, người ta đẩy y vào gian nhà nhỏ. Y đương bước

thấp bước cao đi vào thì cái cánh cửa làm bằng những súc gỗ nguyên phiến đã đóng sập ngay lại sau gót chân y. Ba mặt khác đều là những bức tường vôi. Nhìn kỹ vào trong góc phòng, y thấy hai người khác đã ở đấy từ trước.

AQ bụng hồi hộp nhưng không lấy làm khổ sở. Số là gian phòng này so với buồng ngủ của y ở đền Thổ Cốc kể còn cao ráo, sáng sủa hơn nhiều. Hai lão kia xem chừng cũng đều là nhà quê cả. Y dần dà trò chuyện hỏi thăm. Một lão nói:

- Tớ bị bắt là vì ông nội tớ còn thiếu cụ Cử một món nợ cũ.⁽¹⁾

Còn lão kia thì chả biết vì sao mà bị bắt cả. Họ hỏi AQ... AQ nhanh nhẹn trả lời:

- Tớ à! Tớ định làm giặc!

Chiều hôm ấy, người ta lại dắt AQ đến một công đường to. Một lão già đầu trọc ngồi trên cao. AQ nghĩ bụng: lão già này chắc là một lão sư cụ hần... Nhưng nhìn thấy một toán lính đứng sắp hàng ở dưới và mười mấy người nữa ở hai bên, đều bận áo dài, người thì cũng đầu trọc như lão già, người thì đuôi sam dài có đến một thước xoắn xuống như lão Tây giả, người nào người nấy, mặt bự cả thịt, hăm hăm nhìn AQ, AQ biết ngay rằng: lão trọc này chẳng phải là tay vừa. Thế là mấy khớp đầu gối của y tự

⁽¹⁾ Bọn địa chủ lợi dụng cách mạng để mưu lợi riêng, đòi nợ cũ của chúng.

nhiên như rã hắt ra, và y quỳ sụp xuống. Bọn áo dài nạt nộ om sòm:

- Đứng mà nói! Không phải quỳ!

AQ xem chừng cũng hiểu họ nói gì, nhưng không tài nào đứng dậy được. Cái thân xác mà hiện giờ phút này không tự chủ được nữa chỉ cứ ngã sụp xuống. Thế là y đành cứ thế mà quỳ.⁽¹⁾

- Quen cái thói nô lệ!

Bọn áo dài mắng, giọng khinh bỉ, nhưng rồi cũng không bảo y đứng dậy nữa.

Lão già đầu trọc nhìn thẳng vào mặt AQ, nói rất thông thả rõ ràng:

- Cứ thú đi là hơn, khỏi phải tra khảo thêm khổ. Ta biết hết rồi! Thú đi rồi tha cho...

Bọn áo dài cũng quát to lên:

- Khai đi!

AQ nghĩ ngợi, ấp úng khá lâu, rồi trả lời tiếng được tiếng mất.

- Con vẫn có ý đi đâu...⁽²⁾

⁽¹⁾ Người nông dân Trung Quốc bị áp bức ngàn đời nay nên một trong những khuyết điểm của AQ là tính cách nô lệ. Nhận xét của Lỗ Tấn đặt ra cho cách mạng nhiệm vụ phải phóng tay phát động quần chúng nông thôn để họ có thể "vươn mình" lên được.

⁽²⁾ AQ có ý nói: y có ý đi "đầu hàng" đảng Cách mạng nhưng bấy nhiêu người nghe lại hiểu AQ có ý đi "đầu thú" về tội ăn cướp.

Lão già hỏi, giọng rất là hòa nhã:

- Vậy thì sao không đến?

- Thưa lão Tây giả nó không cho...

- Nói bậy! Bây giờ mới nói thì chậm quá rồi! Hiện nay bọn đồng đảng với mày ở đâu?

- Cái gì kia ạ?

- Bọn ăn cướp nhà họ Triệu hôm trước ấy mà?

- Nào chúng nó có lại gọi con đâu? Chúng nó tự mình chúng nó chuyển đi.

Nhắc lại chuyện đó, AQ còn ra vẻ căm tức.

- Chúng nó đi về đâu? Khai rồi ta tha cho...

Giọng lão trọc nói rất ngọt ngào.

- Bẩm, con không biết. Nào chúng nó có gọi con đâu!

Rồi thấy lão trọc nháy một cái. Thế là AQ lại bị dẫn về trại giam. Đến sáng hôm sau, y mới bị lôi ra lần nữa.

Quang cảnh công đường vẫn như ngày hôm qua. Ngồi trên vẫn cái lão trọc đầu hôm qua. AQ vẫn quỳ sấp xuống đất. Lão trọc đầu ngọt ngào hỏi:

- Còn muốn nói thêm gì nữa không?

AQ nghĩ chẳng biết nói gì, khẽ trả lời:

- Không ạ.

Rồi một lão áo dài đưa một tờ giấy và một quản bút đến trước AQ, nhét vào tay. AQ lúc đó cơ hồ "hồn rơi phách rụng". Số là lần này là lần đầu tiên bàn tay của y mới có liên quan đến một cái quản bút.

Y còn chưa biết cầm thế nào thì người đó đã chỉ cho y một chỗ trên tờ giấy, bảo ký vào đấy. Y tay nắm chặt lấy quản bút, miệng lẩm bẩm thưa, vừa sợ hãi, vừa xấu hổ:

- Con... Con... không biết chữ ạ!

- Thế thì để cho tiện, vẽ vào đây một cái vòng tròn vậy!

AQ định vẽ một cái vòng tròn, khốn một nỗi là tay cầm bút cứ run đây đấy. Người kia phải đem tờ giấy rải rộng lên trên mặt đất hộ y. Y bèn nằm bò xuống, rón rết sức bình sinh, vẽ một cái vòng. Sợ người ta cười, y quyết vẽ cho tròn. Nhưng cái bút đáng ghét kia không những nặng quá thể mà lại không chịu cho y điều khiển. Cứ từng khúc, từng khúc một, y đấu các nét vẽ lại, nhưng hễ cái vòng sắp khít thì cái bút lại chệch ra ngoài. Thành thử chỉ vẽ được một cái hình xiêu vẹo, méo mó in như là hạt dưa.

AQ còn thẹn về chỗ mình vẽ không được tròn, nhưng người kia không để ý đến, đã giằng lấy bút, giấy rồi. Thế rồi một tụi lại đem y trở về trại giam như cũ.

Về đến trại giam lần thứ hai này, AQ cũng không ra vẻ buồn bã cho lắm. Y nghĩ rằng: "Người ta sinh ra ở trong trời đất thì tất cũng phải có lúc bị dắt vào dắt ra trong ngoài một cái trại giam, có lúc cũng phải nắm lấy quản bút mà vẽ một cái vòng tròn. Chỉ có vẽ không được tròn thì mới thật là cái vết nhơ nhuốc trong đời mình mà thôi". Nhưng chẳng mấy chốc y

đã quên ngay và tâm hồn y đã thành thói hẩn. Y nghĩ bụng: "Con cháu tớ ngày sau hẳn là vẽ được tròn trĩnh hơn tớ bây giờ!" rồi ngủ thảng.

Nhưng đêm ấy, có một người không ngủ được. Ấy là Cụ Cử. Cụ rất bất bình với ông lãnh. Cụ thì chủ trương rằng: cần nhất là phải hỏi cho ra tang vật, mà ông lãnh thì bảo: phải ra oai cho chúng sợ. Gần đây, ông lãnh đã khinh cụ ra mặt. Ông ta đập bàn đập ghế nói:

- Phải giết một thằng cho trăm nghìn thằng khác sợ chứ! Ông xem, ta ra làm cách mạng chưa được hai mươi ngày trời mà đã xảy ra mười mấy vụ ăn cướp, thế mà không vụ nào truy ra cả, còn gì là thể diện của tôi! Bây giờ truy ra được rồi, ông lại nói ngang. Không được! Việc này là phần việc của tôi...

Cụ Cử bí, chả biết trả lời thế nào... Nhưng cụ vẫn giữ ý kiến của cụ và nói rằng: nếu không tìm cho ra tang vật thì cụ sẽ lập tức từ chức bang biện. Ông lãnh bình trả lời:

- Cái ấy tùy ý ông.

Vì vậy, tối hôm ấy Cụ Cử không ngủ được một tí nào. Cũng mấy hôm sau, cụ không hề từ chức.

Lần thứ ba, người ta dắt AQ ra ngoài trại giam, tức là ngay sau cái đêm Cụ Cử không nhắm mắt từ đầu hôm suốt sáng. AQ ra đến công đường vẫn thấy cái lão trọc chiếu lệ ngồi đấy. AQ cũng chiếu lệ quỳ sụp xuống.

Lão trọc lại cứ ngọt ngào hỏi:

- Thế còn muốn nói gì nữa không?

AQ nghĩ một hồi, chẳng biết nói gì cả, trả lời:

- Bẩm không ạ!

Bọn áo dài, áo ngắn liền khoác cho y một cái áo vải tây trắng trên có mấy chữ mực đen. AQ lấy làm buồn khổ vô cùng là vì cái áo đó hơi giống áo đại tang: ăn bận như thế sợ có "xúi quẩy" chăng? Nhưng ngay lúc ấy, người ta đã bắt y trối cánh khuỷu lại và lôi ra khỏi nha môn rồi.

AQ bị người ta đẩy lên một chiếc xe không mui, ngồi chung với mấy chú áo cộc. Tức thì xe mở máy. Một toán lính và mấy chú tuần đinh vác súng đi trước, hai bên đường rất nhiều người hếch mỏ đứng xem. AQ không biết phía sau có những gì. Bỗng y chợt nghĩ rằng: hay là chúng nó đưa mình đi chặt đầu! Hoảng quá! Hai mắt y quáng hắc lên, rồi hai tai nghe vù vù. Y dường như ngất đi. Nhưng y cũng chưa ngất hẳn, có lúc lo sợ, có lúc thản nhiên. Y cảm thấy rằng: người ta sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có thể có một lần bị chặt đầu!

Nhưng AQ còn nhận ra đường lối, và hơi lấy làm lạ sao lại không đi thẳng tới trường chém? Nào y có biết đâu rằng bây giờ người ta còn đem y bêu phốt để cho mọi người trông thấy đã. Nhưng dù có biết thế chẳng nữa thì y cũng chỉ nghĩ rằng: người ta sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có một lần phải bêu phốt để cho mọi người trông thấy như vậy!

AQ bây giờ đã vỡ lẽ ra! Đây là con đường quanh ra trường chém rồi! Chuyến này thì nhất định chặt đầu đánh "sắt" một cái. Y thần thờ nhìn ra hai bên đường. Hai bên đường, người xem như kiến. Tình cờ trong đám đông, y bỗng thấy mặt vú Ngò. Đã lâu không gặp vú, thì ra vú đã lên huyện làm công, AQ bỗng then thấy mình không có khí phách để hát lên vài câu⁽¹⁾. Bao nhiêu tư tưởng cuộn cuộn trong đầu óc y như một cơn lốc. Bài "*Gái góa thăm mộ*" hát lên cũng chẳng oai vệ gì; còn câu "*ăn năn đã quá muộn*" trong tấu "*Long hổ đấu*" xem ra cũng yếu lắm. Thôi thì hát câu "*Thủ chấp cương tiên tương nỉ đã*" vậy!

Rồi y đang tay lên. Lúc đó y mới nhớ ra rằng hai tay y đã bị trói chặt. Vì vậy mà y cũng chả hát câu "*Thủ chấp cương tiên*" nữa.

"*Hai chục năm sau sẽ có...*"⁽²⁾. Giữa lúc ngổn ngang trăm mối, AQ bỗng phụt ra một câu xưa nay y chưa hề nói được bao giờ. Thật là không có thầy mà vẫn có thể giỏi được.

- Hay lắm!

Một tiếng gào như tiếng sói gầm lên giữa đám người.

Chiếc xe cứ đi thẳng. Giữa bấy nhiêu tiếng khen

⁽¹⁾ Đến lúc này mà AQ vẫn nghĩ đến giữ thể diện. Thật buồn cười, nhưng cũng thật đáng thương!

⁽²⁾ Nói trọn cả câu là: Hai chục năm sau sẽ lại có một tay hảo hán. Đó là câu của những kẻ tử hình thường nói khoác lác trước khi bị hành hình.

ồn ào, AQ liếc mắt nhìn vú Ngò. Nhưng hình như vú không thấy? AQ chỉ đứng thất thần nhìn mấy khẩu súng trên vai bọn lính.

AQ lại nhìn vào đám người đang reo hò.

Trong giây phút này, tư tưởng AQ lại cuộn cuộn lên trong đầu óc y như một cơn lốc. Bốn năm về trước, y đã gặp phải một con sói đói cứ theo riết lấy y, định ăn thịt y. Lúc bấy giờ y sợ tưởng chết ngất đi. May sao trong tay còn có một con dao rựa y mới liều mạng cầm cự về được đến làng Mù. Đến nay, y còn nhớ mãi đôi mắt con sói vừa dữ tợn, vừa khiếp sợ, cứ lấp lánh lên y như hai ngọn lửa ma trời, chỉ mới đằng xa trông mà đã nghe đau nhói cả da thịt. Ấy thế mà trong giờ phút này, AQ lại gặp những cặp mắt ghê tởm hơn thế, ghê tởm như chưa bao giờ ghê tởm bằng, vừa lừ lừ, vừa sắc bén, gần mà như xa, theo riết y, không những nuốt chửng lời nói của y mà chực cấu xé thân hình y⁽¹⁾.

Rồi những cặp mắt lại hóa thành một khối cấu xé cả tâm hồn y nữa.

⁽¹⁾ Nhắc lại về ký ức của chú AQ về chó sói, Lỗ Tấn muốn nêu rõ chế độ xã hội phong kiến là chế độ "Người ăn thịt người" mà ông thường nói đến, đặc biệt là trong bài Tạp văn *Dưới đèn tùy bút* (Tạp văn, I): "Cái gọi là văn minh Trung Quốc, kỳ thực chỉ là bữa tiệc thịt người bày ra cho bọn giàu sang hưởng thụ, mà cái gọi là Trung Quốc, kỳ thực chỉ là cái bếp sửa soạn bữa tiệc thịt người đó. Không biết mà tán dương thì còn tha thứ được, nhưng biết mà còn tán dương, thì thế hệ này sẽ bị người đời sau nguyên rửa mãi mãi".

- Cứu tôi với, ối trời ơi!

Nhưng AQ không nói lên lời được. Mắt y đã tối sầm lại, tai nghe vù vù; y cảm thấy thân hình y tan ra thành từng hạt bụi.

*

* *

Về ảnh hưởng lúc đó của sự việc trên đây thì rõ rệt nhất lại là ở nhà Cụ Cử. Cả nhà Cụ đều rên rĩ về sự quan tư không chịu tìm cho ra tang vật. Sau nữa là ở nhà Cụ Cố họ Triệu. Không những trong lúc lên huyện đi báo, cậu Tú đã bị bợn cách mạng không tốt nó cắt mất cái đuôi sam, mà nhà cụ lại còn phải nộp hai vạn quan tiền thưởng cho hai tên tuần đinh đã mạo hiểm trèo tường vào bắt AQ hôm trước. Thành ra cả nhà cụ càng rên rĩ tợn. Hai gia đình này từ đấy về sau đều có vẻ điêu tàn như các bậc "đi lão"⁽¹⁾.

Còn như về dư luận, thì cả làng Mùi đều nhất trí công nhận rằng: AQ không phải là người lương thiện, chứng cứ là y đã bị bắn, vì rằng: nếu là người lương thiện thì sao lại bị bắn kia chứ! Trên huyện thì dư luận không lấy gì làm hay lắm. Phần nhiều họ không thỏa mãn. Họ bảo: bắn người trông không vui

⁽¹⁾ Tức là những nhân sĩ nhà Minh không chịu thuần phục nhà Thanh.

mất bằng chém, mà cái tên tử tù kia trông buồn cười thế nào ấy. Đã bị đưa đi bêu phở một hồi như vậy mà cũng không hát lên được một câu, thành ra đi theo nó bao nhiêu đường đất, chỉ mất công toi⁽¹⁾.

Tháng 12 năm 1921

⁽²⁾ Dưới ngòi bút của Lỗ Tấn, quần chúng còn mê muội và tàn nhẫn quá chừng. Thời kỳ này, Lỗ Tấn đang có khuynh hướng nghi ngờ quần chúng, chưa tin vào sức mạnh của quần chúng. Cái quần chúng trong *AQ chính truyện* chạy theo AQ xem, khi AQ bị đưa ra pháp trường, cũng là cái quần chúng đứng chứng kiến cuộc chặt đầu tên Hán gian tay sai của đế quốc Nga, sau khi bị đế quốc Nhật bắt được trong bài Tựa *Gào thét*.

Về tính chất cách mạng của AQ, xem thêm bài "Vì sao tôi viết *AQ chính truyện*" (*Tạp văn I*).

Theo ý tôi thì nếu như Trung Quốc không làm cách mạng thì AQ cũng chẳng bao giờ làm cách mạng, nhưng nếu như Trung Quốc làm cách mạng thì thế nào AQ cũng sẽ làm. Số mạng của chú AQ của tôi nhất định phải như thế... Năm thứ nhất niên hiệu Dân quốc đã qua lâu rồi, không còn dấu vết gì nữa. Nhưng sau này, nếu còn cách mạng thì tôi chắc chắn rằng vẫn còn những tay "cách mạng" giống như AQ". Đó là một câu chứng tỏ Lỗ Tấn hết sức tin tưởng vào lực lượng cách mạng của người nông dân Trung Quốc.

(Bản dịch của Đặng Thai Mai và Trương Chính, có sửa lại)

Tết Đoan Ngọ^(*)

Ở đây, ông Phương Huyền Xước, thường hay nói câu "Cũng là một chín một mười" đã thành quen miệng. Không những ông ta hay nói thế, mà câu ấy quả đã khắc sâu vào đầu óc ông ta rồi. Trước kia, câu ông ta thường dùng là câu "Cũng như nhau cả thôi", nhưng về sau hình như cảm thấy chưa được yên ổn, nên đổi là "Cũng là một chín một mười!" và dùng mãi cho đến bây giờ.

Từ ngày ông ta tìm ra được câu danh ngôn bình thường đó, tuy nó có gọi cho ông ta nhiều điều bức dọc mới, nhưng cũng đưa lại cho ông ta một nguồn an ủi mới. Thí dụ như thấy các bậc lão thành uy hiếp bọn thanh niên, lúc đầu ông ta cũng giận, nhưng sau nghĩ lại thì ông ta lại nói: "Lớp trẻ này mai sau có con có cháu thì rồi cũng lại lên mặt như thế thôi". Thế là ông ta không bức dọc nữa. Lại như thấy bọn lính đánh đập các người kéo xe, lúc đầu ông ta cũng giận,

(*) Truyện *Tết Đoan Ngọ* đăng lần đầu tiên ở *Tiểu thuyết nguyệt báo* tháng 9 năm 1922.

nhưng nghĩ lại, ông ta lại nói: "Giả sử người kéo xe là lính và người lính đi kéo xe thì rồi cũng đánh đập thế thôi!" Thế là ông ta không để tâm đến nữa. Nghĩ như vậy, có lúc ông ta cũng ngờ rằng có lẽ vì chính bản thân mình không có dũng khí chống lại cái xã hội xấu xa này chẳng, nên mình mới tự lừa dối mình cố tìm ra một lối thoát, gần như kẻ vô tâm phải trái thế nào cũng mặc kệ. Thái độ ấy nên thay đổi đi thì hơn. Nhưng cái ý nghĩ trên kia lại cứ bám sâu vào đầu óc ông ta.

Lần đầu tiên ông ta đưa cái thuyết "một chín một mười" ra phát biểu một cách công khai, ấy là vào lúc ông ta giảng bài ở trường Thủ Thiên tại Bắc Kinh. Lúc đó, đại khái ông ta đang đề cập đến những chuyện trong lịch sử. Ông ta nói: "Cổ kim, con người cũng không khác gì nhau mấy", "Những dân tộc khác màu da, tính tình cũng giống như nhau cả thôi". Rồi liên miên, cuối cùng ông ta đề cập đến vấn đề học sinh và quan lại. Luận điệu của ông ta như sau:

- Bây giờ trong xã hội có cái "mất" khá phổ biến là chữ quan lại, mà chữ hăng nhất là học sinh. Nhưng quan lại có phải là một chủng tộc đặc biệt giới sinh ra đâu! Cũng là bình dân mà trở thành cả. Ngày nay quan lại xuất thân học sinh không phải là ít, mà nào có khác gì quan lại cũ đâu! "Dịch địa tắc giải thiên", thay đổi địa vị là rồi thế cả! Tư tưởng, ngôn luận, cử chỉ, tác phong đều chẳng khác gì nhau lắm. Ngay bao nhiêu những việc học sinh mới làm

vừa rồi, không phải là khó lòng tránh khỏi tệ lậu đấy ư? Không phải là phân nửa đều tan thành mây khói đấy ư? Cũng là một chín một mười thôi. Nhưng điều đáng lo cho tương lai Trung Quốc chính là ở chỗ đó...

Hơn hai mươi người ngồi rải rác trong lớp học nghe ông ta giảng, kẻ thì đâm ra buồn nản, có lẽ vì cho rằng ông ta nói phải; kẻ thì đâm ra phẫn nộ, có lẽ vì cho rằng ông ta làm nhục đến thanh niên thần thánh. Có mấy anh nhìn ông ta mỉm cười, có lẽ cho rằng chính ông ta đang biện hộ cho ông ta. Bởi vì ông Phương Huyền Xước là một người vừa đi dạy, vừa làm việc quan!

Thực ra, nhầm cả. Đó chẳng qua chỉ là một kiểu bất bình mới của ông ta mà thôi. Tuy nói là một kiểu bất bình nhưng lại chỉ là một kiểu lý luận suông để được an thân. Chính ông ta cũng không biết rõ là vì ông ta lười hay là vì ông ta không được tích sự gì thật, mà ông ta cảm thấy không thích hoạt động gì cả và hết sức an phận thủ thường. Ông tổng trưởng⁽¹⁾ vu oan cho ông ta mắc bệnh thần kinh; miễn địa vị ông ta không bị lung lay thì thôi, ông ta quyết không mở miệng cãi lại. Lương lậu giáo viên hơn nửa năm chưa trả, miễn ông ta còn có món lương về chức quan đủ ăn tiêu thì thôi, ông ta quyết không mở miệng đòi. Chẳng những không mở miệng đòi mà khi các giáo viên khác liên hiệp lại đòi chính phủ trả lương thì

⁽¹⁾ Tổng trưởng cũng như Bộ trưởng.

trong bụng ông ta thăm cho rằng: như thế là không suy nghĩ chín chắn lại sinh chuyện kêu ca. Đến khi nghe bạn đồng liêu chê cười bọn nhà giáo quá, lúc đó ông ta mới hơi bức dọc một chút. Sau nghĩ lại, ông ta cho rằng mình bức dọc là bởi vì chính phủ thiếu tiền của mình, chứ như các ông quan kia, họ không đi dạy thì thôi, họ vẫn thanh thản như thường.

Tuy chính phủ thiếu tiền của ông ta, nhưng ông ta chưa bao giờ gia nhập đoàn thể các nhà giáo cả. Có điều, người ta quyết nghị bãi khóa thì ông ta cũng không lên lớp. Chính phủ nói: "Có lên lớp dạy mới phát lương" thì ông ta mới hơi giận, thấy chúng nó như là đưa quả cây ra mà nhử khỉ. Một nhà "giáo dục" lớn phát biểu ý kiến: "Nhà giáo mà tay xách cặp, tay ngửa đòi tiền thì chẳng lấy gì làm cao thượng!!!". Nhưng về nhà, ông ta mới thực chính thức cầu nhàu với vợ. Buổi cơm chiều hôm nghe cái thuyết "không cao thượng đó", ông ta nhìn mâm cơm nói:

- Đây! Làm sao chỉ có hai món thế này thôi à?

Vợ chồng ông ta không phải là người tân học, bà Xước không có biệt hiệu, học danh nào cả, nên không có cái tên nào để xưng hô với nhau; theo lệ cũ thì cũng có thể gọi là "mình", nhưng ông ta lại không muốn thủ cựu quá, do đó mới phát minh ra chữ "này" để gọi vợ. Còn bà Xước thì "này" cũng không "này" nữa, chỉ nhìn vào mặt chồng mà nói; theo thói quen, như thế ông ta biết là nói với ông ta.

- Nhưng tháng trước chỉ lĩnh được có hơn một

phần mười. Hết sạch rồi! Gạo ngày hôm qua, nói khó để mãi mới mua chịu được đấy!

Bà Xước đứng cạnh bàn, nhìn vào mặt ông chồng mà nói.

- Đấy xem, còn nói nhà giáo mà đi đòi tiền lương là bần tiện nữa không? Cái hạng ấy có lẽ đến cái việc tầm thường là người thì phải ăn cơm, nấu cơm thì phải có gạo, mua gạo thì phải có tiền, chắc cũng không biết!

- Phải. Không có tiền thì làm sao mua gạo được, không có gạo thì làm sao thổi cơm được!

Ông ta phụng má ra, hơi buồn vì thấy câu nói đó của vợ gần như bất chước mà phụ họa cái thuyết "một chín một mười" của ông ta. Sau đó, ông ta quay mặt sang chỗ khác. Theo thói quen, như thế là ông ta tuyên bố cuộc thảo luận giữa hai vợ chồng đến đây là chấm dứt.

Mãi đến cái hôm trời rét gió lạnh, các ông giáo kéo nhau đi đòi chính phủ trả lương và bị lính chính phủ đánh đập vỡ đầu chảy máu ở trước cửa Tân hoa môn⁽¹⁾ lầy lội, lúc đó chính phủ mới đành phải trả cho một ít. Ông Phương Huyền Xước không phí một chút hơi sức nào mà cũng lĩnh được tiền, trả được ít món nợ cũ. Nhưng ông ta cũng vẫn còn lại một số nợ khá lớn chưa thanh toán được, bởi vì lương về chức quan của ông ta,

⁽¹⁾ Tân hoa môn tức là cửa chính của Tổng thống Trung Hoa dân quốc thời chính phủ Bắc Dương, ở tây Bắc Kinh đường Trường An.

chính phủ cũng đang thiếu. Lúc bấy giờ, cả những ông quan thanh liêm cũng dần dần cho rằng thiếu tiền lương thì không thể không đòi được, huống chi ông Phương Huyền Xước lại kiêm giáo viên nữa, tự nhiên ông ta càng đồng tình với bên giáo giới. Cho nên lúc mọi người chủ trương tiếp tục bãi khóa, mặc dù ông ta vẫn không đến họp, nhưng sau đó ông ta vui vẻ thành tâm theo nghị quyết chung.

Nhưng rồi chính phủ lại phát tiền, và nhà trường lại mở cửa. Có điều mấy ngày trước đây, Tổng hội học sinh lại viết một lá đơn đệ lên Chính phủ nói rằng: "Nếu thầy giáo không lên lớp thì không nên trả số tiền lương còn thiếu". Tuy chẳng có hiệu quả gì, nhưng ông Phương Huyền Xước bỗng sức nhớ đến câu Chính phủ nói trước kia: "Có lên lớp dạy mới trả tiền", thì cái thuyết "một chín một mười" lại lớn vồn trong đầu ông ta, không làm sao quên được. Do đó, ông ta phát biểu công khai ở giữa lớp.

Xem thế đủ rõ, nếu đem cái thuyết "một chín một mười" ra mà đào sâu suy nghĩ, tự nhiên cũng có thể thấy bao hàm một mối bất bình riêng; chứ quyết không thể nói được đó chỉ là một câu biện bác cho việc ông ta làm quan. Có điều, những lúc đó ông ta thường thích đả động đến cả nước vấn đề như là vận mệnh trong tương lai của Trung Quốc. Không khéo một chút thì cả ông ta cũng sẽ tự cho ông ta là một bậc chí sĩ cứu quốc của dân nữa kia! Con người ta thường khổ ở chỗ không tự biết mình.

phần mười. Hết sạch rồi! Gạo ngày hôm qua, nói khó dễ mãi mới mua chịu được đấy!

Bà Xước đứng cạnh bàn, nhìn vào mặt ông chồng mà nói.

- Đấy xem, còn nói nhà giáo mà đi đòi tiền lương là bần tiện nữa không? Cái hạng ấy có lẽ đến cái việc tầm thường là người thì phải ăn cơm, nấu cơm thì phải có gạo, mua gạo thì phải có tiền, chắc cũng không biết!

- Phải. Không có tiền thì làm sao mua gạo được, không có gạo thì làm sao thổi cơm được!

Ông ta phụng má ra, hơi buồn vì thấy câu nói đó của vợ gần như bắt chước mà phụ họa cái thuyết "một chín một mười" của ông ta. Sau đó, ông ta quay mặt sang chỗ khác. Theo thói quen, như thế là ông ta tuyên bố cuộc thảo luận giữa hai vợ chồng đến đây là chấm dứt.

Mãi đến cái hôm trời rét gió lạnh, các ông giáo kéo nhau đi đòi chính phủ trả lương và bị lính chính phủ đánh đập vỡ đầu chảy máu ở trước cửa Tân hoa môn⁽¹⁾ lầy lội, lúc đó chính phủ mới đành phải trả cho một ít. Ông Phương Huyền Xước không phí một chút hơi sức nào mà cũng lĩnh được tiền, trả được ít món nợ cũ. Nhưng ông ta cũng vẫn còn lại một số nợ khá lớn chưa thanh toán được, bởi vì lương về chức quan của ông ta,

⁽¹⁾ Tân hoa môn tức là cửa chính của Tổng thống Trung Hoa dân quốc thời chính phủ Bắc Dương, ở tây Bắc Kinh đường Trường An.

Nhưng cái sự thực - "một chín một mười" đã lại phát sinh. Buổi đầu Chính phủ không đếm xỉa đến các ông giáo chỉ được cái quấy rầy cho người ta nhức đầu nhức óc, về sau cũng lại không đếm xỉa đến bọn quan hiền lành như đất sét, cho nên cứ thiếu chuyến này rồi thiếu chuyến khác, rốt cuộc làm cho những ông quan tốt, trước kia khinh bọn nhà giáo đến đòi lương, có mấy vị cũng đã trở thành chủ chốt trong đại hội đòi lương rồi! Duy chỉ còn mấy tờ nhật báo là vẫn đăng những bài khinh bỉ chê cười họ mà thôi. Ông Phương Huyền Xước cũng không lấy làm lạ. Ông ta chẳng thèm để ý đến nữa bởi vì ông ta căn cứ vào thuyết "một chín một mười" mà biết rằng chẳng qua các ông nhà báo chưa hề bị thiếu tiền nhuận bút đấy thôi; vạn nhất Chính phủ, hoặc giả bọn tư sản đình chỉ trả lương cho họ thì họ cũng sẽ khai đại hội cho mà xem!

Ông ta đã tán thành việc nhà giáo đòi tiền lương, tất nhiên ông ta cũng tán thành các bạn đồng liêu đòi tiền lương. Nhưng ông ta vẫn ngồi điềm nhiên ở sở, vẫn như trước không chịu cùng đi đòi với người ta. Có người ngờ rằng ông ta là cao ngạo. Như thế chẳng qua hiểu lầm ông ta mà thôi. Ông ta tự bảo rằng: "Từ khi ông ta sinh ra ở trên đời chỉ có người khác đòi nợ ông ta chứ ông ta chưa từng đi đòi nợ ai bao giờ cả. Cho nên việc đòi nợ không phải là "sở trường" của ông ta. Và lại ông ta rất ngại gặp mặt những kẻ nắm quyền kinh tế. Những kẻ đó chỉ khi họ mất quyền thế

đi rồi, khi tay họ cầm cuốn *Dại thừa khởi tín luận*⁽¹⁾ giảng Phật học rồi, thì lúc ấy cố nhiên họ cũng hòa nhã dễ gần, chứ như khi họ còn giữ cái địa vị cao quý đó thì họ vẫn có cái bộ mặt Diêm vương, xem ai cũng là nô lệ, và tự cho họ có quyền sinh sát đối với những kẻ vô danh tiểu tốt. Vì thế mà ông ta không dám gặp mặt và cũng không muốn gặp mặt họ. Với cái thái độ đó, tuy có lúc ông ta cũng cảm thấy mình là cao ngạo nhưng đồng thời ông ta cũng thường nghĩ rằng kỳ thực mình không có bản lĩnh gì nên mới sinh ra thế.

Người ta vay đông vay tây rồi cũng qua được tết này tết khác. Nhưng so với trước, ông Phương Huyền Xước đã túng thiếu lắm rồi. Cho nên không cần phải nói đến thăng bé sai vặt trong nhà, hay là các hàng quán ông ta thường đi lại mua bán, ngay cả bà vợ ông ta dần dần đối với ông ta cũng không ra vẻ kính nể ông ta nữa. Cứ xem cái việc bà ta gần đây không phụ họa với ông ta mà thường xuyên đưa ý kiến riêng ra, lại có những cử chỉ đường đột nữa, thì cũng có thể rõ. Buổi trưa ngày mồng bốn tháng năm âm lịch, ông ta vừa bước chân về đến nhà thì bà ta đã giúi vào mũi ông ta một tập giấy đòi nợ. Đó là chuyện trước kia chưa từng có.

Bà ta nói mà không nhìn mặt ông ta:

(1) Một cuốn sách dạy về Phật giáo Ấn Độ dịch ra tiếng Trung Quốc từ đời Đường.

- Cộng tất cả lại phải có một trăm tám mươi đồng mới trả hết. Lương lĩnh chưa?

- Hừ, mai tôi sẽ xin từ chức. Phiếu lương họ đã lĩnh về rồi, nhưng đại biểu đại hội đòi tiền lương không chịu phát. Lúc đó thì họ nói không phát cho những ai không đi đòi, sau lại nói phải thân hành đến tìm họ mà lĩnh. Bây giờ chúng nó cầm phiếu lương trong tay thì chúng nó lại biến thành Diêm vương. Tôi quả thực rất ngại gặp mặt... Tiền tôi cũng không cần, quan tôi cũng không thiết. Như thế này thì nhục lắm!

Bà Xước thấy chồng chưa bao giờ vì chính nghĩa mà phẫn uất như thế, có hơi ngạc nhiên, nhưng rồi cũng làm thinh. Sau bà ta nhìn vào mặt chồng mà nói:

- Tôi nghĩ chỉ bằng cứ đi mà lĩnh đi. Kể gì những cái vật vãnh như thế!

- Tôi không đi! Tiền lương chứ có phải tiền người ta thưởng cho mình đâu! Theo lệ thưởng thì phải có phòng kế toán đưa lại.

- Nhưng người ta không đưa lại thì làm thế nào? À, hôm qua, quên nói cho ông biết, mấy đứa con chúng nó đòi tiền học. Nhà trường đã thúc mấy bận rồi, nói nếu như không nộp thì...

- Lão thật! Thăng bố vừa đi làm việc vừa đi dạy thì không trả lương, mà con đi học thì đòi học phí?

Bà vợ thấy ông ta không kể gì đến lẽ phải nữa mà lại nói hằn học với bà ta như chính bà ta là hiệu

trưởng, nghĩ bụng không nên động đến nữa, nên bà ta im.

Hai người lặng lẽ ăn cơm trưa. Ông Xước ngồi nghĩ ngợi một lúc rồi buồn rầu bỏ ra đi.

Theo lệ thường, mấy năm gần đây cứ trước hôm nghỉ lễ hay nghỉ Tết thì phải đến mười hai giờ đêm, ông ta mới về nhà; vừa đi vào, tay vừa móc túi, nói to:

- Này, lương lĩnh về rồi đây!

Rồi đưa cho vợ một tập Trung Giao phiếu⁽¹⁾ mới toanh, trông vẻ đắc ý lắm. Ai ngờ hôm nay bỗng bốn rồi mà lại khác lệ thường, chưa bảy giờ mà ông ta đã về. Bà vợ vừa ngạc nhiên vừa lo lắng, tưởng ông ta đã xin thôi việc rồi. Bà ta nhìn trộm vào mặt chồng có ý dò xét, nhưng chẳng thấy ông ta tỏ vẻ gì là có điều không may khác thường đã xảy ra cả.

Bà Xước nhìn thẳng vào mặt chồng nói:

- Sao?... Sao về sớm thế?...

- Phát không kịp. Chưa lĩnh được. Nhà ngân hàng đóng cửa rồi. Phải chờ đến mồng tám.

Bà ta lo lắng hỏi:

- Thân hành đến lĩnh à?

- Đã bỏ chuyện bắt thân hành đến lĩnh rồi. Nghe nói cứ do phòng kế toán đưa đến như trước. Nhưng

⁽¹⁾ Thứ bạc do Trung Quốc ngân hàng và Giao thông ngân hàng (đều là ngân hàng quốc gia thời bấy giờ) phát hành, gọi tắt là Trung Giao phiếu.

ngân hàng đóng cửa nghỉ ba hôm, phải chờ đến sáng mồng tám.

Ông ta ngồi, cúi mặt xuống đất, uống một ngụm trà rồi nói thông thả:

- May mà trong Sở không xảy ra vấn đề gì. Đến mồng tám thì chắc chắn là có tiền. Đến những nhà bà con bạn bè không thân thiết lắm mà vay tiền, thật là phiền phức, khó khăn quá. Lúc chiều, tôi liêu đến tìm ông Kim Vĩnh Sinh nói chuyện một hồi, nghe mình nói mình không đi đòi lương, không chịu thân hành đến lĩnh thì ông ta khen là mình thanh cao lắm, làm như thế mới ra con người, nhưng sau biết mình định đến giật tạt ông ta năm mươi đồng thì ông ta mặt nhăn như bị, y như là mình nắm một nắm muối nhét vào miệng không bằng, nói nào là chưa thu được tiền nhà, nào là buôn bán thua lỗ, lại nói có thân hành đến lĩnh lương trước mặt bạn đồng nghiệp cũng chả sao, rồi tức thì khuyên mình cứ đi mà lĩnh.

Nhưng bà Xước không có vẻ gì là bức tức cả, chỉ lạnh lùng nói:

- Gần tết nhất như thế này rồi, ai mà người ta cho vay mượn!

Ông Xước cúi đầu xuống, cũng cảm thấy chuyện đó không lấy gì làm lạ thật, huống nữa chỗ ông ta với ông Kim Vĩnh Sinh vốn cũng chẳng thân thiết gì. Rồi ông ta sức nhớ đến việc cuối năm ngoái, có người đồng hương đến vay ông ta mười đồng bạc, lúc đó,

ông đã cầm phiếu lương của Sở trong tay rồi, nhưng vì sợ người kia sau này vị tất đã giả nên ông ta làm bộ buồn rầu, nói rằng Sở chưa phát lương, quả thật "muốn giúp nhưng không biết làm sao mà giúp", thành ra người kia phải ra về tay không. Tuy lúc đó, ông ta không thể nhìn thấy được bộ mặt giả vờ của ông ta như thế nào, nhưng cũng cảm thấy hết sức lúng túng, môi hơi run run, đầu cứ lắc đi lắc lại.

Được một lát, như sức nhớ ra điều gì ông ta ra lệnh bảo thằng nhỏ lập tức ra phố mua chịu một chai *Liên Hoa Bạch*. Ông ta biết, ngày mai mình sẽ trả nợ, nên nhà hàng không dám không cho mua chịu, nếu không cho mua chịu, ngày mai một xu cũng không trả. Sự trừng phạt đó, chúng nó phải chịu.

Mua chịu được *Liên Hoa Bạch* rồi, ông ta uống luôn hai chén, mặt đang xanh nhợt bỗng đỏ ửng lên. Ăn xong cơm, ông ta lại có ý phấn khởi, châm một điếu *Caramel* hảo hạng, cầm cuốn *Thường thí tập*⁽¹⁾ để trên bàn, nằm xuống giường định xem.

Bà Xước đi lại, đứng cạnh giường, nhìn vào mặt chồng nói:

- Thế thì mai nói với các hàng quán ra làm sao?
- Hàng quán à? Cứ bảo chiều mồng tám đến.
- Tôi không thể nói như thế được. Họ không tin và cũng không chịu đâu!

⁽¹⁾ *Thường thí tập* là tập thơ của Hồ Thích xuất bản năm 1920.

- Có gì mà không tin. Họ không tin thì họ cứ đi mà hỏi. Cả Sở đã có ai người ta lĩnh đầu nào? Phải đợi đến mồng tám tết.

Ông ta đưa ngón tay trở lên giữa khoảng không trong màn, vẽ một nửa vòng tròn. Bà vợ nhìn theo ngón tay ông chồng cũng thấy một nửa vòng tròn rồi lại thấy tay ông chồng giở cuốn *Thường thí tập*. Bà Xước thấy chồng ngang ngược đến nỗi không kể gì tình lý nữa, không biết ăn nói làm sao.

Sau cùng, bà ta tìm cách khác nói:

- Tôi nghĩ như thế này thì không thể sống được nữa, phải tìm một con đường khác, làm một việc gì khác.

- Con đường khác? Tôi thì văn dốt vũ dốt, làm việc gì khác là việc gì?

- Chẳng phải là ông thường viết sách, gửi đi Thượng Hải xuất bản ư?

- Các nhà xuất bản ở Thượng Hải à? Mua bản thảo thì tính từng chữ một. Những chỗ để trắng thì không tính tiền. Xem bài thơ bằng bạch thoại tôi làm đây này! Bao nhiêu chỗ để trắng! Chỉ được ba trăm đồng là cùng. Tiền nhuận bút hàng nửa năm mà chẳng có tin tức gì. "Nước xa không cứu được lửa gần", ai mà chịu được!

- Thế thì gửi cho các nhà báo ở đây có được không?

- Gửi nhà báo à? Ở đây có một tòa báo lớn, và cũng có một anh học trò cũ trong ban biên tập nề mặt, nhưng một nghìn chữ cũng được mấy đồng thôi!

Dù có viết từ sáng sớm đến nửa đêm, cũng không làm sao nuôi nổi cả nhà được! Huống chi trong bụng tôi vẫn chương đâu mà nhiều thế!

- Thế thì làm thế nào mà ăn tết?

- Ăn tết à? Thì cứ đi làm việc. Ngày mai các hàng quán đến đòi tiền, chỉ cần nói là đến chiều mồng tám.

Ông ta lại định xem cuốn *Thường thí tập*. Bà vợ sợ lỗ cơ hội liền ấp úng nói:

- Tôi nghĩ, tết xong, đến mồng tám, có lẽ phải đi mua một cái vé xổ số.

- Nói tầm bậy! Sao lại mở miệng nói được những lời như thế được nhỉ?

Lúc đó, ông bỗng lại nhớ đến việc ông Kim Vĩnh Sinh khuyên đi lĩnh tiền. Bấy giờ, ông ta buồn rầu đi qua hiệu *Đạo hương thôn* thấy trước cửa có tấm biển quảng cáo chữ to bằng cái đầu: "*Số độc đắc mấy vạn đồng*", ông ta nhớ hình như trong bụng ông ta cũng có suy nghĩ và có lẽ cũng đã đi chậm bước lại, nhưng tựa hồ như vì trong ví da chỉ còn có sáu hào, không dám bỏ ra mua, nên kiên quyết bỏ đi thẳng. Mặt ông ta biến sắc. Bà vợ tưởng rằng ông ta bực vì câu nói tầm bậy của mình nên vội vàng bỏ đi ra, không nói hết câu.

Ông Xước cũng không nói hết câu, ưỡn lưng một cái, giở cuốn *Thường thí tập*, ngâm nga.

Tháng 6 năm 1922

Luồng ánh sáng^(*)

Ông Trần Sĩ Thành xem xong bảng yết kỳ thi ở huyện thì bỏ ra về. Đến nhà trời đã xế chiều. Lúc sáng ra đi trời còn tỉnh mơ; vừa thấy bảng treo lên, ông ta tìm ngay chữ *Trần*. Chữ *Trần* thì nhiều lắm, tựa hồ như cứ tranh nhau mà đập vào mắt. Nhưng sau chữ *Trần*, lại không hề thấy hai chữ *Sĩ Thành*. Ông ta tìm kỹ một lần nữa trên mười hai cái vòng tròn ở bảng⁽¹⁾. Người đến xem đã về hết mà tên *Trần Sĩ Thành* thì vẫn không thấy. Ông ta đứng một mình cạnh bức tường phía trước sân trường thi.

Một ngọn gió lạnh thổi qua làm bay mớ tóc hoa râm cắt ngắn của ông ta. Mặt trời đầu tiết đông vẫn

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ *Đông Phương tạp chí*, ngày 10 tháng 7 - 1922.

(1) Ngày trước ở Trung Quốc, tên thí sinh ghi trên bảng đều viết theo từng vòng tròn cho dễ đếm. Cứ năm mươi tên một vòng. Tên thứ nhất viết chữ to, rồi cứ thế viết theo hướng kim đồng hồ. Tên thứ năm mươi sẽ nằm cạnh tên thứ nhất, ở phía trái.

còn ảm chán, nhưng ông ta lại cảm thấy chính ánh nắng đã làm cho đầu ông ta choáng váng. Mặt ông ta càng tái nhợt; cặp mắt sưng húp, đỏ mọng, mệt mỏi, sáng lên một cách cổ quái. Kỳ thực, lúc đó ông ta chẳng nhìn thấy bằng biếc gì trên tường nữa, mà có rất nhiều những vòng tròn đen ngòm đang trôi qua trôi lại trước mắt ông ta.

Đỗ tú tài rời lên tỉnh thi hương, cứ thế một mạch mà thăng quan tiến chức... Chẳng những kẻ giàu sang tìm trăm phương nghìn kế làm thân mà ai ai cũng phải kính sợ ông như thần như thánh... Họ sẽ hối hận trước kia ăn ở bạc bẽo với ông mà ngất đi... Ông sẽ đuổi hết những con người tạp nham đang ở thuê trong căn nhà đổ nát của ông... Không cần phải đuổi, tự họ, họ sẽ dọn đi thôi... Ông sẽ xây một tòa nhà mới tinh, trước cửa sẽ treo cờ xí, hoành phi, câu đối... Muốn thanh cao thì làm quan tại kinh, bằng không thì xin ra ngoài nhiệm... Cả cái mộng tương lai mà bình nhật ông ta sắp đặt đầu vào đấy như thế, lúc này đổ nhào trong khoảnh khắc như một cái lâu đài bằng cát trước ngọn thủy triều, chỉ còn trơ lại từng mảnh vụn. Bất giác, ông ta thấy cả con người ông ta rã rời ra. Rồi thần thờ ông ta đi về.

Vừa bước chân vào nhà, bảy đứa học trò bồng nhao nhao ráng cổ lên học thật to. Ông ta giật mình như có ai đem chuông kẻ vào tai mà đánh, và trước mắt, nhìn vào đầu ông ta cũng thấy bảy cái đầu tết đuôi sam loáng thoáng nhẩy múa cùng với những

vòng tròn đen ngòm. Ông ta ngồi xuống. Bọn học trò nộp bài buổi chiều, đưa nào đưa nấy lăm lét nhìn thầy.

Ông ta chân chữ một lát rồi nói giọng bí hiểm:

- Thôi, cho về!

Chúng nó nhốn nháo cặp sách lại, kẹp vào nách, chạy biến.

Ông Trần Sỹ Thành vẫn còn trông thấy những cái đầu nhỏ tí cùng những vòng tròn đen ngòm nháy múa trước mắt, có khi lung tung, có khi theo những hình thể kỳ dị nhưng rồi ít dần, ít dần, không thấy rõ nữa.

- Lần này lại hỏng!

Ông ta giật mình đánh thót, nghe rõ có người nói khe bên tai, nhưng ngoảnh lại chẳng thấy một ai cả. Câu đó vẫn văng vẳng như tiếng chuông. Rồi chính miệng ông ta cũng nói:

- Lần này lại hỏng!

Bỗng ông ta đưa bàn tay lên, quắp từng ngón lại mà tính. Mười một... Mười ba lần rồi, kể cả năm nay nữa là mười sáu lần. Vẫn chẳng có thằng quan trường nào biết xem văn, có mắt mà như mù. Thật đáng thương hại! Bất giác, ông ta cười phá lên. Nhưng ông ta lại tức giận, rút mạnh tập chế nghệ và thí thiếp⁽¹⁾ viết bằng chữ chân phương trong cái bao

⁽¹⁾ *Chế nghệ* là sách trích những câu trong *Tứ thư Ngũ kinh* rồi viết ra bằng lối văn bác cổ để dùng trong việc khoa cử. *Thí thiếp thi* là thơ dùng trong việc khoa cử, năm chữ tám vần, toàn lấy thơ cổ ghép lại. Thời trước hàng sách có bán những loại sách ấy để học trò đi thi dùng mà bắt chước. (N.D.)

vải, cầm đi ra. Gần đến cửa thì ông ta thấy ánh sáng sáng loà. Đến đàn gà cũng đang cười ông ta. Tim ông ta đập thùm thụp. Đành phải quay trở vào.

Ông ta lại ngồi xuống, mắt sáng quắc, và lại trông thấy nhưng rất mơ hồ không biết bao nhiêu cảnh tượng trong cái mộng tương lai đã đổ nhào như tòa lâu đài bằng cát. Cái mộng tương lai đó cứ to dần lên, ngăn cản bước đường đi của ông ta.

Khói cơm chiều ở các nhà xung quanh đã tản đi từ lâu; người ta cũng đã rửa đĩa bát rồi, mà ông Trần Sỹ Thành thì vẫn chưa ăn. Những người tạp nham thuê trọ ở nhà ông ta cũng đã quen lệ, hễ năm nào ở huyện có kỳ thi, ông ta đi xem bảng về mà nhìn thấy ánh mắt ông ta như thế, thôi thì đóng cửa cho sớm, chuyện ai mặc ai! Đầu thì ai nấy lặng im, sau tắt đèn đi ngủ cả. Chỉ còn lại vầng trăng thông thả hiện ra trong đêm lạnh.

Trời trong xanh như biển cả. Một vài đám mây trôi phảng phất như có ai lấy phấn hòa vào bát rửa bút rồi khuấy lên. Mặt trăng gọi xuống người ông ta một làn ánh sáng lạnh. Làn ánh sáng đó lúc đầu như một tấm gương bằng sắt mới mài, sau, chiếu rọi vào thân hình ông ta một cách thần bí hình ảnh của vầng trăng lạnh.

Ông ta vẫn đi đi lại lại ngoài sân, đôi mắt trong veo. Bốn bề vắng lặng. Nhưng đang vắng lặng bỗng không biết vì có gì lại âm âm lên. Tai ông ta nghe rõ ràng có ai đọc, giọng khe khẽ nhưng rất vội vã:

Vòng qua tay trái,

Quay sang tay phải...

Ông ta vênh tai lắng nghe. Câu ấy lại được lặp lại to hơn:

Quay sang tay phải

Ông ta nhớ ra rồi. Hồi cảnh nhà chưa sa sút đến như bây giờ, cứ đến mùa hè, đêm nào bà nội ông ta cũng ra giữa sân này cùng ông ta hóng mát. Hồi đó ông ta còn là một đứa bé hơn mười tuổi đầu. Ông ta nằm trên chiếc chõng tre, bà nội ngồi cạnh kể cho nghe bao nhiêu chuyện đời xưa thú vị. Bà nội từng nói rằng, nghe người mà bà nội gọi là bà nội nói lại thì tổ tiên nhà họ Trần trước kia giàu có lắm. Cái ngôi nhà này chính là tổ tiên để lại, dưới nền chôn không biết cơ man nào là vàng bạc, con cháu đứa nào có phúc có phận nhất định sẽ đào được thôi. Nhưng cho đến nay vẫn chưa ai đào được. Còn như chôn ở nơi nào thì đã có nói trong cái câu bí hiểm truyền lại như sau:

Vòng qua tay trái

Quay sang tay phải

Tiến về phía trước

Lùi về phía sau

Bạc vàng từng đấu...

Cái câu bí hiểm này, ngày thường ông ta cũng đã nhiều lần thâm đoán trong bụng, nhưng tiếc thay, cứ mỗi lần gần như tìm ra nghĩa rồi, bỗng lại thấy không đúng nữa. Có một lần ông ta tin chắc lắm, cho

nhất định nó nằm ở dưới nền cái gian cho nhà họ Đường thuê, nhưng ông ta vẫn không có can đảm sang mà đào. Rồi ít lâu ông ta lại cảm thấy không đúng như thế nữa. Còn như ở cái gian ông ta ở thì đã có mấy lần ông ta đào rồi, hiện còn dấu vết ở đấy, và toàn vào những lúc ông ta thi hỏng về, buồn bã quá mà đào mò. Về sau, cứ nhìn vào những chỗ đó, ông ta lấy làm xấu hổ lắm.

Nhưng hôm nay luồng ánh sáng trắng nhờ nhờ như màu sắt ấy bao trùm lấy người ông ta, như nhẹ nhàng khuyến khích ông ta đào nữa. Khi ông ta tỏ vẻ ngờ vực, do dự thì ông ta lại thấy chính nó là một chứng cứ hết sức đáng tin. Lại thêm bóng tối xung quanh thúc giục, ông ta không thể không đưa mắt nhìn vào trong gian ông ta ở.

Luồng ánh sáng đó rẽ ra như hình cái quạt màu trắng đưa qua đưa lại trong gian ông ta ở.

- Có lẽ ở chỗ này thật rồi!

Nói rồi, ông ta chạy bổ vào như một con sư tử. Nhưng vừa bước chân qua cửa thì lại không thấy luồng ánh sáng ấy đâu nữa, chỉ có cái gian phòng cũ nát, tối tăm và mấy chiếc bàn hư hỏng nằm trong bóng tối mà thôi. Ông ta hăng hái đứng lên, thông thả nhìn kỹ, lại thấy luồng ánh sáng ấy hiện lên rất rõ cạnh cái bàn kê ở bức tường phía đông. Lần này to hơn và trắng xanh hơn ngọn lửa lưu hoàng, mịn màng hơn cả mây mù buổi sáng.

Như một con sư tử, ông ta chạy bổ vào sau cánh

cửa, đưa tay sờ lấy cái cuốc, nhưng đụng phải một vật gì đen đen. Bất giác, ông ta hơi rờn rợn, vội vã châm đèn lên. Quả là cái cuốc thật. Ông ta dịch chiếc bàn ra, lấy cuốc bẩy một lần bốn hòn gạch vuông to tướng, ngồi xổm xuống nhìn. Vẫn như mọi lần, có một lớp cát vụn vàng khè khè. Ông ta xắn tay áo, moi lớp cát thì lòi ra một lớp đất đen. Hết sức cẩn thận, ông ta lặng lẽ cuốc từng nhát một, nhưng giữa đêm khuya tĩnh mịch, tiếng cuốc chạm vào đất cứ vang lên, nặng nề, khó lòng giấu nổi ai.

Đào sâu hơn hai thước, vẫn không thấy miếng vò đầu cả. Ông ta đang sốt ruột thì một tiếng "cạch" giòn tan, cán cuốc dội vào tay đau điếng: mũi cuốc chạm vào vật gì cứng cứng. Ông ta vội bỏ cuốc ra, thò tay xuống sờ thì thấy có một viên gạch vuông to tướng ở phía dưới. Tim ông ta đập ghê quá. Ông ta hết sức chăm chú đào hòn gạch lên. Vẫn lại một lớp đất đen như lúc nãy. Ông ta moi lên được không biết bao nhiêu là đất tưởng như vô cùng vô tận. Bỗng lại chạm phải vật gì cứng cứng, tròn tròn, có lẽ là một đồng tiền đã gỉ. Lại có cả mấy miếng mè sành nữa.

Ông ta ngao ngán trong lòng, mồ hôi chảy đầm đìa, hấp tấp moi, moi mãi. Giữa lúc đó, tim ông ta bỗng đập mạnh. Lại chạm phải vật gì nho nhỏ, hình thù cổ quái, giống như cái móng ngựa, nhưng đưa tay sờ thấy bở lảm. Ông ta hết sức chăm chú moi lên, cầm lấy rất cẩn thận, đưa ra dưới ánh đèn nhìn kỹ. Vật đó loang loang lỗ lỗ như một cái xương mục, phía trên

còn dính một dây răng không nguyên vẹn nữa. Ông ta tỉnh ngộ, biết đó là một cái xương quai hàm. Cái xương quai hàm đó lại đang cựa quậy trong bàn tay ông ta và đang nhe ra cười. Rồi ông ta nghe nó nói:

- Lần này lại hỏng nữa!

Ông ta lạnh run lên. Bàn tay cũng buông ra. Cái xương quai hàm nhè nhẹ rơi xuống đáy hố, được một lát thì ông ta bỏ chạy ra ngoài sân. Ông ta nhìn trộm vào trong nhà. Ngọn đèn vẫn sáng, cái xương quai hàm vẫn nhe răng cười chế nhạo, dễ sợ quá chừng. Ông ta không dám nhìn vào nữa. Ông ta nằm trong bóng tối, dưới mái hiên, thấy hơi yên tâm. Bỗng bên tai nghe như có tiếng thì thầm:

- Chỗ này không có... Thì lên núi...

Ông ta nhớ lúc ban ngày, khi đang đi ngoài phố, đã có nghe người nào nói một câu như thế rồi. Ông ta không đợi nghe hết thì đã tỉnh ngộ. Bỗng ông ta ngược mắt nhìn trời. Mặt trăng đã lặn sau dãy Tây Cao Phong. Ngọn Tây Cao Phong cách thành chừng ba mươi dặm đất, đứng sừng sững, đen ngòm như một chiếc hốt⁽¹⁾ xung quanh tỏa ra một luồng ánh sáng trắng.

Và luồng ánh sáng đó lại cứ lấp lánh xa xa trước mặt ông ta.

- Phải rồi, đi lên núi!

Chí đã quyết, ông ta chạy đi một cách thảm hại.

⁽¹⁾ Hốt là một cái thẻ, ngày trước bọn quan lại phải cầm ở tay khi vào châu vua. (N.D)

Người ta đến gõ cửa mấy lần ở gian phòng ông ta vẫn không nghe động tĩnh gì cả. Ngọn đèn đã có hoa, một cái hoa to tướng, chiếu sáng gian phòng trông trái và cái hồ. Tách tách mấy tiếng, ánh đèn mờ dần rồi tắt hẳn. Dầu đã cạn ráo.

- Mở cửa thành!...

Ở phía cửa Tây, có tiếng ai gọi run run, bi thảm, sợ hãi, nhưng cũng còn bao hàm chút hy vọng, gọi lên giữa lúc mới tỉnh mơ.

Trưa hôm sau, có người thấy một cái xác chết nổi lềnh bềnh giữa hồ Vạn Lưu, cách cửa Tây mười lăm dặm. Tin đồn đi, đến tai ông lý trưởng. Lý trưởng bảo người sở tại vớt lên. Đó là xác một người đàn ông ngoài năm mươi, "người tầm thước, mặt trắng, không râu", chẳng có áo quần che thân. Có kẻ nói chính là ông Trần Sĩ Thành. Nhưng những người láng giềng ông ta lười, không đến nhận diện. Bà con cũng không ai đến, nên người trên huyện phải đến khám nghiệm xong thì giao cho lý trưởng gánh đi chôn. Còn như nguyên nhân vì sao thì tất nhiên không thành vấn đề. Không thể nghi ai mưu hại và việc lột áo quần một xác chết như thế là việc thường. Vả lại việc khám nghiệm chứng minh rằng kẻ bất hạnh đã rơi xuống nước chết đuối, bởi vì rõ ràng khi ở dưới nước, y còn giãy giụa cho nên cả mười móng tay đều đầy bùn.

Tháng 6 năm 1922

Thỏ và mèo^(*)

Hôm vừa rồi bà Ba ở sau vườn nhà tôi có mua được đôi thỏ trắng cho con chơi.

Đôi thỏ này hình như mới bỏ bú. Và tuy là khác loài nhưng chúng ta cũng thấy được chúng nó ngây thơ, hồn nhiên lắm. Chúng nó vênh cặp tai lên, bé tí và đỏ hồng hồng. Mũi thì cứ động đậy, đôi mắt ra vẻ sợ hãi, ngờ vực, đáng chừng chúng nó cảm thấy đất khách quê người nên không được an tâm như hồi còn ở nhà mẹ. Loại thỏ này, nếu gặp ngày phiên và tự tay mua lấy, mỗi con đắt lắm cũng độ vài quan là cùng, nhưng bà Ba đã phải bỏ ra những một đồng bạc, bởi vì bà ta sai thằng nhỏ mua ở hiệu.

Bọn trẻ con tất nhiên vui thích lắm, cứ vây quanh, vừa xem, vừa reo hò. Người lớn cũng xúm lại xem. Cả con chó con S. cũng chạy đến, xông vào đánh hơi, khịt đằng mũi một cái rồi lùi ra. Bà Ba mỉm cười:

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ phụ trương *Tuần báo*, tháng 10 năm 1922.

- Không được cắn nó đâu nhé. Nghe không S.?

Rồi bà ta đưa tay đánh vào đầu con chó một cái. Con chó bỏ đi, và từ đó không bao giờ cắn thỏ cả.

Đôi thỏ này thường nhốt trong cái sân nhỏ, sau cửa sổ phía sau nhà, nghe đâu bởi vì chúng nó hay quào rách giấy dán tường và cũng hay gặm nát chân bàn chân ghế. Trong mảnh sân nhỏ này có một gốc dâu dại. Quả dâu rụng xuống, thỏ thích ăn lắm đến nỗi không buồn ăn các thứ rau người ta đưa đến cho. Lúc nào quạ hay chim thước sà xuống thì chúng nó gù lưng lại, hai chân sau dãn mạnh một cái xuống đất đánh "bịch" rồi nhảy ngược lên, như một cục tuyết. Quạ, thước bay mất. Mấy lần như thế rồi sau không dám lảng vảng đến nữa. Bà Ba nói rằng quạ, thước thì không ngại, chẳng qua cướp mất ít thức ăn là cùng, chứ cái con mèo đen kia mới đáng ghét. Nó cứ ngồi lù lù trên bức tường thấp, nhìn chăm chăm, vẻ ác lắm. Phải, coi chừng. May mà con S. với nó là thù địch của nhau; có lẽ cũng không đến nỗi xảy ra việc gì.

Bọn trẻ con thường bắt cặp thỏ ra nghịch, dang tay vây quanh. Thỏ rất hiền lành, cứ vênh tai lên, động đây cái mũi, ngoan ngoãn đứng trong vòng vây. Nhưng sơ hở một tí là chúng nó luồn ngay ra ngoài. Đêm đến, chúng nó ngủ trong một chiếc hòm gỗ nhỏ, trong lót ít rạ, đặt dưới mái hiên phía cửa sổ sau.

Được mấy tháng như thế, bỗng một hôm thấy chúng nó cứ bới đất lên, bới rất nhanh, chân trước

quào, chân sau hất, chưa đầy buổi đã đào được một cái hang sâu. Ai cũng lấy làm lạ. Sau xem kỹ thì ra một con, bụng to hơn bụng con kia nhiều. Hôm sau, chúng nó tha cỏ khô, lá cây vào hang, lục đục suốt buổi.

Mọi người đều vui vẻ, nói là sẽ được xem thỏ con; bà Ba liền hạ lệnh giới nghiêm, cấm trẻ con từ nay không được bắt thỏ nghịch nữa. Mẹ tôi cũng rất mừng thấy gia đình nhà thỏ đông đúc thêm, và nói chờ lúc nào thôi bú, cũng sang xin một đôi về nuôi ngay ngoài cửa sổ nhà mình.

Từ đấy, chúng nó cứ nằm lì trong cái hang chúng nó đào lấy. Thỉnh thoảng cũng có ra ăn, nhưng sau thì không thấy nữa. Không biết chúng nó ăn thức ăn dự trữ trong hang hay là chúng nó không ăn nữa. Được hơn mười ngày, bà Ba bảo với tôi rằng lại thấy chúng nó ra, và có lẽ bầy thỏ con đẻ ra chết cả rồi hay sao ấy, bởi vì thấy con thỏ cái, vú căng sữa mà lại tuyệt nhiên không vào cho con bú. Bà ta nói có vẻ bức mình lắm, nhưng cũng chẳng biết làm thế nào.

Một hôm, trời ấm, cũng không có gió, lá cây im phắc. Bỗng nghe có tiếng cười nói ồn ào ở đâu. Chạy ra xem thì thấy quả có nhiều người đang đứng ở cửa sổ nhà bà Ba. Thì ra có một chú thỏ con đang nhảy nhót giữa sân. So với "bố mẹ" nó khi mới mua về thì còn nhỏ hơn nhiều, nhưng cũng đã biết lấy chân sau dấn mạnh xuống đất mà nhảy ngược lên được rồi. Bọn trẻ con tranh nhau mách với tôi rằng còn thấy

một chú nữa thò đầu ra cửa hang một cái thì đã thụt vào ngay. Có lẽ là em con này.

Chú thỏ con cũng nhặt lá ăn, nhưng con thỏ lớn hình như không cho ăn, lấy mõm giạt ra, chứ nó cũng không ăn. Bọn trẻ con cười âm lên. Chú thỏ con đâm sợ, chạy tuốt vào hang. Con lớn cũng chạy theo đến cửa hang, đưa chân trước ấy vào lưng con em mà đùn vào. Đùn vào rồi, lại bới đất lấp kín cửa hang lại.

Từ đấy, cái sân con nhà bà Ba lại càng ồn ào. Thường thường ở cửa sổ sau thấy có người đứng nhòm ngó. Thế nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng thỏ lớn, thỏ con đâu nữa cả. Trời lại âm u mấy ngày liền. Bà Ba lo con mèo đen nó ác lắm, có thể nào rồi chẳng. Tôi bảo không phải, chắc trời lạnh chúng nó phải nấu đi, chứ thế nào hứng nắng lên, chúng nó lại ra thôi.

Nhưng trời hứng nắng rồi mà vẫn không thấy chúng nó ra. Thế rồi người ta cũng quên bẵng đi.

Chỉ có bà Ba là người thường đưa rau đến cho chúng nó ăn nên còn hay nghĩ tới. Có một lần bà ta đi vào cái sân nhỏ ở phía cửa sổ sau, chợt thấy ở xó tường có một cái hang nữa. Nhìn lại miệng cái hang cũ thì thấy có nhiều vết móng chân lở mờ. Những vết móng chân này mà nói là của thỏ lớn, thì thỏ lớn móng chân đâu có to như thế? Bà ta đâm nghi là của con mèo đen thường ngồi lù lù trên bức tường. Thế là bà ta không thể không quyết tâm đào lên xem sao. Bà

ta lấy cuốc ra đào, tuy trong lòng ngờ vực nhưng cũng còn hy vọng may ra còn thấy chú thỏ con trắng chẳng. Nhưng rớt cuốc, chỉ thấy mỗi một đồng cỏ khô nát bần đính ít lông thỏ, có lẽ đó là cái ổ chúng nó lót lúc ở cũ. Ngoài ra lạnh tanh chẳng thấy tung tích chú thỏ con trắng như tuyết đâu cả, đến cái chú thỏ em mới thập thò ra khỏi cửa hang kia cũng không thấy nốt.

Vừa giận, vừa thất vọng, vừa buồn rầu, bà ta không thể nào không đào nốt cái hang mới ở xó tường xem ra làm sao. Mới đục tới thì đôi thỏ lớn đã nhảy ra. Bà ta cho là chúng nó rời chỗ sang đây, mừng lắm, nhưng vẫn đào. Đào đến tận cùng thì lại thấy một đồng cỏ và ít lông lót thành ổ, có bảy con thỏ bé tí tẹo, đỏ hồng, đang nằm ngủ. Nhìn kỹ, chưa còn nào mở mắt cả.

Bây giờ thì rõ ràng lắm rồi. Điều bà Ba dự đoán quả không sai. Để đề phòng nguy hiểm, bà ta đem cả bảy con thỏ con bỏ vào cái hòm gỗ, khiêng vào buồng bà ta nằm, ấn cả con mẹ vào đấy nốt, bắt buộc phải cho bú.

Từ đấy, bà Ba không những ghét con mèo đen đến thậm tệ, mà còn trách cả con thỏ mẹ không biết đường. Nghe bà ta nói thì trước khi hai con thỏ kia bị hại, đã có nhiều con khác chết rồi, bởi vì không thể nào một lúc mà lại chỉ được hai con thôi, chẳng qua là không cho bú đều, thành ra con nào không tranh bú được là nghèo. Điều đó có lẽ đúng. Trong bảy con

thỏ này, cũng có hai con rất gầy. Vì vậy hễ rảnh việc là bà ta lại tóm lấy con thỏ mẹ, rồi lần lượt bắt từng con thỏ đặt vào bụng, cho bú đều, không để cho con no con đói nữa.

Mẹ tôi bảo với tôi rằng cách nuôi thỏ như thế diệu vợi quá, đến nghe nói cũng chưa từng nghe ai nói bao giờ, e có thể chép vào cuốn *Vô song phả*⁽¹⁾ được.

Họ hàng nhà thỏ dần dần đông thêm. Mọi người đều vui mừng.

Nhưng từ đó về sau, riêng tôi thì lại buồn vô hạn. Đêm khuya, ngồi trước đèn tôi thường nghĩ: hai chú thỏ con kia chết lúc nào, người cũng không biết mà quỷ thần cũng không hay. Trong cuốn lịch sử muôn loài, đã không để lại dấu vết gì, mà đến con S. cũng không sữa lên cho một tiếng. Nhân đây mà sức nhớ đến chuyện cũ. Hồi còn ở trọ nhà Hội quán, một hôm ngủ dậy sớm, thấy dưới gốc cây hoè một nắm lông bồ câu, tán loạn mỗi nơi một cái. Rõ ràng là béo miệng chim cất rồi. Nửa buổi, ông gác ra cho một nhát chổi, thế là hết, không còn dấu vết gì nữa. Ai có ngờ vừa có một sinh vật toi mạng nơi đây? Lại có lần đi qua căn nhà gác số bốn phía tây, thấy có một con chó con bị xe ngựa đè sấp chết đến khi trở về, chẳng còn gì nữa. Chắc họ mang đi đâu rồi, khách qua đường lơ đãng, ai

⁽¹⁾ *Vô song phả* là một cuốn sách đời nhà Thanh gồm 40 bức ảnh của danh nhân Trung Quốc từ Hán đến Tống, mỗi bức ảnh có kèm theo một bài thơ. Về sau *Vô song phả* trở thành một thành ngữ có nghĩa là độc nhất vô nhị.

có ngờ cũng vừa có một sinh vật toi mạng nơi đây? Đêm hè, phía ngoài cửa sổ thường nghe ruồi đập cánh sè sè, tiếng kêu kéo dài... Chắc bị chú nhện hùm⁽¹⁾ ăn thịt rồi. Ấy thế mà nãy giờ tôi có để ý tới đâu! Còn người khác thì chẳng ai nghe thấy cả...

Giá có thể trách Tạo vật được thì tôi cho rằng Tạo vật quả đã sinh ra muôn loài một cách quá nhiều, và tiêu diệt đi một cách quá phí phạm.

"Ngoao"! Lại có hai con mèo nào cắn nhau phía ngoài cửa sổ rồi!

- Tấn! Con đánh mèo đấy à?

- Bẩm, không ạ! Chúng nó cắn nhau đấy chứ ạ! Đâu có phải là con đánh!

Mẹ tôi vẫn thường cho việc tôi hành hạ mèo là không phải, bây giờ chắc bà cụ nghĩ tôi bất bình thay cho hai chú thỏ con mà giở trò gì chẳng, nên ngồi dậy hỏi dè chừng như vậy. Và đối với tất cả người trong nhà, tôi cũng mang tiếng là kẻ thù của mèo. Tôi đã từng giết hại mèo, bình thời cũng thường đánh đập, nhất là khi chúng nó phủ nhau. Nhưng nguyên nhân vì sao mà đánh thì quyết không phải vì chúng nó phủ nhau mà vì chúng nó cứ gào ầm lên làm cho tôi không sao ngủ được. Tôi nghĩ rằng phủ nhau thì hà tất phải gào ầm ĩ lên như thế!

⁽¹⁾ Nguyên văn: "thăng hồ", tên một loài nhện. Thú nhện này không chăng lưới, cứ bò dọc tường chụp ruồi (Menemercus contusus) (N.D).

Huống chi con mèo đen lại ăn thịt thỏ con thì "*sự xuất hữu danh*"⁽¹⁾, tôi đánh là phải lắm. Tôi nghe mẹ tôi quá tử tâm cho nên thuận miệng, tôi trả lời một câu mập mờ, tựa hồ như cho việc mình làm là không đúng.

Tạo vật làm lắm chuyện không ra gì, tôi không thể không phản kháng lại, mặc dù có lẽ phản kháng như thế chính là lại giúp cho ông ta một tay cũng nên!

Còn con mèo đen kia nhất định không thể thung dung, ngạo mạn cứ đi đi lại lại trên bức tường thấp ấy mãi được. Tôi quyết như vậy, và bất giác tôi liếc nhìn lọ a-xít giấu trong hòm sách.

Tháng 10 năm 1922

⁽¹⁾ "*Sự xuất hữu danh*", nghĩa là: đưa binh đi đánh có lí do (N.D).

Kịch vui về đàn vịt^(*)

Ông Erosenko⁽¹⁾, một nhà thơ mù người Nga, đến Bắc Kinh với chiếc lục huyền cầm của ông ta chưa được bao lâu, thì đã phàn nàn với tôi:

- Ôi cha là vắng vẻ! Vắng vẻ như là ở giữa bãi sa mạc ấy!

Có thể là như thế thật, nhưng tôi thì tôi lại chưa hề cảm thấy như thế bao giờ cả. Tôi ở đây đã khá lâu rồi. Sách có câu "*Nhập chi lan chi thất, cựu nhi bất vấn kỳ hương*", vào nhà có nhiều hoa chi lan, lâu thì không nghe mùi thơm nữa. Tôi thì tôi lại cho là ồn ào quá. Nhưng có lẽ cái mà tôi gọi là ồn ào thì ông ta gọi là vắng vẻ chăng?

Có điều này thì có. Tôi cảm thấy hình như ở Bắc

^(*)Truyện *Kịch vui về đàn vịt* đăng lần đầu tiên trên tờ *Phụ nữ tạp chí*, tháng 12 năm 1922.

⁽¹⁾ Ông là tác giả nhiều sách nhi đồng, viết bằng thể giới ngữ và tiếng Nhật. Năm 1921, từ Nhật Bản sang Bắc Kinh, dạy thể giới ngữ ở trường đại học Bắc Kinh. Lỗ Tấn có dịch cuốn *Đám mây hồng* của ông ra Trung văn.

Kinh không có xuân, thu gì cả. Những người sống già đời ở Bắc Kinh nói rằng khí đất chuyển lên phương Bắc hết rồi, chứ ở đây trước kia đâu có được ấm áp như thế này. Nhưng tôi vẫn cứ cho là ở đây, không có xuân, thu gì cả. Hết đông thì tiếp sang hạ, hạ hết thì bắt đầu sang đông.

Một hôm tiết cuối đông đầu hạ ấy, mà lại vào giữa ban đêm, tình cờ được nhân rồi, tôi đến thăm ông Erosenko.

Trước nay ông ta vẫn ở nhà ông Trọng Mật. Cả nhà đi ngủ cả rồi; yên tĩnh lắm, ông ta một mình nằm trên giường, đôi lông mày cao cao nhú lại giữa đám tóc dài vàng óng, đang tưởng nhớ đến Miến Điện, đến những đêm hè Miến Điện là nơi ngày trước ông ta đã từng có đi du lịch.

Ông ta nói:

- Những đêm như thế này mà ở Miến Điện, thôi thì đâu cũng là âm nhạc cả nhé! Trong phòng, ngoài bụi cỏ, trên cành cây, đâu cũng có những côn trùng rên rĩ, đủ các thanh âm, thành một bản hợp tấu rất thần kỳ. Chốc chốc lại xen vào tiếng răn gáy xư... xư..., nhưng cũng ăn nhịp với tiếng côn trùng dào dạt...

Ông ta trầm ngâm suy nghĩ, như cố nhớ lại cảnh tượng lúc bấy giờ.

Tôi không biết nói năng ra làm sao cả. Thứ âm nhạc kỳ diệu đó, quả thực ở Bắc Kinh, tôi chưa hề nghe thấy, cho nên dù có lòng yêu nước đến đâu, tôi cũng không biết biện hộ thế nào, bởi vì tuy mắt ông ta mù, nhưng tai ông ta thì không điếc.

Ông ta lại than thở:

- Ở Bắc Kinh đến tiếng ếch cũng không có nốt!

Câu than thở đó làm cho tôi dừng cảm lên, do đó, tôi kháng nghị:

- Gì chứ tiếng ếch thì thiếu quái gì! Mùa hè, sau một trận mưa rào, nhất định ông sẽ được nghe ếch kêu cho mà xem! Ếch ở dưới cống rãnh, mà Bắc Kinh thì chỗ nào chả có cống rãnh!

Mấy ngày sau, lời tôi nói quả được chứng thực, bởi vì ông Erosenko đã mua được mười mấy con nòng nọc về rồi thả vào cái ao con giữa sân, trước cửa sổ phòng ông ta ở.

Cái ao đó dài ba thước, rộng hai thước, ông Trọng Mật đào để thả sen. Sen trước nay thả chưa mọc được cách nào, nhưng nuôi ếch ở đấy thì thích hợp lắm.

Nòng nọc bơi lội từng đàn trên mặt nước. Ông Erosenko thường ra thăm. Có lần bọn trẻ nói với ông ta:

- Bác ơi! Chúng nó mọc chân rồi!

Ông ta "à" lên một tiếng, rồi mỉm cười sung sướng.

Nhưng đào tạo những "nhà âm nhạc hồ ao" chỉ là một việc của ông ta mà thôi. Ông ta vốn là người chủ trương thuyết tay làm hàm nhai. Ông ta thường nói: đàn bà có thể chăn nuôi, còn đàn ông thì có thể trồng trọt. Cho nên, khi gặp bạn thân, ông ta liền khuyên nên trồng rau cải trong vườn, và đã nhiều lần khuyên bà Trọng Mật nuôi ong, nuôi gà, nuôi lợn, nuôi bò, nuôi lạc đà. Về sau, quả nhiên trong nhà ông Trọng

Mật có rất nhiều gà con, chạy lung tung khắp vườn, mổ hết những lá cải non trải trên mặt đất, đẹp như nền gấm. Có lẽ đó là kết quả của những lời khuyên của ông ta.

Từ đó, những người nhà quê đi buôn gà con thường hay đến mua, bởi vì gà con hay bị trúng thực, hay chết toi, khó nuôi lắm. Và có con đã trở thành nhân vật chính trong truyện *Bi kịch về đàn gà con*, tác phẩm duy nhất của ông ta viết ở Bắc Kinh. Có một buổi sáng, người nhà quê nọ bắt đồ mang vịt con đến, kêu chiêm chiếp. Nhưng bà Trọng Mật nói không mua. Ông Erosenko cũng đi ra. Họ đặt một con vào hai bàn tay ông ta. Con vịt con nằm trên hai bàn tay ông ta kêu chiêm chiếp, ông ta cho rằng con vịt cũng dễ thương lắm, thành ra không thể không mua. Ông ta mua cả thấy bốn con, mỗi con tám mươi đồng chính.

Vịt con quả dễ thương thật, toàn thân màu vàng nhạt, thả ra, đi đứng đĩnh gọi nhau, lúc nào cũng đứng tùm lại một chỗ với nhau. Ai cũng khen và nói ngày mai sẽ đi mua cá tép về cho ăn. Ông Erosenko nói:

- Tiền để tôi chịu cho.

Thế rồi ông ta đi dậy. Mọi người cũng tản đi. Một lát, bà Trọng Mật lấy cơm nguội cho vịt ăn, thì đằng xa đã nghe tiếng vịt quẫy nước. Chạy ra xem thì cả bốn con nhảy xuống ao tắm từ lúc nào rồi, và đang chúc đầu xuống mò ăn. Khua được chúng nó lên bờ thì ao đã đục ngầu, mãi hồi lâu mới lắng xuống. Trong bùn chỉ thấy lòi ra mấy ngó sen bé tí,

còn đàn nòng nọc đã mọc chân kia thì chẳng tìm ra con nào nữa.

Đến chiều, lũ trẻ vừa thấy ông Erosenko về, thì đứa nhỏ nhất đã vội mách:

- Bác I-o-i-cô à! Éch con, mất hết rồi!

- Ủ? Làm sao?

Bà Trọng Mật cũng đi ra, kể cho ông ta nghe chuyện vịt xoi hết nòng nọc.

Ông ta than thở:

- Ôi chao ôi!

Đến khi bầy vịt con thay lông vàng thì ông Erosenko bỗng nhớ "Bà mẹ Nga"⁽¹⁾ của ông ta, liền vội trở về ngôi tháp đỏ.

Và đến khi bốn bề có tiếng ếch kêu thì bầy vịt con cũng đã lớn. Hai con trắng, hai con đốm hoa. Chúng nó không kêu chiêm chiêm nữa mà kêu quệp quệp. Cái ao sen cũng không đủ cho chúng nó vùng vẫy nữa. May mà chỗ nhà ông Trọng Mật ở là chỗ đất trũng, mùa hè mưa xuống nước ngập cả sân, nên chúng nó tha hồ lặn lội, đập cánh kêu quệp quệp.

Nay đã cuối hạ sang đông rồi mà không có tin tức gì về ông Erosenko cả. Chẳng biết ông ta ở nơi nào.

Chỉ còn lại bốn con vịt kêu quệp quệp giữa bãi sa mạc nữa mà thôi!

Tháng 10 năm 1922

⁽¹⁾ Người Nga gọi Tổ quốc là "Bà mẹ Nga".

Hát tuồng ngày nước thân⁽¹⁾

Hai mươi năm trở lại đây, tôi chỉ xem hát tuồng Trung Quốc có hai lần. Hai lần đều vào khoảng mười năm sau này thôi, chứ khoảng mười năm trước, tuyệt nhiên không xem lần nào; không thích xem mà cũng không có dịp xem. Nhưng cả hai lần đó cũng chưa xem được gì hết thì đã bỏ về.

Lần thứ nhất là khi tới Bắc Kinh, năm Dân quốc nguyên niên⁽¹⁾. Bấy giờ có một anh bạn đến rủ:

- Tuồng Bắc Kinh hay lắm. Anh nên đi xem cho biết.

Tôi nghĩ bụng: xem tuồng thì cũng thú đấy, huống nữa là lại được xem ngay ở Bắc Kinh. Thế là chúng tôi hăm hở kéo nhau đến cái rạp gì đó. Đã bắt đầu hát rồi. Ở ngoài đã nghe trống đánh thùng thùng. Vừa chen lọt vào cửa thì thấy trên sân khấu màu đỏ, màu xanh loang loáng trước mắt, và dưới

⁽¹⁾ Năm 1912 (N.D).

sân khấu, lúc nhúc những đầu người. Định thân lại nhìn bốn phía thì thấy ở khoảng giữa của mấy chỗ ngồi bỏ trống. Chèn vào sắp ngồi xuống thì có người xì xào. Tiếng trống ù cả tai, chú ý mới nghe ra là ông ta bảo: "Có người rồi! Không được!".

Chúng tôi lui ra. Nhưng một người đuôi sam lảng bóng dẫn chúng tôi sang phía bên cạnh, chỉ cho một chỗ ngồi. Cái gọi là chỗ ngồi đó vốn là một chiếc ghế dài, nhưng mặt ván chỉ rộng bằng ba phần tư cái đuôi của tôi, còn chân thì lại cao gần bằng hai chân tôi. Tôi chưa có gan trèo lên bỗng chột liên tưởng đến một thứ dụng cụ tra tấn đặc biệt mà bất giác sờn tóc gáy, bỏ đi ra.

Đi được một quãng xa, bỗng nghe tiếng anh bạn hỏi:

- Thế nào đây?

Quay đầu lại mới hay là anh bạn đã bị mình cầm tay kéo bừa theo. Anh ta rất đỗi ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Sao, sao lại cứ cầm đầu bỏ đi như thế, hỏi không nói?

Tôi trả lời:

- Xin lỗi. Tai tôi ù lên, anh hỏi không nghe.

Về sau, mỗi lần nghĩ đến, tôi rất lấy làm quái lạ. Hình như lối hát tuồng đó không hay lắm, nếu không phải thì chắc là cái cách ngồi xem tuồng như thế kia, đối với tôi, không thích hợp nữa rồi!

Lần đi xem thứ hai, không nhớ vào năm nào, chỉ nhớ vào dịp quyên tiền giúp dân Hồ Bắc bị nạn lụt, vào lúc đó kếp Đàm Khiếu Thiên còn sống. Quyên

bằng cách mua một cái vé hai đồng bạc đến xem hát ở rạp *Đệ nhất võ đài*. Rạp này toàn là kếp có tiếng đóng, trong đó có Đàm Khiếu Thiên⁽¹⁾. Tôi cũng mua một vé, thật ra là nể người đi quyền mà thôi. Nhưng rồi hình như lại có một anh nào hiểu sự, nhân dịp đó nói cho biết một điều hết sức quan trọng. Thế là tôi quên mất cái nạn chiêng trống inh tai năm trước, cứ đến rạp *Đệ nhất võ đài*. Nhưng có lẽ lần đi xem này, cái vé quí báu kia cũng quyết định một phần. Đã bỏ tiền ra mua bằng một giá đắt như thế thì phải sử dụng mới khỏi tiếc. Tôi hỏi dò biết được là kếp Khiếu Thiên chỉ phần cuối vở mới ra, và *Đệ nhất võ đài* là một rạp hát kiểu tân thời, không cần phải tranh nhau chỗ ngồi, nên yên chí và chần chừ mãi đến chín giờ mới ra đi. Ai ngờ rạp vẫn chật ních như thường, tìm được chỗ đặt chân cũng khó. Tôi đành phải chen vào đám người đứng phía sau mà nhoi lên nhìn một anh kếp đóng vai bà lão⁽²⁾ đang hát. Bà lão miệng ngậm hai cái que quần giấy cháy đỏ rực, đứng cạnh là một tên quý sứ. Nghĩ mãi mới đoán chắc có lẽ bà này là mẹ Mực Liên⁽³⁾ chẳng, bởi vì sau đó lại thấy có một vị

⁽¹⁾ Đàm Khiếu Thiên tức là Đàm Kim Bôi, cũng gọi là Tiểu Khiếu Thiên, một kếp hát kinh kịch có tiếng.

⁽²⁾ Hối ấy trong kinh kịch, các vai đều do kếp đóng cả. (N.D).

⁽³⁾ Vở "Mực Liên cứu mẫu" là một vở tuồng rất lưu hành ở Trung Quốc. Mực Liên là đệ tử Thích ca mâu ni. Theo truyền thuyết mẹ Mực Liên làm nhiều điều ác nên sa xuống địa ngục. Mực Liên xuống địa ngục cứu mẹ. Hai que lửa ngậm ở miệng là để tượng trưng bà ta ác, nói thì phun ra lửa.

hòa thượng đi ra. Nhưng tôi không rõ ai thủ vai kia, bên hỏi một ông cụ to béo bị ép gần bẹp dí, ở phía bên trái tôi. Ông cụ lườm tôi một cái, vẻ thỉnh thường rồi nói: "Cung Vân Phủ⁽¹⁾ chứ ai?" Tôi xấu hổ thấy mình quê mùa mà lại khờ dại, nóng cả mặt, định bụng quyết không hỏi nữa. Sau đó, lại xem một kếp thủ vai đào tơ, một kếp thủ vai tiểu thư, một kếp thủ vai bà già, một kếp không biết thủ vai gì, rồi xem một toán người đánh nhau loạn xạ, xem ba người đấu võ, từ hơn chín giờ đến mười giờ, từ mười giờ đến mười một giờ, từ mười một giờ đến mười một giờ rưỡi, từ mười một giờ rưỡi đến mười hai giờ... Nhưng kếp Khiếu Thiên vẫn chưa ra...

Xưa nay tôi chưa hề chầu chực một cái gì nhần nại được như vậy, hướng chỉ cái ông cụ to béo đứng cạnh tôi cứ thở phì phì, trống chiêng trên sân khấu cứ đánh inh cả tai, màu sắc loè loẹt cứ chói cả mắt, lại đã mười hai giờ rồi, nên tôi bỗng tỉnh ngộ, thấy việc mình đứng đây quả thực không thích hợp chút nào cả. Như cái máy, tôi quay lại cố hết sức chen ra ngoài, và cảm thấy phía sau lưng, cái chỗ trống đó đã được lấp kín cả rồi, và cái ông cụ to béo, có thể co giãn kia, chắc đã để cho nửa người bên phải ông ta phình ra được một chút. Có muốn trở lại chỗ cũ cũng không được nữa, tất nhiên là phải chen ra. Chen mãi và cuối cùng thì chen ra được đến cửa. Ngoài đường, trừ

⁽¹⁾ Cung Vân Phủ là một kếp có tiếng chuyên đóng vai bà lão.

những chiếc xe chở khách, hình như không có ai nữa. Chỉ ở cửa rạp, có hơn mười người đứng nghếch đầu lên xem quảng cáo, lại có một số đứng mà không xem gì hết. Tôi nghĩ bụng: có lẽ bọn này đứng chờ xem phụ nữ tan hát đi về chẳng, ấy thế mà kếp Khiếu Thiên vẫn chưa ra!...

Khí trời ban đêm mát lạ, quả như "thấm vào da vào thịt". Có lẽ lần này là lần đầu tiên tôi ở Bắc Kinh được thở cái không khí trong lành như thế.

Đêm ấy là đêm tôi từ biệt hẳn hát tuồng Trung Quốc, và sau đó, không bao giờ nghĩ đến nữa. Dù đôi khi tôi có đi qua rạp hát chẳng nữa, "chúng tôi" cũng phớt đều nhau như thường bởi vì tâm hồn "chúng tôi" đã là kẻ ở Nam người ở Bắc từ lâu rồi!

Nhưng mấy hôm trước đây, bỗng vô tình được xem một cuốn sách Nhật Bản, - tiếc là quên mất tên sách và tên tác giả rồi - nhưng là một cuốn sách bàn về hát tuồng Trung Quốc. Có một chương đại ý nói: hát tuồng Trung Quốc thôi thì đánh trống đánh chiêng inh tai, la hét om sòm, nhảy múa loạn xạ, làm người xem choáng váng cả đầu óc; diễn trong rạp rất không thích hợp nhưng diễn ở một chỗ trống, giữa cánh đồng và đứng xa xa mà xem, cũng có cái phong vị riêng của nó. Xem xong, tôi có cảm tưởng như câu này đã nói lên được những điều đã có sẵn trong đầu óc tôi, nhưng tôi chưa hề nghĩ mà nói ra thành lời đó thôi, bởi vì tôi nhớ đích xác là đã được xem hát tuồng giữa cánh đồng và quả rất hay. Cho nên khi lên Bắc

Kinh, có lại rạp hát hai lần có lẽ chính vì chịu ảnh hưởng của lần xem ấy. Đáng tiếc là chẳng hiểu thế nào mà lại quên bẵng cái tên sách đi!

Thực ra thời kỳ xem hát tuồng mà thấy hay kia thì đã "xa xăm lắm" rồi, e vào hồi mới mười một, mười hai tuổi. Theo phong tục ở Lỗ Tấn chúng tôi, phàm con gái đi lấy chồng rồi nhưng chưa phải đảm đương việc nhà thì mùa hè thường được về ở nhà mẹ chơi. Hồi đó, bà nội tôi tuy còn mạnh nhưng mẹ tôi cũng đã phải lo liệu một phần việc trong gia đình, nên mùa hè không thể về ở lâu được, đành phải chờ tảo mộ xong xuôi, rồi rã mới về ít ngày thôi. Mỗi năm nhân dịp này, tôi cũng theo mẹ tôi về ở nhà bà ngoại. Nhà bà ngoại tôi ở làng Bình Kiều⁽¹⁾ một làng nhỏ ở bên bờ sông, cách biển không xa lắm và rất hẻo lánh. Cả làng không đầy ba mươi nóc nhà, đều làm ruộng, đánh cá, chỉ có một phố bán hàng xén nhỏ. Tuy vậy đối với tôi, Bình Kiều là một cảnh thiên đường; ở đây không những tôi được chiều chuộng mà lại không còn phải học những câu: "*Trật tự tư can, u u Nam Sơn*"⁽²⁾, nữa.

Tôi có rất nhiều bạn nhỏ. Vì tôi là khách đường xa nên cha mẹ các anh bạn tôi cũng bớt công việc cho họ để đến chơi với tôi. Ở làng nhỏ, khách của một

⁽¹⁾ Nhà bà ngoại Lỗ Tấn chính ở làng gọi là An Kiều, cũng thuộc phủ Thiệu Hưng, gần miền biển. Đó là một làng hẻo lánh, gồm hơn 30 nhà, toàn người họ Lỗ (N.D.).

⁽²⁾ Đó là hai câu đầu *thiên can* ở Tiểu nhã sách *Kinh thi*.

nhà mà hầu như cũng là khách chung của cả làng. Chúng tôi suýt soát bằng tuổi nhau, nhưng kể thứ bậc thì nhất nhất các anh ấy cũng là bác, chú tôi, có mấy người, tôi còn phải gọi bằng ông nữa kia, bởi vì cả làng đều người cùng họ, bà con với nhau hết. Nhưng chúng tôi là bạn, giá thử đôi khi cãi lộn nhau rồi cháu có nhe ông mà đánh thì trong làng, từ già đến trẻ, quyết chẳng ai nghĩ ra hai chữ "phạm thượng" mà luận tội, bởi vì ở đây chín mươi chín phần trăm đều không biết chữ.

Việc của chúng tôi hàng ngày đại khái là đào giun, mắc vào lưới câu nhỏ làm bằng đồng rồi ra nằm bẹp ở bờ sông câu tôm. Tôm là giống khờ dại nhất trong các giống vật ở dưới nước; chúng nó cứ lấy hai cái càng ôm lấy lưới câu chẳng sợ sệt gì cả, nên không mấy chốc đã có thể câu được một bát to tướng. Lệ thường tôm ấy tôi được ăn tất. Rồi ngoài ra, chúng tôi cùng nhau đi chăn trâu. Có lẽ trâu bò là động vật cao đẳng chẳng nên đều xem thường người lạ và dám coi tôi chẳng ra gì; vì vậy, tôi cũng chẳng dám lại gần, đành chỉ đi theo xa xa, hoặc đứng cách một quãng. Những lúc ấy, mấy anh bạn nhỏ của tôi không vì tôi biết chữ, có thể đọc được "*Trật tự tư can*" mà tha thứ cho tôi. Các anh ấy cứ nhe tôi chế giễu.

Điều tôi mong mỏi nhất khi ở đấy là được sang làng Triệu xem hát. Làng Triệu lớn hơn Bình Kiều và cách năm dặm đường. Bình Kiều nhỏ quá, không tổ chức hát riêng được, năm nào cũng phải đóng cho

làng Triệu ít tiền gọi là để tổ chức hát chung. Hồi đó, tôi không hề nghĩ vì sao hàng năm, người ta lại phải tổ chức hát như thế. Bây giờ nghĩ lại thì đoán hoặc giả là nhân dịp mùa xuân tế thần mà hát chẳng. Đó tức là "xã hí"⁽¹⁾.

Cái ngày hát tế thần năm tôi mười một mười hai tuổi đó đã gần đến nơi rồi. Đen quá, không ngờ buổi sớm không thuê ra thuyền. Làng Bình Kiều chỉ có một chiếc thuyền lớn chở khách sáng đi tối về, không có lý giữ lại dùng riêng, còn ngoài ra, đều là thuyền nhỏ không đi được. Nhờ người sang làng bên cạnh hỏi, cũng không có, chiếc nào người ta cũng thuê trước cả rồi. Bà ngoại tôi lấy làm bực lắm, phàn nàn mãi, trách người nhà sao không thuê trước đi. Mẹ tôi tìm lời an ủi bà cụ, nói rằng ở bên Lỗ Trấn chúng tôi hát hay hơn cái làng nhỏ này nhiều, mỗi năm xem những mấy lần, bây giờ không đi xem cũng chẳng sao. Chỉ có tôi là sốt ruột sắp khóc. Mẹ tôi hết sức dỗ dành, bảo không được giả vờ làm nũng để cho bà ngoại giận. Nhưng mẹ tôi lại không cho tôi đi với người khác, nói rằng như thế sợ bà ngoại không yên tâm.

Thế là hết. Đến chiều, các anh bạn tôi đều đi cả. Người ta đã bắt đầu hát rồi. Tôi phảng phất như nghe thấy tiếng trống, tiếng chiêng. Và tôi biết thế nào các anh bạn tôi cũng mua sữa đậu nành vừa xem vừa chén.

⁽¹⁾ Xem chú thích ở trang đầu.

Ngày hôm đó, tôi không đi câu tôm, mà cơm cũng nhác ăn. Mẹ tôi khó nghĩ quá nhưng cũng chẳng biết làm sao. Đến bữa cơm chiều, bà ngoại tôi thấy được và nói rằng tôi buồn là phải. "Chúng nó" khinh dễ quá, xưa nay đãi khách không ai bao giờ lại như vậy. Ăn xong thì các anh bạn tôi đi xem hát về, kéo nhau đến, say sưa kể lại vở tuồng cho tôi nghe. Chỉ có tôi là ngồi làm thinh. Các anh bạn tôi cũng thở dài ái ngại cho tôi. Bỗng Song Hỷ, anh bạn thông minh nhất trong bọn, như sức nhớ ra, nói:

- Thuyền lớn à? Không phải là thuyền chú Tám đã chèo về rồi cơ mà?

Mười mấy anh bạn kia cũng tỉnh ngộ, liền bàn góp vào, nói có thể cùng đi thuyền với tôi. Tôi mừng lắm. Nhưng bà ngoại tôi ngại là toàn một bầy trẻ con, không tin cậy được. Mẹ tôi lại nói, nếu bảo người lớn đi thì họ vừa phải làm việc suốt ngày, bây giờ bắt thức suốt đêm không hợp tình lý chút nào cả. Đang do dự thì Song Hỷ hiểu được ý bà ngoại tôi, liền nói to:

- Bà cứ để cháu xin cam đoan cho. Thuyền thì lớn, mà anh Tấn cũng không hay nghịch. Còn chúng cháu thì đứa nào mà chẳng biết bơi!

Quả có như thế. Hơn mười anh bạn nhỏ của tôi, ai cũng đều biết bơi cả. Có hai ba anh lại là tay bơi cừ nữa kia!

Bà ngoại tôi và mẹ tôi cũng tin, mỉm cười, không cản trở nữa. Tức thì chúng tôi ùa nhau chạy đi.

Lòng tôi đang nặng trĩu bỗng nhẹ hẳn. Người tôi cũng khoan khoái ra không biết bao nhiêu mà kể.

Vừa ra khỏi cổng đã nhìn thấy chiếc thuyền mũi trắng đậu ở gần cầu Bình Kiều, dưới ánh trăng. Chúng tôi nhảy xuống thuyền. Song Hỷ nhỏ sào mũi, Phát nhỏ sào lái. Bốn nhỏ tuổi thì cùng tôi ngồi trong khoang thuyền. Những anh lớn hơn ngồi ở đằng lái. Lúc mẹ tôi ra dặn dò là "phải cẩn thận" thì chúng tôi đã bắt đầu cho thuyền rời khỏi bến. Các anh ấy cầm sào vào đầu cột, ẩy một cái thật mạnh, cho thuyền lui ra phía sau mấy thước rồi cho ra khỏi gập cầu. Rồi lấp hai mái chèo, cứ hai người một chèo, chèo một dặm lại thay phiên nhau. Tiếng cười nói, tiếng reo hò hòa lẫn tiếng nước vỗ róc rách vào mạn thuyền. Hai bên bờ là những ruộng lúa, ruộng đậu, một màu xanh rờn. Chiếc thuyền chúng tôi vút đi như bay về phía làng Triệu.

Mùi thơm ngát của lúa, đậu hai bên bờ và mùi thơm của cỏ rong dưới đáy sông, lẫn trong hơi nước, nhẹ đưa vào mặt. Trong sương đêm, mặt trăng trở thành mờ ảo. Xa xa, dãy núi màu đen nhật nhấp nhô, trông giống như lưng một con thú đúc bằng sắt đang chồm lên, cứ thế mà nhảy lùi mãi về phía lái. Ấy thế mà chúng tôi vẫn cứ có cảm tưởng là thuyền đi chậm lắm. Các anh bạn tôi thay tay chèo bốn lần mới trông thấy làng Triệu thấp thoáng ở đằng xa. Lại như có nghe cả tiếng sáo, tiếng hát nữa. Còn có mấy đốm lửa lập lòe, chúng tôi đoán là đèn đuốc hát, nhưng có thể là đèn của thuyền đánh cá cũng nên.

Tiếng ấy chắc là tiếng sáo thật, nghe trầm bổng, véo von lắm. Lòng tôi như lắng xuống. Nhưng rồi tôi lại có cảm giác lâng lâng như cùng tiếng sáo bay đi rồi tan vào trong sương đêm đượm mùi thơm của lúa, đậu, cỏ, rong.

Đến gần đóm lửa thì ra là đèn thuyền đánh cá thật. Và lúc đó mới nhớ ra rằng cái chỗ trống thấp thoáng hồi nãy cũng không phải là làng Triệu. Phía thẳng chiếc mũi thuyền chính là một rừng thông. Năm ngoái tôi đã có dịp đến chơi, ở đây còn có một con ngựa đá sứt nằm lẫn kènh dưới đất, và một con dê đá ngồi chồm chồm trong cỏ. Qua khỏi rừng thông, thuyền quành vào ngã ba sông. Bây giờ trước mặt mới là làng Triệu thật.

Nổi bật đập vào mắt chúng tôi, trước tiên là cái sân khấu đứng sừng sững ở khoảng đất trống, giữa cánh đồng cạnh bờ sông, đằng xa trong ánh trăng, thấy mờ ảo hiện lên giữa không gian bát ngát, tưởng chừng như đấy là cảnh tiên mình đã từng gặp trong tranh. Thuyền lướt càng nhanh, và trong chốc lát đã trông rõ các vai trò mặc áo xanh áo đỏ đi đi lại lại trên sân khấu, và gần sân khấu, dưới sông, một đám đen ngòm: ấy là thuyền của người ta đi xem hát.

Phát nói:

- Gần sân khấu chẳng có chỗ nào trống cả. Cho thuyền đậu xa xa mà xem thôi.

Thuyền đã đi chậm lại, một lát thì đến nơi. Quả thật không thể nào cho vào gần sân được, đành phải

cắm sào ở một chỗ, so với cái bàn thờ thần đối diện sân khấu, còn xa hơn nhiều. Thật ra, chúng tôi cũng không muốn cho chiếc thuyền mui trắng của chúng tôi đậu chung một chỗ với những chiếc thuyền mui đen kia, huống chi lại không tìm ra chỗ cho thuyền đậu!

Trong khi vội vã cắm thuyền thì thấy trên sân khấu một ông râu dài đen láy, trên lưng giắt bốn lá cờ, tay cầm thương, đang đánh nhau với một toán người mình trần trụi trụi. Theo Song Hỷ nói thì kếp đó là "ông già đầu sắt" ai cũng biết tiếng, có thể lộn nhào tám mươi cái liên, chính lúc ban ngày anh đã có đếm rồi.

Chúng tôi đồn lại cả đàng mũi thuyền ngồi xem họ đánh trận. Nhưng "ông già đầu sắt" chẳng lộn cái nào cả, chỉ có mấy người ở trần lộn thôi, lộn một hồi rồi đi vào. Tiếp theo, một vai đào đi ra, hát ê a.

Song Hỷ nói:

- Ban đêm ít người xem mà "ông già đầu sắt" cũng đã mệt rồi. Ai lại đi trở tài giữa chỗ trống, cho đất xem à?

Tôi tin Song Hỷ nói đúng, bởi vì lúc đó dưới sân khấu vắng lắm. Người nhà quê ngày mai phải đi làm, không thức đêm được, đã về đi ngủ cả. Chỉ còn lại lác đác mấy anh vô công rồi nghề ở làng Triệu và ở các làng lân cận. Cố nhiên vợ con những tay nhà giàu thì còn đó cả, họ ngồi trong các thuyền mui đen chẳng để ý gì đến xem hát, phần lớn đến đây chỉ là để ăn

quả ăn bánh, nhá hạt dưa. Cho nên quả có thể nói là không có ai thật. Trong thâm tâm, tôi cũng chẳng thiết gì xem nhào lộn. Thiết xem là xem Tinh rấn, do một kép mình quần vải trắng, hai tay để trên đầu cầm một cái đầu rấn y như một cái gậy. Thứ đến là vai cộp nhảy, do một người mặc áo vàng đóng. Nhưng chờ mãi chẳng thấy ra. Vai đào vào thì một kép già đóng vai thanh niên ra liền. Tôi đã thấy hơi mới, nhờ Quế Sinh đi mua sữa đậu nành cho. Quế Sinh đi một lát, trở về nói:

- Không có. Cái ông diếc bán sữa đậu nành cũng về rồi. Thôi, múc một gáo nước lã uống tạm vậy.

Tôi không uống, cố gắng đứng xem, nhưng cũng không thể nói là đã xem được những gì, chỉ thấy mặt các vai tuồng dần dần trở thành kỳ quái, tai, mắt, mũi dần dần mờ đi trông chẳng rõ nữa. Trong bọn chúng tôi, những anh nhỏ thì cứ ngáp dài, mấy anh lớn thì nói chuyện riêng. Đến khi có một vai hề mặc áo đỏ bị trói vào cái cột trên sân khấu để cho một người đeo râu lõm đốm bạc lấy roi ngựa đánh thì ai nấy tinh thần mới phấn chấn lên, vừa xem, vừa cười. Tôi cho đó là màn hay nhất đêm hát ấy.

Cuối cùng một vai bà già ra. Tôi vốn sợ cái vai bà già ấy lắm, nhất là lúc bà ta ngồi xuống mà hát. Lúc đó thấy ai cũng tỏ vẻ cụt hứng cả, mới biết là mấy anh bạn tôi cũng nghĩ như tôi. Khi mới ra, bà ta còn đi đi lại lại mà hát, sau thì bà ta ngồi hẳn xuống cái ghế đặt giữa sân khấu. Tôi ngại quá. Bọn Song Hỷ thì

chửi lâu nhàu. Tôi kiên nhẫn chờ. Một hồi lâu, bà ta giơ tay lên, tưởng là bà ta đã đứng dậy; không ngờ bà ta lại bỏ tay xuống như cũ và vẫn tiếp tục hát. Trong thuyền chúng tôi anh thì thở dài, anh thì ngáp vặt. Song Hỷ không chịu đựng được nữa, nói:

- Cái con mụ này thì nó có thể hát suốt đêm đấy! Hay là ta về đi thôi!

Ai nấy tán thành ngay. Và cũng hăng hái như khi ra đi, ba bốn người chạy ra đằng lái, nhổ sào, đẩy thuyền lùi vài thước, cho quay mũi, lấp chèo vào, vừa chửi vai bà già, vừa chèo thuyền về phía rừng thông.

Trăng chưa lặn. Hình như chúng tôi xem hát cũng không lâu lắm. Ra khỏi làng Triệu, trăng càng tỏ. Ngoảnh lại nhìn sân khấu trong ánh đèn, tôi có cảm tưởng giống như khi mới đến, cũng thấy đẹp như một tòa lâu đài xây trên núi tiên, có một lớp sương màu đỏ bao phủ. Và cũng có tiếng sáo vẳng lại, rất véo von. Tôi đoán vai bà già đã vào rồi, nhưng cũng ngại, không rủ anh em trở lại xem nữa.

Không bao lâu, thuyền đã đi quá rừng thông. Thuyền đi cũng không chậm lắm nhưng xung quanh bóng tối dày đặc, biết là đã khuya rồi. Mấy anh bạn bàn tán về đám hát, anh thì chửi, anh thì cười, và ra sức chèo. Bây giờ tiếng nước vỗ vào mũi thuyền nghe càng rõ. Chiếc thuyền như một con cá trắng lớn cỡ một bày trẻ con vượt sóng. Mấy ông già đánh cá đêm cũng dừng xuống lại, nhìn thuyền chúng tôi lướt qua, ngời khen.

Cách Bình Kiều chùng một dậm, thuyền đi chậm lại. Mấy tay chèo thuyền đều kêu rất mệt vì chèo hăng quá, và nhiều anh vẫn chưa có gì trong bụng. Lần này người bàn kế là Quế Sinh. Anh nói rằng bây giờ là mùa đậu la hán, củi đuốc sẵn, có thể trộm một ít nấu ăn. Ai nấy tán thành. Rồi chúng tôi ghé thuyền vào bờ. Ruộng trên bờ toàn là đậu la hán, quả chắc nịch và đen nhánh.

Song Hỷ nhảy lên trước, nói:

- Phát à? Bên này là đậu nhà cậu, còn bên kia là đậu nhà ông Sáu Mốt, trộm bên nào?

Chúng tôi cũng nhảy lên cả. Phát vừa nhảy lên vừa nói:

- Hăng khoan. Để tớ xem đã nào!

Rồi anh ta đi đi lại lại, sờ nắn một lúc, đứng thẳng dậy, nói:

- Trộm của nhà tớ thôi. Đậu nhà tớ to hơn nhiều.

- Ừ.

Ai nấy chạy lại ruộng nhà Phát, hái mỗi người một ôm lớn, quăng vào thuyền. Song Hỷ bàn, nếu lấy trộm của nhà Phát nữa, mẹ anh biết sẽ khóc và chửi chết, nên chúng tôi lại sang ruộng ông Sáu Mốt trộm một ôm nữa.

Mấy anh lớn chèo thuyền cho đi chậm chậm. Mấy anh nữa lại đăng lái nhen lửa; còn mấy đứa nhỏ chúng tôi thì bóc đậu. Một lát đậu chín. Chúng tôi để mặc cho thuyền trôi, xúm nhau lại, lấy tay bóc ăn. Ăn

xong lại chèo. Nồi niêu rửa sạch, vỏ đậu ném xuống sông, chẳng còn tang tích gì nữa. Song Hỷ lo rằng lấy củi muối trong thuyền ông Tám, ông ta tính lắm, thế nào ông ta cũng biết, sẽ mắng cho mà xem. Nhưng bàn tán một hồi, chúng tôi cho là không sợ. Ông ta có mắng thì sẽ đòi ông ta trả lại nhánh bách khô năm ngoái ông ta nhặt ở trên bờ sông, và gắp đậu thì cứ gọi là "ông Tám seo".

Song Hỷ đứng đầu mũi, bỗng nói to:

- Về đây cả rồi ạ! Chẳng xảy ra chuyện gì hết. Cháu đã bảo đảm mà!

Tôi nhìn về phía mũi thuyền. Đằng trước đã là cầu Bình Kiều rồi. Có một người đứng trên cầu. Chính là mẹ tôi. Song Hỷ nói là nói với mẹ tôi. Tôi chui ra ngoài khoang thuyền. Thuyền vào dưới gầm cầu, đỗ lại. Chúng tôi rón rịp nhảy lên bờ. Mẹ tôi hơi giận, nói là đã quá canh ba rồi, sao về khuya thế, nhưng rồi cũng vui lên. Mẹ tôi cười và bảo tất cả về nhà ăn cơm rang.

Mọi người trả lời là ăn lót lòng rồi, bây giờ buồn ngủ lắm, được ngủ là thích nhất. Thế là ai về nhà nấy.

Hôm sau mãi đến trưa, tôi mới thức dậy và cũng chẳng nghe chuyện gì lời thôi về ông Tám với chỗ củi muối cả. Buổi chiều, vẫn lại đi câu tôm.

- Song Hỷ! Đồ quý sứ đâu ấy! Hôm qua chúng bay trộm đậu nhà tao phải không? Lại không chịu hái cho tử tế, giẫm nát cả.

Tôi ngừng đầu nhìn lên. Thì ra là ông Sáu Mốt. Ông ta chèo chiếc thuyền con đi bán đậu về, trong lòng thuyền còn cả một đồng đậu.

Song Hỷ nói:

- Vâng. Chúng cháu đãi khách đấy! Chúng cháu lúc đầu không định lấy của nhà ông đâu... Ở kia! Ông làm tôm sợ chạy cả rồi kia!

Ông Sáu Mốt nhìn thấy tôi, ngừng tay chèo. Cười nói:

- Đãi khách à? Thế thì được.

Rồi hỏi tôi:

- Anh Tấn! Hôm qua hát có hay không?

Tôi gật đầu nói:

- Hay.

- Thế đậu ăn có ngon không?

Tôi lại gật đầu, nói:

- Ngon lắm.

Tôi không ngờ nghe tôi nói thế, ông ta lại tỏ vẻ rất cảm động, giơ ngón tay cái lên⁽¹⁾ nói, đặc ý:

- Người có học có hành với lại ở thành phố về có khác. Biết người biết của. Đậu nhà chú, chọn từng hạt một mà gieo đấy. Người nhà quê chẳng biết đêch gì cả lại bảo là không bằng đậu nhà người ta. Chú định hôm nay đem một ít biếu cô ăn thử xem...

⁽¹⁾ Một cử chỉ đặc biệt của người Trung Quốc khi muốn khen một cái gì để tỏ ý cái đó vào bậc nhất, tuyệt thế vô song (N.D).

Rồi ông ta chèo thuyền đi.

Lúc mẹ tôi gọi tôi về ăn cơm tối thì thấy trên bàn có một bát lớn đậu la hán luộc rồi. Đó là đậu của ông Sáu Mốt đưa lại biếu mẹ tôi và tôi. Nghe nói ông ta còn khen với mẹ tôi rằng tôi còn nhỏ mà đã biết điều, sau này nhất định sẽ đỗ Trạng nguyên cho mà xem.

- Cô này! Cam đoan thế nào cô cũng sẽ được sung sướng.

Nhưng tôi lấy đậu ăn thì lại thấy không ngon bằng đậu đêm hôm qua.

Quả thật cho đến bây giờ, tôi chưa hề được ăn đậu nào ngon như đậu hôm ấy và cũng chưa hề được xem buổi hát tuồng nào hay như buổi hát tuồng đêm hôm ấy!

Tháng 10 năm 1922

Lễ cầu phúc^(*)

Những ngày cuối năm âm lịch quả thật có vẻ đúng là cuối năm. Quang cảnh thôn xóm làng mạc thì đã dành, không cần phải nói, mà ngay giữa bầu trời cũng thấy rõ không khí sắp sửa sang năm mới rồi. Thỉnh thoảng, pháo tiễn đưa ông Táo về trời lại lóe sáng, rồi nổ vang. Tiếng nổ gần, nghe càng vang tận, tai cứ ù lên mãi, và mùi thuốc pháo thoang thoang thơm tản mát trong không trung. Tôi về đến Lỗ Trán, quê nhà, đúng vào một đêm như thế. Nói là quê nhà, chứ thật ra tôi chẳng còn nhà cửa ở đây nữa, nên đành tạm đến ở nhà ông Tư, cũng người họ Lỗ, ngang hàng với thầy tôi mà tôi phải gọi là chú Tư mới đúng. Ông ta là một vị cựu giám sinh⁽¹⁾ theo lý

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên *Đông phương tạp chí* ngày 25 tháng 3 năm 1924.

(1) Giám sinh là sinh viên trường Quốc Tử Giám, trường của triều đình đời Thanh chỉ còn giữ cái tên mà thôi, chứ ở đây không dạy học nữa. Chức giám sinh cũng như chức ẩm sinh, tổ tiên có công với triều đình thì con cháu được chức giám sinh.

học⁽¹⁾. Ông ta cũng không khác ngày trước mấy, chỉ có già hơn đôi chút, nhưng chưa để râu. Vừa gặp, ông ta đã vồn vã hỏi thăm.

Hỏi thăm xong thì khen tôi "mập ra", rồi tức thì chửi bọn tân đảng. Nhưng tôi biết không phải là chửi cạnh tôi, bởi vì ông ta chửi là chửi Khang Hữu Vi⁽²⁾. Có điều, chuyện trò chẳng ăn ý chút nào cả, cho nên được một lúc, chỉ còn lại một mình tôi trong phòng sách mà thôi.

Sáng hôm sau, tôi dậy rất muộn. Ăn cơm trưa xong, tôi đi thăm mấy người bà con và mấy ông bạn. Hôm sau nữa, cũng thế. Bà con, bạn bè cũng chẳng ai thay đổi gì mấy, chỉ có điều người nào cũng già hơn một ít. Nhà nào nhà nấy đều bận rộn, sắm sửa làm lễ "cầu phúc"⁽³⁾ cả. Ở Lỗ Trán, lễ cầu phúc là một lễ lớn cuối năm, bày biện linh đình, thành kính để đón rước phúc thần, cầu xin cho sang năm làm ăn được may mắn. Họ giết gà, giết ngỗng, mua thịt lợn, làm rất tinh khiết. Đàn bà, con gái, có kẻ còn đeo vòng bạc kéo lối xoắn thừng; phải dầm tay luôn trong nước đỏ ửng lên. Nấu nướng xong, rồi cắm đũa vào, lung tung, chẳng theo hàng lối nào hết. Đó là "cỗ cầu

(1) Lý học tức là Tống học, một thứ nho giáo bị người đời Tống xuyên tạc di nhiều.

(2) Khang Hữu Vi (1858-1927) người lãnh đạo cuộc duy tân năm Mậu Tuất, cuối đời Thanh.

(3) Theo tục lệ Trung Quốc ngày trước, lễ này thường là vào khoảng từ 21 đến 30 tháng Chạp.

phúc", chờ đến canh năm, bày ra, thắp đèn, dâng nhang, khấn vái chư vị phúc thần về hâm hưởng. Chỉ có đàn ông mới được ra cúng mà thôi. Cúng xong tất nhiên lại đốt pháo. Năm nào cũng thế, và nhà nào cũng như nhà nấy, miễn là có tiền sắm được lễ vật, mua được pháo, thế thôi. Và năm nay, tất nhiên cũng lại thế. Sắc trời u ám. Về chiều, tuyết lại bắt đầu xuống nhiều. Hoa tuyết có cái to bằng hoa mai, bay khắp không trung. Rồi thì khói pháo, cộng với sự rộn rịp xung quanh làm cho Lỗ Trán trở thành nhốn nháo hẳn lên.

Lúc tôi trở về phòng sách nhà chú Tư thì mái ngói đã phủ đầy tuyết trắng phau, rơi vào làm cho căn phòng sáng hẳn. Bức chữ "Thọ" to tướng, nét son, đập theo chữ Trần Đoàn lão tổ⁽¹⁾, treo trên vách, trông rất nổi. Đôi câu đối treo hai bên thì một vế đã rơi mất rồi, cuộn lại lồng phồng để trên án thư, một vế còn đây, đề là: *Sự lý thông đạt tâm khí hóa bình*⁽²⁾. Buồn tình, tôi đến trước bàn sách kê cạnh cửa sổ, lục xem. Chỉ thấy một chồng *Khang Hy tự điển*, không

⁽¹⁾ Trần Đoàn, người đời Tống, ẩn cư ở Vũ Dương Sơn và Hoa Sơn tu đạo. Đời xưng là "thần tiên".

⁽²⁾ Theo Vương Sĩ Thanh kể lại trong cuốn *Lỗ Tấn, thân thế và sáng tác* do Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc xuất bản năm 1958 thì trong nhà Lỗ Tấn trước kia cũng có treo một câu liên đề: *Phẩm tiết tường minh đức hạnh kiêm định. Sự lý thông đạt tâm hòa khí bình*. (Phẩm hạnh khí tiết sáng chói, đạo đức hạnh kiểm đều rõ ràng, thông hiểu mọi sự lý, tâm thần ý khí bình ổn).

chắc còn trọn bộ, một bộ *Cận tư lục tập chú*⁽¹⁾ và một bộ *Tứ thư thẩn*⁽²⁾. Tôi nhất quyết thế nào ngày mai cũng rời khỏi nơi này.

Hướng chi, mỗi lần sức nghĩ đến chuyện hôm qua gặp thím Tường Lâm thì tôi cứ lại thấy khó chịu trong người. Lúc ấy, vào buổi chiều, tôi sang xóm Đông thăm người bạn, trở về đến bờ sông thì gặp thím. Thấy thím cứ tráo mắt nhìn biết ngay là thím có ý đón gặp tôi. Có thể nói những người tôi đã được gặp lại ở Lỗ Tấn lần về chơi này, không ai thay đổi nhiều như thím. Mái tóc hoa râm năm năm trước bây giờ bạc trắng, trông không còn vẻ người trên dưới bốn mươi tuổi nữa; khuôn mặt hốc hác quá, nước da vàng xám, cả đến cái vẻ u sầu xưa kia cũng mất hẳn, trông giống như tạc bằng gỗ, họa chăng chỉ đôi tròng con mắt lâu lâu đưa đi đưa lại mới chứng tỏ rằng thím còn là một con người đang sống mà thôi. Thím một tay xách giỏ tre trong có cái bát mẻ, không đựng gì cả, một tay chống cái gậy trúc, dài hơn người, phía dưới đã xơ ra. Rõ ràng thím bây giờ hoàn toàn là một mụ ăn mày.

Tôi đứng dừng lại, yên trí thế nào thím cũng xin tiền.

Thím bắt đầu bằng một câu hỏi:

⁽¹⁾ *Cận tư lục* là sách nhập môn của những nhà lý học, đời Tống soạn, và đời Thanh chú thích.

⁽²⁾ *Tứ thư thẩn* là một tác phẩm đời Thanh, chú thích bộ *Tứ thư*, tác giả là Lạc Bồi.

- Ông về chơi?

- Vâng.

- Thật là may quá. Ông là người có chữ nghĩa, lại đi đây đi đó, hiểu biết nhiều. Gặp ông, tôi muốn hỏi một điều.

Đôi mắt lơ dờ của thím bỗng sáng hẳn lên.

Tôi không thể nào ngờ thím lại nói những câu như thế, thành ra cứ đứng sững, ngạc nhiên hết sức.

- Ông à! - Thím bước lại hai bước cho gần hơn, hạ thấp giọng xuống, rồi nói thủ thủ như có điều gì bí mật lắm. Con người ta chết rồi thì còn có linh hồn nữa không, ông?

Tôi rợn cả người. Thấy mắt thím nhìn tôi chòng chọc, tôi có cảm giác như gai đâm vào lưng, luống cuống hơn là khi còn đi học, bất thành linh phải thi một bài chưa kịp chuẩn bị, mà ông giáo thì cứ đứng ngay bên cạnh mình. Có linh hồn hay không có linh hồn, xưa nay nào tôi có hề nghĩ tới! Nhưng bây giờ phải trả lời thím thì trả lời thế nào đây! Trong giây phút ngần ngừ, tôi nghĩ bụng: người vùng này, ai cũng còn tin ma quỷ mà thím thì thím lại nghi hoặc, không, chắc là thím hy vọng, hy vọng có linh hồn, nhưng lại cũng hy vọng không có linh hồn!... Người ta đã đến cùng đường như thế này rồi, hà tất phải làm cho đau khổ thêm, chi bằng để vui lòng thím, thôi thì cứ bảo là có đi...

Thế rồi, tôi ấp úng trả lời:

- Tôi nghĩ... Có thể có đấy.

- Thế thì cũng có địa ngục à?

- À, địa ngục ấy à? - Tôi hết sức kinh ngạc, đành phải nói chống chế cho qua - Địa ngục à! Lý ra thì phải có đấy. Mà cũng vị tất. Nhưng ai hơi đâu để tâm đến những chuyện ấy, làm gì!

- Thế thì người trong một nhà, chết rồi, có thể gặp mặt nhau nữa hay không?

- Hừ! Có thể gặp mặt không à? - Lúc này tôi mới rõ mình dốt hết sức. Ngần ngừ mãi, suy nghĩ mãi, mà hỏi cho ba câu là tịt cứng. Tôi đâm ra rụt rè, muốn nói trái lại những điều mình đã nói - Cái đó... Thực tình tôi không được rõ... Thú thực, chết rồi còn có linh hồn nữa hay không, tôi cũng không được rõ.

Thừa lúc thím chưa hỏi tiếp, tôi liền rảo bước đi thẳng một mạch về nhà chú Tư, trong lòng cảm thấy bứt rứt quá, cứ nghĩ bụng: Mình trả lời với thím như thế chẳng biết có thể nguy hiểm gì cho thím không. Chắc là vì trong khi nhà ai cũng làm lễ cầu phúc cả, thím cảm thấy mình thím trợ trợ. Nhưng biết đâu câu hỏi đó lại không hàm một ý gì khác? Hay là thím cảm thấy trước điều gì sẽ xảy ra chẳng? Giả thử, vì một nguyên do gì khác mà hỏi, rồi nhân câu trả lời của mình, mà có xảy ra thế nào thì thật mình phải chịu trách nhiệm một phần về những lời nói của mình... Nhưng ngay sau đó, tôi lại cười mình khéo vớ vẩn. Chẳng qua thím ta ngẫu nhiên mà hỏi như thế

- Ông về chơi?

- Vâng.

- Thật là may quá. Ông là người có chữ nghĩa, lại đi đây đi đó, hiểu biết nhiều. Gặp ông, tôi muốn hỏi một điều.

Đôi mắt lơ lơ của thím bỗng sáng hẳn lên.

Tôi không thể nào ngờ thím lại nói những câu như thế, thành ra cứ đứng sững, ngạc nhiên hết sức.

- Ông à! - Thím bước lại hai bước cho gần hơn, hạ thấp giọng xuống, rồi nói thủ thủ như có điều gì bí mật lắm. Con người ta chết rồi thì còn có linh hồn nữa không, ông?

Tôi rợn cả người. Thấy mắt thím nhìn tôi chòng chọc, tôi có cảm giác như gai đâm vào lưng, luống cuống hơn là khi còn đi học, bất thành linh phải thi một bài chưa kịp chuẩn bị, mà ông giáo thì cứ đứng ngay bên cạnh mình. Có linh hồn hay không có linh hồn, xưa nay nào tôi có hề nghĩ tới! Nhưng bây giờ phải trả lời thím thì trả lời thế nào đây! Trong giây phút ngắn ngủi, tôi nghĩ bụng: người vùng này, ai cũng còn tin ma quỷ mà thím thì thím lại nghi hoặc, không, chắc là thím hy vọng, hy vọng có linh hồn, nhưng lại cũng hy vọng không có linh hồn!... Người ta đã đến cùng đường như thế này rồi, hà tất phải làm cho đau khổ thêm, chi bằng để vui lòng thím, thôi thì cứ bảo là có đi...

Thế rồi, tôi ấp úng trả lời:

chứ vốn chẳng có ý nghĩa gì sâu sắc cả, mà mình lại cứ chẻ sợi tóc làm tư, chả trách nhà giáo dục nọ bảo mình mắc bệnh thần kinh cũng phải. Huống chi, mình đã có nói là "không được rõ" rồi, mình đã chối hết những điều mình nói lúc đầu rồi; dù có xảy ra chuyện gì cũng chẳng liên quan đến mình nữa.

"Không được rõ", quả thật là một câu trả lời hết sức đặc sác. Có những người trẻ tuổi, việc đời chưa từng trải, nhưng rất to gan, ai có điều gì nghi hoặc, hỏi đến, là cứ bạo miệng trả lời liều, thậm chí còn dám mách thầy mách thuốc cho con bệnh, vạn nhất xảy ra việc gì không hay, thế là oán đổ lên đầu cả. Nhưng nếu biết dùng câu "không được rõ" này mà trả lời để kết thúc câu chuyện đi, thì ung dung tự tại biết mấy! Lúc đó, tôi càng cảm thấy cái câu "không được rõ" quả là cần thiết, dù có trả lời cho một mụ ăn mày cũng nhất thiết không thể bỏ đi, không dùng.

Tuy vậy, tôi vẫn không yên tâm. Qua một đêm rồi mà vẫn thỉnh thoảng cứ sực nhớ đến, hình như cảm thấy trước có điều gì không lành. Ngoài trời, tuyết xuống âm u; một mình ngồi trong phòng sách, buồn thiu, lòng tôi lại càng thêm day dứt. Thôi, chi bằng đi đi thôi, ngày mai lên tỉnh là hết. Chẳng biết món vây rán hiệu *Phúc hưng lâu*, một đồng một đĩa lớn, vừa ngon vừa rẻ, bây giờ đã tăng giá chưa? Bạn bè chơi bời với nhau ngày trước, nay tan tác mỗi người một ngả rồi, nhưng mà món vây rán thì không thể không ném lại xem sao, mặc dù chỉ có

một mình mình... Thế nào ngày mai nhất định cũng phải đi.

Thường thường tôi thấy có nhiều việc mình không muốn xảy ra như mình đoán và cho rằng vị tất đã xảy ra y như thế, nhưng rồi nó lại cứ xảy ra y như thế, cho nên tôi rất lấy làm lo chuyện này rồi cũng sẽ theo một quy luật đó thôi. Quả nhiên, cái chuyện lạ lùng đó đã bắt đầu rồi. Vào khoảng gần tối, tôi nghe có mấy người xúm lại trong nhà trong, hình như bàn tán với nhau chuyện gì. Nhưng một lát sau, không nghe gì nữa, chỉ thấy chú Tư vừa đi vừa nói to:

- Không nhè lúc nào, lại nhè ngay vào giữa lúc này. Rõ là đồ khốn kiếp!

Lúc đầu tôi còn ngạc nhiên, sau thì thấy áy náy trong lòng, tựa hồ như câu nói vừa rồi có liên quan đến mình. Thử nhìn ra cửa, chẳng có ai cả. Chờ mãi đến tối, trước lúc ăn cơm, người ở vào pha trà, mới có dịp dò hỏi.

- Vừa rồi, cụ Tư giận ai mà gắt thế nhỉ?

Anh ta trả lời gọn thơn lỏn:

- Chắc là lại thím Tường Lâm chứ ai!

Tôi lại hỏi dồn:

- Thím Tường Lâm à? Sao thế?

- Chết rồi.

- Chết rồi à?

Tim tôi bỗng thất lại, rồi đập dữ dội. Mặt tôi chắc cũng tái đi, nhưng người ở không hay biết gì cả, vì

anh ta không hề ngừng đầu lên. Tôi trấn tĩnh lại được, và hỏi thêm:

- Chết vào lúc nào?

- Vào lúc nào à? Chẳng như đêm qua hay là sáng nay gì đó. Cháu cũng không được rõ.

- Làm sao mà chết, hở?

- Làm sao mà chết à? Chắc là đói quá rồi chết thôi.

Anh ta trả lời về thờ ơ, vẫn không ngừng đầu lên nhìn tôi, rồi đi ra.

Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi chỉ thoáng qua trong giây lát. Sau đó, tôi liền nghĩ bụng: cái việc phải xảy ra, giờ đã xảy ra rồi, bất tất mình phải nhờ đến câu "không được rõ" của mình hay câu "đói quá rồi chết" của người ở để tự an ủi. Thế là lòng lại nhẹ nhõm dần, chỉ thỉnh thoảng mới lại thấy đau nhói lên một tí. Cơm tối bùng lên, chú Tư cùng ngồi ăn, vẻ nghiêm nghị. Tôi định hỏi thăm thêm về thím Tường Lâm, nhưng biết ông ta tuy đã đọc qua câu sách: "*Quý thần giả, nhị khí chi lương năng dã*"⁽¹⁾ nhưng vẫn hay kiêng kị lắm thứ lắm: đang sắp sửa làm lễ cầu phúc mà đem chuyện chết chóc, ốm đau ra nói là nhất thiết không được. Nếu bất đắc dĩ phải đề cập đến thì phải dùng những tiếng bóng gió mà nói

⁽¹⁾ *Quý thần là lương năng của hai khí*. Nghĩa là quý là do âm dương biến hóa mà có. Câu này là của Trương Tải, một nhà lý học đời Tống. Tác giả muốn nói: mặc dù ông Tư đã biết rằng: quý thần chỉ là một hiện tượng tự nhiên, nhưng ông ta vẫn mê tín như thường.

chếch đi. Khốn nỗi, tôi lại không biết nói thế nào cho ổn, nên nhiều lần định hỏi, lại thôi. Thấy bộ mặt ông ta nghiêm nghị như thế, tôi bỗng lại ngờ ông ta ám chủ tôi, không nhè lúc nào mà lại nhè vào giữa lúc này đến quấy rầy ông ta, và tôi là đồ khốn kiếp!...

Cho nên lập tức, tôi nói cho ông ta biết rằng, ngày mai tôi sẽ rời Lỗ Trấn lên tỉnh, để cho ông ta sớm khỏi bận lòng vì tôi. Ông ta cũng không thiết tha giữ tôi ở lại. Bữa cơm đó tẻ nhạt hết sức.

Mùa đông ngày ngắn, lại có tuyết xuống, nên bóng đêm đã bao trùm lấy xóm làng rồi. Dưới ánh đèn, mọi người bận rộn tíu tít, nhưng ngoài cửa sổ thì cảnh vật lại im lìm. Hoa tuyết rơi xuống lớp thảm tuyết phủ dày mặt đất, nghe rào rào, khiến cho người ta càng thêm hiu quạnh. Ngồi một mình cạnh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng vàng khè, tôi nghĩ đến thím Tường Lâm. Một đời người không nơi nương tựa, như một thứ đồ chơi cũ kỹ, chơi lâu ngày chán, người ta vứt vào đồng rác, bấy lâu nay vẫn lẫn lóc ở đấy làm cho những kẻ sống sung sướng phải ngạc nhiên sao thím ta lại cố bám vào cuộc đời mãi làm chi. Bây giờ thì thần chết đã đưa thím ta đi rồi! Con người chết đi, còn có linh hồn nữa hay không, nào tôi có biết, nhưng trên đời này, cái người sống cầu bơ cầu bất ấy không còn nữa, thì kẻ ghét không muốn nhìn, cũng không còn phải nhìn thấy nữa. Như vậy, đối với thím ta cũng như đối với họ, chết đi cũng là một cái hay. Vừa lắng nghe tiếng tuyết rơi ngoài cửa sổ,

vừa suy nghĩ lan man như thế, tôi thấy lòng tôi nhẹ nhõm dần.

Tuy thế, những mẩu chuyện rời rạc mà tôi đã nghe, mặt tôi đã thấy về quãng đời trước kia của thím lại chắp nối với nhau và hiện lên trong ký ức tôi.

Thím không phải người Lỗ Trấn này. Đầu mùa đông năm nọ, nhà chú Tư cần thay đổi đầy tớ gái: người đưa mối là bà Vệ dẫn thím đến. Hồi đó, thím vào khoảng hai sáu hai bảy, nước da xanh xao vàng vọt, nhưng hai gò má còn hồng hào. Thím mặc chiếc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo cánh chèn màu nguyệt bạch, đầu chít khăn tang. Bà Vệ gọi thím là thím Tường Lâm, và nói rằng thím là hàng xóm láng giềng bên quê ngoại bà ta, chồng chết nên mới phải đi ở. Nghe nói thế, chú Tư nhú đôi lông mày lại. Thím Tư biết ý chồng không muốn nuôi một người đàn bà góa trong nhà, nhưng thấy cung cách thím cũng đứng đắn, tay chân vạm vỡ, lại hiền lành, ít mồm ít miệng, ra người biết chịu khó làm ăn, an phận thủ thường, nên mặc chồng chau mày thì chau mày, thím Tư vẫn cứ giữ lại. Trong thời gian ở thử, thấy thím Tường Lâm làm quần quật suốt ngày, có vẻ như ngồi không thì buồn, sức lực lại khỏe chẳng thua gì đàn ông, cho nên đến ngày thứ ba thì nhất định thuê hẳn, mỗi tháng năm quan.

Ai cũng gọi thím là thím Tường Lâm cả. Chẳng ai hỏi thím họ gì, nhưng người đưa mối là người bên Vệ Gia Sơn lại bảo là hàng xóm láng giềng, nên chắc

cũng là họ Vệ thôi. Thím ít nói lắm, có hỏi thì mới nói, mà nói cũng rất vắn tắt. Mãi đến mười mấy hôm sau, dần dần mới biết rằng, thím ở nhà còn có bà mẹ chồng cay nghiệt lắm, và một chú em chồng hơn mười tuổi, đã đi kiếm củi được rồi. Chồng thím chết mùa xuân vừa qua; anh ấy cũng sống về nghề hái củi, và kém thím những mười tuổi. Về thân thế thím, người ta chỉ biết có ngần ấy.

Ngày tháng trôi qua rất nhanh. Công việc thím không hề bê trễ, ăn gì xong bữa thì thôi, đã làm thì làm cật lực, không suy tính thiệt hơn. Ai cũng khen nhà ông Tư nuôi được một người ở gái mà siêng năng, lanh lẹn hơn cả đàn ông nữa. Công việc cuối năm, một mình thím đảm đương hết, nào là quét dọn, lau nền nhà, giết gà, mổ ngỗng, thức suốt đêm nấu nướng, sửa soạn lễ cầu phúc, chẳng phải thuê mướn ai thêm. Thế nhưng thím lại rất lấy làm hể hả, trên môi thoáng thấy có nụ cười, và mặt mày cũng ngày càng béo trắng ra.

Vừa sang năm mới, một hôm, thím ra sông vo gạo về thấy mặt cứ tái nhợt đi. Hỏi thì nói rằng thím trông thấy xa xa, bờ bên kia, có một người đàn ông cứ quanh quẩn đấy mãi, giống người bác họ chồng thím, e có khi ông ta đến tìm thím cũng nên. Thím Tư nghe, ngạc nhiên lắm, hỏi cận kề, thì thím lại không nói nữa. Chuyện đến tai chú Tư. Chú Tư chau mày lại, nói:

- Không xong rồi! Chắc là con mẹ này bỏ nhà trốn đi đấy thôi!

Quả đúng như điều chú Tư đoán, không bao lâu biết thím bỏ nhà trốn đi thật. Câu chuyện trên đây người ta đã dần dần băng quên đi rồi, thì chừng mười hôm sau, bỗng thấy bà Vệ đưa một người đàn bà trạc ba mươi tuổi đến, nói là mẹ chồng thím Tường Lâm. Người đàn bà này tuy có vẻ là người miền núi, nhưng cách thù ứng ung dung lắm, nói năng cũng hoạt bát. Chào hỏi đầu vào đấy rồi, chị ta ngỏ lời xin lỗi, nói là đến để xin cho con dâu về, vì ra giêng, công việc nhiều, mà nhà neo người, toàn là người già con trẻ cả.

Chú Tư nói:

- Nếu là mẹ chồng đến gọi về thì còn nói năng gì nữa!

Thế là tính tiền công. Cả thấy được mười bảy quan năm, còn gửi đấy cả, chưa tiêu mất đồng nào, bèn giao hết cho mẹ chồng thím. Người đàn bà này lại xin gói quần áo của con dâu, tạ ơn đầu đấy rồi mới ra về. Lúc đó đã đúng Ngọ.

Ngồi một lúc thím Tư mới giặt mình, hỏi to lên:

- Ối chà! Gạo đâu rồi nhỉ? Không phải là thím Tường Lâm đã đem đi vo rồi à?

Chắc là thím Tư hơi đói bụng, sức nhớ đến cơm trưa.

Bấy giờ, người trong nhà mới mỗi người một ngả, đi tìm rá gạo. Thím Tư đi xuống bếp, rồi lên nhà

trên, lại vào buồng ngủ tìm, chẳng thấy rá gạo đâu cả. Chú Tư ra ngoài cổng tìm, cũng không thấy; đến khi đi thẳng đến bờ sông, mới thấy rá gạo để ngay gần trên bờ, bên cạnh còn cả bó rau nữa.

Những người được mục kích kể lại rằng, hồi sáng có một chiếc thuyền mui trắng đỗ ở bến, mui che kín mít, chẳng biết trong có những ai, và trước khi chuyện xảy ra, không ai để ý đến cả. Khi thím Tường Lâm ra vo gạo, thím vừa quỳ xuống, thì có hai anh đàn ông bỗng từ trong thuyền nhảy xổ ra, trông có vẻ người miền núi; một anh ôm chặt lấy thím, anh kia giúp sức, lôi bừa vào thuyền. Thím khóc và có la lên mấy tiếng, nhưng sau đó thì không nghe thấy gì nữa. Có lẽ là chúng nó nhét cái gì vào miệng thím cũng nên. Sau đó, có hai người đàn bà lên bờ, một người không rõ là ai, còn người kia là bà Vệ. Có dòm vào trong thuyền, nhưng không trông được rõ lắm. Hình như thím bị trói lại, nằm trên sạp thì phải.

Chú Tư nói:

- Khả ố nhỉ! Nhưng mà...

Hôm ấy thím Tư phải thổi cơm trưa lấy, và thằng Ngưu, con thím, phải đun lửa.

Sau bữa cơm trưa, bà Vệ lại trở lại.

Chú Tư nói:

- Khả ố quá!

Thím Tư vừa rửa bát, vừa nói vẻ giận giữ:

- Già này! Thế là nghĩa thế nào? Khen cho già còn

dám trở lại đây nhìn mặt chúng tôi được. Chính già đưa thím ấy đến, rồi già lại đồng lõa với chúng nó bắt cóc đi, làm người ta đồn rầm lên, ai trông vào còn ra thể thống gì nữa. Già định đem nhà chúng tôi ra làm trò cười cho thiên hạ đấy phỏng?

- Trời ơi! Quả thật con bị mắc lừa đấy ạ! Con trở lại đây là để thừa với ông bà cho ra ngành ngọn. Thím ấy nhờ con kiếm cho chỗ làm. Con có biết đâu là thím ấy giấu mẹ chồng trốn đi như thế! Thật là con không phải với ông bà quá. Chỉ vì già rồi lắm cảm, lú lẫm đi, không cẩn thận, thành ra không phải với ông bà. May gặp được ông bà đây xưa nay là người rộng lượng, không thèm chấp kẻ dưới. Nhất định lần này, con phải đem đến ông bà một người tử tế để chuộc tội.

Chú Tư nói:

- Nhưng mà...

Thế rồi chuyện thím Tường Lâm đến đây là chấm dứt. Chẳng bao lâu, người ta cũng quên khuấy đi.

Chỉ có mình thím Tư là còn nhớ, bởi vì những người ở gái sau đó, đại để, đưa không lười biếng thì tham ăn, có đưa lại vừa tham ăn vừa lười biếng, chẳng vừa ý chút nào cả, cho nên thường mới nhắc đến thím Tường Lâm. Mỗi lần nhắc đến, thím lại lẩm bẩm một mình:

- Chả biết bây giờ ra sao rồi?

Ý thím là mong thím Tường Lâm sẽ trở lại. Nhưng đến Tết năm sau, thì thím không còn mong mỗi gì nữa.

Số là hôm gần hết Tết, bà Vệ đến mừng năm mới. Lúc đến bà ta rượu đã say mèm. Bà ta nói là bà ta về bên quê ngoại ở Vệ Gia Sơn, ở lại chơi mấy hôm, nên bây giờ mới đến chậm. Nói chuyện một lúc, tự nhiên hai người nhắc đến thím Tường Lâm.

Bà Vệ nói, về thích chí:

- Thím ấy à? Bây giờ gặp may rồi! Khi bà mẹ chồng ra đây bắt thím ấy về, bà ta đã nhận lời gả cho anh Sáu, người bên Hạ Gia Úc, nên về nhà được vài hôm là người ta đưa kiệu hoa đến rước đi ngay.

Thím Tư sừng sốt nói:

- Ài chà chà! Cái mẹ mẹ chồng!...

- Ấy! Thưa bà, bà quả thật là nhà đại gia nên lời lẽ có khác. Chứ chúng con, người miền núi, nghèo hèn, như thế có hề gì! Thím ta còn có một chú em, cũng phải hỏi vợ cho chú ấy chứ! Không gả thím ta đi, thì lấy tiền đâu mà cưới xin? Bà mẹ chồng thím ta thế mà là người sành sỏi, tháo vát, khéo tính toán lắm mới đem gả thím ta lên trên ấy đấy. Chứ gả cho người trong làng thì được bao nhiêu! Có gả về những nơi thâm sơn cùng cốc, nơi đàn bà con gái ít ai muốn lấy, mới được những tám chục quan tiền! Bây giờ thì đã cưới được vợ cho chú em rồi. Lễ vật chỉ hết có

năm chục quan. Trừ phí tổn này nợ rồi, cũng còn lại được hơn mười quan. Đấy! Bà xem, tính toán như thế có khéo không?...

- Thế mà thím ấy cũng chịu theo à?

- Bẩm, có gì mà theo với không theo ạ!... Làm ôn thì ai mà chẳng làm ôn lên một lúc. Có điều cứ lấy dây thừng trói lại, đẩy vào kiệu hoa, khiêng về nhà trai, chụp chiếc mũ cưới vào đầu, dắt đi lạy ông bà ông vải, rồi đóng cửa buồng lại, thế là yên chuyện tất! Nhưng thím Tường Lâm thì khác người ta lắm. Nghe nói, lúc bấy giờ, thím ta làm dữ lắm cơ! Ai cũng bảo rằng bởi vì thím ta có đến ở nhà người có chữ có nghĩa nên mới kỳ khôi như thế! Thưa bà, mắt chúng con đã trông thấy nhiều đám cũng bước đi bước nữa như thế này, có người thì kêu van khóc lóc, có người thì đòi trảm mình thất cổ, có người khiêng về nhà trai rồi vẫn nguây nguẩy không chịu lạy ông bà ông vải cho, thậm chí có kẻ còn đập đổ cả cây đuốc hoa khi làm lễ động phòng nữa cơ! Nhưng thím Tường Lâm này thì mới lạ đời. Họ kể chuyện rằng thím ta suốt dọc đường cứ la hét, chửi bới ầm ĩ lên, lúc về đến Hạ Gia Úc thì khản tịt cả cổ. Lôi ra khỏi kiệu, hai người đàn ông và cả chú em nữa ra sức kìm giữ thím ta lại, mà thím ta cũng chẳng chịu lễ bái cho ra trò. Vừa sơ ý, hở tay ra một cái, là ối giờ ơi, a di đà Phật, thím ta đã đập đầu ngay vào góc hương án rồi, thủng một lỗ sâu hoáy, máu tươi chảy vọt ra, phải lấy hai nắm tàn nhang dịt vào, rồi lấy hai vuông

vải điều buộc chặt lại mà vẫn không cảm nổi. Mãi đến khi mỗi người một tay xúm lại vực thím vào trong buồng với chồng, rồi khóa trái lại, mà thím ta vẫn còn chửi. Ôi chào!... Thật là...

Bà Vệ lắc đầu, nhìn xuống đất, im lặng.

Thím Tư còn hỏi:

- Thế rồi sau ra làm sao?

Bà Vệ ngược mắt lên trả lời:

- Bẩm, nghe nói hôm sau thím ta vẫn nằm lì, không dậy.

- Thế rồi sao nữa?

- Sao nữa à? Sau thì dậy. Cuối năm thím ta đẻ một thằng con trai, sang năm mới này lên hai rồi đấy. Mấy hồi con về chơi bên quê ngoại, có người sang Hạ Gia Úc về, nói chuyện có gặp hai mẹ con, mẹ cũng béo, mà con cũng béo. Thím ta chẳng phải làm dâu ai cả. Anh chồng thì khỏe như trâu, biết làm ăn. Cũng có một căn nhà riêng hửn hoi. Hì hì... Thím ta quả là gặp may!

Từ đó về sau, thím Tư cũng không hề nhắc đến thím Tường Lâm nữa. Nhưng mùa thu năm nọ, chừng hai năm sau khi nghe cái tin "gặp may" ấy, thì bỗng thấy thím ta lại đến nhà chú Tư. Thím ta đặt lên bàn một cái giỏ tròn hình củ mã thầy, và để gói chăn áo dưới mái hiên. Cũng như lần trước, thím ta mặc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo chèn màu nguyệt bạch, trên đầu cũng chít khăn

trắng, nước da cũng xanh xao, vàng vọt, có điều hai gò má thì không hồng hào như trước nữa. Thím ta cứ cúi mặt nhìn xuống đất, khóe mắt ươn ướt, và con mắt cũng không được lanh lợi như trước. Vẫn lại bà Vẻ đưa thím ta đến. Vẻ mặt từ bi, bà ta nói với thím Tư, liên thoảng:

- Bẩm, người ta thường nói: "Trời mưa nắng không chừng", cái anh chồng thím ta sức vóc là thế, lại còn trẻ, ai có ngờ ồm một trận thương hàn là lăn đùng ra chết... ồm đã khỏi rồi, thế mà chỉ ăn có một bát cơm nguội vào, là lại trở lại. May mà còn để lại được chút con trai. Thím ta là người siêng năng; đốn củi, hái chè, nuôi tằm, làm được tất, nên cũng tạm đủ ăn. Ai có ngờ thằng con trai thím lại bị chó sói tha mất! Gần mùa xuân rồi, thế mà chó sói còn lảng vảng về làng!... Ai có ngờ được. Bây giờ thì thím ta một thân một mình trơ trọi. Ông anh chồng đến đòi nhà, đuổi thím ta đi. Thím ta thực đến bước đường cùng, chỉ còn cách đến nhờ vả ông bà đây là chỗ thím ta đã từng hầu hạ. Được cái là thím ta bây giờ không bị ràng buộc gì nữa. Mà lại gặp lúc bà đây đang muốn thay người ở, nên con lại đưa thím ta đến. Con nghĩ, thím ta đã quen đường quen ngõ rồi, thế nào cũng còn hơn kẻ lạ nước lạ cái nhiều.

Thím Tường Lâm ngược đôi con mắt lơ lơ, nhìn lên, nói:

- Con thật là ngu dốt quá. Thật đấy, con cứ tưởng chỉ có mùa tuyết xuống, trong núi không có gì

ăn, thú dữ mới mò về làng. Biết đâu là giữa mùa xuân mà nó cũng ra. Hôm đó, hứng sáng con đã dậy, mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu bảo thẳng Mao ra ngồi ở chỗ bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó dễ bảo lắm cơ. Con bảo gì là nó nghe nấy. Cháu nó ra ngồi đấy. Còn con thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, bỏ gạo vào nồi xong, định luộc đậu. Con gọi "Mao ơi!" không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thẳng Mao đâu cả. Thường cháu chẳng đi chơi nhà ai. Đi đâu hỏi, cũng không có. Con nóng ruột quá, nhờ người đi tìm. Tìm khắp mọi nơi, cho đến chiều, vào núi thì thấy một chiếc giày của cháu mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi, chắc là bị sói tha đi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy thẳng bé nằm trong một đồng cỏ, ruột gan bị moi ăn hết, tay còn cầm chặt lấy cái giỏ đậu...

Rồi thím ta nức nở ghen ngào, nói không ra lời.

Thím Tư lúc đầu còn chần chờ, nhưng khi nghe kể chuyện xong, thì quăng mắt cũng đỏ lên, suy nghĩ một lát, rồi bảo thím Tường Lâm xách giỏ và gói áo quần xuống nhà dưới. Bà Vệ thở ra một cái như người cất được gánh nặng trên vai. Còn thím Tường Lâm thì có vẻ khoan khoái hơn lúc vừa đến. Không cần phải chỉ bảo, thím tự sửa soạn giường chiếu, quen thuộc lắm rồi. Từ đó thím lại đến Lỗ Trán ở thuê.

Người ta vẫn gọi thím là thím Tường Lâm.

Nhưng lần này, cảnh ngộ thím thay đổi khác trước nhiều lắm. Đến ở được hai ba hôm, thì chú thím Tư thấy thím tay chân không được lanh lợi như trước nữa, lại dần gì quên nấy, mặt cứ dờ dẩn ra như mặt người chết, cả ngày không được một tiếng cười. Nghe giọng điệu thím Tư, biết thím Tư có ý không bằng lòng lắm. Lúc thím Tường Lâm mới đến, tuy chú Tư cũng chau mày lại như lần trước, nhưng thấy lâu nay khó thuê ra người ở gái, nên cũng không phản đối gì mấy. Chú chỉ dặn riêng thím Tư rằng, con người như thế thì cũng đáng thương thật, nhưng vì đã bại hoại phong hóa nên chỉ dùng làm việc thường đỡ dần tay chân thôi, chứ khi tết nhất, cúng đom, chớ để cho mó tay vào. Cổ bàn nhất thiết phải tự tay mình làm lấy, không thì dơ dáy bẩn thỉu, ông bà ông vải không hưởng đâu!

Trong nhà chú Tư thì việc quan hệ nhất là giỗ tết. Trước kia, khi trong nhà có giỗ tết là thím Tường Lâm bận rộn nhất, nhưng bây giờ thì thím lại hết sức rảnh rang. Thấy chiếc bàn đã khiêng ra đặt giữa nhà và tấm vải đã treo lên, thím nhớ ngay phải đem cốc chén và đĩa bày ra theo thường lệ.

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy cho tôi! Thím Tư vội vàng nói.

Thím Tường Lâm sượng sùng, thụt tay lại, rồi lại đi tìm đôi đèn nến.

Thím Tư lại vội vàng nói:

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy. Tôi đi lấy cho.

Thím quanh đi quẩn lại, chẳng có việc gì làm, đành bỏ đi xuống nhà dưới, không hiểu ra làm sao cả. Cả ngày hôm đó, cái việc thím có thể làm được là ngồi đun bếp.

Người Lỗ Trán vẫn gọi thím là thím Tường Lâm, nhưng giọng điệu thì khác trước nhiều lắm. Họ vẫn chuyện trò với thím, nhưng nhạt nhẽo hơn xưa. Thím không hề để ý đến, mắt cứ đắm đắm nhìn thẳng, kể cho mọi người nghe câu chuyện mà thím không khi nào quên được.

- Tôi thật ngu dân quá! Tôi cứ tưởng là chỉ có mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thì thú dữ mới mò về làng. Chứ biết đâu sang xuân rồi mà nó cũng mò về. Hôm đó, bưng sáng tôi đã dậy, ra mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu; bảo thằng Mao nhà tôi ra ngồi ở bậc cửa mà bóc đi. Cháu dễ bảo lắm, tôi bảo gì làm nấy. Thế là cháu ra ngồi đó. Tôi thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, cho gạo vào nồi xong, định đi luộc đậu. Gọi "Mao ơi!", không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất mà chẳng thấy thằng Mao nhà tôi đâu cả. Nóng ruột quá, tôi nhờ người đi tìm. Mãi đến chiều, mấy người vào núi thì tìm thấy một chiếc giày của cháu mắc trên bụi gai. Ai người ta cũng nói: "Thôi hỏng rồi! Chắc là sói tha mất rồi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy cháu nằm trong một đồng cỏ, ruột gan bị moi ăn hết. Trông mà thương quá, cháu còn nắm chặt cái giỏ đậu trong tay...

Thế là nước mắt rùng rùng, thím khóc nức nở.

Câu chuyện ấy thế mà lại có hiệu nghiệm. Bọn đàn ông nghe kể đến đó thường thường là thôi không cười nữa, tiu ngửu bỏ đi. Còn đàn bà con gái thì không những có vẻ tha thứ cho thím về chỗ thím bước đi bước nữa, mà cũng bỏ ngay cái bộ mặt khinh bỉ lúc đầu, lại còn khóc theo thím nữa là khác. Có mấy bà cụ không đứng đấy nghe thím kể, thì cố đi tìm, nài thím kể lại câu chuyện bi thảm đó cho nghe. Đến khi thím khóc nức lên, thì những giọt nước mắt ở khóe mắt các bà cũng rơi xuống. Các bà thở dài một hồi, rồi ra về thỏa mãn, vừa đi vừa bàn tán.

Câu chuyện bi thảm đó, thím kể đi kể lại nhiều lần rồi, thường thường vẫn có dăm ba người nghe. Nhưng không bao lâu, người ta nghe mãi thuộc lòng, đến nỗi ngay cả những bà tử bi, niệm Phật ăn chay, cũng chẳng có giọt nước mắt nào trên mi nữa. Về sau, cơ hồ tất cả người ở Lỗ Trấn đều có thể nhắc lại y nguyên từng lời nói của thím, cho nên vừa nghe thím kể là họ đã chán ngấy lên rồi.

Thím vừa bắt đầu kể:

- Tôi thật ngu đần quá...

Họ cắt ngang nói:

- Ủ, thím chỉ tưởng mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thú dữ mới mò vào làng...

Rồi bỏ đi.

Thím đứng há miệng ngơ ngác, dăm dăm nhìn

họ, rồi cũng bước đi, hình như chính thím cũng thấy câu chuyện của mình nhạt phèo. Nhưng thím vẫn cứ mong mỏi, nhân những việc khác, - thí dụ nhân nói đến cái giò, nói đến đậu, hay nói đến một đứa trẻ nào đó chẳng hạn, - mà kể chuyện thằng Mao của thím. Hễ nhìn thấy một đứa trẻ lên hai lên ba, là y như thím than phiền:

- Ủ! giá thằng Mao nhà tôi mà còn sống thì cũng bằng chừng này rồi đấy!...

Đứa bé nhìn thấy cặp mắt thím, hoảng lên, nín lấy áo mẹ lùi đi. Thế là thím đứng trơ một mình; cuối cùng, thím cũng chán ngán bỏ đi nốt. Về sau, ai cũng biết tính thím như thế rồi, hễ có đứa trẻ nào đứng đấy là người ta hỏi thím trước, nửa đùa nửa thật:

- Thím Lâm! Thằng Mao nhà thím còn sống chắc cũng bằng chừng này chứ gì?

Vị tất thím đã biết rằng câu chuyện thương tâm của thím, người ta thưởng thức bao nhiêu lâu nay, bây giờ đã như cái bã, nhai đi nhai lại mãi, chán lắm rồi, phải nhổ đi. Nhưng nhìn nụ cười của họ, thím hình như cũng thấy được đó là một nụ cười vừa lạnh lùng, vừa chế giễu, thôi thì mình cũng chẳng cần kể chuyện nữa làm chi. Rồi thím chỉ lườm họ một cái, chứ cũng không mở miệng đối đáp một lời.

Lỗ Tấn bao giờ cũng cứ từ hai mươi tháng Chạp trở đi là người ta đã rộn rịp sửa soạn ăn Tết. Nhà chú Tư, Tết năm nay phải mượn thêm một người ở trai

nữa mà vẫn không hết việc, nên phải gọi u Liễu đến làm giúp, giết gà, làm ngỗng. Nhưng u Liễu lại theo đạo Phật, ăn chay, không sát sinh, chỉ chịu rửa bát đĩa cho thôi. Thím Tường Lâm thì ngoài việc đun bếp, chẳng còn việc gì khác, thành ra rồi rỗi, chỉ ngồi nhìn u Liễu làm. Tuyết lấm tấm rơi.

- Ủ, tôi thật là ngu đần...

Thím Tường Lâm nhìn trời, thở dài, như nói một mình. U Liễu về sốt ruột nhìn vào mặt thím, nói:

- Thím Lâm, thím lại kể chuyện ấy đấy à? Tôi hỏi thật thím nhé! Chứ cái sẹo ở trán thím, có phải là hồi đó thím đập đầu vào hương án mà thành ra như thế phải không?

Thím trả lời ấp úng:

- Ờ... Ờ.

- Thế tôi hỏi thím, tại sao về sau thím lại bằng lòng...?

- Tôi ấy à?

- Ủ, thím, chứ còn ai nữa? Tôi chắc thím phải bằng lòng, không thì...

- A! A! U không biết chứ hần khỏe lắm cơ!

- Tôi chẳng tin. Tôi chẳng tin thím sức vóc như thế mà lại không chống cự nổi hần. Nhất định về sau thím bằng lòng, lại còn đổ cho là vì hần khỏe!

- A, a, rõ u này!... U cứ thử xem.

Thím cười. U Liễu cũng cười, cái mặt nhăn nheo

của u dóm lại như một hạt đào. Rồi đôi mắt nhỏ ti hí, héo hắt của u cứ nhìn vào cái sẹo trên trán thím, làm thím ngượng quá, không cười được nữa, đành quay ra nhìn tuyết rơi.

U Liễu nói, về kín đáo:

- Thím Lâm này! Thật ra thím cũng vụng tính đấy! Cứ làm mạnh nữa, đập đầu cho chết quách đi, có phải hơn không. Còn như bây giờ, thím với người chồng sau của thím ăn ở với nhau chưa được hai năm, mà để thím mang vào người một cái tội tầy đình. Thím nghĩ mà xem, mai kia thím chết xuống âm phủ, hai người chồng tranh nhau thì thím sẽ về ở với người nào? Vua Diêm vương đành phải cưa đôi thím ra, chia cho mỗi người một nửa. Tôi thấy thật là...

Thím Tường Lâm sợ hãi quá, nổi sợ hãi lộ rõ trên thần sắc. Ở trên miền núi nhà thím, chưa nghe ai nói như thế bao giờ cả.

- Tôi nghĩ chỉ bằng thím nên lo liệu trước đi thì hơn. Thím hãy cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng thế mạng cho thím, để cho người qua kẻ lại giày đạp lên, chuộc cái tội kiếp này cho thím, khỏi phải chết rồi còn chịu khổ!

Lúc bấy giờ, thím không nói ra làm sao cả, nhưng xem chừng thím buồn bã khổ sở lắm. Sáng hôm sau, ngủ dậy, hai mắt thím thâm quầng. Ăn cơm sáng xong, thím đến miếu Thành hoàng ở xóm Tây, xin cúng một cái bậc cửa. Lúc đầu, ông từ một mực

không chịu; đến khi thím sắp khóc lên, ông ta mới miễn cưỡng nhận lời. Cái bạc cửa làm mất mười hai quan tiền.

Đã lâu thím không chuyện trò với ai cả, vì câu chuyện thằng Mao người ta nghe chán tai lắm rồi, như từ hôm thím và U Liễu ngồi nói chuyện với nhau, hình như tiếng phao đồn ra, nên nhiều người lại thích gọi cho thím nói. Cố nhiên đầu đề câu chuyện đổi khác, chỉ xoay quanh cái sẹo trên trán thím.

Người này hỏi:

- Thím Lâm, tôi hỏi thím nhé! Sao hồi đó thím lại bằng lòng?

Người khác nhìn cái sẹo của thím, phụ họa theo:

- Hừ! Có uống không. Đập vỡ đầu mà cũng không đi đến đâu cả!

Nghe giọng nói, thấy vẻ cười của họ, có lẽ thím cũng biết là họ đang chế giễu mình, cho nên thím cứ nhìn họ trừng trừng, không nói một câu. Về sau, mặc kệ họ nói gì thì nói, thím cũng không ngoảnh đầu lại. Cả ngày, thím cứ ngậm tằm âm thầm làm các việc: ra phố, quét nhà, rửa rau, vo gạo, mang trên trán cái sẹo mà mọi người cho là một vết nhơ.

Ở sắp đây năm, thím mới xin thím Tư đưa cho thím số tiền công đồn lại bao nhiêu lâu nay, đem đổi được mười hai đồng bạc "chim ưng", rồi xin phép đi ra xóm Tây. Chỉ trong khoảng thời gian chưa ăn xong một bữa cơm, thím đã trở về, sắc mặt tươi tắn,

con mắt cũng lạnh lợi hẳn lên, vui vẻ nói với thím Tư rằng thím đã cụng một cái bạc cửa vào Thành hoàng rồi. Đến hôm vào tiết đông chí, thím ta làm việc càn hăng. Thấy thím Tư sửa soạn mâm cỗ xong, thì thím thân nhiên đi lấy cốc chén và đĩa.

Thím Tư hốt hoảng nói to:

- Thím để đấy thôi, thím Lâm

Thím thụt tay lại như bị bỏng, mặt xám ngắt. Thím không đi lấy đôi đèn nến nữa, cứ đứng ngẩn ra đó. Đến khi chú Tư thắp hương, bảo thím đi chỗ khác, thím mới đi. Lần này thì thím thay đổi chóng quá. Hôm sau, chẳng những con mắt thím sâu hoắm xuống, mà tinh thần lại càng tiêu tụy. Thím đâm ra nhút nhát không những sợ đêm tối, sợ bóng đèn, mà bất cứ gặp ai, thậm chí gặp chú Tư, cũng cứ lấm la lấm lét như chuột nhắt ra khỏi hang giữa ban ngày. Hoặc có khi thím ngồi ngây ra chẳng khác gì pho tượng gỗ. Chưa đầy nửa năm, tóc thím đã bạc ra, thím không nhớ được cái gì cả, thậm chí quên cả việc đi vo gạo nữa.

- Thím Lâm làm thế nào mà lại như thế? Biết vậy thì hồi đó chả giữ lại cho xong!

Thím Tư đôi lần đã thốt ra những câu như thế trước mặt thím Tường Lâm, hình như có ý bảo cho thím biết mà liệu chừng.

Nhưng thím Tường Lâm vẫn cứ như thế, chẳng mong có thể lạnh lợi thêm được chút nào. Thế rồi, chú thím Tư định đuổi thím ra, bảo thím về ở với bà

Vệ. Khi tôi còn ở Lô Trấn, chú thím Tư chỉ mới nói như thế thôi, nhưng xem tình trạng thím bây giờ, thì biết sau đó họ đuổi thím đi thật. Còn như ra khỏi nhà chú thím Tư, thím Tường Lâm phải đi ăn xin liên, hay là về nhà bà Vệ rồi sau mới phải đi ăn xin, thì điều đó tôi không được rõ.

Tiếng pháo nổ gần, kêu to quá làm tôi giật mình thức giấc. Nhìn thấy ngọn đèn dầu vàng khè, nhỏ bằng hạt đậu, rồi lại nghe tiếng pháo dây nổ lạch tách, biết là nhà chú Tư đang làm lễ cầu phúc, và đã gần sang canh năm rồi. Tôi nằm mơ màng, nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngắt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rền tiếng pháo cùng với hoa tuyết phấp phới bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này. Giữa những tiếng ồn ào xung quanh, tôi cảm thấy con người nhác nhớn ra mà cũng rất thoải mái. Bao nhiêu nỗi lo ngại từ sáng sớm đến chiều tối hôm qua bây giờ tiêu tan đi trong bầu không khí cầu phúc. Tôi có cảm tưởng như nhìn thấy trời đất quý thần sau khi về hâm hưởng rượu thịt, hương hoa, đều say mê, bây giờ đây đang bước đi chênh choáng giữa không trung, và đang chuẩn bị đem lại cho tất cả những người ở Lô Trấn một nguồn hạnh phúc vô cùng vô tận.

Ngày 7 tháng 2 năm 1924

Trong quán rượu^(*)

Tôi từ miền Bắc đi về miền Đông Nam, nhân tiện ghé thăm quê nhà, nên mới qua thành S. Thành này cách quê tôi chừng ba mươi dặm đường, ngồi thuyền non nửa ngày là về tới nơi. Tôi đã từng dạy một năm trời trong một trường học ở đây. Giữa mùa đông, tuyết lại vừa xuống, nên phong cảnh thê lương lắm, lòng đã bồn thần lại thêm nhớ cảnh cũ người xưa, nên tôi tạm dừng chân vào nghỉ ở khách sạn *Lạc Tư*. Khách sạn này trước kia chưa có. Thành vốn nhỏ, đi một lát đã đến khắp các nhà mấy người đồng sự ngày trước mà mình định gặp, nhưng chẳng gặp ai cả. Không biết họ tản mát đi đâu hết rồi. Đi qua trường học, trường học cũng đã đổi tên, mà quang cảnh cũng khác xưa. Tôi cảm thấy lạc lõng đi. Không đến hai tiếng đồng hồ, tôi đã thấy không còn hứng thú nữa, và hối hận mình cũng hay đa sự, nán ở lại làm gì.

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ *Tiểu thuyết nguyệt báo* tháng 5 năm 1924.

Cái khách sạn tôi trọ chỉ cho thuê phòng, chứ không bán cái ăn. Cơm nước phải mua nơi khác đưa tới, nhưng chẳng ngon lành gì cả, nhai như nhai đất. Trước cửa sổ có một bức tường chắn ngang, loang lổ vết nước mưa, rêu bám vào đã khô héo. Nền trời màu chì, nhờ nhờ, hết sức u ám. Tuyết lại lác đác rơi. Bữa cơm trưa ăn không no, vả lại không có gì tiêu khiển, tất nhiên tôi nhớ đến cái quán rượu nhỏ ngày trước rất quen, tên là *Nhất Thạch Cư*, cách khách sạn kể cũng không bao xa. Thế là tôi khoá phòng lại, ra phố đi tìm. Thực ra chẳng phải vì thèm rượu, mà chỉ vì muốn tránh cái cảnh cô liêu nơi đất khách. Quán *Nhất Thạch Cư* vẫn còn đấy, mặt ngoài vẫn chật hẹp, ảm thấp, tối tăm và tấm biển hồng nát vẫn y như xưa. Nhưng từ ông chủ cho đến người hầu sáng, chẳng quen ai hết. Trong quán *Nhất Thạch Cư* này tôi hoàn toàn là một người khách lạ. Nhưng rồi tôi cũng cứ bước lên cái thang gác quen thuộc ở góc nhà mà lên thẳng cái gác xép. Ở đây, vẫn y nguyên năm cái bàn nhỏ như trước, dọc mỗi một cái cửa sổ sau là có khác; trước kia song gỗ, nay thì đã lắp kính rồi.

- Cho một cân rượu Thiệu⁽¹⁾. Còn thức nhắm thì cho mười khuông đậu rán. Tương ớt nhiều nhiều đấy nhé!

Tôi vừa dặn anh hầu sáng đang theo tôi lên gác, vừa đi lại phía cửa sổ sau, ngồi vào cái bàn kê ngay

⁽¹⁾ Rượu Thiệu tức rượu sản xuất ở Thiệu Hưng. Thiệu Hưng tức là thành S. nói trên và là quê Lỗ Tấn.

đấy. Gác vắng tanh vắng ngắt, tôi tha hồ chọn chỗ ngồi tốt nhất, có thể nhìn xuống mảnh vườn hoang phía dưới. Mảnh vườn này hình như không phải của quán *Nhất Thạc Cư*. Trước kia tôi cũng đã nhiều lần ngồi đây nhòm xuống, có lúc cũng gặp ngày tuyết như thế này. Nhưng bây giờ, mắt tôi đã quen với cảnh chí miên Bắc, nên nhìn thấy lạ lắm. Tuyết xuống mà mấy gốc mai già, hoa vẫn nở đầy hình như bất chấp cả ngày đông tháng giá. Cạnh cái đình đổ nát còn có một cây sơn trà, giữa nền lá xanh sẫm, nổi bật lên mười cánh hoa đỏ chói, xung quanh là tuyết trắng, nên trông đỏ như là những ngọn lửa. Nhìn hoa mà tưởng hoa như có vẻ phẫn nộ, ngạo mạn khinh thị người du khách từ phương xa tới đây thưởng thức. Lúc ấy tôi mới sực nhớ ra rằng tuyết ở miền này ướt đầm, rơi vào đâu là bám chặt vào đó, mà lại sáng long lanh như thủy tinh, khác hẳn với tuyết miền bắc, khô như phấn bột, gió nổi lên là cứ bay vù trời như khói toả.

- Thưa ông, rượu...

Người hầu sáng nói uể oải, rồi đặt chén, đĩa, hồ rượu và bát đĩa xuống bàn. Tôi quay lại, sắp đặt các thứ, rồi rót rượu ra. Nghĩ mình không phải quê miền Bắc, mà về miền Nam, thì cũng lại chỉ như một người khách thôi, nên dù tuyết miền Bắc khô và bay vũ như bụi phấn, hay là tuyết miền Nam ướt đầm và bám chặt vào cỏ cây, tôi cũng thấy đều chẳng có quan hệ gì với mình cả. Tôi hơi buồn, nhưng lại uống một

ngụm rượu rất khoái chí. Rượu rất ngon, đậu cũng rán thật khéo, chỉ tiếc món tương ớt không mùi mè gì, người thành S. vốn không thích ăn cay.

Có lẽ là vì đang giữa buổi chiều chẳng, thành ra nói là quán rượu, nhưng lại chẳng có vẻ gì là quán rượu cả. Tôi đã cạn ba chén rồi, mà ngoài tôi ra, bốn chiếc bàn kia vẫn bỏ trống. Tôi nhìn xuống mảnh vườn hoang, dần dần cảm thấy cô đơn, nhưng lại muốn đừng có ai tới nữa. Thỉnh thoảng nghe tiếng bước chân lên thang gác là tự dưng tôi lại thấy buồn, đến khi thấy là anh hầu sáng thì mới yên tâm. Thế là lại uống thêm hai chén nữa.

"Lần này chắc là khách!" tôi nghĩ bụng như thế, vì nghe tiếng bước chân khoan thai hơn bước chân anh hầu sáng. Xem chừng người đó đã lên hết thang gác thì tôi như có vẻ sợ sệt, ngừng đầu lên nhìn cái ông khách cũng đến đây uống rượu như mình và cũng chẳng liên quan gì đến mình cả. Nhưng tức thì, tôi hết sức ngạc nhiên, đứng dậy. Tôi không ngờ lại gặp ở đây một người bạn, nếu quả anh ta bây giờ vẫn cho phép tôi gọi là bạn. Người vừa đi lên đó rõ ràng là bạn đồng song của tôi và cũng là bạn đồng nghiệp của tôi, hồi tôi còn là một nhà giáo. Diện mạo tuy có hơi đổi khác, nhưng thấy là nhận ra ngay, chỉ có cử chỉ thì chậm chạp vô cùng, thật chẳng giống chút nào với anh Lã Vi Phủ nhanh nhẹn, hoạt bát ngày trước cả.

- À, anh Vi Phủ! Anh đấy à? Tôi thật không ngờ lại gặp anh ở đây!

- A, a! Anh? Tôi cũng không ngờ.....

Tôi liền mời anh cùng ngồi. Anh có ý ngần ngừ một chút rồi mới ngồi xuống. Lúc đầu, tôi rất lấy làm lạ, sau đó thì hơi buồn, không làm sao vui lên được. Nhìn kỹ thì thấy mái tóc, bộ râu của anh vẫn bồm sồm như độ nọ, khuôn mặt vẫn dài dài và xanh xao, có điều gầy tóp đi. Trông anh có vẻ rất trầm tính, nói là tiêu tụy thì đúng hơn. Dưới cặp lông mày vừa rậm vừa đen, mắt anh không còn gì là tinh anh nữa. Nhưng sau khi anh chậm rãi nhìn xung quanh, rồi nhìn xuống mảnh vườn hoang thì bất chợt tôi lại thấy mắt anh sáng hẳn lên như hồi còn đi học.

Tôi vui vẻ nói, nhưng không được tự nhiên lắm:

- Chúng ta xa nhau độ ấy, có đến mười năm rồi nhỉ? Tôi vẫn biết anh ở Tế Nam nhưng, quả thực lười lắm, chẳng thư từ gì cho anh cả.

- Tôi cũng thế. Nhưng bây giờ tôi lên Thái Nguyên rồi. Đã hơn hai năm nay. Ở với bà cụ tôi. Lần về đón bà cụ, thì được tin anh đã dọn đi, không còn gì ở đây nữa.

Tôi hỏi:

- Thế, anh lên Thái Nguyên làm gì trên ấy?

- Gõ đầu trẻ, ở nhà một người đồng hương.

- Còn trước kia?

- Trước kia à? - Anh ta móc trong túi áo ra một điều thuốc, châm lửa, ngậm vào miệng hút, rồi nhìn làn khói bay, nói một cách trầm tư - Cũng những việc chẳng ra gì, coi như là không làm gì cả.

Anh ta hỏi tình cảnh tôi sau ngày từ biệt nhau. Tôi vừa kể cho anh nghe qua loa, vừa bảo người hầu sáng mang chén, đĩa ra, uống nốt chỗ rượu này đã rồi mới lấy thêm hai cân nữa. Trong lúc đó thì gọi thêm thức nhắm. Trước kia, chúng tôi rất thực tình với nhau, nhưng bây giờ thì lại đâm ra khách khí lồi thối, cuối cùng, chẳng biết ai gọi và gọi món nào cả. Thành ra cứ để người hầu sáng kê ra mà chỉ định lấy bốn món, một đĩa đậu hủ hương, một đĩa thịt đông, một đĩa đậu phụ rán và một đĩa cá khô.

Anh ta tay cầm điều thuốc, tay bưng chén rượu, nhếch miệng tươi cười gượng, nói:

- Tôi vừa trở lại đây, sức nghĩ đến mình tôi mà buồn cười. Hồi còn bé, nhìn thấy con ong hay con ruồi đang đậu, hễ có cái gì làm kinh động, là bay vù đi; bay quanh được một vòng bé tí, lại trở lại đậu vào chỗ cũ, mình cho là buồn cười và đáng thương hại. Không ngờ chính mình bây giờ cũng như chúng nó; vừa bay quanh được một vòng bé tí, đã bay trở về. Mà không ngờ anh cũng thế. Anh không thể bay xa hơn chút nữa hay sao?

Tôi cũng nhếch miệng cười gượng:

- Khó nói quá. Có lẽ cũng chỉ bay quanh được một vòng nho nhỏ thôi. Nhưng anh thì vì sao mà bay trở lại?

- Cũng là vì việc hết sức chán ngắt. Anh ta uống một hơi cạn chén, rít mấy khói thuốc, mắt hơi mở to - hết sức chán ngắt. Nhưng anh với tôi thì ta cứ nói.

Người hầu sáng đem thêm rượu, thức ăn lên bày một bàn đầy. Có khói thuốc lá và hơi nóng đậu rán, gian gác như có vẻ rộn ràng lên. Ngoài trời, tuyết cũng rơi càng dày đặc.

Anh ta nói tiếp:

- Chắc anh cũng biết, tôi trước kia có một đứa em trai, chết lúc lên ba, chôn ở quê đây. Nó hình dáng như thế nào, tôi cũng không nhớ rõ. Nhưng nghe bà cụ tôi nói thì nó dễ thương lắm và rất mến tôi. Cho đến bây giờ, mỗi lần bà cụ nhắc đến thì nước mắt lại cứ muốn trào ra. Mùa xuân năm nay, một người anh họ gửi thư nói cho biết là nấm mộ của nó ở gần sông bị nước xói lở, chẳng bao lâu nữa, e không còn, phải liệu ngay từ bây giờ. Bà cụ được tin, sốt ruột lắm, cơ hồ mấy đêm liền không ngủ. Bà cụ cũng biết chữ, nên xem thư lấy. Nhưng tôi biết làm thế nào? Không có tiền, không có thì giờ, lúc đó tôi chẳng nghĩ ra cách gì cả.

Lần nữa đến nay, nhân dịp nghỉ tết rồi rảnh, tôi mới về đây được mà dời mộ cho nó - Anh ta lại uống một chén rượu nữa, nhìn ra ngoài cửa sổ rồi nói tiếp - ở trên kia làm gì được thế này? Hoa nở trong tuyết, tuyết xuống mà hoa không bị giá... Thế là hôm kia, tôi mua một chiếc tiểu ở ngoài phố - vì tôi đoán là chiếc quan tài chôn ở dưới đất đã mục đi rồi - đem theo bóng và chẵn nệm, thuê bốn người về làng dời mộ. Lúc đó, tôi bỗng rất hứng thú, muốn đào ngay nấm mộ lên, muốn thấy ngay hài cốt của đứa em

từng thương mến tôi. Những việc như thế, đời tôi chưa từng trải qua bao giờ cả. Đến nghĩa địa, quả nhiên thấy con sông đã lở dần, cách năm mộ không đầy hai thước nữa. Tội nghiệp, hai năm nay không ai đắp điểm cho, bây giờ bằng xuống rồi. Tôi đứng giữa mưa tuyết, chỉ năm mộ và bảo với mấy người làm thuê một cách cương quyết: "Đào lên!". Tôi vốn là một người tầm thường, nhưng lúc này, tôi cảm thấy giọng nói của tôi có vẻ khác thường. Cái mệnh lệnh đó của tôi cũng là cái mệnh lệnh oai nhất trong đời tôi. Nhưng mấy người kia lại không cho là quái lạ, liền bắt tay đào. Chờ đào đến huyết, tôi bước lại xem. Quả nhiên, quan tài sắp mục hết rồi, chỉ còn lại một ít miếng gỗ và một đồng vụn. Tim tôi đập mạnh. Tôi tự tay bốc lên, rất cẩn thận, cốt nhìn mặt đứa em cho được. Nhưng không ngờ, chần nệm, quần áo, xương cốt, chẳng còn gì hết. Tôi nghĩ bụng, chắc là tiêu đi hết rồi chẳng. Thường nghe nói tóc lâu tiêu nhất, cho nên nghi là còn tóc. Tôi cúi xuống nhìn vào đồng bùn, chỗ mà cái gối kê đầu trước kia phải đặt đấy. Cũng không có. Thật chẳng còn gì nữa.

Tôi bỗng thấy mắt anh bạn tôi hơi đỏ lên, nhưng biết ngay là vì hơi men. Anh ta không gấp thức nhắm mấy, chỉ uống liên tiếp, uống một hơi hết hơn cân rượu, rồi tỉnh thần, cử chỉ hoạt bát hẳn lên, gân guốc được như anh Lã Vĩ Phủ tôi biết ngày trước. Tôi gọi người hầu sáng lấy thêm hai cân rượu nữa, rồi quay lại, cầm chén trong tay, nhìn anh, im lặng nghe anh kể tiếp:

- Thật ra, như thế này thì bất tất phải dời làm gì? Đắp đất bằng lại, bán cái tiểu đi là xong chuyện. Dem bán cái tiểu là một việc hết sức kỳ, nhưng quý hồ giá thật rẻ thì cái cửa hàng bán cho tôi chắc cũng lấy lại thôi. Tối thiểu cũng vớt vát được ít tiền uống rượu. Nhưng tôi không làm như thế, cứ trái chẵn nệm ra, lấy bông bọc nệm bừa nơi em tôi đã nằm xuống, gói lại, bỏ vào chiếc tiểu mới, bảo khiêng về chỗ đặt ngôi mộ thầy tôi, chôn kề đấy. Vì còn phải xây lăng nữa, nên hôm qua còn bận hơn nửa ngày coi thợ làm. Nhưng như thế cũng là cho xong đi được một việc, có thể về nói dối nói dá với bà cụ, cho bà cụ yên lòng. Ồ! Ồ! Anh nhìn gì tôi mà nhìn như thế? Chắc anh lấy làm lạ, so với ngày trước, tôi thay đổi quá nhiều, có phải không? Đúng thế đấy. Tôi còn nhớ những lúc chúng mình rủ nhau đến đền Thành hoàng nhỏ râu các ông tướng ở đấy, rồi bàn hết ngày này sang ngày khác phương pháp cải cách nước Trung Quốc, hăng đến nỗi có thể đánh nhau được. Nhưng bây giờ thì tôi ra thế này đấy. Cái gì cũng muốn qua loa xong chuyện thì thôi. Có lúc chính tôi cũng nghĩ rằng bạn bè ngày trước có gặp lại, e khi họ không nhận mình là bạn bè nữa cũng nên... Nhưng bây giờ thì tôi ra như thế này đây. - Anh ta lại móc ra một điều thuốc nữa, ngậm vào miệng, châm hút. - Nhìn anh thấy hình như anh còn mong đợi ở tôi ít nhiều thì phải. Bây giờ tất nhiên tôi mù mẫm đi nhiều rồi, nhưng cũng có đôi điều còn nhận ra được. Lòng tin tưởng

của anh làm cho tôi rất cảm kích, nhưng cũng làm cho tôi rất áy náy. Tôi sợ lại phụ lòng của một người bạn cũ đến nay vẫn có ý tốt với mình...

Anh ta bỗng ngừng lại, rít mấy khói thuốc, mới lại thông thả nói:

- Chính ngày hôm nay, trước khi đến quán *Nhất Thạch Cư* này, tôi cũng vừa làm một chuyện hết sức chán ngắt, nhưng là chuyện tôi vui lòng làm. Trước kia, hồi còn ở đây, tôi có một ông láng giềng ở phía đông là lão Trường Phú, làm nghề chở thuyền. Ông ta có một người con gái tên là cái Thuận. Hồi đó, anh đến tôi chơi, có lẽ cũng có gặp, nhưng chắc không để ý, bởi vì nó còn bé tí tẹo. Sau này, lớn lên cũng chẳng lấy gì làm nhan sắc, có điều mặt trái soan, hơi gầy, trông bình thường, nước da vàng vàng, chỉ được cặp mắt rất to, lông mi cũng rất dài, lòng trắng thì trong như nền trời một đêm quang tạnh, nhưng là trời quang tạnh ở miền Bắc khi không nổi gió cơ, chứ ở đây thì làm gì được như thế! Con bé đảm lấm. Mẹ chết lúc mười tuổi, một mình săn sóc hai đứa em dai, một gái, một trai, lại phải hầu hạ ông bố nữa, nhưng rất chu đáo. Và cũng cần cơ, nên cảnh nhà dần dần khá lên. Láng giềng làng xóm không ai là không tấm tắc khen, cả đến lão Trường Phú cũng thường phải nói lên những câu tỏ vẻ cảm động. Lần này, trước khi tôi lên đường về đây bà cụ tôi sức nhớ đến con bé; các bà được cái nhớ dai. Bà cụ nói là có một lần cái Thuận thấy con nhà ai có một cái "nơ" nhưng đỏ cài

dầu, cũng muốn có một cái, nhưng không làm sao có được. Thế là khóc. Khóc non nửa đêm, ông bố đánh cho một trận, mắt sưng húp hai ba ngày. Thứ "nơ" nhưng đó thì các tỉnh miền Bắc mới có, chứ ở thành S. tìm đâu ra; con bé muốn có thì có làm sao được. Nhân thể chuyến này tôi về Nam, bà cụ bảo tôi mua hai cái làm quà cho nó.

Việc này tôi thấy cũng chẳng phiền hà gì mà lại lấy làm thích nữa. Thật ra thì, vì cái Thuận mà có phải mệt nhọc tí chút, tôi cũng vui lòng. Năm trước, tôi về đón bà cụ lên; một hôm, lão Trường Phú có ở nhà, tôi sang thăm, rồi chẳng biết vì sao mà ngồi tán gẫu mãi. Lão ta mời tôi ăn điểm tâm, - ăn chè kiêu mạch - và bảo cho tôi biết là nấu với đường trắng. Anh tính, làm nghề chở thuyền mà trong nhà có đường trắng để ăn thì đủ biết quyết không phải là nghèo đâu nhé, cho nên lão ta mới ăn sang như vậy. Lão ta mời mãi; thành ra phải nhận lời, nhưng chỉ xin ăn một bát cơm thôi. Lão ta cũng là người thạo đời lắm, nên liền dặn cái Thuận: "Con à, các ông ấy người nho nhã, không ăn nhiều đâu. Con múc vào bát con, và cho thêm thật nhiều đường vào!" Nhưng đến khi nấu xong, bưng lên, tôi nhìn thấy mà thất kinh. Một bát to tướng, tôi ăn một ngày e không hết. Có điều so với bát lão Trường Phú ăn thì bát của tôi đúng là một cái bát nhỏ. Bình sinh, tôi chưa hề ăn chè hột kiêu mạch bao giờ, lần này ăn thử, quả không ngon, mặc dù ngọt lắm. Tôi thông thả ăn mấy miếng, định thôi, bỗng vô tình, nhìn

thấy cái Thuận đứng xa xa ở góc nhà, thì tôi không có can đảm bỏ bát xuống được nữa. Xem điệu bộ con bé, thấy nó vừa sợ vừa mong, chắc sợ là sợ nấu không được khéo, và mong là mong tôi ăn thấy ngon. Tôi nghĩ bụng, giá mình bỏ lại già nửa bát bỏ đấy, nhất định nó sẽ buồn tủi lắm. Thế rồi tôi cương quyết há to họng ra, đổ vào, ăn gần nhanh bằng lão Trường Phú. Do đó, tôi mới biết cái khổ tâm phải ăn gượng. Nhớ lại, chỉ có hồi còn bé phải uống hết bát thuốc giun khuấy với đường mới khổ tâm như thế mà thôi. Nhưng tôi vẫn không oán thán chút nào, bởi vì cái nụ cười sung sướng mà con bé cố giấu đi khi nó đến thu dọn mấy cái bát không, cũng đã thừa để bù đắp lại nỗi khổ tâm của tôi rồi. Cho nên mặc dù hôm đó, tôi no kênh bụng, ngủ không ngon giấc, lại nằm mơ toàn thấy những điều quái gở, tôi vẫn cứ cầu chúc cho con bé được hưởng hạnh phúc trọn đời, và mong mỗi thế giới sẽ biến đổi cho con bé được sung sướng hơn. Nhưng những ý nghĩ đó chẳng qua là những dấu vết của những mộng cũ của tôi ngày trước mà thôi, chứ ngay lúc đó, tôi đã cười mình khéo hão huyền, và rồi cũng băng quên đi mất.

Trước kia, tôi chưa biết cái Thuận vì cái "nơ" nhưng mà bị đòn, nay nhân bà cụ nói cho biết, thì cũng sực nhớ đến chuyện ăn chè bột kiều mạch, rồi đâm ra vốn vã đi tìm mua "nơ" cho được. Tìm tất cả các hiệu ở Thái Nguyên, không đâu có. Mãi về đến Tế Nam...

Ngoài cửa sổ, có tiếng ào ào. Tuyết đọng trên cành

cây sơn trà cong oằn bống đổ xuống. Cành cây lại vươn thẳng lên để lộ những cụm lá đen thẫm, bóng loáng và những bông hoa màu đỏ chói. Nền trời màu chì càng sẫm lại. Chim kêu chiu chít. Có lẽ sắp tối rồi, mặt đất tuyết lại phủ dày, chúng kiếm không ra cái ăn, phải bay về tổ sớm hơn ngày thường. Anh ta nhìn ra cửa sổ một hồi, quay lại uống một chén rượu, lại rít mấy khói thuốc, rồi nói tiếp:

- Mãi về đến Tế Nam mới mua được "nơ" nhưng. Cũng không rõ con bé bị đòn có phải thứ "nơ" nhưng, này hay không, dù sao đây cũng là "nơ" nhưng. Và cũng không rõ con bé thích màu đậm hay màu nhạt nữa, tôi bèn mua một cái màu đỏ thẫm và một cái màu hồng đem về đây.

Thế là trưa hôm nay, ăn cơm xong, tôi đến thăm lão Trường Phú. Chỉ vì chuyện ấy, tôi phải nấn ná lại một ngày. Nhà lão vẫn còn ở chỗ cũ, nhưng trông có vẻ tiêu điều. Tôi nghĩ bụng đó chỉ là cảm tưởng riêng của mình mà thôi. Đứa con trai và cái Chiêu, đứa con gái thứ hai của lão, đứng ở cửa. Nhớn rồi. Cái Chiêu không giống con chị nó chút nào, xấu như ma lem, nhưng thấy tôi đi vào thì chạy trốn vào nhà mất. Tôi hỏi thằng bé, biết là lão Trường Phú đi vắng. "Chị nhớn em đâu?". Nó liến giương mắt nhìn tôi, vội hỏi tôi tìm có việc gì, lại có vẻ hằm hằm như muốn nhảy xổ tới, cắn một miếng. Tôi trả lời ấp úng rồi tháo lui, bởi vì bây giờ cái gì tôi cũng không muốn bỏ qua cho xong chuyện thì thôi.

Anh không biết chứ tôi ngại đến thăm hỏi người ta lắm, ngại hơn dạo trước nữa, bởi vì mình biết rõ mình đáng ghét lắm, chính mình cũng không thương được mình nữa, huống hồ ai. Đã biết thế rồi thì đến làm gì cho người ta phải buồn trong lòng? Nhưng lần này bà cụ tôi đã dặn dò như thế, không lẽ không làm cho đến nơi đến chốn. Cho nên nghĩ lại, tôi lại đến cái cửa hàng bán củ ở xé cửa nhà lão Trường Phú. Bà cụ Phát, mẹ ông chủ hàng, vẫn còn sống, và còn nhận ra tôi, mời tôi vào ngồi chơi. Chào hỏi mấy câu xong, tôi nói rõ cho bà cụ biết tôi trở về đây và đến tìm lão Trường Phú để làm gì. Không ngờ, bà cụ thở dài, nói:

- Thương cho cái Thuận bạc phước không được cái cái "nơ" nhưng ấy rồi!

Thế rồi bà cụ kể tường tận cho tôi nghe, nói rằng: "Từ mùa xuân năm ngoái, thấy con bé người cứ gầy héo đi, nước da cứ vàng ra, về sau bỗng thường thường ngồi đâu khóc đấy. Hỏi sao khóc, lại không nói. Có khi khóc suốt đêm, đến nỗi ông Phú cũng phải gất lên, mắng là lớn rồi, chưa có chồng mà phát điên hay sao. Nhưng sang thu, con bé bị cảm, đầu thì cảm xoàng, sau phải nằm xuống và từ đấy, liệt giường liệt chiếu. Mãi đến mấy ngày trước khi tắt thở, con bé mới chịu nói với ông Phú rằng, lâu nay thỉnh thoảng khắc ra máu, đêm đổ mồ hôi trộm, y như mẹ nó ngày trước, nhưng cứ giấu đi, sợ ông ta lo. Có một đêm, lão Trường Canh, bác con bé, đến đòi mượn tiền - lão này thường cũng đến đòi mượn tiền

như thế nhiều lần rồi, - con bé không cho mượn. Thì lão cười lạt, nói: "Mày đừng có lên mặt, chắc gì thằng chồng mày đã được như tao?" Con bé từ dạo ấy buồn lắm, nhưng xấu hổ không dám hỏi ai, cứ nằm khóc. Ông Phú vội vàng đem chuyện thằng chồng chưa cưới nói cho con bé nghe, nào là có đức tính này, đức tính nọ... Nhưng muộn rồi! Và lại con bé cũng không tin, lại nói: "Bây giờ con đã như thế này rồi, gì thì gì cũng không thích nữa".

Bà cụ còn nói: "Giá như thằng chồng con bé quả không bằng lão Canh, thì cũng tốt thật. Không bằng anh trộm gà thì còn ra cái quái gì? Nhưng khi anh ta đến đưa đám con bé, con mắt tôi có trông thấy, ăn mặc tươm tất lắm, trông con người cũng ra dáng đàng để. Nước mắt lưng tròng, anh ta còn kể lẽ nào là đi chống thuyền bao nhiêu năm nay, làm ăn cực khổ, thất lưng buộc bụng, cốt dành dụm đồng tiền cưới vợ thì bỗng dưng vợ lẫn dưng ra chết... Thì ra, anh ta cũng tốt đấy chứ, lão Canh toàn nói vu. Chỉ thương cho cái Thuận lại đi tin những lời dèm pha của một thằng ăn trộm, để chết đi uống cái đời. Nhưng mà điều đó cũng không thể trách ai được, trách là trách cái số con bé không ra gì".

Thế là thôi. Công việc của tôi thế cũng là cho xong đi. Nhưng hai cái "nơ" nhưng đem theo thì đem làm gì đây? Được rồi! Thì tôi nhờ bà cụ đưa lại cho cái Chiêu vậy. Cái Chiêu này vừa thấy mặt tôi là chạy mất tang, có lẽ cho tôi là một con chó sói hay sao ấy,

nên trong bụng tôi cũng không muốn cho. Nhưng rồi tôi cũng cứ cho, và cứ về thưa với bà cụ rằng cái Thuận thấy "nơ" nhưng mừng đáo đẽ. Thế là được việc. Nhưng cái chuyện chán ngắt như thế thì kể gì? Chỉ cần qua loa cho xong thôi. Tết cũng ăn qua loa. Và cứ "Tử viết Thi vân" mà gõ đầu trẻ.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, hỏi:

- Thế nào? Anh dạy "Tử viết Thi vân" à?

- Tất nhiên. Anh tưởng tôi vẫn dạy ABCD hay sao? Lúc đầu, tôi có hai đứa học trò, một đứa học *Kinh thi*, một đứa học *Manh tử*. Mới rồi, thêm một đứa nữa, con gái, học *Nữ nhi kinh*. Đến môn toán cũng không dạy, mà bố mẹ chúng nó không muốn tôi dạy.

- Thật không ngờ anh lại đi dạy những thứ sách ấy?

- Bố mẹ chúng nó muốn chúng nó học những thứ ấy. Tôi chỉ là người ngoài, dạy gì mà chẳng được. Những chuyện chán ngắt như thế kể làm gì? Miễn thế nào xong thôi.

Anh ta mặt đỏ gay, hình như có ý say, và con mắt thì lại lơ lơ như trước. Tôi khẽ thở dài, một lúc lâu, không tìm ra câu gì để nói. Có tiếng bước chân lên thang gác sầm sập. Máy ông khách kéo nhau lên. Người bước lên trước là một anh chàng lùn tịt, khuôn mặt tròn xoe và bều bệu, rồi đến một anh chàng cao lông ngông, cái mũi đỏ lòm trông rất chướng. Theo sau, còn có nhiều người nữa, bước dồn dập rung chuyển cả gian gác. Tôi đưa mắt nhìn Lã Vĩ Phủ. Anh

ta cũng đưa mắt nhìn tôi. Tôi liền gọi anh hầu sáng đến tính tiền.

Tôi vừa sửa soạn đi ra, vừa hỏi:

- Anh dạy học như thế, đủ sống chứ?

- Vâng, mỗi tháng kiếm được hai chục đồng, cũng chẳng lấy gì làm đủ.

- Thế thì, anh định sau này làm gì không?

- Sau này à? Chẳng biết nữa. Anh xem, những việc chúng ta dạo đó định làm, hỏi có việc nào được vừa ý? Tôi bây giờ không biết một cái gì hết, ngày mai đây làm gì cũng không biết, phút sắp đến cũng thế...

Anh hầu sáng đem đơn tính tiền lên đưa cho tôi. Anh bạn tôi cũng không còn có vẻ khách khí như lúc mới vào nữa. Anh ta chỉ đưa mắt nhìn tôi một cái, rồi cứ hút thuốc, để mặc tôi trả tiền.

Chúng tôi cùng đi ra. Khách sạn anh ta trọ và khách sạn của tôi trọ, ở trái ngược nhau, nên ra đến cửa là chia tay. Tôi đi về khách sạn một mình. Gió lạnh và tuyết cứ phả vào mặt, nhưng lại thấy trong người dễ chịu. Nhìn thấy trời đã nhá nhem tối rồi, và nhà cửa, đường phố đều như nằm trong một màn lưới tuyết dày đặc, trắng xóa và luôn luôn đi động.

Ngày 6 tháng 2 năm 1924

Một gia đình hạnh phúc^(*)

Phỏng theo anh Hứa Khâm Văn

... Viết hay không viết, phải hoàn toàn do ý muốn của mình. Có như thế, tác phẩm viết ra sẽ như ánh sáng mặt trời tuôn trào từ một nguồn sáng vô cùng vô tận, chứ không phải như tia lửa bật ra do sự cọ sát của

(*) Truyện này đăng lần đầu ở *Phụ nữ tạp chí*, tháng 3 năm 1924. Lúc đăng tác giả có thêm mấy lời "tái bút" như sau:

"Năm ngoái nhân đọc bài *Đôi bạn lý tưởng* của anh Hứa Khâm Văn đăng trên tờ phụ trương *Tuần báo*, bỗng nghĩ ra cái đại ý thiên truyện này của tôi, và cho rằng giá mình phỏng theo bút pháp của anh mà viết thì chắc là thích hợp lắm. Nhưng nghĩ cũng là nghĩ thế thôi. Mãi hôm qua, bỗng lại sực nhớ đến, và nhân không làm cái gì khác, bèn viết ra giấy. Có điều viết đến cuối truyện thì cảm thấy tựa hồ như mình dần dần đã đi ra ngoài con đường mình định theo, bởi vì cách kết thúc của mình có hơi buồn, chứ cách kết thúc của anh Hứa Khâm Văn đại để không đến nỗi buồn như thế. Mà nói về cái đại thể cứ nói là mình đã "phỏng theo" được.

Trước đèn, đêm 18 tháng 2, Bắc Kinh"

Hứa Khâm Văn, một nhà viết tiểu thuyết, cũng người Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Tập truyện ngắn đầu tay của ông, *Cổ hương*, là do Lỗ Tấn chọn lọc và đưa vào *Ô hợp tùng thư* mà chủ biên là Lỗ Tấn.

đá và sắt. Tác phẩm đó mới là nghệ thuật chân chính, và nhà văn đó mới là một nghệ sĩ chân chính. Còn ta? Viết như ta thì kể gì?... Nghĩ đến đây, anh bỗng nhảy xuống giường. Trước thì anh có ý định viết một bài gì kiếm tiền nhuận bút mà sống, viết xong sẽ gửi cho tờ *Hạnh phúc nguyệt san*, vì ở đó tiền nhuận bút hình như hậu hơn nơi khác. "Nhưng phải chọn đề tài cho thích hợp, bằng không họ sẽ không nhận. Ủ được! Chọn thì chọn... Trong óc thanh niên bây giờ, vấn đề nào là vấn đề lớn nhất nhỉ?... Nói chung thì nhiều lắm, nhưng phần lớn đều xoay quanh câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình mà thôi... Đúng. Nhiều thanh niên đang buồn nản về những câu chuyện đó và đang đem thảo luận với nhau. Vậy thì, ta viết về gia đình vậy. Nhưng viết như thế nào đây?... Bằng không, sợ họ không nhận. Vậy hà tất phải viết những điều không hợp thời. Nhưng..."

Anh nhảy xuống giường, rồi bước nhanh đến bàn, ngồi xuống rút một tờ giấy kẻ ô màu lục⁽¹⁾, không chân chữ, nhưng lại có vẽ "dành vậy", viết cái đầu đề:

Một gia đình hạnh phúc

Bỗng bút anh dừng lại. Anh ngừng đầu lên, giường mắt nhìn trần nhà, suy nghĩ nên cho cái "gia đình hạnh phúc" ấy ở vào địa phương nào cho tiện. Ở

⁽¹⁾ Người Trung Quốc thường viết trên giấy kẻ ô vuông, giấy trắng đường kẻ màu lục.

Bắc Kinh ư? Không được. Ở đây không khí nặng nề lắm, đến không khí cũng như là không khí chết nữa là! Giá thử có xây xung quanh cái gia đình ấy một dãy tường thật cao cũng không tài nào ngăn cách ra được. Quả không được thật. Giang Tô, Chiết Giang, thì chưa biết ngày nào sẽ nổ ra chiến tranh. Phúc Kiến càng khỏi phải nói. Tứ Xuyên, Quảng Đông ư? Ở đây thì chiến tranh thật sự rồi! Sơn Đông, Hà Nam... ư? Ở đây bị bắt cóc như chơi. Ví dụ, một trong hai người bị bắt cóc, thì thành ra một gia đình bất hạnh rồi! Ở các tổ giới như Thiên Tân, Thượng Hải thì tiền thuê nhà đắt lắm!... Hay là cho ở nước ngoài? Thế thì buồn cười quá! Văn Nam, Quý Châu, không rõ như thế nào, nhưng đường giao thông ở đây bất tiện vô cùng...".

Anh nghĩ đi nghĩ lại, vẫn không nghĩ ra được một địa phương nào ổn cả. Cuối cùng, anh quyết cứ giả thiết cái nơi "gia đình hạnh phúc" ấy là ở A vậy.

"Tóm lại, cái gia đình hạnh phúc đó nhất định phải ở A, không còn bàn tán gì nữa. Trong gia đình, tất nhiên có hai vợ chồng, đó là ông chủ, bà chủ. Tự do kết hôn. Họ có ký kết với nhau hơn bốn mươi điều khoản, rất tỉ mỉ, cho nên hai người hết sức tình cảm, hết sức tự do. Lại đã học qua bậc Cao đẳng, là những tay trí thức ưu tú, cao thượng... Bây giờ ít ai sang Nhật học nữa, vậy thì cứ cho là du học ở Âu Mỹ về. Vợ chồng ông luôn mặc âu phục, áo sơ mi cổ cứng trắng tinh; bà vợ thì tóc phi-dê, phồng phồng như tổ

chim sẻ, luôn luôn để lộ hàm răng như ngà như ngọc, nhưng áo quần lại mặc kiểu Trung Quốc...".

- Không, không được! Thế không được. Những hai mươi năm cân kia mà!

Nghe tiếng đàn ông nói ngoài cửa sổ, bất giác, anh quay đầu ra nhìn. Tấm màn cửa vẫn buông rủ xuống vì ánh mặt trời rọi vào, chói quá. Mắt anh hoa lên. Sau đó thì có tiếng những thanh củi nhỏ quăng xuống đất sầm sập. Anh lại quay đầu lại, nghĩ: "Không việc gì đến mình. Hai mươi năm cân?".

"Họ là những bậc trí thức ưu tú, cao thượng, rất thích văn chương, nhưng vì từ nhỏ đều được ăn sung mặc sướng, nên không thích tiểu thuyết Nga. Tiểu thuyết Nga phần lớn tả những người lớp dưới, quả thật không phù hợp với gia đình này. "Hai mươi năm cân?" Mặc kệ! Thế thì họ xem sách gì? Thơ của Bai-rôn, của Kit⁽¹⁾ ư? Không được. Đều không ổn. À, có rồi. Họ đều thích xem cuốn *Người chống lý tưởng*⁽²⁾. Tuy ta chưa thấy mặt mũi cuốn đó như thế nào, nhưng cả đến các vị giáo sư đại học cũng khen thì chắc chắn họ cũng thích xem. Anh xem, tôi xem mỗi người một cuốn. Gia đình này có những hai cuốn".

Anh thấy hơi đói bụng, đặt bút xuống, đưa hai tay chống lấy đầu, làm cho cái đầu anh trông giống như một quả địa cầu để giữa hai cái trụ. Anh tưởng tượng:

⁽¹⁾ G.G.Byron (1788-1824), J.Keats (1795-1821) đều là những nhà thơ Anh.

⁽²⁾ Tác phẩm của Oscar Wilde (1856-1900), nhà văn Anh.

"Hai vợ chồng đang ăn cơm trưa. Chiếc bàn phủ khăn trắng tinh. Người bếp mang thức ăn lên. Món ăn Trung Quốc nhỉ? Người phương Tây nói: Món ăn Trung Quốc tốt nhất, ngon nhất, hợp vệ sinh nhất, cho nên hai vợ chồng này ăn món ăn Trung Quốc. Mới đưa lên bát thứ nhất, nhưng bát thứ nhất ấy là bát gì nhỉ...".

- Củi...

Anh giật mình quay đầu lại, thấy vợ anh đứng cạnh, phía tay trái, đôi mắt buồn bã, nhìn anh chòng chọc. Cho rằng vợ anh đến quấy rầy không để anh sáng tác, anh hơi giận, gắt lớn:

- Cái gì?

- Củi. Hết sạch rồi. Nay phải mua một ít. Lần trước, mười cân vẫn hai quan tư, nay đòi những hai quan sáu. Em định giả hai quan năm, có được không?

- Được, được... Thì trả hai quan năm vậy.

- Cân non quá. Ông ta nhất định kể là hai mươi bốn cân rưỡi. Em chỉ tính cho ông là hai mươi ba cân rưỡi thôi. Có được không?

- Được, được, thì tính cho ông ta hai mươi ba cân rưỡi.

- Như thế thì, năm năm hai năm, ba năm mười lăm.

- Ủ, ừ, năm năm hai năm, ba năm mười lăm...

Anh cũng không tính ra. Ngừng một lát, bỗng anh hăm hở cầm quản bút viết phép tính lên tờ giấy kẻ ô màu lục có cái đầu đề: *Một gia đình hạnh phúc*. Tính một hồi lâu, anh mới ngừng đầu lên nói:

- Năm quan tám!

- Thế thì, ở đây không đủ rồi. Còn thiếu tám chín đồng chinh nữa.

Anh rút ngăn kéo ra, có bao nhiêu tiền nắm vào một nắm, có hơn ba mươi đồng, bỏ vào tay vợ đang ngửa ra. Thấy vợ đi ra khỏi phòng, anh mới quay đầu lại về phía bàn viết. Anh cảm thấy đầu óc mình phình ra, như chất đầy củi là củi, kên kên càng càng... Năm năm hai năm... Trên vỏ não cân in biết bao nhiêu chữ số Ả-rập, loạn xạ. Anh hít một hơi thật sâu, rồi ráng sức thở hắt ra, hình như muốn dùng cách đó để làm những chuyện củi đuốc, các con số Ả-rập, năm năm hai năm đừng ám ảnh mình nữa. Quả thật, thở xong, anh thấy trong lòng nhẹ nhõm hẳn. Thế rồi anh mơ màng suy nghĩ:

"Món gì nhỉ? Hơi là lạ một chút cũng không sao. Sườn xào chua ngọt. Hải sâm nấu tôm thì xoàng quá. Muốn cho hai vợ chồng nhà này ăn món *Long hổ đấu*, nhưng *Long hổ đấu* như thế nào nhỉ? Có người nói đó là món thịt rắn nấu trộn thịt mèo, một món ăn sang của người Quảng Đông, không phải là yến tiệc thì không ai ăn. Nhưng mình đã có thấy cái tên món ăn này trên thực đơn các quán ăn Giang Tô rồi, người Giang Tô hình như không ăn thịt rắn và thịt mèo, e có lẽ như người nào đó nói đó là ếch và lươn thôi. Vậy thì cho đôi vợ chồng này là người tỉnh nào đây? Mặc kệ. Nói tóm lại, dù là người tỉnh nào, có ăn một bát thịt rắn và thịt mèo hoặc thịt ếch và thịt lươn,

quyết cũng không tổn thương gì cho hạnh phúc của gia đình của họ cả. Vậy là bát thứ nhất nhất định phải là *Long hổ đầu* không còn phải bàn tán gì nữa.

"Thế là bát *Long hổ đầu* được đặt chính giữa bàn. Hai vợ chồng họ cùng cầm đũa, chỉ vào miệng bát, chàng nhìn nàng, nàng nhìn chàng, cười híp mắt lại:

- My dear, please⁽¹⁾.

- Please you eat first, my dear

- Oh no, please, you!

"Thế rồi cả hai người cùng đưa đũa ra, cùng gắp một miếng thịt rắn... không không, thịt rắn thì kỳ dị quá. Hay là cứ nói thịt lợn thôi. Như thế thì món *Long hổ đầu* này phải nấu bằng thịt lợn và thịt ếch. Cả hai người cùng gắp một miếng thịt lợn, bằng nhau -... năm năm hai năm, ba năm... mặc kệ! - cùng bỏ vào miệng".

Anh không thể tự kiềm chế được, chỉ muốn ngoảnh đầu lại xem, bởi vì có tiếng người đi đi lại lại phía sau lưng hai ba bận, ồn ào. Nhưng anh cố nén lại, và nghĩ tiếp, lung tung:

"Thế này thì hình như hơi chương một chút. Có gia đình nào mà lại như thế? Hi hi, óc mình sao lại lung tung lên thế này? Cái đầu đề hay như thế mà lại

⁽¹⁾ Nguyên văn bằng tiếng Anh:

- Mời anh.

- Em gắp trước đi!

- Không, không, anh gắp đi...

không thể viết thành truyện chẳng? Hay là không cần thiết phải chọn hai người đi du học về? Cứ nói là đã học qua đại học ở trong nước cũng được thôi vậy. Họ đều tốt nghiệp đại học, đều là bậc trí thức cao thượng, ưu tú, cao thượng... Anh là một nhà văn. Chị cũng là một nhà văn, hoặc giả là một người yêu văn. Hay chị là một nhà thơ, và anh là một người yêu thơ, một người rất tôn trọng phụ nữ... Hay là...?"

Cuối cùng, anh không nhịn nổi nữa, quay đầu lại. Thì cạnh cái giá sách sau lưng anh, đã lù lù một chồng bấp cải, dưới ba bấp, giữa hai bấp, trên cùng một bấp xếp thành một chữ A to tướng.

"Hừ, hừ!" - Anh kinh ngạc thở dài, đồng thời thấy mặt bỗng nóng bừng và có hàng trăm cái kim cứ chích nhẹ vào xương sống. - "Hừ" - Anh thở hắt ra một cái rõ dài, như để cho kim đừng chích xương sống nữa, rồi suy nghĩ tiếp:

"Nhà ở của cái gia đình hạnh phúc này phải cho rộng rãi. Có một phòng chứa đồ vật, bấp cải các thứ đều chất vào đấy cả. Ông chồng có một phòng sách riêng, giá sách kê san sát dọc tường, tất nhiên là bên cạnh quyết không có những đống bấp cải gì gì cả; trên giá toàn là sách Trung Quốc, sách ngoại quốc, tất nhiên trong đó cũng có *Người chống lý tưởng*, - cả hai cuốn - Lại phòng ngủ riêng. Giường gọng đồng, hay muốn giản dị hơn một chút, thì giường gỗ, như những cái xưởng số một của nhà Hỏa lò đóng, cũng được; dưới giường, gọn gàng sạch sẽ".

Tức thì anh liếc xuống dưới giường mình, cúi chất ở đấy đun hết rồi chỉ còn lại cái dây thừng bện rơm nằm thườn thượt như một con rắn chết.

"Hai mươi ba cân rưỡi...". Anh chắc chắn cái đồng củi mới mua lại sẽ chất nhào vào đấy thôi. Đầu anh lại thấy kênh kênh càng càng. Anh vội đứng dậy, chạy ra cửa, định đóng chặt lại. Nhưng hai tay vừa chạm vào cánh cửa thì lại thấy mình nóng nẩy quá, liền thôi. Anh chỉ buông cái màn cửa chứa đầy bụi xuống, vừa nghĩ thầm trong bụng: "Như thế này thì tránh được cả hai điều: đóng cửa lại thì tỏ ra nóng nẩy, để mở cửa thì không yên tĩnh. Thật rất thích hợp với "đạo trung dung".

"Cho nên phòng sách của ông chồng cứ đóng cửa cả ngày". - Anh trở lại, ngồi xuống, suy nghĩ - "Ai có việc gì muốn vào hỏi thì phải gõ cửa trước, có cho phép mới được vào. Cách đó hay thật. Bây giờ giá dụ ông chồng đang ngồi trong phòng sách của mình, và vợ đến bàn chuyện văn chương, cũng phải gõ cửa trước đã. Như thế mới yên tâm, bà ta không thể khuôn bấp cải vào được".

"Come in, please, my dear"⁽¹⁾

"Nhưng ông chồng không có thì giờ bàn chuyện văn chương thì làm thế nào? Thế thì cứ để mặc cho bà ta đứng ngoài mà gõ lạch cạch mãi ư? Như thế có lẽ không được. Hình như trong cuốn *Người chồng lý*

⁽¹⁾ Em vào đi! Em thân mến!

tướng có nói đến thì phải. Thế thì e cuốn tiểu thuyết đó hay thật, mình mà nhận được tiền nhận bút thì cũng phải đi mua một cuốn xem xem...".

Bốp!

Anh ngồi thẳng lưng ra, vì theo kinh nghiệm, anh biết *bốp* như thế là tiếng bàn tay vợ đánh vào đầu đứa con gái mới lên ba. Nghe tiếng con khóc, nhưng anh cứ ngồi thẳng lưng, suy nghĩ:

"Gia đình hạnh phúc này có con muộn, rất muộn. Hoặc chi bằng ở khách sạn, cái gì cũng khách sạn cung cấp cho cả. Và chỉ có một người...".

Nghe tiếng nức nở to dần, anh liền đứng dậy, chui qua tấm màn cửa, vẫn suy nghĩ.

"Con khóc mà ông Mác vẫn cứ ngồi viết cuốn *Tư bản* như thường cho nên ông mới là vĩ nhân...".

Anh ra ngoài, mở cái cửa lớn. Có mùi dầu hoả xông lên. Con bé nằm xoài phía bên phải cửa, mặt úp xuống đất, trông thấy anh, liền khóc oà lên.

- À, à... Được rồi... Đừng khóc, đừng khóc nữa! Con của ba. Ngoan lắm!

Anh cúi xuống, ẵm con.

Anh ẵm con rồi quay lại, thấy vợ còn đứng ở phía bên trái cửa, lưng cũng thẳng ra, nhưng hai tay chống nẹ, mặt hầm hầm, giống như là chuẩn bị tập thể dục ấy!

- Cả đèn mày cũng làm khổ tao. Đã không giúp được việc gì lại còn phá hại. Cái đèn dầu để ở đó mà cũng làm cho đồ nhào được. Tối lấy gì mà thấp?..."

- À, à... Được rồi. Đừng khóc, đừng khóc nữa.

Mặc cho vợ cứ đứng nói, giọng run lên vì tức giận, anh ẵm con vào phòng, lấy tay xoa đầu con, nói:

- Đừng khóc nữa, con ngoan. Để ba làm "Mèo rửa mặt" cho mà xem nhé!

Rồi anh dướn cổ ra, lè lưỡi, giả vờ liếm hai cái vào lòng bàn tay, rồi đưa lên xoa xoa vào mặt mình.

- A, a, a, con mèo hoa!

Con bé cười.

- Đúng đấy! Con mèo hoa đấy!

Anh lại xoa xoa vào mặt mấy cái nữa rồi mới thôi. Trông thấy đứa bé nhìn mình cười híp lại, đôi mắt còn ướt, anh chợt thấy cái khuôn mặt ngây thơ, dễ thương của con chính là khuôn mặt của mẹ nó năm năm về trước. Đôi môi đỏ thắm lại càng giống, chỉ có nhỏ hơn một ít. Hồi đó, cũng là vào một ngày mùa đông trong sáng, vợ anh nghe anh nói là sẽ vì nàng mà bất chấp mọi trở ngại, hy sinh tất cả, thì vợ anh cũng nhìn anh mà cười híp lại, đôi mắt cũng đắm lệ. Anh ngồi buồn thiu, giống như một người say. Anh nghĩ "Hừ! hừ! Đôi môi dễ thương quá!"

Bức màn cửa bỗng vén lên. Đống củi được khuân vào.

Anh cũng sực tỉnh, nhìn, thì thấy con, mắt còn ướt, đang hé môi đỏ thắm nhìn anh. "Đôi môi!..." Anh liếc sang bên cạnh. Đống củi đang được khuân vào. "Có lẽ tương lai rồi nó cũng năm năm hai năm, chín chín tám mốt!... Và đôi mắt cũng buồn buồn âm thầm như thế!"

Nghĩ thế rồi anh liền với lấy tờ giấy kẻ ô mẫu lục trên có viết cái đầu đề và một mớ con tính, vò nát, rồi lại mở ra lau nước mắt, nước mũi cho con.

- Con ngoan! Con ra chơi một mình nhé!

Anh vừa ấy đưa bé ra, vừa vứt mạnh cục giấy đã vò nát vào sọt rác.

Nhưng tức thì anh cảm thấy như thế hơi nhấn tâm với con. Anh quay đầu lại, nhìn con đang lúi thủ đi ra. Tai anh nghe rõ người ta sắp củi vào gầm giường. Anh muốn tập trung tư tưởng, bèn quay đầu lại, nhắm mắt, cố xua đuổi những ý nghĩ băng quơ, ngồi thật yên lặng. Anh thấy hiện lên phía trước một bông hoa màu đen, tròn, đẹp, ở giữa màu vàng cam, từ khoe trái mắt bên trái tối sang bên phải, cuối cùng biến mất. Rồi lại thấy một bông hoa màu xanh rất tươi, ở giữa màu lục thẫm, tiếp theo là một chồng sáu bắp cải, cao sừng sững trước mặt anh, sắp thành hình chữ A to tướng.

Ngày 18 tháng 3 năm 1924

Miếng xà phòng

Bà Tư Minh đang ngồi dựa lưng vào cửa sổ phía bắc, cùng con Tú, đưa con gái lên tám tuổi của bà, dán những thoi vàng giấy, dưới ánh chiều tà. Bỗng nghe tiếng giấy để vải kéo nặng nề, chậm chạp. Bà ta biết là chồng đi vào, nhưng không ngoảnh lên nhìn, cứ chăm chú dán. Nhưng tiếng giấy càng rõ, càng gần. Bà ta có cảm giác như chồng bà đã đứng cạnh mình, cho nên không thể không đưa mắt qua nhìn, thì đã thấy ông ta đã đứng đấy, nhún vai, khom lưng, đang ra sức lục lọi cái gì trong túi áo trong, dưới cái áo khoác ngoài.

Mãi hồi lâu, ông ta mới còng quèo rút tay ra được, trong tay có một cái bao hình chữ nhật, nhỏ nhỏ, màu xanh hoa quỳ, đưa cho vợ. Bà ta vừa cầm lấy thì nghe thấy một mùi thơm, không rõ mùi gì, giống mùi ô-liu nhưng cũng không phải mùi ô-liu. Trên cái giấy bọc xanh hoa quỳ, còn có một cái dấu

(*) Truyện này đăng lần đầu trên phụ trương tờ *Thần báo*, ngày 27, 28 tháng 3 năm 1924.

ấn bằng kim nhũ sáng chói, và nhiều đường vẽ lẫn tẩn. Con Tú chạy lại, định giật lấy xem, bà ta vội ẩy con ra. Bà ta vừa nhìn vừa nói:

- Đi phở về à?

Ông chồng cầm cái bao giấy vợ cầm trong tay, nói:

- Ủ, ừ...

Thế là cái bao giấy màu xanh hoa quỳ được bóc ra. Phía trong còn một lớp giấy mỏng dính, cũng màu xanh hoa quỳ. Bóc lớp giấy bóng thì thấy chính cái vật trơn và cứng, cũng màu xanh hoa quỳ trên mặt có những đường vẽ lẫn tẩn. Lớp giấy bọc ngoài nguyên chỉ là mầu nhờ nhờ thôi. Cái mùi thơm không rõ là mùi gì, giống mùi ô-liu, nghe càng ngát.

Bà ta nâng niu cái vật màu xanh hoa quỳ đó như nâng niu đứa trẻ, đưa lên mũi ngửi, rồi nói:

- Hi hi! Đây mới là thứ xà phòng tốt đây!

- Ủ ừ. Từ nay về sau thì mình dùng thứ này thôi.

Bà Tư thấy chồng miêng thì nói, con mắt thì nhìn chăm chăm vào cổ mình, nên từ hai gò má trở xuống, bà ta cứ nghe nóng phùng phùng. Đôi lúc tình cờ bà ta có đưa tay sờ vào cổ thì thấy đầu ngón tay hơi nham nháp, nhất là phía sau vành tai. Bà ta biết đó là cấu ghét tích lũy từ lâu ngày, nhưng lâu nay vẫn không để ý. Bây giờ, thấy chồng chú ý nhìn, mà tay mình đang cầm miếng xà phòng ngoại, màu xanh hoa quỳ có mùi thơm là lạ như vậy, thì mặt bà ta không thể không nóng phùng phùng được. Rồi dần

dần cứ lan ra mãi, khoảnh khắc đã nóng nóng đến mang tai. Thế rồi bà ta quyết ý ăn cơm tối xong sẽ đem miếng xà phòng này ra dùng và kỳ rửa thật sạch. Bà ta nói một mình:

- Có những chỗ chỉ dùng xà phòng thường thì không sao sạch được.

- Mẹ! Cho con cái này nhé!

Con Tú đưa tay giật lấy tờ giấy màu xanh hoa quỳ, nói. Con Chiêu, con gái út của bà, đang chơi ngoài sân, cũng chạy vào. Bà Tư vội ẵm cả hai đứa ra, lấy tờ giấy bóng bọc lại, rồi lại bỏ vào tờ giấy bao màu xanh hoa quỳ như cũ, với tay lên để trên cái tầng cao nhất bàn rửa mặt, nhìn một lần nữa, rồi quay lại ngồi dán vàng giấy.

- Trình!

Ông Tư như sức nhớ điều gì, bỗng gọi to, giọng kéo dài, rồi ngồi xuống cái ghế có lưng dựa cao, đối diện vợ.

- Trình đâu?

Bà ta cũng gọi giúp chồng, rồi dừng lại, lắng nghe. Không có tiếng trả lời. Thấy chồng ngừng đầu lên đợi, vẻ sốt ruột, bà ta bất giác áy náy trong lòng, liền ráng sức gọi, giọng the thé:

- Thằng Thuyền⁽¹⁾ đâu nhỉ?

Lần này có hiệu nghiệm. Bỗng có tiếng giấy da lộp cộp đi gần lại. Một lát, Thuyền đã đứng trước

⁽¹⁾ Một tên khác của Trình.

mặt mẹ. Nó chỉ mặc chiếc áo cộc, mồ hôi nhầy nhụa trên khuôn mặt tròn tròn, beo béo. Bà ta mắng con:

- Làm gì mà bố mày gọi cũng không nghe?

- Con vừa luyện bài bát quái quyền.

Nó liền quay sang phía ông bố, đứng thẳng, nhìn bố, có ý hỏi ông ta có việc gì.

- Trình! Tao hỏi mày. *Uả tú phu* là cái gì?

- Thưa, *Uả tú phu*⁽¹⁾... là một người đàn bà độc ác, phải không ạ?

Sự giận dữ bỗng hiện rõ trên nét mặt ông Tư.

- Nói tâm bậy! Tao mà lại là "đàn bà" à?

Trình hoảng lên, lùi hai bước, đứng còng thẳng. Tuy có khi nhìn thấy bố đi đứng có vẻ như vai ông già trên sân khấu, nhưng chưa bao giờ nó cho bố nó là một người đàn bà cả. Nó biết là nó trả lời sai rồi.

- *Uả tú phu* là "một người đàn bà độc ác", tao lại không biết mà còn hỏi mày hay sao? Đó không phải là tiếng Trung Quốc mà là tiếng ngoại quốc, mày nghe ra chưa. Nghĩa là gì, mày có biết không, hử?

Trình còng lúng túng tợn.

- Thưa con... Con không biết ạ!

- Hừ! Té ra bỏ tiền cho mày ăn học, thật là vô ích. Chỉ có chừng ấy mà cũng không biết. Thế mà nhà trường mày cứ khoe là "*Khẩu nhĩ tịnh trọng*", dạy

⁽¹⁾ Nguyên văn là ác độc phụ. Tiếng phiên âm tiếng Anh, nên chúng tôi viết theo âm Bắc Kinh.

tiếng ngoại quốc, chú trọng cả nghe và nói! Rút cục chẳng được cái gì cả. Cái thằng nói cái tiếng ngoại quốc đó cũng chỉ độ mười bốn, mười lăm tuổi là cùng, còn nhỏ hơn mày nữa, ấy mà đã xì xồ xì xào nói được. Còn mày thì đến nghia là gì cũng không biết. Không biết xấu hổ mà còn mở miệng nói "con không biết"! Đi lấy từ điển tra cho tao!

Trình "vâng" một tiếng trong cổ họng, lùi ra, về cung kính.

Một lát, ông Tư lại nói giọng cảm kích:

- Quả thật, bọn học sinh bây giờ không ra cái thể thống gì cả. Kể ra, thời Quang Tự, mình cũng hết sức đề xướng việc mở trường học, nào có ngờ đâu, trường học lại tệ hại đến nước ấy. Nào là giải phóng, tự do gì gì ấy, nhưng chẳng có một chút thực học nào, chỉ được cái làm những chuyện tầm bậy. Cái thằng Trình này, mình mất cho nó bao nhiêu tiền ăn học, có phải ít đâu, nhưng vô ích thôi - khó khăn lắm mới xin được vào trường *Trung Tây Chiết Trung*, dạy Anh văn thì chuyên môn khoe là "*khẩu như tinh trọng*". Mình có cho là tốt nữa không nào? Hừ, học một năm rồi mà chỉ có mỗi chữ *Ưa tú phu* cũng không biết. Có lẽ cũng lại là cái lối học vẹt thôi. Hừ. Nhà trường, nhà bè! Đào tạo ra được cái gì? Tôi nói thật, nên đem mà đóng cửa quách lại!

Bà Tư vẫn ngồi dán vàng giấy, tán thành ý kiến của chồng:

- Phải đấy. Đóng cửa quách lại mà hơn đấy - Con

Tú, con Chiêu rồi cũng bắt tất phải cho đi học. Trước kia, cụ Cửu, cụ ấy nói: "Con gái, học hành cái gì?". Cụ ta phản đối cho con gái đi học thì mình công kích cụ ta. Nhưng bây giờ, nhìn lại mới thấy những người có tuổi tác họ nói phải. Mình nghĩ mà xem. Con gái mà cứ lù lợt đi ngoài đường phố như thế kia, trông đã chường mắt rồi, chúng nó lại còn đòi cắt tóc ngắn đi nữa cơ! Tôi chúa ghét bọn nữ sinh cắt tóc ngắn. Nói thực, lính tráng, thổ phỉ, thế mà còn tha thứ được, chứ bọn này mới thật là bọn làm loạn thiên hạ. Phải trừng trị nghiêm khắc mới được...

- Phải đấy. Con trai cạo trọc đi như sư cụ còn chưa đủ sao, mà con gái cũng lại muốn làm như vãi bà nốt!

- Trình!

Trình hai tay cầm một cuốn sách nhỏ mà dày, gáy vàng, bước nhanh đi vào, đưa cho bố, chỉ vào một chỗ nói:

- Có chữ này âm hơi giống. Chữ này...

Ông Tư cầm lấy xem, biết là từ điển, nhưng chữ in nhỏ quá, lại in ngang. Ông ta chau mày, giơ ra trước cửa sổ, nheo mắt lại, cố đọc cho ra hàng chữ con chỉ cho.

- Tên Cộng tế giảng xã thành lập vào thế kỷ 18...
Ồ, không phải. Chữ này đọc thế nào?

Ông ta đưa tay chỉ vào tiếng Anh in ở trước, hỏi.

- Oddfellows.

Ông ta bỗng lại nổi giận:

- Không phải, không phải, không phải chữ này. Tao nói cho mày nghe. Tiếng kia là một tiếng đều, một tiếng chữ. Nó chữ tao như thế đấy. Có hiểu không? Tra đi!

Trình liếc nhìn bố mấy cái, đứng im.

Bà Tư thấy con lúng túng, thương hại, nói đỡ cho con mà cũng có ý không bằng lòng con.

- Thằng này ngu ngốc thế nào ấy!... Nhưng mà ông cũng phải nói rõ cho nó biết, rồi bảo nó tra kỹ xem.

Ông Tư thở dài một cái, quay lại nhìn vợ, nói:

- Nguyên là khi tôi ra phố, đến hiệu Quảng Nhuận Tường mua xà phòng, thì có ba thằng học sinh cũng đang đứng mua cái gì ở đấy. Còn tôi? Có lẽ chúng nó thấy tôi hơi lồi thối, lấy sáu bảy miếng xem, miếng nào cũng hơn bốn hào, không mua. Xem miếng một hào thì tôi quá, không thơm tí nào cả. Tôi nghĩ bụng: thôi cứ lấy loại vừa vừa là hơn cả, nên chọn miếng màu xanh đỏ, hai hào tư. Anh bán hàng là một anh chỉ biết tiền, con mắt cứ xếch ngược lên, nhón cái mõm chó ra. Đáng ghét là mấy thằng học sinh ranh con cũng lại xì xồ xì xào nói tiếng ngoại quốc, vẻ thích chí lắm, rồi cười với nhau. Sau tôi đòi mở ra xem rồi mới trả tiền. Giấy tây bọc lại như thế, biết xấu tốt thế nào! Không ngờ cái anh bán hàng hám lợi đó, không những không chịu cho mở, mà lại còn ngang ngược nói những câu chó đẻ. Rồi bọn ranh con kia cũng cười hùa theo. Cái tiếng đó là một thằng

oắt con nói, vừa nói vừa nhìn tôi. Rồi chúng cười phá lên. Rõ ràng là quả là một tiếng đều - ông Tư ngoảnh lại phía thẳng Trình nói tiếp - Mà cứ tra chỗ tiếng đều cho tao.

Trình "vâng" một tiếng trong cổ họng, rồi lễ phép lui ra.

- Chúng nó còn bô bô những là "tân văn hoá, tân văn hoá". "Hoá" đến như thế rồi, chưa đủ hay sao?

Ông đưa mắt lên nhìn xà nhà, nói một mình:

- Học sinh không có đạo đức, người ngoài xã hội cũng không có đạo đức nốt. Không tìm cách cứu vãn, thì Trung Quốc đến diệt vong mất. Mình nghĩ xem, thế này có đáng buồn hay không?...

Bà Tư không tỏ vẻ ngạc nhiên gì cả, thuận miệng hỏi:

- Thế nào, chuyện gì thế?

Ông ta quay lại nhìn vợ, nghiêm trang nói:

- Chuyện một người con gái hiếu thảo. Giữa đường phố có hai người ăn xin, một người con gái, trạc mười tám mười chín - Cái tuổi đó mà đi ăn xin thì thật không hợp chút nào cả, nhưng nó vẫn đi ăn xin - và một bà già sáu bảy mươi, đầu bạc trắng, mắt mù, ngồi trước thêm một phở bán vải. Người ta nói người con gái hiếu thảo lắm, mà bà già kia là bà nội nó đấy. Ai cho cái gì là nó lại đưa cho bà nó tất, còn nó thì nó nhịn đói. Nhưng chẳng biết có ai bố thí gì cho một người con gái hiếu thảo như thế không?

Ông ta nhìn chăm chú vào mặt vợ như để thử xem vợ trả lời ra sao.

Bà vợ không trả lời, cũng lại nhìn chăm chăm vào mặt ông chồng, như chỉ chờ ông ta nói thôi.

Cuối cùng, ông ta tự trả lời lấy:

- Hừ! Chẳng có ai bố thí cho cả. Tôi đứng xem rất lâu, chỉ thấy có một người cho một đồng chính, còn thì toàn là người đứng vây xung quanh xem cho vui mà thôi. Lại có hai thằng đều giả, ăn nói bừa bãi. "Phát à! Cậu đừng chê con bé bẩn thỉu, cậu cứ đi mua cho nó hai miếng xà phòng rồi tắm rửa kỹ cọ cho nó sạch sẽ, thế là mê đấy nhé!" Hừ, mình xem, chẳng ra cái thứ gì cả!

Bà Tư cúi đầu xuống, một hồi lâu mới uể oải hỏi:

- Hừ! Thế ông có cho nó tiền không?

- Tôi à? Không. Cho một hai đồng chính thì ngượng tay lắm. Nó không phải là một kẻ ăn xin tầm thường như người khác. Phải...

- Ờ.

Bà vợ không chờ chồng nói hết câu, thông thả đứng dậy đi xuống bếp. Trời đã sẩm tối. Đã đến giờ ăn cơm.

Ông Tư cũng đứng dậy, đi ra sân. Ngoài còn sáng hơn trong nhà. Trình đứng ở một góc tường đang tập bài bát quái quyền. Đây là nó làm theo lời ông bố dạy, lợi dụng lúc trời nhá nhem tối mà tập cho khỏi phí thì giờ. Nó tuân theo lời ông bố như thế đã hơn nửa năm nay. Ông Tư gật gù có vẻ khen ngợi, rồi chấp tay sau đít đi đi lại lại giữa cái sân trống.

Một lát, cái chậu cảnh duy nhất trồng cây vạn niên thanh, lá to tướng, đã mờ đi trong bóng tối. Một vài ngôi sao lấp lánh trong đám mây trắng lơ lửng như một miếng giẻ rách. Trời đã tối hẳn. Lúc đó, ông Tư bỗng hăng hái lên, hình như ông ta định làm việc gì to tát lắm; tuyên chiến với bọn học sinh hư hỏng kia và với cái xã hội đồi bại xung quanh. Ý chí ông mạnh mẽ dần; ông càng bước những bước dài, tiếng giày đế vải nghe càng kêu làm cho mấy con gà mái và mấy chú gà con đã ngủ trong chuồng sợ, tục tục, chớp chớp vang lên.

Nhà trên đã có ánh đèn. Đó là tín hiệu gọi mọi người về ăn cơm tối. Cả gia đình xúm xít lại quanh cái bàn đặt chính giữa nhà. Đèn để ở phía cuối bàn. Một mình ông Tư ngồi ở đầu bàn, mặt cũng tròn tròn, béo béo như thằng Trình, chỉ có thêm hai chòm râu. Qua làn hơi nghi ngút bốc lên từ những bát canh, đĩa thức ăn nóng hổi, trông ông như vị thần tài trong đền Thành hoàng. Phía tay trái là bà Tư và con Chiêu, phía tay phải là thằng Trình và con Tú. Tiếng đũa bát chạm vào nhau nghe như mưa rào. Không ai chuyện trò gì, nhưng bữa ăn cũng rất ồn ào.

Con Chiêu làm đổ bát cơm. Canh và thức ăn vương vãi cả bàn. Ông Tư trợn tròn hai mắt tí hí của ông, nhìn trừng trừng, làm cho con bé meo meo sắp khóc, bấy giờ ông mới thôi, không nhìn nữa. Ông ta đưa đũa định gắp cái cọng rau non mà ông đã chú ý từ nãy. Nhưng không thấy đâu nữa. Ông liếc mắt

sang trái, sang phải, phát hiện ra thằng Trình vừa gấp lên và đang há to miệng và cơm. Thế là ông đành phải uể oải gấp một cọng rau vàng úa.

Ông ta nhìn vào mặt con nói:

- Trình? Chữ ấy tra ra chưa?

- Chữ nào ạ? Thưa cha ạ.

- Hừ, mày xem! Kiến thức cũng không có. Đạo lý cũng chẳng biết. Chỉ được cái ăn là giỏi! Ra xem cái cô con gái hiếu thảo kia mà bắt chước người ta. Đi ăn xin mà còn biết hiếu thảo với bà, chịu nhịn đói để bà ăn. Còn như bọn học sinh chúng mày thì biết được đâu như thế. Không kiêng nể ai hết. Sau này thì rồi cũng như thằng đểu giả kia mà thôi!...

- Con nghi một chữ, nhưng không biết có đúng hay không. Con chắc là chúng nó nói oldfool⁽¹⁾.

- Ừ ừ, phải đấy! Chữ ấy đấy! Chúng nó nói giống như thế đấy! Ôn-phun. Nghĩa là gì? Mày cùng cánh với chúng nó, thế nào mày chả biết!

- Nghĩa... nghĩa là gì con cũng không được rõ lắm.

- Nói láo! Mày dối tao! Chúng mày đều hỏng tuốt!

Bà Tư bỗng nói:

- Trời đánh còn tránh bữa ăn. Hôm nay làm sao mà ông lại cứ gắt gỏng ầm nhà lên thế. Đang bữa ăn mà cũng đánh chó mắng mèo. Chúng nó còn trẻ con, biết gì cơ chứ?

⁽¹⁾ Tiếng Anh nghĩa là ông già lắm cạm.

- Sao?

Ông Tư định gắt với vợ, nhưng ngoảnh lại, thấy đôi má hóp của bà vợ phùng ra, mặt lại tái đi, hai con mắt xéch ánh lên rất dễ sợ, thì liền đổi giọng:

- Tôi có gắt gỏng gì đâu. Chỉ là muốn bày dạy cho con biết điều hơn một chút.

Nhưng bà vợ càng phần nộ:

- Nó hiểu làm sao được những điều trong bụng ông. Nếu nó biết điều thì nó đã thấp đuốc đi tìm đứa con gái hiểu thảo kia đến đây rồi. Ông đã mua cho nó một miếng xà phòng rồi kia kìa, chỉ mua thêm một miếng nữa là đủ thôi!

- Tầm bậy nào! Đó là thằng đểu giả kia nó nói như thế chứ?

- Biết đâu đấy! Chỉ cần mua thêm một miếng nữa, rồi tắm rửa kỳ cọ cho nó, rước nó về mà thờ, thì thiên hạ mới đứng ngồi yên ổn với ông được.

- Ăn nói gì lạ thế! Có dính dáng gì với nhau? Tôi thấy mình không có xà phòng thì...

- Sao lại không dính dáng gì với nhau? Ông đã thành tâm mua cho nó thì đi mà tắm rửa kỳ cọ cho nó. Tôi không xứng đáng, mà tôi cũng không thiết. Tôi cũng không cần phải dùng nhờ của nó.

- Ăn nói gì mà lạ lùng thế nhỉ? Đàn bà có khác...

Ông Tư lấp bắp, mặt đỏ mỗ hôi hột y như mặt thằng Trình khi tập môn bát quái quyền, nhưng có lẽ phần lớn là vì cơn nóng quá đó thôi!

- Đàn bà chúng tôi thì thế nào? Đàn bà chúng tôi thế mà còn hơn đàn ông nhà ông nhiều đấy! Bọn đàn ông nhà ông hết chửi bọn nữ sinh mười tám mười chín, thì lại khen đứa ăn mày mười tám mười chín. Chửi hay khen, không phải là bụng dạ các ông có tốt gì. Tắm rửa kỳ cọ cho sạch... Nói thế mà không biết dơ!

- Không phải là tôi đã nói rồi sao? Đó là cái thằng đểu giả ấy nó...

- Ông Tư có nhà không nhỉ?

Có tiếng gọi oang oang ở ngoài tối đưa vào.

- Ông Thống phải không đấy hả? Tôi ra bây giờ.

Ông Tư biết là ông Hà Đạo Thống, người nổi tiếng vì có cái giọng nói oang oang.

Rồi như được ân xá, ông ta vui vẻ nói to:

- Trình! Con ra thấp đèn rọi cho bác Thống đi vào phòng sách, nghe!

Trình thấp đèn đưa ông Thống sang cái phòng xếp ở mé tây. Theo sau là ông Bốc Vi Viên.

Ông Tư miệng còn nhai cơm, chạy ra chấp tay vái, nói:

- Xin thất lễ với hai bác! Mời hai bác dùng với tôi bữa cơm xoàng. Thế nào?

Ông Viên bước lên, cũng chấp tay vái, nói:

- Chúng tôi vô phép rồi ạ! Đang đêm hôm, chúng tôi lại tìm bác để bàn về cái đề bài văn đưa ra cho đọc

giả hoá lại nhân dịp Di phong văn xã hợp lần thứ 18
ấy mà. Mai có phải là "phùng thất"⁽¹⁾ không nhỉ?

Ông Tư hốt hoảng nói:

- Ô. Nay là mười sáu à?

Ông Thống nói to:

- Bác xem, có hồ đồ không?

- Thế thì phải gửi đến tòa báo ngay đêm nay, và
bảo họ ngày mai nhất định phải đăng cho chúng mình.

- Đề bài văn tôi đã thảo ra đây rồi. Bác xem thế
nào có dùng được không?

Ông Thống nói, rồi lấy tờ giấy gói trong khăn tay
ra đưa cho ông Tư.

Ông Tư đi đến trước đèn, mở to ra, đọc từng chữ:

*"Làm một bài văn trân trọng đề nghị cùng toàn
thể quốc dân đồng bào trong toàn quốc yêu cầu ông
Đại Tổng Thống đặc biệt ra lệnh bắt phải tôn trọng
thánh kinh và lập đền thờ bà Mạnh mẫu để cứu vãn
nền phong hoá suy đồi và bảo tồn quốc tuý".*

- Hay đấy! Hay đấy. Nhưng mà số chữ có nhiều
quá không?

Ông Thống nói to:

- Không hề gì. Tôi tính rồi. Không phải trả thêm
tiền quảng cáo đâu. Còn đề bài thơ thì thế nào?

Ông Tư bỗng có vẻ cung kính lắm:

⁽¹⁾ Phùng thất tức ngày 7, 17, 27 trong một tháng.

- Đề bài thơ à? Tôi đã có sẵn đây rồi: *Hiếu nữ hành*. Đây là chuyện có thực. Phải biểu dương người con gái đó. Hôm nay, tôi ra phố gặp...

Ông Viên vội xua tay, cắt lời:

- A, a. Không được đâu... Tôi cũng có thấy. Nó là một kẻ "hành khất". Tôi không hiểu nó nói gì, mà tôi nói nó cũng không hiểu. Chẳng biết người ở đâu. Ai cũng khen là hiếu thảo, nhưng tôi hỏi có biết làm thơ không, thì nó lắc đầu. Giá mà biết làm thơ thì hay lắm đấy nhé!

- Nhưng mà trung hiếu là những đức tính lớn, không biết làm thơ cũng có thể bỏ qua đi cho.

Ông Viên xoè bàn tay ra, tiến về phía ông Tư, vừa xua vừa đẩy, cướp lời nói:

- Thế, không được. Và ai cũng biết là không được. Có biết làm thơ mới thú chứ!

Ông Tư đẩy ông ta ra.

- Chúng ta sẽ dùng cái đề này, thêm ít lời giải thích, rồi đem đăng báo. Một là để biểu dương cô ta, hai là có thể nhân đó mà châm biếm thời thế. Thời thế bây giờ không ra cái trò trống gì nữa. Tôi đứng ngoài xem xét một hồi lâu, vẫn không thấy ai cho một đồng chính nào cả. Há đó chẳng phải toàn là những người không có tâm can gì cả hay sao?

Ông Viên lại bước tới:

- Ái chà! Ông Tư! Thật là ông đứng trước nhà sư mà lại chửi thẳng trọc. Thì chính tôi cũng có tiền

đâu! Quả thực lúc đó tôi không mang tiền theo trong người.

- Ông Viên, ông không nên nghĩ xa như thế. - Ông Tư lại ẩy ông ta ra. - Tất nhiên là tôi không nói ông. Ông khác. Ông hãy nghe tôi nói đã: Bao nhiêu người đứng vây quanh hai bà cháu cô ta, không ra vẻ kính nể gì cả, chỉ đến xem cho vui mắt. Lại còn có hai thằng đểu, ăn nói bừa bãi, không chút dè dặt. Một thằng nói trắng trợn như thế này: "Phát này, cậu đi mua hai miếng xà phòng, tắm rửa kỳ cọ cho con bé thì trông mê đấy nhé!" Ông nghĩ...

- Ha Ha Ha! Hai miếng xà phòng! - Ông Thống bỗng cười to lên và nói oang oang điếc cả tai. - Cậu mua... ha, ha, ha!

Ông Tư giật mình hốt hoảng nói:

- Ông Thống! Ông Thống! Ông đừng nói to lên như thế chứ!

- Tắm rửa kỳ cọ - ha ha!...

Ông Tư sa sầm nét mặt.

- Ông Thống! Chúng ta nói chuyện đứng đắn một tí. Sao ông cứ đùa mãi thế, đùa đến người ta phải nhúc óc lên với ông. Ông nghe đây này! Chúng ta sẽ lấy hai cái đề này, gửi ngay đến tòa báo, bảo với họ ngày mai đăng cho kịp. Việc này lại phải phiền đến hai ông.

Ông Viên nhận lời ngay:

- Được, được, cái đó tất nhiên.

- Ha ha!... Tắm rửa sạch!... Hi! Hi!

Ông Tư bức dọc kêu lên:

- Ông Thống!

Ông Thống thấy ông Tư gắt, không cười nữa. Bọn họ thảo xong lời giải thích đề thơ. Ông Viên chép lại trên giấy viết thư, rồi cùng ông Thống đi đến tòa báo. Ông Tư cầm đèn, tiến ra đến cổng. Trở lại nhà trên, ông cảm thấy không yên lòng, ông ta do dự một tí, nhưng rồi cũng bước vào. Vào nhà liền thấy cái bao đựng xà phòng hình chữ nhật, nhỏ nhỏ, màu xanh hoa quỳ, quăng trên chiếc bàn vuông giữa nhà, cái dấu ấn bằng nhũ kim giữa cái bao long lanh dưới ánh đèn, xung quanh còn có những đường vẽ li ti.

Con Tú và con Chiêu ngồi chơi dưới đất phía cuối bàn. Thành Trình ngồi tra từ điển phía tay trái bàn. Sau cùng, ông ta thấy bà Tư ngồi trên chiếc ghế có cái lưng dựa cao cao, trong bóng tối, xa ánh đèn. Giơ đèn ra xem, thấy mặt bà ta cứ thừ ra, không ra giận mà cũng không ra vui, đôi mắt cũng không nhìn vào cái gì cả.

... Tắm rửa kỳ cọ! Thật là không biết xấu!

Ông Tư nghe con Tú nhắc lại khe khẽ câu nói đó, quay đầu lại, không thấy nó làm gì cả, chỉ thấy con Chiêu dang dang hai ngón tay bé tí tẹo của nó gãi gãi vào mặt.

Ông ta xấu hổ quá, liền tắt đèn, bước ra sân. Ông ta đi đi lại lại, không chú ý, làm cho con gà mẹ và

bầy gà con lại tục tục, chớp chớp inh lên. Ông ta bước đi rón rén, đi xa xa. Một hồi lâu, chiếc đèn ở nhà trên đã đưa vào phòng ngủ. Ông ta nhìn thấy ánh trắng rải xuống mặt đất như một tấm lụa trắng rộng, phẳng lì. Mặt trăng như một cái mâm ngọc hiện ra giữa đám mây trắng, tròn vành vạnh.

Ông ta cảm thấy buồn buồn, tựa hồ giống như người con gái hiếu thảo kia, lẻ loi, đơn chiếc, không biết bày tỏ nỗi lòng với ai. Đêm ấy, mãi khuya ông ta mới đi ngủ.

Nhưng sáng sớm hôm sau, miếng xà phòng đã được đưa ra dùng. Hôm đó, ông ta dậy muộn hơn ngày thường, thấy bà vợ đang cúi đầu xuống bàn rửa mặt, cọ xát vào cổ, bọt xà phòng phồng lên như bọt con cua đồng, và sau mang tai thì dần lại một cục to tướng, khác xa một trời một vực so với bọt xà phòng thường dùng trước kia chỉ có một lớp mỏng dính. Từ đó, người bà Tư lúc nào cũng có một mùi thơm không rõ mùi gì, giống mùi ô-liu mà cũng không phải là mùi ô-liu. Gần nửa năm, cái mùi thơm đó bỗng mới đổi sang mùi thơm khác ai người cũng nói là hơi giống mùi đàn hương.

Ngày 22 tháng 3 năm 1924

Cây trường minh đăng^(*)

Một buổi chiều mùa xuân u ám. Thế mà không khí trong cái quán trà độc nhất của cái thôn Cát Quang này lại có vẻ ồn ào khác ngày thường. Ai cũng còn như nghe phảng phất bên tai cái câu nói giọng trầm trầm khe khẽ đó:

- Thối cho tất quách đi thôi!

Nhưng tất nhiên, không phải ai trong thôn này cũng đều nghĩ như thế cả. Dân ở đây ít đi ra ngoài, động có muốn đi đâu thì giờ hoàng lịch⁽¹⁾ ra xem, xem trong đó người ta có ghi câu "bất nghị xuất hành" không cái đã. Nếu không ghi, mới đi, và đi cũng phải đi theo cái hướng "hỉ thần", để gặp được "cát lợi". Mấy người bạt tử, không kiêng kỵ gì cả,

(*) Truyện này đăng lần đầu có lẽ trên tờ *Quốc dân nhật báo Bắc Kinh* vào tháng 3 năm 1925. Hiện chưa tìm ra tờ báo nào nên chưa xác định được.

(1) Lịch Trung Quốc ngày trước in trên giấy màu vàng nên gọi là hoàng lịch. Trong lịch thường có ghi những câu như "kỵ xuất hành", "nghỉ tế tự" chỉ rõ ngày nào không nên xuất hành, ngày nào nên cúng tế.

đang ngồi trong quán chẳng qua là mấy anh thanh mên tự cho là khoáng đạt, nhưng theo ý những người thường chỉ co ro trong xó bếp thì bọn họ chỉ là những đứa con hư hỏng.

Bây giờ cũng không phải là không có chuyện gì mà quán trà lại ồn ào lên như thế.

Một anh mặt lưỡi cày, bưng chén trà lên, hỏi:

- Vẫn cứ thế à?

Anh đầu vương nói:

- Nghe nói vẫn cứ thế, vẫn cứ luôn miệng nói: "Thối cho tắt quách đi. Thối cho tắt quách đi!" Con mắt thì lại càng sáng quắc lên. Ghê quá! Thật là thôn ta mắc một cái vạ. Anh không nên xem thường. Chúng ta phải tìm cách khử nó đi.

- Khử đi thì khó khăn gì. Chẳng qua hần ta chỉ là... Thật không ra người nữa! Hồi xây đền, cha ông hần ta cũng có quyền góp nhiều, thế mà bây giờ hần ta lại đòi thối tắt cây trường mình đang đi! Không phải là một đứa con bất hiếu là gì? Chúng ta cứ trói giải lên trình huyện, bảo hần ta là một thằng ngỗ nghịch...

Anh trán rộng nắm tay lại, đập bàn, nói giọng khẳng khái. Cái nắp chén trà, đặt không ngay ngắn, rơi một cái bịch xuống bàn.

Anh đầu vương nói:

- Không xong. Bảo là ngỗ nghịch trói giải lên huyện thì phải là cha hay là cậu hần mới được...

Anh trán rộng liền xui đi:

- Tiếc là bây giờ hắn ta chỉ còn mỗi ông bác...

Anh đầu vương bỗng hỏi to:

- Anh trán rộng này! Canh bạc hôm qua có khá không đấy?

Anh trán rộng giương đôi mắt nhìn anh đầu vương một chặp, chưa trả lời thì Trang Thất Quang mặt béo đã rần cổ lên nói:

- Thối tắt cây đèn đi thì cái thôn Cát Quang nhà ta còn có phải là thôn Cát Quang nữa đâu? Như thế không phải là sẽ đi đời à? Các ông già bà lão chẳng nói là gì: Cây đèn ấy là do vua Lương Võ Đế thấp lên đấy, cứ thế truyền lại đời nay, chưa bao giờ tắt. Cái hồi loạn Trường mao⁽¹⁾ cũng không tắt. Anh nhìn xem. Chà! Không phải là cái ngọn đèn nó cứ xanh lè lè đi đó à? Ai đi qua cũng muốn nhìn một tí và tấm tắc khen. Chà! Đẹp thật! Bây giờ nó phá hoẵng đi như thế là nghĩa thế nào?

Anh đầu vương nói có vẻ khinh bỉ:

- Không phải là hắn ta điên à? Anh còn không biết sao?

Trang Thất Quang đỏ mồm hôi hột:

- Hừ!... Thì anh biết!

Thím Năm Khôi, chủ nhân cái quán trà này đồng thời cũng là người hầu hạ trong quán, nãy giờ chỉ đứng nghe, thấy mấy người kia nói không ăn nhập

⁽¹⁾ Loạn Trường mao chỉ cuộc khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc.

với việc bà ta đang chú ý, liền vội nói xen vào để lái sang câu chuyện chính:

- Tôi cho rằng cứ dùng cái mưu ngày trước mà lừa hấn ta thì mới được!

Trang Thất Quang ngạc nhiên hỏi:

- Cái mưu nào ngày trước?

- Chẳng phải là trước kia hấn ta cũng đã phát điên một lần rồi à? Y như bấy giờ. Hồi đó, ông bố hấn hãy còn sống, lập mưu lừa hấn, mới trị bệnh khỏi đấy chứ!

Trang Thất Quang càng ngạc nhiên hỏi:

- Lừa thế nào? Sao tôi lại không biết nhỉ?

- Anh làm thế nào mà biết được! Hồi đó các anh còn bé tí tẹo, chỉ biết ngậm vú mẹ, chứ biết gì? Còn tôi, thì lúc bấy giờ đã nhớn. Hai bàn tay hồi ấy còn cứ là trắng nà trắng nõn...

Anh đầu vương nói:

- Thì bây giờ vẫn còn là trắng nà trắng nõn đấy chứ!

- Đồ phải gió! - Thím Năm trợn mắt, cười - Đừng có nói lếu láo. Nói chuyện cho đúng đắn. Hồi đó hấn cũng còn trẻ. Ông bố hấn cũng hơi có máu điên. Nghe nói: một hôm ông nội hấn dắt hấn vào đền, bắt lay thần thổ địa, thần ôn dịch, ông Vương Linh Quan⁽¹⁾. Hấn sợ quá, nhất định không chịu lay, bỏ chạy, từ đó sinh ra dở người. Về sau thì cứ như bây

⁽¹⁾ Vương Linh quan theo truyền thuyết là một vị thiên tướng, được phong là thần trấn Sơn Môn.

giờ, hễ gặp ai cũng bàn thối tắt cây trường minh đăng ở chính điện. Hấn nói: tắt đi thì sẽ không có hoàng trùng, tật bệnh nữa, ra vẻ là một chuyện đứng đắn lắm. Có lẽ là bị ma ám nên mới sợ đường ngay lẽ thẳng chứ? Còn như chúng ta, ai mà sợ thổ thần? Trà đã nguội chưa? Cho thêm vào tí nước sôi! Được rồi! Sau hấn cứ xông vào đền cho được, đòi thối cho tắt đi. Ông bố hấn thương con quá, không chịu bắt bỏ vào trong phòng mà nhốt lại. A, sau không phải là toàn thôn người ta diên tiết lên, người ta đến làm rầy rà với ông bố hấn. Nhưng không có cách gì. May mà ông nhà tôi⁽¹⁾ hồi đó còn sống, nghĩ ra được một cách: lấy một cái chăn bông dày, che kín cây trường minh đăng lại, tối om om, rồi bảo hấn vào xem, nói là đã thối tắt đi rồi.

Anh mặt lười cây thối dài, phục lẫn, nói:

- Hì hì! May mà có ông nhà bà nghĩ ra được cách đó nhỉ!

- Việc gì mà phải làm như thế, cứ đánh cho chết đi là xong chuyện. Hừ!

Thím Năm thất kinh nhìn anh trán rộng, khua tay liên tiếp, nói:

- Làm thế nào được? Ông nội hấn ta ngày trước cũng ra cấm trệu⁽²⁾ rồi đấy nhé!

⁽¹⁾ Chỉ chồng bà chủ quán.

⁽²⁾ Ý nói làm quan.

Bọn "trán rộng" nhìn nhau, cảm thấy ngoài cách hay ho của "ông nhà tôi" ra, quả thật không còn thể nghĩ ra cách nào nữa.

Thím Năm lại đưa sống tay chùi nước miếng ở mép, nói càng nhanh:

- Rồi sau thì lành đấy! Lành hẳn! Từ đó hẳn cũng không vào đền nữa, mà cũng không nhắc đến chuyện đó nữa. Như thế bao nhiêu năm. Không hiểu thế nào mà lần này, sau cái hôm tế thần xong được mấy ngày, lại phát điên lại. Ừ, y như trước kia. Lúc quá trưa, hẳn đi ngang qua đây, nhất định là lại đến đằng đền thôi! Các anh đến bàn với cụ Tứ xem, lập mưu lừa hẳn là hay hơn cả. Cây đèn đó chẳng phải là vua Lương Ngũ Đế⁽¹⁾ thấp lên là gì? Không phải người ta nói rằng nó mà tắt đi một cái thì chỗ này sẽ sụt xuống thành biển, mà chúng ta thì thành cá⁽²⁾ hết. Các anh đi đến ngay đằng nhà cụ Tứ mà bàn thử xem, bằng không thì...

Anh đầu vuông nói:

- Chúng ta hãy đến đằng đền xem sao đã.

Rồi hiên ngang đi ra.

Anh trán rộng và Trang Thất Quang cũng đi theo. Anh mặt lưỡi cày đi sau cùng, gần đến cửa thì quay lại, nói:

⁽¹⁾ Đáng lẽ phải nói là Lương Vô Đế. Thím Năm dốt nên nói lạc ra là Lương Ngũ Đế.

⁽²⁾ Nguyên văn là "nê thu" (*Misgurnus anguillican datus*), một loại cá mình dài như lươn, thường ở dưới bùn.

- Lần này cho tôi chịu đã nhé!... Con mẹ nó!

Thím Năm ừ ừ, rồi đi về phía bức tường phía Đông lấy một hòn than, vẽ lên tường một cái hình tam giác nhỏ và gạch một dãy gạch ngăn ngăn, nhỏ nhỏ ở phía dưới và vẽ thêm hai đường dài nữa⁽¹⁾.

Khi bọn này đi gần đến đèn thì quả nhiên thấy có mấy người đã đứng đấy rồi: hần ta là một, và hai người khác đứng xem, cùng ba đứa trẻ con.

Nhưng cửa đèn vẫn đóng chặt.

Anh trán rộng mừng rỡ nói:

- May, cửa đèn còn đóng!

Bọn họ đến, thì mấy đứa trẻ con hình như mạnh dạn hơn, sấn lên, vây quanh người điên. Hần ta nãy giờ đứng ngoảnh mặt vào cửa đèn, bỗng quay lại nhìn bọn họ.

Trông hần ta vẫn như mọi hôm: mặt vuông vàng khè, cái áo dài xanh rách tươm, chỉ có hai con mắt to mà dài, dưới cặp lông mày rậm, ánh lên hơi khang khác, nhìn ai cứ nhìn chăm chăm, không chớp, mà lại có vẻ đau xót, giận dữ, nghi ngờ, sợ hãi. Trên mớ tóc cắt ngắn, thấy có hai lá lúa, chắc là bọn trẻ con nghịch ngợm lên bỏ lên lúc nào, bởi vì thấy chúng nó cứ nhìn lên đầu hần ta, rụt cổ lại rồi thè lưỡi ra rất nhanh mà cười.

Bọn họ đứng lại, nhìn nhau. Cuối cùng, anh mặt lưỡi cày sấn lại, hỏi:

⁽¹⁾ Một cách ghi sổ nợ của thím Năm Khôi.

- Ông làm gì thế?

Hắn ta trả lời khe khẽ, giọng ôn hoà:

- Tôi đứng gọi lão đen mở cửa vì phải tắt cây đèn ấy đi. Anh xem: cái ông mặt xanh ba đầu sáu tay, cái ông ba mắt, cái ông mũi cao, cái ông nửa đầu, cái ông đầu trâu răng lợn... phải thổi tắt đi! Thổi tắt đi thì sẽ không còn hoàng trùng nữa, không còn dịch miệng lợn nữa.

Anh trán rộng cười khinh bỉ, bước tới:

- Hi hi, chỉ động ngộ động đại. Ông mà thổi tắt đi thì hoàng trùng lại càng nhiều, và không khéo ông lại mắc bệnh dịch miệng lợn cho mà xem!

Trang Thất Quang cũng cười hùa theo:

- Hi! Hi!

Một đứa bé ở trần giơ cây sậy cầm chơi ở tay, nhằm vào người hắn ta như để bắn, rồi hé cái miệng nhỏ nhỏ như một bông hoa anh đào, nói:

- Pằng!

Anh trán rộng nói to:

- Ông nên về nhà đi ông ạ! Ông không về thì ông bác ông sẽ ra đánh cho ông gãy xương! Còn đèn thì để đấy, tôi thổi giùm ông. Vài hôm nữa ông lại đây sẽ thấy.

Hai con mắt hắn ta chớp chớp, nhìn xoáy vào mắt anh trán rộng, làm cho anh ta phải nhìn tránh đi chỗ khác. Hắn ta mỉm cười, có vẻ mỉa mai:

- Anh thổi à?

Và quả quyết nói tiếp:

- Không thể được. Không cần các anh thổi tắt. Để tôi thổi lấy cho tắt ngay bây giờ.

Anh trán rộng xùi đi và người nhún ra như sau khi tỉnh rượu. Anh đầu vương đã lại bước lên, thông thả nói:

- Ông xưa nay là người biết điều cơ mà, sao bây giờ lại quần đi như thế này? Để tôi nói cho ông vỡ nhẽ, chắc ông sẽ hiểu ra. Giá thử ông thổi tắt cây đèn đó đi thì những ông tướng kia vẫn còn kia mà! Đừng có đại dột! Thôi đi về mà đánh một giấc cho khỏe!

Hắn ta bỗng cười gằn lên, nhưng nghiêm sắc mặt lại ngay, nói giọng trầm trầm:

- Tôi biết! Dù có thổi cho tắt đèn đi, những cái kia vẫn còn. Bây giờ tạm thời chỉ có cách là cứ thổi cho tắt đèn đi đã. Làm như thế trước dễ hơn. Tôi phải thổi cho tắt đi. Và tôi phải tự thổi lấy.

Vừa nói, hắn ta vừa quay lại, ra sức đẩy mạnh cánh cửa đèn. Anh trán rộng nổi nóng:

- Ô hay! Ông không phải là người thôn này hay sao? Ông nhất định muốn cho người tắt cả thôn này biến thành cá cả hay sao? Thôi, về đi thôi! Ông có đẩy cũng không mở được. Và ông cũng không có cách nào mở ra được đâu! Và thổi cũng không tắt cơ mà! Ông về nhà đi là hơn.

- Tôi không về. Tôi phải thổi tắt đi!

- Không được. Ông không có cách nào mở được cửa đâu mà!

- ...

- Ông không có cách nào mở được cửa đâu mà!

Hắn ta quay lại nhìn bọn họ, nói trầm tĩnh:

- Thế thì sẽ liệu cách khác.

- Ủ... để xem ông làm thế nào?

- Để xem ông làm thế nào?

- Tôi cho một môi lửa!

Anh trán rộng nghĩ là tai mình nghe không rõ:

- Sao?

- Cho một môi lửa.

Im lặng như sau khi đánh một tiếng khánh trong treo, chỉ còn lại cái dư âm ngân vang. Xung quanh, cảnh sống như ngưng đọng lại trong cái không khí âm trầm đó. Nhưng một lát, có mấy người thì thầm với nhau; một lát nữa, họ lùi ra. Hai ba người đứng xa xa nhìn. Bỗng có tiếng Trang Thất Quang đứng sau bức tường ở cổng sau đèn gọi to:

- Lão đen à! Nguy to rồi! Ông đóng cửa đèn cho chặt nhé! Ông có nghe rõ không? Đóng cho thật chặt vào! Chúng tôi tìm cách đối phó rồi sẽ trở lại ngay!

Nhưng hắn ta hình như không để ý đến cái gì khác, chỉ chớp chớp mắt, điên cuồng, vội vàng tìm trên đất, tìm trên không, tìm trong người hắn ta, hình như tìm lửa.

*

* *

Anh đầu vuông và anh trán rộng đến nhà này rồi lại đến nhà kia như con thoi; cả thôn Cát Quang bỗng náo động lên. Trong tai, trong óc người nào người nấy còn vang lên câu nói hãi hùng: "Cho một mối lửa". Tất nhiên trong tai trong óc của số người xưa nay chỉ cúm rúm ở nhà, thì không có gì vang lên cả. Nhưng mà không khí toàn thôn thì vẫn cứ căng thẳng. Phàm những ai cảm thấy câu chuyện này nghiêm trọng, thì không thể nào yên tâm được. Hình như họ sắp phải biến thành cá, và từ đây thiên hạ sẽ bị tiêu diệt. Đành rằng họ cũng biết lơ mờ rằng chẳng qua chỉ cái thôn Cát Quang tức là cả thiên hạ rồi!

Không bao lâu, phòng khách cụ Tứ trở thành nơi người tụ tập lại để bàn về câu chuyện này. Ngồi phía trên là cụ Quách, tuổi cao, đức trọng. Mặt cụ ta đã nhăn nheo như một quả chanh héo. Cụ ta cứ đưa tay vuốt mãi chòm râu bạc ở má, như muốn cầm nhốt đi. Rồi cụ bỏ tay ra, nói thông thả:

- Lúc sáng, ông Phú ở xóm Tây trúng phong. Người con ông ta nói là vì động thổ thần. Như thế này thì rồi đây, vạn nhất xảy ra điều gì, thí dụ gà, chó nhà ai giở quẻ, thì họ không khỏi đến nhà cụ đây, phải, đến nhà cụ đây mè nheo. Phiền lắm!

Cụ Tứ cũng vuốt bộ râu cá tre hoa râm trên mép, nhưng vẫn bình thản, như không để tâm gì đến chuyện đó, nói:

- Đúng thế đấy. Đó là bố nó báo đấy! Lúc chú ấy còn sống, không phải là chú ấy cũng chẳng tin gì thần

phật cả ư? Hồi đó, tôi với chú ấy thay đổi được. Bây giờ bảo tôi còn có cách gì?

- Theo tôi thì chỉ còn một cách. Phải, còn có một cách. Ngày mai cụ bắt hấn ta trói lại đưa lên thành, bỏ vào cái đền Thành hoàng ở đấy, giam một đêm, phải, giam một đêm đuổi cái con ma ám vào người hấn ta.

Anh đầu vương và anh trán rộng lấy tư cách là người có công bảo vệ cho toàn thôn, không những được vào lần đầu tiên trong cái phòng khách này của cụ Tứ, mà ngày thường thì không dễ gì vào chiêm ngưỡng được; họ lại còn được ngồi vắt mảy dưới cụ Quách và trên cụ Tứ nữa, rồi lại còn được uống trà. Họ theo cụ Quách vào đây, và kể xong đầu đuôi câu chuyện, thì chỉ ngồi uống trà, uống hết trà cũng cứ ngồi im; không nói gì nữa. Nhưng lúc này, anh trán rộng bỗng lại trình bày ý của y:

- Bẩm, làm như thế sợ chậm quá. Hiện có hai người đang theo riết ông ta ngoài ấy. Cần nhất là phải có cách gì gấp gáp ngay bây giờ đây. Nếu quá thật mà ông ta châm lửa vào thì...

Cụ Quách nhảy nhót lên, cầm run run.

Anh đầu vương cướp lời:

- Nếu quả thật châm lửa vào thì...

Anh trán rộng nói to:

- Thì... hổng hết!

Một đứa ở gái, tóc vàng khè, đi lên pha trà. Anh

trán rộng không nói nữa, liền rót uống. Anh ta rùng mình một cái, bỏ chén xuống, thè lưỡi ra liếm mép, mở nắp chén, thổi phù phù...

Cụ Tứ gơ tay đập khê khê xuống bàn một cái, nói:

- Thật là làm liên luy đến người ta! Thứ người gì mà lại như thế! Đáng kiếp! Hi!...

Anh trán rộng ngừng đầu lên:

- Vâng, đúng thế đấy ạ. Đáng kiếp lắm. Năm ngoái bên thôn Liên Các, họ cũng đánh chết một người như thế đấy ạ. Người ta bàn định với nhau là sẽ hòa vào đánh một lúc. Thế là họ cùng đánh một lúc, không thể biết ai là người đánh trước, cho nên sau chẳng việc gì hết!

Anh đầu vuông nói:

- Nhưng đó lại là một chuyện. Bây giờ họ đang theo riết ông ta ngoài ấy. Ta phải tìm ngay cách gì đây mà đối phó... Con cho rằng...

Cụ Quách và Cụ Tứ nghiêm nghị nhìn vào mặt y.

- Con cho rằng không gì bằng hãy tạm nhốt ông ta lại cái đã.

Cụ Tứ khe khẽ gật đầu:

- Cũng là một cách hay đấy!

Anh trán rộng nói:

- Hay đấy!

Cụ Quách nói:

- Ừ... cũng là một cách... hay đấy. Bây giờ, chúng ta... bắt hẩn... Về nhà cụ đây... Rồi cụ đây tìm ngay... một cái phòng nào... Phải còn chuẩn bị... khóa lại...

Cụ Tứ ngẩng mặt lên, suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Phòng à?... Nhà này chẳng có gian phòng nào như thế cả... Vả lại biết khi nào nó mới khỏi?

Cụ Quách nói:

- Thì cứ dùng... cái gian phòng của hẩn ta.

Cụ Tứ bỗng nghiêm nghị nói có vẻ bí ai, giọng hơi run run:

- Nhưng thằng Lục Thuận nhà tôi sang thu này lại cưới vợ mới chết chứ!... Cụ xem. Nó tuổi nhiều như thế, mà cứ điên hoài, không chịu lấy vợ lấy con cho. Chú ấy đã qua đời rồi, tuy cũng không được an phận cho lắm, nhưng mà hương khói thì không thể nào để cho tắt đi được.

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Cái đó tất nhiên!

- Thằng Lục Thuận sinh con để cái ra thì đưa con thứ hai, tôi có thể để cho nó thừa tự. Nhưng mà... không phải con nó để ra... có thể nào thừa tự mà không được cái gì cả hay sao?

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Cái đó không thể được!

- Cái gian phòng nát ấy không liên quan gì đến tôi cả. Thằng Lục Thuận cũng không hề để ý đến. Nhưng mà con dứt ruột để ra, bắt đi thừa tự người

khác thì rằng mẹ nó không thể để cho dễ dàng như thế được.

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Tất nhiên là như thế!

Cụ Tứ trầm ngâm. Ba người kia nhìn nhau.

Trầm ngâm một hồi, cụ Tứ mới thông thả nói:

- Tôi ngày ngày mong sao cho nó lành đi. Nhưng nó vẫn không lành cho. Cũng không phải là bệnh không lành, mà chính nó lại không muốn lành bệnh. Không biết làm thế nào, thì phải làm như anh kia nói, là đem nhốt lại, khỏi hại đến người khác. Có làm cho chú ấy xấu mặt thì có lẽ nó mới lành được, và như thế mới phải với chú ấy.

Anh trán rộng cảm động nói:

- Vâng, tất nhiên là như thế. Nhưng mà, gian phòng...

Cụ Tứ hết sức thư thả hỏi:

- Ở đằng đền có cái phòng nào không nhỉ?

Anh trán rộng sức nhớ ra nói:

- Bẩm có, có đấy ạ. Ở cửa đi vào, về phía tây, có một gian phòng bỏ trống, lại chỉ có một cái cửa sổ vuông nho nhỏ, có song gỗ chắn ngang, không thể nào bẻ gãy được. Rất tốt.

Cụ Quách và anh đầu vương bỗng mừng rỡ. Anh trán rộng thở dài một cái, nhón miệng uống trà.

Chưa chấp tối, thiên hạ đã thái bình. Có lẽ họ đã lãng quên đi rồi cũng nên. Không những mặt ai cũng không còn thấy vẻ lo lắng nữa, mà đến vẻ vui mừng

lúc trước cũng biến đâu mất. Trước đèn, tất nhiên dầu chân người ta cũng nhiều hơn bình thường. Nhưng rồi không bao lâu nữa cũng lại thừa thớt dần. Bởi vì cửa đèn đóng lại mấy ngày, bọn trẻ con không vào chơi được nữa. Chúng nó cảm thấy bây giờ có vào sân đèn chơi được mới thú, cho nên ăn cơm chiều xong, có mấy đứa chạy đến đấy chơi, ra câu đố cho nhau đoán.

Đứa lớn nhất nói:

- Mày đoán nhé! Tao nói lại một lần nữa:

*Mái chèo đỏ thắm.
Mũi thuyền trắng phau
Chèo sang cho mau
Nhảy lên nằm nghỉ
Nghỉ được một tí
Lại tìm cái ăn
Ăn xong thì hát...*

Một em gái nói:

- Thế là cái gì? Cái gì mà lại "Mái chèo đỏ thắm!"

- Tao đoán ra rồi. Đó là...

Cu Sẹo nói:

- Hượm! Để tao đoán: Chiếc đồ ngang phải không?

Một em ở trần cũng nói:

- Đồ ngang đúng rồi!

Em lớn nhất nói:

- Ha! Đồ ngang à? Đồ ngang thì chống bằng sào chứ? Với lại đồ ngang mà biết hát à? Chúng bay đoán sai cả. Tao nói nhé!

- Hừ! Mày đoán không ra đâu. Để tao nói cho mà nghe. Đó là con ngỗng.

Em gái nói:

- Ủ, con ngỗng. Con ngỗng mới có cái chèo đỏ thắm chứ!

Em ở trần hỏi:

- Thế sao lại nói "mũi trắng"?

- Tao châm lửa đốt sạch!

Bầy trẻ thất kinh, sức nhớ ra. Chúng nó nhìn sang gian phòng phía Tây, thấy ông điên, một tay cầm lấy chấn song gỗ ở cửa, một tay bóc lớp vỏ ở ngoài, hai con mắt ông ta chớp chớp, sáng loáng.

Im lặng một lúc, cu Sẹo bỗng thét lên, ù té chạy. Mấy đứa kia vừa cười vừa thét, cũng chạy nốt. Em ở trần còn giơ cái ống sậy lên về phía sau, nhằm vào người ông điên, rồi cái miệng chúm chúm như một bông hoa anh đào, vừa thở hỗn hển, vừa hô lên một tiếng giòn tan:

- Pằng!

Sau đó im lặng hẳn. Trời cũng tối dần. Ngọn lửa xanh lè của cây trường minh đẳng càng sáng, chiếu khắp điện thần, long ngai, chiếu cả ra sân, chiếu đến cái cửa sổ song gỗ tối om.

Bọn trẻ chạy ra khỏi đền thì đứng dừng lại, tay cầm tay, thông thả về nhà. Chúng nó cười khi khi, vừa đồng thanh hát cái câu đó lúc nãy theo nhịp điệu chúng nó đặt ra:

*Mũi thuyền trắng phau
Đến nơi thì nghỉ
Thổi tắt đi thổi
Để tôi thổi tắt
Hát một câu tuồng
Ta châm lửa đốt!
Ha! Ha! Ha!
Lửa, lửa, lửa
Ăn chút điểm tâm
Hát một câu tuồng.*

.....
.....
.....

Ngày 1 tháng 3 năm 1925

Thị chúng^(*)

Trên con đường ở tây thành khu Thủ Thiện⁽¹⁾ lúc này chẳng còn một tiếng ồn ào. Ánh mặt trời gay gắt chưa chiếu thẳng xuống, nhưng đất cát trên mặt đường hình như đã lấp lánh, chói loà. Không khí nóng phùng phùng, đâu đâu cũng thấy cái uy lực của những ngày mùa hạ. Nhiều con chó lè lưỡi ra, đến những con quạ trên cành cây cũng phải há hốc mỏ mà thở. Tuy vậy, tất nhiên cũng có lẽ người ta nhớ đến bát canh mớ chua, và cảm thấy hơi man mát. Nhưng khi tiếng kim thuộc đơn điệu, uể oải đó dứt quãng thì sự tĩnh mịch lại càng xa vắng, nặng nề.

Chỉ nghe tiếng chân anh phu xe chạy. Anh ta cứ im lìm chạy tới, giống như chạy để tránh ánh mặt trời gay gắt chiếu trên đầu.

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên báo *Ngữ ti* ngày 13 tháng 4 năm 1925.

(1) Khu Thủ Thiện (Thủ Thiện chỉ khu), chỉ thủ đô Bắc Kinh thời quân phiệt Bắc Dương thống trị. Tên này dùng để chỉ thủ đô vốn có từ lâu. Tác giả dùng có ý mỉa mai.

- Bánh bao nóng này! Bánh bao mới ra lò này!

Một em bé mập mạp, khoảng mười một, mười hai tuổi, mắt ti hí, đứng trước cửa hiệu cạnh đường, quai miệng ra rao hàng. Cái giọng nghe ô ô, có vẻ ngái ngủ. Em bé như bị ngày dài của mùa hè ru ngủ. Trên cái bàn nát đặt cạnh, có chừng hai ba mươi chiếc bánh bao, nguội tanh, nguội ngắt, nằm im lìm.

- Bánh bao nóng này!...

Em bé bỗng chạy vút sang lề đường bên kia, giống như một quả bóng ném mạnh vào tường dội lại. Lúc đó dưới cột đèn điện, có hai người đứng ngoảnh mặt ra đường cái, về phía em: một người là tên tuần sát gầy gò, mặt vàng ệch, mặc áo lính màu vàng đã bạc thếp, lưng đeo một chiếc đao, tay cầm một sợi dây thừng, dây thừng này một đầu buộc chặt vào tay một người đàn ông mặc áo xanh, ngoài khoác áo chên trắng, người đàn ông đội một chiếc mũ cói mới, vành mũ bé sụp xuống, che khuất đôi mắt. Nhưng em bé thấp vừa ngẩng lên nhìn thì gặp ánh mắt của y. Và đôi mắt của y hình như cũng đang nhìn vào đầu em bé. Em bé vội nhìn xuống, nhìn chiếc áo chên trắng, thì thấy trên áo có nhiều hàng chữ chi chít, chữ to, chữ nhỏ, chẳng biết chữ gì?

Trong khoảnh khắc, người đứng xem đã vây lấy thành nửa vòng rộng. Khi một ông già đầu trọc lóc đến thì không còn chỗ trống mấy nữa. Và lập tức có một anh chàng béo đầy, mũi đỏ, mình trần trùng trực chen vào. Anh béo này, người to, đứng choán chỗ của

hai người, cho nên những người đến sau phải đứng ở vòng thứ hai, thò cổ vào khoảng cách giữa hai người đứng trước mà xem.

Ông đầu trọc đứng hơi đối diện với người mặc áo chèn trắng. Ông ta khom lưng xuống nghiên cứu mấy hàng chữ viết trên chiếc áo chèn và đọc to:

- À... *Đều... Hừ... Tám... Mà...*

Em bé lại nhìn thấy người mặc áo chèn trắng cũng đang nghiên cứu cái đầu trọc lóc trơn bóng. Em nhìn theo, chỉ thấy cái đầu bóng nhẫy, cạnh vành tai còn có ít tóc nửa trắng nửa đen, ngoài ra chẳng có gì lạ cả. Nhưng một chị vú em bế một đứa bé ở tay lại thừa cơ chen vào. Ông đầu trọc sợ mất chỗ, vội đứng thẳng lên. Ông ta chưa đọc hết hàng chữ, nhưng chẳng biết làm thế nào, đành phải nhìn mặt người mặc áo chèn trắng vậy: dưới vành mũ cối, thấy nửa cái mũi, một cái miệng và cái cằm nhọn hoắt.

Rồi cũng giống như một quả bóng ném mạnh vào tường dội trở lại, một em học sinh cũng chạy đến, tay giữ chặt chiếc mũ vải nhỏ trắng tinh trên đầu, chui vào đám đông. Nhưng chui vào được vòng thứ ba, - có lẽ là vòng thứ tư - thì đụng phải một vật gì to lắm, không lay chuyển nổi. Ngẩng đầu lên nhìn thì thấy từ cái thắt lưng chiếc quần xanh trở lên là một tấm lưng rất to, trần trụi trụi, trên sống lưng, mồ hôi chảy ròng ròng. Nó biết không làm gì nổi, đành phải len sang bên phải cái đũng quần mà chui. May tìm thấy ở cuối có một khe hở ánh sáng lọt qua được. Nó vừa

cúi xuống định chui thì nghe một tiếng "Cái gì thế?". Cặp móng của người bạn quần xanh chìa ra bên phải một cái, thế là che lấp mất khe hở, không còn thấy ánh sáng nữa.

Nhưng không bao lâu, em học sinh đã len đến bên cạnh người tuần sát mang đao, chui ra được. Nó nhìn xung quanh, hết sức ngạc nhiên. Ngoài là một vòng người, đứng kia là một người mặc áo chèn trắng, trước mặt là một em bé béo mập, cởi trần, sau em bé là một anh chàng to béo, mũi đỏ, cũng cởi trần. Lúc đó em mới phát hiện ra cái chướng ngại vật to lớn lúc nãy chính là anh chàng này, nên cứ nhìn vào cái mũi đỏ, vừa ngạc nhiên vừa kính phục. Em bé béo mập nãy giờ vẫn chăm chú nhìn mặt em học sinh, nên cũng không khỏi nhìn theo con mắt nó. Đến khi quay đầu lại, thì thấy một mụ đàn bà béo, trên đầu mụ ta lơ thơ mấy sợi tóc rất dài.

- Hẳn ta bị tội gì thế nhỉ?...

Mọi người ngạc nhiên nhìn, đó là một người cục mịch, trông giống như một anh chàng công nhân, đang khe khẽ hỏi ông đầu trọc.

Ông đầu trọc không trả lời, chỉ giương mắt nhìn anh ta. Anh ta phải đưa mắt nhìn xuống. Một lát sau, nhìn lại, thấy ông đầu trọc vẫn giương mắt nhìn mình, mà những người khác hình như cũng đang giương mắt nhìn mình, thế là anh ta thấy lúng túng như chính anh ta phạm tội. Cuối cùng anh ta thông thả lùi ra và chuồn thẳng. Một ông, người cao, cấp

chiếc dù tây ở nách, điền vào chỗ trống đó. Ông đầu trọc cũng quay lại nhìn người mặc áo chèn trắng.

Ông người cao khom lưng xuống, muốn nhìn vào mặt người mặc áo chèn trắng bị vành mũ cói che khuất, nhưng không hiểu sao bỗng lại đứng thẳng lên. Thế là những người phía sau ông ta phải hết sức vươn cổ ra. Có một anh, người gầy, cũng đến, cái miệng há hốc ra như một con cá chép chết.

Bỗng người tuần sát nhắc chân lên một cái. Ai nấy lấy làm ngạc nhiên, vội nhìn vào chân y, nhưng y lại đặt chân xuống. Thế là mọi người lại nhìn người mặc áo chèn trắng. Ông nhìn về phía dưới cái vành cói bẻ cụp, nhưng rồi liền đứng thẳng dậy, đưa tay lên đầu gãi cổ mạng.

Lão trọc không được vui lắm, vì thấy đám người đứng sau lưng lão ta cứ nhốn nháo lên, tiếp theo có tiếng nhóp nhép đưa vào tai. Lão ta cau mày quay đầu lại nhìn. Cạnh lão, phía tay phải, một bàn tay đen thui đang cầm nửa chiếc bánh bao bỏ vào miệng một em bé mặt như mặt mèo. Lão ta cũng không nói gì, lại nhìn vào chiếc mũ cói mới của người mặc áo chèn trắng.

Bỗng nhiên, như thần sét giáng xuống cả đám người đứng xem, cả đến anh to béo kia cũng phải lão đảo đổ xô về phía trước. Đồng thời, có một cánh tay béo tròn béo trọc đưa qua vai anh ta, xoè cả năm ngón tay, tát một cái bốp vào mặt em bé béo.

- Mày thì chết với tao... Con mẹ mày!

Có một người nào, mặt tròn như mặt ông Phật, đứng sau lưng anh béo kia nói như thế.

Em bé béo mập lão đảo bốn năm bước, nhưng không ngã nhào xuống, một tay che má, quay người lại, định chui qua khe hở cạnh đít anh béo. Nhưng anh béo đã đứng vững lại rồi, chìa đít sang một bên, che lấp khe hở, giận dữ gắt:

- Cái gì thế hở?

Năm sáu người đều nói như thế.

Khi yên tĩnh lại, anh béo lại nhìn vào mặt người mặc áo chên, thì thấy người mặc áo chên cũng đang ngẩng lên nhìn vào mặt anh ta. Anh ta hoảng hốt cúi nhìn xuống ngực mình, chỉ thấy chỗ lõm giữa hai núm vú của mình ướt đầm mồ hôi. Anh ta liền đưa bàn tay lên lau.

Nhưng tình hình xem không thật được yên ổn. Trong lúc lộn xộn, chị vú ăm em bé nhìn xung quanh, không lưu ý để cho cái lược Tô Châu hình đuôi chim thước gài trên đầu chạm phải sống mũi anh xe đứng cạnh. Anh xe xô ra, nhưng lại xô nhầm em bé. Em bé giật nảy người, ngoảnh mặt ra ngoài, hét to đòi về. Chị vú lúc đầu hơi lão đảo, sau đứng vững được, xoay người em bé lại cho nó nhìn người mặc áo chên trắng, một tay đưa lên chỉ và nói:

- Ấy à... Xem kìa! Hay chưa kìa!

Bỗng có một cái đầu em học sinh nào đội mũ cói cứng, chui vào khe hở. Nó đang bỏ hạt gì như hạt

đưa vào miệng, cầm dưới đưa lên, cắn đôi, nhưng rồi lui ra. Một cái mặt bầu dục, nhể nhại mồ hôi, đất bụi, lại sấn luôn vào chỗ ấy.

Người cao cầm dù tây bọc mình, hạ cánh tay xuống, chau mày nhìn cái người như cá chép chết ở sau lưng. Hình như hơi ở cái miệng to tướng của y thở ra nóng quá, vốn đã khó chịu, huống nữa là ở giữa tiết hè? Lão đầu trọc thì đang ngẩng đầu nhìn bốn chữ viết phấn trắng trên tấm bảng sơn đỏ treo ở cột đèn điện, hình như cảm thấy thú vị lắm. Còn anh to béo và anh tuần sát thì đang nghiêng đầu nghiên cứu cái mũi giấy nhọn như mũi cái dao dựa hình móc câu của chị vú.

- Hay lắm!

Không biết ở chỗ nào bỗng có tiếng kêu nổi lên cùng một lúc. Biết là có chuyện gì đã xảy ra, tất cả các cái đầu đều quay lại. Cả anh tuần sát và người tội phạm y dắt ở tay cũng nhốn nháo lên.

- Mới ra lò này!... Ai mua bánh bao nóng mới ra lò này!

Bên kia đường, thằng bé béo mập đứng ngheo đầu, rao to, như ngái ngủ. Giữa đường, các anh xe im lặng kéo xe chạy, như chạy trốn ánh mặt trời gay gắt trên đầu. Mọi người đều như có vẻ thất vọng. May thay, khi đưa mắt nhìn xung quanh tìm kiếm thì phát hiện thấy cách đó một khoảng chừng mười gian phố có một cỗ xe vừa dừng lại, và một anh xe đang lồm ngồm bò dậy.

Cả đám đông liền tản ra, láo nháo, chạy đến xem. Anh to béo đi được nửa đường thì dừng lại dưới gốc cây hoè. Người cao chạy nhanh hơn lão trọc và anh mặt bầu, đã lại đến nơi. Ông khách vẫn ngồi nguyên trên xe, còn anh xe thì đã đứng dậy rồi, nhưng đang sờ sờ vào đầu gối. Xung quanh, năm sáu người đứng nhìn, cười khi khi.

Anh xe định lại kéo, ông khách hỏi:

- Kéo được không!

Anh xe chỉ gật gật đầu, cầm xe kéo đi. Mọi người nhìn theo buồn bã. Chỉ biết lúc đầu có một chiếc trượt ngã, còn sau có một cái xe khác ngã nhào đè lên cái xe kia như thế nào, thì không ai rõ.

Trên đường lại rất yên lặng. Có mấy con chó thè lưỡi thở. Anh to béo đứng dưới bóng cây hoè nhìn bụng con chó thóp vào căng ra theo một nhịp điệu rất nhanh.

Chị vú bế đứa bé từ hiên nhà tập tễnh đi đến. Em bé béo mập nheo mắt lại, ngheo đầu, kéo dài giọng rao như ngái ngủ:

- Bánh bao nóng này!... Ai mua bánh bao nóng mới ra lò này!

Ngày 12 tháng 3 năm 1925.

Cao phu tử^(*)

Hôm đó, từ sáng sớm đến xế chiều, ông ta mất cả thì giờ vào việc xem cuốn *Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư* và cuốn *Viên Liễu Phàm cương giám*⁽¹⁾ qua chiếc kính lúp⁽²⁾. Quả như người đời thường nói: "Nhân sinh thức tự ưu loạn thủy" - ở đời, biết chữ là bắt đầu phải lo lắng - ông ta bỗng cảm thấy mình có ý bất bình với thế sự. Xưa nay, ông ta có bất bình như thế bao giờ đâu.

Trước hết, ông ta nghĩ đến bố mẹ xưa kia quả thật ít khi để tâm đến con cái trong nhà. Hồi còn nhỏ, ông ta thích nhất là trèo lên cây dâu hái trộm quả dâu ăn, nhưng ông bà cứ cứ mặc kệ. Có một lần ông

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ *Ngữ ti* ngày 11 tháng 5 năm 1925.

(1) Viên Liễu Phàm, tên Hoàng, người thời Vạn Lịch, triều Minh (1573-1620), tác giả *Lịch Pháp tôn thư* và *Quần thư lược khảo*. Cuốn *Cương giám* hiện thường dùng của Viên Liễu Phàm và Vương Phụng Châu, gọi là *Cương giám hợp biên*, 39 quyển.

(2) Kính soi để đọc những sách in chữ nhỏ.

ta ngã đập đầu xuống đất chảy máu, thế mà ông cụ bà cụ cũng không sẵn sóc cho ra trò để đến nỗi ngày nay vẫn còn vết sẹo như nhát dao chém ở mày bên trái, không bao giờ mất đi được. Bây giờ, tuy ông ta để tóc rở dài, rẽ giữa, lại chải xiên xiên thì cũng tạm che lấp đi được, nhưng vẫn còn trông thấy cái đuôi vết sẹo lòi ra ngoài. Kể đó cũng là một khuyết điểm, vạn nhất bọn nữ sinh phát hiện ra thì nhất định họ chẳng xem ra gì nữa. Ông ta bỏ chiếc kính lúp xuống, thở dài, oán giận.

Thứ đến cuốn *Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư*. Người biên soạn quả thực không chú ý biên soạn cho giáo viên dùng. Sách tuy có nhiều đoạn gần khớp với cuốn *Liễu Phàm cương giám*, nhưng phần lớn thì lại khác hẳn. Chỗ giống, chỗ không, như thế làm cho người ta khi giảng bài không biết làm thế nào để dùng được tài liệu ở cả hai cuốn. Nhưng khi chợt nhìn thấy mảnh giấy kẹp trong cuốn giáo khoa thư thì ông lại giận cái ông giáo dạy sử kia đang giữa năm học mà lại xin từ chức đi, bởi vì trên mảnh giấy đó có ghi câu:

Bắt đầu từ Chương Tám: "Sự thương vong của Đông Tấn".

Giá thử như cái ông giáo kia chưa giảng xong đoạn nói về Tam Quốc thì việc soạn bài của ông ta bây giờ cũng không đến nỗi chật vật như thế này. Ông ta thuộc nhất là lịch sử đời Tam Quốc. Nào là Đào viên kết nghĩa, Khổng Minh tá tiễn, Tam khí

Chu Du, Hoàng Trung định Quân Sơn trăm Hạ Hầu Uyên, v.v... đoạn nào chả thuộc lòng như cháo, giăng một học kỳ cũng chưa hết. Sang đến đời Đường, thì lại có những việc như Tần Quỳnh bán ngựa, cũng là những việc ông ta biết rõ lắm. Ai có ngờ hôm nay lại phải giảng về Đông Tấn! Ông ta thở dài oán giận, rồi kéo cuốn *Liếu Phàm cương giám* lại xem.

- Gớm, cái anh này! Đứng ngoài nhìn chưa đủ sao mà lại còn phải chui vào trong mà nhìn?

Người nào đứng sau lưng ông ta vòng tay ra phía trước, hất cằm ông ta lên. Nhưng ông ta vẫn ngồi yên, vì theo giọng nói và cử chỉ đó, ông ta cũng biết người rón rén đi vào đó là Hoàng Tam, bạn đánh mặt chược với ông ta. Hoàng Tam tuy là chỗ chơi thân với ông ta - mới tuần trước đây thôi, hai người rủ nhau đi đánh mặt chược, xem tướng, uống rượu, theo gái - nhưng từ khi ông ta đăng cái bài: "*Nhiệm vụ của quốc dân là phải chỉnh lý quốc sử*" trên tờ *Đại Trung nhật báo*, một bài văn hết sức kêu, đọc lên hết sức sướng miệng rồi được giấy mời của trường Nữ học Hiền Lương đến dạy học, thì ông ta thấy cái anh Hoàng Tam này quả thật không được cái trò trống gì, trông lại có vẻ bần tiện nữa. Cho nên ông ta không ngoảnh lại nhìn, cứ nghiêm sắc mặt trả lời:

- Đừng nói nhảm. Tôi đang soạn bài...

- Không phải là chính miệng anh nói ra với thằng Bát rằng anh muốn làm nhà giáo là để ngắm các cô nữ sinh à?

- Anh không nên tin lời thằng Bát chó chết ấy!

Hoàng Tam ngồi xuống cạnh bàn, liếc nhìn qua trên bàn, liền phát hiện thấy, giữa chiếc kính lúp và chồng sách, một cái thiệp mời màu hồng, mở rộng. Y cầm lấy, giương mắt, đọc từng chữ một:

Chúng tôi xin trân trọng mời ông Cao Nhĩ Sở phu tử đến giảng dạy cho trường chúng tôi mỗi tuần bốn giờ lịch sử. Mỗi giờ xin tính ba hào tiền thù lao. Đây giờ nào tính giờ ấy.

Hà Vạn Thục Trinh, hiệu trưởng trường Nữ học Hiến Lương.

*Trung Hoa dân quốc năm thứ 13,
cúc nguyệt, cát nhật⁽¹⁾.*

- Cao Nhĩ Sở phu tử? Là ai? Anh à? Anh đổi tên rồi à?

Hoàng Tam xem xong liền vội hỏi.

Nhưng Cao phu tử chỉ cười một cách ngạo nghễ. Quả thật ông ta đã đổi tên. Nhưng mà Hoàng Tam chỉ biết đánh mặt chược chứ xưa nay có để ý gì đến nền học vấn mới, nghệ thuật mới đâu! Y đã không biết có một nhà đại văn hào nước Nga tên là Cao Nhĩ Cơ⁽²⁾ thì làm sao hiểu được ý nghĩa sâu sắc của Cao

⁽¹⁾ Cúc nguyệt, cát nhật: Ngày tốt, tháng hoa cúc, tức tháng thu. Bọn phụ trách trường Nữ học này là một bọn phục cổ nên gọi các ông giáo là phu tử mà để ngày tháng thì để theo âm lịch.

⁽²⁾ Marxime Gorki: Chữ Trung Quốc phiên âm là Cao Nhĩ Cơ.

Nhĩ Cơ được. Cho nên ông ta chỉ cười ngạo nghễ mà không trả lời.

Hoàng Tam bỏ chiếc thiếp mời xuống, nói:

- Hừ hừ, anh Cán! Anh không nên đùa như thế. Chán lắm! Ở đây đã có một cái trường con trai, đủ để làm cho phong hoá suy đồi rồi, thế mà họ còn muốn mở một trường con gái nữa. Chẳng biết rồi tương lai sẽ đến như thế nào? Anh tội gì mà cũng nhúng tay vào. Tội gì?

- Đâu có thế! Hơn nữa là bà Hà Vạn Thục Trinh nhất định mời tôi cho được. Từ chối không tiện.

Vì thấy Hoàng Tam có ý phỉ báng trường, lại nhìn đồng hồ tay, đã hai rưỡi, chỉ còn nửa giờ nữa thì lên lớp nên ông ta hơi bức mình, và về sốt ruột lộ ra mặt.

Hoàng Tam cũng nhanh ý liền nói lảng sang chuyện khác.

- Thôi thì không nói đến chuyện đó nữa. Chúng ta nói chuyện đúng đắn nhé! Tối hôm nay có một đám. Thằng con cả lão Mao Tư Phủ bên Mao gia - đồn ấy mà, hần ta hiện ở đây, định mời thầy địa lý về xem mồ mả. Hần ta mang theo hơn hai trăm bạc. Bọn mình đã hẹn với hần ta là tối nay đánh vài hội, tôi một chân, anh một chân và Bát một chân. Thế nào cũng đến nhé, đừng để nhờ. Ba thằng ta sẽ bóp mũi hần.

Cán - tức là Cao phu tử - trầm ngâm, không nói gì cả.

- Thế nào cũng lại nhé. Nhất định nhé! Tôi còn

phải lại đằng lão Bát bàn chuyện với lão ta. Đánh ở
đằng nhà tôi. Thăng ngực ấy lần này là lần đầu tiên
đi ra ngoài. Nhất định là chúng mình sẽ bóp mũi
hắn. Anh đưa cổ bài có vẽ cây trúc ấy cho tôi nào.

Cao phu tử thông thả đứng đây, đi lại lấy cổ mặt
chược để đầu giường nằm, đưa cho Hoàng Tam. Xem
đồng hồ tay thì đã hai giờ bốn mươi. Ông ta nghĩ
bụng: Hoàng Tam tuy cũng được việc, nhưng hắn đã
biết mình đi dạy học rồi, mà lại đến phỉ báng nhà
trường trước mặt mình, phá rầy mình, không cho
mình chuẩn bị bài lên lớp, thật là những cái không
nên chút nào. Rồi ông ta nói, lãnh đạm:

- Ủ, thì chiều hăng bàn. Tôi cần phải lên lớp cái đã.

Vừa nói, ông ta liếc nhìn bộ *Liễu Phàm cương
giám* vẽ mặt hầm hầm, cầm cuốn sách giáo khoa bỏ
vào cái cặp da mới mua, rồi cẩn thận đội chiếc mũ
cũng mới mua, cùng Hoàng Tam đi ra. Ra đến cửa,
ông ta liền rảo bước, hai cánh tay đưa đi đưa lại như
người thợ mộc khoan gỗ. Một lát, cả hai người đã đi
khuất, không thấy bóng đâu nữa.

Cao phu tử đến trường Nữ học Hiền Lương thì
liền đem tấm danh thiếp mới in của mình cho lão
lưng gù ngồi gác cổng. Một lát, nghe có tiếng: "Xin
mời vào". Thế là ông ta đi theo lão lưng gù, rẽ quặt
hai lần, đến "phòng giáo sư". Phòng này kiêm phòng
khách luôn thể. Bà hiệu trưởng đi vắng, ông trưởng
phòng giáo vụ, râu hoa râm tiếp. Ông ta đại danh là
Vạn Dao Phố, biệt hiệu "Ngọc hoàng hương án lại".

Vừa rồi, ông ta có lần lượt cho đăng trên tờ *Đại Trung nhật báo* những bài thơ trong cuốn *Tiên đàn thù xứ* tập của ông ta, tức là những bài thơ ông ta xướng hoạ với nữ tiên.

- Ái chà, ông Sở⁽¹⁾, chúng tôi mong mỗi được gặp ngài từ lâu!

Ông Phố chấp vái lia lịa, đầu gối cũng khuỵu xuống năm sáu cái liền, tưởng chừng như ông ta sắp ngồi thụp xuống đất.

Cao phu tử, tay ôm chiếc cặp da, cũng làm như ông kia và cũng nói:

- Ái chà, ông Phố...! Chúng tôi cũng mong mỗi được gặp ngài từ lâu.

Rồi hai người cùng ngồi. Một bác chạy giấy, lờ đờ như người sắp chết, mang đến hai chén nước sôi. Cao phu tử nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường đối diện. Chỉ mới hai giờ bốn mươi. Chậm hơn đồng hồ tay của ông ta đến nửa giờ.

- Ái chà! Cái bài báo của ngài quả thật là tuyệt tác. Vâng. Quả thật là... Cái bài *Bàn về bốn phận đối với quốc tuý Trung Quốc* ấy mà! Quả thật rõ ràng, sáng sủa, đọc mãi không biết chán. Thật nên đem ra viết mà treo lên làm châm ngôn khuyên răn bọn thanh niên. Tôi cũng rất thích văn chương, nhưng chẳng qua là làm chơi thôi, chứ không thể so sánh với ngài được.

⁽¹⁾ Tức Cao Nhĩ Sở.

Ông ta lại chấp tay vái vái và nói khe khẽ:

- Cái đàn Thịnh Đức của chúng tôi thường thường vẫn cầu tiên đấy! Tôi cũng thường đến đó xướng họa. Xin mời ngài lúc nào rảnh, bớt chút thì giờ quá bộ đến đây chơi. Vị bói tiên ở đó tức là vị Nhụy Châu tiên tử, theo giọng nói của cô ta, thì tựa hồ như là một vị hoa thần bị đẩy xuống hạ giới. Rất thích làm thơ xướng họa với các bậc danh nhân, và cũng rất tán thành những người tân đảng. Những vị học giả như ngài đây chẳng hạn, thế nào cũng được cặp mắt xanh của cô ta hết sức chú ý. Ha... Ha... Ha...

Nhưng Cao phu tử cũng không thể ngồi cao đàm khoát luận được, bởi vì bài ông sắp giảng. - Sự hưng vong của Đông Tấn - ông ta chưa chuẩn bị được đầy đủ lắm. Đã thế, bây giờ lại quên đi ít nhiều rồi. Ông ta lo lắng, trông đau khổ hết sức. Trong lúc tâm trí ông ta rối loạn như thế, lại thêm có những điều lo nghĩ khác xen vào nữa, nào là khi lên lớp thì tư thế phải như thế nào cho được oai nghiêm, nào là cái vết sẹo trên trán phải làm sao che lấp đi được, nào là khi cầm sách giáo khoa đọc thì phải đọc cho thật thông thả, nào là đối với học sinh thì phải cho rộng lượng v.v... Ông ta vẫn mơ màng nghe ông Phố nói:

- Cho ít quả lặt vào đấy nhé!... Câu "*Tùy ý thanh loan thưởng bích tiêu*"⁽¹⁾ siêu thoát quá!... Cái ông Đặng Hiếu xin năm lần, mới được một bài ngữ tuyệt...

(1) Khi say dựa vào cánh chim loan bay lên mây xanh.

Hồng tự phát thiên hà⁽¹⁾

Mạc đạo...

Nhụy Châu tiên tử nói... Lần này là lần đầu tiên, ngài đến đây... xin giới thiệu đây là vườn thực vật của nhà trường...

- A a...

Cao phụ tử đang nghĩ lung tung, bỗng thấy ông Phổ giơ một ngón tay lên thì giật nảy mình tỉnh ra, nhìn theo ngón tay ông ta. Phía ngoài cửa sổ có một đám đất trống, trồng bốn năm gốc cây... và đối diện là một ngôi nhà nhỏ một tầng, ba phòng...

Ông Phổ vẫn không động đậy ngón tay, vừa chỉ vừa nói:

- Thưa, đấy là giảng đường đấy ạ!

- À à...

- Thưa học sinh trường chúng tôi dễ bảo lắm. Các em ngoài việc lên lớp nghe giảng bài chỉ chuyên tâm may vá thôi...

Cao phụ tử quả thật hơi lúng túng. Ông ta mong ông Phổ đừng nói nữa, để cho ông ta có thể tập trung tư tưởng một tí, tranh thủ nghĩ đến sự "hưng vong của Đông Tấn".

- Chỉ đáng tiếc là trong học sinh cũng có mấy em học đòi làm thơ. Cái đó thật không nên. Duy tân, tất nhiên là được, nhưng làm thơ thì con cái nhà đại gia

⁽¹⁾ Tay áo hồng quét dải Ngân hà. Chỗ nói...

không nên. Nhụy Châu tiên tử cũng không tán thành mở trường nữ học, cho rằng làm như thế là làm hỗn loạn lưỡng nghi⁽¹⁾ không phân biệt nam nữ nữa. Thiên tào không thể đồng ý được. Tôi cũng đem câu chuyện đó thảo luận mấy lần với cô ta rồi.

Cao phu tử bỗng giật nảy mình. Ông ta nghe chuông đánh.

- Không... không... Mời ngài cứ ngồi đã, đó là chuông hết giờ...

- Chắc ngài bận việc lắm, bất tất phải khách khí.

- Không ạ! Không ạ! Cũng không bận việc gì cả! Tôi cho rằng việc mở trường nữ học là thuận theo trào lưu chung của thế giới thì ta cứ mở. Nhưng nếu làm không ra trò thì dễ lệch lạc, cho nên Thiên tào mới không bằng lòng. Có lẽ chẳng qua là vì cẩn thận mà Thiên tào phòng chỉ thế thôi. Còn nếu như được người quản lý tốt, không để cho lệch lạc đi, hợp với đạo trung dung, hết sức chú trọng đến quốc hôn, quốc tuý, thì quyết không để xảy ra điều gì tệ hại. Ngài nghĩ xem, có phải thế không ạ? Nhụy Châu tiên nữ cũng cho rằng nói như thế là đúng, vừa phải. Hà... Hà...

Người chạy giấy lại bưng lên hai chén nước đun sôi, nhưng chuông lại đánh lần nữa.

Ông Phổ mời Cao phu tử uống hai ngụm nước đun sôi mới thông thả đứng lên, ông ta đi qua mảnh vườn nhà trường đến giảng đường.

⁽¹⁾ Lưỡng nghi: vốn dùng chỉ trời đất, sau dùng để chỉ nam nữ.

Tim đập thình thịch. Cao phu tử đứng cạnh bàn, người thẳng ro. Ông ta nhìn thấy nửa phòng học toàn là những mái tóc lồng phồng. Ông Phổ rút trong túi áo ra một mảnh giấy, mở rộng vừa nhìn vừa nói với học sinh:

- Xin giới thiệu với các em đây là giáo sư Cao Nhĩ Sở, một nhà học giả nổi tiếng, tác giả bài báo "*Nhiệm vụ của quốc dân là phải chỉnh lý quốc sử*" mà mọi người đều biết. *Đại Trung nhật báo* có nói: Cao phu tử là người hâm mộ nhà đại văn hào nga Cao Nhĩ Cơ, nên đổi tên của mình thành Cao Nhĩ Sở để tỏ lòng ngưỡng mộ của mình. Trên văn đàn ta có một người như thế là một điều may mắn. Nay bà hiệu trưởng viết giấy mời hai ba lần, ngài mới nhận lời đến giảng dạy môn lịch sử cho trường chúng ta....

Cao phu tử bỗng cảm thấy vắng vẻ. Thì té ra ông Phổ đã biến đi đâu mất rồi, chỉ còn trơ lại một mình ông ta đứng cạnh chiếc bàn. Ông ta đành phải bước chân lên bục, cúi đầu chào, định thần, nhớ lại những điều mình định làm trước để làm thế nào cho thái độ của mình được oai nghiêm, rồi thông thả mở sách ra, bắt đầu giảng về sự "hưng vong của Đông Tấn".

- Hi hi...

Hình như có ai cười trộm ở đâu đây.

Tức thì Cao phu tử thấy mặt mình nóng bừng bừng, ông ta vội vàng nhìn vào sách, thấy mình nói cũng không sai; Trên sách quả in rõ mấy chữ "*Đông*

Tân thiên an⁽¹⁾. Đối diện với mình vẫn là mái tóc lồng phồng choán nửa gian phòng, không thấy động tĩnh gì khác; ông ta đoán là mình nghi ngờ lên mới như thế, chứ kỳ thực chả có ai cười cả. Thế rồi, ông ta lại định thần lại, chăm chú nhìn vào sách, thông thả giảng tiếp. Lúc đầu, tai ông ta còn nghe rõ những điều miệng ông ta nói, nhưng dần dần thì không nghe rõ nữa, thậm chí không biết mình đang nói gì. Đến khi ông ta đang phát triển đoạn nói về "mưu đồ to lớn của Thạch Lặc" thì ông ta nghe có tiếng cười sằng sặc.

Không giữ được, ông ta nhìn xuống phía học sinh. Tình hình khác hẳn lúc đầu. Nửa gian phòng toàn thấy con mắt là con mắt. Lại có rất nhiều những hình tam giác cạnh đều, xinh xắn. Giữa những hình tam giác đó, có hai lỗ mũi, tất cả kết thành một cái biển sâu thẳm, chuyển động, cứ trào lên, lấp lánh, dồn về phía ánh mắt ông ta. Nhưng khi ông ta liếc nhìn thì bỗng lại biến đâu mất cả và trở thành những mái tóc lồng phồng choán nửa gian phòng.

Ông ta lại vội vàng cúi đầu xuống, không dám rời mắt khỏi cuốn sách giáo khoa nữa, bất đắc dĩ lắm mới dám ngước mắt lên nhìn trần nhà. Trần nhà trát xi măng, quét vôi trắng, nay đã ngả sang màu vàng. Ở chính giữa có vẽ một đường vòng tròn, nhưng cái vòng tròn này bỗng lại trở thành sinh động, khi mở

⁽¹⁾ Nhà Đông Tấn dời đô xuống Giang Nam.

rộng ra, khi thu nhỏ lại; làm cho con mắt ông ta hoa lên. Ông ta nghĩ bụng: nếu mình lại nhìn xuống thì thế nào cũng không tránh được cái biến mũi và mắt đáng sợ kia, nên ông ta đành nhìn vào sách vậy. Lúc đó, ông ta đã giảng đến đoạn "Chiến tranh ở Phi Thủy", "Bồ Kiên sắp đến lúc hoảng sợ" thấy cỏ cây cũng tưởng là binh lính⁽¹⁾.

Ông ta vẫn nghĩ rằng có nhiều người đang cười trộm ông, nhưng ông ta vẫn cố gắng giảng tiếp. Rõ ràng là ông ta đã giảng lâu lắm rồi, thế mà chuông vẫn chưa đánh. Nhìn đồng hồ tay thì không nên, sợ học sinh xem thường. Giảng một hồi nữa, lại đến "sự bột khởi của họ Thác-Bạt", tiếp theo là cái biểu về "sự hưng vong của Lục Quốc". Ông ta vốn chưa định giảng đến đoạn này, nên chưa chuẩn bị.

Ông ta bỗng cảm thấy bài giảng của mình đến đây phải đình chỉ lại.

- Hôm nay là ngày đầu tiên, hãy tạm giảng đến đây...

Ông ta tựa hồ nghe sau lưng có nhiều người đang cười ông ta và lại phảng phất thấy những tiếng cười đó phát ra từ cái biến mũi sâu thẳm. Buồn rười rượi, ông ta đi qua vườn nhà trường, rào bước về phía phòng giáo sư.

Ông ta giặt mình một cái, đến nỗi cuốn sách lịch

⁽¹⁾ Sử chép Bồ Kiên đánh với Tạ Huyền ở sông Phi Thủy, Bồ Kiên đại bại. Y cùng với em lên thành nhìn về phía quân nhà Tấn, thấy cây cỏ trên núi Bát Công Sơn tưởng là quân đội của đối phương. Câu "Thảo mộc giai binh" lấy ở tích này.

sử Trung Quốc rời khỏi tay rơi xuống đất, bởi vì bỗng có cái gì đập mạnh vào đầu ông ta. Ông ta lùi lại hai bước, chăm chú nhìn thì thấy một cành cây chắn ngay trước mắt, và đã bị cái đầu của ông ta chạm mạnh vào làm cho lá phải lay động. Ông ta vội cúi xuống, nhặt sách lên, thì thấy cạnh sách có một miếng gỗ, trên đề mấy chữ:

CÂY DẦU

Khoa trồng dầu

Ông ta tựa hồ nghe sau lưng có nhiều người đang cười ông ta và phảng phất thấy những tiếng cười đó phát ra từ cái mũi sâu thẳm. Thế là ông ta xấu hổ, không dám đưa tay lên xoa chỗ đầu đang đau nhói lên. Ông ta một mạch rảo bước về phòng giáo sư.

Ở đây, hai chén nước đun sôi vẫn để nguyên, nhưng không thấy người chạy giấy tờ lơ lơ như sắp chết đầu nữa. Ông Phố cũng chẳng thấy tăm hơi đầu cả. Mọi vật đều trở thành ảm đạm, trong cái ảm đạm đó, chỉ có cái cặp da mới và cái mũ mới của ông ta là sáng chói. Nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường, chỉ mới có ba giờ bốn mươi.

Cao phu tử về đến nhà khá lâu rồi, mà có lúc vẫn thấy người nóng bừng lên. Rồi ông ta lại giận dữ vu vơ. Cuối cùng, ông ta cảm thấy quả thật nhà trường đã làm cho phong hoá suy đồi, cứ đóng quách cửa lại đi là xong. Nhất là các trường nữ học... Chẳng có nghĩa lý gì cả. Chẳng qua thích hư danh mà thôi!

- Hi... Hi!

Ông ta vẫn phảng phất nghe tiếng cười. Điều đó làm cho ông ta càng giận dữ và cũng càng làm cho ông ta quyết tâm xin từ chức. "Tôi đến sẽ viết thư cho bà hiệu trưởng họ Hà. Chỉ cần nói vì mình đau chân không đi dạy được là ổn. Nhưng giá bà ta đến cố kéo đi thì làm thế nào? Cũng không nhận. Trường nữ học quả không biết còn làm cho phong hoá suy đồi đến nước nào nữa, tội gì mình lại đi nhập bọn với họ. Không nên". Ông ta nghĩ thế.

Thế rồi, ông ta ẩy quyển *Liễu Phàm cương giám* ra một bên tỏ ý quyết tuyệt. Cái kính lúp cũng quăng ra ở góc. Cái thiệp mời thì gấp lại. Ông ta định ngồi xuống bỗng thấy cái màu đỏ của tấm thiệp mới đáng ghét quá. Ông ta liền cầm lấy và đem nhét vào ngăn kéo cùng cuốn *Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư*.

Sách vở chồng đâu vào đấy, trên bàn chỉ còn lại chiếc kính lúp, bây giờ nhìn thấy quang đấng hắt ra.

Nhưng ông ta vẫn không thấy khoan khoái trong lòng, giống như người thiếu đi nửa linh hồn. Nhưng ông ta liền tỉnh ra: ông ta đội cái mũ dạ quai đỏ vào, đi thẳng đến nhà Hoàng Tam.

Lão Bát nói to:

- Giáo sư Nhĩ Sở họ Cao đến đây rồi!

Ông ta trau mày, gõ vào đỉnh đầu lão Bát một cái, nói:

- Chỉ lão!

- Lên lớp chưa? Thế nào? Có cô nào nhớ không? Hoàng Tam hỏi về sốt sắng.

- Tôi không định đi dạy nữa. Trường nữ học quá thật không biết còn sẽ làm cho phong hóa suy đồi đến nước nào nữa. Chúng ta không thể trà trộn vào với họ được.

Người con cả nhà họ Mao đi vào, béo tròn như cục bột.

- Ái chà! Mong mãi.

Cả nhà chấp tay vái, đầu gối khuyu xuống hai ba lần như sắp ngồi xổm xuống cả.

Lão Bát chỉ Cao phu tử nói với người con cả nhà ông Mao:

- Xin giới thiệu đây là anh Cao Cán Đình mà hôm nọ tôi đã nói chuyện với ông.

- A a... Rất lấy làm hân hạnh.

Người con cả nhà họ Mao liền đặc biệt chấp tay vái và gật gật đầu.

Phía tay trái gian phòng đã bày sẵn một chiếc bàn đặt xiên xiên. Hoàng Tam một mặt chào khách, một mặt cùng đưa ở gái bố trí chỗ ngồi và sắp đặt những chiếc ghế gỗ thay tiền mặt. Một lát, ở mỗi một góc bàn đã cắm một cây nến gầy guộc thấp sẵn. Cả bốn người ngồi vào bàn.

Im phăng phắc, chỉ nghe tiếng con bài mạt chược bằng xương đập lách cách vào mặt bàn bằng gỗ tứ

đàn, trong cái tỉnh mịch buổi đầu hôm, nghe càng vang vọng.

Bài của Cao phu tử không đến nỗi xấu lắm, nhưng ông ta vẫn không được vui, trong lòng bất bình cái gì. Ông ta tính vốn hay quên, chỉ có lần này là ông ta lại cứ thấy lo lo cho nền phong hoá. Tuy trước mắt ông ta số thẻ tăng lên nhưng cái đó cũng không thể làm cho ông ta thư thái, vui vẻ lên được. Nhưng rồi thời thế thay đổi, phong hoá cuối cùng cũng thấy tốt hơn. Có điều, lúc ấy đã khuya, đánh đến hồi thứ hai rồi, và ông ta sắp ù một ván "thanh nhất sắc".

Ngày 1 tháng 5 năm 1925

Con người cô độc^(*)

I

Bây giờ hồi tưởng lại mới thấy mối tình bạn giữa tôi và anh Ngụy Liên Thù cũng hơi khác thường: bắt đầu bằng một đám ma và kết thúc cũng bằng một đám ma.

Hồi đó, tôi đang ở thành S. Thường thường mỗi khi nghe nhắc đến tên anh thì người ta ai cũng bảo anh người kỳ quái lắm. Học thì học môn động vật học, thế mà lại đi dạy lịch sử ở một trường trung học; đối với ai cũng có vẻ thờ ơ, thế mà lại thích xen vào việc người khác; lúc nào cũng bảo là phải phá bỏ gia đình, thế mà cứ đến tháng lĩnh lương thì lại nhất định gửi tiền ngay về cho bà nội, một ngày cũng không để chậm. Ngoài ra, người ta còn kháo nhau bao nhiêu chuyện lặt vặt khác về anh nữa. Tóm lại, ở thành S,

(*) Truyện này và truyện *Tiếc thương những ngày đã mất* chưa hề đăng báo.

anh cũng có thể kể là người làm đầu câu chuyện cho thiên hạ. Mùa thu năm nọ, tôi đến ở chơi nhà một người bà con với anh Liên Thù, nhưng lại không hiểu gì hơn về anh cả. Người ấy xem anh hình như là một người ngoại quốc, và thường nói: "Anh ta thì khác chúng tôi lắm!" Cái đó cũng không lấy gì làm lạ. Trung Quốc mang tiếng là mở mang việc học đã vài chục năm rồi, nhưng ở Hàn Thạch Sơn thì đến một trường tiểu học cũng chưa có. Cả cái làng miền núi này chỉ có mỗi một mình anh Liên Thù là đi ra ngoài du học mà thôi. Vì thế, theo con mắt người ở đây, anh quả là một người khác giống. Tuy nhiên, đối với anh, họ lại rất ganh tị và có vẻ thèm muốn được như anh. Họ nói rằng anh làm ra nhiều tiền lắm.

Đến cuối thu, làng này có bệnh lỵ. Tôi cũng sợ lây, định trở về thành. Chợt nghe nói bà nội anh Liên Thù cũng bị bệnh, và vì tuổi già, nên đâm ra nặng lắm, mà quanh vùng thì lại không có lấy một ông thầy thuốc nào.

Gia đình anh Liên Thù, gọi gia đình là gọi thế thôi, kỳ thực chỉ có mỗi bà cụ. Bà cụ có thuê một người ở gái, và sống đơn giản lắm. Anh mồ côi cả cha lẫn mẹ từ khi còn tấm bé, chính bà cụ nuôi nấng anh thành người. Nghe nói trước kia bà cụ cũng cực khổ lắm. Nhưng bây giờ thì thanh thản rồi. Hiềm vì đôi điều anh không có vợ con gì, nên trong nhà vắng vẻ lắm. Có lẽ đó cũng là điều mà người ta cho anh là khác thường.

Hàn Thạch Sơn cách thành, theo đường bộ thì một trăm dặm, mà đường thủy thì chỉ bảy mươi dặm, nhưng cho người đi gọi anh về, khứ hồi ít nhất cũng phải bốn ngày. Ở làng núi hẻo lánh, những việc như thế này được xem là những "tin tức" quan trọng, ai cũng cần phải hỏi dò cho biết. Ngày hôm sau, đã đồn ầm lên rằng bệnh bà cụ nặng lắm, và đã cho người đi gọi anh Liên Thù về. Nhưng đến canh tư thì bà cụ tắt thở. Câu nói cuối cùng của bà cụ là: "Làm sao lại không để cho tôi trông mặt thẳng Liên Thù một tí!"

Ông trưởng tộc, bà con bên nội, bà con bên ngoại, cả những người rồi việc nữa, đến chật một nhà. Họ tính rằng anh Liên Thù có về đến nơi thì cũng đã nhập liệm rồi. Cỗ hậu sự cũng như áo quần, bà cụ đã sắm sẵn, nên không cần phải lo liệu gì hết. Đối với họ, vấn đề quan trọng nhất là nên đối phó với cái ông "cháu thừa trọng"⁽¹⁾ ấy như thế nào đây, bởi vì họ đoán trước rằng, tất cả các lễ nghi đình đám, nhất định thế nào anh cũng thay đổi hết cho mà xem. Sau khi bàn bạc, họ quyết định đại khái sẽ bắt buộc anh phải theo ba điều chính: một là mặc tang phục trắng, hai là lạy hấn hoi, ba là mời thầy chùa, thầy phù thủy về làm chay. Nói tóm lại là phải làm y như tục lệ cũ.

Bàn định xong xuôi, họ hẹn nhau hôm nào anh

⁽¹⁾ Theo tang lễ Trung Quốc cũng như nước ta ngày trước, khi một người chết đi mà trưởng nam người đó đã chết trước thì cháu đích tôn sẽ để tang như tang cha mẹ. Đứa cháu đó gọi là cháu thừa trọng.

về thì tất cả mọi người sẽ tụ tập ở phòng khách, bày sẵn thế trận, kể tung người hứng, trợ lực nhau, đàm phán thật nghiêm nghị. Người làng ai nấy nuốt nước dãi, tò mò chờ nghe tin tức. Họ biết anh là người "phái mới", cái gì cũng "học theo tây" từ trước đến nay không hề kể gì đến phải trái cả. Nhất định từ cuộc đấu tranh giữa hai bên sắp sửa bắt đầu, và chưa biết chừng sẽ to chuyện cũng nên. Và lúc đó sẽ có nhiều cái lạ lắm, không thể đoán trước được.

Có tin cho biết anh về đến nhà thì đã xế chiều. Vừa bước chân vào nhà thì anh đến trước linh sàng bà cụ, cúi mình một cái mà thôi. Ông trưởng tộc, bà con nội ngoại bèn lập tức thi hành kế hoạch đã định, mời anh ra ngoài nhà khách lớn, nói giáo đầu một thôi đã, mới vào đoạn chính, rồi kể xướng người hoạ, chín người mười miệng, không để hở một tí làm cho anh không có dịp cãi lại. Cuối cùng, nói mãi cũng phải hết, cả phòng khách lại im lìm, ai nấy lo sợ, chăm chú nhìn vào miệng anh. Anh sắc mặt không chút thay đổi, chỉ trả lời vắn vắn mỗi câu:

- Được tất!

Lại là một điều họ không ngờ trước. Cái gánh nặng trong lòng họ đã được cất đi rồi, nhưng họ vẫn cảm thấy lại có bề nặng hơn trước, và như thế này thì anh này quả là "kỳ dị" quá, càng đáng phải lo ngại. Những người trong làng nghe ngóng tin tức cũng thất vọng. Họ kháo nhau: "Lạ thật! Ông ta bảo "được tất". Để xem xem làm sao". Cái gì cũng có thể theo

như cũ tất thì không có gì mà xem nữa. Thế nhưng họ vẫn cứ muốn xem, cho nên trời vừa tối, họ đã tíu tit xúm chặt trước nhà.

Tôi cũng là một người đến để xem. Tôi cho người đem đèn nhang sang trước. Khi tôi đến nơi thì thấy anh đang mặc áo quần cho bà cụ. Anh khổ người nhỏ bé, gầy gò, khuôn mặt dài. Mái tóc bù xù với bộ râu và cặp lông mày rậm rì đen ngòm đã choán mất một nửa mặt rồi, chỉ còn thấy mỗi đôi mắt sáng lấp lánh trong bóng tối. Anh mặc áo quần cho bà cụ rất khéo, đầu vào đấy, như một tay chuyên môn đi liệm thuê, làm cho người xem bất giác đều thán phục. Theo phong tục ở Hàn Thạch Sơn thì vào những lúc này, thế nào người bên họ ngoại cũng tìm cách bắt bẻ. Nhưng anh vẫn cứ làm thình, bắt bẻ đâu thì sửa chữa đấy, thản nhiên như không. Một bà cụ đã hai thứ tóc trên đầu đứng đằng trước tôi, phải tấm tắc khen.

Thế rồi, làm lễ. Lễ xong thì khóc. Các bà hết thấy đều khẩn lâm râm. Sau đó, là nhập quan. Nhập quan xong, làm lễ, rồi lại khóc, cho đến khi đóng nắp hòm mới thôi. Im lặng một phút, bỗng mọi người nhón nháo lên. Hình như có điều gì làm cho họ ngạc nhiên lắm và không được bằng lòng. Và tôi bỗng tỉnh cờ nhận ra rằng anh không hề nhỏ lấy một giọt nước mắt nào, mà chỉ ngồi trên tấm nệm rơm, hai con mắt cứ sáng ngời, lấp lánh giữa mái tóc bù xù và bộ râu, đôi lông mày đen ngịt.

Việc nhập quan đã làm xong, trong cái không khí

ngạc nhiên và bất mãn đó. Ai ai cũng như muốn bỏ ra về ngay, nhưng anh thì vẫn cứ ngồi trên chiếc đệm rơm, vể trằm ngâm. Bỗng anh chảy nước mắt ròng ròng, rồi khóc thút thanh, sau đó, lại rống lên, như con chó sói bị thương rống lên giữa cánh đồng vắng đêm khuya, nghe vừa thảm thiết, vừa phẫn nộ, vừa bi ai. Theo phong tục thì không ai lại khóc như thế bao giờ. Vì không đề phòng trước, nên mọi người đều thấy lúng túng, không biết xử trí ra làm sao. Ngần ngừ một lát rồi có mấy người đến khuyên giải anh đừng khóc nữa. Lúc đầu thì chỉ mấy người, sau họ xúm nhau lại thành một đám đông. Nhưng anh vẫn cứ ngồi đờ ra, không động đậy, như một chiếc tháp bằng sắt, mà rống to mãi.

Chán ngất, người ta đành phải tản ra, còn anh thì anh ta cứ khóc, khóc mãi, có đến nửa tiếng đồng hồ, lúc đó mới bỗng dưng ngừng lại, cũng không chào hỏi khách đến viếng, cứ đi thẳng tuột vào nhà trong. Sau đó, có mấy người đi vào dòm; trở ra họ nói rằng, anh đi vào buồng bà cụ, rồi nằm dài trên giường và hình như đã ngủ thiếp đi rồi.

Cách hai ngày sau, tức là trước khi tôi lên đường về tỉnh một ngày, thì nghe người làng bàn tán dữ quá. Họ nói rằng anh sẽ đem già nửa đồ đạc trong nhà đốt cho bà cụ, còn bao nhiêu sẽ cho người ở gái, là người hầu hạ bà cụ lúc còn sống, và nay bà cụ chết đi thì chị ta lại đã đưa bà cụ ra tận huyệt. Mà cả cái ngôi nhà cũng để cho chị ta ở đấy luôn, muốn ở đến

lúc nào thì ở. Bà con thân thích đều can ngăn nói rất hơi bông cổ cũng chẳng ăn thua gì.

Có lẽ cũng vì tò mò mà khi tôi ra về, đi qua cổng nhà anh, tôi lại ghé vào chia buồn nhân thế. Anh mặc áo trắng sờ gấu, ra tiếp, nét mặt vẫn lạnh lùng như thế. Tôi khuyên giải một hồi. Anh chỉ vâng vâng dạ dạ, và đáp lại vắn vắn mỗi câu:

- Cảm ơn anh có lòng tốt...

II

Lần thứ ba, hai chúng tôi gặp nhau vào đầu mùa đông năm nọ, trong một hiệu sách ở thành S. Cả hai bên đều gật đầu chào nhau, cùng một lúc, tỏ ý là đã quen nhau rồi. Nhưng chúng tôi bắt đầu gần gũi nhau là vào cuối năm ấy, sau khi tôi mất việc làm. Hồi đó, tôi thường đến thăm anh, một là tất nhiên vì buồn rồi, hai là vì nghe người ta nói, anh tuy tính lạnh lùng như thế, nhưng lại thích chơi với những người gặp chuyện không may. Có điều, thế sự thăng trầm không nhất định, người không may không thể không may mãi, cho nên anh ta cũng ít khi chơi với ai được lâu dài. Lời đồn đại ấy quả thật không sai. Tôi đưa danh thiếp vào tay anh là anh tiếp ngay. Phòng khách của anh là hai gian nhà ăn thông nhau, chẳng bày biện gì cả. Ngoài bàn ghế, chỉ có mấy cái giá để sách. Ai cũng nói anh là một nhà thuộc "tân đảng" ghê lắm, thế mà trên giá sách không có tân thư mấy.

Anh đã biết tôi mất việc rồi, nhưng nói vài câu khách sáo, thì chủ cũng như khách chỉ ngồi lẳng lẳng nhìn nhau. Không khí dần dần trở thành nặng nề. Tôi chỉ thấy anh ngồi hút thuốc liên tiếp, điều thuốc hết nhanh quá, sắp cháy đến ngón tay, anh mới vứt đi. Anh đưa tay lấy điều thứ hai, bỗng dừng nói:

- Hút đi!

Tôi cũng lấy một điều, hút, rồi nói vài câu về chuyện dạy học và chuyện sách vở, nhưng vẫn thấy không khí nặng nề thế nào. Tôi định đứng dậy ra về thì nghe có tiếng la hét và tiếng bước chân rầm rập ngoài cửa. Bốn đứa trẻ vừa trai vừa gái chạy thốc vào. Đứa lớn nhất tám chín tuổi, đứa bé nhất, bốn năm tuổi, đứa nào đứa nấy mặt mũi áo quần nhem nhuốc, mà lại không dễ thương chút nào cả. Nhưng trông thấy chúng, anh lại vui, mắt bỗng sáng ngời lên. Anh ta vội vàng đứng dậy, đi sang phòng bên cạnh, miệng hỏi:

- Lương anh, Lương em lại đây. Hôm qua các cháu đòi *ác-mô-ni-ca*, chú đã mua cho đây này.

Lũ trẻ theo anh ta ừa vào rồi mỗi đứa được một cái *ác-mô-ni-ca* vừa thổi vừa đi ra. Ra khỏi phòng khách, chẳng biết thế nào, lại đánh nhau. Một đứa khóc lên. Anh ta đi theo sau chúng dặn dò:

- Mỗi cháu một cái. Như nhau cả. Không được tranh giành nhau nhé!

Tôi hỏi:

- Con ai mà đông thế?

- Con ông chủ nhà này đấy. Mẹ chúng nó chết rồi. Chỉ còn bà nội.

- Thế, ông chủ nhà ở vậy một mình thôi à?

- Vâng. Bà ta mất có lẽ đã bốn năm nay rồi nhưng ông ta vẫn chưa lấy ai cả. Không thì đâu đã chịu cho người một thân một mình như tôi thuê mấy gian phòng bỏ trống này.

Anh vừa nói, vừa mỉm cười lạnh lùng.

Tôi rất muốn hỏi anh vì sao đến nay anh vẫn chưa lấy vợ, nhưng vì chưa quen lắm, nên không tiện hỏi.

Đã quen thân với nhau rồi, thì dễ nói chuyện với anh lắm. Anh hay nói những tràng nghị luận, thỉnh thoảng đưa ra những ý kiến rất ngộ nghĩnh. Điều làm cho người ta không chịu được, là anh có mấy ông khách, có lẽ là những người đã đọc cuốn *Trảm luân*⁽¹⁾ cả rồi chẳng, nên thường tự ví mình là những "thanh niên bất hạnh", hoặc là "những người thừa". Họ ngồi vắt vẻo trên ghế, vểnh nhác nhóm và kiêu ngạo, vừa than vãn thở dài, vừa chau mày hút thuốc. Lại có lũ con ông chủ nữa, lúc nào cũng cãi cọ nhau, đánh vỡ bát đĩa, vùi quạ, ồn ào nhức cả óc. Nhưng anh Liên Thù hề thấy chúng nó thì lại không có vẻ lạnh lùng

⁽¹⁾ *Trảm luân* là một tập truyện của Úc Đại Phu, một nhà văn hồi Ngũ Tứ. Tác phẩm này xuất bản năm 1921, gồm ba truyện đều tả tâm trạng u uất, bệnh tật của thanh niên, có khuynh hướng đối trụ. Nhân vật trong các truyện của Úc Đại Phu đều là "một chàng thanh niên bất hạnh" hoặc "một người thừa".

như lúc bình thường, anh còn quý chúng nó hơn tính mạng mình nữa. Nghe nói có lần thằng Lương bé lên sỏi, anh hốt hoảng đến nỗi bộ mặt trông đã đen rồi, bây giờ lại càng xạm thêm. Không ngờ bệnh chỉ nhẹ thôi. Về sau bà nội lũ trẻ đem chuyện ấy nói ra, người ta lại có dịp chế giễu anh. Hình như anh cũng thấy tội vò về hơi khó chịu, cho nên một hôm anh có cơ hội là nói ngay với tôi:

- Trẻ con đùa nào cũng tốt, đùa nào cũng chất phác hồn nhiên cả.

Tôi chỉ trả lời cho qua chuyện:

- Cũng chưa hẳn đã như thế!

- Không. Trẻ con không có những tính xấu của người lớn. Về sau con người hỏng đi, như anh thường vẫn công kích, là hoàn cảnh làm cho hư hỏng đi mà thôi, chứ vốn không phải hư hỏng, mà là chất phác, hồn nhiên... Tôi cho rằng Trung Quốc ta mà còn có hy vọng là chỉ hy vọng ở chỗ đó...

- Không phải. Nếu trong người đứa bé mà không có mầm mống của cành, lá, hoa, quả rồi, cho nên khi mọc thành cây mới có thứ đó được chứ? Đâu có lẽ tự dưng mà lại như thế được!

Hồi đó tôi nhàn rồi, không có việc gì làm, nên đành xem kinh Phật, giống như các cụ lớn hễ không làm quan nữa, về hưu một cái là niệm Phật ăn chay. Tất nhiên tôi không hiểu gì Phật lý cả, nhưng cũng không gìn giữ, cứ nói bừa như thế.

Anh Liên Thủ bực mình lắm, lườm tôi một cái,

không nói nữa. Tôi không đoán được là anh đuối lý không trả lời hay là không thèm tranh cãi với tôi. Có điều lại thấy cái thái độ lạnh lùng của anh mà đã lâu không thấy nữa. Anh im lặng hút hai điếu thuốc liền. Đến khi anh sắp lấy điếu thứ ba, thì tôi đành phải rút lui.

Anh giận tôi có đến ba tháng mới nguôi, có lẽ một phần vì quên đi, một phần vì chính anh bị lũ trẻ con "chất phác ngây thơ" kia oán ghét, do đó mà anh thấy rằng những lời tôi nói xúc phạm đến trẻ con cũng có chỗ tha thứ được. Nhưng đó chẳng qua là tôi đoán phỏng thôi. Lúc bấy giờ, anh đến chỗ tôi ở. Uống rượu xong, anh có vẻ bi ai, hơi ngừng mặt lên, nói:

- Nghĩ lại mà lấy làm quái! Khi tôi đi đến đây, giữa đường gặp một đứa trẻ con, bé tí tẹo, nó cầm một lá sậy ở tay, chỉ vào người tôi, hét: "Giết!". Nó đi còn chậm chững, chưa vững bước.

- Đó là hoàn cảnh làm cho hư hỏng đi đấy chứ!

Nói xong, tôi lấy làm hối hận. Nhưng hình như anh ta không để ý, cứ uống rượu thực mạng; và giữa hai ngụm rượu, lại hút thuốc lia lịa.

Tôi liền nói lảng sang chuyện khác:

- À quên, chưa hỏi anh. Anh thường ít đi chơi nhà ai, sao hôm nay cao hứng cái gì lại đến đây thế? Chúng ta quen biết nhau kể cũng đã hơn một năm trời nay, nhưng anh đến đây lần này là lần thứ nhất đấy nhé!

- Chính tôi đang định nói chuyện với anh đây.

Mấy ngày này, nhất thiết anh đừng lại đằng tôi nhé. Đằng tôi, đang có một người lớn và một đứa trẻ con đáng ghét quá. Thật ra không ra người nữa!

Tôi hơi kinh ngạc:

- Một người lớn và một đứa trẻ con? Là ai thế?

- Ông anh họ tôi và thằng con ông ta. Ha ha!...

Con cũng giống bố như đúc.

- Chắc lên thăm anh, rồi nhân thế ở lại chơi chứ gì?

- Không phải. Nói là lên bàn với tôi để tôi nhận thằng bé làm con thừa tự!

- À. Làm con thừa tự cho anh à? - Tôi kinh ngạc quá không thể không kêu lên - Không phải là anh chưa lấy vợ kia mà?

- Họ biết là tôi không lấy vợ. Nhưng đó không phải là điều quan trọng. Kỳ thực, họ chỉ muốn thừa tự cái ngôi nhà nát của tôi ở Hàn Thạch Sơn thôi! Chắc anh biết, ngoài ra, tôi còn có gì nữa đâu! Tiền, được đồng nào vào tay là tiêu sạch, chỉ có mỗi ngôi nhà nát đó. Mục đích ở trên đời của cả hai bố con họ là đuổi người ở gái tôi cho ở nhờ đấy.

Câu nói trắng trợn của anh làm cho tôi ghê rợn. Nhưng tôi cứ tìm lời an ủi:

- Tôi nghĩ người bà con anh cũng không đến nỗi như thế. Chẳng qua óc họ còn cũ một tí thế thôi. Đấy, như cái năm nọ, lúc anh khóc dữ quá, họ đến vây lấy anh, hết sức khuyên giải anh. Nhiệt tình lắm đấy chứ!...

- Lúc thầy tôi mất, họ định cướp ngôi nhà của tôi,

ép tôi ký tên vào văn tự, tôi khóc to, họ cũng đến vây lấy tôi và cũng khuyên giải nhiệt tình như thế!...

Hai con mắt anh đăm đăm nhìn lên không trung, như đang hình dung lại tình cảnh lúc bấy giờ.

- Nói tóm lại, cũng là tại anh không có con nối dõi. Nhưng mà tại sao anh lại cứ không chịu lấy vợ thế?

Tôi bỗng tìm ra được cách chuyển câu chuyện sang hướng khác và cũng để hỏi điều tôi muốn hỏi anh từ lâu. Không có dịp nào tốt hơn nữa.

Anh nhìn tôi, ngạc nhiên. Một lát, anh cúi xuống nhìn vào đầu gối, thế rồi cứ hút thuốc không trả lời.

III

Tuy anh Liên Thù sống trong cảnh cô liêu như vậy mà người ta cũng có để anh yên thân đâu. Dần dần, có kẻ giấu tên viết bài công kích anh trên mấy tờ lá cải. Trong giáo giới, cũng thường có những tin đồn nhảm về anh, nhưng bây giờ không phải là lời nói đùa chế giễu chơi như trước nữa mà là những lời đồn thương tổn đến anh. Tôi cũng không để ý lắm, tôi biết đó là kết quả những bài văn mấy lâu anh thường đăng trên các báo. Ở thành S, người ta chúa ghét những anh viết những bài nghị luận không kiêng nể ai cả. Ai như thế là họ ngấm ngấm quật lại. Xưa nay vẫn như thế. Chính anh Liên Thù cũng biết. Nhưng đến mùa xuân, bỗng nghe nói anh bị ông hiệu trưởng

mời ra khỏi trường. Tin đó làm cho tôi thấy hơi đột ngột. Thật ra, xưa nay vẫn như thế rồi, chẳng qua là vì tôi mong cho những người mình quen biết được may mắn hơn mà tránh khỏi, cho nên mới thấy đột ngột. Chứ không phải là lần này người ở thành S. có ác gì hơn trước đâu!

Lúc đó, một phần vì tôi đang bận vì sinh kế, một phần lại đang chạy vay để mùa thu sắp tới có thể lên Sơn Dương dạy học được, nên không có thì giờ đến thăm anh. Đôi lúc nhàn rỗi một tí - chừng ba tháng sau khi anh mất việc - thì lại không nghĩ đến chuyện đến thăm nữa. Có một hôm, đi qua phố chính, tình cờ dừng lại trước hàng sách cũ tôi không thể không sững sốt khi thấy ở đây có bày một bộ *Sử ký sách ẩn*⁽¹⁾ do Cấp-Cổ-Các in lần thứ nhất. Bộ này chính là của Liên Thủ. Anh ta rất thích sách, nhưng không phải là một người chơi sách. Bộ này cũng kể là một bộ anh cho là quý lắm. Không phải là vụn vặt đặc dị thì đời nào chịu đem bán đi, lẽ nào vừa mất việc hai ba tháng mà đã túng thiếu như thế rồi ư? Mặc dù từ trước nay, hề có tiền là anh tiêu hết, không dành dụm gì cả. Thế là tôi nhất định đến thăm anh. Dọc đường nhân tiện, tôi mua hai chai rượu, hai gói lạc rang và hai cái đầu cá nướng. Cửa phòng anh đóng kín. Gọi

⁽¹⁾ *Sử ký sách ẩn* gồm 30 quyển, của Tư Mã Trinh đời Đường soạn thảo là sách chú thích sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên. Cấp-Cổ-Các là tên thư viện của Mao Tấn đời Minh. Ông ta thích in sách, *Sử ký sách ẩn* là một trong những cuốn ông đã khắc và in lại theo bản cũ đời Tống.

to hơn mấy tiếng không thấy thừa. Tôi nghi là anh đang ngủ, lại gọi hơn và đập cửa.

- Đi vắng rồi!

Một người đàn bà béo, con mắt xếch, đứng ở cửa sổ đối diện, thò cái đầu hoa râm ra, cũng nói to, hình như có ý bực. Đó là bà nội mấy thằng Lương anh, Lương em.

Tôi hỏi:

- Đi đâu ạ?

- Đi đâu ai biết được? Ông ấy thì còn đi đâu! Cứ đợi đấy, lát nữa thế nào cũng về thôi!

Tôi đẩy cửa đi vào phòng khách. Quả thật là "nhất nhất bát kiến như tam thu hê!", nhìn đâu cũng thấy trống không, lạnh lẽo, không những đồ đạc chẳng còn mấy cái mà đến sách vở cũng chỉ còn trơ lại các quyển đóng kiểu tay và ở thành S. Chẳng ai thêm mua. Cái bàn tròn đặt giữa nhà vẫn còn đó, trước đây mấy bố thanh niên khảng khái, chán nản, mấy bậc kỳ sĩ hoài tài bất ngộ và lũ trẻ ồn ào, bản thủ, thường cứ vây quanh đấy, bây giờ thì vắng tanh và mặt bàn phủ một lớp bụi mỏng. Tôi đặt chai rượu và mấy cái gói xuống, kéo một chiếc ghế lại, dựa lưng vào bàn, ngồi ngoảnh nhìn ra cửa.

Quả đúng một lát thì cửa mở. Một người đi vào, lặng lẽ như cái bóng. Chính là anh Liên Thủ. Có lẽ là vì trời gần tối chẳng, nên trông anh đen hơn trước, nhưng vẻ mặt vẫn không đổi khác.

Anh có vẻ vui mừng, hỏi:

- À, anh! Đến lâu chưa?

Tôi nói:

- Cũng mới đến thôi. Anh đi đâu về thế?

- Chả đi đâu cả. Đi lảng nhăng một tí.

Anh cũng kéo ghế lại, ngồi cạnh bàn. Hai chúng tôi bắt đầu uống rượu và nói chuyện về việc anh mất việc. Nhưng anh lại không muốn nói nhiều về chuyện đó. Anh cho rằng đó cũng là một việc đã liệu trước rồi, thường cũng đã vấp nhiều rồi, không lấy gì làm lạ, và cũng không có gì đáng nói. Như thường lệ, anh vẫn ngồi uống hết chén này đến chén khác, và vẫn đem chuyện xã hội, chuyện lịch sử ra bàn. Không biết thế nào, thấy giá sách trống rỗng, tôi lại sức nhớ đến bộ *Sử ký sách ấn* do Cấp-Cổ-Các in lần thứ nhất. Tôi bỗng có một cảm giác quạnh hiu, buồn thương vợ vắn:

- Phòng khách anh lạnh lẽo thế này... Độ này chắc ít ai đến chơi nhỉ?

- Chẳng ai đến cả. Họ cho rằng tôi đang buồn bực, đến chơi cũng chẳng thú vị gì. Minh buồn bực thì quả cũng làm cho người khác khó chịu. Mùa đông ai lại đi dạo vườn hoa bao giờ?

Anh uống liền hai hớp rượu, ngồi im lặng, suy nghĩ. Bỗng anh ngẩng lên nhìn tôi, hỏi:

- Cái chỗ anh chạy chọt dạo nọ cũng lại không xong rồi phải không?

Tuy biết anh có ý say, nhưng nghe hỏi thế, tôi

cũng hơi bực, đang định nói, thì thấy anh vênh tai ra nghe ngóng rồi cầm một nắm lạc đi ra. Ngoài cửa có tiếng bọn thằng Lương cười cười nói nói ồn ào.

Nhưng anh vừa đi ra thì bọn chúng im bật và hình như đã bỏ chạy cả. Anh chạy theo, nói gì gì, nhưng không nghe có tiếng trả lời. Anh ta lại trở vào lảng lạng như một cái bóng, rồi bỏ nắm lạc vào gói giấy.

Anh nói nhỏ, giọng mỉa mai:

- Đến cái mình cho chúng nó mà chúng nó cũng không thèm ăn.

Tôi cảm thấy buồn quá, nhưng cũng cố làm bộ mỉm cười, nói:

- Anh Thù, tôi thấy anh chỉ chuốc lấy khổ vào người. Anh cho người đời ai cũng xấu cả.

Anh cười gằn một tiếng.

- Tôi nói chưa hết. Đối với chúng tôi là những người thỉnh thoảng lại thăm anh, anh cũng cho là vì rồi rồi không có việc gì làm, nên đến đây, lấy anh ra làm trò tiêu khiển chứ gì?

- Đâu có. Nhưng cũng có lúc nghĩ như vậy. Hoặc là đến tìm ít mẩu chuyện về tôi để đi chỗ khác có cái nói.

Tôi thở dài nói:

- Thế thì anh nhầm rồi. Người ta thực ra có ai như thế đâu. Chính anh làm cho anh cô độc. Như con tằm, anh tự bủa xung quanh anh một tổ kén, rồi nhốt mình vào trong đó. Anh nên nhìn đời sáng sủa hơn một chút.

- Cũng có lẽ như thế thật. Nhưng tôi hỏi anh, những sợi tơ mà tôi xây tổ kén đó, tôi lấy đâu ra? Tất nhiên là trên đời cũng có nhiều người như thế rồi. Như bà nội tôi chẳng hạn. Tôi tuy không cùng máu mủ với bà cụ, nhưng có lẽ tôi sẽ thừa kế cái số phận của bà cụ. Có điều cũng không hề gì. Tôi đã khóc trước số phận của tôi khi tôi khóc bà cụ...

Cái cảnh hôm nhập liệm bà cụ anh bỗng lại hiện ra trước mắt tôi. Tôi hỏi đột ngột:

- Tôi vẫn không hiểu làm sao lúc bấy giờ anh lại khóc to như thế?

- Lúc nhập liệm bà nội tôi ấy à? Ừ, anh không hiểu là phải.

Anh chậm dần lên rồi bình tĩnh nói tiếp:

- Tôi chắc chính vì lần tôi khóc như thế mà anh đi lại với tôi, phải không? Anh không biết đấy chứ, bà cụ ấy là mẹ kế của thầy tôi, còn cụ bà đẻ ra thầy tôi thì đã qua đời lúc thầy tôi mới lên ba tuổi cơ. Rồi anh có vẻ trầm tư, ngồi uống rượu và ăn hết cả cái đầu cá nướng.

- Những điều dĩ vãng ấy, tôi vốn không biết. Và hồi còn nhỏ tôi cảm thấy không sao hiểu được. Hồi đó, thầy tôi còn sống, cảnh nhà còn khá, cứ đầu năm mới là thầy tôi lại đem những bức chân dung tổ tiên ra thờ, trọng thể lắm. Hồi đó, được ngắm những người mặc quần áo đẹp đẽ như thế, tôi lấy làm sướng mắt lắm. Nhưng cái u em bế tôi lại chỉ vào một bức mà nói:

- Đây mới thật là bà nội đây này! Lạy bà đi để bà phù hộ cho chóng lớn!

Tôi thật không hiểu tại sao đã có một bà nội rành rành đó rồi, mà lại còn có một bà "thật là nội" đó lắm. Bà ta không già như bà nội ở trong nhà, còn trẻ, trông rất đẹp, mặc áo đỏ thêu kim tuyến, đội mũ giắt hạt trai, không khác mẹ tôi mấy. Khi tôi nhìn bà thì con mắt bà cũng nhìn chòng chọc vào tôi, và nụ cười ở khoé miệng càng lâu càng rõ. Tôi chắc chắn rằng nhất định bà yêu tôi lắm. Nhưng tôi cũng yêu bà nội hiện ở trong nhà, suốt ngày ngồi trước cửa sổ khâu vá. Bà cụ khác với bà nội người ta ở chỗ dù tôi vui vẻ nô đùa trước mặt bà cụ, hoặc giả có gọi bà cụ, cũng không làm cho bà cụ vui lên được. Tôi thấy bà cụ lạnh lùng quá. Về sau, tôi dần dần xa bà cụ. Cũng không phải là người để ra thấy tôi, mà chính là vì cứ thấy bà cụ ngồi lì khâu vá, năm này sang tháng khác, như cái máy, tự nhiên tôi đâm ra khó chịu. Có điều bà cụ thì vẫn cứ như trước, vẫn cứ ngồi khâu vá, vẫn săn sóc tôi, chiều chuộng tôi, tuy ít khi vui cười, nhưng cũng không quở mắng. Cho đến khi thấy tôi mất, bà cụ vẫn cứ như thế. Về sau, thì cơ hồ chúng tôi hoàn toàn sống nhờ vào đường kim mũi chỉ của bà cụ, mà bà cụ thì tất nhiên vẫn không đổi khác, cho đến khi tôi đi học.

Ngon đèn mờ dần. Dầu đã cạn. Anh đứng dậy mò dưới giá sách ra một cái bình sắt tây nho nhỏ, rót thêm dầu.

- Chỉ trong mỗi tháng này thôi mà dầu hoả đã tăng giá hai lần rồi đấy nhé! - Anh vừa xoay cái cổ đèn vào, vừa nói thông thả - Đời sống càng ngày càng khó khăn tẻ!... Bà cụ vẫn cứ như thế. Cho đến khi tôi tốt nghiệp, có việc làm, đời sống trong nhà mới được thư thả hơn trước. Mà tôi e bà cụ vẫn cứ như thế cho đến khi lâm bệnh, thật tình không gắng gượng được nữa, mới phải nằm xuống... Theo tôi nghĩ thì trong tuổi già, bà cụ kể cũng không đến nỗi vất vả lắm, và sống được như thế kể cũng đã gọi là thọ rồi, tôi không cần phải khóc làm chi. Vả lại, đã có bao nhiêu người khóc rồi. Cả những người trước kia làm nhục bà cụ cũng khóc, ít ra ai cũng làm ra vẻ cảm cảnh. Ha... Ha... Nhưng không hiểu làm sao, lúc đó, cả cuộc đời bà cụ lại thu gọn và hiện ra trước mắt tôi, cuộc đời một người chính mình làm cho mình cô độc, rồi ngồi nghiền ngẫm cái cảnh cô độc của mình. Tôi cảm thấy những người như thế không phải là ít. Và những người đó làm cho tôi phải khóc lên. Nhưng phần lớn có lẽ vì tôi hồi đó hơi nhiều tình cảm quá!...

Ý kiến của anh đối với tôi bây giờ chính là ý kiến của tôi đối với bà cụ tôi ngày trước. Nhưng ý kiến của tôi hồi đó kỳ thực không đúng. Ngay tôi đây từ khi bắt đầu hơi hiểu cuộc đời, thì quả tôi đã dần dần xa bà cụ.

Anh trầm ngâm, kẹp diếu thuốc ở ngón tay, cúi đầu, nghĩ ngợi. Ngọn đèn cũng khi tỏ khi mờ.

- Hừ! Muốn làm sao cho khi mình chết, không ai phải vì mình mà khóc, cũng không phải là việc dễ.

Anh lắm bầm như nói một mình. Ngừng lại một tí anh ta lại ngừng lên nhìn tôi, nói tiếp:

- Nghĩ lại thì anh cũng chẳng có cách nào giúp tôi cả. Tôi cần phải tìm gấp việc gì làm...

- Anh không có người bạn nào có thể nhờ cậy được ư?

Quả lúc đó tôi cũng đang lo cho thân tôi chưa xong.

- Kể ra thì có mấy người đấy, nhưng cảnh ngộ của họ cũng chẳng khác gì tôi cả.

Lúc tôi từ biệt anh Liên Thù ra cửa thì trăng đã lên giữa đỉnh đầu, tròn vành vạnh. Đêm về khuya rất tĩnh mịch.

Tình cảnh tôi dạy học ở Sơn Dương không lấy gì làm tốt đẹp lắm. Dạy hai tháng rồi mà vẫn không nhận được đồng lương nào trong tay, đến nỗi món thuốc lá mà cũng phải giảm đi. Có nhiều những người trong trường này, kể cả những anh viên chức nhỏ, lương bổng mười lăm, mười sáu đồng thôi, nhưng mà ai cũng tỏ ra là những người lạc thiên tri mệnh cả. Họ đã chịu đựng quen nên đã thành xương đồng da sắt. Mặt có vàng ra, người có tóp đi, họ vẫn cứ làm việc từ sáng đến tối. Khi thấy người nào địa vị cao hơn họ một tí họ còn phải đứng dậy chào hết sức cung kính nữa. Quả họ là những người không cần "ăn

no mặc đủ" rồi mới biết lẽ nghĩa. Mỗi khi tôi nhìn thấy tình cảnh đó, không hiểu sao tôi lại sức nhớ đến những lời anh Liên Thù nhờ cậy tôi, khi chia tay nhau. Đạo ấy, đời sống của anh khó khăn quá, sự túng quẫn thường lộ ra cả nét mặt. Nhìn anh tựa hồ không thấy cái vẻ trầm ngâm ngày trước nữa. Biết tôi sắp lên đường, đang đêm, anh đến thăm. Ngần ngừng hồi lâu, anh ta mới áp ứng:

- Không biết trên đó có cách gì không nhỉ? Sao chép mỗi tháng ba mươi đồng cũng được. Tôi...

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên, không ngờ anh lại chịu làm những việc như thế. Trong khoảnh khắc tôi không nói ra lời.

- Tôi... Tôi còn phải sống ít lâu nữa.

- Để lên đó tôi xem xem... Thế nào cũng hết sức giúp đỡ anh.

Tôi cương quyết hứa với anh như vậy, và lời hứa đó vẫn hằng văng vẳng bên tai tôi, đồng thời hình ảnh của anh cũng hiện lên trước mắt. Tôi như thấy anh áp ứng nói câu: "Tôi còn phải sống ít lâu nữa". Những lúc đó, tôi liền tìm hết cách chạy chọt cho anh khắp nơi. Nhưng có được gì đâu? Việc ít, người nhiều. Kết quả là họ nói với tôi một vài câu xin lỗi, và tôi cũng gửi cho anh một bức thư xin lỗi. Tôi dạy gần hết một học kỳ, tình hình lại càng rắc rối. Tờ *Học lý chu báo* của mấy tay cự phách ở đây chủ trương bắt đầu công kích tôi. Tất nhiên là họ không chỉ đích danh, nhưng họ nói

bóng gió rất khéo, làm cho ai đọc cũng cảm thấy tôi đang gây phong trào trong học sinh phản đối nhà trường. Và việc tôi đề cử anh Liên Thù dạy ở đây, họ cũng nói là tôi cốt gây bè kéo cánh.

Tôi đành phải ngồi yên không dám làm gì cả. Ngoài giờ lên lớp ra là ở nhà đóng cửa lại, trốn tránh. Đến cả khói thuốc lá lọt qua khe cửa sổ mà có khi cũng sợ tình nghi là gây phong trào phản đối nhà trường! Việc của anh Liên Thù lại càng không thể đả động tới. Như thế cho tới giữa mùa đông.

Hôm ấy, tuyết xuống, mãi tới khuya vẫn chưa tạnh. Bên ngoài vắng lặng quá, vắng lặng đến nỗi như có thể nghe thấy được âm thanh của sự vắng lặng. Dưới ánh đèn heo hắt, tôi nhắm mắt ngồi khàn, tưởng tượng thấy hoa tuyết rơi từng đoá từng đoá xuống lớp tuyết đã phủ đầy trên mặt đất, tưởng như thấy quê tôi chuẩn bị ăn tết, ai nấy bận tíu tít, còn tôi vẫn còn là một đứa bé đang cùng với bọn trẻ con đang lấy tuyết đắp tượng La Hán ở chỗ đất bằng trong mảnh vườn sau nhà, rồi lấy hai cục than nhỏ điểm vào làm mắt cho ông La Hán, đen láy. Bỗng hai con mắt nhỏ nhấp nháy, biến thành hai con mắt của anh Liên Thù.

"Tôi cần phải sống thêm ít nữa"

Vẫn là cái giọng đạo nọ.

- Tại sao vậy?

Tự dừng, tôi hỏi như thế, và liền cảm thấy buồn

cười. Câu hỏi buồn cười đó làm cho tôi chột tỉnh. Tôi ngồi ngay ngắn lại, châm một điếu thuốc, ẩy cánh cửa nhìn: quả là tuyết xuống càng nhiều. Nghe có tiếng gõ cửa. Một lát sau, nghe có người đi vào nhưng là bước chân đã quen của người làm vật trong khách sạn. Anh ta đẩy cửa, đưa cho tôi một phong thư dài hơn sáu tấc⁽¹⁾, chữ viết nguệch ngoạc, nhưng liếc qua cũng thấy hai chữ "*Ngụy gửi*". Thư của anh Liên Thù!

Đây là bức thư đầu tiên mà anh gửi cho tôi từ ngày tôi xa thành S. Vốn biết tính anh lười, nên mấy lâu nay không nhận được thư của anh, tôi cũng không thấy làm lạ. Tuy nhiên nhiều lúc cũng giận anh không cho mình biết một tin tức gì về anh cả. Đến khi nhận được thư này, thì bỗng dưng tôi lại thấy làm lạ, vội vàng mở ra xem. Chữ trong thư cũng nguệch ngoạc như thế. Thư viết như sau:

Gửi anh Thân Phi...

Biết xưng hô với anh như thế nào đây cho phải? Thôi thì để trắng vậy. Rồi anh muốn tôi xưng hô với anh như thế nào thì cứ việc điền vào. Thế nào cũng được.

Sau buổi chia tay, tôi nhận được của anh ba bức thư tất cả, nhưng tôi không trả lời. Lý do rất đơn giản: cả đến tiền mua tem gửi thư, tôi cũng không có.

Có lẽ anh cũng muốn biết một ít tin tức về tôi nhỉ? Nói ngay để anh rõ: tôi thất bại rồi! Trước kia,

⁽¹⁾ Sáu tấc Trung Quốc bằng 20 cm.

tôi cứ tưởng mình như thế là đã thất bại, bây giờ mới rõ là chưa phải, mà chính ngày nay tôi mới thất bại thật sự. Trước kia, còn có người muốn cho tôi sống thêm ít lâu nữa, và tôi cũng muốn như thế, nhưng không sống nổi. Đến bây giờ, thì không cần thiết phải sống nữa, song vẫn cứ phải sống.

Nhưng cứ như thế mà sống ư?

Cái người muốn tôi sống thêm ít nữa, mà rồi tôi không sống nổi đó, cái người ấy đã bị kẻ thù lừa giết mất rồi. Ai giết? Chả ai biết cả.

Đời người thay đổi chóng quá mất thôi. Nửa năm nay, tôi chẳng khác gì người ăn xin, mà thực tế thì cũng có thể nói được là đã ngửa tay ăn xin rồi. Tuy nhiên, tôi thấy mình còn có nhiều việc phải làm, vì thế, tôi vui lòng ăn xin, chịu đói chịu rét, chịu hiu quạnh, chịu đắng cay. Cốt sao đừng chết mất thôi. Anh tính, đời còn có người muốn cho mình sống thêm ít lâu nữa, điều đó có một sức mạnh lớn lao dường nào. Nhưng giờ đây thì không còn có sức mạnh đó nữa, con người đó cũng không còn nữa. Và chính tôi cũng cảm thấy mình không đáng sống nữa. Cả những người khác cũng thế. Nhưng đồng thời, tôi lại cảm thấy rằng, chính vì những người không muốn cho tôi sống, mà tôi lại phải sống. Có điều hay cho tôi là cái người muốn cho tôi sống nay không còn nữa, cho nên tôi không sợ ai vì tôi mà đau lòng. Làm cho một người như thế đau lòng, điều đó thật tôi không muốn chút nào cả. Nhưng bây giờ thì không còn nữa

rồi, cả đến người ấy cũng không còn nữa rồi. Khoan khoan lắm! Thoải mái lắm! Tất cả những cái gì xưa kia tôi thù ghét, phản đối, bây giờ tôi làm hết. Tất cả những cái gì xưa kia tôi sùng bái, chủ trương, bây giờ tôi bỏ hết. Tôi đã phải thất bại thực sự rồi!... Nhưng mà tôi đã thắng lợi.

Anh cho tôi là điên ư? Cho tôi đã thành anh hùng hoặc vĩ nhân ư? Không. Không đâu. Chỉ giản đơn như thế này thôi: ít lâu nay tôi đã làm cố vấn cho sư trưởng họ Đỗ, lương tháng tám chục đồng.

Anh Thân Phi...

Anh cho tôi là hạng người như thế nào, cái đó tùy anh. Muốn cho là gì cũng được.

Chắc anh còn nhớ cái phòng khách của tôi ngày trước chứ? Cái phòng chúng mình gặp nhau lần đầu và từ biệt nhau lần cuối ấy mà! Bây giờ tôi vẫn dùng phòng ấy làm phòng khách. Ở đây, có những ông khách mới, có những lễ lạt mới, những lời tặng bốc mới, những sự chạy chọt mới, những cái cúi đầu khom lưng mới, những cuộc chơi bời, đánh đố mới, những cái nhìn lạnh lùng, hằn học mới, những đêm thức trắng mới và những lúc thổ huyết mới.

Trong bức thư trước, anh có nói rằng việc anh dạy học không được như ý. Thế có muốn làm cố vấn không nào? Cứ bảo tôi, tôi xoay cho. Thực ra, làm một anh gác cửa cũng không hề gì. Cũng có những ông khách và những món lễ lạt mới, những lời ton hót mới...

Ở đây, tuyết xuống nhiều rồi. Trên ấy như thế nào? Bây giờ đã khuya, tôi vừa học ra hai cốc máu, thấy người tỉnh hẳn ra, sức nhớ từ sang thu đến nay, anh đã lần lượt gửi cho tôi ba bức thư. Thật là một điều kinh ngạc hết sức. Cho nên tôi nghĩ phải cho anh biết một số tin tức về tôi mới được. Mong anh không đến nổi bực mình, chán ngán. Sau này, có lẽ tôi không thư từ gì cho anh nữa đâu. Cái tính tôi, anh còn lạ gì! Bao giờ thì anh trở về đây? Nếu về sớm, chắc có thể gặp nhau đấy.

Nhưng tôi nghĩ chúng ta đã không còn đi cùng một con đường nữa rồi, thế thì mong anh quên tôi đi là hơn. Tôi thành thực cảm ơn anh trước kia thường lo lắng cho đời sống của tôi. Nhưng bây giờ thì anh quên tôi đi. Tôi nay đã "tởm" lắm rồi!

Liên Thu

Ngày 14 tháng...

Mặc dù bức thư này không làm cho tôi "bực mình chán ngán", nhưng sau khi xem qua một lần, rồi xem kỹ một lần nữa, tôi cũng cảm thấy hơi khó chịu, đồng thời cũng cảm thấy hơi khoái chí. Tôi lại nghĩ bụng, bây giờ sinh kế không còn là vấn đề đối với anh nữa, tôi cũng có thể trút hết được một gánh nặng, mặc dù về mặt này, thủy chung tôi chưa hề giúp được gì cho anh. Bỗng tôi lại nghĩ đến chuyện viết thư trả lời anh, nhưng viết thì biết nói gì bây giờ, nên lại thôi không muốn viết nữa. Và dần dần thực tình tôi đã quên anh. Hình ảnh của anh không mấy khi hiện lên trong ký

ức tôi nữa. Nhưng nhận được thư của anh chưa được mười ngày thì tòa soạn *Học lý tuần báo* ở thành S. bỗng lại tiếp tục gửi báo của họ đến cho tôi. Tôi thường ít đọc những của ấy, nhưng đã gửi tới thì cũng tiện tay lật xem. Không ngờ, tờ báo đó lại làm cho tôi nhớ đến anh Liên Thủ bởi vì thường thường ở đây có đăng những bài thơ văn liên quan đến anh, như bài *Đến chơi nhà Liên Thủ tiên sinh một đêm tuyết xuống* hoặc bài *Một buổi gặp mặt của các nhà thơ ở thu trai quan Cố vấn Liên Thủ*.

Có một lần ở mục *Nhàn đàm*, có đăng một bài dài *Kể lại những mẩu chuyện trước kia* người ta truyền cho nhau để chế giễu anh, những mẩu chuyện đó gọi là "dật văn" nghĩa là những mẩu giai thoại. Tuy ý tại ngôn ngoại, nhưng đọc lên, người ta cũng thấy tác giả muốn nói rằng: "Phàm những con người phi thường tất có thể làm những việc phi thường".

Không hiểu sao, tuy những bài báo đó làm cho tôi nhớ đến anh, nhưng trong ký ức tôi thì hình ảnh anh lại cứ không rõ gì cả, có điều tựa hồ như lại càng thân mật hơn. Điều đó làm cho tôi bỗng dưng thường thấy khó chịu và hơi rùng mình, mà không biết duyên cớ vì đâu. May sao, đến mùa thu thì không thấy tờ *Học lý tuần báo* gửi đến nữa.

Nhưng tờ *Học lý tuần báo* ở Sơn Dương lại đăng liên tiếp một bài nghị luận khá dài đề là: "*Lời đồn đại cũng là sự thực*". Trong đó có nói rằng: những lời đồn đại về mấy ông nọ đã được truyền đến tai những vị

thân sĩ đứng đắn rồi! Bài đó ám chỉ một số người trong đó có tôi. Tôi đành phải hết sức cẩn thận, và cứ như trước, cả đến khói thuốc lá cũng phải giữ gìn không cho bay ra ngoài. Giữ gìn cẩn thận như thế thật đến khổ và mất cả thì giờ, thành ra trăm việc đều bỏ phế, và tất nhiên là không có thì giờ rồi để nhớ đến anh Liên Thù. Tóm lại, kỳ thực tôi đã quên hẳn anh rồi.

Nhưng rốt cuộc rồi cũng không nấn ná đến nghỉ hè được. Cuối tháng năm tôi đã rời khỏi Sơn Dương.

Từ Sơn Dương dời đến Lịch Thành, rồi lại từ Lịch Thành dời đến Thái Cốc, dời đi dời lại, mất gần nửa năm mà vẫn không tìm ra việc làm, tôi liền nhất định trở về thành S. Về đến nơi vào một buổi chiều đầu xuân, trời muốn mưa và không mưa được. Một màu xám bao trùm lấy cảnh vật. Chỗ trọ cũ còn có phòng để không, tôi lại đến ở đó. Trên đường về sức nhớ đến anh Liên Thù, nên tới nơi tôi liền định cơm chiều xong là đi thăm anh. Tôi mang theo hai gói bánh nướng Văn Hỉ, ngon có tiếng. Phải đi qua bao nhiêu chặng đường ướt át, và phải tránh bao nhiêu con chó nằm kênh ra giữa lối đi, mới tới được trước cửa nhà anh. Trong nhà đèn đuốc có vẻ khác thường. Tôi nghĩ bụng: đã là cố vấn thì đến chỗ ở cũng phải cho thật sáng sủa chứ, rồi bất giác cười thầm. Nhưng khi ngửng đầu lên nhìn thì thấy trong cánh cổng có cái gì trắng trắng. Rõ ràng là một tờ

giấy dán chéo⁽¹⁾. Tôi lại nghĩ: Chắc là bà nội mấy thằng Lương lớn, Lương bé chết chứ gì! Và tôi bước qua cổng đi thẳng vào trong.

Một chiếc quan tài đặt giữa sân, dưới ánh sáng một ngọn đèn lù mù. Một người lính mặc quân phục đứng cạnh. Có lẽ là anh lính hầu cận. Và có một người nào đang nói chuyện với y. Nhìn ra thì lại là bà nội thằng Lương. Ngoài ra, còn có mấy người phu mặc áo cộc đứng ở đó chẳng làm gì cả.

Tim tôi bỗng đập mạnh. Bà cụ quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, bỗng nói to:

- Trời ơi! Ông về đây rồi à? Sao không về sớm lấy ít ngày trước?

- Ai... ai mất đấy ạ?

Thực ra tôi cũng đại khái đoán ra rồi, nhưng cứ hỏi.

- Cụ lớn Ngụ. Ngài mất từ hôm qua.

Tôi nhìn xung quanh. Phòng khách tối om.

Hình như chỉ có một ngọn đèn, ở nhà giữa lại treo một bức màn tang trắng. Có mấy đứa trẻ xúm nhau ở ngoài nhà. Đó là bọn thằng Lương lớn, Lương bé.

Bà nội thằng Lương đi lên trước, đưa tay chỉ cho tôi, nói:

- Ngài nằm ở đây này. Sau khi ngài ăn mừng

⁽¹⁾ Theo phong tục dân gian Trung Quốc ngày trước, thì khi trong nhà có người chết, ở trước cổng người ta dán chéo một tờ giấy viết tên, tuổi người chết, để những người có tuổi liên quan đến tuổi người chết biết mà tránh khi nhập quan.

xong, tôi để cả gian nhà giữa cho ngài thuê. Bây giờ ngài nằm ở đây.

Bức màn tang trơ trụi, không treo gì cả. Phía trước có một chiếc bàn dài, và một chiếc bàn vuông, trên chiếc bàn vuông bày mười đĩa thức ăn và cơm. Tôi vừa bước vào, bỗng có hai người mặc áo tang ra cản lại, mắt như mắt cá chết trôi, trợn lên lộ vẻ kinh ngạc và ngờ vực, nhìn chòng chọc vào mặt tôi. Tôi vội vàng nói rõ mối quan hệ giữa tôi và anh Liên Thù. Bà nội thẳng Lương cũng đứng ra làm chứng cho. Bấy giờ họ mới dần dần buông tay ra và cũng không nhìn tôi như trước nữa, mặc nhiên để cho tôi đi đến nghiêng mình trước linh sàng.

Tôi vừa nghiêng mình một cái, bỗng có người nào ngồi dưới đất khóc hu hu... Định thần nhìn thì thấy một đứa bé hơn mười tuổi, phủ phục trên chiếc đệm rơm, cũng mặc áo tang, đầu cạo nhẵn thín, đội chiếc mũ bên bằng gai to tướng.

Trò chuyện với hai người họ, mới biết một người là anh em họ với anh Liên Thù, kể là người bà con gần nhất của anh. Còn người kia là cháu họ xa. Tôi xin được vào nhìn mặt người bạn cũ lần chót. Họ hết sức ngăn cản, nói là "không dám". Sau nói mãi, họ mới nghe và chịu vén bức màn tang lên cho nhìn.

Lần này là lần tôi gặp anh Liên Thù khi anh đã chết rồi. Nhưng sao lạ! Tuy anh mặc bộ quần áo lót ngắn và nhàu nát, trên thân áo còn có vết máu, mặt hốc hác đến thảm hại, nhưng diện mạo thì vẫn như

trước kia, miệng mím chặt, mắt nhắm lại, vẻ yên tĩnh, như đang ngủ, khiến cho tôi có ý muốn đặt tay trước mũi anh xem có phải anh vẫn còn đang thở thật đấy không?

Ai đấy đều im lặng như chết, cả người chết lẫn người sống. Tôi lùi ra. Người anh em họ của anh đến nói chuyện: nào là "chú nó" đang giữa lúc trẻ trung, đường công danh còn rộng rãi, thế mà bỗng "hóa ra" người thiên cổ. Đó không những là điều bất hạnh cho "họ hàng" mà cũng làm cho "bầu bạn đau lòng". Ông ta không nói ra, nhưng có ý như xin lỗi họ cho anh Liên Thù. Người miền núi biết ăn nói như thế cũng hiếm. Nhưng sau đó thì không khí lại trầm mặc. Ai nấy đều im lặng như chết, cả người chết lẫn người sống.

Tôi thấy chán ngắt, chẳng thương xót gì cả, nên lùi ra sân nói chuyện với bà nội thăng Lương. Nhân đó mới biết là sắp đến giờ nhập liệm, chỉ còn chờ bộ áo quần mới đang đi may cho người chết về nữa thôi. Lại biết khi nào đây nắp quan tài thì bốn tuổi "tí, ngọ, mao, dậu" nhất thiết phải tránh cho xa. Bà cụ nói về thích thú lắm, thao thao bất tuyệt, như nước suối chảy. Bà cụ kể lại bệnh tình anh Liên Thù, nói đến tình cảm lúc anh còn sống, và cũng xen vào một vài câu bình phẩm.

- Để tôi nói cho ông nghe. Ông lớn Ngụy từ khi gặp vận hội, thì khác trước lắm, mặt lúc nào cũng vênh lên, trông nghênh ngang lắm. Đối với mọi người cũng

không phải quá lạnh lùng như trước. Ông biết đấy, ngày trước, cứ như là người câm, một ngày không được một tiếng. Với lại, trước đây chẳng gọi tôi bằng "cụ" là gì, thế mà sau này thì gọi là "già". Hi! Hi! Thật là hay đáo để. Người ta đưa biếu món Truật Tiên Cư⁽¹⁾, không ăn lại đem quăng ra sân - ở chỗ này đây - gọi tôi bảo: "Già này! Già có ăn thì ăn". Sau khi ông ta gặp vận hội, kẻ lui người tới đông lắm, tôi phải nhường cái gian nhà giữa cho mà ở, còn tôi thì dọn vào cái gian xép này. Từ khi gặp vận hội thì ông ta khác hẳn người thường, chúng tôi thường nói đùa với nhau như thế. Giá mà ông về đây chừng một tháng trước thì ông có thể thấy được cảnh tấp nập ở đây. Cứ mỗi tuần là hai ba lần tiệc tùng, rồi thì nói nói, cười cười, hát xướng, ngâm thơ, đánh mặt chược.

Ngày trước, ông ta sợ trẻ con hơn là sợ bố nữa, lúc nào cũng nhỏ nhỏ, dịu dàng với chúng nó. Gần đây, thì khác hẳn, hay nói, hay đùa. Bọn thằng Lương thích đùa với ông ta lắm, hễ hở ra là chạy vào phòng ông ta. Ông ta nghĩ ra lắm cách đùa với chúng nó. Chúng nó vùi mua cái gì, thì ông ta bắt chúng nó giả làm chó sủa, hoặc cúi đầu lạy sát đất, mới mua cho. Ha! Ha! Thật là vui đáo để. Hai tháng trước, thằng Lương con vùi ông ta mua giày, nó phải cúi đầu lạy ba cái đấy. Hiện giờ giày còn đi đấy, chưa rách.

⁽¹⁾ Truật Tiên Cư là một thứ Bạch Truật, một vị thuốc bắc, lấy ở vùng Tiên Cư, tỉnh Chiết Giang.

Một người mặc áo trắng dài đi ra. Bà cụ ngừng lại. Tôi dò hỏi về chứng bệnh anh Liên Thù, nhưng bà cụ không rõ lắm, chỉ nói rằng người anh sút đi từ lâu, có điều không ai để ý, bởi vì thấy anh vẫn vui vẻ lắm. Cho đến cách đây hơn một tháng, mới nghe anh nói thổ huyết mấy lần, nhưng hình như cũng chẳng đi xem thầy xin thuốc gì cả. Sau thì nằm liệt xuống. Ba hôm trước khi chết, cổ khàn hẳn đi, không nói ra tiếng nữa. Ông Mười Ba, bà con với anh, tận Hàn Thạch Sơn mò lên, hỏi anh có tiền bạc dành dụm gì không. Anh không nói gì cả. Ông Mười Ba nghi là anh giả vờ. Cũng có người nói rằng, kẻ chết về lao cũng nói không ra tiếng. Chẳng biết thế nào...

Bỗng bà cụ nói khẽ lại.

- Nhưng mà tính khí ông lớn Ngụy cũng lạ lùng lắm cơ. Ông ta chẳng chịu dành dụm chút gì cả, tiền cứ tiêu như nước. Ông Mười Ba ngờ là chúng tôi được nhờ cậy nhiều. Nhưng nhờ cậy cái gì? Ông ta cứ tiêu tằm bầy tằm bạ hết sạch. Ví dụ, mua vật gì, mới mua hôm nay, ngày mai đã lại bán đi, hay là phá cho hỏng. Chẳng hiểu ra làm sao cả. Đến khi chết thì chẳng có cái gì nữa, hết sạch. Nếu không thì hôm nay đâu đến nỗi lạnh tanh đi như thế này. Ông ta chỉ chơi bởi phá phách, chẳng lo gì đến chuyện đứng đắn cả. Tôi đã nghĩ đến điều đó và đã khuyên nhủ ông ta. Tuổi tác như thế đáng lẽ phải có vợ có con. Cứ như địa vị ông ta hỏi ai chẳng được! Giá chưa gặp nơi môn đăng hộ đối, thì hẵng cưới vài ba cô hầu đã,

cũng được. Đã làm người thì phải cho ra người chứ. Nhưng ông ta cứ nghe tôi nói là lại cười và nói: "Già này! Sao già lại cứ đi lo những chuyện như thế cho người khác?". Ông xem, ít lâu nay, ông ta trở thành phù phiếm như thế, chẳng thực tế chút nào cả. Người ta nói điều phải lại không chịu nghe. Giá mà nghe tôi thì đâu đến nỗi bây giờ nằm xuống, một thân một mình trơ trọi như vậy. Ít ra cũng được nghe vài tiếng khóc của người thân.

Một người ở hiệu may đưa quần áo về. Ba người bà con liền lấy bộ đồ lót, rồi đi vào sau màn. Một lát, màn vén lên, đồ lót đã thay rồi. Bây giờ đến lượt mặc áo ngoài. Tôi thật không ngờ tới. Người ta mặc cho anh một cái quần nhà binh màu vàng đất, có nẹp đỏ rộng, rồi mặc chiếc áo nhà binh vào có cầu vai kim tuyến chói sáng. Cũng không rõ anh phẩm tước gì, và phẩm tước ấy ai cho. Khi nhập quan, thấy anh nằm không được thoải mái lắm, cạnh chân để một đôi giày da màu vàng, cạnh người để một cái gươm bằng giấy, và cạnh cái mặt đen xạm khô đét, để một chiếc mũ lưỡi trai viền kim tuyến.

Ba người bà con anh vịn vào thành quan tài khóc một hồi, rồi ngừng khóc, lau nước mắt. Đứa bé đội mũ gai lùi ra, thằng Lương bé cũng chạy trốn mất, có lẽ bọn chúng nó cũng thuộc vào một trong bốn tuổi tí, ngọ, mão, dậu chẳng.

Mấy người phu khiêng nắp quan tài vào. Tôi lại gần, nhìn mặt anh lần cuối cùng trước khi vĩnh biệt.

Trong bộ áo quần cứng nhắc đó, anh nằm yên tĩnh, mắt nhắm, miệng mím, mĩa mai cái xác chết đáng buồn cười đó.

Tiếng đóng nắp quan tài vang lên, thì tiếng khóc cũng oà theo. Tôi không tài nào ngồi mà nghe họ khóc được; đành phải đi ra sân, rồi thuận chân bước. Không ngờ đã ra đến cổng. Đường ướt át, trơn rồ lắm. Ngứng lên nhìn trời, mây đen đã tan hết. Một vầng trăng tròn treo lơ lửng tỏa xuống một làn ánh sáng lạnh lẽo.

Tôi bước rất gấp, như muốn thoát ra khỏi một cái gì nặng nề đang đè tôi xuống, nhưng không thể nào thoát ra được. Tai tôi như văng vẳng nghe một thanh âm ảm ảm, mãi rất lâu, mới bật ra thành một tiếng rống to, kéo dài như con chó sói bị thương rống lên giữa cánh đồng vắng đêm khuya, vừa thảm thiết, vừa phẫn nộ, vừa bi ai.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhõm, tôi thản nhiên bước đi trên con đường đã ướt át, dưới ánh trăng.

Ngày 17 tháng 10 năm 1925

Tiếc thương những ngày đã mất

Bút ký của Quyên Sinh

Nếu như có thể được thì tôi sẽ vì hương hồn Tử Quân và vì chính mình tôi mà ghi lại đây lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi.

Gian phòng đổ nát, hẻo lánh, như bị bỏ quên trong cái hội quán này sao mà buồn bã, trống trải thế. Thời gian đi nhanh quá. Từ ngày tôi yêu Tử Quân, và nhờ nàng mà thoát ra được khỏi cái nơi buồn bã, trống trải đó, tính đến nay, đã trọn một năm rồi. Thật là không may chút nào cả! Khi tôi trở về đây, thì chỉ có cái gian phòng này là còn bỏ trống, chưa ai ở. Vẫn cái cửa sổ hư hỏng ấy. Vẫn cây hoè gần chết khô và cây tử đằng già cỗi ngoài cửa sổ. Rồi chiếc bàn vuông đặt trước cửa sổ, bức tường nát, tấm phản kê sát tường cũng vẫn y nguyên như trước. Đêm khuya, một mình nằm trơ trên tấm phản, tôi có cảm tưởng giống y như hồi tôi chưa ở chung với nàng. Thời gian một năm qua như hoàn toàn mất hẳn, như hoàn toàn không có. Tôi

cũng như chưa hề dọn ra khỏi cái gian phòng đồ nát này để xây dựng một cảnh gia đình nho nhỏ, chứa chan hy vọng, ở ngõ Cát Triệu bao giờ cả.

Chẳng những thế mà thôi. Một năm về trước, cảnh vắng vẻ, trống trải ấy cũng đâu có như thế này, bởi vì hồi đó còn có sự mong chờ, mong chờ nàng đến. Ngồi mong chờ mãi, sốt ruột, cứ nghe tiếng giấy cao gót nhẹ nhàng đi trên con đường lát gạch là tôi bỗng lại vui hẳn lên. Rồi thì được nhìn khuôn mặt tròn trĩnh, nước da hơi xanh, với hai má lúm đồng tiền của nàng, được nhìn cánh tay trắng và gầy, chiếc áo vải sọc, chiếc quần màu huyền của nàng. Nàng còn hái những chiếc lá non ở cây hoè gần chết khô trước cửa sổ đem vào cho tôi xem, cả những chùm hoa vừa trắng vừa tím của cây tử đằng lủng lẳng trên cái cành như bằng sắt nữa.

Thế mà bây giờ, chỉ có cái cảnh vắng vẻ, trống trải y nguyên như trước, còn Tử Quân thì không đến nữa, vĩnh viễn không bao giờ đến nữa!...

Khi Tử Quân không ở trong gian phòng đồ nát này, thì xung quanh tôi, tôi không nhìn thấy gì hết nữa. Ngồi buồn, tôi tiện tay quờ lấy một cuốn sách, sách khoa học hay là sách văn học, sách nào cũng thế thôi, như nhau cả, rồi cứ đọc bừa. Bỗng nhận thấy mình đã lật qua hơn mười trang rồi, mà nào có nhớ sách họ nói gì đâu? Chỉ có lỗi tai thì thích lắm, như nghe thấy được cả tiếng giấy đi qua trước cổng, trong

đó có tiếng giày của nàng, và tiếng giày nghe lóc cóc càng gần dần... nhưng thường thường thì lại dần dần xa vắng rồi mất hút trong những bước chân dồn dập. Tôi rất ghét thằng con lão gác cổng; nó đi đôi giày vải, nghe chẳng giống tiếng giày của Tử Quân chút nào cả. Tôi cũng rất ghét cái anh chàng, mặt trát kem bừa bự, ở gian phòng bên cạnh, hẳn thường đi đôi giày da mới đóng, nghe như tiếng giày của Tử Quân ấy!

Nàng ngã xe rồi chẳng? Hay là ô tô cán bị thương rồi chẳng?...

Tôi muốn cầm mũ đi tìm nàng, nhưng người chú ruột của nàng đã có lần mắng vào mặt tôi.

Bỗng tiếng giày của nàng đến gần, càng lâu càng rõ. Chạy ra đón thì nàng đã đi qua giàn tử đằng rồi, tùm tùm cười, để lộ hai lúm đồng tiền trên má. Như thế chắc là ở nhà, nàng không bị ông chú rầy la rồi. Tôi yên tâm. Chúng tôi ngồi lẳng lẳng nhìn nhau một lúc, rồi tiếng nói của tôi vang lên trong gian phòng đổ nát này. Tôi nói về cảnh gia đình chuyên chế, nói về việc xoá bỏ tục lệ cũ, nói về nam nữ bình đẳng, nói về Insen, Ta-go, Se-li⁽¹⁾. Nàng chỉ mỉm cười, gật đầu, đôi mắt tò mò sáng lên một cách ngây thơ. Trên tường, tôi có treo một bức ảnh bán thân của Se-li bằng đồng, cắt trong một tờ tạp chí. Đó là một bức

⁽¹⁾ Ibsen (1828-1906), một nhà viết kịch nổi tiếng người Na Uy.

Tagore (1861-1941), một nhà thơ và nhà triết học người Ấn Độ.

P.S. Shellel (1792-1822), một nhà thơ người Anh.

ảnh đẹp nhất của ông ta. Tôi chỉ cho nàng xem, nhưng nàng chỉ nhìn qua, rồi cúi đầu xuống, hình như có ý ngượng, về những phương diện này, có lẽ nàng còn chưa thoát khỏi tục lệ cũ. Về sau, tôi nghĩ có lẽ nên lấy bức ảnh kỷ niệm của Se-li chụp khi ông ta chết đuối ngoài biển hoặc là bức ảnh của Ibsen thay vào. Nhưng rồi tôi cũng không thay. Bây giờ thì đến cái bức ảnh kia đã biến đi đâu rồi, cũng chẳng biết nữa!

"Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả".

Đó là câu nàng nói với tôi, khi chúng tôi đã gần gũi nhau nửa năm. Hôm ấy chúng tôi nói chuyện đến người chú ruột của nàng ở đây và ông thân sinh nàng ở quê nhà. Nàng ngồi lặng suy nghĩ một lát, rồi nói như thế, hết sức rành rọt, kiên quyết, trầm tĩnh. Lúc đó là tôi đã bày tỏ hết ý nghĩ của tôi, và nói rõ cho nàng hiểu thân thế, khuyết điểm của tôi, không giấu giếm điều gì. Và nàng cũng biết như thế. Câu nói trên làm cho tâm hồn tôi rung động, bao nhiêu ngày sau còn vang dội trong tai tôi. Tôi vui mừng không sao kể xiết, thấy phụ nữ Trung Quốc đâu phải là "nan hóa"⁽¹⁾ như những ông chán đời thường nói. Trong một tương lai không xa nữa, ánh sáng ban mai sẽ rực rỡ lên cho mà xem!

⁽¹⁾ Lấy ở câu: *Phụ nhân nan hóa* (nghĩa là người phụ nữ thì khó giáo dục). Tư tưởng Khổng Mạnh.

Tôi tiến nòng ra tới cổng. Theo thường lệ, chúng tôi đi cách nhau mười bước. Và theo thường lệ, cái lão râu cá trê kia lại dán mặt vào tấm kính cửa sổ bắn thiu, đến nỗi cái mũi bẹp dí xuống. Đến sau, theo thường lệ, lại thấy anh chàng mặt bự kem, đứng sau cửa sổ kính bóng loáng. Mắt nhìn thẳng phía trước, nòng bước đi một cách kiêu hãnh, nên không thấy. Và tôi cũng kiêu hãnh trở vào.

"Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả". Trong óc nòng, niềm tin tưởng triệt để đó kể còn dứt khoát, mạnh mẽ hơn tôi nhiều. Cái mũi bẹp dí kia và nửa lọ lem kia, đối với nòng, có nghĩa lý gì?

Bây giờ tôi không nhớ rõ lúc đó tôi đã thổ lộ với nòng mối tình yêu trong trắng, nồng nàn của tôi như thế nào. Mà không những bây giờ, ngay sau lúc đó, tôi cũng không còn nhớ được ra sao nữa. Đêm năm mươi lăm tượng lại cũng chỉ mươi tượng được một đôi điều vụn vặt mà thôi. Và sau khi ở chung với nhau một vài tháng rồi thì cả những điều vụn vặt đó cũng trở thành mộng ảnh, hết sức mơ hồ, không tài nào hình dung được. Chỉ còn nhớ rằng mười hôm trước đó, tôi đã nghiên cứu thái độ của mình khi tỏ tình với nòng, sắp đặt sẵn, nên nói cái gì trước, cái gì sau, và cũng nghĩ đến cách xử trí như thế nào giá như nòng cự tuyệt. Nhưng đến lúc đó thì trở thành vô dụng hết. Và trong lúc hoảng hốt, không tự chủ được, tôi đã bắt chước cái trò thường thấy trên màn

ảnh. Về sau, mỗi lần nghĩ đến, tôi rất lấy làm xấu hổ. Có điều, trong ký ức tôi thì lại chỉ còn lại cái cảnh đó là không phai mờ. Và đến nay, nó vẫn như ngọn đèn duy nhất trong một gian phòng tối mịt, và dưới ánh sáng ngọn đèn đó, tôi mới lại nhìn thấy tôi, mắt nhắm lệ, cầm lấy tay nàng, quỳ xuống...

Không những tôi không rõ chính tôi đã làm gì, mà đến Tử Quân cử chỉ nói năng ra làm sao, tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết là nàng đã đồng ý. Nhưng tôi cũng phảng phất nhớ là mặt nàng tái đi, sau đó lại dần dần đỏ ửng lên. Trước kia tôi chưa từng thấy mặt nàng đỏ ửng lên như thế bao giờ, và sau này cũng không hề thấy lại một lần nào như thế nữa.

Đôi mắt nàng ngây thơ như mắt trẻ, ánh lên một niềm vui mừng lẫn lộn buồn thương, trong đó lại có sự ngạc nhiên, sự nghi hoặc nữa. Tuy vậy, nàng cố tránh tầm mắt tôi; và hoảng hốt, nàng như muốn bay ra ngoài, qua khung cửa sổ hư nát. Nhưng tôi biết nàng đã nhận lời tôi rồi, mặc dù tôi không nhớ nàng đã nói như thế nào hay là chẳng nói gì hết.

Còn nàng thì nàng nhớ rõ cả. Những lời tôi nói với nàng, nàng như thuộc lòng, có thể nhắc lại được một cách trơn tru. Và những cử chỉ của tôi thì như đã được in vào một cuốn phim ảnh để được ghi lại rành rọt, tỉ mỉ tất cả, và tất nhiên cũng ghi lại cả cái trò khá bỉ ổi bất chước màn ảnh, mà tôi không muốn nhớ lại tí nào. Những khi đêm khuya thanh vắng, mặt nhìn mặt, ôn lại chuyện cũ, tôi thường bị nàng chất

vấn, khảo sát, bắt nhắc lại những lời tôi đã nói lúc bấy giờ, nhưng luôn luôn phải nhờ nàng bổ sung, đính chính cho, y như là một anh học sinh hạng bét.

Về sau, dần dần cũng thừa đi, không mấy khi như thế nữa. Có điều mỗi lần thấy nàng ngồi mất dăm dăm nhìn vào quăng không, vẻ trầm tư, nét mặt dịu hiền, má lúm đồng tiền càng lúm xuống, là biết ngay nàng đang ôn chuyện cũ. Tôi chỉ sợ nhất là nàng thấy lại cái trò buồn cười mà tôi đã bắt chước được trên màn ảnh. Tôi biết, thế nào nàng cũng thấy lại, và không thấy lại được.

Có điều nàng thì nàng không cho là buồn cười đâu! Dù tôi có cho là buồn cười, thậm chí cho là bỉ ổi đi nữa, nhất định nàng cũng không cho là buồn cười chút nào. Điều đó tôi biết rất rõ, bởi vì nàng yêu tôi, yêu tha thiết như thế, trong trắng như thế.

Cuối mùa xuân năm ngoái là quãng đời hạnh phúc nhất cũng là bận rộn nhất của tôi. Lòng tôi thì đã yên tĩnh lắm rồi, nhưng những phần khác trong người tôi cùng với cả thân thể tôi lại tíu tít lên. Lúc đó, chúng tôi mới dắt nhau đi chơi ngoài phố, cũng có mấy lần dạo vườn hoa, nhưng nhiều nhất là dắt nhau đi tìm nhà. Dọc đường, thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy có những con mắt nhìn chúng tôi tò mò, chế nhạo, đếu cáng, khinh bỉ, nếu không giữ gìn cẩn thận, thì cả con người tôi đến phải co rúm lại. Tôi đành phải dùng đến cái tính kiêu ngạo, cái tính thân phản kháng của tôi mà chống chọi lại. Nhưng nàng

thì bất chấp tất cả, không thềm bận lòng vì những điều ấy, cứ khoan thai, bình tĩnh bước tới, thản nhiên như đi giữa chốn không người.

Tìm cho ra được một cái nhà để thuê không phải là chuyện dễ. Phần nhiều người ta từ chối bằng cách này cách khác, chỉ một vài nơi chúng tôi không thuê là vì không vừa ý. Lúc đầu thì chúng tôi còn hơi khó tính, mà có lẽ cũng không phải khó tính, bởi vì nhìn qua cũng thấy không phải là chỗ chúng tôi có thể yên thân được. Về sau thì miễn người ta bằng lòng cho thuê là tốt rồi. Đi xem hơn hai mươi chỗ, mới tìm được một chỗ tạm tạm có thể ở được, tức là hai gian phòng hướng nam của một ngôi nhà nhỏ, ngõ Cát Triệu. Chủ nhà là một công chức nhỏ, nhưng cũng là người biết điều, ông ta ở gian giữa và cái phòng xép. Ông ta có vợ và một đứa con gái vừa lên một, và một đứa đầy tớ gái thuê ở nhà quê ra. Đứa bé mà không khóc thì yên tĩnh vắng lặng lắm!

Chúng tôi chẳng sắm sửa mấy, thế mà cũng tiêu hết nửa số tiền dành dụm được. Tử Quân còn đòi bán đôi hoa tai và chiếc nhẫn vàng duy nhất của nàng. Tôi không cho nàng bán, nhưng nàng cứ nhất định bán cho kỳ được, nên tôi cũng không ngăn cản nữa. Tôi biết nếu không để nàng góp phần của nàng vào thì nàng không yên tâm.

Trước đây nàng đã to tiếng với ông chú đến nỗi ông chú giận không nhận nàng là cháu nữa. Còn tôi thì tôi cũng đã lần lượt tuyệt giao với những ông bạn

tự cho là thành thực khuyên bảo tôi, nhưng thật ra là họ sợ giúp cho tôi, hoặc giả là ghen tị với tôi. Nhưng như thế mà lại yên thân. Mỗi ngày tan sở, tuy trời đã gần tối, anh phu xe lại chạy rất chậm, thế mà tôi về đến nhà, hai chúng tôi còn có thì giờ ngồi đối diện với nhau được một lát. Lúc đầu thì chúng tôi im lặng nhìn nhau, sau khi chuyện trò cởi mở thân mật, và cuối cùng thì im lặng. Hai người cúi đầu suy nghĩ, nhưng thật ra chẳng suy nghĩ gì cả. Dần dần tôi hiểu thấu nàng cả về linh hồn lẫn thể xác. Và chưa đầy ba tuần lễ, tựa hồ như không có gì về nàng tôi không biết nữa. Tôi đã tìm ra được cả những điều làm cho chúng tôi không gần nhau, trước kia tưởng không có, nhưng bây giờ thì vẫn thấy cách bức, tức là những cái cách bức thực sự.

Càng ngày, Tử Quân càng vui vẻ hoạt bát lên. Nhưng nàng không thích chơi hoa. Hai chậu hoa nho nhỏ tôi mua ở chợ về, để bốn ngày không có giọt nước, chết khô ở góc tường, còn tôi thì lại không rỗi để làm những việc ấy. Tóm lại, nàng thích nuôi gà nuôi chó, có lẽ là bà quan nọ truyền nhiệm cho chăng. Chưa đầy một tháng, quyến thuộc của chúng tôi bỗng dưng đông hẳn lên. Bốn con gà con lảng vảng trước sân cùng bảy với mười con gà của bà chủ nhà. Cả hai người đều nhận được mặt gà, biết con nào là của mình. Lại còn một con chó đốm con nữa, mua ở chợ về. Nhớ như nguyên nó đã gọi là con gì rồi, nhưng Tử Quân lại đặt cho một tên khác, con

Tùy. Tôi không thích cái tên đó, nhưng cũng gọi là con Tùy.

Thật thế, tình yêu phải được đổi mới luôn, lớn dần lên và phải sáng tạo. Tôi đem điều đó nói với Tử Quân. Nàng cũng gật đầu cho là đúng.

Trời ơi! Ban đêm sao mà thấy êm ả và hạnh phúc đến thế nhỉ.

Phải giữ cho cuộc sống êm ả và hạnh phúc được vững bền, mãi mãi êm ả như thế. Hồi còn ở hội quán, đôi khi chúng tôi còn xung đột về quan niệm, hiểu lầm về tư tưởng của nhau, chứ từ khi dời đến ở ngõ Cát Triệu này thì đến những cái đó cũng không còn nữa. Ngồi đối diện dưới ánh đèn, nhắc lại chuyện cũ, chúng tôi thường thức lại nỗi vui sướng làm lạnh với nhau sau những cuộc xung đột, vui sướng như chết đi mà được sống lại.

Tử Quân cũng càng ngày càng béo ra, sắc mặt cũng hồng hào lên. Chỉ hiềm điều nàng bận lắm. Bận việc cửa việc nhà đến nỗi thì giờ nói chuyện gẫu với nhau cũng không có nữa, nói gì đến thì giờ đọc sách và đi chơi! Chúng tôi thường bàn với nhau thế nào cũng phải thuê một người ở gái.

Có điều này làm cho tôi không được vui là cứ buổi chiều đi làm về, tôi thường thấy vẻ mặt nàng buồn rười rượi, nhất là khi thấy nàng cố gượng nói gượng cười thì tôi lại càng buồn hết sức. May mà dò biết được rằng, nguyên nhân vì có sự lục đục với bà

quan nọ về chuyện gà què giữa hai người. Nhưng chuyện như thế sao mà hỏi lại nhất định không nói? Con người ta nhất định phải ở riêng biệt ra. Chỗ như thế này thì không thể ở được.

Cuộc đời của tôi đã thành nếp rồi. Mỗi tuần lễ sáu ngày, ngày nào cũng từ nhà đến sở, rồi lại từ sở về nhà. Ở sở thì ngồi vào bàn giấy, sao sao chép chép công văn và thư từ, về nhà thì ngồi cùng nàng, mặt nhìn mặt, hoặc giúp nàng nhóm bếp, nấu cơm, hấp bánh bao. Tôi biết nấu cơm là từ hồi đó.

Ở đây tôi được ăn ngon hơn ở hội quán nhiều. Tử Quân tuy không có tài về khoa nấu nướng, nhưng nàng làm hết lòng hết sức. Những điều làm cho nàng suy nghĩ đêm ngày cũng làm cho tôi lo nghĩ theo, gọi là vui buồn có nhau. Hướng chi nàng lại phải suốt ngày mồ hôi đầm đìa, tóc cứ dính bết vào trán và hai bàn tay thì càng lâu càng thô ráp đi như thế!

Rồi lại phải cho con Tù ăn, cho gà con ăn... đều là việc không có nàng không xong.

Có lần tôi đã nói thật với nàng rằng "Anh không ăn cũng được, chứ không thể cho em vất vả thế kia". Nàng chỉ lườm tôi một cái, không nói gì, nhưng nét mặt lại buồn rười rượi. Tôi đành phải làm thinh. Nhưng nàng thì vẫn cứ vất vả như thế.

Cái điều không hay mà tôi dự đoán quả nhiên đã xảy ra. Buổi chiều trước tết Song Thập, tôi đang ngồi thần thờ và nàng thì đang rửa chén bát. Nghe có

tiếng gõ cửa, tôi ra mở. Thì ra là anh chạy giấy ở sở, anh ta đưa cho tôi một tờ công văn in thạch. Tôi đã hơi đoán ra chuyện gì rồi. Dem lại trước đèn xem, quả nhiên tờ công văn viết như thế này đây:

*Theo lệnh ông thủ trưởng cơ quan thì ông Sự
Quyên Sinh có thể nghỉ việc bắt đầu từ hôm nay.*

Phòng bí thư

Ngày 9 tháng 10

Việc này khi còn ở hội quán, tôi đã dự đoán rồi. Cái thằng mặt bự kem kia là bạn cờ bạc với thằng con ông thủ trưởng. Nhất định hắn đã đặt điều xuyên tạc mối quan hệ giữa tôi và Tử Quân, rồi tìm cách nói đến tai cấp trên của tôi. Mãi đến nay mới hiệu nghiệm thì cũng có thể cho là hơi muộn! Thật ra, đối với tôi, đó không phải là một miếng đòn đau, bởi vì tôi đã quyết định sẵn rồi, hoặc là đi sao chép ở nơi khác, hoặc là đi gõ đầu trẻ, hoặc là dịch một ít sách, tuy có mệt hơn, hưởng nữa ông chủ bút tờ *Người bạn của tự do* là người quen, đã gặp nhau mấy lần, cách đây hai tháng còn gửi thư cho tôi. Tuy vậy, tim tôi vẫn đập mạnh. Rồi thì Tử Quân xưa nay vốn không sợ cái gì, bỗng cũng biến sắc đi; Điều này làm cho tôi hết sức đau khổ. Gần đây xem nàng hình như có ý khiếp nhụt hơn trước.

Nàng nói:

- Chẳng hề gì! Hừ! Không làm việc này thì làm việc khác. Chúng ta...

Nàng không nói hết câu. Không hiểu vì sao mà giọng nói của nàng tôi nghe cứ như thoang thoảng. Và ngọn đèn trông cũng thấy ảm đạm khác thường. Con người ta nghĩ cũng buồn cười. Một việc nhỏ mọn hết sức cũng có thể có một ảnh hưởng rất sâu sắc. Lúc đầu chúng tôi ngồi nhìn nhau im lặng, dần dần chúng tôi bàn bạc với nhau, cuối cùng thì quyết định số tiền hiện còn phải hết sức dè xẻn, một mặt thì đăng quảng cáo trên báo tìm chỗ làm thư ký hay dạy học, một mặt thì viết thư cho ông chủ bút *Người bạn tự do*, nói rõ cảnh ngộ tôi hiện nay, mong ông ta nhận sử dụng những bản dịch tôi sẽ gửi đến, giúp tôi chút đỉnh trong lúc hoạn nạn.

- Đã nói thì làm. Quyết tìm một con đường khác vậy!

Tôi liền đứng dậy đi lại bàn viết, đẩy lọ đựng dầu thơm và đĩa giấm sang một bên, Tử Quân thì mang cái đèn leo lét đến. Tôi thảo mẩu đăng quảng cáo trước rồi ngồi chọn những quyển sách có thể dịch được. Đống sách này từ khi dọn nhà đến nay chưa hề giở ra xem, cho nên quyển nào quyển nấy trên đầu cũng bám đầy bụi. Sau cùng thì viết bức thư.

Tôi ngần ngừ mãi, chẳng biết nên nói thế nào cho tiện. Đang dùng bút suy nghĩ thì liếc qua nhìn nàng. Dưới ánh đèn heo hắt, trông mặt nàng thảm hại quá chừng. Tôi không ngờ một việc cón con như thế mà lại có thể làm cho một người kiên quyết, can đảm như Tử Quân thay đổi hẳn đi như thế được. Quả

thực, gần đây nàng trở thành khiếp nhược lắm rồi, chứ không phải chỉ mới bắt đầu từ đêm hôm nay mà thôi! Vì thế lòng tôi càng thêm rối loạn. Bỗng hình ảnh cuộc sống yên lành trong cảnh thanh vắng của cái hội quán đồ nát kia, cứ thoảng qua trước mắt tôi. Tôi định tâm nhìn cho thật rõ thì lại chỉ thấy cái ánh đèn heo hắt.

Một hồi lâu, thư cũng đã viết xong. Bức thư hơi dài. Tôi thấy người rã rời hẳn ra. Hình như gần đây tôi cũng khiếp nhược hơn trước. Thế rồi chúng tôi quyết định nội ngày mai sẽ gửi cái quảng cáo và bức thư đi. Không hẹn mà hai chúng tôi đều vờn vai cùng lúc. Không ai nói gì, nhưng chúng tôi đều như cảm thấy được tinh thần bền bỉ, quật cường của nhau. Và chúng tôi còn như thấy được mầm hy vọng tương lai đang chớm nở.

Thật ra, miếng đòn từ ngoài đánh vào đó lại làm cho tinh thần chúng tôi phấn chấn hẳn lên, đổi mới hẳn đi. Cuộc đời của tôi ở sở vốn chẳng khác gì cuộc đời con chim trong tay chú bán chim. Chỉ được có ít gạo tẩm cầm hơi, quyết không thể nào cho béo mập ra được. Càng lâu, đôi cánh càng tê dại đi, dù có đem thả ra khỏi lồng cũng không bay nổi nữa. Bây giờ thì có thể cho như là đã thoát khỏi lồng rồi đấy. Nhân lúc chưa quen sử dụng đôi cánh, từ đây tôi phải vút lên, bay liệng trong những khoảng trời mát mẻ, rộng thênh thang.

Quảng cáo vừa đăng cố nhiên không thể có kết

quả ngay được. Mà dịch sách cũng không phải là chuyện dễ. Những quyển trước kia xem cho hiểu hết cả, bây giờ cầm bút dịch lại thấy hàng trăm chỗ nghi ngờ, khó khăn, nên dịch rất chậm. Nhưng tôi quyết tâm tiến hành. Không đầy một tháng mà mép cái cuốn tự điển còn khá mới kia đã đầy dấu ngón tay đen thui. Đủ rõ tôi làm việc kỹ lưỡng như thế nào. Ông chủ bút *Người bạn của tự do* từng có nói với tôi rằng tạp chí của ông ta nhất định không bỏ qua những bài tốt gửi đến mà không đăng.

Hiếm một điều tôi không có được gian phòng tĩnh mịch để làm việc, mà Tử Quân thì cũng không lẳng lẽ và khéo chiều như trước nữa. Trong nhà, bát đĩa cứ quăng bừa bãi, khói um lên, không thể nào an tâm mà làm việc được. Nhưng cái đó thì chỉ có thể trách mình không có tiền mà bố trí một chỗ làm việc riêng. Đã thế lại còn thêm có con Tùy và đàn gà con nữa. Rồi đàn gà càng ngày càng lớn lên, càng dễ gây ra những cuộc cãi cọ giữa hai gia đình.

Lại còn chuyện cơm nước. Cơm thì ngày nào cũng phải ăn, như "nước sông ngày nào cũng chảy", không dừng được. Công việc của Tử Quân hoàn toàn hình như ở chỗ cơm nước. Ăn xong lại chạy tiền, chạy tiền được rồi thì lại ăn. Lại còn phải lo cho con Tùy và đàn gà con ăn nữa. Bao nhiêu điều trước kia nàng đã biết rồi bây giờ hình như quên đi cả. Và nàng cũng không hề nghĩ rằng mỗi khi thúc giục tôi đi ăn cơm là thường làm cho tứ vắn của tôi phải đứt

đoạn. Dù trong bữa cơm tôi có làm mặt giận, nàng cũng không hề sửa đổi. Như không cảm thấy gì hết, nàng cứ ngồi ăn ngon lành.

Tôi phải mất đến mấy tuần lễ mới làm cho nàng hiểu rằng công việc của tôi không thể gò bó theo việc cơm nước đúng giờ đúng buổi. Nàng hiểu ra, nhưng có lẽ nàng không được vui, có điều không nói gì hết. Từ đó quả là công việc của tôi có tiến hành nhanh hơn trước. Không bao lâu đã dịch được năm vạn chữ. Chỉ cần chỉnh sửa một ít nữa là có thể gửi cho *Người bạn của tự do*, cùng một thể với hai bài báo vừa viết xong. Nhưng chuyện cơm nước vẫn làm cho tôi khổ sở. Cơm canh nguội lạnh, cái đó không hề gì, nhưng mà lại không đủ no. Có khi đến cơm cũng thiếu nốt, mặc dù cả ngày ngồi trong nhà dùng sức óc, tôi đã ăn kém trước nhiều rồi. Thiếu cơm là vì cho con Tùy ăn trước. Có khi lại còn cho nó một vài miếng thịt dê là món mà chúng tôi cũng không dễ gì có mà ăn. Nàng nói dạo này con Tùy nó gây đến thảm hại, bà chủ nhà chê cười nghe không thể nào chịu được.

Thế là chỉ có đàn gà là ăn cơm thừa của tôi. Điều này mãi lâu tôi mới nhận thấy, đồng thời cũng nhận thấy được "vị trí của loài người trong vũ trụ", để dùng chữ của Héc-sli⁽¹⁾, vị trí của tôi là ở giữa con chó đốm và đàn gà con mà thôi!

⁽¹⁾ T.H.Huxley (1825-1895), một nhà sinh vật học người Anh và cũng là kẻ tuyên truyền cho chủ nghĩa Dawin. *Vị trí của loài người trong vũ trụ* là tên một tác phẩm nổi tiếng của ông.

Về sau, qua bao nhiêu lần phản đối và thúc giục, đàn gà đã lần lượt biến thành những bữa ăn thịnh soạn. Chúng tôi và con Tùy được hưởng chất béo trong hơn mười ngày. Thật ra, phải nói chúng nó gây lảm, vì đã từ lâu, mỗi ngày chúng nó chỉ còn được vài hạt ngô nữa thôi. Từ đấy trở đi, trong nhà yên tĩnh lắm. Có điều Tử Quân thì trông tiêu tụy hẳn. Hình như nàng cảm thấy buồn bực, chán nản, đến nỗi không buồn mở miệng nói năng gì cả. Tôi nghĩ bụng: "A! con người ta sao mà dễ thay đổi đến thế!"

Nhưng rồi đến con Tùy cũng không thể giữ nuôi được nữa. Chúng tôi không còn hy vọng nhận được thư ở đâu gửi tới giúp đỡ nên đã từ lâu Tử Quân cũng không có thức gì cho nó ăn để bắt nó cúi chào hoặc đứng thẳng hai chân như trước. Mùa đông lại sắp sửa đến nơi rồi. Lò sưởi đã thành một vấn đề lớn. Con Tùy với mức ăn của nó thực ra là một gánh nặng mà chúng tôi đã cảm thấy rõ từ trước. Thế là không thể giữ nuôi được nữa.

Giá cột vào cổ nó một nhánh rơm⁽¹⁾ rồi đưa ra chợ bán, có lẽ cũng được ít tiền đấy, nhưng chúng tôi không thể và cũng không muốn làm như vậy. Cuối cùng, tôi lấy một cái bao tải chụp vào đầu nó rồi dắt ra bỏ ở ngoài ô phía tây. Nó còn chạy theo, tôi liền xô xuống một cái hố cũng không sâu lắm.

⁽¹⁾ Theo thói tục, cột nhánh rơm như thế vào cổ chó là có ý để bán.

Trở về nhà thấy càng yên tĩnh hơn nhiều. Nhưng tôi phải giật mình khi nhìn thấy nét mặt Tử Quân thể thảm quá chừng, chưa bao giờ thể thảm đến thế! Tất nhiên là về chuyện con Tuy. Nhưng việc gì mà đến nông nỗi ấy? Đó là tôi chưa nói lại cho nàng biết việc xô con Tuy xuống hố đấy!

Đến đêm nét mặt thể thảm của nàng lại thêm có cái gì giá lạnh. Tôi cảm lòng không đậu, phải hỏi:

- Là chưa? Em hôm nay sao lại như thế?

Cũng chẳng ngược mắt nhìn tôi, nàng hỏi lại:

- Cái gì?

- Nét mặt em...

- Có gì đâu... không có gì hết!

Cuối cùng xem lời lẽ, hành động của nàng, tôi cũng hiểu ra rằng có lẽ nàng cho tôi là một người nhấn tâm. Thật ra, một mình tôi thì sự sống cũng dễ dàng thôi... Mặc dù xưa nay, vì có tính kiêu ngạo, tôi không hề lui tới những nơi quen biết với gia đình tôi ngày trước, rồi sau khi dời đến ở đây thì lại càng xa dần những người bạn cũ của mình nốt. Nhưng quý hồ có thể bay nhảy được thì con đường làm ăn sinh sống của tôi cũng còn rộng rãi chán. Bây giờ, chịu đau khổ cho đời sống giày vò như thế này, phần lớn chính là vì nàng. Cho đến cái việc đem con Tuy vứt đi, há lại cũng không phải vì nàng đó sao? Nhưng sự hiểu biết của Tử Quân hình như lại cứ càng ngày

càng nông nổi, hời hợt, đến nỗi có một điều đó mà cũng nghĩ không ra.

Tôi tìm một cơ hội đem cái sự thật đó nói bóng gió xa xôi cho nàng hiểu. Nàng gật đầu ý chừng đã hiểu. Nhưng xem tình hình về sau thì nàng vẫn chưa hiểu, hoặc giả không tin điều tôi nói là đúng.

Khí trời lạnh và nét mặt của nàng càng lạnh làm cho tôi không thể ngồi yên thân ở trong nhà được. Nhưng đi đâu bây giờ? Trên đường phố, trong vườn hoa, tuy không gặp phải những vẻ mặt lạnh lùng như thế, nhưng gió lạnh thổi thốc vào người như cắt da cắt thịt. Cuối cùng tôi đã tìm ra được cảnh thiên đường của tôi trong Thư viện bình dân.

Vào đây không phải mua vé. Trong phòng đọc sách lại có sẵn hai cái lò sưởi bằng sắt. Mặc dù than trong lò cũng nửa tắt nửa đỏ, nhưng mắt nhìn thấy có lò là đã tưởng tượng thấy ấm rồi. Có điều sách không có quyền nào xem được; sách cũ thì cổ hủ quá rồi, mà sách mới hình như không có quyền nào.

Cũng may tôi đến đây không phải là để xem sách. Ngoài tôi ra, thường có mấy người nữa, lúc nhiều nhất là hơn mười người. Ai cũng áo quần mỏng manh như tôi cả. Và ai cũng xem sách để lấy cơ ngồi sưởi nhờ. Cảnh này thích hợp với tôi lắm. Đi ngoài đường như thế nào cũng gặp người quen, họ sẽ lườm nguýt mình, khinh bỉ. Nhưng ở đây thì quyết không thể vấp phải cái tai họa giữa trời ấy, bởi vì

những người đến xem sách ở đây; hoặc giả họ ngồi xa, vây quanh những lò sưởi khác, hoặc giả họ dựa vào cái lồng ấp bằng đất sét họ mang theo.

Ở đây, tuy không có sách để xem, nhưng tôi lại được an nhàn để suy nghĩ. Một mình, ngồi thừ ra, nhớ lại khoảng thời gian vừa qua, tôi mới nhận ra rằng, hơn nửa năm nay, tôi chỉ sống vì tình yêu, một tình yêu mù quáng, mà quên hẳn những ý nghĩa quan trọng khác của cuộc đời. Trước hết quên rằng phải sống cái đã. Con người ta có sống thì tình yêu mới có chỗ dựa. Trên đời, đối với những người chịu phần đầu thì không phải không có con đường sống. Mà tôi thì cũng chưa quen sử dụng đôi cánh của tôi, mặc dù so với trước đã thấy yếu đuối hơn nhiều!...

... Cả gian phòng đọc sách và những người ngồi đọc sách mờ dần. Bỗng trước mắt tôi hiện ra cảnh người đánh cá giữa lớp sóng cồn, người binh sĩ nằm trong chiến lũy, kẻ quyền quý ngồi trong ô-tô, bọn đầu cơ công trái ở sở giao dịch⁽¹⁾, đảng hào kiệt giữa chốn rừng sâu núi thẳm, vị giáo sư trên giảng đàn, nhà thể thao lúc hoàng hôn, tên kẻ trộm giữa đêm khuya... Tử Quân không có cạnh tôi. Cái dũng khí của nàng không còn nữa. Nàng chỉ biết buồn giận vì con Tuy, chỉ biết chăm chú vào việc cơm nước mà thôi. Nhưng kỳ quái làm sao, nàng chẳng gầy ốm đi tí nào cả...

⁽¹⁾ Sở giao dịch là nơi buôn bán công trái ở các nước tư bản (Bourse).

Tôi bỗng thấy lạnh. Mấy cục than nửa tắt nửa đỏ trong lò sưởi cũng đã tàn. Đã đến giờ thư viện đóng cửa. Lại phải trở về ngõ Cát Triệu mà chịu đựng cái vẻ mặt lạnh như băng kia rồi đây. Gần đây thỉnh thoảng trên vẻ mặt đó cũng thoáng hiện lên một chút tình đầm ấm, nhưng như thế lại càng làm cho tôi thêm đau khổ. Còn nhớ có một đêm tôi chợt thấy đôi mắt Tử Quân bỗng ánh lên cái niềm nở ngây thơ thừa nọ đã mất từ lâu. Lúc ấy nàng vừa cười vừa nhắc lại cho tôi nghe cảnh ở hội quán. Cười nhưng lâu lâu cũng tỏ vẻ sợ sệt, hoảng hốt.

Tôi biết bấy lâu nay, đối với nàng, tôi còn lạnh lùng hơn nàng đối với tôi nữa, và thái độ đó của tôi đã làm nàng lo ngại. Cho nên tôi đành phải gượng nói, gượng cười để an ủi nàng chút ít. Nhưng nụ cười của tôi vừa hé nở trên môi, lời nói của tôi vừa buột ra khỏi miệng thì đã biến thành hư không. Cái hư không đó lập tức dội trở lại vào tai, vào mặt tôi, đưa đến cho tôi một sự mĩa mai cay đắng không thể chịu được.

Tử Quân hình như cũng cảm thấy thế. Từ đó nàng mất hẳn cái trầm tĩnh đến như tê dại trước kia. Mặc dù hết sức che giấu đi, nàng cũng thường thường để lộ sự lo ngại trên thần sắc. Nhưng đối với tôi nàng lại ôn tồn hơn trước nhiều.

Tôi muốn nói rõ những điều tôi suy nghĩ cho nàng biết nhưng còn chưa dám, bởi vì khi định nói ra thì bất gặp đôi mắt thơ ngây như con trẻ của nàng,

thành thử tôi đành phải tạm thời tự tạo ra một vẻ mặt vui tươi gượng gượng. Nhưng điều đó lại lập tức trở thành một sự mỉa mai đối với tôi làm cho tôi không thể trấn tĩnh, lạnh nhạt được nữa.

Từ đó nàng bắt đầu ôn lại chuyện cũ và khảo tra tôi, bắt tôi phải bịa ra những câu trả lời yêu thương giả dối. Cái yêu thương thì tỏ cho nàng thấy, còn cái giả dối thì giữ lại trong lòng. Ngày lại ngày cái giả dối chất chứa, tràn ứ lên, làm cho tôi tắc thở. Trong lúc đau khổ, tôi thường nghĩ rằng: "Nói sự thật tất nhiên cần phải dũng cảm lắm. Giá thử không có cái dũng cảm đó, cứ yên thân trong sự giả dối thì con người ấy quyết không phải là người có thể tìm ra con đường sống. Chẳng những không tìm ra con đường sống mà ngay con người đó cũng chẳng còn tồn tại nữa".

Một buổi mai, trời lạnh lắm, Tử Quân có vẻ oán giận. Tôi chưa từng thấy nàng có vẻ mặt ấy bao giờ. Nhưng cũng có lẽ tôi tưởng tượng ra chẳng? Lúc đó tôi hờn mát và cười thầm trong bụng. Cái tư tưởng nàng đã rèn luyện được và những lời lẽ sáng suốt can đảm của nàng rút cục lại cũng chỉ là hư không, mà nàng lại không cảm thấy cái hư không đó mới chết chứ! Đã lâu, nàng không hề cảm đến sách. Nàng quên rằng mục đích thứ nhất của đời người là mưu sống. Và trên con đường mưu sống đó thì cần phải hoặc nắm tay cùng đi, hoặc một mình can đảm tiến lên. Còn như chỉ biết cảm lấy vạt áo người ta mà đi

theo thì dù người kia là một chiến sĩ đi nữa, cũng khó mà chiến đấu cho được. Rút cục cả hai người sẽ bị tiêu diệt.

Tôi nhận thấy chúng tôi có lìa nhau ra thì mới có thể có một nguồn hy vọng mới được. Nàng phải cương quyết bỏ tay ra... Tôi bỗng nghĩ nàng có thể chết đi cho rảnh, nhưng tôi liền tự trách mình và lấy làm hối hận. May mà là buổi mai, nhiều thì giờ nên tôi có thể đem hết sự thực của tôi nói cho nàng nghe. Chúng tôi có mở được con đường mới hay không là ở một chuyện này!

Ngồi nói chuyện với nàng tôi cố ý gợi lại quãng đời quá khứ của chúng tôi, bàn về văn chương và do đó đề cập đến các nhà văn ngoại quốc, đến tác phẩm của họ như *Nora*, *Người đàn bà của biển cả*⁽¹⁾ Tôi ca tụng đức tính quả quyết của Nora⁽²⁾... Cũng vẫn là những lời năm ngoái tôi đã nói với nàng ở gian phòng đồ nát của hội quán, có điều bây giờ thì trở thành những lời trống rỗng, từ miệng của tôi nói ra rồi lại truyền vào tai tôi. Tôi luôn luôn có cảm tưởng có một em bé nào tinh nghịch ẩn nấp sau lưng tôi và lặp lại những lời nói một cách ác ý, cay độc.

Nàng vẫn cứ vừa lắng nghe vừa gật đầu, sau thì

⁽¹⁾ *Nora* và *Người đàn bà của biển cả* là hai vở kịch nổi tiếng của Ibsen, bàn về vấn đề phụ nữ.

⁽²⁾ Nora ở trong gia đình thấy mình chỉ là con pu-pê của chồng, và con cái chỉ là pu-pê chính mình, nên bỏ nhà ra đi. Do đó, vở *Nora* còn có tên là *Gia đình pu-pê*.

trở nên trầm mặc. Còn tôi cũng chấp chấp nổi nổi cố nói cho hết; đến cái dư âm những lời tôi nói cũng mất đi trong hư không.

- Phải đấy! - Nàng lại im lặng một lát rồi nói tiếp - Nhưng mà, anh Quyên Sinh này, em thấy độ này anh khác trước nhiều, có phải thế không? Anh... anh cứ nói thật với em!

Tôi cảm thấy tựa hồ như nàng vừa giảng cho tôi một gậy vào đầu, nhưng lập tức tôi trấn tĩnh được rồi nói rõ ý kiến và chủ trương của tôi, tức là mở một con đường mới, làm lại một cuộc đời mới để cho cả hai cùng khỏi bị tiêu diệt.

Cuối cùng tôi nói thêm mấy câu, giọng hết sức quả quyết:

- Huống chi em đã có thể không cần phải đắn đo, cứ dũng cảm mà bước tới. Em muốn anh phải nói thật. Đúng thế. Người ta không nên giả dối. Anh cứ nói thật ra, bởi vì... bởi vì anh không yêu em nữa. Nhưng như thế càng hay cho em, bởi vì như thế em có thể đi tìm việc mà làm, không phải bận lòng gì cả.

Tôi đang đoán thế nào cũng sẽ có một biến cố gì xảy đến. Nhưng không, nàng chỉ ngồi im lặng. Mặt nàng bỗng tái dần rồi vàng ệch ra như người chết, rồi trong nháy mắt lại trở lại bình thường, cặp mắt nàng lại ánh lên một niềm trong trắng, ngây thơ. Nàng nhìn quanh quẩn như đứa trẻ đói khát tìm người mẹ hiền, nhưng nàng chỉ nhìn trong không trung, cố tránh mắt tôi, vẻ sợ hãi lắm.

Tôi không thể ngồi nhìn quanh cảnh đó mãi. May mà là buổi sáng, nên tôi liền chạy ra Thư viện bình dân, không kể mưa ướt gió lạnh.

Ở thư viện, thấy có tờ *Người bạn của tự do*. Hai bài văn ngắn của tôi đã được đăng rồi. Tôi mừng mình một cái hình như vừa tiếp được một luồng sinh khí. Tôi nghĩ bụng: Con đường sống hãy còn nhiều... nhưng bây giờ, chỉ mới được chừng ấy, chưa thấm vào đâu.

Tôi bắt đầu tìm gặp những người quen lâu nay không hề lui tới. Nhưng cũng chỉ đến một vài lần thôi. Nhà họ tất nhiên vẫn ấm cúng nhưng tôi cảm thấy lạnh buốt thấu xương. Đêm về, tôi nằm co ro trong căn nhà của tôi còn lạnh hơn băng giá nữa. Nỗi lạnh lẽo buốt như kim châm đó thấm tận tâm hồn tôi, cứ làm cho tôi đau đớn, tê dại đi. "Con đường sống còn nhiều... Mình cũng chưa quen sử dụng đôi cánh của mình", tôi nghĩ thế. Tôi bỗng lại mong cho nàng chết đi, nhưng lập tức lại tự trách mình và lấy làm hối hận.

Ngồi trong Thư viện bình dân, lâu lâu tôi lại nhìn thấy con đường sống mới loé lên, thoáng qua trước mắt. Tôi tưởng tượng thấy Tử Quân đã nhìn thẳng vào sự thật một cách can đảm, kiên quyết đi ra khỏi căn nhà giá lạnh này, và không có vẻ oán giận chút nào cả. Còn tôi thì nhẹ nhàng như một đám mây bay bổng bồng bềnh giữa không trung, trên là nền trời xanh biếc, dưới là núi thẳm biển lớn, nhà rộng lầu cao,

chiến trường, xe ô-tô, giao dịch, biệt thự, thành phố náo nhiệt, sáng trưng, đêm tối mịt mùng...

Và, đúng thế, tôi tự cảm thấy cuộc đời với cái bộ mặt mới mẻ đó nhất định sẽ đến.

Thế rồi chúng tôi cũng sống qua những ngày đông cực kỳ khó chịu của Bắc Kinh. Chúng tôi khác nào con chuồn chuồn rơi vào tay đứa bé ác nghịch: nó buộc vào một sợi chỉ nhỏ rồi đưa ra đùa bỡn, hành hạ đủ cách; may một điều là chưa chết, nhưng rút cục cũng đã nằm lẫn kênh trên mặt đất rồi sớm muộn cũng sẽ toi mạng.

Viết cho ông chủ bút *Người bạn của tự do* kể có ba bức thư mới được trả lời. Trong thư trả lời chỉ có hai phiếu mua sách, một cái giá trị hai hào, một cái ba hào. Thế mà chỉ tính mỗi một việc viết thư giục trả tiền nhuận bút cũng đã mất đứt đi chín xu rồi, nhịn đói một ngày mà chẳng được cái gì hết.

Nhưng cái việc tôi dự cảm thế nào cũng đến thì bây giờ đã đến.

Nó xảy ra khoảng cuối đông, đầu xuân. Bấy giờ gió không còn lạnh lắm nữa nên tôi cũng bỏ nhà đi vợ vẫn ở ngoài lâu hơn trước, mỗi khi trở về, trời đã sẩm tối. Một hôm, cũng vào lúc trời sẩm tối như vậy, theo thường lệ, tôi uể oải về nhà. Nhìn thấy cổng đã lại buồn thiu, bước càng chậm. Nhưng cuối cùng rồi cũng đi vào. Không có đèn đóm gì cả. Tôi sờ được bao diêm đánh lên thì thấy nhà vắng tanh vắng ngắt.

Đang sừng sốt thì bà chủ nhà đứng ngoài cửa sổ gọi tôi ra.

- Hôm nay ông thân sinh chị ấy đến đây đưa chị ấy về quê rồi.

Bà ta chỉ nói vền vền có thế.

Hình như đó lại là một việc tôi không ngờ trước nên tôi có cảm tưởng như bị ai đánh vào gáy. Tôi đứng thừ ra, không nói được nửa lời.

Một lát sau, tôi mới hỏi được một câu:

- Nhà tôi về rồi sao?

- Vâng, chị ấy về rồi.

- Thế nhà tôi... nhà tôi có dọn gì không?

- Chị ấy chẳng nói gì hết. Chỉ dặn khi nào ông về thì nhờ nói lại với ông là chị ấy đã về quê, thế thôi.

Tôi không tin. Nhưng sao nhà lại vắng tanh vắng ngắt như thế này. Tôi nhìn khắp xung quanh, tìm Tử Quân. Chỉ thấy mấy cái bàn ghế cũ nát, ảm đạm và cũng đơn sơ lắm, không thể che giấu được một người nào hay một vật gì. Tôi xoay ra nghĩ thử đi tìm bức thư hay mảnh giấy nào nàng có thể để lại chẳng. Cũng không có. Chỉ có muối, ớt khô, bột mì, nửa bắp cải để dồn vào một chỗ, bên cạnh còn mấy chục đồng xu. Đó là tất cả những cái nuôi sống chúng tôi, bây giờ nàng trịnh trọng để lại cho một mình tôi, và không nói ra nhưng có ý bảo tôi là sẽ nhờ vào đó mà cầm giữ sự sống cho được lâu dài hơn.

Có cảm tưởng như tất cả những vật xung quanh

mình dồn ép lại, tôi chạy ra đứng giữa sân. Trời tối om. Chỉ cái khung cửa sổ dán giấy ở gian nhà giữa là có ánh đèn. Tôi trông thấy bóng hai vợ chồng chủ nhà đang đùa giỡn với đứa con. Lòng tôi lắng xuống và dần dần thấy hiện lên thấp thoáng con đường thoát ra khỏi cảnh nặng nề, khó thở này: núi sâu, đầm rộng, sở giao dịch, bữa tiệc linh đình dưới ánh đèn điện, hầm hố, đêm khuya mịt mùng, một mũi dao nhọn đâm phập một cái, những bước chân lạng lẽ...

Trong chốc lát, lòng tôi nhẹ nhõm, khoan khoái. Tôi nghĩ đến tiền đi đường, rồi thở phào.

Tôi nằm nhắm mắt, thấy hiện lên cái tiền đồ dự đoán trước. Chưa đến nửa đêm mà đã duyệt qua hết. Trong bóng tối, tôi phảng phất thấy một đồng thức ăn rồi lại thấy Tử Quân, mặt vàng sạm, gương đôi mắt ngây thơ nhìn tôi, vẻ cầu khẩn. Tôi định thần lại thì biến đâu mất cả.

Nhưng lòng tôi lại thấy nặng trĩu. Tại sao tôi không rán chịu thêm ít ngày nữa mà đã vội vàng nói thẳng sự thực với nàng như thế? Bây giờ nàng biết rằng từ nay về sau, nàng chỉ còn việc là chịu đựng cái uy nghiêm gay gắt như mặt trời của bố - người chủ nợ của con cái - và cái khinh bỉ lạnh lùng, lạnh lùng hơn cả băng giá, của người xung quanh. Ngoài ra là hư không tất cả. Mang cái gánh hư không nặng trĩu đó trên vai mà bước đi trên cái gọi là đường đời, trước cái uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ của người xung quanh, hỏi còn gì ái ngại hơn? Hướng chỉ

cúi con đường ấy lại chẳng qua chỉ là một nắm mồ, một nắm mồ mà đến một tấm bia cũng không có nốt.

Đáng lý ra tôi không nên đem sự thật nói với Tử Quân. Hai chúng tôi đã từng có lần yêu nhau thì bây giờ tôi nên nói dối dá với nàng là hơn. Nếu quả sự thật là đáng quý thì đâu đến nỗi nàng phải chịu mang cái gánh hư không nặng nề đó. Sự dối dá tất nhiên cũng là hư không, có điều cuối cùng, quá lắm thì cũng chỉ nặng nề đến thế là cùng.

Tôi tưởng đem sự thật nói cho nàng rõ thì nàng sẽ không còn phải lo ngại gì nữa, cứ kiên quyết, mạnh dạn bước tới như hồi chúng tôi sắp sửa ở chung. Nhưng có lẽ tôi nhầm rồi. Hồi đó sợ dĩ nàng dửng cảm được, bất chấp được tất cả chính là vì yêu tôi.

Tôi không có cái dửng cảm mang cái gánh nặng hư không đó nên mới đem cái gánh nặng sự thật đặt lên vai nàng. Bây giờ sau khi yêu tôi thì nàng phải gánh cái gánh đó, bước đi trên cái gọi là đường đời, trước sự uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ lạnh lùng của người xung quanh.

Tôi lại nghĩ đến việc nàng nên chết đi... Tôi thấy rõ tôi là một thằng khiếp nhược, phải gạt ra khỏi hàng ngũ những kẻ mạnh, dù họ là những người chân thật hay giả dối. Thế mà vì sự thủy chung, nàng vẫn mong mỏi cho tôi cầm giữ được sự sống lâu dài hơn.

Tôi phải dời cái ngõ Cát Triệu này. Ở đây vắng vẻ, trống trải quá. Tôi nghĩ bụng, có lẽ quý hồ rồi

khỏi nơi này thì tôi lại có cảm tưởng như Tử Quân còn ở cạnh tôi, hay ít nhất thì cũng có cảm tưởng như nàng còn ở trong thành phố này. Và một ngày kia nàng sẽ thỉnh linh đến thăm tôi, giống như hồi tôi còn ở hội quán.

Nhưng bao nhiêu lời nhờ cậy, bao nhiêu thư từ đi về đều không có hiệu quả gì cả. Cực chẳng đã tôi đành phải tìm đến một bậc thế gia mà lâu nay tôi không hề lai vãng. Ông này là bạn đồng song với ông bác tôi hồi còn nhỏ và là một vị bạt cống⁽¹⁾ nổi tiếng về chỗ thông hiểu kinh truyện, lên ở Bắc Kinh đã lâu, đường giao du cũng rất rộng.

Chừng vì quần áo tôi lùì xùi quá nên bước chân vào cửa thì anh gác cổng đã trợn trắng con mắt lên mà nhìn.

Nói khó dễ mãi mới vào gặp được. Ông ta còn nhận ra tôi, có điều lạnh nhạt lắm. Chuyện của chúng tôi, ông ta biết cả. Sau khi nghe tôi nói là nhờ tìm cho tôi một việc ở một nơi nào khác cũng được, ông ta nói về thờ ơ:

- Tất nhiên anh không thể ở đây được nữa. Nhưng đi đâu bây giờ? Khó khăn lắm. À,... gì đây! Cứ gọi là bạn đi... người bạn của anh, cô Tử Quân ấy mà? Chết rồi, anh biết rồi chứ!

⁽¹⁾ Trong chế độ khoa cử triều Thanh cứ sáu năm một lần (về sau đổi là 12 năm) thì chọn những người tú tài "văn hạnh kiêm ưu" đưa lên kinh sư ứng thi. Những người đó gọi là bạt cống, tức là một loại cống sinh.

Tôi sửng sốt không nói lên lời, mãi mới hỏi được một câu:

- Thật không ạ?

- Ha, ha. Tất nhiên là thật rồi. Chú Vương Thăng ở nhà đây là người làng cô ta.

- Nhưng mà không biết chết như thế nào?

- Ai biết được. Chỉ biết chết rồi, thế thôi.

Tôi không nhớ rõ tôi đã từ giã ông ta như thế nào để lui về nhà trọ nữa. Tôi biết ông ta không nói dối, và như thế là Tử Quân sẽ không bao giờ trở lại đây như thế năm ngoái. Nàng tuy muốn mang cái gánh hư không nặng trĩu trên vai mà bước đi trong cái gọi là con đường đời, trước sự uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ lạnh lùng của người xung quanh, nhưng cũng không thể được. Số phận nàng đã định cho nàng phải chết trong cái cũi người không có tình yêu - tức là cái sự thật tôi đã nói cho nàng rõ.

Tất nhiên tôi không thể ở lại đây được nữa. Nhưng "đi đâu bây giờ"?

Xung quanh tôi là một sự hư không rộng lớn cộng thêm cái tĩnh mịch của sự chết chóc. Tôi phảng phất như được nhìn thấy cái bóng đen bao trùm lấy kẻ phải chết trước mắt những người không có tình thương và lại còn nghe được tất cả những tiếng vật vã đau đớn tuyệt vọng của kẻ đó nữa.

Tôi vẫn chờ đợi một cái gì mới, một cái gì không có tên và không ngờ trước được. Nhưng ngày lại ngày, chỉ có sự quạnh hiu của cái chết mà thôi.

Tôi không hay đi lang thang như trước nữa, hết ngồi lại nằm trong cái hư không rộng lớn, mặc cho sự quạnh hiu của cái chết đục khoét tâm hồn tôi. Nhưng chính sự quạnh hiu của cái chết cũng có khi run sợ thụt lùi và ẩn náu đi, và trong khoảnh khắc đó thì thoáng hiện lên mối kỳ vọng mới, không có tên và không ngờ trước được.

Một buổi mai âm u, mặt trời không làm sao thoát ra khỏi đám mây dày đặc bao bọc xung quanh; cả đến không khí cũng ra bề mặt mỗi. Bỗng nghe có tiếng chân người bước nhè nhẹ nhưng vội vã và tiếng thở đằng mũi xì xì... Tôi giương mắt nhìn, nhìn qua một lượt, nhà vẫn trống không. Nhưng rồi tình cờ nhìn xuống đất thì thấy một con vật nho nhỏ, gầy còm, chết dử, đất bụi bám đầy mình, đang quanh quẩn ở đấy...

Tôi nhìn kỹ. Quả tim tôi bỗng ngừng lại. Rồi tôi nhảy vùng dậy.

Té ra là con Tù. Nó lại trở về.

Tôi rời khỏi ngõ Cát Triệu, cũng chẳng phải chỉ vì sự khinh miệt của ông bà chủ nhà và người ở gái, mà phần lớn là vì con Tù này. Nhưng "đi đâu bây giờ"? Tất nhiên con đường sống mới đang còn nhiều, tôi biết sơ qua như thế, và đôi khi cũng trông thấy thấp thoáng, hình như gần trước mắt tôi thôi. Nhưng làm thế nào mà bước được bước thứ nhất để đi đến đó thì tôi chưa biết.

Suy nghĩ và đắn đo mãi, tôi thấy chỉ có hội quán là chỗ còn có thể dung thân được. Vẫn cái gian phòng đồ nát ấy, cái tấm phản ấy, gốc hoè gần chết khô ấy, cây tử-đăng ấy, nhưng cái làm cho tôi hy vọng, sung sướng, yêu đương và sống được lúc bấy giờ nay không còn nữa. Chỉ trở lại cái hư không mà tôi đã đánh đổi bằng sự thật.

Còn đường sống mới vẫn còn nhiều. Tôi cần phải tiến vào vì tôi còn sống. Nhưng tôi vẫn biết làm thế nào để bước được bước thứ nhất. Có lúc tôi phảng phất thấy con đường đó như con rắn dài, màu xám, đang trườn về phía tôi rất nhanh. Tôi cứ đứng chờ, nhưng gần thấy đến nơi thì bỗng lại mất hút đi trong bóng tối.

Đêm đầu xuân vẫn dài dài đặc. Ngồi thừ ra một hồi lâu, bỗng sực nhớ đến đám ma ở đầu phố buổi sáng. Đi đầu là một đoàn người giấy, ngựa giấy, theo sau là những người mà tiếng khóc nghe như tiếng hát. Bây giờ tôi mới biết họ thông minh thật. Nhẹ nhàng đơn giản biết bao nhiêu!

Nhưng đám ma của Tử Quân cũng lại hiện lên trước mắt tôi. Nàng một mình mang cái gánh hư không nặng trĩu, bước đi trên con đường dài, màu xám, nhưng bỗng lại mất hút đi trong sự uy nghiêm và trong sự khinh bỉ xung quanh.

Tôi muốn có cái gọi là linh hồn và có cái gọi là địa ngục thật sự. Lúc đó dù phải đi giữa ngọn gió dữ gào vang, tôi cũng quyết tìm cho được Tử Quân, nói

cho nàng tha thứ cho tôi. Không nữa thì tôi sẽ cầu ngọn lửa độc của địa ngục bao vây lấy tôi thiêu cho hết lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi đi.

Trong cơn gió dữ, lửa độc, tôi sẽ ôm lấy nàng, van lạy nàng khoan dung cho tôi, hoặc làm cho nàng được thỏa nguyện...

Nhưng như thế lại càng hư không hơn con đường sống mới. Hiện bây giờ, trước mắt chỉ có đêm dài xuân dài dằng dặc. Còn sống thì nhất định tôi phải nhằm con đường sống mà tiến lên. Và cái bước thứ nhất... Chẳng qua lại là những dòng chữ này ghi lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi, vì hương hồn của Tử Quân và vì chúng tôi.

Tôi vẫn chỉ có tiếng khóc, nghe như tiếng hát để tiễn đưa Tử Quân lần cuối cùng, tiễn đưa vào trong quên lãng.

Tôi cần phải quên, chỉ nghĩ đến mình tôi nữa thôi, và cần phải quên cả việc tiễn đưa Tử Quân vào trong quên lãng.

Tôi cần phải bước cái bước thứ nhất vào con đường sống. Tôi cần phải đem sự thật giấu kín trong vết thương lòng, lặng lẽ mà tiến lên, lấy sự dối trá và sự lãng quên làm kẻ đưa đường chỉ lối.

Viết xong ngày 21 tháng 10 năm 1925

Ly hôn^(*)

- À, chú Mộc. Năm mới chúc chú làm ăn phát tài!
- Anh Bát Tam, chào anh, chúc anh năm mới!
- Hi! Hi. Năm mới! Cô Ái cũng có đấy à?
- A! Ông Mộc!

Ông Trang Mộc Tam với người con gái của ông cô Ái - từ đầu cầu Mộc Liên vừa bước xuống thuyền, thì trong thuyền đã nhao nhao chào hỏi.

Một vài người còn chấp tay vái. Đồng thời, người ta cũng dồn nhau lại để trống một chỗ vừa đủ cho bốn người ngồi. Ông Mộc vừa chào vừa ngồi xuống, rồi đặt cái ống điếu dựa vào mạn thuyền. Cô Ái ngồi cạnh bố, phía tay trái, duỗi đôi chân vòng kiềng ra trước mặt Bát Tam thành một chữ "bát".

Một ông mặt như vỏ cua hỏi:

- Ông Mộc lên tỉnh phải không đấy?

Ông Mộc hơi có vẻ buồn rầu, mặt ông như màu

(*) Truyện này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Ngữ ti* ngày 23 tháng 12 năm 1928.

đường đen, lại vốn đã nhăn nheo cho nên không thấy rõ sắc mặt ông biến đổi.

- Không phải lên tỉnh mà sang bên Bàng Trang một tí.

Cả thuyền im lặng. Mọi người nhìn bố con ông.

Một lúc lâu, Bát Tam hỏi:

- Chắc cũng là vì chuyện cô Ái chứ gì?

- Vâng. Vẫn là chuyện nó. Thật là phiền chết người đi được! Kéo dằng dai ba năm trời, đánh nhau bao nhiêu bận rồi lại làm lành với nhau bao nhiêu bận, vẫn không xong...

- Lần này chắc là sang cụ Ủy phải không?

- Vâng. Lại sang đấy. Cụ ta đứng ra xử hòa cho chúng nó hai ba lần rồi nhưng tôi vẫn không chịu. Cũng chẳng sao. Lần này năm mới, nhà cụ họp đông đủ mặt bà con. Có ông lớn Thất trên tỉnh cũng về.

Bát Tam tròn tròn con mắt nói:

- Ông lớn Thất ấy à? Ông lớn cũng đứng ra xử hoà à? Thế thì... Kỳ thực, năm ngoái, chúng tôi sang đập ông táo của nhà họ, kể ra cũng hả cơn giận! Huống chi cô Ái mà về bên đó thì thật cũng vô duyên lắm!

Anh đưa mắt nhìn xuống.

Cô Ái, vẻ giận dữ, ngừng đầu lên nói:

- Anh Tam ạ! Tôi cũng không muốn về bên đó làm gì. Tôi bức lắm. Anh nghĩ xem, thằng chó ấy nó

mê một con đàn bà goá, thế là nó bỏ tôi. Tưởng dễ lắm đấy! Rồi thằng bố nó cũng chỉ biết về hòa với thằng con, cũng ghét tôi. Dễ thật! Còn ông lớn Thất? Lẽ nào ông ta chơi thân với ông huyện thì không kể gì lẽ phải nữa hay sao? Chắc ông ta không thể như cụ Ủy, chỉ nói: "Thôi, về đi thôi mà!". Tôi sẽ nói cho ông ta biết những nỗi đau khổ tôi phải chịu bao nhiêu năm trời nay để xem ông ta nói ai phải, ai trái.

Bát Tam bị thuyết phục, không nói được gì nữa.

Chỉ nghe tiếng nước róc rách vỗ mạn thuyền. Trong thuyền rất im lặng. Ông Mộc giơ tay với lấy cái ống điếu, hút một môi thuốc.

Một người beo béo, ngồi cạnh Bát Tam, ở phía trước, móc trong túi áo ra một cái bật lửa, bật lên, châm vào đóm, đặt lên đầu nõ điếu cho ông ta hút.

Ông Mộc gạt đầu nói:

- Không dám! Không dám!

Người béo nói, vẻ lễ phép:

- Chúng tôi tuy mới gặp ông lần đầu nhưng cũng đã được nghe tiếng từ lâu rồi. Phải, mười tám thôn miền duyên hải này, ai mà lại không biết? Thằng con nhà Thi mê con mù đàn bà goá, chúng tôi lạ gì. Năm ngoái ông đem sáu người sang dỡ ông táo nhà hấn ai cũng cho là đáng lắm! Ông bây giờ đã có tuổi, đi vào chỗ quyền cao chức trọng dễ dàng lắm, sợ đếch gì chúng nó!

Cô Ái vui vẻ nói:

- Tuy không biết chú là ai nhưng nghe chú nói phải lắm.

Người béo vội nói:

- Tôi là Ưng Đắc Quý.

- Gạt tôi ra là không được. Ông lớn Thất cũng thế mà ông lớn Bát cũng thế thôi. Tôi phải làm cho nhà chúng nó vong gia bại sản đi mới chịu. Cụ Uy chẳng đã khuyên nhỏ tôi ba bốn lần rồi đó ư! Và thầy nghe chúng nó nói xin đền tiền thì mắt cũng mờ đi!...

Ông Mộc mắng khě con gái:

- Con mẹ mày!

Người mặt vỏ cua nói:

- Nhưng tôi nghe nói cuối năm vừa rồi nhà Thi có mang một mâm rượu sang biếu cụ Ủy đấy!

Quý nói:

- Cũng không ngại. Rượu không thể làm mờ mắt người ta được thì đem lễ vật hậu hơn nữa, sẽ ra thế nào? Các cụ là người biết chữ biết nghĩa, các cụ chỉ bày lễ phải cho người ta thôi chứ! Ví dụ, ai bị kẻ khác làm nhục, thế là các cụ đứng ra bênh vực, chứ kể gì được uống rượu hay không được uống rượu! Cuối năm vừa rồi, bên thôn chúng tôi có cụ Vinh vừa ở Bắc Kinh về, cụ ta là người đi nhiều, biết nhiều, chứ không phải như bọn nhà quê chúng ta. Cụ ta nói, trên ấy, người bậc nhất là bà cụ Quang, lại cứ...

- Khách bến Ưông Gia Hối thì lên này!

Người lái thuyền gọi to, chiếc thuyền sắp đỗ lại.

- Có tôi, có tôi.

Người béo liên cầm ống điếu, từ trong khoang thuyền nhảy ra, theo đà chiếc thuyền bước lên bờ.

- Chào các ông các bà nhé!

Lão ta còn ngoảnh đầu lại trong thuyền, gật đầu chào.

Chiếc thuyền lại tiếp tục đi trong im lặng. Tiếng nước vỗ mạn thuyền nghe càng rõ. Bát Tam bắt đầu ngủ gật, há hốc miệng trước cặp giò vòng kiềng. Hai bà cụ ở phía mũi ngồi niệm Phật, khe khẽ, lần tràng hạt, hết nhìn cô Ái lại nhìn nhau, bữu môi, gật đầu.

Cô Ái giương mắt nhìn mũi thuyền, đang nghĩ cách rồi đây làm thế nào cho chúng nó khuynh gia bại sản; thằng bố cũng như thằng con, đồ chó chết ấy, sẽ không còn đường làm ăn nữa. Cụ Úy thì cô không coi vào đâu. Cô đã gặp cụ ta hai lần rồi nhưng chẳng qua chỉ là một anh lùn tịt mà thôi! Cái thứ người như cụ ta thì trong làng mình hiếm gì! Không phải là không ai có cái bộ mặt da đồng điếu như cụ ta!

Mỗi thuốc trong ống điếu ông Mộc đã tàn; lửa gặp nước trong điếu kêu xè xè nhưng ông ta vẫn rít. Ông ta biết qua Ưông Gia Hối là bến Bàng Trang, mà cái lầu Khôi Tinh các cửa làng đó đã thấp thoáng

đàng xa rồi! Làng Bàng Trang thì ông ta đã đến đây nhiều lần rồi, không có gì đáng kể. Và cụ Úy cũng thế. Ông ta còn nhớ cảnh đứa con gái của ông ta trở về nhà khóc như ri, nhà thông gia và cả thằng rể nữa, đáng ghét quá, và ông ta đã làm cho chúng nó bẽ mặt. Nghĩ đến việc trừng trị nhà thông gia, trước nay ông ta vẫn mỉm cười lãnh đạm. Nhưng lần này thì không thế. Bỗng chẳng biết thế nào mà hình ảnh cụ lớn Thất to béo lại lù lù hiện lên, làm cho đầu óc ông ta trở thành lộn xộn.

Chiếc thuyền vẫn tiếp tục tiến lên trong im lặng. Chỉ có tiếng niệm Phật là nghe to dần, còn ngoài ra cái gì cũng có vẻ trầm tư ông Mộc và cô Ái.

- Chú Mộc à! Chú sửa soạn mà lên đi thôi. Đến Bàng Trang rồi đấy!

Tiếng người lái thuyền làm cho hai cha con ông sực tỉnh. Trước mặt đã là lâu Khôi Tinh các rồi!

Ông Mộc lên bờ, cô Ái theo sau. Qua lâu Khôi Tinh các, hai cha con đi thẳng đến nhà cụ Úy. Đi về hướng nam, qua ba mươi nhà, lại vào một con đường rẽ là đến. Đàng xa đã trông thấy một dãy bốn chiếc thuyền mui đen đỗ trước cổng nhà.

Hai bố con bước qua cái cổng sơn hắc ín liền được cho vào. Các bác phu thuyền và một bọn đầy tớ ngồi chật hai cái bàn sau cái cổng. Cô Ái không dám nhìn, chỉ liếc qua nhưng không thấy bóng thằng bố và thằng con chó đốm ấy đâu cả.

Khi người hầu mang bát thang cao lên, cô Ái càng thấy lúng túng, không yên tâm. Chính cô cũng không hiểu vì sao mà lại thế. Cô nghĩ bụng: "Lẽ nào chơi với ông huyện rồi thì không kể gì lẽ phải nữa. Những người biết chữ biết nghĩa thì phải biết điều chứ! Mình sẽ nói rõ cho cụ lớn Thất biết đầu đuôi ngành ngọn, từ cái hồi mình bắt đầu đi làm dâu khi mười lăm tuổi..."

Cô ta uống xong bát thang, biết là đã đến lúc. Quả nhiên một lát, cô ta đứng dậy đi theo một người đầy tớ, rồi cùng bố, đi qua nhà lớn, lại rẽ quặt sang và bước vào phòng khách.

Trong phòng khách, đồ đạc bày biện rất nhiều, cô ta không kịp nhìn kỹ. Khách khứa cũng đông, ai nấy mặc áo khoác ngoài bằng đoạn màu xanh, màu đỏ sáng chói. Trong đám đó, liếc qua thấy một người, chắc là cụ lớn Thất, ông ta cũng lùn nhưng còn cao hơn cụ Ủy nhiều. Trên khuôn mặt tròn xoe, to tướng, thấy hai con mắt nhỏ tí hí và một bộ râu đen ngòm. Đầu trọc lóc, nhưng da đầu và da mặt đỏ hồng hồng và bóng loáng. Cô gái rất lấy làm lạ, nhưng cô ta liền bụng bảo dạ: "Chắc là ông ta tô mỡ lợn mới bóng thế!"

Cụ lớn Thất cầm một cái gì như một cục đá vụn, đưa sát vào cạnh mũi hai cái, nói:

- Đây là cái "tử tắc" đây, tức là hòn ngọc cổ nhân nhét vào đít người chết khi khâm liệm. Chỉ hiềm điều là "tân khanh". Nhưng bán cũng có tiền. Ít nhất cũng

thuộc về đời Hán... Ngài xem, cái tử này là "thủy ngân tẩm"⁽¹⁾ đây.

Tức thì bốn năm cái đầu chụm lại quanh cái "thủy ngân tẩm". Một trong những cái đầu đó là đầu cụ Úy, lại còn mấy cậu con quan khác nữa, nhưng cô Ái bị cái oai phong của họ áp đảo, giống như một con rận gầy ép dẹp xuống nên lúc đầu cô ta không nhìn thấy gì cả.

Nghe đoạn sau câu nói trên, cô ta không hiểu. Cô ta không có ý mà cũng không dám tìm hiểu xem "thủy ngân tẩm" là cái gì. Nên nhân cơ hội, cô ta liếc nhìn xung quanh thì thấy phía sau cô ta, bố con thằng chó đều đang ngồi dựa vào tường cạnh cửa ra vào. Tuy chỉ liếc nhìn qua nhưng cô ta cũng thấy so với nửa năm trước khi cô ta ngẫu nhiên gặp mặt thì bây giờ có già đi.

Sau đó, những người tụ tập quanh cái "thủy ngân tẩm" cũng tản ra. Cụ Úy cầm lấy cái "tử tắc", ngồi xuống, lấy đầu ngón tay xát, xát, rồi ngoảnh lại nói với ông Mộc:

- Chỉ có hai bố con ông thôi à?

- Vâng ạ!

⁽¹⁾ Thời trước ở Trung Quốc người ta lấy ngọc nhét vào miệng, mắt, lỗ đít người chết, cho rằng làm như thế thì tử thi lâu rữa. Những vật đó về sau đào lên. Đào lên lâu thì được gọi là "cự khanh" mới đào thì gọi là "tân khanh". Khi nhập quan người ta lại lấy thủy ngân tẩm vào tử thi. Những cái có vết thủy ngân gọi là thủy ngân tẩm.

- Con trai ông, không thằng nào đến à?

- Chúng nó bận lắm ạ!

- Thật ra thì đầu năm mới, đáng lý ra không phải để cho hai bố con ông phải đi lại mệt nhọc làm gì, nhưng là vì câu chuyện đó... Theo tôi thì bố con ông làm rắc rối như thế cũng đủ rồi. Không phải là đã hơn hai năm rồi đó sao? Theo tôi thì nên làm lành với nhau đi, không nên thù oán nhau... Còn cô Ái thì chồng ăn ở không phải, bố mẹ chồng cũng không ưa... Thôi thì lần trước tôi đã nói... bỏ nhau đi là hơn! Tôi không có uy quyền gì nên nói các người không thông. Bây giờ có cụ Thất đây là người chỉ nói điều phải, chắc các người cũng biết. Bây giờ ý cụ Thất cũng như thế, cũng giống ý tôi. Nhưng mà cụ Thất còn nói hai bên cũng nên chịu thiệt đi ít nhiều, bắt nhà Thi bỏ ra mười đồng nữa, vị chi là chín mươi đồng...

- Chín mươi đồng! Các người có kiện đến ông giờ nữa thì cũng không thể được hơn thế đâu! Chỉ có cụ Thất thì mới nói được như thế.

Cụ lớn Thất giương cặp mắt ti hí nhìn ông Mộc, gật đầu.

Cô Ái thấy tình hình nguy kịch. Cô ta rất lấy làm lạ rằng bình thời, dân miền duyên hải này, ai cũng có vẻ sợ ông bố mình, thế mà tại sao đến đây, bố mình lại không mở miệng nói được câu gì. Cô ta cho rằng bất tất phải đến thế? Sau khi nghe cụ lớn Thất nghị

luận một tràng, tuy không hiểu lắm, nhưng không biết thế nào cô ta cũng cảm thấy cụ ta cũng là người hoà nhã, dễ gần, chứ không đến nỗi dễ sợ như cô ta nghĩ lúc đầu.

Cô mạnh dạn nói:

- Cụ lớn là người có chữ có nghĩa, rất sáng suốt, không như người nhà quê chúng cháu. Cháu oan ức lắm không biết kêu ai, nên cháu muốn trình bày cụ rõ đầu đuôi. Từ khi cháu về làm dâu, thật là vào luồn ra cúi, lễ phép đủ điều. Thế mà họ cứ bới lông tìm vết, hành hạ cháu, người nào cũng dữ như quỷ sứ. Năm ấy, cáo nó bắt mất con gà sống to, có phải là tại cháu không đóng chuồng gà đâu! Đó là tại con chó ăn vụng cám trong chuồng gà rồi nó bẫy cửa chuồng ra như thế chứ! Thế mà cái thằng chó đều không kể trắng đen, cứ nhè cháu mà tát lấy tát để.

Cụ lớn Thất liếc nhìn cô ta.

- Cháu biết duyên cớ vì sao mà hấn lại đối xử với cháu như thế. Cụ là đèn giời, chắc cũng không tránh khỏi mắt cụ. Những người có chữ có nghĩa thì chẳng gì qua mắt được. Hấn phải bùa con đi Lạm, nên muốn ruồng rẫy cháu ra. Cháu về làm dâu nhà hấn có cưới xin hấn hỏi, kiểu hoa rước đến, chứ có phải... Đã dễ mà rẫy ra được? Cháu nhất định làm cho chúng nó biết tay, dù có phải đến cửa quan, cháu cũng cứ đến, huyện không xong thì lên phủ...

Cụ Úy ngừng đầu lên nói:

- Những chuyện đó thì cụ lớn Thất đều rõ cả rồi. Cô Ái này, nếu cô không nghĩ lại thì không có lợi đâu. Trước sau cô vẫn cứ thế. Cô xem đây, bố cô còn biết điều ít nhiều. Cô với mấy người anh em cô thật không giống bố được chút nào. Kiện đến phủ, nhưng lẽ nào quan Phủ lại không hỏi ý kiến cụ lớn Thất đây hay sao? Đến lúc đó thì "việc công cứ thẳng cánh thi hành", tức là... cô sẽ...

- Thế thì cháu sẽ liều mạng, cùng khuynh gia bại sản luôn thể.

Lúc bấy giờ cụ lớn Thất mới thông thả nói:

- Không phải là chuyện liều mạng. Cô còn ít tuổi. Con người ta phải cho hoà khí một tí. Hoà khí kinh tài. Có phải thế không? Tôi đã bảo là chúng nó phải bỏ thêm vào mười đồng nữa. Như thế là đã "tử tế lắm" rồi! Bằng không, bên nhà chồng người ta bảo "cút" thì cô cũng phải cút thôi. Đừng nói lên phủ, dù cô có lên Thượng Hải, Bắc Kinh, hay là kiện ra ngoại quốc cũng thế thôi! Cô không tin thì cô cứ hỏi cậu này vừa học trường Tây ở Bắc Kinh về đây này!

Cụ ngoảnh lại một cậu ấm cầm nhon hoắt, hỏi:

- Có phải thế không, cậu?

Cậu ấm cầm nhon hoắt vội ngồi thẳng lên, rất lễ phép nói khẽ:

- Đúng như thế đấy ạ!

Cô Ái thấy mình lẻ loi quá. Bố thì không dám

nói năng gì cả. Anh em không dám đến. Cụ Úy thì trước sau vẫn bênh vực chúng nó, cụ lớn Thất cũng không tin cậy được, đến cậu ấm cầm nhon hoắt cũng rụt rè như con rận gầy cũng chỉ là "nói hòa theo". Đầu óc rối bời nhưng cô vẫn quyết đấu lần cuối cùng nữa.

- Tại sao, đến cụ mà - trông mắt cô ta có vẻ nghi ngờ, thất vọng - Phải... cháu biết chúng cháu quê mùa, chẳng biết gì cả. Cháu chỉ oán bố cháu không biết nhân tình thế cố, cứ mê mẩn đi, cứ chịu theo cha con thằng chó đểu ấy bảo gì nghe nấy. Chúng nó vội vàng vàng như đi báo tang ấy, luồn lọt chỗ này chỗ khác, nịnh hót người này người khác...

Thằng chó đểu đứng im lặng sau lưng cô Ái bỗng lên tiếng:

- Bẩm, cụ lớn xem. Trước mặt các cụ mà nó vẫn cứ thế. Nó ở trong nhà thì nó làm cho chẳng ai đứng ngồi yên được với nó. Nó gọi bố cháu là "thằng chó già", gọi con là "chó đểu", là đứa "con hoang"...

Cô Ái quay mặt lại nói to:

- Cái con Lạm nó gọi mày bằng đứa "con hoang" đấy chứ?

Rồi quay lại cụ lớn Thất:

- Trước mặt mọi người, cháu xin nói thêm cho rõ. Nó cũng có phải là vừa đâu. Mở miệng là mắng "con đĩ", "con giời đánh". Từ khi nó mê cái con đĩ kia thì

đến tổ tiên nhà cháu, nó cũng chửi thậm tệ. Xin cụ xét cho, cái đó...

Cô ta rùng mình một cái, vội dừng lại, không nói được nữa, vì cô ta thấy con mắt cụ lớn Thất trợn tròn, cái mặt đầy đặn của cụ ngửng lên, rồi từ cái miệng che lấp dưới chòm râu dài và nhỏ phát ra một mệnh lệnh kéo dài:

- Bay... đâu....!

Cô ta thấy quả tim dừng lại rồi bỗng lại đập mạnh. Hình như hồng cả rồi, cục thể đã thay đổi rồi. Cô ta có cảm giác như người sẩy chân rơi xuống nước. Nhưng lại biết quả thực là mình sai.

Một người đàn ông mặc áo dài xanh, ngoài khoác áo chèn đen đi tới, đứng trước cụ lớn Thất, hai tay buông thông xuống, giống như một cái que gỗ.

Cả phòng khách lặng ngắt như tờ. Cụ lớn Thất nhếch miệng một cái, không ai nghe rõ là cụ nói gì.

Nhưng người đàn ông đó thì đã nghe ra, và cái mệnh lệnh của cụ lớn như đã thâm nhập vào cốt tủy y, y khom lưng xuống hai cái, sợ hãi trả lời:

- Bẩm vâng!

Y lùi lại hai bước mới quay lại ra đi.

Cô Ái biết là có chuyện gì sắp xảy ra. Chuyện đó cô không ngờ trước được nên cũng không biết mà đề phòng. Bây giờ cô ta mới biết là cụ lớn Thất thật quá là uy nghiêm. Trước đây cô ta lầm cho nên ăn nói

không giữ gìn, quá thô lỗ, cô ta rất lấy làm hối hận, bất giác nói:

- Cháu vẫn đến đây là để nghe lời cụ dạy.

Cả phòng khách lặng ngắt như tờ. Cô ta nói rất khẽ, nhưng cụ Úy nghe rõ như tiếng sấm. Cụ ta giật mình một cái. Cụ ta khen:

- Có thể chứ! Cụ lớn Thất thật là công bằng. Mà cô Ái cũng là người biết điều.

Rồi quay lại nói với ông Mộc:

- Ông Mộc này, tất nhiên là ông không có điều gì phải nói nữa chứ? Con gái ông đã bằng lòng rồi đấy. Tôi chắc là ông có mang tờ khai giá thú đến đây chứ? Tôi đã bảo với ông rồi kia mà! Thế thì cả hai bên đều ra đây.

Cô Ái thấy bố móc trong túi ra một cái gì. Cái người đàn ông thẳng như que gỗ cũng vừa vào, cầm một vật gì bẹp bẹp như sơn đen, hình con rùa⁽¹⁾, đưa cho cụ lớn Thất. Cô Ái lại sợ xảy ra chuyện không hay, vội vàng nhìn bố, thấy bố đã mở cái bao tải xanh ở bàn nước, lấy bạc ra.

Cụ lớn Thất cũng cầm cái hộp hình con rùa rút ra, đổ ra một thứ gì ở lòng bàn tay. Người đàn ông như que gỗ cầm lấy cái vật bẹp, đi ra. Cụ ta liền lấy một đầu ngón tay xoa vào lòng bàn tay, đưa lên lỗ mũi, như thế hai lần. Lỗ mũi và nhân trung liền vàng khè. Cụ ta nhả mũi lại muốn hắt xì hơi.

⁽¹⁾ Một lọ thuốc ngửi mũi.

Ông Mộc đang đếm bạc. Cụ Úy lấy ở chỗ bạc chưa đếm một ít tờ đưa cho thằng chó đểu già, rồi cầm hai tờ giá thú thay đổi nhau, đẩy ra hai bên, miệng nói:

- Các người hãy giữ lấy. Ông Mộc này! Đếm cho kỹ. Tiền bạc, chứ không phải là chuyện đùa.

- Hắt xì...!

Cô Ái biết là cụ lớn hắt xì hơi nhưng bất giác quay lại nhìn thì thấy cụ há hốc miệng, đang nhăn mũi lại, hai ngón tay đang mân mê cái gì, tức là cái mà người xưa nhét vào đít người chết lúc nhập liệm, và đang xát vào hai bên mũi.

Mãi hồi lâu, ông Mộc mới đếm bạc xong. Hai bên rút tờ khai giá thú về. Lưng ai cũng như thẳng ra. Những bộ mặt trước co rúm lại bây giờ cũng nở nang ra. Cả phòng khách trong chốc lát trở nên hoà khí.

- Được rồi, thế là êm!

Cụ Úy thấy hai bên đều có ý muốn rút lui, liền thở dài, nói:

- Ờ, thế thì còn gì nữa không? Năm mới chúc cho may mắn nhé! Cũng là dàn xếp xong được một chuyện. Các người định về phải không? Hăng khoan đã! Lại đằng nhà tôi uống chén rượu năm mới đã! Máy khi.

Cô Ái nói:

- Chúng cháu không dám, xin cụ để dành đấy sang năm lại xin đến uống.

- Xin cảm ơn cụ. Chúng cháu không dám ạ!

Ông Mộc, cha con thằng chó đều vừa nói vừa lễ phép đi ra.

Cụ Ủy còn nhìn theo cô Ái đi sau cùng, nói:

- Ờ. Sao? Không uống một chén đã rồi lại về?

- Vâng, xin cụ, cháu không dám. Cảm ơn cụ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1925

Luyện kiếm^(*)

I

Mi Gian Xích⁽¹⁾ cùng mẹ vừa đặt lưng xuống thì

^(*) *Luyện kiếm* nguyên đề là "Mi Gian Xích", tên nhân vật chính trong truyện, và đăng ở tờ bán nguyệt san *Mãng nguyên*, 25-4-1927.

⁽¹⁾ Truyền thuyết về Mi Gian Xích báo thù cha, trong cuốn *Liệt dị truyện*, tương truyền là của Tào Phi, chép như sau: "Can Tương Mạc Da rèn kiếm cho vua Sở ba năm mới xong. Kiếm có thư, hùng, là danh khí của thiên hạ. Ông ta bèn lấy thư kiếm (kiếm cái) dâng vua, còn hùng kiếm (kiếm đực) giấu đi và bảo vợ rằng: "Ta giấu kiếm ở phía bắc Nam Sơn, phía nam Bắc Sơn, cây tùng mọc trên đá, kiếm chôn ở dưới. Nếu vua biết mà giết ta, mình sinh con trai, thì nói cho con biết". Quả nhiên, vua biết, giết Can Tương. Sau vợ đẻ con trai, tên là Xích Ty. Bà ta nói cho Ty biết, Xích Ty chặt hết tùng ở Nam Sơn, không thấy kiếm. Bỗng đào được kiếm ở dưới cột nhà. Vua Sở chiêm bao thấy một người lông mày rộng ba tấc, nói là muốn báo thù. Vương treo thưởng tìm bắt cho được. Xích Ty bèn trốn vào núi Chu Hưng. Gặp một người muốn báo thù cho anh, người ấy bèn cắt đầu anh dâng cho vua Sở, và sai bỏ vào vạc nấu. Cái đầu ba ngày ba đêm nhảy trong vạc không nát. Vua Sở đến xem. Khách lấy hùng kiếm kê vào cổ vua, đầu vua rơi vào vạc. Người kia

chuột đã gặm vung nồi, làm cho anh nghe đến khó chịu. Anh xuyt nhẹ mấy tiếng, lúc đầu còn có hiệu nghiệm đôi chút, về sau, nó mặc kệ, cứ gặm lạch cách. Anh lại không dám đuổi mạnh, sợ mẹ tỉnh giấc; bà cụ cả ngày làm việc mệt mỏi, tối đến nằm xuống là thiếp đi.

Một lúc lâu, lại yên lặng. Anh định ngủ cho rồi. Bỗng, sầm một tiếng, anh lại giật mình mở mắt, thì nghe "lạch cách, lạch cách", như tiếng móng chân cào vào vật gì bằng sành.

- Hay lắm! Cho chết!

Anh thích thú nghĩ bụng, rồi rón rén ngồi dậy.

cũng tự cắt cổ. Ba đầu đều tan hết, không phân biệt được. Dem chôn chung, gọi là "Mộ ba vua" (theo cuốn *Cổ tiểu thuyết câu trâm* của Lỗ Tấn).

Lại sách *Sưu thần ký* của Can Bảo, đời Tấn, có chỗ kể đại khái giống như thế, nhưng tỉ mỉ hơn. Như đoạn Mi Gian Xích trong núi gặp khách, viết: "(Sở) Vương chiêm bao thấy một đứa trẻ, khoảng lông mày rộng một thước, nói muốn báo thù". Vương bèn mua đứa bé một nghìn vàng. Đứa bé nghe được bỏ trốn đi vào núi. Khách gặp bảo: "Em còn trẻ, sao mà khóc thảm thiết như vậy". Em bé nói: "Em là con Can Tương Mặc Da, vua Sở giết cha em, em muốn báo thù". Khách nói: "Ta nghe vua mua đầu em nghìn vàng. Đưa đầu và kiếm lại đây, ta sẽ vì em mà báo thù". Em bé nói: "Thế thì may quá". Liên tự cắt cổ, hai tay bưng đầu và gươm lại dâng, rồi chết đứng ở đó. Khách nói: "Ta không phụ em đâu!". Khi ấy, em bé mới ngã xuống".

Ngoài ra, chuyện *Sở vương trừ kiếm ký*, tương truyền của Triệu Hoa, đời Hậu Hán, hoàn toàn giống chuyện trong *Sưu thần ký*.

Anh bước xuống giường, theo ánh trăng đi về phía sau cánh cửa, sờ lấy cái đánh lửa, đốt đuốc nhựa thông lên, soi vào chum nước. Quả có một chú chuột lớn tướng rơi vào chum, nhưng nước trong chum đã cạn, không bò ra được, chỉ men thành chum cào cào và chạy vòng quanh.

- Đáng kiếp!

Nghĩ bụng chính nó đêm đêm mò ra gặm đồ đạc làm cho anh ngủ không yên giấc, anh lấy làm thích thú. Anh cắm cây đuốc vào một lỗ hổng nhỏ ở vách đất, rồi đứng ngắm chú chuột. Nhìn thấy đôi mắt ti hí, tròn xoe, anh bỗng đâm ra ghét, liền rút một thanh củi, nhận chìm xuống tận đáy, một lúc mới buông tay. Chú chuột ngoi lên, lại men vòng quanh thành chum, cào cào, có điều cào không được mạnh như trước nữa, mắt đã chìm dưới nước rồi, chỉ một tí mũi nhọn hoắt và đỏ lôm lôm, lòi ra ngoài, thở xì xì rất gấp.

Gần đây, Mi Gian Xích có ý ghét những người mũi đỏ. Nhưng lần này, thấy cái mũi nhọn hoắt, đỏ lôm lôm của chú chuột bỗng lại sinh lòng thương hại. Anh liền đưa que củi vào bụng nó. Chú chuột vớ lấy, nghỉ sức một lúc, rồi men theo thanh củi, bò lên. Đến khi trông rõ cả thân hình nó, lông đen ướt lướt thướt, bụng kênh ra, đuôi cong queo như con giun, anh lại thấy ghét cay ghét đắng, vội vung thanh củi lên. Chú chuột lại rơi tòm vào chum. Anh lấy thanh củi dúi mạnh mấy cái vào đầu cho chìm ngấm xuống.

Thay sáu lần đuốc, thì chú chuột không còn động

đây được nữa, cứ nổi lênh bênh, đôi khi mới nẩy nhẹ một cái lên mặt nước. Mì Gian Xích lại thấy thương hại, bẻ đôi thanh củi, mãi mới gắp ra được, quăng giữa đất. Lúc đầu, chú chuột nằm im lìm, sau mới thở một tí; hồi lâu bốn cái chân cựa quậy, rồi chuyển mình, như muốn vùng chạy. Anh giật mình, bất giác giơ chân trái lên, giẫm, nghe "chít" một tiếng. Anh ngồi xổm xuống nhìn kỹ, thấy quanh mõm chuột có ít máu tươi. Chắc là ngoẻo rồi.

Anh lại thương hại, cảm thấy như mình vừa làm một điều đại ác, nên rất buồn. Anh cứ ngồi ngây người nhìn, không đứng dậy nổi.

- Xích à! Làm gì đấy con!

Mẹ anh đã tỉnh giấc, ngồi trên giường, hỏi.

- Chuột!...

Anh hoang mang đứng lên, quay lại, chỉ trả lời vắn vắn được một tiếng.

- Chuột, thì mẹ biết rồi, nhưng con đang làm gì đấy? Con giết nó hay là cứu nó?

Anh không trả lời. Cây đuốc đã cháy hết. Anh yên lặng đứng trong bóng tối và dần dần thấy rõ ánh trắng sáng lạnh.

Bà mẹ thở dài, nói:

- Hừ! Đến giờ Tí đêm nay là con mười sáu tuổi rồi đấy, mà tính nết cứ vẫn thế, không ra sao cả. Mẹ xem chừng mối thù của cha con, không có người báo cho rồi!

Anh thấy mẹ ngồi trong bóng trắng màu xám trắng, toàn thân như đang run lên. Giọng nói nhỏ nhẹ nhưng bao hàm một niềm đau thương vô hạn làm anh lạnh nổi gai. Nhưng trong nháy mắt, máu nóng trong người anh lại sôi sục lên.

Anh bước lên mấy bước, vội hỏi:

- Thù của cha con? Cha con có thù gì, hở mẹ?

- Có đấy. Và con phải báo thù cho cha con. Mẹ muốn nói với con từ lâu, chỉ vì con còn dại quá, nên chưa nói. Nay con đã lớn rồi, thế mà tính nết vẫn không thay đổi. Như thế mẹ biết làm thế nào bây giờ. Tính nết con như vậy, làm việc lớn sao được!

- Được. Mẹ cứ nói đi. Con sẽ sửa đổi.

- Tất nhiên mẹ cũng phải nói thôi. Con phải sửa đổi... Thế thì xích lại gần đây!

Anh xích lại gần mẹ. Bà mẹ ngồi ngay ngắn, đôi mắt long lanh sáng trong ánh trăng mờ, rồi nói, giọng nghiêm nghị.

- Con biết không? Cha con ngày trước là một người thợ luyện kiếm nổi danh đệ nhất trong thiên hạ. Đồ nghề của cha con, mẹ đã bán đi ăn đói từ lâu rồi, nên con không còn thấy dấu vết gì nữa; nhưng cha con vốn là một người luyện kiếm có một không hai trên đời. Hai mươi năm về trước, Vương phi sinh ra một cục sắt. Đồn rằng, vì ôm một cái trụ sắt rồi thụ thai mà ra như thế. Cục sắt ấy xanh đều và trong suốt. Đại vương biết là của báu lạ, định đem luyện thành

một thanh kiếm, dùng để giữ nước, giết địch và phòng thân. Bất hạnh cho cha con ngày ấy lại được chọn làm việc đó. Thế là, cha con mang cục sắt về nhà, ngày đêm rèn luyện, đem hết tinh thần ra làm ba năm trời, luyện được hai thanh kiếm. Ngày mở lò cuối cùng, thật là cảnh tượng kinh người! Trong khi một luồng khí trắng bay lên ngùn ngụt thì mặt đất cũng như chuyển động. Luồng khí trắng lên đến lưng chừng trời thì biến thành một đám mây bao trùm khắp cả vùng này, rồi dần dần chuyển sang màu hồng, ánh xuống, làm cho mọi vật trông giống như hoa đào. Hai thanh kiếm đỏ thắm nằm trong cái lò đen ngòm của nhà ta. Cha con lấy nước giếng trong từ từ rưới vào. Kiếm kêu xèo xèo rồi dần dần biến thành màu xanh. Như thế bảy ngày bảy đêm thì không thấy kiếm đâu nữa. Nhìn thật kỹ, mới biết còn nằm trong lò, xanh lè, trong suốt, như hai thỏi băng. Cha con vui sướng, mắt sáng ngời, cầm thanh kiếm, lau đi lau lại. Những nếp răn đau khổ cũng lại hiện lên giữa cặp lông mày và bên mép cha con. Cha con đem hai thanh kiếm bỏ riêng vào hai cái hộp, rồi thủ thủ nói với mẹ: "Em trông thấy cảnh tượng mấy ngày hôm nay cũng biết anh đã luyện xong kiếm rồi. Rạng ngày mai, anh sẽ đem dâng Đại vương. Nhưng ngày dâng kiếm cũng là ngày cuối cùng của đời anh. Có lẽ từ nay, chúng ta phải cùng nhau vĩnh biệt!" Mẹ rất lấy làm kinh hãi, không đoán được ý cha con, và cũng không biết nói sao. Mẹ chỉ nói: "Anh... Công lao của anh to lớn thế kia mà!". Cha

con nói: "Hừ! Em biết làm sao được! Đại vương vốn là người đa nghi, và lại cực kỳ tàn nhẫn. Lần này, anh luyện cho thanh kiếm có một không hai trên thế gian này, nhất định ông ta sẽ chém đầu anh để anh không thể luyện kiếm cho người nào khác, có thể đối địch ông ta hoặc thắng nổi ông ta". Mẹ khóc. Cha con lại nói: "Em đừng buồn làm chi. Việc này không thể thoát được. Nước mắt không thể thay đổi được mệnh trời. Anh đã biết nên đã chuẩn bị từ trước rồi". Mắt cha con bỗng sáng lên như nẩy lửa, lấy một hộp kiếm đặt vào lòng mẹ, rồi nói: "Đây là thanh hùng kiếm, em giữ lấy. Ngày mai anh chỉ đem dâng cho Đại vương thanh thư kiếm mà thôi. Nếu không thấy anh trở về, thế là anh không còn ở trên trần gian này nữa. Em có thai năm sáu tháng nay rồi, phải không nhỉ? Đừng buồn em ạ! Đợi ngày sinh nở, em sẽ nuôi con cho chu đáo; khi nào con khôn lớn, em sẽ trao thanh hùng kiếm này cho con, bảo nó chém vào cổ Đại vương, báo thù cho anh".

Mi Gian Xích vội hỏi:

- Thế hôm ấy, cha con có trở về không, hử mẹ?

Mẹ anh lạnh lùng trả lời:

- Không trở về nữa. Mẹ hỏi thăm khắp nơi, cũng không có tin tức gì. Mãi sau mới nghe nói: Người đầu tiên phải đem máu tắm cho thanh kiếm cha con luyện chính lại là cha con. Rồi sợ oan hồn cha con tác quái, chúng đem chôn đầu cha con ở phía cửa trước, thân hình lại đem chôn ở vườn sau.

Người Mi Gian Xích bỗng nóng lên như lửa đốt. Anh có cảm giác như mỗi lỗ chân lông đều có lửa phụt ra. Trong bóng tối, anh bóp chặt hai tay vào nhau kêu răng rắc.

Mẹ anh đứng dậy, mở tấm ván đầu giường, đốt đuốc lên soi, rồi đi đến phía sau cánh cửa lấy một cái cốc đưa cho anh, bảo:

- Con đào đi!

Mi Gian Xích, trống ngực đánh thùm thụp, nhưng vẫn bình tĩnh, cốc từng nhát, từng nhát, nhẹ nhẹ. Đất cốc lên vàng khè. Sâu chừng năm thước, màu đất hơi khác, trông như gỗ mục.

Mẹ anh nói:

- Xem xem! Cho cẩn thận!

Anh nằm phục cạnh lỗ vừa đào, thò tay xuống, cẩn thận moi lớp gỗ mục lên. Cho đến khi đầu ngón tay anh thấy lạnh buốt như đụng phải cục nước đá, thì thanh kiếm xanh lè, trong suốt kia cũng hiện ra. Anh nhìn thấy chuôi kiếm, nắm lấy, giơ lên.

Trăng sao ngoài trời cũng như ngọn đuốc thông trong nhà bỗng mờ hẳn đi. Một luồng sáng xanh tràn ngập căn nhà. Thanh kiếm như tan trong luồng ánh sáng, như không có. Mi Gian Xích định thần, mới thấy phảng phất dài hơn năm thước, nhưng xem chừng không lấy gì làm sắc lăm, lưỡi hơi tù tù, giống như cánh lá hẹ.

Mẹ anh nói:

- Từ nay, con phải bỏ tính nhu nhược của con đi và dùng thanh kiếm này báo thù cho cha con.

- Vâng, con đã bỏ được tính nhu nhược của con rồi, và con sẽ dùng thanh kiếm báo thù cho cha con.

Mẹ anh chỉ vào hòm quần áo cũ phía sau giường nói:

- Mẹ mong được như thế. Đeo thanh kiếm này, con sẽ phải mặc áo xanh, áo và kiếm cùng một màu, người ta mới không trông thấy. Áo, mẹ đã may sẵn đây. Ngày mai con sẽ lên đường! Đừng nhớ mẹ làm gì!

Mi Gian Xích lấy áo ra mặc thử, thấy rất vừa. Anh cởi ra, gấp lại, rồi bọc kỹ thanh kiếm, đặt bên gối, trầm tĩnh nằm xuống. Anh cảm thấy tính tình anh đã đổi khác thật. Nhưng anh quyết làm như không có chuyện gì trong lòng, định ngả lưng đánh một giấc, rồi rạng ngày mai, sẽ hết sức tự nhiên, thung dung đi tìm kẻ thù không đội trời chung của mình.

Nhưng, mắt vẫn tỉnh khô, anh trần trọc mãi, định ngồi dậy. Anh nghe tiếng mẹ thở dài, thất vọng. Đến khi gà gáy lượt đầu, anh biết đã đến giờ Tý, và giờ đây anh đã mười sáu tuổi.

II

Khi Mi Gian Xích, mắt còn ngái ngủ, bước ra khỏi cửa, đi không quay nhìn lại, thì đằng phương Đông chưa có ánh mặt trời. Anh mặc áo xanh, đeo

kiếm xanh, rảo bước đi thẳng lên thành. Trong rừng sam, bóng đêm còn ẩn sau khóm lá đầm sương. Nhưng hết khu rừng, thì hạt sương bắt đầu lóng lánh. Trời đã sáng. Xa xa phía trước, mờ mờ thấy tường thành và các ụ đắp trên bờ thành màu xám. Anh lẩn vào đám người gánh rau đi vào thành bán. Phố xá đã đông người. Đàn ông đứng sắp từng hàng, từng hàng, có vẻ ngơ ngác. Đàn bà con gái cũng thập thò sau cánh cửa nhìn ra, phần lớn, mắt còn ngái ngủ, đầu tóc rối bù, mặt vàng ệch, chưa kịp phấn sáp. Anh đoán chắc có việc gì trọng đại đây, người xem chừng sốt ruột lắm, nhưng vẫn nhẫn nại chờ đợi.

Anh cứ bước thẳng tới. Một em bé bỗng chạy xô đến suýt nữa chạm vào mũi kiếm trên lưng anh, làm anh hoảng hồn, mồ hôi toát ướt đầm. Anh rẽ đi về phía Bắc, thì thấy cách cung điện nhà vua không xa, người đứng chen chúc nhau từng từng lớp lớp, ai nấy đều rướn cổ ra nhìn. Trong đám đông, còn có nghe tiếng đàn bà kêu ới ới và tiếng trẻ con khóc chí chóe. Anh sợ thanh kiếm mờ ảo của mình đụng phải người khác, nên không dám chen vào. Nhưng phía sau lưng anh, người ta vẫn ép tới. Anh đành phải rón rén lui ra. Bây giờ thì chỉ còn trông thấy toàn là lưng và những cái cổ rướn dài ra phía trước. Bỗng, người ta lần lượt quỳ sụp xuống. Xa xa, hai con ngựa song song chạy tới. Sau đó, bọn võ sĩ cầm giáo mác, cung nỏ, cờ xí, kéo đến chật đường, bụi bay vù. Rồi đến một cỗ xe tứ mã, trên xe có một đội nhạc, kẻ đánh

chuông, người đánh trống, có kẻ thổi những chiếc kèn lạ lẫm, không biết kèn gì. Rồi lại một cỗ xe khác, những người ngồi ở trong đều mặc áo vẽ nhằng nhịt, hoặc già, hoặc lùn tịt, ai nấy mồ hôi ướt đẫm. Tiếp theo lại một đội kỵ binh cầm đao, thương kiếm, kích. Những người đang quỳ đều nằm phục xuống sát đất. Chính lúc đó, Mi Gian Xích trông thấy một cỗ xe lớn có che tàn vàng lướt qua, bên trong một người mập mạp, mặc áo gấm, râu bạc phơ, đầu nhỏ tí, cạnh hông thấp thoáng có một thanh kiếm màu xanh như thanh kiếm trên lưng anh.

Bất giác, anh lạnh cả người, nhưng bỗng lại nóng rực lên như lửa đốt. Anh đưa tay lên vai, nắm chặt lấy chuôi kiếm, co chân, bước qua những chỗ trống cạnh cổ những người đang phủ phục.

Nhưng mỗi bước được năm sáu bước, thì ngã nhào xuống vì có kẻ nào bỗng nắm lấy chân anh. Anh ngã đè phải một anh chàng còn ít tuổi, mặt khô đét. Sợ mũi kiếm làm y bị thương, anh hoảng sợ, đứng dậy xem, thì hai quả đấm đã đưa vào sườn anh rất mạnh. Không có thì giờ sinh sự lời thôi, anh nhìn ra phía đường cái. Chẳng những cỗ xe có tàn vàng đã đi qua rồi, mà đám kỵ binh hộ tống sau cũng không còn đây nữa.

Người ở dọc đường lồm ngồm bò dậy. Anh chàng mặt khô đét vẫn níu lấy cổ áo Mi Gian Xích, không chịu buông, nói rằng anh đã đè bẹp đan điền⁽¹⁾

⁽¹⁾ Theo Đạo gia thì khoảng ba tấc dưới rốn gọi là *đan điền* (N.D).

của y, bây giờ phải bảo đảm, nếu chưa đến tám mươi tuổi mà y đã chết, thì anh phải đền mạng. Người ta liền xúm nhau lại, đực mặt ra nhìn, chẳng ai mở miệng nói gì. Mãi sau, có người đứng cạnh mắng mấy câu phụ họa cho anh chàng mặt khô đét. Mi Gian Xích bỗng gặp một kẻ địch như vậy, giận cũng không giận được, mà cười cũng không cười được, thấy ngán ngẩm cho mình quá, nhưng cũng không biết làm sao để thoát thân. Ước một khoảng thời gian nấu chín nồi cơm, Mi Gian Xích sốt ruột, người nóng rục lên, nhưng người đứng xem vẫn đông, chưa chịu về, chừng như còn lấy làm thích thú lắm.

Bỗng vòng người phía trước nhón nháo lên. Một người đen thui thúi, chen vào, râu, tóc đều đen, và gầy như que củi. Ông ta không nói năng gì cả, chỉ nhìn Mi Gian Xích, cười nhạt một tiếng, rồi đưa tay đỡ lấy cằm anh chàng mặt khô đét, nhìn thẳng vào mặt y. Anh chàng cũng nhìn lại rồi bất giác buông tay ra, chuồn thẳng. Ông ta cũng bỏ đi. Và người xem buồn tình cũng giải tán nốt. Chỉ có mấy người chạy lại hỏi Mi Gian Xích bao nhiêu tuổi, ở đâu, trong nhà còn anh chị em gì nữa không. Nhưng anh mặc kệ, không trả lời.

Anh đi về hướng nam, nghĩ thầm trong bụng: trong thành đông đúc như thế này, thanh kiếm của ta để đựng phải người, chỉ bằng hăng ra phía cửa Nam, chờ hấn về, báo thù cho cha. Ở đây rộng, ít người qua lại dễ bề hành động. Lúc đó, trong thành, người ta đang bàn tán lao nhao như ong vỡ tổ về việc Quốc

vương du sơn, vẻ nghi trượng đẹp đẽ, oai nghiêm, vẻ cái vinh dự được nhìn thấy Quốc vương, cho đến cả cách phủ phục như thế nào cho xứng là bề tôi trung. Khi anh đi gần đến cửa Nam, mới thấy hơi yên tĩnh một chút.

Anh ra khỏi thành, ngồi dưới một gốc dâu lớn, lấy hai chiếc màn thầu⁽¹⁾ ra ăn cho khỏi đói. Đang ăn, sức nhớ đến mẹ, bất giác, mắt mũi thấy cay cay, muốn khóc. Nhưng rồi anh cũng chẳng khóc. Xung quanh yên tĩnh dần, đến nỗi anh nghe rõ tiếng anh thở.

Trời càng tối, anh càng sốt ruột. Anh rón sức nhìn về phía trước. Vẫn không thấy tăm hơi Quốc vương đâu cả. Những người nhà quê gánh rau lên thành bán cũng đã mang rổ không trở về rồi.

Khi người đã vắng tanh, cái ông đen thui đen thui lúc sáng bỗng từ trong thành lén ra, và nói với Mi Gian Xích, tiếng nghe như tiếng cú vọ:

- Xích! Trốn nhanh lên! Quốc vương đang tìm bắt đấy!

Mi Gian Xích rùng mình, liền chạy theo ông ta, như người bị ma ám. Hai người chạy như bay. Khi đứng lại thở dốc một hồi mới biết là đã đến rừng sam. Xa xa, phía sau, có những làn ánh sáng trắng bạc: trăng đã lên. Phía trước, chỉ thấy đôi mắt của người kia lấp lánh như ánh ma trời.

⁽¹⁾ Màn thầu, bánh như bánh bao, không có nhân, người phương Bắc ăn thay cơm (N.D).

Anh hỏi, hoảng hốt:

- Ông làm sao biết tôi?

Tiếng người kia đáp:

- Ha ha! Ta biết em từ lâu. Ta biết em đang mang thanh hùng kiếm sau lưng để báo thù cho cha em, và cũng biết việc của em không thành. Không những không thành, mà hôm nay, đã có người mặt cáo với Quốc vương. Kẻ thù của em đã vào cửa Đông, về cung rồi, và đã ra lệnh bắt em.

Mi Gian Xích bắt giác lòng quặn đau. Anh khẽ nói:

- Trời ơi! Chả trách mẹ tôi cứ thổ dài.

- Nhưng mà mẹ em chỉ biết một nửa. Mẹ em không biết có ta ở đây giúp em báo thù.

- Sao? Ông định giúp tôi báo thù hay sao? Ông quả là một nghĩa sĩ!

- Đừng nói thế, không đúng đâu. Không phải là nghĩa sĩ đâu!

- Thế thì, có phải vì ông thương hại mẹ góa con cô chúng tôi không?

- Em đừng nhắc đến những chữ ấy làm gì - ông ta nghiêm giọng nói - những chữ ấy đã bị người ta làm cho nhơ bẩn đi rồi. Nghĩa cử, tình thương, trước kia thì còn là những danh từ đẹp đẽ, nhưng bây giờ, người ta đã lạm dụng để làm những điều quái gở. Ta không hề nghĩ đến những điều em nói. Ta chỉ muốn báo thù cho em thôi.

- Vâng. Nhưng ông báo thù cho tôi như thế nào?

Thanh âm lại đưa ra từ dưới hai đóm lửa lân tinh:

- Em chỉ cần đưa cho ta hai vật. Hai vật gì, em hãy nghe đây. Một là thanh kiếm của em, hai là cái đầu em.

Mi Gian Xích hơi lấy làm lạ, và có ý nghi hoặc, nhưng vẫn không sợ hãi gì cả. Trong chốc lát, anh không mở miệng nói nên lời được. Thanh âm lại lạnh lùng vang lên trong bóng tối:

- Đừng nghi ta lừa giết em và lấy thanh bảo kiếm của em. Việc này tùy ở em cả. Tin ta thì ta làm, không tin thì thôi.

- Nhưng tại sao ông lại báo thù cho tôi? Ông quen biết cha tôi phải không?

- Ta quen biết cha em từ lâu cũng như quen biết em. Nhưng không phải vì thế mà ta báo thù cho em. Xem bộ em cũng thông minh, để ta nói cho mà nghe. Em có biết tại sao ta lại báo thù không? Thù của em cũng là thù của ta. Cha em cũng là ta. Linh hồn ta có nhiều vết thương đau, do người và do ta gây nên. Ta cũng đã ghét bản thân ta lắm rồi.

Thanh âm trong bóng tối vừa ngừng lại, Mi Gian Xích liền giơ tay lên vai rút thanh kiếm màu xanh, thuận tay đưa từ gáy ra phía trước. Chiếc đầu lâu rơi xuống đám rêu xanh. Rồi anh trao thanh kiếm cho người kia.

- Ha ha!

Ông ta tay đỡ lấy thanh kiếm, tay cầm tóc xách

đầu Mi Gian Xích lên, hôn hai cái vào đôi má đã chết nhưng còn nóng hổi, rồi cười lạnh lùng, ghê rợn.

Tức khắc, tiếng cười tản vào rừng sam. Tiếp đó, vô số ánh mắt như lân tinh lấp lánh trong bụi rậm, chốc lát đã bay lại gần. Người ta nghe rõ tiếng chó sói đói thở phì phì. Miếng thứ nhất, chúng xé tan chiếc áo xanh của Mi Gian Xích, miếng thứ hai, không thấy thân hình anh đâu nữa. Trong khoảng khắc, các vết máu cũng đều được liếm sạch. Bây giờ chỉ còn nghe tiếng gặm xương khe khẽ.

Đầu tiên, một con sói to tướng nhảy xổ vào người đen thui. Ông ta vung thanh kiếm xanh lên, đầu sói rơi xuống đám rêu trên mặt đất. Những con sói kia ngoạm lấy xé nát da, miếng thứ hai thì không thấy thân hình nó đâu nữa. Các vết máu cũng liếm sạch. Chỉ còn tiếng gặm xương khe khẽ.

Ông ta cầm chiếc áo xanh dưới đất lên, bọc lấy đầu Mi Gian Xích, đeo lên vai cùng với thanh kiếm, quay lại, rảo bước trong đêm tối về phía vương thành.

Bầy sói đứng dừng lại, vươn vai, thè lưỡi, thở phì phì, đưa mắt xanh lè nhìn ông ta rảo bước.

Trong đêm tối, ông ta rảo bước về phía vương thành, và giọng lạnh lạnh, cất lời ca. Ca rằng:

Ha ha tình thương chừ, than ôi tình thương!

Thương thanh kiếm chừ, một người thù tự sát.

Các ngươi chỉ biết thương các ngươi chừ!

Nhưng người thương thanh kiếm không hề cô đơn.

*Đầu đối đầu chừ hai người thù tự sát,
Một người cũng không chừ ôi tình thương!
Tình thương ô hô! Chừ than ôi, ô hô!
Ô hô, ô hô chừ, ô hô, ô hô⁽¹⁾*

III

Chuyến du sơn này đã không có gì vui thú, lại thêm tin mật cho biết giữa đường có thích khách, nên Quốc vương cụt hứng, trở về. Đêm ấy, Quốc vương giận lắm, than phiền đến cả mớ tóc mây của bà phi thứ chín không được đen nhánh và đẹp như hôm qua. May mà nàng nũng nịu, ngồi lên gối ngài, uốn éo có đến hơn bảy mươi lần, những nếp nhăn trên mày rồng mới dần dần dần ra.

Quá trưa, vừa tỉnh dậy, Quốc vương đã thấy không vui, đến khi dùng xong ngọc thiện⁽¹⁾ thì nộ khí bốc ra thật sự.

⁽¹⁾ Bài ca này cũng như các bài ca ở các đoạn dưới, ý nghĩa mù mờ. Trong bức thư đề tháng 3 năm 1936, gửi cho Tăng Diên Thiệp, người Nhật, Lỗ Tấn có nói như sau: "Truyện *Luyện kiếm* không có chỗ nào khó hiểu. Nhưng cũng mong ông lưu ý cho rằng: các bài ca trong đó ý nghĩa không được thật rõ, bởi vì đã là lời ca của một người rất kỳ dị hoặc là lời ca của đầu lâu, thì những người bình thường như chúng ta tất nhiên khó lòng hiểu nổi".

⁽¹⁾ Danh từ dùng để chỉ bữa cơm trưa của nhà vua (N.D.).

Ngài nói to, sau một tiếng ngập dài:

- Ái chà, chán quá!

Trên từ vương hậu, dưới đến lộng thần⁽²⁾, ai thấy tình cảnh đó cũng đều bó tay, không biết làm sao. Những lời giảng đạo lý của vị lão thần, đầu bạc phơ cũng như những câu khôi hài của các ông thù nho⁽³⁾ lùn tịt, ngài nghe đã chán lắm rồi. Và, gần đây, bao nhiêu trò vui tài tình khác, như đi dây, leo cột, ném vòng, đi hai tay, nuốt dao, phun lửa v.v... Ngài xem cũng không thấy ý vị gì nữa. Ngài thường thường nổi giận, mà đã nổi giận là vợ lấy thanh kiếm xanh lè, rồi cố moi cho ra bất cứ sai thất gì, dù nhỏ đến đâu, để giết một vài người.

Hai viên hoạn quan cấp dưới, thừa lúc rồi, ra chơi ngoài cung vừa về, thấy mọi người có vẻ lo lắng, buồn bã, biết tai họa sắp giáng xuống như thường lệ. Một ông sợ quá, mặt tái xanh, còn ông kia thì có vẻ tự tin lắm, không hoang mang, đến trước mặt Quốc vương, phủ phục xuống tâu:

- Hạ thần vừa gặp một người kỳ khôi, có những thuật lạ, có thể làm cho Đại vương khuây khỏa, xin tâu Đại vương rõ.

Ngài hỏi:

- Cái gì?!

⁽²⁾ Lộng thần là những người làm trò vui cho vua xem (N.D).

⁽³⁾ Thù nho là những người lùn làm trò hề để vua chúa mua vui.

Xưa nay ngài vẫn thường nói cụt lủn như vậy.

- Tâu bệ hạ, anh ta là một người đen, gầy, trông giống như hành khô, mặc áo xanh, vai mang một chiếc túi vải tròn tròn, miệng hát lảng nhãng. Hỡi, anh ta bảo giỏi làm trò, những trò không tiền tuyệt hậu, cử thế vô song, chưa ai từng được xem bao giờ. Xem xong, bao nhiêu phiền muộn sẽ tiêu tán hết, và thiên hạ sẽ thái bình. Nhưng bảo anh ta làm thì anh ta không làm, nói phải có một con kim long và một chiếc kim đỉnh thì mới làm được.

- Kim long à? Chính ta đây là kim long. Và kim đỉnh thì ta cũng có.

- Hạ thần cũng đang nghĩ như thế...

- Truyền cho vào!

Chưa dứt lời, bốn võ sĩ đã theo viên hoạn quan chạy ra. Trên từ vương hậu, dưới đến lộng thần, ai cũng lộ vẻ vui mừng. Họ đều mong mỗi cái trò này sẽ làm cho Quốc vương hết phiền muộn, và từ đây thiên hạ sẽ thái bình. Bằng không, đã có anh chàng đen gầy, trông giống như hành khô kia, chịu tội. Bây giờ họ chỉ cần chịu đựng cho đến khi anh kia vào là được.

Cũng không bao lâu, đã thấy sáu người tiến vào bệ ngọc. Trước là viên hoạn quan, sau là bốn võ sĩ dẫn một người đen thui. Chờ đến gần, thấy người đó mặc áo xanh, râu tóc đen láy, gầy đến nỗi lưng quỳ, xương mắt, xương lồng mày đều nhô ra ngoài. Người đó cung kính quỳ xuống. Quả nhiên, sau lưng thấy

có một cái túi nhỏ tròn tròn, cũng bằng vải xanh vẽ hoa đỏ thắm.

- Nói nghe nào!

Quốc vương nói, vẻ nóng nảy, thấy đồ đạc của ông ta đơn sơ quá, cho rằng vị tât đã làm được trò gì nên thân.

- Thân tên Yến chi ngạo giả⁽¹⁾, quê ở Ván-ván-hương, lúc nhỏ không có nghề nghiệp gì, mãi về sau mới gặp minh sư, dạy làm trò vui với chiếc đầu lâu con trẻ. Trò này, một người không chơi nổi, và phải có một chiếc kim đỉnh đặt trước kim long, đổ thanh thủy vào, dùng than thú vật mà nấu, rồi bỏ chiếc đầu lâu vào. Nước sôi, chiếc đầu lâu sẽ nổi lên, chìm xuống, nhảy múa trăm cách và phát ra những lời huyền diệu hoặc những bài ca vui mừng. Cuộc ca vũ đó, một người xem thì phiền muộn tiêu tán, muôn dân xem thì thiên hạ thái bình vô sự.

Quốc vương hạ lệnh, giọng oang oang:

- Thử xem nào!

Cũng không bao lâu, một chiếc kim đỉnh lớn, có thể nấu được một con bò, được đem tới trước điện. Đổ nước vào, chất than thú vật ở dưới, châm lửa. Cái ông đen thủi đứng bên cạnh, thấy lửa đỏ, liền đặt túi xuống mở ra, hai tay bưng chiếc đầu lâu trẻ con, giơ cao lên. Chiếc đầu lâu, mắt dài, mày đẹp, răng trắng,

⁽¹⁾ Yến chi ngạo giả, là một tên tác giả đặt ra, trong các sách cổ, tìm không có.

môi hồng, hơi mỉm cười, tóc bông bông như làn khói xanh. Ông ta tay cầm đầu lâu giơ về tứ phía, đi một vòng tròn, rồi đưa lên miệng đỉnh, môi mấp máy không biết nói gì, sau đó thì buông tay ra. Chiếc đầu lâu rơi tòm vào trong nước. Nước vọt lên cao có đến năm thước. Bỗng im lặng.

Rất lâu, vẫn không thấy động tĩnh gì. Quốc vương sốt ruột trước, rồi đến vương hậu, vương phi, đại thần, hoạn quan cũng sốt ruột. Bọn thù nho lùn tịt bắt đầu cười nhạt. Vương thấy vậy, cho rằng mình bị lừa, quay lại nhìn các võ sĩ, định hạ lệnh đem thẳng dân khi quân ấy bỏ vào đỉnh mà luộc đi.

Vừa lúc đó thì nghe tiếng nước sôi. Lửa đỏ rực chiếu vào mặt ông ta. Màu đen đã biến thành màu đỏ thẫm của cục sắt trong lò. Quốc vương vừa quay mặt lại thì ông ta đã giơ hai tay lên trời, mắt nhìn vào cõi xa xăm, nhảy múa lên, rồi bỗng hát, giọng lạnh lạnh:

Ha ha tình thương chừ tình thương! Tình thương!

Ai không có máu và không có tình thương!

Lê dân đi trong đêm chừ riêng một người say sưa.

*Quốc vương đòi một trăm, một ngàn, một vạn
đầu lâu!*

Ta lấy một đầu lâu chừ, không cần vạn người,

Thương đầu lâu này, giòng máu này, ô hô!

Máu chảy chừ, máu chảy, ô hô!

Ô hô! ô hô, chừ ô hô!

Theo lời ca, nước trào lên miệng đỉnh, như một

hòn núi, trên nhỏ, dưới bè ra. Nhưng từ đầu ngọn đến đáy đỉnh, nước vẫn không ngừng chuyển động. Chiếc đầu lâu lên rồi xuống theo dòng nước, thành một vòng tròn, đồng thời tự nó cũng quay tít. Người ta còn thoáng thấy trên miệng một nụ cười khoái trá, như thích thú với trò chơi của mình. Một lúc lâu, bỗng lại bơi ngược dòng, vừa lộn nhào, vừa đưa đi đưa lại như con thoi, làm nước bắn tung lên. Cung điện lúc đó như qua một cơn mưa nước sôi nóng bỏng. Một viên thù nho bỗng hét lên một tiếng rồi đưa tay sờ mũi. Ông ta bị nước sôi té nhảm, rất quá không chịu nổi, phải la to.

Tiếng ca của người đen thui lúc đó mới tắt. Chiếc đầu lâu cũng ngừng lại giữa cột nước, mặt hướng về phía vương điện, và đang vui tươi, bỗng trở thành nghiêm trang. Như thế, khoảng hơn mười nháy mắt, lại từ từ dập dình lên xuống, càng nhanh dần, rồi chuyển sang bơi, nhưng không nhanh lắm, rất ung dung, nhấp nhô ba vòng quanh miệng đỉnh, bỗng trợn trừng mắt lên, lòng con người đen bóng, long lanh, đoạn cất tiếng hát:

Ôn Vua chừ mênh mông như đại dương!

Thắng được kẻ thù chừ gì oai bằng!

Vũ trụ có chừng chừ vạn thọ vô cương.

May có ta đây chừ kiếm sáng xanh.

Kiếm sáng xanh chừ ta không bao giờ quên.

Dầu một nơi thân một nơi chừ ôi đàn hoàng!

Đàng hoàng chừ ôi đàng hoàng!

Trở về đây chừ thanh kiếm xanh.

Chiếc đầu lâu bỗng lên tới đỉnh cột nước, dừng lại, lộn nhào mấy vòng rồi nhảy lên nhảy xuống, liếc nhìn hai bên, rất đẹp, miệng vẫn hát:

Ô hô! Ô hô! chừ ô hô!

Tình thương ô hô! chừ tình thương, ô hô!

Một đầu lâu rơi chừ tình thương, ô hô!

Ta lấy một đầu lâu chừ không cần vạn người.

Nó, nó giết trăm đầu lâu vạn đầu lâu...

Hát đến đây thì chìm ngấm, không nổi lên nữa. Lời hát nhỏ dần cho đến khi nghe không rõ nữa, và theo đó cột nước hạ dần, như nước thủy triều, xuống dưới miệng đỉnh, đứng xa không nhìn thấy gì hết.

Một lúc, Quốc vương sốt ruột hỏi:

- Thế nào?

Cái ông đen thui quỳ xuống nói:

- Tàu Đại vương, chiếc đầu lâu đang múa điệu đoàn viên thần kỳ nhất dưới đáy đỉnh, không đến gần thì không thấy. Thần cũng không có phép gì làm cho nó lên, bởi vì múa điệu đoàn viên thì phải múa dưới đáy đỉnh.

Quốc vương đứng dậy, bước xuống bệ rồng, không kể hơi nóng, cứ đến cạnh đỉnh, nhô đầu vào xem. Trong đỉnh, mặt nước lặng như gương; chiếc đầu lâu nằm ngửa, hai con mắt đăm đăm nhìn Quốc vương. Khi Quốc vương nhìn nó, nó cười duyên. Thấy

cái vẻ nó cười, Quốc vương có cảm tưởng như quen lắm, nhưng không còn nhớ ra là ai nữa. Đang nghi hoặc, thì cái người đen thui rút thanh kiếm xanh đeo sau lưng, vung lên, nhanh như cắt, đưa nhẹ xuống gáy Quốc vương. Đầu Quốc vương rơi tùm vào trong đỉnh.

Kẻ thù gặp nhau thì nhận ra nhau ngay, huống nữa lại gặp nhau trong con đường hẻm. Đầu Quốc vương vừa rơi xuống, thì đầu Mi Gian Xích đã nổi lên đón lấy, cắn vào vành tai một miếng thật mạnh. Nước trong đỉnh sôi lên nghe phùng phụt. Hai chiếc đầu lâu quyết chiến dưới nước. Chừng hai mươi hiệp, đầu Quốc vương bị năm vết thương, đầu Mi Gian Xích những bảy vết. Quốc vương xảo quyết, toan vòng ra phía sau kẻ địch. Mi Gian Xích sơ hở thế nào không biết để cho Quốc vương cắn vào gáy, không thể nào quay lại được nữa. Quốc vương cắn rất chắc, và cứ thế, ăn sâu vào. Đứng ngoài đỉnh, cũng phảng phất nghe tiếng đứa bé khóc thất thanh.

Trên, từ vương hậu, dưới đến lộng thần, nãy giờ sợ đến nổi thờ thần ra, nghe tiếng khóc, bỗng nhón nháo lên, cảm thấy đau thương như trước cảnh mặt trời sắp tan đi trong tăm tối, và da thịt họ nổi ốc lên. Nhưng đồng thời họ lại thấy vui mừng, một nỗi vui mừng bí hiểm. Họ gương to mắt như chờ đợi cái gì.

Cái người đen thui chừng như cũng hoảng, nhưng vẫn không đổi sắc mặt. Ông ta ung dung giơ thẳng cánh tay gầy như que củi khô, cầm thanh kiếm xanh mờ ảo, rồi rướn cổ ra như để nhìn vào đáy đỉnh.

Cánh tay bỗng gập lại. Thanh kiếm xanh từ phía sau gáy bổ xuống. Đầu ông ta rơi vào đỉnh. Bọt trắng phau bắn tứ tung.

Đầu ông ta rơi xuống liền lăn thẳng đến đầu Quốc vương, ngoạm vào mũi như muốn cắn cho đứt đi. Quốc vương đau quá, há miệng thét lên một tiếng "ối giời!". Đầu Mi Gian Xích thừa cơ vùng ra được, quay lại cắn vào cằm Quốc vương. Như vậy, đầu Quốc vương không những bị hai đầu kia cắn chặt, mà còn bị giăng xé làm cho cái miệng cứ há hốc ra. Rồi như gà đói mổ thóc, chúng mổ loạn xạ đến nỗi Quốc vương mất lổ, mũi bẹt, vết thương nhảu nhở khắp nơi. Trước thì đầu Quốc vương còn vùng vẫy được, sau thì nằm một chỗ rên rỉ, cuối cùng im bật, chỉ thở hắt ra.

Đầu Mi Gian Xích và đầu cái ông đen thui cũng thôi không cắn nữa, dần dần thả đầu Quốc vương ra, bơi một vòng quanh đỉnh, dò xem Quốc vương giả vờ chết hay chết thật. Khi biết Quốc vương chết thật, thì bốn mắt nhìn nhau, nheo cười, rồi nhắm lại, cứ thế, mặt ngửng lên trời mà chìm dần xuống đáy nước.

IV

Khói tan, lửa tắt. Nước êm sóng lặng. Cảnh tịch mịch đó khiến cho người trong điện, ngoài điện bỗng bừng tỉnh. Một người hét lên, cả bọn hét theo. Một người chạy đến gần chiếc đỉnh, cả bọn cũng liền chen

nhau xô tới. Người đứng sau chỉ có thể nhòm qua cổ người đứng trước.

Hơi nóng làm cho mặt người ta bùng bùng. Nước trong đỉnh phẳng như tấm gương, trên có một lớp dầu, soi bóng mặt vương hậu, vương phi, võ sĩ, lão thần, thù nho, thái giám...

- Trời ơi! Đầu Đại vương kia kìa! Hi hi hi!

Bà phi thứ sáu bỗng khóc tru tréo như điên.

Trên từ vương hậu dưới đến lộng thần, lúc bấy giờ, mới chột hiểu. Họ vội tản ra, kinh hãi đến nỗi không biết nên làm gì, và cứ thế đi vòng quanh chiếc đỉnh bốn năm vòng. Một vị lão thần có mưu lược nhất, một mình bước tới, sờ vào đỉnh, bỗng giật nảy mình rút tay lại ngay và đưa lên miệng thổi mãi.

Mọi người định thần lại, rồi đứng ngoài cửa điện bàn cách vớt đầu Quốc vương lên. Ước một khoảng thời gian nấu chín ba nồi cơm, thì tạm quyết định tập trung các thứ môi làm bằng dây thép ở nhà bếp lại và ra lệnh cho võ sĩ hợp sức với nhau mà vớt.

Một lát, dụng cụ đã được tập trung đầy đủ cạnh đỉnh: môi bằng dây thép, thìa lớn, mâm vàng, vải lau bàn. Các võ sĩ xắn tay áo lên, người cầm môi, người cầm thìa, cùng nhau mò. Tiếng môi thìa chạm vào nhau hoặc cào cào dưới đáy đỉnh nghe sần sạt. Nước chạy vòng quanh theo sự chuyển động của môi và thìa. Một lúc lâu, sắc mặt của một võ sĩ bỗng trở nên nghiêm túc. Anh ta hết sức cẩn thận, hai tay cầm môi

từ từ giờ lên. Nước nhỏ giọt xuống qua lỗ môi như những hạt ngọc. Trong môi, hiện lên một bộ xương đầu trắng hếu. Mọi người rú lên. Anh ta cầm môi đồ vào chiếc mâm vàng.

- Trời ơi! Đại vương ơi!

Vương hậu, vương phi, lão thần, cho đến thái giám đều khóc nhao lên. Nhưng không bao lâu thì lần lượt ngừng lại, vì võ sĩ lại mò được một bộ xương đầu khác, giống như bộ trước.

Mất mờ lẹ, họ nhìn quanh quẩn, thấy bọn võ sĩ mồ hôi ướt đầm, đang ra sức mò. Lại mò được một mớ tóc bạc lẫn tóc đen, và một nắm hình như là râu, cả râu đen, râu bạc. Lại mò thêm được một bộ xương đầu nữa, và cuối cùng là ba chiếc trâm.

Mò mãi đến khi trong đỉnh chỉ còn nước trong, mới thôi. Những vật mò được đều bày trên ba chiếc mâm vàng: một mâm xương, một mâm tóc và râu, một mâm trâm.

Bà phi thứ chín sốt ruột hỏi:

- Đại vương chỉ có một đầu, vậy bộ nào là của Đại vương?

Các vị lão thần nhìn nhau:

- Bẩm...

Một viên thù nho quý xuống nói:

- Nếu da thịt không nấu chín đi thì còn dễ phân biệt.

Mọi người đành phải bình tâm lại mà nhìn cả ba bộ xương cho thật kỹ. Nhưng cả ba bộ, màu sắc hình

dáng đều y như nhau, đến nỗi không nhận ra được đầu nào là đầu của đứa trẻ. Vương hậu bảo trăn Quốc vương phía bên phải có một cái sẹo, do lúc còn là thái tử, ngã bị thương, e xương chỗ đó còn có dấu vết cũng nên. Quả nhiên, viên thù nho tìm thấy trên một bộ đầu lâu, có một cái sẹo thật. Mọi người đang vui mừng thì một viên thù nho khác lại tìm thấy một cái sẹo y hệt như thế, và cũng ở trên trán phía bên phải một bộ đầu lâu màu vàng hơn.

- À, tôi có cách này, bà phi thứ ba đặc ý nói, long chuẩn⁽¹⁾ Đại vương rất cao.

Các quan thái giám liền ra tay xem xét các sống mũi. Có một cái hình như cao hơn hai cái kia, nhưng cũng không cao hơn bao nhiêu. Điều đáng tiếc là cái sống mũi ấy lại là của bộ đầu lâu mà trên trán không có vết sẹo.

Các vị lão thần hỏi các quan thái giám:

- Thế, xương gáy Đại vương có nhọn như thế này không?

- Bẩm, chúng con xưa nay chưa hề chú ý nhìn xương gáy của Đại vương...

Vương hậu và vương phi cố sức nhớ cho ra. Kể thì nói nhọn, người thì nói bằng. Gọi viên thái giám chuyên chải đầu cho Quốc vương hỏi, y cũng chẳng nói được ra làm sao cả.

⁽¹⁾ Long chuẩn chỉ sống mũi của Hoàng đế.

Ngay đêm ấy, liền mở cuộc hội nghị các vương công, đại thần để quyết định bộ xương đầu nào là của Quốc vương. Nhưng cũng như lúc chiều, vẫn không quyết định được. Râu, và tóc cũng thành vấn đề. Những sợi trắng tất nhiên của Quốc vương rồi, nhưng tóc và râu Quốc vương hoa râm, nên đối với những sợi màu đen, rất khó xử trí. Thảo luận đến khuya mới loại ra được mấy sợi hung hung. Nhưng vì bà phi thứ chín kháng nghị, nói quả có trông thấy Quốc vương có mấy sợi râu vàng khè, bây giờ làm sao quyết đoán được không có sợi nào màu hung hung cả. Thế là đành để lẫn với nhau và nêu thành một nghị án.

Quá nửa đêm, vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả. Nhưng người ta vẫn vừa ngáp dài vừa thảo luận. Cho đến gà gáy lần thứ hai, mới quyết định được một biện pháp thận trọng và thích đáng nhất là: đem cả ba bộ xương đầu cùng với thân hình Quốc vương bỏ vào kim quan chôn chung.

Bảy hôm sau là ngày mai táng. Cả thành náo nức lên. Nhân dân trong thành, nhân dân các nơi đến chiêm ngưỡng "đại tang" Quốc vương. Trời vừa sáng, đàn ông, đàn bà chen nhau chật đường. Lại có thiết cả hương án nữa. Đến nửa buổi, kỵ binh dẫn đầu, ung dung mở đường, một hồi lâu, mới thấy nghi trượng, cờ xí, giáo mác, cung nỏ, v.v... theo sau là bốn xe kèn trống. Sau nữa là tàn vàng dập dình, vì đường đi gồ ghề khi lên khi xuống. Sau nữa là linh xa rước kim quan, trong kim quan có một thân và ba đầu.

Trăm họ quỳ xuống. Lúc bấy giờ mới thấy rõ hương án bày từng hàng hai bên đường. Máy người dân trong thành rất căm phẫn, nuốt nước mắt, sợ vong hồn hai tên nghịch tặc lúc này cũng được hưởng sự tế lễ như Quốc vương. Nhưng biết làm sao!

Sau nữa, là xe vương hầu và các vương phi. Trăm họ nhìn các bà; các bà cũng nhìn trăm họ, vừa nhìn vừa khóc. Và cuối cùng là các vị đại thần, các quan thái giám, các viên thù nho, mặc tang phục. Nhưng trăm họ không để ý đến. Hàng lối đã loạn xạ lên rồi, không ra thể thống gì nữa.

Tháng 10 năm 1926

Phản đối chiến tranh

I

Công Tôn Cao⁽¹⁾ học trò Tử Hạ⁽²⁾, đến tìm Mặc tử⁽³⁾ đã mấy lần, đều đi vắng cả, chưa được gặp. Đến

⁽¹⁾ Công Tôn Cao trong sách cổ không thấy có. Có lẽ là tên tác giả đặt ra.

⁽²⁾ Tử Hạ, họ Bốc, tên Thương, người nước Vệ đời Xuân thu, học trò Khổng Tử.

⁽³⁾ Mặc tử, tên Dịch, người nước Lỗ, ở vào khoảng thời Xuân thu - Chiến quốc, từng làm quan đại phu nước Tống. Ông là một triết gia của Trung Quốc thời cổ đại, người sáng lập ra phái Mặc gia, chủ trương "kiêm ái", phản đối chiến tranh, có tinh thần như trong câu nói của Mạnh tử: "Dù có bị chà xát từ đầu đến chân, có lợi cho thiên hạ cũng làm". Tác phẩm của ông Mặc tử, hiện còn truyền đến nay, gồm 53 thiên, trong đó một nửa do học trò biên chép. Thiên truyện ngắn này, Lỗ Tấn lấy tài liệu ở thiên *Công Thâu*, sách *Mặc tử*, nguyên văn như sau:

"Công Thâu Bàn chế tạo thang mây cho Sở xong, định đưa sang đánh Tống. Mặc tử được tin, từ nước Tề (có lẽ là Lỗ) đi đến Sính mất mười ngày mười đêm, gặp Công Thâu Bàn.

Trăm họ quỳ xuống. Lúc bấy giờ mới thấy rõ hương án bày từng hàng hai bên đường. Mấy người dân trong thành rất cảm phần, nuốt nước mắt, sợ vong hồn hai tên nghịch tặc lúc này cũng được hưởng sự tế lễ như Quốc vương. Nhưng biết làm sao!

Sau nữa, là xe vương hầu và các vương phi. Trăm họ nhìn các bà; các bà cũng nhìn trăm họ, vừa nhìn vừa khóc. Và cuối cùng là các vị đại thần, các quan thái giám, các viên thù nho, mặc tang phục. Nhưng trăm họ không để ý đến. Hàng lối đã loạn xạ lên rồi, không ra thể thống gì nữa.

Tháng 10 năm 1926

Công Thâu Bàn nói: "Phu tử có điều gì dạy bảo?". Mặc tử nói: "Phương Bắc có người khinh rẻ tôi, muốn cạy nhà người giết đi". Công Thâu Bàn không vui. Mặc tử nói: "Xin đưa mười lạng vàng". Bàn nói: "Vì nghĩa, tôi không giết người". Mặc tử đứng dậy lạy hai lạy, nói: "Ta ở phương Bắc, được tin người làm thang mây để đánh nước Tống. Nước Tống có tội gì? Nước Kinh (tức nước Sở), đất rộng, người ít, giết chỗ ít, tranh chỗ thừa, không thể gọi là trí được. Nước Tống không có tội mà đánh, không thể gọi là nhân được. Biết mà không can gián, không thể gọi là trung được. Can gián mà không xong, không thể gọi là cường được. Nghĩa không giết một người mà lại giết nhiều người, không thể gọi là biết phân biệt". Công Thâu Bàn chịu phục. Mặc tử nói: "Thế thì không đánh nữa chứ?" Công Thâu Bàn nói: "Không được, ta đã lỡ nói với Vương rồi". Mặc tử nói: "Sao không đưa ta ra mắt Vương?" Công Thâu Bàn nói: "Vâng". Mặc tử ra mắt Vương nói: "Có người bỏ xe nhà mình mà định ăn trộm xe hồng của hàng xóm, bỏ gấm vóc nhà mình mà định ăn trộm áo rách của hàng xóm, bỏ cơm thịt nhà mình mà định ăn trộm tấm mắm của hàng xóm, thì người ấy là người như thế nào?" Vương nói: "Chắc là mắc tật ăn trộm". Mặc tử nói: "Đất nước Kinh rộng năm nghìn dặm, đất nước Tống chỉ có năm trăm dặm, nào có khác gì xe hoa so với sông Giang, sông Hán, cá, ba ba, rùa, giàu nhất thiên hạ. Nước Tống thì không có trĩ, thỏ, hồ ly, (có lẽ là phụ ngư: một thứ cá ngon), nào khác gì cơm thịt so với tấm mắm. Nước Kinh có cây tùng lớn, có cây tử có vân, có cây ngạnh đan, dự chương, còn nước Tống thì không có gỗ tốt, nào có khác gì gấm vóc so với áo rách. Thần lấy ba việc đánh Tống so với ba việc trên thần thấy Đại Vương làm tổn thương đến điều nghĩa mà không có kết quả". Vương nói: "Hay lắm. Nhưng Công Thâu Bàn đã làm thang mây cho ta, thế tất phải đánh". Mặc tử lại ra gặp Công Thâu Bàn, cỡi dài lưng làm thành, lấy thẻ làm khí giới. Công Thâu Bàn chín lần đặt kế đánh, chín lần Mặc tử chống đỡ. Khí giới của Công

lần thứ tư hay là thứ năm gì đấy, thì may mắn gặp ngay ở cửa bởi vì Công Tôn Cao vừa đến thì Mặc tử cũng vừa về. Cả hai người cùng đi vào nhà.

Công Tôn Cao đáp lễ xong, mắt nhìn vào lỗ rách ở chiếc chiếu⁽¹⁾, ôn tồn hỏi:

- Tiên sinh chủ trương không đánh hay sao?

Mặc tử nói:

- Đúng như vậy.

- Thế ra đã là quân tử thì không đánh nhau ư?

Mặc tử nói:

- Phải.

- Heo chó cũng phải cắn xé nhau nữa là người.

Thâu Bàn hết, mà mẹo giữ thành của Mặc tử còn thừa. Công Thâu Bàn chịu thua nói: "Ta đã biết cách đánh nhà ngươi, nhưng ta không nói". Mặc tử cũng nói: "Ta cũng biết những cái nhà ngươi dùng để chống cự lại được ta, nhưng ta không nói". Sở Vương hỏi đầu đuôi ra sao. Mặc tử nói: "Ý của Công Thâu Bàn chẳng gì khác là muốn giết thân. Giết thân thì Tống không giữ được nữa, nên có thể đánh. Nhưng học trò của thân, bọn Cẩm Hoạt Ly đến 300 người, đã cầm khí giới, đứng trên mặt thành nước Tống chờ quân Sở đến. Dầu có giết thân cũng không tuyệt được ý chí chống cự". Sở Vương nói: "Hay lắm! Ta không đánh nước Tống nữa". Mặc tử về. Qua nước Tống, trời mưa, vào điểm trú, người canh điểm không cho vào".

⁽¹⁾ Ngày xưa, ở Trung Quốc, người ta trải chiếu ngồi giữa đất. Mặc tử chủ trương tiết kiệm, phản đối xa xỉ. Ở những thiên *Từ quá*, *Tiết dụng* trong sách *Mặc tử* có nói rõ ý kiến của ông về việc nhà cửa, y phục, ăn uống, xe thuyền.

- Ứ hừ! Nhà Nho các ông hể mở miệng là tán tụng Nghiêu Thuấn, mà đến khi làm, lại bắt chước heo, chó. Thật đáng thương hại!⁽¹⁾.

Mặc tử đứng dậy đi vùn vụt xuống bếp, còn nói thêm:

- Ông không hiểu ý tôi.

Mặc tử đi qua nhà bếp, ra bờ giếng ở cổng sau, rút dây thùng, múc lên nửa gầu nước, bưng lấy uống một thôi hơn mười ngụm rồi bỏ cái gầu bằng sành xuống, chùi mồm, bỗng nhìn về góc vườn, gọi to:

- Liêm à? Sao lại về đây?

Liêm cũng đã nhìn thấy ông, đang chạy lại. Đến nơi thì đứng nghiêm, rất lễ phép, tay buông xuống chào:

- Thưa thầy, - rồi có vẻ tức tối, nói tiếp: - Con không làm. Họ nói một đường làm một nẻo. Đã hứa đưa cho con một nghìn bát thóc, lại chỉ đưa có năm trăm bát. Con đành phải về.

- Nếu họ đưa cho con hơn một nghìn bát, con có về không?

Liêm đáp:

- Thưa không.

⁽¹⁾ Trong thiên *Canh trụ*, sách *Mặc tử*, có đoạn đối thoại như sau giữa Mặc tử và đồ đệ Tử Hạ: Đồ đệ Tử Hạ hỏi Mặc tử: "Kẻ quân tử có đánh nhau không?" Mặc tử nói: "Kẻ quân tử không đánh nhau". Đồ đệ Tử Hạ nói: "Chớ lợn còn cắn nhau, sao kẻ sĩ lại không đánh nhau?". Mặc tử nói: "Miệng thì khen vua Thang, vua Văn, mà làm thì ví với chó lợn. Đáng thương hại!"

- Thế thì không phải vì họ nói một đằng làm một nẻo, chỉ vì ít đấy chứ!⁽¹⁾

Mặc tử vừa nói vừa trở về bếp, rồi gọi:

- Trụ⁽²⁾ à? Lấy bột ngô nhào cho ta đi!

Canh Trụ tử, một thanh niên mặt mũi sáng sủa, từ nhà trên vừa chạy xuống hỏi:

- Thưa thầy, làm mười ngày lương khô phải không ạ?

Mặc tử nói:

- Phải đấy! Ông Công Tôn Cao về rồi chứ?

Canh Trụ tử cười, nói:

- Bẩm, về rồi ạ! Ông ta giận lắm, nói rằng chúng ta chủ trương kiêm ái, không biết đến cha mẹ, chẳng khác gì cầm thú⁽³⁾.

Mặc tử cũng cười.

- Thầy sang nước Sở hay sao ạ?

⁽¹⁾ Thiên *Quý nghĩa*, sách *Mặc tử*, có một đoạn như sau: "Mặc tử có một người học trò làm quan ở nước Vệ, vừa đến nhận chức thì trở về liền". Mặc tử hỏi: "Có sao lại về?". Trả lời: "Họ nói nhưng không giữ lời: Như "đãi anh một nghìn bát", thế mà chỉ cho tôi năm trăm bát, nên bỏ về". Mặc tử nói: "Nếu cho anh hơn nghìn bát, anh có về không?". Trả lời: "Không về". Mặc tử nói: Thế thì không phải vì không giữ lời, mà là vì ít".

⁽²⁾ Canh Trụ tử, Tào Công tử, Cẩm Hoạt Ly, Quản Kiếm Ngạo đều là học trò Mặc tử.

⁽³⁾ Đó là lời của Mạnh tử kích Mặc tử, ở thiên *Đề văn công*: "Họ Dương (Dương Chu) chủ trương vị ngã, thế là không vua, họ Mặc chủ trương kiêm ái, thế là không cha. Không vua, không cha tức là cầm thú".

- Ủ, phải. Con cũng biết rồi ư?

Mặc tử để cho Canh Trụ tử hòa bột ngô, còn ông thì đi lấy đá lửa và bụi nhùi, nhóm mấy cành khô đun nước, mắt nhìn ngọn lửa, thong thả nói:

- Lão Công Thâu Bàn, người đồng hương của ta ấy mà, cậu có chút thông minh, muốn làm mưa làm gió⁽²⁾. Sáng chế được móc câu rồi xúi vua Sở đánh người Việt còn chưa đủ, nay lại nghĩ ra cái thang mây gì gì ấy để cho vua Sở đánh người Tống. Tống là một nước nhỏ thì ngăn sao được một cuộc tấn công như thế. Ta phải đi chặn tay hấn ta lại.

Mặc tử thấy Canh Trụ tử đặt bánh vào nồi hấp, rồi mới trở về phòng. Ông ta lấy ở nhà bếp một vát dưa muối mặn, một con dao đồng đã cùn, lại tìm được một chiếc tay nải rách, chờ Canh Trụ tử hấp chín bánh bưng lên thì gói cả vào một bao. Quần áo, khăn rửa mặt đều không mang theo, chỉ thắt dải lưng lại cho thật chặt, rồi ra nhà ngoài, lấy đôi giày cỏ mang vào, đeo chiếc bao tải lên lưng, thế là đi thẳng, không ngoảnh đầu nhìn lại. Hơi bánh bao trong bao tải vẫn bốc ra ngùn ngụt.

- Thưa thầy, bao giờ thầy về ạ?

Canh Trụ tử ở đằng sau hỏi to.

- Cũng phải độ gần hai mươi ngày.

Mặc tử vừa trả lời, vừa cầm đầu bước.

⁽²⁾ Công Thâu Bàn (cũng gọi Ban), người nước Lỗ thời Xuân thu, có phát minh được nhiều khí giới tinh xảo. Sách cổ xưng ông là "xảo nhân" (người khéo tay).

II

Khi đi vào biên giới nước Tống, thì đôi giày cỏ đã ba bốn lần đứt dây, bàn chân cứ bồng rập lên.

Mặc tử bèn dừng lại nhìn xem, đế giày đã vệt đi một mảng to, bàn chân mấy chỗ thành chai, mấy chỗ phồng lên⁽¹⁾, nhưng ông ta không hề để ý đến, cứ đi. Xem tình hình dọc đường, thì dân số không phải là ít, nhưng vết tích của thủy tai, chiến họa mấy lâu để lại, đâu đâu cũng còn thấy; nhân dân hàn gấm cũng chậm chạp lắm. Đi ba ngày trời mà không hề thấy một ngôi nhà lớn, không hề thấy một cây đại thụ, không hề thấy một người nào lanh lợi, không hề thấy một mảnh ruộng phì nhiêu. Như thế cho đến đô thành.

Tường thành cũng rất cũ nát, nhưng có đôi chỗ chất thêm đá mới. Trên bờ hào quanh thành, có mấy đống bùn, dường như có người vừa đào lên, nhưng lại chỉ thấy mấy ông nhàn rỗi ngồi bên bờ hào đang câu cá thì phải.

Mặc tử nghĩ bụng:

- Chắc họ cũng đã biết tin rồi!

⁽¹⁾ Thiên *Tống sách* trong *Chiến quốc sách*, chép: "Công Thâu Bàn làm máy cho nước Sở để đánh nước Tống. Mặc tử nghe tin, đi trăm dặm đường, chân thành chai, đến gặp Công Thâu Bàn. Lại ở thiên *Tu vụ huấn* sách *Hoài nam tử*, cũng chép: "Xưa nước Sở muốn đánh nước Tống, Mặc tử nghe mà thương, từ nước Lỗ đi qua, suốt mười ngày mười đêm, chân thành chai mà không nghỉ, xé quần buộc chân, đi cho đến đất Sính".

Nhìn kỹ những người câu cá, nhưng chẳng có ai là học trò mình cả.

Ông định đi xuyên qua thành, cho nên đi vào cửa Bắc, rồi cứ theo con đường chính, đi một mạch thẳng về phía Nam. Trong thành cũng rất tiêu điều nhưng cũng rất yên tĩnh. Các quán đều dán giấy hạ giá hàng, nhưng không thấy người mua, mà trong quán cũng chẳng có hàng hóa gì. Trên đường cái thì ùn lên những đồng đất vàng, vừa nhỏ, vừa nhão.

Mặc tử nghĩ bụng:

- Như thế này mà còn định kéo tới đánh!

Ông cứ tiến bước, nhưng ngoài cảnh nghèo nàn, yếu đuối ra, không thấy gì khác cả.

Tin nước Sở định sang đánh, có lẽ họ biết rồi, nhưng bị đánh nhiều lần đã quen, họ cho là tất nhiên phải chịu đựng, không có gì đặc biệt. Vả lại, ai thì cũng chỉ còn tro có cái thân xác, không áo không cơm, cho nên chẳng ai nghĩ đến chuyện tản cư nữa. Mãi đến khi nhìn về cửa Nam, mới thấy độ hơn mười người, tụ tập ở một góc đường, hình như đang nghe ai kể chuyện.

Khi Mặc tử đến gần, mới thấy người đó vung tay lên, nói to:

- Chúng ta cho chúng nó thấy dân khí nước Tống!
Chúng ta sẽ liều chết⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Câu này tác giả dùng để châm biếm chính phủ Quốc dân đảng hồi đó. Năm 1931, đế quốc Nhật xâm chiếm miền Đông-Bắc Trung Quốc; chính phủ Quốc dân đảng theo chính sách đầu hàng bán nước, bất đề kháng, nhưng ngoài mặt thì thường thường lại nói đôi câu khí khái để lừa nhân dân.

Mặc tử nhận ra là tiếng nói của học trò mình Tào Công tử.

Nhưng ông cũng không chen vào chào hỏi, cứ một mạch ra khỏi cửa Nam, cắm cổ đi. Lại đi một ngày nữa, và quá nửa đêm mới nghỉ lại, ngủ nhờ dưới mái hiên một nhà nông dân cho tới sáng. Ngủ dậy lại đi. Đôi giày cỏ đã tả tơi từng mảng, không đi được nữa. Chiếc tay nải còn có bánh, không có thể dùng bó chân được, đành phải xé một mảnh vải ở quần vậy.

Nhưng vải mỏng mà đường làng gồ ghề đâm vào gan bàn chân, đi càng khó. Đến xế chiều, ông ngồi dưới gốc một cây hòe nhỏ, mở tay nải ra ăn trưa, và cũng là để nghỉ chân luôn thể. Bỗng thấy một người to lớn, đẩy một chiếc xe nhỏ chất nặng, từ đằng xa đi tới. Khi đến gần người đó đỗ xe lại, rồi đi đến trước Mặc tử, vừa kéo vạt áo lên lau mồ hôi trên mặt, miệng thở hồng hộc, vừa chào to:

- Thưa thầy!

Mặc tử nhận ra là Quản Kiêm Ngạo, học trò mình, bèn hỏi:

- Cát phải không?

- Vâng ạ. Để chống thang mây đấy ạ!

- Còn chuẩn bị gì nữa?

- Bẩm, đã tập trung được ít dây gai, tro và sắt. Nhưng vất vả lắm. Kẻ có thì không cho, kẻ muốn cho thì không có. Nói mồm thì rất nhiều.

- Hôm qua, ta đi qua thành nghe Tào Công tử diễn thuyết, nào là "dân khí", nào là "liều chết". Anh

đến bảo anh ta đừng hão huyền nữa, chết được cũng hay thôi, và cũng khó lắm. Nhưng có chết thì cũng chết thế nào có lợi cho dân chứ!

Quản Kiêm Ngạo buồn bã đáp:

- Bẩm, anh ấy thì khó nói lắm. Anh ta làm quan ở đây hai năm rồi, và không thích nói chuyện với chúng con đâu...

- Còn Cẩm Hoạt Ly, thế nào?

- Bẩm, anh ta bận lắm. Vừa mới thử một thứ nổ liên châu, bây giờ chắc còn xem địa thế ở phía cửa Tây, cho nên không được gặp thầy. Thầy sang nước Sở tìm Công Thâu Bàn phải không ạ?

Mặc tử nói:

- Đúng đấy! Nhưng hấn có nghe ta hay không thì chưa biết được. Các anh vẫn cứ chuẩn bị đi, không nên chỉ trông vào sự thành công của ba tấc lưỡi.

Quản Kiêm Ngạo gật gật đầu, nhìn Mặc tử lên đường, một lúc lâu mới lại đẩy xe cút ca cút kít tiến vào thành.

III

Thành Sính⁽¹⁾ nước Sở khác hẳn nước Tống. Đường rộng thênh thang, nhà cửa thẳng tắp, trong các cửa hàng lớn, hàng hóa quý bày la liệt: vải trắng tinh, ớt đỏ chói, da hươu chấm lốm đốm, hạt sen béo tròn.

⁽¹⁾ Sính là đô thành nước Sở, nay ở vào địa phận Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc.

Người đi ngoài đường, tuy so với người phương Bắc có thấp hơn một tí, nhưng ai nấy đều lanh lợi, hoạt bát, áo quần rất thơm tất. Mặc tử vào đây thật giống như một lão ăn mày "cựu triều", quần rách áo vá, hai bàn chân bó giẻ.

Lại đi thẳng vào khu chính giữa thì thấy một bãi đất rộng, có những gian hàng, người chen chúc nhau rất đông. Đó là chợ và cũng là ngã tư đường. Mặc tử liền tìm một cụ già trông có vẻ kẻ sĩ, hỏi thăm chỗ ở của Công Thâu Bàn. Nhưng tiếc thay, ngôn ngữ bất đồng, nói mãi không hiểu. Đang viết chữ vào bàn tay cho ông cụ xem, chợt nghe vang lên một tiếng, rồi ai nấy bắt đầu hát. Số là cô Trại Tương Linh⁽¹⁾, mà ai cũng nghe tên, vừa hát bài *Hạ lý ba nhân*, nên lời kéo được nhiều người trong nước đồng thanh hát theo. Ngay lúc đó, chính ông cụ kia, miệng cũng lẩm bẩm hát. Mặc tử biết ý ông cụ chẳng muốn quay lại xem mình viết gì, nên mới viết được nửa chữ "Công", cũng thôi, và bỏ đi chỗ khác. Nhưng đến đâu người ta cũng bận hát, không hỏi ai được. Mãi rất lâu, mới

⁽¹⁾ Trại Tương Linh là tên tác giả đặt ra, căn cứ vào chuyện nữ thần Tương Linh ở sông Tương. Tương truyền Tương Linh chơi đàn sắt hay. Chương *Viễn du*, *Sở từ*, có câu "Sử Tương Linh cổ sắt hề, lĩnh Hải Nhược vũ Phùng di" (khiến Tương Linh gảy đàn sắt, bắt Hải Nhược múa điệu Phùng di).

Hạ lý ba nhân là tên một khúc hát nước Sở. Chương *Tống Ngọc* trả lời *Sở Vương*, trong *Văn tuyển* có chép: "Khách hát ở đất Sính, bài thứ nhất là bài *Hạ lý ba nhân*. Trong nước, hàng nghìn người thuộc và hát theo".

dần dần yên tĩnh lại, có lẽ đã hát xong. Mặc tử tìm đến một hàng thợ mộc, hỏi thăm chỗ ở của Công Thâu Bàn.

Người chủ hàng, béo mập, mặt vàng, râu đen, biết rõ lắm:

- Cái ông người Sơn Đông, tên là Công Thâu Bàn, làm móc câu ấy chứ gì? Cũng gần thôi. Ông đi quay trở lại, qua chỗ ngã tư theo con đường nhỏ thứ hai bên tay phải, quặt về đằng đông, rồi hướng về phía Nam mà đi, lại rẽ sang hướng Bắc, đến cái nhà thứ ba là đúng nhà ông ta đấy!

Mặc tử lại viết vào lòng bàn tay, nhờ ông ta xem lại, xem mình có nghe nhầm hay không, cố nhớ nhập tâm rồi cảm tạ và rảo bước đi thẳng một mạch đến nơi ông chủ hàng chỉ cho. Quả nhiên không sai. Trên cổng lớn nhà thứ ba có treo một tấm bảng gỗ nam mộc chạm trổ cực kỳ công phu có khắc sáu chữ triện to tướng: Lỗ quốc Công Thâu Bàn ngụ.

Mặc tử gõ vào chiếc vòng đồng đỏ ở cánh cửa tong tong mấy cái. Không ngờ anh gác cổng ra mở lại trợn mắt, trợn mũi, thấy là đã nạt nộ:

- Ông nhà không tiếp khách. Các anh người đồng hương đến quấy rầy quá lắm!

Mặc tử vừa đưa mắt nhìn hấn ta thì hấn ta đã đóng cửa lại rồi. Gõ thêm mấy hồi, cũng không thấy tấm hơi gì hết. Nhưng cái nhìn của Mặc tử lúc này khiến hấn ta không thể yên tâm được.

Hắn ta thấy áy náy trong lòng, đành vào bấm với ông chủ. Công Thâu Bàn lúc đó đang cầm thước đo cái mô hình thang mây.

Anh gác cổng nói rất khế:

- Bấm ông, lại có một người ở quê đến xin nhờ vả. Người này trông có vẻ cổ quái lắm.

- Tên họ là gì?

Anh gác cổng sợ sệt trả lời:

- Bấm, con chưa hỏi.

- Hình dáng thế nào?

- Bấm, như một người ăn mày. Độ non ba mươi tuổi. Người cao, mắt đen.

- Ái chà! Thế thì nhất định là ông Mặc Tử rồi!

Công Thâu Bàn giật mình, nói to lên, bỏ cả mô hình và thước đo xuống, chạy ra thêm. Anh gác cổng cũng sợ hãi chạy trước mở cổng. Mặc tử và Công Thâu Bàn gặp nhau giữa sân.

Công Thâu Bàn vừa mời Mặc tử đi vào nhà, vừa nói vui vẻ:

- Quả đúng là tiên sinh thật. Tiên sinh vẫn mạnh luôn chứ? Chắc bận lắm phải không?

- Vâng. Vẫn thế...

- Nhưng tiên sinh ở xa tìm đến chắc có điều gì dạy bảo?

Mặc tử trầm tĩnh nói:

- Phương Bắc có người làm nhục tôi. Muốn đến nhờ ngài giết hộ cho.

Công Thâu Bàn có vẻ không được vui.

Mặc tử lại nói tiếp:

- Tôi xin biểu ngài mười đồng bạc.

Câu nói đó làm cho Công Thâu Bàn không cảm nổi giận. Ông ta sa sầm mặt xuống, lạnh lùng trả lời:

- Vì nghĩa, tôi không giết người được.

Mặc tử rất cảm động, đứng dậy, vái hai vái, rồi nói tiếp, giọng vẫn trầm tĩnh:

- Thế thì hay quá! Nhưng tôi xin có mấy lời. Tôi ở phương Bắc, nghe nói ngài đang chế tạo thang mây để đánh nước Tống. Nước Tống nào có tội gì? Nước Sở thì đất có thừa, mà người thì thiếu. Giết cái mình thiếu để cướp cái mình thừa, không thể nói là trí được. Nước Tống không có tội mà lại đem quân đánh, không thể nói là nhân được. Biết mà không can ngăn, không thể nói là trung được. Can ngăn mà không có kết quả, không thể nói là cường được. Theo nghĩa không giết một người, mà giết nhiều người, không thể nói là biết phân biệt được. Ngài thấy như thế nào?

Công Thâu Bàn suy nghĩ rồi nói:

- Điều đó tiên sinh nói rất đúng.

- Thế thì, không thể thôi đừng chế tạo thang mây được hay sao?

Công Thâu Bàn buồn rầu trả lời:

- Cái đó thì không được. Tôi đã lỡ hẹn với nhà vua rồi.

- Thế thì, ngài đưa tôi và yết kiến nhà vua vậy.
- Vâng. Nhưng bây giờ trưa rồi. Xin dùng cơm đã rồi hãy đi.

Nhưng Mặc tử không chịu, hai ba lần định đứng dậy. Ông ta nãy giờ vẫn không ngồi yên một chỗ được⁽¹⁾. Công Thâu Bàn biết ép cũng không xong, phải chiều ý đưa vào yết kiến nhà vua ngay. Ông ta chạy vào phòng, lấy một bộ áo quần và một đôi giày, thành khẩn nói:

- Xin tiên sinh thay bộ áo quần này, bởi vì ở đây không giống như ở quê ta. Cái gì cũng phải cho sang trọng. Tiên sinh cứ thay đi thì tiện hơn...

Mặc tử cũng thành khẩn nói:

- Được, được. Thực ra không phải tôi thích mặc áo quần rách, nhưng quả không có thì giờ thay...

IV

Vua nước Sở lâu nay vẫn nghe tiếng Mặc Dịch là bậc thánh hiền phương Bắc, nên nghe Công Thâu Bàn giới thiệu là lập tức tiếp kiến, không phải để chờ đợi lâu.

Mặc tử mặc quần áo ngắn quá, lòi hai bộ giò cao như sếu, cùng Công Thâu Bàn vào trong điện, hành lễ, rồi ung dung nói:

⁽¹⁾ Sách *Văn tử*, thiên *Tự nhiên* và sách *Hoài nam tử*, thiên *Tu vụ huấn*, đều chép: "Mặc tử ngồi chưa nóng chỗ đã đứng dậy đi".

- Bây giờ có một người, xe kiệu có thừa mà lại tính ăn cắp chiếc xe gậy của hàng xóm, gấm vóc có thừa mà lại tính ăn cắp chiếc áo cộc của hàng xóm, gạo thịt có thừa mà lại tính ăn cắp bữa cơm tấm của hàng xóm, người như thế là người thế nào?

Vua Sở thẳng thắn trả lời:

- Thế là nhất định có tật ăn cắp rồi!

Mặc tử nói:

- Nước Sở rộng năm nghìn dặm, nước Tống chỉ có năm trăm dặm, thế có khác gì chiếc kiệu so với chiếc xe gậy. Nước Sở có Vân Mộng đầy hươu nai, tê ngưu, có sông Trường Giang, sông Hán Thủy đầy tôm cá, giải, rùa, không đâu bì kịp, còn nước Tống thì đến tri, thỏ, cá giếc cũng không có, thế có khác gì gạo thịt so với cơm tấm. Nước Sở có cả gỗ tùng, gỗ văn tử, gỗ nam mộc, gỗ dự chương, còn nước Tống thì không có lấy một cây to, thế có khác gì gấm vóc so với chiếc áo cộc. Cho nên, theo ý thần, việc nhà vua đánh Tống có khác gì chuyện kể trên.

Vua Sở gật đầu nói:

- Đúng đấy. Nhưng ông Công Thâu Bàn đã chế tạo thang mây cho ta, thành ra vẫn phải đánh thôi.

Mặc tử nói:

- Nhưng thành bại thế nào cũng chưa nói chắc được. Có ít miếng gỗ, thần xin thử ngay ở đây, thế nào thì rõ.

Vua Sở là ông vua thích cái lạ, nghe nói, thú lắm,

bảo thị thần chạy mau đi lấy những miếng gỗ nhỏ lại. Mặc tử cởi thắt lưng ra, đặt theo hình vòng cung, coi đó như cái thành, quay về phía Công Thâu Bàn, rồi lấy mấy chục miếng gỗ, chia ra làm hai phần, một phần giữ lấy, một phần đưa cho Công Thâu Bàn để làm khí cụ tấn công và phòng thủ.

Thế rồi, hai người đứng hai bên, cầm các miếng gỗ lên, như đánh cờ, bắt đầu đấu với nhau. Bên thế công đưa một miếng gỗ sang, bên thế thủ chống đỡ, bên này thoái, bên kia tiến. Vua Sở và các thị thần nhìn không hiểu gì cả. Chỉ thấy bên tiến, bên thoái như thế, cộng tất cả chín đợt, hình như cả hai bên thay đổi đến chín cách tấn công và phòng thủ khác nhau. Sau đó, Công Thâu Bàn dừng tay lại. Còn Mặc tử thì quán chiếc thắt lưng cong về phía mình, ý chừng lần này đến lượt ông ta tấn công. Cũng lại một bên tiến, một bên thoái, cầm cự nhau. Nhưng mới đến đợt thứ ba, thì các miếng gỗ của Mặc tử đã tiến vào phía trong vòng thắt lưng.

Vua Sở và các thị thần tuy không hiểu đầu đuôi ra làm sao cả, nhưng thấy Công Thâu Bàn vứt các miếng gỗ xuống trước, mặt ỉu xù, thì cũng biết được rằng ông ta cả hai mặt, công cũng như thủ, đều thua cả.

Vua Sở cũng cảm thấy hơi cụt hứng.

- Đã có cách thắng tiên sinh rồi! - Công Thâu Bàn dừng lại một lúc rồi lẩm bẩm. - Nhưng tôi không nói.

Mặc tử vẫn điềm nhiên nói:

- Ngài định dùng cách nào để thắng tôi, tôi cũng biết rồi, nhưng tôi cũng không nói.

Vua Sở kinh ngạc hỏi:

- Các người nói như thế là nghĩa thế nào?

Mặc tử sẽ quay lại, đáp:

- Ý ông Công Thâu Bàn là muốn giết thần, cho rằng giết chết thần thì nước Tống sẽ không có người phòng thủ cho nữa, có thể tấn công được. Nhưng ba trăm người học trò của thần, như Cầm Hoạt Ly chẳng hạn, đều nắm được khí giới phòng thủ của thần rồi. Họ đang đứng trên thành nước Tống, chờ kẻ địch từ nước Sở kéo sang. Như vậy, dù có giết chết thần, cũng không tấn công nổi.

Vua Sở cảm động nói:

- Tài thật đấy! Thế thì ta không đánh nước Tống nữa!

V

Sau khi thuyết cho vua Sở ngừng đánh Tống, Mặc tử định trở về Lỗ ngay, nhưng vì còn phải trả lại cho ông Công Thâu Bàn bộ quần áo mượn, nên đành phải đến nhà ông ta lần nữa. Trời đã xế chiều, cả chủ lẫn khách đều thấy bụng đói. Tất nhiên, chủ cố lưu khách lại ăn cơm trưa, cũng có thể nói là cơm tối, và khuyên khách ngủ lại một đêm.

Mặc tử nói:

- Thế nào hôm nay tôi cũng phải về. Sang năm sẽ qua, luôn tiện mang bộ sách của tôi dâng vua Sở xem⁽¹⁾.

Công Thâu Bàn nói:

- Tiên sinh lại nói đến chuyện làm điều nghĩa chứ gì? Chỉ có người hèn hạ mới chịu lao tâm khổ tứ phò nguy cứu khổ, bậc đại nhân ai làm. Người ta là một ông vua, ông bạn đồng hương của tôi ời!

- Cái đó không đúng đâu. Tơ, lụa, gạo thóc đều là của người hèn hạ làm ra cả, thế mà bậc đại nhân cũng cần đến. Huống hồ là làm điều nghĩa.

Công Thâu Bàn vui vẻ nói:

- Cũng có lẽ. Khi chưa gặp tiên sinh, ý tôi là đánh lấy được nước Tống. Được gặp tiên sinh rồi, thấy là việc bất nghĩa, thì dù có cho không, cũng chẳng màng...

Mặc tử cũng vui vẻ nói:

- Như thế là tôi đã đem nước Tống dâng ngài rồi đấy. Nếu ngài một mực làm điều nghĩa, tôi sẽ đem cả thiên hạ dâng ngài luôn thể⁽²⁾.

⁽¹⁾ Về việc Mặc tử dâng sách cho Sở vương, Tôn Di Nhượng người đời Thanh, trong thiên *Quý nghĩa*, sách *Mặc tử gián hồ*, dẫn sách *Chủ cung cứu sự* đời Đường, nói: "Mặc tử đến đất Sính, dâng sách cho Huệ vương. Vương nhận và đọc, rồi nói: 'Sách hay!'"

⁽²⁾ Thiên *Quý nghĩa*, sách *Mặc tử*, chép: "Mặc tử đi từ phía Nam đến nước Sở, yết kiến vua Hiến Huệ vương. Hiến Huệ vương nói là già yếu, từ chối không cho gặp, sai Mục Hạ tiếp Mặc tử. Mặc tử nói chuyện với Mục Hạ. Mục Hạ mừng bảo rằng: "Lời nói của tiên sinh hay thật, mà quân vương là đại vương của thiên hạ, không lẽ nói là việc làm của kẻ hèn mà không theo". Mặc tử nói: "Vì là làm được. Ví dụ như thuốc,

Đang khi chủ khách cười cười nói nói, thì cơm đã bung lên. Có cá, có thịt, có rượu. Mặc tử không uống rượu, cũng không ăn cá, chỉ ăn mấy miếng thịt. Ông Công Thâu Bàn uống rượu một mình, thấy khách ăn có vẻ uể oải, chẳng biết làm thế nào, đành mời khách ăn ớt vậy.

Công Thâu Bàn chỉ đĩa tương ớt và chiếc bánh lớn, mời rất nhiệt tình.

- Mời tiên sinh! Mời tiên sinh nếm thử. Cũng ăn được. Món hành ở đây không ngon bằng hành trên ta.

Công Thâu Bàn rượu vào, càng cao hứng. Ông ta hỏi:

- Tàu chiến của tôi có móc câu, chứ "nghĩa" của tiên sinh có móc câu không?

Mặc tử trả lời, quả quyết:

- Móc câu nhân nghĩa của tôi lợi hại hơn móc câu tàu chiến của ngài. Tôi dùng chữ ái mà câu, dùng chữ lễ mà móc. Không câu bằng ái thì không thân, không

vốn là rễ cây cỏ, thiên tử ăn mà lành được bệnh, lẽ nào cho là rễ cây cỏ mà không ăn? Nay dân cây nộ thuế cho đại nhân, đại nhân ủ rượu, làm xôi, tế trời đất, quỷ thần, lẽ nào cho là của kẻ hèn hạ làm ra mà không hưởng?". Thiên Lô vấn lại chép: "Công Thâu tử bảo Mặc tử rằng: Lúc chưa gặp thì tôi muốn lấy nước Tống, từ sau khi được gặp rồi, thì dù đem nước Tống cho tôi mà không hợp nghĩa, tôi cũng không lấy". Mặc tử nói: "Lúc Dịch này chưa được gặp ngài, ngài muốn lấy nước Tống. Sau khi được gặp rồi, lấy nước Tống dâng ngài, mà không hợp nghĩa, ngài cũng không lấy. Thế là tôi đã đem nước Tống dâng ngài rồi. Nếu ngài cố làm điều nghĩa, tôi sẽ đem dâng ngài cả thiên hạ".

móc bằng lễ thì phải giả dối với nhau. Không thân mà lại giả dối với nhau thì phải bỏ nhau ngay. Cho nên yêu nhau, kính nhau thì mới có thể cùng có lợi. Bây giờ, ngài dùng câu để câu người ta, người ta cũng dùng câu để câu ngài, ngài dùng móc để móc người ta, người ta cũng dùng móc để móc ngài: câu lẫn nhau, móc lẫn nhau, thì sẽ làm hại lẫn nhau. Cho nên cái móc câu nhân nghĩa của tôi lợi hại hơn cái móc câu tàu chiến của ngài nhiều⁽¹⁾.

Công Thâu Bàn bẽ mặt, liên đổi giọng, trong lời nói có hơi men, vì thực ra ông ta không biết uống rượu.

- Nhưng, ông bạn đồng hương của tôi ơi! Cái nhân nghĩa của tiên sinh có thể làm vỡ bát cơm của tôi mất!

⁽¹⁾ Thiên *Lỗ vấn*, sách *Mặc tử*, chép: "Công Thâu tử, nước Lỗ, đi về phương Nam đến nước Sở, mới làm khí giới để thủy chiến, có câu và cưỡng (móc), lúc quân địch thoái thì câu, lúc quân địch tiến thì móc. Thấy câu và cưỡng rất lợi hại nên chế làm khí giới. Quân nước Sở có tiết chế, quân nước Việt không có tiết chế, quân nước Sở nhân đó đánh bại quân Việt.

Công Thâu tử khéo về việc chế câu, cưỡng, nói với Mặc tử rằng: "Tôi đánh, thuyền có câu, cưỡng, chẳng hay nghĩa của ngài có câu, cưỡng không?". Mặc tử trả lời: "Câu cưỡng nhân của tôi tốt hơn câu cưỡng đánh thuyền của ngài. Tôi câu bằng tình yêu thương, tôi móc bằng lòng cung kính. Không câu bằng tình yêu thương thì không thân, không móc bằng lòng cung kính thì phải giảo hoạt, giảo hoạt mà không thân thì phải ly tán. Cho nên cùng yêu nhau, cùng kính trọng nhau thì cùng có lợi. Nay ngài lấy câu câu người ta, người ta câu lại ngài. Ngài lấy móc móc người ta, người ta cũng móc lại ngài, thế là làm hại nhau. Cho nên câu móc nhân nghĩa của tôi tốt hơn câu móc của ngài".

- So với việc làm vỡ bát cơm của tất cả nhân dân nước Tống, thì như thế vẫn còn hơn.

- Thế này thì từ nay về sau tôi đành ngồi làm đồ chơi cho trẻ con thôi! Ông bạn đồng hương của tôi ạ! Hãy chờ đấy, tôi cho xem cái này.

Nói xong, ông ta đứng dậy đi vào nhà sau. Có tiếng mở hòm. Chỉ một lát, lại trở ra, tay cầm một con chim thước làm bằng gỗ và tre, đưa cho Mặc tử và nói:

- Mở máy một cái là bay được ba ngày cơ đấy! Cái này có thể nói là khá tinh xảo.

Mặc tử xem xong, đặt xuống chiếu, nói:

- Nhưng cũng không tinh xảo bằng các bác thợ mộc đóng xe. Bác ta chỉ dùng ba tấc gỗ là có thể làm được cỗ xe chở nặng năm mươi thạch. Có ích cho mọi người là tốt, là khéo, không có ích cho ai cả là vụng, là hỏng bỏ đi⁽¹⁾.

Công Thâu Bàn bẽ mặt lần nữa, lúc đó mới tỉnh ra, nói:

- Ủ, tôi quên mất. Đáng lẽ phải biết trước thế nào tiên sinh cũng sẽ nói như vậy.

⁽¹⁾ Về con chim thước bằng gỗ, thiên *Lỗ vấn*, sách *Mặc tử* chép: "Công Thâu tử dùng gỗ, tre làm chim thước, bay được, ba ngày không hạ cánh. Công Thâu tử tự cho làm khéo". Mặc tử bảo Công Thâu tử rằng: "Ngài làm chim thước không bằng thợ mộc đóng xe. Dùng ba tấc gỗ mà làm được cỗ xe chịu được 50 thạch. Cho nên làm cái gì lợi cho người thì gọi là khéo, không lợi cho người thì gọi là vụng".

Mặc tử nhìn vào mặt Công Thâu Bàn, thành khẩn nói:

- Cho nên nếu ngài chủ làm điều nghĩa thì không những là tỉnh xảo, mà thiên hạ cũng sẽ về ngài. Thôi, đã quấy rầy ngài lâu quá rồi, sang năm sẽ gặp lại nhau.

Mặc tử vừa nói vừa cầm lấy tay nải, cáo biệt chủ nhân. Công Thâu Bàn biết không giữ lại được, đành để khách về. Tiễn khách ra đến cổng, ông ta mới quay vào, suy nghĩ một lát, rồi lấy cái mô hình thang mây và con chim thước gỗ cất kín vào đáy hòm ở nhà sau.

Trên đường về, Mặc tử đi hơi chậm, một là đã mệt, hai là chân đau, ba là lương khô hết, bụng không khỏi đói, bốn là công việc thu xếp đã yên, không vội vã như lúc ra đi. Nhưng lần về lại rủi quá. Vừa bước chân vào đất Tống đã bị khám xét hai lần, tới đô thành lại gặp đội lạc quyền cứu quốc⁽¹⁾ quyền nốt chiếc tay nải rách; đến cửa Nam lại gặp một trận mưa rào. Chạy vào cửa thành định trú mưa thì bị hai bác lính tuần cầm mác, đuổi đi, thành ra người ướt đầm dề, rồi ngạt mũi mất mười mấy hôm.

Tháng 8 năm 1934

⁽¹⁾ Tác giả muốn nêu hành vi lừa dối của chính phủ Quốc dân đảng hồi đó, một mặt thì thi hành chính sách bất đề kháng đối với đế quốc Nhật, một mặt thì tổ chức những đội lạc quyền "cứu quốc" để lừa gạt nhân dân và vơ vét ít tiền bỏ túi.

Trị thủy

I

Đây giờ là lúc "hồng thủy cuốn cuộn dâng lên, gây ra tai nạn, tràn núi ngập cồn, mệnh mang bầu trời⁽¹⁾. Trăm họ của cụ Thuấn không phai đều chen chúc nhau trên những đỉnh núi nhô khỏi mặt nước cả. Có kẻ trèo trên ngọn rây, có kẻ ngồi trên bè gỗ, một số bè gỗ lại có dựng thêm một túp lều ván bé tí tẹo, đứng trên bờ nhìn xuống, trông nên thơ lắm.

Tin tức từ phương xa đến đều từ các bè gỗ này truyền ra. Cuối cùng ai cũng biết ông Cồn trị thủy chín năm ròng, chẳng có hiệu quả gì cả, nên ở trên,

^(*) Truyện này cũng như *Hái rau vị, Phản đối chiến tranh, Cải tử hoàn sinh*, trước khi được vào tập *Chuyện cũ viết lại*, chưa hề đăng báo.

⁽¹⁾ Sách *Thượng thư* có chép câu trên, nguyên văn như sau: "Thang thang hồng thủy phương cát, dâng dâng hoài sơn nương lẳng, hạo hạo thao thiên".

Tương truyền, đời vua Nghiêu, hồng thủy tràn dâng. Vua Thuấn kế vị, sai ông Vũ trị thủy mới hết nạn lụt.

long tâm nổi giận, đày ra Vũ Sơn⁽¹⁾. Người thay thế ông ta hình như lại chính là con ông ta, công tử Văn Mệnh, hồi còn bé gọi là cậu Vũ⁽²⁾.

Tai nạn kéo dài, trường Đại học đã phải giải tán từ lâu, đến ấu trĩ viên cũng không có chỗ mà mở cửa, cho nên trăm họ đều hơi nhốn nháo. Chỉ trên Văn-hóa-sơn⁽³⁾ là còn có một số đông học giả tụ tập lại.

⁽¹⁾ Về chuyện ông Cổn trị thủy, sách *Sử ký* chép: "Thời vua Nghiêu, hồng thủy ngập trời, mênh mông tràn núi, ngập cồn, nhân dân rất lo buồn. Vua Nghiêu tìm người tài trị thủy. Bấy tôi đều nói: ông Cổn làm được. Vua nghe, dùng Cổn, trị chín năm liền, không thành công.

⁽²⁾ Vũ, con Cổn, vua khai quốc triều nhà Hạ. Sách *Sử ký* chép: "Vũ tên là Văn Mệnh, sau khi cha bị đày, phụng mệnh đi trị thủy. Nghiêu chết, Thuấn hỏi Tứ Nhạc: "Ai có thể hoàn thành được sự nghiệp của vua Nghiêu (Chỉ việc trị thủy) để ta cho làm quan?". Mọi người đều nói: "Có Bá Vũ hiện giữ chức Tư không, có thể hoàn thành được sự nghiệp vua Nghiêu". Thuấn nói: "Ừ được!". Rồi ra lệnh cho Vũ: "Nhà ngươi sẽ làm cho bằng những chỗ ngập nước, cố gắng lên".

Vũ cúi đầu lạy nhưng có Khiết, Hậu Tắc, Cao Dao. Thuấn nói: "Nhà ngươi hãy lo việc của nhà ngươi đi". Những truyền thuyết có dính líu đến việc Vũ trị thủy, các sách Thượng thư, Mạnh tử, và các sách cổ đời Tiên Tần, nhiều chỗ có ghi chép.

⁽³⁾ Trong truyện này, những điều tác giả thêm vào để mỉa mai bọn học giả trên núi Văn-hóa-sơn, chính là nhằm một số phần tử trí thức và học giả phản động thời chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai. Cái tên Văn-hóa-sơn, Lỗ Tấn đặt ra, nhân việc bọn Giang Hàn, Lưu Phúc, Tử Bình Sống, Mã Hành, hơn ba mươi người, trong giới giáo dục văn hóa Bắc Kinh, khoảng tháng 10 năm 1932, đệ trình chính phủ Quốc dân đảng một lá đơn xin đặt Bắc Kinh làm Văn hóa thành. Lúc ấy đế quốc Nhật đang xâm chiếm Đông Bắc, Hoa

Bắc; chính phủ Quốc dân đảng thi hành chính sách đầu hàng bán nước, bỏ Đông Bắc, chuẩn bị rút khỏi Hoa Bắc, và bắt đầu chuẩn bị mang tất cả những đồ văn vật cổ quý giá từ Bắc Kinh xuống Nam Kinh. Bọn Giang Hàn muốn ngăn cản việc đó, nhưng lại vin vào lý do là Bắc Kinh, về mặt chính trị cũng như quân sự, không phải là một nơi trọng yếu, đề nghị chính phủ Quốc dân đảng, bỏ hết quân bị Bắc Kinh, cho như đó là một khu văn hóa bỏ ngõ. Đó là một chủ trương hết sức hoang đường. Tờ trình đó: "Bắc Bình có rất nhiều đồ vật quý giá, đó là "mạch máu của quốc gia, tinh thần quốc gia đều ký thác vào đây cả... quyết không thể nào hy sinh được". Lại nói: "Nhân vì Bắc Bình có nhiều thiết bị văn hóa, cho nên các học giả các ngành đều tập trung ở Bắc Bình, nhất dân đem tất cả các thiết bị văn hóa của Bắc Bình dời đi nơi khác để Bắc Bình được an toàn". Chủ trương của bọn Giang Hàn chẳng những hoang đường, mà lại phản ánh đúng âm mưu của đế quốc Nhật, đồng thời giống hệt luận điệu của chính phủ Quốc dân đảng không định Bắc Kinh là "thành văn hóa", nhưng rồi cũng hai tay dâng cho Nhật Bản. Và đầu năm 1933, đại bộ phận các đồ văn vật cổ đều chuyển xuống Nam Kinh, Lỗ Tấn trong khoảng thời gian từ ngày "18 tháng 9" cho đến khi ông tạ thế, đã từng viết rất nhiều bài tạp văn vạch rõ chính sách đầu hàng bán nước của chính phủ Quốc dân đảng. Về cái chủ trương "đặt thành văn hóa", ông cũng đã từng đả động tới (xem bài "*Sùng thực*" ở tập "*Ngụy tự do thư*"). Những cái Lỗ Tấn mỉa mai trong đoạn nói về núi Văn-hóa-sơn đều là ngôn luận xằng bậy của bọn Giang Hàn viết trong tờ trình kể trên.

Có mấy nhà "học giả" rõ ràng là hình ảnh những nhân vật có tư tưởng phản động đương thời. Thí dụ "nhà học giả chống gậy" tức là Phan Quang Đán, một học giả đương thời. Phan Quang Đán căn cứ vào gia phả của một số địa chủ quan liêu, "lưỡng đại gia hưng dịch vọng tộc". Học thuyết của y cùng một loại với học thuyết nhân chủng của bọn học giả phản động Âu Mỹ. Lại như "Điểu đầu tiên sinh" là ám chỉ Cố Hiệt Cương, một nhà khảo cứu học, phái Hồ Thích. "Vũ là một côn trùng, Côn là một con cá" là nghị luận Cố Hiệt Cương viết năm 1923.

Thức ăn của họ đều có xe bay chở từ nước Kỳ Quảng⁽¹⁾ đến, do đó không sợ thiếu, và cũng do đó, họ có thể cứ tiếp tục việc sưu tầm nghiên cứu được. Nhưng bọn họ phần lớn đều phản đối ông Vũ, hoặc giả dốt khoát không tin trên thế giới quả có một người tên là Vũ.

Một tháng một lần, theo lệ thường, giữa không trung có tiếng rầm rầm nổi lên, càng lâu càng mạnh. Có thể trông thấy rõ chiếc xe bay, trên xe cắm một lá cờ, giữa vẽ một vòng tròn màu vàng có hào quang.

Xe cách mặt đất chừng năm thước, thì mấy chiếc giỏ thông xuống, người khác không thể biết đựng những gì, chỉ nghe tiếng người trên xe và người dưới đất trao đổi với nhau mấy câu:

- Good morning⁽²⁾?

Chữ "điều đầu" (đầu chim) là do chữ Cố (?) mà ra. Theo sách *Thuyết văn*, chữ "cố" gồm có chữ (cô) và chữ (hiệt). "Cố" là tên chim, "hiệt" là đầu. Nhà văn viết tiểu phẩm có tính chất phục cổ và chủ trương thuyết "tinh linh" là ám chỉ Lâm Ngữ Đường lúc đó đã tỏ ra là kẻ phát ngôn cho bọn mại bản, mở miệng ra là chống Cộng sản, phản đối Liên Xô. Những nhân vật khác cũng đều ám chỉ những văn nhân và học giả phản động đương thời.

⁽¹⁾ Về truyền thuyết nước Kỳ Quảng, sách *Sơn hải kinh*, thiên *Hải ngoại tây kinh*, chép: "Nước Kỳ Quảng ở phương Bắc, người nước ấy một tay, ba mắt, có đàn bà cưỡi ngựa vàng". Quách Phác chú: "Người nước ấy làm những đồ tiểu xảo rất khéo để bắt chim, làm được xe bay theo gió đi rất xa".

⁽²⁾ Nguyên văn, dịch âm tiếng Anh nghĩa là "Chào ngài!".

- How do you do⁽¹⁾?

- Ci li chi li⁽²⁾

- O.K⁽³⁾

Xe lại bay nhanh về nước Kỳ Quảng, giữa không trung không để lại một tiếng động nhỏ. Các nhà học giả cũng đều lặng im: họ đang ăn cơm. Chỉ xung quanh núi, tiếng sóng vỗ vào đá, không ngừng vang lên. Cho đến khi ngủ trưa dậy, tinh thần sảng khoái, họ tranh luận về các học thuyết, thì tiếng cãi nhau mới át được tiếng sóng.

Một vị học giả chống gây nói:

- Nếu Vũ mà là Cồn, thì nhất định việc trị thủy không thể thành công được. Tôi đã sưu tầm gia phả các vương công đại thần, các nhà hào phú và đã mất nhiều công nghiên cứu. Tôi rút được kết luận: Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa. Cái đó gọi là "di truyền". Cho nên Cồn không thành công, thì Vũ, con Cồn, quyết không thể thành công, bởi vì, người ngu làm sao để con ra thông minh được:

Một vị học giả không chống gây nói:

- O.K!

Một vị học giả khác, cũng không chống gây, nói:

⁽¹⁾ Nguyên văn, dịch âm tiếng Anh nghĩa là "Chào ngài, ngài mạnh khỏe?".

⁽²⁾ Không chú thích nên chưa rõ dịch âm câu gì.

⁽³⁾ O.K: tiếng của người Mỹ, nghĩa là: Đúng lắm, tốt.

- Nhưng ngài nên nhớ là Thái thượng hoàng⁽¹⁾ của chúng ta...

- Ông ấy trước kia thì hơi "dở người" đấy, nhưng bây giờ đã khá rồi. Nếu là ngu thì quyết không đời nào khá được.

- O. K!

Lại một vị học giả khác, mũi phồng đỏ ửng lên, nói lúng búng:

- Các ngài nói tầm bậy. Các ngài nghe tin nhầm, bị lừa rồi. Kỳ thực làm gì có ông nào là Vũ? "Vũ là một con côn trùng, côn trùng thì trị thủy thế quái nào được? Tôi cho rằng cũng chẳng có ai tên là "Cổn" cả. "Cổn" là một con cá. Cá trị... thủy được sao?

Ông ta nói xong, chân giẫm xuống đất một cái thật mạnh.

- Nhưng ông Cổn thì nhất định có thật. Bảy năm trước, chính mắt tôi thấy ông ta đến dưới chân núi Côn Lôn thưởng thức hoa mai.

- Thế thì, nhầm tên rồi. Chắc không gọi là "Cổn",

⁽¹⁾ Thái thượng hoàng tức là Cổ Tẩu, cha ông Thuấn. Sách *Sử ký*, chép: "Vua Ngu Thuấn tên là Trùng Hoa, Cha Trùng Hoa là Cổ Tẩu... Cổ Tẩu người gàn dở". Sách *Mạnh tử* và sách *Sử ký*, có chép nhiều việc tỏ ra là Cổ Tẩu gàn dở. Sách *Thượng thư* chép: "Thuấn có việc đến gặp Cổ Tẩu, kính cẩn, sợ hãi. Cổ Tẩu cũng vui vẻ". Theo chú thích của Khổng An Quốc thì ý tứ đoạn văn này như sau: "Thuấn có việc đến gặp Cổ Tẩu, kính cẩn, sợ hãi. Cổ Tẩu chịu sự cảm hóa của con mà thuận theo con".

mà phải gọi là "Nhân" kia! Còn Vũ thì nhất định là một con côn trùng rồi. Tôi có nhiều chứng cứ tỏ ra rằng không có ai là Vũ cả, xin để các ngài xét...

Thế rồi, ông ta đứng phắt dậy, rút một con dao găm, tước vỏ năm cây tùng lớn, lấy vỏ bánh mì ăn thừa nghiền nhỏ, hòa với nước, trộn với bột than, rồi viết lên thân cây những hàng chữ nhỏ li ti, bác các khảo cứu về ông Vũ. Mất một thời gian đúng ba chín hai mươi bảy ngày. Nhưng ai muốn xem, phải nộp cho ông ta mười lá cây du non. Nếu là người ở trên bè gỗ, thì nộp một vỏ ngao rong tươi.

Nước tràn khắp nơi, săn bắn không được, cày cấy cũng không được, những người còn sống sót đều nhàn rỗi, cho nên đến xem cũng khá đông. Họ chen nhau dưới gốc cây tùng suốt ba ngày. Khắp nơi đều nghe tiếng thở dài, hoặc là vì thán phục, hoặc là vì mệt mỏi. Nhưng đến giữa trưa ngày thứ tư, có một bác nhà quê bỗng lên tiếng. Lúc đó, vị học giả nọ đang ăn bánh mì nướng.

- Quả có người tên là Vũ. Huống nữa "Vũ" cũng không phải là một con côn trùng. Đó là lối viết tắt của người nhà quê chúng tôi. Có các cụ thì viết là "ngung" cơ! Ngung là một con vượn lớn⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Sách *Thuyết văn* chép: "Ngung thuộc loại vượn cái". Đoàn Ngọc Tài đời Thanh, dẫn lời chú thích của Quách Phác ở *Sơn Hải kinh*, nói: "Con ngung giống như vượn, nhưng lớn hơn, mắt đỏ, đuôi dài". Theo *Thuyết văn*, nét viết chữ Vũ đơn giản hơn chữ Ngung.

Vị học giả nhảy dựng lên, nuốt vội khẩu bánh mì nhai chưa kỹ, mũi tím ngắt, quát:

- Người mà cũng gọi là vượn à?

- Có chứ! Có khi còn gọi là chó, là mèo nữa cơ!

Vị học giả chống gậy, bỏ chiếc bánh mì xuống, đứng xen vào giữa hai người, nói:

- Điều đầu tiên sinh! Ngài biện luận với hần ta làm gì! Người nhà quê đều ngu cả.

Rồi quay lại bảo bác nhà quê, nói to:

- Về đem gia phả đến đây, ta sẽ chứng minh tổ tiên anh đều là người ngu cho mà xem!

- Xưa nay, nhà tôi chưa hề có gia phả.

- Hừ! Các anh thật đáng ghét. Các anh làm cho sự nghiên cứu của ta không sao chính xác được.

Điều đầu tiên sinh càng phần nộ hơn:

- Nhưng điều đó cần gì gia phả mới biết! Thuyết của tôi không thể nào sai được. Trước đây đã có nhiều vị học giả gửi thư đến tán thành thuyết của tôi. Những bức thư ấy tôi có mang theo đây...

- Không được. Phải tra gia phả.

"Người ngu" kia nói:

- Nhưng mà tôi không có gia phả. Bây giờ, đang buổi hoang loạn, đường giao thông tắc trở, nếu chờ bạn bè ngài viết thư đến tán thành để lấy đó làm chứng cứ, thì thật là khó khăn hơn là làm đạo trường trong vỏ ốc. Chứng cứ trước mắt chứ ở đâu? Ngài là

Điều đầu tiên sinh, nhưng lẽ nào ngài là một cái đầu chim, chứ không phải là người?

Điều đầu tiên sinh giận đến nổi tái tím bầm.

- Hừ! Anh lằng mọ ta thế à? Bảo ta không phải là người à? Ta phải đưa anh đến ông Cao Dao⁽¹⁾ kiện mới được. Nếu ta quả không phải là người, ta xin chịu tội "đại tích", nghĩa là chém đầu. Anh hiểu chưa? Còn không, anh phải chịu tội. Anh ngồi yên đấy, đợi ta ăn xong chiếc bánh mì nướng này đã.

Bác nhà quê ngây người, nhưng vẫn bình tĩnh đáp:

- Thưa ngài, ngài là một vị học giả, chắc ngài phải biết bây giờ là đã quá Ngọ rồi, người khác cũng đói bụng chứ! Đáng giận là bụng người ngu và bụng người thông minh đều biết đói cả. Xin lỗi ngài, tôi còn phải đi mò ít rong. Lúc nào ngài đệ đơn, tôi sẽ xin đến hầu kiện.

⁽¹⁾ Cao Dao là bảy tôi vua Thuấn. Sách *Thượng thư* chép: "Vua Thuấn nói: Cao Dao! Muồng mọi lần át kẻ chợ, giặc cướp gian phi cho nhà người làm sĩ". Sĩ là quan coi ngục và việc tố tụng.

Năm 1927, hồi Lỗ Tấn ở Quảng Châu. Cố Hiệt Cương từ Hàng Châu gửi thư cho Lỗ Tấn nói Lỗ Tấn đã làm hại y bằng các bài văn, bài báo, nên y định đến tháng 9 về Quảng Đông sẽ đâm đơn kiện "nhờ pháp luật giải quyết" và dặn Lỗ Tấn không được rời Quảng Đông "để chờ xét xử đã". Lúc ấy Lỗ Tấn có trả lời như sau: "Xin mời ông đến tỉnh Chiết Giang (quê Lỗ Tấn) kiện cho gần. Lúc đó tôi sẽ đến Hàng Châu để nhận những trách nhiệm đáng phải nhận". Trong truyện này những lời của Điều đầu tiên sinh và của bác nhà quê có dính líu đến mẩu chuyện kể trên (xem *Tam nhân lập*, bài Trả lời giáo sư Cố Hiệt Cương về việc chờ (xét xử).

Thế rồi, bác ta nhảy lên bè gỗ, quăng lưới mò rong, chèo ra xa ngoài khơi. Người đến xem cũng giải tán dần. Điều đầu tiên sinh, tai, mũi lại đỏ lên, tiếp tục ăn mì nướng. Vị học giả cầm gậy thì lắc đầu.

Nhưng rốt cuộc, "Vũ" là côn trùng hay là người thì vẫn còn là một câu nghi vấn lớn.

II

Quả thật, Vũ cũng giống như một con côn trùng.

Hơn nửa năm qua. Chiếc xe bay nước Kỳ Quảng đã đến tám lần. Dân ở trên bè từng đọc văn chương viết trên cây tùng, trong số mười người đã đến chín người mắc bệnh phù chân, thế mà vẫn chưa có tin tức gì về ông quan mới, phụ trách việc trị thủy cả. Sau khi chiếc xe bay đến lần thứ mười, mới có tin truyền đến, nói Vũ quả là người thật, và là con ông Cồn. Đích xác ông ta được cử làm quan đại thần coi việc thủy lợi; ba năm trước, đã khởi công từ Ký Châu⁽¹⁾, nay mai sẽ đến đây.

Mọi người đều có ý vui, nhưng vẫn không tin

⁽¹⁾ Sách *Thượng thư* chép: "Vua Vũ chia ra làm chín châu". "Khổng Dĩnh Đạt chú: "Ký Châu là chỗ đóng đô của vua Nghiêu. Ký Châu đứng đầu các châu. Việc trị thủy bắt đầu từ đây. Sách *Sử ký* chép: "Vũ khởi công từ Ký Châu". Ký Châu là một trong chín châu ngày trước, bao quát hai tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây và phần đất Bắc Hoàng Hà, tỉnh Hà Nam và phía Tây sông Liêu Hà, tỉnh Liêu Ninh. Vua Nghiêu đóng đô ở Bình Dương (Huyện Lâm Phần, tỉnh Sơn Tây) trong phần đất Ký Châu.

lắm, nên lại lạnh nhạt, bởi vì người ta đã được nghe nhầm tai những tin đồn đại, chẳng đâu vào đâu cả.

Nhưng lần này, hình như cũng có thể tin được. Hơn mười hôm sau, hầu như ai cũng nói, quan đại thần sắp đến, bởi vì có người đi vớt cỏ trôi, đã thấy tận mắt thuyền quan. Anh ta chỉ một vết sẹo tím bầm trên đầu, nói là vì tránh chạm một tí, nên bị một người lính ném đá nhầm. Đó là chứng cứ tỏ rằng quan đại thần sắp đến. Từ đấy, anh ta nổi tiếng, và cũng rất bận rộn. Mọi người tranh nhau đến xem vết sẹo trên đầu anh, xuýt làm chìm cả chiếc bè gỗ. Về sau, các vị học giả mời anh ta đến. Nghiên cứu tỉ mỉ, rồi kết luận rằng, vết sẹo của anh ta đúng là một vết sẹo. Vì thế, Điều đầu tiên sinh không thể bảo thủ, giữ ý kiến của mình nữa, đành phải nhường môn khảo cứ học lại cho người khác, còn ông thì đi thu thập dân ca.

Cách cái hôm anh kia bị vết sẹo trên đầu chừng hai mươi hôm, một đội thuyền độc mộc lớn kéo đến. Mỗi chiếc có hai mươi lính cầm chèo, ba mươi lính cầm mái, trước sau rợp cờ. Đội thuyền vừa ghé vào đỉnh núi, thì các vị thân sĩ, học giả đều xếp hàng trên bờ đón tiếp. Một hồi lâu, mới thấy hai ông quan, trung niên, mập mạp, chui ra khỏi chiếc thuyền lớn nhất. Chừng hai mươi dũng sĩ, mặc áo da hổ, theo hầu. Cả đoàn người kéo đến ngôi nhà đá cao nhất.

Người ở trên đất, cũng như người ở dưới bè, hết sức dò hỏi, nghe ngóng, mới vỡ ra rằng hai vị kia chỉ là nhân viên đi điều tra, chứ chưa phải là ông Vũ.

Hai vị quan lớn ngồi ở giữa nhà đá, ăn xong bánh

mì, mới bắt đầu điều tra. Một đại biểu của các nhà học giả, chuyên gia về ngôn ngữ dân tộc Miêu, nói:

- Bấm hai ngón, tai nạn không lấy gì làm nghiêm trọng lắm. Lương thực cũng tạm đủ. Bánh mì thì hàng tháng từ trên không đưa xuống cho. Cá cũng không thiếu, tuy hơi tanh bùn một tí, nhưng rất béo. Còn như dân chúng, thì họ có lá du và rong biển. Họ "ăn no suốt ngày mà không biết làm gì". Vì không lao tâm, nên ăn thế cũng đủ. Chúng tôi đã ném qua, khá ngon, và có một mùi vị đặc biệt...

Một vị học giả, chuyên nghiên cứu cuốn *Thần nông bản thảo*⁽¹⁾, cướp lời.

- Huống hồ, trong lá du có vi-ta-min W, trong rong biển có chất Iodium, có thể trị bệnh hạch. Cả hai thứ đều rất hợp vệ sinh.

Lại một vị học giả khác nói:

- O.K!

Hai vị quan lớn trừng mắt nhìn.

Học giả *Thần nông bản thảo* nói tiếp:

- Còn thức uống, thì cần bao nhiêu có bấy nhiêu. Vạn đời dùng cũng không hết. Hiếm điều trong nước có vẩn ít đất vàng, trước khi uống, phải đun sôi một tí. Chúng tôi đã bày vẽ nhiều lần, nhưng họ u mê lắm, không chịu làm theo, nên nhiều người mắc bệnh...

Một vị thân sĩ có năm chòm râu dài, mặc áo trường bào màu nâu, tranh nói:

⁽¹⁾ *Thần nông bản thảo* là cuốn sách cổ nhất ghi chép các vị thuốc. Làm năm nào chưa rõ. Có lẽ người đời Hán-Nguy mượn tên thần nông đặt cho sách.

- Ngay cái nạn hồng thủy này chẳng phải là họ gây ra đấy ư? Lúc nước chưa tràn vào, thì lười không chịu ngăn lại, khi trào vào rồi, thì lười không chịu tát đi.

Nhà nghiên cứu văn học tiểu phẩm đời Phục Hy, để bộ râu mép chữ bát, ngồi ở hàng ghế sau, cười nói:

- Ấy mới gọi là u mê! Tôi thường lên cao nguyên Pamir, gió thổi lồng lộng, hoa mai nở, mây trắng bay, giá vàng lên, con chuột ngủ, thấy một thiếu niên, miệng ngậm xì-gà, mặt che lấp trong mây mù của họ Xi-Vưu... Ha... Ha... chẳng biết làm thế nào...⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong nguyên văn, câu này viết nửa văn ngôn nửa bạch thoại. Lỗ Tấn có ý phỏng theo lối văn "ngũ lục thể" của Lâm Ngữ Đường. Cái gọi là ngũ lục thể, nói theo lời y, là "trong văn ngôn không ngại dùng những lời quê mùa, thô tục, và trong bạch thoại vẫn dùng hư tự của văn ngôn: chỉ, hồ v.v...". Đó là biến tướng của chủ nghĩa phục cổ.

Đoạn "... thấy một thiếu niên, miệng ngậm xì-gà...", tác giả có ý vạch rõ luận điệu chống cộng sản, chống Liên Xô của Lâm Ngữ Đường. Xi Vưu là tù trưởng của bộ lạc Cửu Lễ ở phương Bắc Trung Quốc, tương truyền, bị Hoàng đế bắt giết. Do thiên kiến về chủng tộc, các sách sử ngày trước của Trung Quốc đều miêu tả Xi Vưu thành một người hung ác, thậm chí còn nói: "Xi Vưu mình thú, nói tiếng người, đầu đồng trán sắt". Ngày trước, giai cấp thống trị dùng danh từ Xi Vưu để chỉ người hung ác. Năm 1926, tên quân phiệt Bắc Dương, Ngô Bội Phu, tuyên truyền phản Xô, phản Cộng, đã dùng danh từ Xi Vưu để chỉ người theo Cộng sản. Y công nhiên nói với các nhà báo Nhật Bản rằng: Trung Quốc mấy ngàn năm về trước, lúc thảo muội sơ khai, là còn thời kì bộ lạc Xi Vưu hoành hành. Lúc đó chưa hề có pháp luật, kỷ cương, chẳng khác gì bọn cộng sản ngày nay (Xem *Bắc Kinh thân báo*, ngày 11 tháng 7 năm 1926). Người ta còn kể: trong một bữa tiệc, Ngô Bội Phu nói: y đã tra cứu được Xi Vưu là tổ tiên bọn

- O.K!

Cứ thế thảo luận mãi. Hai vị quan lớn hết lòng nghe, cuối cùng bảo các vị học giả cùng nhau thảo một tờ trình, và nếu kèm theo được một bản điều trần nói rõ sau khi hết tai nạn thì nên làm như thế nào.

Thế rồi, các quan xuống thuyền. Hôm sau, các quan bảo là đi đường mệt, không làm việc, không tiếp khách. Hôm sau nữa thì các vị học giả mời lên đỉnh núi cao nhất xem cây cổ tùng tán nghiêng, và chiều đến, cùng câu lươn vàng ở mé sau núi, cho đến chập choạng tối. Hôm thứ tư, các quan lại nói đi đường mệt, không làm việc, cũng không tiếp khách. Buổi chiều hôm thứ năm, mới truyền cho đại biểu nhân dân vào gặp.

Bốn hôm trước, nhân dân đã cử đại biểu rồi nhưng chẳng ai chịu đi, nói rằng, xưa nay chưa hề vào cửa quan. Do đó, đại đa số cử anh chàng có vết sẹo trên đầu, vì anh này đã gặp mặt quan rồi, có kinh nghiệm. Vết sẹo vừa lành, nay bỗng đau nhói lên như kim châm. Anh ta khóc lóc nói nhất quyết:

- Làm đại biểu thì thà chết còn hơn!

cộng sản, bởi vì Xi và Xích là đồng âm. Xi Vưu tức là "Xích hóa chỉ vưu" v.v... (Xem *Mã thượng chi nhật ký* trong tập *Hoa cái tục biên* của Lỗ Tấn). Còn Lâm Ngữ Đường cũng có viết một đoạn như sau: "Thấy hai chàng thanh niên, miệng ngậm một điều thuốc lá Nga-xô, tay cấp một bản dịch của một... Sky nào đó (ý nói tác giả người Nga)". Vì vậy Lỗ Tấn mới viết câu trên.

Mọi người vây quanh anh ta, ngày đêm lấy đại nghĩa khuyên bảo, nói rằng nếu không nghĩ đến lợi ích chung tức là cá nhân chủ nghĩa, vị kỷ. Hoa Hạ không thể dung được một người như thế. Kịch liệt hơn, có kẻ giơ nắm đấm ra trước mũi anh ta, bảo anh ta phải chịu trách nhiệm về nạn thủy tai này. Anh ta buồn ngủ quá, bụng nghĩ, nếu phải bức tử ở trên bè gỗ này, sao bằng hy sinh cho quyền lợi chung. Vì vậy, ngày thứ tư, anh ta cương quyết nhận lời.

Mọi người đều ngợi khen, chỉ có mấy dũng sĩ thì tỏ ra hơi ghen ghét.

Ấy là vào sáng sớm hôm thứ năm. Trời vừa rạng, người ta đã kéo anh ta lên bờ, chờ quan gọi. Quả nhiên, các quan gọi vào. Hai đầu gối anh ta bồng run cầm cập. Nhưng lập tức anh ta cương quyết lên, cương quyết xong thì ngáp dài hai cái, mi mắt nặng chình chịch, cảm thấy chân không bén đất, như nổi giữa không trung, và cứ thế mà bước vào thuyền quan.

Điều rất kỳ quái là bọn lính cầm mâu, bọn võ sĩ mặc áo da hổ, đều không ai đánh đập, chửi mắng anh ta cả. Họ đưa anh vào giữa khoang thuyền. Khoang thuyền trải da gấu, da báo, lại có treo mấy cánh cung và nhiều mũi tên. Chai, hộp bày loạn xạ, làm anh ta hoa cả mắt. Anh ta định thần nhìn mới trông thấy, phía trên, đối diện với anh ta, hai vị quan lớn béo mập đang ngồi chễm chệ. Tướng mạo như thế nào, anh ta không dám nhìn rõ.

Một vị hỏi:

- Mày là đại biểu của trăm họ phải không?

Anh ta mắt nhìn vào những vắn to bằng lá ngải trên tấm da báo trải giữa khoang thuyền, trả lời:

- Họ bảo con đến ạ!

- Chúng bay thế nào?

- ...

Anh ta không hiểu ý quan muốn hỏi gì, nên không trả lời.

- Đời sống chúng bay vẫn khá chứ?

Anh ta nghĩ một tí rồi khe khẽ:

- Nhờ hồng phúc quan lớn, cũng khá ạ, tạm tạm gọi là...

- Ăn gì?

- Bấm, lá cây, rong nước ạ!

- Ăn được không?

- Bấm, ăn được ạ! Bấm chúng con, thì gì rồi cũng quen đi cả, ăn được tất. Chỉ có bọn ranh con là chúng nó cứ kêu ca. Nhân tâm càng ngày càng hỏng. Mẹ kiếp! Chúng con sẽ phải trị cho mới được.

Hai vị quan lớn phá lên cười. Ông này nói với ông kia:

- Thằng này thực thà đấy chứ!

Anh ta nghe được khen, lấy làm sung sướng lắm can đảm hơn trước, nói thao thao:

- Bấm, chúng còn nghĩ cách, thí dụ, rong nước thứ tốt nhất thì làm hoạt lưu phỉ thủy thang, lá du thì làm

nhất phẩm đương triều canh. Còn vỏ cây thì chúng con không cho bóc hết, phải lưu lại một ít. Có thể, mùa xuân sang năm, cây lại mọc lá mới, có mà hái. Nếu, nhờ hồng phúc quan lớn, câu được lơu vàng thì...

Nhưng hình như các quan không thích nghe lắm, nên một vị ngáp dài luôn hai cái, cắt lời anh ta:

- Chúng bay về làm chung một tờ trình, tốt hơn hết kèm theo tờ điều trần, đề nghị phương pháp cụ thể.

Anh ta sợ hãi nói:

- Bẩm, chúng con chẳng ai biết viết cả ạ!

- Chúng bay không biết chữ à? Quả thật là không có óc cầu tiến. Làm thế nào bây giờ? Thôi thì lấy một ít thức ăn của chúng bay đưa lên đây cũng được.

Anh ta vừa mừng vừa sợ, lui ra, tay đưa lên sờ vết sẹo, rồi lập tức truyền lời quan lớn cho nhân dân ở trên bờ, trên cây và trên bè gỗ biết, và lớn tiếng dặn dò:

- Đưa trình lên quan đấy! Phải làm cho thật sạch sẽ, gọn gàng, tươm tất...

Tất cả mọi người đều bận rộn, rửa lá, thái vỏ cây, mò rong, nhón nháo cả lên. Còn anh ta thì cưa yán, đóng thành hộp để trình quan. Có hai tấm thì anh ta bào thật trơn, rồi cả đêm, chạy lên đỉnh núi, nhờ các vị học giả viết cho mấy chữ. Tấm làm nắp thì nhờ đề: Thọ sơn phúc hải, tấm bên cắm vào bè gỗ của anh ta thì đề: Lão thực đường⁽¹⁾ để ghi lại cái vinh hạnh của mình.

⁽¹⁾ Lão thực đường: nhà của người thật thà. (N.D).

Nhưng các vị học giả chỉ chịu viết cho mấy chữ: Thọ sơn phúc hải mà thôi.

III

Khi hai vị quan lớn này về đến Kinh, thì những nhân viên điều tra khác cũng đã lục tục trở về. Chỉ có ông Vũ là chưa về. Họ nghỉ ở nhà mấy ngày. Các đồng nghiệp ở Cục thủy lợi bày tiệc đón tiếp. Người đến dự chia làm ba hạng: Phúc, Lộc, Thọ, tối thiểu cũng phải đóng năm mươi vỏ sò lớn⁽¹⁾. Hôm ấy, thật là ngựa xe như nước. Chưa tối, chủ khách đều đã tề tựu. Giữa sân đốt đình liệu⁽²⁾ sáng rực. Mùi thơm của thịt bò trong vạc bay ra tận mũi các viên dưng sĩ, ai cũng đều nuốt nước miếng. Xong ba tuần rượu, các quan mới kể phong cảnh làng nước dọc đường. Hoa lau trắng xóa như tuyết, nước bùn óng ánh như vàng, lươn vàng béo ngậy, rong xanh trơn v.v... Ngà ngà say, các vị mới đem các thức ăn đã thu thập về ra, thứ nào cũng đựng trong những cái hộp tinh tế, nắp có đề chữ. Có cái viết

(1) Đời thượng cổ, dùng vỏ sò làm hóa tệ. Cuối đời Thanh, có phát hiện được ở Ân-Khư. (Tiểu Đôn, huyện An Dương, tỉnh Hà Nam) những vật bằng vỏ sò dùng thời nhà Ân (tức nhà Thương).

(2) Đình liệu là thuốc đốt giữa sân cho sáng. Thơ *Đình liệu*, thiên *Tiểu nhĩ*, *Kinh thi*. Khổng Dĩnh Đạt chú: "Đình liệu là bó thuốc lớn dựng giữa sân để chiếu sáng. Phép đời xưa làm đình liệu như thế nào chưa rõ, nhưng chủ yếu là lấy các vật bó lại với nhau. Nay (đời nhà Đường) thì dùng gỗ tùng, lau, tre, rồi tẩm dầu mỡ".

theo thể Phục Hy bát quái, có cái viết theo thể Thương Hiệt quý khốc⁽¹⁾. Mọi người chen nhau thưởng thức chữ viết, tranh luận đến nổi sắp đánh nhau, mới quyết định được tám có mấy chữ "Quốc thái dân an" là đẹp nhất. Bởi vì không những kiểu chữ chất phác, dễ đọc, có phong vị thuần hậu, cổ kính, mà lập ngôn cũng rất đặc thể, có thể đưa vào sử quán được.

Sau khi đã bình phẩm nghệ thuật đặc biệt của Trung Quốc, vấn đề văn hóa như thế có thể coi là xong. Bây giờ đến xét nội dung trong hộp. Mọi người đều khen thức ăn đóng thành bánh rất tinh xảo. Nhưng có lẽ các ngài uống rượu hơi nhiều, nên ý kiến khác nhau. Người ném khẩu bánh vỏ tùng thì hết sức khen, cho là thơm và tuyên bố ngày mai sẽ treo ấn từ quan, về ở ẩn, để hưởng cái phúc lành ấy. Người ném khẩu bánh là bách, thì chỉ chê là chất thô, vị đắng, tệ cả lưỡi. Nếu phải chia sẻ hoạn nạn với nhân dân mà như thế này, thì làm vua đã khó, mà làm tôi cũng chẳng dễ gì. Có mấy người nhẩy xô vào, định cướp các thứ bánh cao mà bọn kia đang ăn thử, nói nay mai mở cuộc triển lãm thu tiền vào cửa, những vật này đem ra trình bày, cần nhiều quá, sẽ không được đẹp mắt.

⁽¹⁾ Phục Hy, theo truyền thuyết Trung Quốc, là ông vua đời thượng cổ đặt ra bát quái. Thương Hiệt tương truyền là quan chép sử thời Hoàng đế, và là người đặt ra văn tự đầu tiên. Sách *Hoài nam tử* chép: "Ngày xưa Thương Hiệt làm sách, mà trời mưa thóc, quỷ đêm khóc".

Ở ngoài cổng cũng xông xao lên. Một đoàn người, trông như ăn mày, mặt mũi đen thui thúi, quần áo rách rưới vượt qua chỗ đường cấm, xô nhào vào trong Cục. Bọn vệ binh quát tháo, vung gươm sáng loà, chặn lại.

Một người gầy và cao đi đầu, chân tay thô thấp, nhìn trừng trừng, nói to:

- Sao? Nhìn cho rõ!

Bọn vệ binh định thần, nhìn qua bóng tối, rồi đứng nghiêm, kính cẩn giơ gươm, để họ đi vào, chỉ ngăn lại người đàn bà, mặc áo vải thô màu lam, tay bông con, hỗn hển đi sau cùng.

Bà ta đưa tay lau mồ hôi trán, ngạc nhiên hỏi:

- Sao? Các chú không nhận ra tôi là ai à?

- Bà Vũ, làm sao chúng cháu lại không nhận ra bà được!

- Thế thì sao không cho tôi vào?

- Thưa bà, năm vừa rồi không ra gì, cho nên từ năm nay phải sửa sang lại phong tục, chỉnh đốn lại nhân tâm, nam nữ phải cách biệt nhau. Bây giờ chẳng có nha môn nào để cho phụ nữ ra vào cả. Không phải chỉ nha môn này, và cũng không phải chỉ mình bà. Đó là lệnh trên, không nên trách chúng cháu.

Bà Vũ ngó người ra một lúc, rồi giương lông mày lên, vừa quay lui, vừa mắng:

- Đồ chết đâm chết chém đầu! Chạy như là chạy tang. Đi qua cửa mà không ghé thăm nhà một

tí⁽¹⁾, cứ đi thẳng. Làm quan, làm quan, làm quan cái cóc khô gì nào! Cứ xem ông bố đấy! Rồi cũng đến đi đây, rơi xuống đầm, biến thành trạch thôi!⁽²⁾ Đồ chết đầm chết chém, không chút lương tâm!

Lúc này, trong Cục cũng nhốn nháo lên. Thấy đoàn người lôi thôi rách rưới như thế đổ xô vào, ai nấy đều muốn chạy trốn. Đến khi trông thấy khí giới sáng loà, họ mới lại can đảm lên, gương mặt nhìn. Bọn kia đã đến gần. Nhưng đi đầu, tuy mặt mũi gầy đét và đen xì, nhưng xem tinh thần, cũng nhận ra được là ông Vũ. Còn lại tất nhiên là tùy tùng của ông ta.

Vì sợ nên mọi người cũng tỉnh rượu. Có tiếng quần áo sột soạt. Ai nấy lùi về phía sau. Ông Vũ bước thẳng lên chiếu, ngồi phía trên. Nhưng không biết vì ông ta kiêu ngạo, hay vì mắc phong hạc tất⁽³⁾, mà đầu gối không co lại, cặp giò cứ duỗi thẳng, bàn chân chống về phía các quan. Ông ta lại không mang tất, nên thấy chân đầy những chai, to như hạt dẻ. Bọn tùy tùng chia nhau ngồi hai bên.

⁽¹⁾ Về chuyện vua Vũ đi qua cửa không ghé thăm nhà, sách *Mạnh tử*, thiên *Đềng Văn Công*, chép: "Vua Vũ tám năm ở ngoài đi qua trước cửa nhà mình ba lần, không vào". Sách *Sử ký* cũng chép: (Vua Vũ) ở ngoài mười ba năm, đi qua cửa nhà mình không vào, làm việc suy nghĩ rất nhiều.

⁽²⁾ Tương truyền ông Cổn chết biến thành con trạch ba chân.

⁽³⁾ Hạc tất: bệnh phong ở gối. Sách *Thi tử* do Thi Hiệu, người nước Sở, thời Chiến quốc làm, có chép chuyện vua Vũ mắc bệnh thiên khô như sau: (Vua Vũ) đào sông khơi ngòi, mười năm không về thăm nhà, tay trơ cả móng, chân trụi cả lông, mắc bệnh "thiên khô", chân không bước được".

Một thuộc viên bạo gan, quỳ mà tiến lên một tí, cung kính hỏi:

- Bẩm đại nhân mới hồi Kinh hôm nay?

Ông Vũ không trả lời thẳng câu hỏi của y mà nói cùng mọi người:

- Các thầy ngồi xích lại đây. Điều tra thế nào rồi?

Bọn quan vừa quỳ mà tiến lên, vừa nhìn nhau, rồi ngồi sắp hàng dưới bàn tiệc đã tàn. Thấy những mẩu bánh vỏ từng cắn dở, và khúc xương gặm nhấm, họ rất lầy lăm khó chịu, nhưng lại không dám gọi đầu bếp thu dọn đi.

Cuối cùng, một vị lên tiếng:

- Bẩm đại nhân, tình hình không đến nỗi nào. Có cảm tưởng rất tốt. Vỏ từng, rong nước, kiếm được khá nhiều. Còn thức uống thì thừa thãi. Nhân dân rất thực thà. Họ sống quen đi như thế rồi. Bẩm đại nhân, họ đã có tiếng trên thế giới là giỏi chịu đựng.

Một vị khác nói:

- Bẩm chúng con đã định xong kế hoạch quyền tiền mở cuộc triển lãm các thực phẩm kỳ lạ. Đặc biệt có mời tiểu thư Nữ Ngõi⁽¹⁾ đến biểu diễn về thời

⁽¹⁾ Trong *Tả truyện*, phàm con gái rợ Dịch đều là họ Ngõi, Thúc Ngõi, Quý Ngõi v.v... Sách *Sử kí*, thiên *Sở thế gian* "Sách ẩn" Tư Mã Trinh đời Đường, dẫn: Bản thế nói: "Lục Chung lấy em gái Quý Phương, tên là Nữ Quý (Ngõi cũng viết là Quý)" Lại sách *Hung nô liệt truyện* chép: "Hung nô là con cháu họ Hạ Hậu". Hung nô là rợ Dịch thời Xuân thu.

Trong truyện này. Lỗ Tấn có lẽ đã căn cứ vào những điển tích trên mà đặt tên tiểu thư Nữ Ngõi.

trang. Chỉ bán vé thôi, và nói rõ sẽ không quyền tiền nữa. Như thế, người đến xem có thể đông hơn.

Ông Vũ hơi nghiêng mình về phía quan đó, nói:

- Hay lắm!

Vị thứ ba nói tiếp:

- Nhưng điều quan trọng nhất là phải có một số bè gỗ lớn đưa các nhà học giả lên vùng cao nguyên, mặt khác phải cho người đến nước Kỳ Quảng, nói cho họ biết rằng chúng ta tôn trọng văn hóa, nên chỉ cần hàng tháng họ tiếp tế đến đó cho là được rồi. Các vị học giả có làm một tờ trình ở đây, nói nghe cũng rất có lý. Họ nói văn hóa là mạch sống của một nước mà học giả là linh hồn của văn hóa. Văn hóa còn, thì Hoa Hạ còn. Tất cả những cái khác đều phụ.

Viên quan thứ nhất lại nói:

- Họ cho rằng Hoa Hạ nhân khẩu quá nhiều. Giảm bớt đi là phương pháp đưa lại hoà bình hay nhất⁽¹⁾. Huống chi, chúng nó chỉ là ngu dân. Chúng nó vui hay buồn không phải tinh vi như người trí giả tưởng tượng. Trị nhân luận sự, trước hết phải bằng chủ quan. Thí dụ Sếch-pa⁽²⁾...

"Thối lắm!"

⁽¹⁾ Giảm bớt nhân khẩu là luận điệu của một học giả và quan liêu thời bấy giờ. Thí dụ Trần Nguyên, tức Tây Oánh, trong một bài ở *Hiện đại bình luận*, viết:

Chúng ta chẳng những không cần tăng thêm nhân khẩu, mà có giảm đi một phần nữa cũng không hề gì".

⁽²⁾ Shakeaspeare: Nhà thơ vĩ đại nước Anh thế kỉ XIX.

Ông Vũ nghĩ như thế trong bụng, nhưng miệng lại nói to:

- Theo tôi điều tra, thì thấy rõ phương pháp "nhân" trước kia quả thật là sai, về sau, phải dùng phương pháp "đạo"⁽¹⁾. Ý kiến các thầy như thế nào?

Im lặng như trong nghĩa địa. Các quan mặt cũng nhợt ra như xác chết. Nhiều người cảm thấy ớn lạnh, ngày mai sẽ có lẽ phải cáo bệnh.

Một vị còn trẻ tuổi, dũng cảm, phản đối lại một cách nhẹ nhàng:

- Bẩm "đạo" là phương pháp của Xi Vưu!

Một vị đầu tóc bạc phơ, lúc này cảm thấy thiên hạ hưng vong là ở nơi miệng mình, nên cũng can đảm lên, không kể đến tính mạng, kiên quyết kháng nghị:

- Theo ngu ý, trộm nghĩ đại nhân nên thu hồi lệnh đó. "Nhân" là phương pháp của cụ Cố ngày trước. "Tam niên vô cải vụ phụ chí đạo, khả vị hiếu hĩ"⁽²⁾, cụ Cố về châu trời chưa được ba năm...

Ông Vũ làm thỉnh không nói gì.

Một vị tóc hoa râm, con nuôi người cậu ông Vũ, nói:

⁽¹⁾ "Nhân" là "ngăn chặn", phương pháp của ông Cổn dùng. Sách *Thương thư* chép: "Ta nghe ngày xưa ông Cổn chặn nước lụt.

"Đạo" là khai thông, phương pháp ông Vũ dùng. Sách *"Quốc ngữ"*, thiên *Chu ngữ*, chép: "Ông Bá Vũ nghĩ rằng trước làm sai, nên chỗ cao đắp cao thêm, chỗ thấp đào sâu thêm, khơi sông ngòi dẫn nước ứ đọng".

⁽²⁾ Lời nói của Khổng tử trong sách *Luận ngữ*, thiên *Học nhi*: "Ba năm không sửa đổi đạo cha, mới gọi là hiếu".

- Huống chi cụ Cố trước đã phí bao nhiêu tâm lực, mượn tức nhượng⁽¹⁾ của Thượng đế ngăn chặn hồng thủy, tuy làm cho Thượng đế tức giận, nhưng hồng thủy cũng có cạn đi được một ít. Có lẽ cứ nên theo thế mà tiến hành.

Ông Vũ vẫn làm thinh, không nói gì.

Một vị béo mập, thấy ông Vũ không nói gì, cho rằng đã chịu phục, bèn nói to, giọng khinh bạc, nhưng mồ hôi trán vẫn tháo ra ròng ròng.

- Tôi xem không gì bằng đại nhân nên sửa chữa sai lầm của cụ Cố ngày trước⁽²⁾. Theo gia pháp, vẫn hồi gia thanh. Có lẽ đại nhân chưa nghe người ta bàn tán thế nào nhỉ?

Vị đầu bạc sợ lão béo nói vậy, liền cướp lời:

- Nói tóm lại, "nhân" là phương pháp đã được thế giới công nhận là hay nhất. Còn những phương pháp khác gọi là modern⁽³⁾, thì ngày xưa chính Xi Vưu hồng vì nó.

⁽¹⁾ Tức nhượng, theo truyền thuyết, là một thứ đất có thể sinh sôi nảy nở thêm ra, không bao giờ hao mòn. Sách *Sơn Hải kinh* chép: "Hồng thủy ngập trời, ông Cỗ trộm tức nhượng của Thượng đế ngăn lại, không chờ Thượng đế cho phép. Thượng đế sai thần Chúc Dung (thần nước) giết Cỗ ở Vũ Giao": Quách hạn, cho nên có thể ngăn chặn hồng thủy".

⁽²⁾ Sách *Chu dịch* chép: "Có người con sửa chữa được sai lầm của cha thì cha khỏi bị tội". Vương Bật, người nước Ngụy đời Tam quốc, chú: "Làm được việc của cha, theo được phép tắc ngày xưa là làm hết trách nhiệm".

⁽³⁾ Nguyên văn phiên âm thành "ma đăng" nghĩa là mới, "tân thời".

Ông Vũ mỉm cười:

- Ta biết. Có người nói cha ta biến thành gấu vàng, có người nói biến thành trạch ba chân⁽¹⁾. Lại có người nói ta cầu danh cầu lợi. Ai nói gì thì cứ nói. Ta chỉ cần nói rằng ta đã điều tra tình hình núi đầm, trưng cầu ý kiến trăm họ, nên đã biết rõ thực tình, và đã có một chủ trương nhất định. Dù thế nào mặc lòng, không dùng phương pháp "đạo" không được. Những ông này đều tán thành chủ trương của ta.

Ông gio tay chỉ hai bên. Các quan đầu bạc, tóc hoa râm, mặt trắng, béo chảy mồ hôi, béo mà không chảy mồ hôi, nhìn theo tay ông chỉ, thấy một dây người, gầy đét và đen thui như ăn mày, ngồi im lặng, không nói, không cười, như đúc bằng sắt.

IV

Ông Vũ đi rồi, ngày tháng trôi qua rất nhanh. Chẳng bao lâu, cảnh kinh sư càng ngày càng thịnh. Trước hết, những người sang đã mặc áo lụa dài. Ít lâu sau, thấy trong các phố bán hoa quả, có bán quýt và bưởi. Phố bán tơ lụa có treo những tấm lụa thêu hoa. Trên bàn tiệc của những nhà giàu, có xì dầu hảo hạng, vây cá rán, hải sâm nấu canh. Ít lâu sau nữa, họ có đệm da gấu, áo choàng da cáo, mà các bà cũng đeo hoa tai vàng, xuyên bạc.

Cứ đứng trước cổng nhà cũng trông thấy nhiều

⁽¹⁾ Đó đều là những thần thoại về ông Cồn, có chép trong *Tả truyện, Sử ký*.

cái mới. Nay, một xe chở đầy mũi tên bằng trúc đến; mai, một xe chở đầy ván gỗ tùng. Có lúc chở đá lạ về xây non bộ, có lúc chở cá tươi về ăn gỏi. Có lúc chở về phía Hoàng thành một lô rùa lớn, dài thước hai, nhốt trong lồng tre, con nào con nấy đầu rụt lại.

Trẻ con trông thấy reo lên, chạy ra vây lấy xe.

- Mẹ ơi! Mẹ trông kia, rùa to quá!

- Đồ quý sứ! Cút ngay đi! Đó là của quý của ngài ngự. Coi chừng mất đầu đấy nhé!

Nhưng của quý đưa về kinh càng nhiều, thì tin tức về ông Vũ cũng càng lắm. Trước thềm nhà, dưới gốc cây, người ta kháo nhau về chuyện ông ta, nhất là chuyện ban đêm ông ta hoá thành gấu vàng⁽¹⁾, lấy mõm và móng chân hì hục khai chín con sông, rồi với binh tướng nhà trời bắt con yêu quái Vô Chi Kỷ đã làm nổi sóng nổi gió, đem giam dưới chân núi Quy Sơn⁽²⁾. Còn cụ Thuấn thì chẳng ai nhắc đến nữa, có

⁽¹⁾ Về truyền thuyết vua Vũ hoá thành gấu, sách *Dịch sử* của Mã Tú, đời Thanh, dẫn sách *Tùy sào tử*, chép "(Vũ) trị hồng thủy, thông núi Hoàn Viên, hoá thành gấu".

⁽²⁾ Về truyền thuyết vua Vũ bắt Vô Chi Kỷ, sách *Cổ nhạc đốc kính*, của Lý Công Tá, đời Đường, chép: "Vua Vũ trị thủy, ba lần đến núi Đồng Bá, gió nổi lên, trời sấm sét, đá reo, cây kêu. Ngũ Bá chắn sông, Thiên Lão giữ bình, không làm được, Vũ tức giận triệu tập trăm thần, tìm bắt Quỷ long, Thần núi Đồng Bá, cúi đầu chịu mệnh. (Vũ) bèn bắt quỷ thần ở chỗ nước xoáy sông Hoài, tên là Vô Chi Kỷ, giỏi ứng đối, phân biệt chỗ sâu chỗ cạn trên sông Hoài, nơi xa nơi gần ở đồng nội. Vô Chi Kỷ hình như vượn, mũi tẹt, trán cao, mình xanh, đầu bạc, mắt vàng, răng trắng, cổ ruỗi ra dài trăm thước, sức

chẳng thì nhắc đến việc thái tử Đan Chu tầm thường, không ra gì mà thôi⁽¹⁾. Tin ông Vũ sắp về kinh được đồn đại từ lâu.

Ngày nào cũng có người đứng ở cửa quan, ngóng xem nghi trượng của ông đã đến chưa. Nhưng chẳng thấy gì cả. Tin ngày càng đồn dập và cũng hình như càng chắc chắn. Thế rồi một buổi sáng không nắng cũng không mưa, ông Vũ vào đế đô của Ký Châu giữa làn sóng người. Phía trước chẳng có nghi trượng gì cả, chỉ có một số tùy tùng, tiêu tụy như ăn mày. Đi sau cùng là một người to lớn, tay chân thô tháp, mặt đen, râu vàng, chân vòng kiềng, hai tay bưng một phiến đá lớn, đen nhánh và nhọn. Đó là viên ngọc "huyền quê"⁽²⁾ cụ Thuấn tặng cho. Ông ta nói luôn miệng: "Tránh ra cho nhờ tí, tránh ra cho nhờ tí" và đi vào hoàng cung.

mạnh hơn chín voi, nhảy cao, chạy nhanh, nhẹ nhàng, chớp nhoáng, chỉ nghe nhìn thấy trong nháy mắt.... cổ choàng dây lớn, mũi đeo đá vàng, đem đến chân núi Quy Sơn, xứ Hoài Âm, để nước sông Hoài được yên lặng chảy ra bể (Xem *Đường, Tổng truyền kỳ tập* do Lỗ Tấn biên dịch).

⁽¹⁾ Đan Chu, con vua Nghiêu, sách xưa đều nói Đan Chu "bất tiếu" (không giống cha). Vì vậy Nghiêu không truyền ngôi cho mà lại truyền cho vua Thuấn.

⁽²⁾ Huyền quê: Quê là một vật bằng ngọc, đầu nhọn mà các chư hầu, đại phu cầm trong lúc tế tự hay lúc châu vua. Huyền là sắc đen. Sách *Thượng thư* chép: "Vũ được vua cho Huyền quê để báo cáo thành công với thiên hạ".

Sách *Sử ký*, thiên *Hạ bản ký*, cũng chép: "Thuấn cho Vũ ngọc huyền quê để báo cáo thành công với thiên hạ".

Trăm họ đứng ngoài cửa cung điện hoan hô, bàn tán, lao xao như sóng sông Triết Thủy.

Cụ Thuần ngồi trên ngai rồng. Cụ vốn đã có tuổi nên hơi mệt, và lúc này, hình như có điều gì lo lắng. Ông Vũ vừa vào thì cụ Thuần đứng dậy chào rất lễ phép. Ông Cao Dao nói mấy câu hủ tục, rồi cụ Thuần mới nói:

- Ông cũng phải nói vài lời cho hay, ta nghe nào?

Ông Vũ đáp lại cụt ngủn:

- Tôi biết nói gì bây giờ. Tôi chỉ biết hàng ngày hết sức cố gắng.

Ông Cao Dao hỏi:

- Thế nào gọi là "hết sức cố gắng?"

Ông Vũ nói:

- Hồng thủy ngập trời, mệnh mông bao bọc núi gò, nhân dân phải sống giữa nước. Tôi đi đường bộ thì ngồi xe, đi đường thủy thì ngồi thuyền, chỗ bùn lầy, có xe trượt, chỗ gập ghềnh, có kiện. Đến một ngọn núi, chặt một ít cây, rồi cùng ông Ích làm cho mọi người có cơm, có thịt ăn. Dẫn nước ruộng vào sông, dẫn nước sông ra biển, cùng ông Tác làm cho mọi người được ăn những vật hiếm có. Không đủ thì lấy chỗ thừa bỏ chỗ thiếu, hoặc dời đi chỗ khác. Lúc ấy, mọi người mới ổn định, các vùng mới ổn định, các vùng mới thịnh vượng.

Ông Cao Dao khen:

- Đúng! Đúng! Ông nói hay lắm.

Ông Vũ nói:

- Hừ, làm vua phải thận trọng, bình tĩnh. Ăn ở với Trời có lương tâm, thì Trời mới cư xử tốt với mình.

Cụ Thuấn thở dài, giao cho ông Vũ quản lý quốc gia đại sự, có ý kiến gì cứ nói thẳng, không được nói xấu sau lưng. Thấy ông Vũ bằng lòng, cụ Thuấn lại thở dài nói:

- Đừng như Đan Chu chẳng nghe lời, chỉ thích du đãng, muốn chống thuyền trên đất cạn, ở nhà thì lại làm đảo lộn cả lên, không tài nào chịu được. Ta xem chương tai gai mất lắm.

Ông Vũ trả lời:

- Tôi cưới vợ được bốn ngày thì đi. Để ra thẳng Khai, nhưng cũng xem như không có nó. Vì thế mà trị được hồng thủy. Tôi chia làm năm khu, có đến năm nghìn dặm, đặt thành mười hai châu, cho đến bờ biển, lập năm đầu lĩnh, đều tốt cả. Chỉ có Hữu Miêu là không tốt, ngài nên để ý.

Cụ Thuấn khen:

- Thiên hạ của ta hoàn toàn nhờ cậy vào công lao nhà ngươi.

Thế rồi, ông Cao Dao và cụ Thuấn cúi đầu, nghiêm trang chào. Bãi triều, cụ Thuấn liền ra một đạo lệnh đặc biệt, bảo trăm họ phải noi theo hành vi của ông Vũ, nếu không sẽ coi như phạm tội

Điều này trước hết khiến cho bọn thương nhân sợ hãi hết sức. Nhưng may, từ khi ông Vũ về Kinh, thái độ có thay đổi chút ít. Ăn uống không quan tâm

mấy, nhưng tế lễ và pháp sư thì làm hết sức dâng hoàng. Áo quần thế nào cũng được, nhưng ra triều, hoặc tiếp khách, thì phải mặc cho đẹp. Cho nên việc buôn bán vẫn như trước không bị ảnh hưởng mấy. Chẳng bao lâu, bọn thương nhân cũng đều noi theo hành vi của ông Vũ, và pháp lệnh mới của ông Cao cũng rất hay. Thế là, thiên hạ thái bình đến nỗi bách thú cũng đều biết nhảy múa. Chim phượng hoàng cũng bay đến góp vui⁽¹⁾.

11-1935

⁽¹⁾ Về cuộc hội đàm giữa Thuấn, Vũ và Cao Dao, sách *Sử ký chép*: "Vua Thuấn bảo ông Vũ: "Nhà ngươi cũng phải biết nói những câu cho hay". Ông Vũ lạy rồi nói: "Ôi! Tôi biết nói gì? Chỉ biết hàng ngày hết sức cố gắng". Ông Cao Dao hỏi vặn: "Thế nào gọi là hết sức cố gắng?". Ông Vũ nói: "Hong thủy ngập trời, cuộn cuộn mênh mông, tràn núi ngập cồn, nhân dân đều sống cực khổ trong cảnh lụt lội. Tôi đi trên đất cạn thì ngồi xe, đi dưới nước thì ngồi thuyền, đi trên bùn thì có xe trượt, đi trên núi thì có kiệu, xẻ núi đốn cây, cùng ông Ích làm cho mọi người cấy lúa mà ăn, đào chín con sông cho nước chảy ra bể, khai mương ngòi cho nước ruộng chảy ra sông, cùng với ông Tắc làm cho mọi người ăn những vật khó tìm. Dân chúng mới định, muôn nước mới yên". Ông Cao Dao nói: "Phải, ông nói như thế hay lắm!". Ông Vũ nói: "Ôi! Vua phải cẩn thận mà ở ngôi vua, yên ổn chỗ hành chỉ của vua, dùng người có đức giúp mình thì thiên hạ đều theo. Phải giữ ý mình cho trong trẻo chờ mệnh lệnh của Trời. Trời sẽ cho những điều lành". Vua Thuấn nói: "Ôi, các người, các người làm chân tay tai mắt cho ta. Ta muốn bên hữu bên tả đều có dân, các người giúp ta. Các người đừng nịnh hót, a dua trước mặt ta, lúc lui về, lại nói xấu ta". Ông Vũ nói "Phải". Vua

MỤC LỤC

* <i>Nhật ký người điên</i>	5
* <i>Khổng Ất Kỷ</i>	23
* <i>Thuốc</i>	33
* <i>Ngày mai</i>	48
* <i>Mẫu chuyện nhỏ</i>	59

Thuấn nói: "Đừng như Đan Chu, chỉ biết ham chơi, chỗ không nước mà muốn trèo thuyền, đem bạn bè về dâm loạn trong nhà, làm cho giới phải tuyệt diệt. Ta không dung thứ được". Ông Vũ nói: "Tôi ngày Tân nhâm cưới cô Đỗ Sơn làm vợ, ngày Quý giáp, sinh ra con là Khải, không lo đến con, vì thế mà trị thủy được. Tôi chia năm khu, đến năm nghìn dặm, chia 12 châu, đến tận bể. Đặt năm trưởng, ai cũng có công. Chỉ có Miêu ngoan cố. Vua nên để ý". Vua nói: "Nói là đức của ta nhưng là công của nhà ngươi sắp đặt ra vậy". Ông Cao Dao khi ấy kính trọng đức ông Vũ, ra lệnh cho dân đều phải theo phép của ông Vũ, ai không làm, bị tội. Đức vua Thuấn rất sáng. Khi ấy ông Quý làm ra nhạc, tổ tiên đến, các hậu nhường nhau, chim muông bay múa, nhạc tiêu thiếu tấu chín lần, chim phượng hoàng đến châu, trăm loài thú đều múa, trăm quan vui vẻ, tin tưởng.

Về cách ăn mặc của ông Vũ, sách *Luận ngữ*, thiên *Thái bá*, chép lời Khổng tử như sau: "Khổng tử nói: Vua Vũ thì ta không thể chê vào chỗ nào được. Ăn uống tầm thường, nhưng rất hiếu với quân thần. Áo mặc thường xấu xí, nhưng triều phục mũ xiêm rất đẹp. Nhà cửa ở thấp nhỏ, nhưng hết sức khỏi ngồi đào kênh".

* Chuyện cái đầu tóc	63
* Sóng gió	72
* Cố hương	86
* AQ chính truyện	102
* Tết Đoan Ngọ	183
* Luồng ánh sáng	197
* Thỏ và mèo	206
* Kịch vui về đàn vịt	214
* Hát tuồng ngày rước thần	219
* Lễ cầu phúc	237
* Trong quán rượu	266
* Một gia đình hạnh phúc	283
* Miếng xạ phòng	295
* Cây trường minh đăng	313
* Thị chúng	331
* Cao phu tử	339
* Con người cô độc	356
* Tiếc thương những ngày đã mất	392
* Ly hôn	426
* Luyện kiếm	442
* Phản đối chiến tranh	472
* Trị thủy	495

Lỗ Tấn

AQ. CHÍNH TRUYỆN

Trương Chính dịch



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội

Tel & Fax: 8.222.135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Phan Hách

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Phạm Sông Hồng

Biên tập: ***Phòng VHNN***

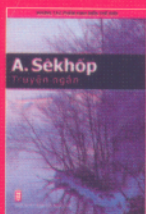
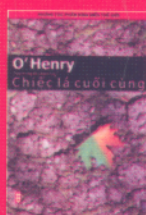
Trình bày bìa: ***STARBOOKS***

Sửa bản in: ***Kim Xuân***

In 700 cuốn (khổ 13 x 19 cm). Tại Công ty CP in Anh Việt.

Số đăng ký KHXB: 45 - 2007/ CXB/59 - 02/HNV.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2007.



LỖ TẤN

NHỮNG TÁC PHẨM
KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

AQ. chính truyện

những tp kinh điển - aq



1 007052 901698

62.000 VNĐ

GIÁ: 62.000Đ